

The New York Times Bestseller



nhà sách



NHÀ XUẤT BẢN  
THỜI ĐẠI

# KHÔNG CÓ NGÀY MAI

lee child

Không Có Ngày Mai

Lee Child



Khong co ngay mai - Lee Child

## Thông tin ebook:

Tên sách: Không Có Ngày Mai

Nguyên tác: Gone Tomorrow [Jack Reacher #13]

Tác giả: Lee Child

Dịch giả: Trần Quý Dương

Nhà xuất bản: Thời Đại

Công ty phát hành: Nhã Nam

Số trang: 464

Trọng lượng: 660 gram

Hình thức bìa: Mềm

Kích thước: 16 x 24 cm

Giá bìa: 98.000

Năm xuất bản: 2011

\*\*\*

Thực hiện ebook: Hoàng Liêm

Ngày hoàn thành: 27/02/2016

Nơi hoàn thành: Hà Nội

Nguồn: Smart Ebooks

<http://www.facebook.com/smartebooksvn>

*Ebook không mang tính chất thương mại, để chia sẻ tới các bạn yêu sách ở xa, hoặc không có điều kiện mua sách giấy. Trong điều kiện có thể bạn hãy mua sách để ủng hộ và tôn trọng nhà xuất bản.*

## Giới thiệu nội dung:

Jack Reacher, cựu quân nhân Mỹ, người hùng lang bạt, ngang tàng, nhân hậu, bất khả chiến bại, “giữa đường thấy sự bất bằng chẳng tha”, ngõ đâu đã bắt quả tang được một kẻ có âm mưu đánh bom liều chết tàu điện ngầm New York lúc đêm khuya. Kẻ này, trước nguy cơ bị Reacher lật mặt, liền tự sát.

Cảnh sát nhanh chóng kết luận về vụ việc và coi như hồ sơ khép lại. Nhưng với Reacher thì không. Có gì đó cứ day dứt tâm trí anh, một thứ trực cảm rằng sự thật đen tối hơn thế nhiều. Anh quyết tâm đi tìm sự thật đó, và cuộc truy tìm gian nan của anh rồi sẽ dẫn anh đến một bí mật khủng khiếp, điều bí mật mà, để ngăn không cho nó lộ ra ánh sáng, có kẻ sẵn sàng giết người, không chỉ một người...

“Vô cùng mạnh mẽ, thật không sao dứt ra nổi... Cuộc đời và hành trạng đầy bạo liệt của Jack Reacher được tái hiện tuyệt vời trong giọng văn lạnh và tiết chế của Child.”

- Irish Independent

## Giới thiệu tác giả:



Lee Child là tác giả của mười một cuốn truyện trinh thám về nhân vật Jack Reacher, bao gồm cả những cuốn bestseller của New York Times, “Persuader” (tạm dịch là Kẻ thuyết phục) và “The Enemy” (Kẻ thù). Tác phẩm đầu tiên của ông “Killing Floor” (Reacher Báo Thù) đoạt cả hai giải Anthony và Barry dành cho truyện trinh thám đầu tay hay nhất. Bản quyền nước ngoài trong loạt truyện Jack Reacher được bán ra ba mươi chín quốc gia. Child người gốc Anh, nguyên là nhà văn viết cho truyền hình, sống tại New York và ở đây đang viết cuốn truyện thứ mười hai về Jack Reacher. “Nothing to lose” (Không còn gì để mất). Website của tác giả là: [www.leechild.com](http://www.leechild.com).

# Mục Lục

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16



17

18

19

20

21

22

23

24

25

26

27

28

29

30

31

32

33

34

35

36

37

38

39

40

41

42

43

44

45

46

47

48

49

50

51

52

53

54

55

56

57

58

59

60

61

62

63

64

65

66

67

68

69

70

71

72

73

74

75

76

77

78

79

80

81

82

83

84

DÀNH TẶNG HAI EM DÂU LESLIE VÀ SALLY, HAI NGƯỜI  
PHỤ NỮ QUYẾN RŨ VÀ TỐT BỤNG HIẾM CÓ.

# 1

NHỮNG KẸ ĐÁNH BOM TỰ SÁT dễ bị phát hiện. Chúng bộc lộ mọi dấu hiệu rõ ràng. Chủ yếu vì chúng lo lắng. Theo định nghĩa thì tất cả chúng đều lần đầu làm việc đó.

Phản gián Israel đã viết cẩm nang về phòng vệ. Họ cho ta biết về những điểm cần phát hiện. Họ vận dụng quan sát thực tế và kiến thức tâm lý học để lập ra một danh sách các dấu hiệu hành vi. Tôi học được danh sách này từ một đại úy quân đội Israel cách đây hai mươi năm. Ông ta cực kỳ tin tưởng nó. Vì vậy tôi cũng tin, bởi khi ấy tôi đang thực hiện một nhiệm vụ độc lập trong ba tuần hầu như chỉ cách ông ta một bước chân ở chính đất Israel, ngay Jerusalem, ở Bờ Tây, tại Lebanon, đôi khi ở Syria, có lúc là Jordan, trên xe buýt, trong trung tâm mua sắm, trên vỉa hè ken đặc người. Mắt tôi liên tục đảo quét, óc lướt qua tất tậ các gạch đầu dòng.

Hai chục năm sau tôi vẫn nhớ danh sách đó. Và hai mắt tôi vẫn đảo quét. Thuần túy thói quen. Từ một số người nữa, tôi đã học được một câu thần chú khác: Hãy quan sát, đừng chỉ nhìn, hãy lắng nghe, đừng chỉ nghe thấy. Càng tập trung bao nhiêu, ta càng sống sót lâu bấy nhiêu.

Nếu ta quan sát một kẻ tình nghi là nam, danh sách sẽ gồm hai mươi điểm. Nếu là phụ nữ thì có mười một điểm. Sự khác biệt là lớp râu mới cạo. Những kẻ đánh bom là nam giới thường cạo bỏ bộ râu quai nón. Việc này giúp chúng lẩn vào đám đông. Làm cho chúng ít khả nghi hơn. Kết quả là phần da nửa dưới mặt nhợt hơn. Thời gian gần đây không tiếp xúc với ánh nắng.

Nhưng tôi không quan tâm đến chuyện cạo râu.

Tôi đang nghĩ về danh sách mười một điểm.

Tôi đang quan sát một phụ nữ.

Tôi đang đi tàu điện ngầm, ở thành phố New York. Tuyến số 6, từ đại lộ Lexington, chạy về trung tâm thành phố, lúc 2 giờ sáng. Tôi đã lên tàu ở phố Bleecker, từ góc Nam của nhà ga vào một toa trống chỉ có năm hành khách. Khi đây thì các toa tàu điện ngầm có cảm giác nhỏ và thân mật. Khi trống thì chúng có vẻ bao la hang hốc và trơ trọi. Ban đêm các bóng đèn trong toa có vẻ nóng và sáng hơn, mặc dù chúng cũng chính là bóng đèn được sử dụng vào ban ngày. Chúng là tất cả các bóng có ở đó. Tôi ngồi ườn trên băng ghế dành cho hai người ở phía Bắc cửa ra vào cuối cùng bên phía đường ray. Năm hành khách còn lại đều ở phía Nam so với tôi, trên các ghế dài, nhìn nghiêng, tạo thành hàng thẳng, cách xa nhau, chăm chăm vô hồn nhìn về phía đối diện, ba người phía bên trái và hai người bên phải.

Số toa xe là 7622. Một lần tôi đã ngồi chuyến tàu tuyến 6 chạy hết cả tám chặng cạnh một tay điên cứ nói về toa xe chúng tôi đang ngồi với sự hào hứng chẳng khác gì sự hào hứng mà hầu hết cánh đàn ông chỉ dành riêng cho đàn bà hay thể thao. Vì thế tôi biết rằng toa số 7622 là toa mẫu R142A, loại mới nhất trong hệ thống tàu điện ngầm New York, được đóng ở Kawasaki, Kobe, Nhật Bản, được chuyển đến bằng đường thủy, rồi thì xe tải chở tới sân ga ở phố 207, cầu lên đường ray, đẩy tới phố 180 chạy thử.

Tôi biết là nó có thể chạy hai trăm ngàn dặm<sup>[1]</sup> mà không cần phải chăm chút gì nhiều. Tôi biết hệ thống thông báo tự động của nó đưa ra hướng dẫn bằng giọng nam và cung cấp thông tin bằng giọng nữ, việc này họ nói là ngẫu nhiên thôi nhưng thực ra là bởi lãnh đạo ngành vận tải cho rằng phân công lao động như vậy về khía cạnh tâm lý là đáng thuyết phục. Tôi biết rằng các giọng này xuất phát từ kênh truyền hình Bloomberg, nhưng trước khi Mike<sup>[2]</sup> trở thành thị trưởng nhiều năm. Tôi biết rằng có sáu toa kiểu

R142A đang hoạt động và mỗi toa chỉ chồm dài hơn mười sáu mét và rộng hơn hai mét rưỡi chút xíu. Tôi biết rằng toa thông thường chúng tôi ngồi khi ấy và toa tôi ngồi lúc này được thiết kế để có thể chở tới đa bốn mươi người ngồi và tới đa một trăm bốn tám người đứng. Tay điện rô kia biết rõ tất cả những thông tin ấy. Tôi có thể tự thấy rằng ghế ngồi làm bằng nhựa xanh nước biển, cùng gam màu bầu trời cuối hè hay màu đồng phục Không quân Anh. Tôi có thể thấy rằng các tấm ốp tường được đúc từ sợi thủy tinh chống viết vẽ bậy. Tôi có thể thấy hai dải quảng cáo song song từ nơi các tấm ốp giao với trần toa chạy ra xa. Tôi có thể thấy những tấm poster vui nhộn chào hàng cho các chương trình truyền hình, dạy ngôn ngữ, các cơ hội kiếm bộn tiền hay lấy bằng đại học dễ dàng.

Tôi có thể thấy một bảng thông tin của cảnh sát đưa ra lời khuyên: Nếu bạn thấy gì đó, hãy nói gì đó.

Hành khách gần tôi nhất là một phụ nữ gốc Tây Ban Nha. Cô ta ngồi ở đầu kia toa tàu, bên trái tôi, chếch về phía hàng cửa đầu tiên, một mình trên hàng ghế dành cho tám người, xa hẳn phần giữa toa. Cô ta nhỏ bé, tầm ba mươi tới năm mươi tuổi, trông có vẻ rất nóng nực và rất mệt mỏi. Cô quần một chiếc túi siêu thị cũ rách quanh cổ tay, nhìn trân trân vào khoảng trống đối diện bằng hai mắt quá mỏi mệt đến mức chẳng nhìn thấy gì mấy.

Tiếp theo là một người đàn ông ở phía còn lại của toa, cách hơn một mét. Ông ta hoàn toàn cô độc trên băng ghế dành cho tám người. Có thể người này xuất thân từ vùng Balkan hoặc Biển Đen. Tóc sẫm màu, da nhẵn. Ông ta gân guốc, héo mòn vì công việc và thời tiết. Hai bàn chân ông như cắm rễ xuống sàn, người ngả về phía trước, hai cùi chỏ tì lên đầu gối. Không ngủ nhưng gần như vậy. Như thể đang hành động dang dở thì ngừng lại, ngưng đọng cùng thời gian, lắc lư cùng chuyển động của con tàu. Ông ta chừng năm mươi tuổi, mặc quần áo quá trẻ so với tuổi. Quần jean thùng thình chỉ chạm tới bắp chân, một chiếc áo sơ mi NBA<sup>[3]</sup> quá khổ in tên một tuyển thủ mà tôi không nhận ra.



Thứ ba là một phụ nữ có thể gốc Tây Phi. Cô ta ngồi bên trái, phía Nam cửa giữa toa. Mệt mỏi, chậm chạp, nước da đen của cô ta bị cái mệt và ánh đèn làm cho xám nhợt và bụi mốc. Cô mặc một chiếc váy đầy màu sắc bằng vải nhuộm tay, tóc quăn một mảnh khăn vuông hợp tông màu với váy. Hai mắt cô nhắm lại. Tôi biết khá rõ New York. Tôi tự gọi mình là công dân thế giới và New York là thủ đô của thế giới, thế nên tôi có thể hiểu về thành phố này như một người Anh biết về London hay một người Pháp biết về Paris. Tôi quen nhưng không thân với những thói quen của nó. Nhưng có thể dễ dàng đoán là bất kỳ ba người nào như thế mà ngồi trên chuyến tàu khuya tuyến 6 từ Nam Bleecker chạy về phía Bắc này thì đều là người lau dọn văn phòng trở về nhà sau khi kết thúc ca tối ở khu vực quanh Tòa Thị chính, hoặc là nhân viên nhà hàng làm ở khu Tàu hay Little Italy. Có thể họ hướng về Hunts Point ở quận Bronx, hoặc có thể ngược lên Pelham Bay, sửa soạn cho những giấc ngủ ngắn chập chờn trước khi bắt đầu thêm những ngày dài khác.

Hành khách thứ tư và thứ năm thì khác.

Người thứ năm là nam. Có lẽ ông ta trạc tuổi tôi, ngồi chéo bốn mươi lăm độ trên chiếc ghế dài dành cho hai người nằm chên chéch đối diện tôi, tận đầu kia toa. Ông ta mặc loại quần áo bình thường nhưng không rẻ tiền. Quần cô tông chéo, áo sơ mi đánh gôn. Người này tỉnh rụi. Hai mắt ông ta gắn chặt vào điểm nào đó trước mặt. Hai mắt thay đổi điểm tập trung và nhú lại liên tục, như thể ông ta đang cảnh giác và tính toán gì đó. Chúng khiến tôi nhớ tới mắt những người chơi bóng. Chúng chứa đựng sự khôn ngoan thận trọng có tính toán.

Nhưng hành khách số 4 mới là người tôi đang nhìn.

*Nếu bạn thấy gì đó, hãy nói gì đó.*

Người này ngồi ở phía bên phải toa tàu, hoàn toàn một mình trên băng ghế dành cho tám người, ở phía bên kia và tầm khoảng giữa người

phụ nữ Tây Phi kiệt sức và người đàn ông có đôi mắt người chơi bóng. Cô ta là người da trắng, chừng bốn mươi tuổi. Cô ta không có gì nổi trội. Cô có mái tóc đen, cắt gọn gàng nhưng không sành điệu mà lại đen tuyền từ đầu tới ngọn đến mức không tự nhiên. Cô mặc toàn đồ đen. Tôi có thể trông thấy cô khá rõ. Người đàn ông gần tôi nhất về phía bên phải vẫn đang ngò ngả về phía trước, khoảng trống hình chữ V giữa tấm lưng cong của ông và vách toa xe giúp cho góc nhìn của tôi không bị gì cản trở trừ một rùng tay nắm bằng thép không gỉ.

Không phải góc nhìn hoàn hảo, song đủ để gọi lại tất cả những gì quen thuộc từ danh sách mười một điểm. Các gạch đầu dòng sáng lên giống như những quả anh đào trên chiếc máy đánh bạc.

Xét theo quan điểm của phản gián Israel tôi đang nhìn vào một kẻ đánh bom cảm tử.

TÔI BÁC BỎ Ý NGHĨ ĐÓ NGAY LẬP TỨC. Không phải do chủng tộc. Phụ nữ da trắng cũng có khả năng điên rồ như bất kỳ kẻ nào khác. Tôi bỏ ý nghĩ đó vì tính bất hợp lý về mặt chiến thuật. Xác định thời gian không phù hợp. Tàu điện ngầm New York là mục tiêu tốt cho đánh bom cảm tử. Tuyến số 6 cũng sẽ là mục tiêu tốt như bất kỳ chuyến tàu nào khác, gần như là tốt nhất. Nó dừng ở ga Trung tâm. Tám chuyến buổi sáng, sáu chuyến đêm, một toa xe kín người, bốn mươi người ngồi, một trăm bốn tám người đứng, đợi cho tới khi các cánh cửa mở ra các sân ga chật cứng là liền bấm nút. Một trăm người chết, vài trăm bị thương nặng, tình trạng hoảng loạn, hạ tầng hư hại, có thể xảy ra hỏa hoạn, một nút giao thông quan trọng ngừng hoạt động vài ngày hoặc vài tuần và có thể không bao giờ được thực sự tin tưởng một lần nữa. Một thành tích đáng kể, cho những kẻ có đầu óc hoạt động theo những cơ chế mà chúng ta không thể nào hiểu nổi.

Nhưng không phải lúc hai giờ sáng.

Không phải với một toa xe chỉ chở sáu người. Không phải khi các sân của ga Trung tâm chỉ toàn rác rưởi vờ vắt vương và những chiếc cốc không cùng đâm người vô gia cư già nua trên các băng ghế dài.

Tàu dừng ở Astor Place. Những cánh cửa rít lên dịch mở. Không ai lên. Chẳng ai xuống. Những cánh cửa lại đóng sập cùng động cơ rên lên và con tàu chuyển mình.

Những gạch đầu dòng vẫn sáng.

Đầu tiên là một điều chẳng cần động não nhiều: quần áo không thích hợp. Đến nay thì đai quấn thuốc nổ được chế tạo không khác gì găng chơi bóng chày. Lấy một miếng vải bố dày kích thước 60 x 90 xăng ti mét, gấp một lượt theo chiều dọc, là ta đã có một cái túi rỗng từ đầu đến đuôi dài hơn ba chục xăng ti mét. Quấn cái túi đó quanh kẻ đánh bom, khâu lại phía sau lưng. Dùng khóa kéo hay khóa bấm thì nhờ đâu kẻ đánh bom lại thay đổi ý định. Cho nhiều thanh thuốc nổ dynamite vào cả túi, đầu dây, nhồi đinh hay bi kim loại vào các khoảng còn trống, khâu chặt phần trên cùng, cho thêm dây thô đeo quàng qua vai để đỡ trọng lượng túi. Thành phẩm sẽ hiệu quả, nhưng cũng sẽ công kềnh. Cách che giấu thực tế duy nhất là mặc quần áo rộng thùng thình như áo parka độn bông. Không bao giờ thích hợp ở vùng Trung Đông, còn ở New York thì khả dĩ sử dụng chỉ trong vòng ba trên mười hai tháng.

Nhưng bây giờ là tháng Chín, trời nóng như hè, dưới mặt đất còn cao hơn mười độ nữa. Tôi đang mặc áo phông. Hành khách số 4 đang mặc một chiếc áo khoác độn hiệu North Face, đen, phồng, bóng, hơi chút quá khổ và khóa kéo đến tận cằm.

*Nếu bạn thấy gì đó, hãy nói gì đó.*

Tôi bỏ qua nội dung thứ hai trong tổng số mười một điểm. Không thể áp dụng ngay lúc này. Nội dung thứ hai là: đi như robot. Có ý nghĩa quan trọng ở một điểm kiểm soát, nơi mua bán đông đúc hoặc ngoài nhà thờ hay giáo đường, song không áp dụng được với một kẻ tình nghi đang ngồi trên phương tiện giao thông công cộng. Những kẻ mang bom đi như robot không phải vì chúng tràn ngập phấn khích khi nghĩ đến hành vi tử đạo cao cả, mà vì chúng đang phải mang thêm trọng lượng gần hai chục ký thít vào vai chúng bằng các đai thô đeo qua vai, và vì chúng dùng ma túy. Sức hấp dẫn của sự tử đạo chỉ đi xa tới mức đó. Hầu hết kẻ mang bom là loại ngu đần bị khống chế, với một viên ma túy nhét vào giữa lợi và má. Chúng tôi biết điều này bởi các đai dynamite phát nổ với sóng xung kích đặc trưng hình chiếc bánh rán dội ngược lên bụng trong một phần tỷ giây và bút lia

đầu gọn ghẽ khỏi hai vai. Đầu con người đầu được bắt vít giữ chắc. Nó chỉ nằm ở đó nhờ trọng lực, một phần được giữ bởi da, cơ, gân và dây chằng, nhưng những mối níu sinh học mong manh đó không cần được bao nhiêu sức nổ mạnh xuất phát từ chất hóa học. Ông thầy người Israel bảo tôi rằng cách dễ nhất để xác định một vụ tấn công ngoài trời do một kẻ đánh bom tự sát thực hiện chứ không phải xe hơi hay túi chứa bom gây ra là rà soát trong bán kính hai mươi lăm đến hai mươi tám mét tìm một cái đầu người bị cắt lia, hầu như là nguyên xi đến lạ lùng không sút mẻ gì, kể cả viên ma túy trong má.

Tàu dừng ở quảng trường Union. Không ai lên. Chẳng ai xuống. Khí nóng từ sân ga bò vào đôi đầu với không khí từ máy điều hòa trong toa. Thế rồi những cánh cửa lại đóng lại và tàu tiếp tục chạy.

Các điểm từ 3 đến 6 là những biến đổi tùy từng đối tượng được quan sát: sự khó chịu, đổ mồ hôi, tật giật cơ, và hành vi lo lắng. Dù theo quan điểm của tôi thì việc đổ mồ hôi có khả năng do trời nóng quá mức cũng bằng như do thần kinh căng thẳng. Quần áo không thích hợp, thuốc nổ dynamite. Dynamite là bột gỗ nhúng nitroglycerine rồi đóng thành thanh có kích thước tương đương chiếc dùi cui. Bột gỗ là thứ cách nhiệt tốt. Vậy nên đổ mồ hôi là chuyện không tránh khỏi. Nhưng khó chịu, tật giật cơ và hành vi lo lắng là những biểu hiện đáng giá. Những kẻ đánh bom tự sát đang trải qua những khoảnh khắc kỳ quặc cuối cùng trong đời, lo lắng, sợ đau đớn, say vì ma túy. Theo định nghĩa thì chúng không tỉnh táo. Tin hoặc nửa tin hoặc không thực sự tin vào thiên đường, những dòng sông sữa và mật ngọt, những cánh đồng tươi tốt và các nàng trinh nữ, bị điều khiển bởi áp lực tư tưởng hay kỳ vọng của bè bạn hay gia đình chúng, đột ngột lún quá sâu và không thể rút chân ra. Phát biểu hùng hồn trong các cuộc họp kín là một chuyện. Hành động là chuyện khác. Vì thế mới dẫn tới cơn hoảng loạn bị kìm nén, với tất cả những dấu hiệu có thể nhìn thấy rõ.

Hành khách số 4 đang biểu hiện tất cả những dấu hiệu ấy. Cô ta trông hoàn toàn giống một phụ nữ đang hướng đến đoạn cuối của cuộc đời, cũng

chắc chắn và không thể khác như con tàu đang hướng đến cuối tuyến.

Vậy nên dẫn tới điểm thứ bảy: kiêu thử.

Cô ta đang thử mạnh, chậm và có kiểm soát. Hít vào, thở ra, hít vào, thở ra. Như kỹ thuật chế ngự cơn đau khi sinh nở, hoặc giống như kết quả của một cú sốc khủng khiếp, hoặc giống như rào cản tuyệt vọng cuối cùng ngăn lại tiếng hét chất chứa sự khiếp đảm, hoảng sợ và kinh hoàng.

*Hít vào, thở ra, hít vào, thở ra.*

Điểm thứ tám: những kẻ đánh bom tự sát chuẩn bị hành động hay nhìn chăm chăm về phía trước. Không ai biết vì sao, song bằng chứng do camera ghi lại và các nhân chứng sống sót đều có những tường thuật giống nhau. Những kẻ đánh bom nhìn chăm chăm về trước. Có lẽ chúng đã đẩy cam kết của mình gần đến đường cùng và chúng sợ sự can thiệp. Có khi, giống như trẻ em và chó, chúng cảm thấy rằng nếu chúng không nhìn ai thì sẽ không ai thấy chúng. Có lẽ chút lương tâm cuối cùng đồng nghĩa với việc chúng không thể nhìn những người chúng sắp hủy diệt. Không ai biết vì sao, nhưng tất cả chúng đều làm thế.

Hành khách số 4 đang làm như vậy. Đó là điều chắc chắn. Cô ta đang trừng trừng nhìn ô cửa sổ trống phía đối diện đến mức gần như khoan thủng một lỗ trên lớp kính.

Các điểm từ 1 đến 8, có đủ. Tôi chuyển mình ngả người về phía trước trên ghế.

Rồi tôi ngừng lại. Xét về chiến thuật ý nghĩ này thật lố bịch. Thời điểm không thích hợp.

Rồi tôi nhìn lại lần nữa. Và dịch chuyển lần nữa. Vì các điểm 9, 10, 11 đều xuất hiện và cũng đúng nữa, và chúng là những điểm quan trọng nhất.



ĐIỂM 9: LÂM RÀM CẦU KINH. Cho tới nay tất cả các vụ tấn công được biết tới đều được khơi nguồn, hay thúc đẩy, hay thông qua, hay khuyến dụ bởi tôn giáo, phần lớn đạo Hồi, và người theo đạo Hồi quen với việc cầu nguyện nơi công cộng. Các nhân chứng sống sót tường thuật lại các câu chú như công thức dài ngoằng được đọc từ đầu chí cuối và lặp đi lặp lại không ngắt, có hoặc không thành tiếng, nhưng có thể thấy môi mấp máy. Hành khách số 4 đang làm việc ấy thực sự. Dưới cái nhìn trừng trừng cố định, đôi môi cô ta mấp máy như đọc tràng thần chú dài, hỏn hển, có vẻ cứ khoảng hai mươi giây lại lặp lại một lần. Có lẽ cô ta đã đang tự giới thiệu mình với vị thánh thần nào đó mà cô ta mong được gặp phía bên kia ranh giới. Có khi cô ta đang cố tự thuyết phục mình rằng thực sự là có thánh thần, và ranh giới.

Tàu dừng ở phố 23. Cửa mở. Không ai xuống. Chẳng ai lên. Tôi trông thấy những tấm bảng chỉ lối ra màu đỏ phía trên sân ga: phố 22 và đại lộ Park, góc Đông Bắc, phố 23 và đại lộ Park, góc Đông Nam. Những dải vỉa hè khu Manhattan chẳng có gì nổi bật nhưng đột nhiên lại hấp dẫn.

Tôi ngồi yên trên ghế. Cửa khép lại. Con tàu tiếp tục chạy.

Điểm 10: một chiếc túi lớn.

Dynamite là chất nổ ổn định, miễn là thuốc mới chế. Nó không vô tình phát nổ. Nó cần được kích bằng kíp nổ. Các kíp nổ được quấn cùng dây kích nổ nối với nguồn điện và công tắc. Thiết bị kích nổ kiểu pít tông trong các phim cao bồi thời xưa gồm cả hai thứ này. Khi tay quay di chuyển,



trước tiên máy phát điện sẽ quay tương tự đĩa quay số của điện thoại kiểu cũ, rồi một công tắc sẽ nhả ra. Không phù hợp cho sử dụng cơ động. Để sử dụng cơ động, bạn cần có một cục pin, và để kích nổ một đai thuốc nổ dài xấp xỉ một mét, bạn cần có dòng điện tương đối. Pin AA nhỏ xíu chỉ phát ra dòng điện 1.5 vôn. Theo nguyên tắc phổ biến thì chừng đó không đủ. Pin mang điện thế 9 vôn thì tốt hơn, và để có hiệu quả kha khá thì bạn cần một cục pin cỡ lon xúp đóng hộp vuông vẫn dùng cho đèn pin loại mạnh. Cho vào túi quần túi áo thì quá to quá nặng, vì thế mới cần đến túi xách. Pin nằm dưới đáy túi, dây bò từ đó tới công tắc rồi chui qua một vết rạch kín đáo ở phía sau túi, và luôn dưới đường viền của thứ áo không phù hợp ấy.

Hành khách số 4 đang mang một chiếc túi đeo vai bằng vải bạt đen kiểu thành thị, dây đeo vắt từ một bên vai ra sau vai còn lại, rồi được kéo vào lòng cô ta. Nhìn kiểu vải cứng phùng ra và võng xuống là biết trong túi không có gì ngoài một vật nặng duy nhất.

Tàu dừng ở phố 28. Những cánh cửa xích mở. Không ai lên. Chẳng ai xuống. Những cánh cửa đóng lại và con tàu chuyển mình.

Điểm 11: hai tay đút trong túi.

Hai mươi năm trước, điểm 11 là nội dung mới bổ sung. Trước đó danh sách dừng ở điểm thứ mười. Nhưng mọi thứ đều tiến hóa. Hành động, rồi tới đối phó. Lực lượng an ninh Israel và một số công dân dũng cảm đã áp dụng một chiến thuật mới. Nếu sự nghi ngờ trong ta trỗi dậy, ta không bỏ chạy. Thực sự là chẳng ích gì. Ta không thể chạy nhanh hơn miếng bom. Điều ta làm thay cho chạy là liều mạng ôm cứng kẻ tình nghi. Ta ép hai tay kẻ đó dọc theo người chúng. Ta ngăn không cho chúng chạm vào nút bấm. Nhiều vụ tấn công đã được ngăn chặn bằng cách ấy. Nhiều sinh mạng được cứu thoát. Nhưng kẻ đánh bom cũng đã rút ra bài học. Bây giờ chúng được dạy luôn đặt ngón tay cái trên nút bấm, để vô hiệu hóa biện pháp ôm cứng. Nút bấm nằm trong túi, gần quả pin. Vì vậy, tay luôn để trong chiếc túi.

Hành khách số 4 thò cả hai tay vào trong túi. Nấp túi bị dồn lại và nhấn nhúm giữa hai cổ tay cô ta.

Tàu dừng ở phố 33. Những cánh cửa mở ra. Không ai xuống. Một hành khách cô độc trên sân ga ngần ngừ rồi bước sang phải và lên toa kế bên. Tôi quay người nhìn qua ô cửa sổ nhỏ phía sau đầu tôi và thấy cô ta chọn một ghế gần mình. Hai vách ngăn bằng thép không gỉ và khoảng nối giữa hai toa. Tôi muốn xua tay ra hiệu cho cô ta tránh đi. Có thể cô ta sẽ sống sót ở cuối đầu kia toa của mình. Nhưng tôi không làm thế. Hai mắt chúng tôi không gặp nhau, và dù thế nào cô ta cũng sẽ lờ tôi đi. Tôi biết New York. Những cử chỉ điên rồ trên một chuyến tàu khuya chẳng có chút gì đáng tin.

Những cánh cửa mở ra lâu hơn bình thường một chút. Trong một giây điên rồ, tôi nghĩ tới việc cố lừa mọi người ra ngoài. Nhưng tôi không làm thế. Hẳn sẽ là trò hề. Ngạc nhiên, không hiểu nổi, có lẽ cả rào cản ngôn ngữ. Tôi không chắc là mình biết từ *bom* trong tiếng Tây Ban Nha là gì. *Bomba*, chắc vậy chẳng. Hay từ đó nghĩa là bóng đèn? Một gã điên bô lô ba la về bóng đèn sẽ chẳng giúp được ai.

Không, bóng đèn là *bombilla*, tôi nghĩ.

Có lẽ thế.

Có thể thế.

Nhưng chắc chắn rằng tôi chẳng biết thứ ngôn ngữ vùng Balkan nào. Và tôi không biết thổ ngữ Tây Phi. Dù có thể người phụ nữ mặc váy nói tiếng Pháp. Một số nước Tây Phi thuộc khối Pháp ngữ. Mà tôi nói được tiếng Pháp. *Une bombe. La femme là-bas a une bombe sous son manteau. Người phụ nữ đằng kia có một quả bom giấu dưới áo khoác.* Người phụ nữ mặc váy có thể hiểu. Hoặc có thể cô ta hiểu được thông điệp ấy theo cách khác và cứ thế theo chúng tôi ra ngoài.

Nếu như cô ta tỉnh dậy đúng lúc. Nếu như cô ta mở hai mắt ra.

Cuối cùng tôi vẫn ngồi yên trên ghế.

Những cánh cửa đóng lại.

Tàu tiếp tục chạy.

Tôi chăm chăm nhìn hành khách số 4. Hình dung ra ngón tay cái xanh xao thanh mảnh của cô ta trên chiếc nút bấm bị che kín. Có lẽ nút bấm mua từ cửa hàng Radio Shack<sup>[4]</sup>. Một thiết bị điện vô tội, phục vụ một sở thích nào đó. Có lẽ tốn khoảng một đô rưỡi. Tôi hình dung một mớ dây lủng nhùng, màu đỏ và đen, quấn băng keo, uốn quăn và được kẹp lại. Một dây kích nổ dày, chạy ra khỏi túi, nhét dưới áo khoác cô ta, nối mười hai hoặc hai mươi kíp tạo thành hình một chiếc thang song song dài nguy hiểm chết người. Dòng điện di chuyển với tốc độ gần bằng tốc độ ánh sáng. Dynamite thì mạnh đến không tin nổi. Trong môi trường kín như toa xe điện ngầm, riêng sóng xung kích cũng đủ nghiền tất cả chúng tôi thành cám. Những chiếc đinh và các viên bi sẽ hoàn toàn phí phạm. Như đạn bắn vào kem. Sẽ có rất ít người trong số chúng tôi sống sót. Có lẽ thành những mảnh xương, to cỡ hạt nho. Có lẽ xương bàn đập và xương đe ở tai trong không suy suyển gì. Chúng là những xương nhỏ nhất trong cơ thể con người, vì vậy theo xác suất khả năng chúng bị đám mây vỏ bom nổ qua là cao nhất.

Tôi chăm chăm nhìn người phụ nữ. Không có cách nào tiếp cận cô ta. Tôi cách xa chín mét. Ngón cái cô ta đã đặt trên nút bấm. Những lá tiếp xúc bằng đồng dẹt có lẽ cách nhau một phần tám inch<sup>[5]</sup>, có lẽ khoảng trống nhỏ xíu ấy hơi giãn rộng ra rồi hẹp lại nhịp nhàng theo nhịp tim đập và bàn tay run run của cô ta.

Cô ta thuận tiện hành động, tôi thì không.

Con tàu dồn về phía trước, với bản hợp âm đặc trưng của nó. Tiếng rít của không khí trong đường hầm, tiếng va đập của các khớp nối bù dưới các rìa sắt, tiếng cọ giữa bộ gom dòng với đường ray, tiếng rên xiết của động

cơ, tiếng ken két tuần tự khi các toa xe tròn tránh bám theo nhau qua các khúc cua và vành bánh xe bám xuống đường ray.

Cô ta đang đi đâu? Tàu tuyến 6 chạy dưới những khu vực nào? Bom mang trong người có thể đánh sập một tòa nhà không? Tôi nghĩ là không. Vậy những đám đông nào vẫn tụ tập sau hai giờ sáng? Không nhiều. Có lẽ là các hộp đêm, nhưng chúng tôi đã bỏ hầu hết chúng lại phía sau lưng rồi, và kiểu gì cô ta cũng không thể bước chân qua thanh chắn cửa hộp đêm được.

Tôi chăm chăm nhìn cô ta.

Quá xoáy.

Người phụ nữ cảm nhận thấy cái nhìn ấy.

Cô ta xoay đầu, chậm chậm, nhẹ nhàng, như hành động được lập trình sẵn.

Cô ta chăm chặp nhìn lại tôi.

Mắt chúng tôi gặp nhau.

Mặt cô ta biến sắc.

*Cô ta biết rằng tôi đã biết.*

CHÚNG TÔI NHÌN THẰNG VÀO MẮT NHAU liên tục chừng mười giây. Đoạn tôi đứng dậy, gượng cưỡng lại sự di chuyển của con tàu rồi tiến một bước. Tôi có thể chết khi còn cách chín mét, chẳng cần phải bàn. Có tiến gần hơn tôi cũng chẳng thể chết hơn được. Tôi đi qua người phụ nữ gốc Tây Ban Nha phía bên trái. Tiến qua người đàn ông mặc sơ mi NBA phía bên phải. Qua người phụ nữ Tây Phi bên trái. Hai mắt cô ta vẫn nhắm. Tôi chuyển từ thanh năm này tới thanh năm kế tiếp, trái rồi phải, người lắc lư. Hành khách số 4 chăm chăm nhìn tôi suốt quãng đường ấy, sợ hãi, hồn hèn, lằm bằm. Hai tay cô ta vẫn để trong chiếc túi.

Tôi dừng lại cách cô ta non hai mét.

Tôi nói, “Tôi thực sự muốn là mình nhâm về chuyện này.”

Cô ta không trả lời. Hai môi cô ta mấp máy. Đôi tay cô ta dịch chuyển dưới lớp vải bạt đen dày. Vật to lớn trong chiếc túi của cô ta dịch chuyển một chút.

Tôi nói, “Tôi cần trông thấy hai bàn tay cô.”

Cô ta không nói gì.

“Tôi là cảnh sát,” tôi nói dối. “Tôi có thể giúp cô.”

Cô ta không nói gì.

Tôi nói, “Chúng ta có thể nói chuyện.”

Cô ta không nói gì.

Tôi buông những thanh nắm và thả hai tay dọc theo thân người. Việc đó khiến tôi trông nhỏ bé hơn. Ít vẻ đe dọa hơn. Chỉ là một gã đàn ông. Tôi đứng yên trong mức con tàu cho phép. Tôi không làm gì. Tôi chẳng có lựa chọn nào. Cô ta chỉ cần một phần nhỏ giây. Tôi thì cần nhiều hơn thế. Trừ một điều là hoàn toàn không có gì tôi có thể làm. Lẽ ra tôi có thể túm lấy cái túi và cố giằng nó khỏi tay người phụ nữ. Nhưng nó quán quanh người cô ta và cái quai là loại vải cô tông to bản dẹt chắc. Cùng loại dẹt như vòi cứu hỏa. Nó được giặt trước, làm cho cũ đi trước và làm cho nhàu sần, giống như người ta vẫn làm với các loại vải mới bây giờ, nhưng nó vẫn còn rất chắc. Hẳn rồi cuộc là tôi sẽ giặt cô ta khỏi ghế mà quẳng xuống sàn toa.

Trừ một điều là tôi sẽ không thể đến được chỗ nào gần cô ta. Cô ta sẽ ấn cái nút trước khi tay tôi đi được nửa quãng đường tới đó.

Lẽ ra tôi có thể cố giật cái túi lên trên và dùng tay còn lại vơ vào phía sau nó để giật dây kích nổ khỏi các điểm tiếp xúc. Trừ một điều là, để cô ta di chuyển dễ dàng, dây kích nổ sẽ dài hơn mức cần thiết, khiến tôi phải kéo cho đủ một vòng cung rộng tới sáu mươi phân trước khi gặp phải bất kỳ sự kháng cự nào. Đến khi ấy thì cô ta đã bấm nút xong, trừ phi bị sốc bất ngờ.

Lẽ ra tôi có thể túm áo khoác cô ta và cố giật vài sợi dây khác ra. Nhưng giữa tôi và lớp dây có những túi dày nhồi lông ngỗng. Và lớp ngoài áo bằng nylon trơn tuột. Không chạm được, không nắm được.

Không hy vọng gì.

Lẽ ra tôi có thể cố gắng không chế đối tượng. Đánh mạnh vào đầu cô ta, hạ gục cô ta, một cú đấm, chớp nhoáng. Nhưng dù có nhanh nhẹn như tôi bây giờ, một động tác di chuyển mau lẹ từ phạm vi dưới hai mét sẽ phải mất tới nửa giây. Còn cô ta phải di chuyển đầu ngón tay cái đi ba mi li mét.

Cô ta sẽ tới đích trước.

Tôi hỏi, “Tôi có thể ngồi xuống không? Cạnh cô ấy?”

Cô ta đáp, “Không, tránh xa tôi ra.”

Một chất giọng chung chung, không ngữ điệu. Không có âm sắc rõ ràng. Giọng Mỹ, nhưng cô ta có thể là người từ bất kỳ đâu. Nhìn gần thì cô ta không có vẻ thực sự hoang dại hay loạn trí, chỉ là cam chịu, u ám, sợ hãi, mệt mỏi. Cô ta nhìn lên tôi, cũng chăm chặp như này giờ nhìn ô cửa sổ trống phía đối diện. Cô ta trông hoàn toàn cảnh giác và tỉnh táo. Tôi cảm thấy mình bị soi tận chân tơ kẽ tóc. Tôi chẳng thể nhúc nhích. Tôi không thể làm gì cả.

“Muộn rồi,” tôi lên tiếng. “Cô nên đợi tới giờ cao điểm.”

Cô ta không nói gì.

“Sáu tiếng nữa,” tôi tiếp. “Khi ấy sẽ tốt hơn nhiều.”

Hai bàn tay cô ta nhúc nhích, bên trong chiếc túi.

Tôi nói, “Không phải lúc này.”

Cô ta không nói gì.

“Chỉ một thôi,” tôi nói. “Cho tôi nhìn thấy một bàn tay. Cô không cần đặt cả hai tay trong đó.”

Tàu đột ngột giảm tốc độ. Tôi loạng choạng lùi rồi lại tiến lên một bước, vói tay tới thanh nắm gần trần toa. Hai bàn tay tôi ẩm ướt. Thép có cảm giác nóng. Ga Trung tâm, tôi nghĩ. Nhưng không phải. Tôi liếc ra ngoài cửa sổ hy vọng trông thấy những bóng đèn và lớp gạch lát màu trắng nhưng chỉ thấy ánh sáng của một ngọn đèn xanh mờ. Chúng tôi đang dừng trong đường hầm. Để bảo trì, hoặc đánh tín hiệu xin đường.

Tôi quay lại.

“Cho tôi trông thấy một bàn tay,” tôi nói lần nữa.

Người phụ nữ không trả lời. Cô ta đang chăm chăm nhìn vào eo tôi. Khi hai tay giơ cao, áo phông của tôi bị kéo lên lộ rõ vết sẹo sâu ở bụng phía trên lưng quần. Lóp da trắng nổi lên, cứng và sần sùi. Những đường khâu lớn thô vụng, giống như một bức biếm họa. Sản phẩm của mảnh bom từ một vụ đánh bom bằng xe hơi ở Beirut cách đây đã lâu. Khi ấy tôi cách nơi xảy ra vụ nổ một trăm mét.

Giờ thì tôi cách người phụ nữ trên băng ghế gần hơn chín mươi tám mét so với hồi đó.

Cô ta vẫn chăm chăm nhìn. Hầu hết mọi người hỏi tôi đã dính vết sẹo đó như thế nào. Tôi không muốn cô ta hỏi. Tôi không muốn nói chuyện về bom. Không muốn nói với cô ta.

Tôi nói, “Cho tôi trông thấy một bàn tay.”

Cô ta hỏi, “Tại sao?”

“Cô không cần bỏ cả hai tay trong đó.”

“Vậy thì liên quan gì tới ông?”

“Tôi không biết,” tôi nói.

Tôi thực sự không biết mình đang làm gì. Tôi không phải một tay đàm phán giải cứu con tin. Tôi nói chỉ để nói. Đó không phải đặc điểm của tôi. Thường tôi là người rất ít lời.

Nếu tính xác suất thì rất ít khả năng tôi chết khi đang nói dở câu.

Có lẽ đó là lý do vì sao tôi đang nói.

Người phụ nữ cử động hai bàn tay. Tôi thấy cô ta siết chặt bàn tay phải vẫn để trong túi và từ từ rút tay trái ra. Bàn tay nhỏ, tái xanh, lờ mờ đường gân và mạch máu. Làn da của người trung tuổi. Những móng tay trơn, cắt ngắn. Không có chiếc nhẫn nào. Không chồng, không dính hôn đê



tiến tới lấy chồng. Cô ta lật bàn tay cho tôi xem phía bên kia. Lòng bàn tay trống trơn đỏ lên vì cô ta nóng.

“Cảm ơn,” tôi nói.

Người phụ nữ đặt úp bàn tay xuống ghé bên cạnh và cứ để ở đó, như thể nó chẳng liên quan gì tới những phần còn lại của cơ thể cô ta. Mà không liên quan thật, ngay tại thời điểm đó. Tàu dừng lại trong bóng tối. Tôi hạ hai bàn tay xuống. Gấu áo sơ mi của tôi tụt xuống vị trí cũ.

Tôi nói, “Giờ hãy cho tôi xem thứ trong túi.”

“Tại sao?”

“Tôi chỉ muốn trông thấy nó. Dù nó là gì.”

Cô ta không đáp lại.

Cô ta không cử động.

Tôi bảo, “Tôi sẽ không cố giành nó từ cô. Tôi hứa. Tôi chỉ muốn trông thấy nó. Tôi chắc là cô hiểu.”

Tàu lại tiếp tục chạy. Tăng tốc từ từ, không giật, tốc độ thấp. Chạy nhẹ nhàng vào ga. Lướt từ từ. Tôi nghĩ, có lẽ còn hai trăm mét.

Tôi nói, “Tôi nghĩ tôi có quyền ít ra là trông thấy nó. Cô không nhất trí à?”

Người phụ nữ nhăn mặt, như thể cô ta không hiểu.

Cô ta nói, “Tôi chẳng hiểu sao ông lại có quyền thấy nó.”

“Cô không hiểu à?”

“Không.”

“Vì ở đây tôi là người có liên quan. Và có lẽ tôi có thể kiểm tra xem nó được lắp đặt đúng cách hay chưa. Cho sau này thôi. Bởi cô cần thực hiện việc này sau. Chứ không phải lúc này.”

“Ông nói ông là cảnh sát.”

“Chúng ta có thể giải quyết vụ này,” tôi bảo. “Tôi có thể giúp cô.”

Tôi liếc qua vai mình. Con tàu đang bò đi. Ánh đèn sáng trắng phía trước. Tôi quay lại. Tay phải của người phụ nữ đang cử động. Cô ta xốc xốc, nắm lại chặt hơn và chậm chậm run rẩy rút ra khỏi túi, thật bất ngờ.

Tôi chú ý quan sát. Túi vướng vào cổ tay, cô ta dùng tay trái gỡ nó ra. Bàn tay phải cô ta thoát ra.

Không phải pin. Không phải dây nhợ. Không công tắc, không nút bấm, không pít tông.

Một thứ hoàn toàn khác.

NGƯỜI PHỤ NỮ CẦM TRONG TAY một khẩu súng. Cô ta chĩa thẳng nó vào người tôi. Chĩa thấp xuống, thẳng ngay tử huyệt, trên đường thẳng nối giữa hạ bộ và rốn tôi. Tất cả những bộ phận cần thiết đều ở khu vực đó. Nội tạng, xương sống, ruột, vô số động và tĩnh mạch. Khẩu súng là loại Ruger Speed-Six. Một khẩu súng lục ổ quay Magnum 357 ly cỡ to lớn, nòng ngắn khoảng mười phân, có khả năng đục một lỗ trên cơ thể tôi đủ lớn để thấy ánh sáng xuyên qua.

Nhưng chung quy thì tôi vui hơn nhiều so với một giây trước đó. Vì nhiều lý do. Bom giết chết nhiều người một lúc, súng giết từng người một. Bom không cần ngắm lấy đích, súng thì cần. Khẩu Speed-Six nặng đúng 0,9 kí lô khi nạp đầy đạn. Rất nặng so với khả năng kiểm soát của một cổ tay mỏng manh. Và những phát bắn của súng Magnum sinh ra lửa đầu nòng nóng bỏng và sức giật rất mạnh. Nếu đã từng sử dụng súng, người phụ nữ sẽ biết điều ấy. Cô ta sẽ gặp điều mà các tay súng gọi là phản xạ Magnum. Khoảng một phần nhỏ giây trước khi siết cò cánh tay cô ta sẽ siết chặt, hai mắt nhắm lại và đầu cô ta sẽ xoay đi hướng khác. Cô ta có khả năng bắn trượt tương đối cao, thậm chí khi chỉ cách chưa đầy hai mét. Hầu hết các khẩu súng ngắn đều trượt. Có lẽ không trượt ở trường bắn, khi có bộ chụp tai, bảo vệ mắt, có thời gian, có sự bình tĩnh và không có gì bị phương hại. Nhưng trong thế giới thực, với tình trạng hoảng loạn và căng thẳng, sự run rẩy và nhịp tim dồn dập, bắn súng ngắn là chuyện may rủi, may hoặc rủi. Của tôi và của cô ta.

Nếu bắn trượt, cô ta sẽ không thực hiện được đến phát thứ hai.

Tôi nói, “Bình tĩnh đi.” Chỉ để phát ra âm thanh. Ngón tay của cô ta đã tì đến trắng ộ cả xương trên cò súng, nhưng cô ta vẫn chưa siết nó. Speed-Six là loại súng ổ quay hãm phát một, nghĩa là nửa đầu động tác bóp cò sẽ kéo búa về phía sau làm xoay ổ đạn. Nửa sau thả búa ra làm súng nổ. Những hoạt động cơ khí phức tạp, làm mất thời gian. Không nhiều, nhưng cũng mất một chút. Tôi chăm chăm nhìn ngón tay người phụ nữ. Cảm nhận được người đàn ông có đôi mắt cầu thủ đang quan sát. Tôi đoán là lưng tôi đang che mắt góc nhìn từ đầu kia toa.

Tôi lên tiếng, “Cô không có gì mắc mớ với tôi, thưa cô. Cô thậm chí còn chẳng biết tôi. Hãy bỏ súng xuống mà nói chuyện nào.”

Cô ta không trả lời. Có lẽ cảm xúc gì đó vừa lướt qua gương mặt cô ta, song tôi đâu có đang nhìn mặt cô ta. Tôi đang quan sát ngón tay cô ta kia. Đó là bộ phận duy nhất trên cơ thể cô ta mà tôi chú ý. Và tôi đang tập trung vào những xung động truyền lên qua sàn toa. Đợi tàu dừng lại. Tay hành khách điên rồ từng đi cùng chuyến đã bảo tôi rằng mỗi toa kiểu R142A nặng ba mươi lăm tấn. Chúng có thể chạy với tốc độ sáu mươi hai dặm một giờ. Vì vậy phanh của chúng rất mạnh, quá mạnh nên không thể dừng cho êm ở tốc độ thấp. Không cách nào dừng cho êm. Chúng dồn lại, giật ngược và nghiêng ken két. Ở mét cuối cùng, những con tàu thường trượt đi với các bánh bị khóa cứng. Vì vậy mới có tiếng rít đặc trưng khi chúng dừng lại.

Tôi nghĩ điều đó cũng sẽ xảy ra ngay cả sau khi tàu chúng tôi bò chậm chạp. Nói thật là có khi còn hơn thế. Về bản chất khẩu súng là vật nặng ở đầu con lắc. Một cánh tay dài mảnh, gần một cân thép. Khi phanh ép vào, quán tính sẽ khiến mũi súng vênh lên. Hướng lên trên. Định luật Newton về chuyển động. Tôi đã sẵn sàng cưỡng lại đà của bản thân, đẩy các thanh nắm theo hướng ngược lại và nhảy về phía dưới. Nếu khẩu súng chỉ cần giật lên trên mười ba phân còn tôi giật lùi xuống mười ba phân thì tôi sẽ an toàn.

Có lẽ mười phân cũng được.

Hoặc mười một phân rưỡi, nói thế cho chắc chắn.

Người phụ nữ hỏi, “Ông dính vết sẹo ở đâu?”

Tôi không trả lời.

“Ông bị bắn vào bụng à?”

“Bom,” tôi nói.

Cô ta di chuyển đầu nòng súng, về phía trái cô ta và bên phải tôi. Cô ta nhắm vào chỗ vết sẹo bị viền áo che khuất.

Con tàu vẫn chạy. Vào ga. Cực kỳ chậm. Gằn ngang với đi bộ. Sân ga của Ga Trung tâm thật dài. Toa đầu tàu đang hướng tới tận cuối sân. Tôi đợi các phanh nghiền lại. Tôi nghĩ sẽ xuất hiện chút lắc lư có ích.

Chúng tôi không bao giờ đi tới điểm đó.

Nòng súng hướng trở lại vào chính giữa cơ thể tôi. Rồi nó di chuyển thẳng lên trên. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi tôi nghĩ người phụ nữ sắp đầu hàng. Nhưng nòng súng vẫn di chuyển tiếp. Người phụ nữ nâng cằm mình lên, như một cử chỉ đầy tự hào và bướng bỉnh. Cô ta kê đầu nòng súng vào phần thịt mềm phía dưới đó. Siết nửa vòng cò. Ổ đạn xoay và búa giật về phía sau qua lớp nylon trên áo khoác của cô ta.

Rồi người phụ nữ siết nốt nửa vòng cò còn lại và bắn vào đầu mình.

## 6

TRONG MỘT LÚC LÂU CỦA KHÔNG MỞ RA. Có lẽ ai đó đã dùng hệ thống đàm thoại nội bộ khẩn cấp hoặc trưởng tàu đã nghe thấy tiếng súng. Nhưng dù gì thì gì, hệ thống đã chuyển sang chế độ phong tỏa hoàn toàn. Chắc chắn người ta từng tập dượt về chuyện này rồi. Và quy trình đó rất hợp lý. Tốt nhất là nhốt tay súng điên cuồng trong một toa riêng lẻ, còn hơn để hắn chạy lung tung khắp thành phố.

Nhưng sự chờ đợi chẳng dễ chịu chút nào. Loại đạn Magnum 357 ly được phát minh năm 1935. Theo tiếng Latin, Magnum nghĩa là to lớn. Đạn nặng hơn, chứa nhiều thuốc phóng hơn. Về mặt kỹ thuật thì thuốc phóng không phát nổ. Nó chỉ bùng cháy, một quá trình phản ứng hóa học nằm giữa cháy và nổ. Ý tưởng là tạo ra một bong bóng khí nóng khổng lồ đẩy viên đạn dọc theo nòng súng, giống như chiếc lò xo bị nén. Thường thì khí theo viên đạn ra khỏi đầu nòng và đốt cháy oxy trong không khí gần đó. Vì vậy mới có ánh lửa đầu nòng. Nhưng với một phát bắn sát đầu như hành khách số 4 đã chọn, viên đạn tạo ra một lỗ trên da và khí nóng đẩy vào ngay sau đó. Khí nóng nổ rất mạnh ra dưới da và hoặc là tự mở cho mình một lối thoát qua miệng vết thương có hình ngôi sao, hoặc là thổi tung toàn bộ thịt da khỏi xương và lọt hết ra khỏi hộp sọ, như thể lọt ngược một quả chuối vậy.

Đó là điều xảy ra trong trường hợp này. Khuôn mặt của người phụ nữ bị xé thành những miếng thịt rách đầy máu lưng lẳng bám vào những mảnh xương giập nát. Viên đạn đi theo chiều thẳng đứng qua miệng cô ta và dồn toàn bộ động năng vô cùng lớn của nó vào sọ, áp suất tăng đột ngột tìm

cách thoát ra và tìm được điểm đó, nơi hộp sọ của cô ta khép kín vào từ thời còn nhỏ. Chúng một lần nữa bung ra và áp suất dán chặt ba hay bốn mảnh xương lớn lên khắp phần toa ở phía trên và sau người phụ nữ. Theo cách này hay cách khác, cơ bản đầu của người phụ nữ không còn tồn tại. Nhưng lớp sợi thủy tinh chống vết bắn đang thực hiện công việc của nó. Xương trắng, máu đỏ sẫm và các mô màu xám đang chảy dọc theo lớp bề mặt bóng, không bám dính, để lại đằng sau những vết nhỏ như vết sên bò. Cơ thể người phụ nữ đã đổ xuống thành một đồng trên băng ghế. Ngón trở tay phải vẫn móc trong vòng cò. Khẩu súng đã dội ngược ra khỏi đùi cô ta, rơi xuống nằm trên chiếc ghế bên cạnh.

Tiếng nổ của phát bắn vẫn dội trong hai tai tôi. Tôi có thể nghe thấy những tiếng động bị át đi từ phía sau. Tôi có thể ngửi thấy mùi máu của người phụ nữ. Tôi cúi người về trước kiểm tra cái túi của cô ta. Rỗng không. Tôi kéo khóa áo khoác cô ta, mở ra. Chẳng có gì hết. Chỉ có một chiếc áo cánh trắng bằng vải cô tông cùng mùi bài tiết hôi thối từ ruột và bọng đại.

Tôi tìm bảng liên lạc khẩn cấp liền tự gọi thẳng tới trưởng tàu. Tôi nói, “Tự sát bằng súng. Chỉ một toa duy nhất. Giờ thì mọi chuyện đã xong. Chúng tôi an toàn. Không có thêm mối đe dọa nào.” Tôi không muốn đợi tới khi NYPD<sup>[6]</sup> huy động các đội SWAT<sup>[7]</sup> và áo giáp chống đạn cùng súng trường xuất hiện hoàn toàn bí mật. Việc ấy có thể cần nhiều thời gian.

Tôi không nhận được câu trả lời từ trưởng tàu. Nhưng một phút sau giọng ông ta vang lên qua hệ thống phóng thanh của tàu. Ông ta nói: “Xin thông báo với hành khách rằng cửa sẽ tiếp tục đóng vài phút do có sự cố xảy ra.” Ông ta nói chậm rãi. Nghe như ông ta đang đọc chữ in ở một tấm bảng. Giọng ông ta run rẩy. Không hề giống chất giọng mượt mà của phát thanh viên hãng Bloomberg.

Tôi nhìn khắp toa xe lần cuối cùng và ngồi xuống cách cái xác không đầu chừng non mét, chờ đợi.

Chờ cho cảnh sát trong đời thực có mặt thì có khi đã đủ thời gian chiếu xong hết toàn bộ các tập phim truyền hình nói về cảnh sát rồi. Đã đủ thời gian lấy mẫu và phân tích xong ADN, tìm ra chứng cứ khớp, truy đuổi thủ phạm, bắt giữ, xét xử và tuyên án y rồi. Nhưng cuối cùng thì cũng có sáu sĩ quan từ cầu thang đi xuống. Họ đều đội mũ lưỡi trai, mặc vest và đều đã rút vũ khí. Các cảnh sát NYPD tuần tra ca đêm, có thể từ Đồn cảnh sát khu vực 14 trên phố 35 Tây, vùng Midtown South nổi tiếng. Họ chạy dọc theo sân ga và bắt đầu kiểm tra từ phía đầu đoàn tàu. Tôi đứng dậy lần nữa và theo dõi qua các ô cửa sổ bên trên các điểm nối toa, dọc theo toàn bộ chiều dài đoàn tàu, giống như nhòm vào một đường hầm dài bằng thép không gỉ được chiếu sáng. Càng xa càng khó nhìn, do bụi và những cặn xanh trong các lớp kính. Nhưng tôi có thể trông thấy các viên cảnh sát mở cửa lần lượt từng toa, kiểm tra, đảm bảo an toàn, đưa hành khách ra ngoài và vội vàng đẩy họ lên phố. Đây là chuyến tàu đêm ít người đi nên chẳng mấy chốc họ đến chỗ chúng tôi. Họ quan sát qua cửa sổ, trông thấy cái xác và khẩu súng nên làm động tác sẵn sàng. Cửa xích mở và họ tràn vào toa, mỗi cửa hai người. Tất cả chúng tôi đều giơ cả hai tay lên, như phản xạ vậy.

Mỗi cảnh sát chặn một lối ra còn ba người còn lại tiến thẳng về phía xác người phụ nữ. Họ dừng lại đứng cách chừng non hai mét. Không kiểm tra mạch hay bất kỳ dấu hiệu sự sống nào. Không đặt một miếng gương phía dưới mũi người phụ nữ xem cô ta còn thở không. Một phần vì rõ ràng là cô ta không thở, phần vì cô ta không còn mũi. Phần sụn đã bị thổi bay, để lại những miếng xương nhỏ lỏm chớm giữa nơi mà lúc này áp suất bên trong đã đẩy hai nhãn cầu cô ta phọt ra.

Một viên cảnh sát to lớn đeo cầu vai trung úy quay lại. Ông ta tái mặt một chút nhưng mặt khác vẫn thể hiện cung cách khá đĩnh đạc đường hoàng, như là chỉ thực hiện một công việc bình thường khác trong ca đêm. Ông ta hỏi, “Ai trông thấy sự việc xảy ra ở đây?”



Phía đầu toa im lặng. Người phụ nữ gốc Tây Ban Nha, người đàn ông mặc chiếc áo NBA, người phụ nữ châu Phi. Tất cả ngồi im thin thít không nói năng gì. Điểm thứ tám: nhìn chăm chăm về phía trước.

Tất cả đều đang thể hiện điều đó. *Nếu tôi không thể thấy anh, anh không thể thấy tôi.* Người đàn ông mặc áo sơ mi đánh gôn không nói gì. Thế nên tôi nói, “Cô ta lấy khẩu súng khỏi chiếc túi và tự bắn mình.”

“Chỉ thế thôi à?”

“Đại khái là vậy.”

“Tại sao?”

“Làm sao tôi biết được chứ?”

“Ở đâu và khi nào?”

“Trong lúc tàu chạy vào ga. Bất kỳ thời điểm nào trong khoảng ấy.”

Tay cảnh sát xử lý thông tin. Tự sát bằng súng. Tàu điện ngầm thuộc trách nhiệm của NYPD. Vùng giảm tốc độ nằm giữa phố 41 và phố 42 thuộc khu vực Đồn 14. Vụ này của ông ta. Không cần hỏi cũng biết. Ông ta gật đầu. Ông ta nói: “Được rồi, xin tất cả các vị ra khỏi toa và đợi trên sân ga. Chúng tôi sẽ cần lấy tên, địa chỉ và lời khai của các vị.”

Rồi ông ta bấm vào chiếc mic nhỏ gắn trên cổ áo và một âm thanh rẹt rẹt lớn đáp lại. Đến lượt ông ta trả lời bằng một chuỗi mã và số dài. Tôi đoán ông ta đang gọi nhân viên y tế và xe cứu thương. Sau đó sẽ là trách nhiệm người của ngành vận tải: tháo toa xe khỏi đoàn tàu, vệ sinh sạch sẽ và lên lịch cho nó trở lại đường ray. Không khó, tôi nghĩ. Còn rất nhiều thời gian trước khi tới giờ cao điểm buổi sáng.

Chúng tôi ra khỏi toa nhập vào một đám đông đang tụ trên sân ga. Cảnh sát giao thông, rồi thêm nhiều cảnh sát thường có mặt, nhân viên tàu

điện ngầm tụ tập xung quanh, người của Ga Trung tâm xuất hiện. Năm phút sau, một nhóm nhân viên y tế của Sở cứu hỏa New York cùng một chiếc cáng hồi hải chạy từ cầu thang xuống. Họ vượt qua rào chắn, bước lên tàu và toán cảnh sát đến tác nghiệp đầu tiên bước xuống. Tôi không thấy những gì diễn ra sau đó bởi các cảnh sát bắt đầu di chuyển trong đám đông, ngó quanh, sẵn sàng tìm từng hành khách một và đưa họ đi chỗ khác để thẩm vấn thêm. Viên trung úy to lớn tiến đến tôi. Tôi đã trả lời các câu hỏi của ông ta trên tàu. Vì vậy ông ta chọn tôi làm nhân vật đầu tiên. Viên cảnh sát đưa tôi vào sâu trong ga, cho tôi vào một căn phòng nóng nực lát gạch trắng nhờ nhờ có thể là nơi làm việc của cảnh sát giao thông. Ông ta bảo tôi ngồi xuống một mình trên chiếc ghế gỗ và hỏi tên tôi.

“Jack Reacher,” tôi đáp.

Ông ta ghi lại và không nói tiếp. Chỉ lượn lờ ở cửa mà quan sát tôi. Và chờ đợi. Đợi một thám tử xuất hiện, tôi đoán thế.

VIÊN THẨM TỬ XUẤT HIỆN LÀ NỮ, tới một mình. Cô mặc quần và áo sơ mi ngắn tay màu xám. Có thể bằng lụa, có thể là chất liệu nhân tạo. Nhưng dù là chất liệu nào thì cũng là chất vải bóng. Áo không bỏ trong quần, tôi đoán là đuôi áo đang che súng, còng số tám và bất cứ thứ gì khác cô mang theo. Sau lớp áo, cô nhỏ bé và mảnh mai. Phía trên áo sơ mi là mái tóc sẫm màu buộc túm về phía sau và khuôn mặt trái xoan nhỏ nhắn. Không mang đồ trang sức. Thậm chí không nhẫn cưới. Tuổi cô chừng gần bốn mươi. Có lẽ là bốn mươi. Một phụ nữ hấp dẫn. Tôi thấy thích cô ngay lập tức. Nữ thám tử trông thoải mái và thân thiện. Cô trưng phù hiệu thanh tra ra và đưa danh thiếp cho tôi. Trên đó ghi số điện thoại văn phòng và điện thoại di động của cô. Cả một địa chỉ thư điện tử do NYPD quản lý. Cô đọc to tên trên danh thiếp cho tôi nghe. Tên là Theresa Lee, chữ T và h phát âm một lượt, như *theme* hay *therapy*. Theresa. Cô không phải người châu Á. Có lẽ Lee là kết quả của một cuộc hôn nhân trước đây hoặc là phiên bản vùng đảo Ellis của tên Leigh, hoặc một cái tên khác dài hơn và phức tạp hơn. Hay có lẽ cô là hậu duệ của Robert E<sup>[8]</sup>.

Cô lên tiếng, “Ông có thể cho tôi biết chính xác điều gì đã xảy ra chứ?”

Cô nói nhẹ nhàng, đôi lông mày nhướn cùng giọng nói nghe rõ cả tiếng thở chứa đầy sự quan tâm chú ý, như thể mối lo chính của cô là sự căng thẳng hậu chấn động của chính tôi. *Ông có thể nói cho tôi không? Ông có thể không? Như là, ông có thể chịu nổi việc tái hiện nó không?* Tôi mỉm cười, thoáng thôi. Mỗi năm số vụ án mạng ở Midtown South sụt xuống chỉ

nằm ở mức một chữ số, và giả sử cô đã thụ lý toàn bộ số vụ đó kể từ ngày bắt đầu làm việc đi nữa thì tôi vẫn từng thấy nhiều xác chết hơn cô đã thấy. Gấp rất nhiều lần. Người phụ nữ trên tàu vừa rồi không phải trường hợp dễ nhìn nhất trong số đó, song còn khá hơn rất nhiều so với trường hợp khủng khiếp nhất.

Thế nên tôi nói cho cô nghe chính xác những gì đã diễn ra, toàn bộ từ phố Bleecker, hết toàn bộ bản danh sách mười một điểm, phương pháp thăm dò của tôi, đoạn hội thoại đứt quãng, khẩu súng, hành động tự sát.

Theresa Lee muốn nói về bản danh sách.

“Chúng tôi có một bản sao,” cô nói. “Đáng ra nó phải là tài liệu mật.”

“Nó đã tồn tại trên thế giới này hai mươi năm,” tôi nói. “Mọi người đều có một bản sao. Khó mà còn là bí mật nữa.”

“Ông đã xem nó ở đâu?”

“Ở Israel,” tôi nói. “Ngay sau khi nó được viết ra.”

“Xem như thế nào?”

Thế nên tôi điểm qua sơ yếu lý lịch của mình cho cô. Bản tóm lược. Bộ binh Hoa Kỳ, mười ba năm làm quân cảnh, đơn vị điều tra tinh nhuệ 110, hoạt động trên khắp thế giới, cộng thêm các nhiệm vụ riêng lẻ nơi này nơi kia, theo lệnh và khi có lệnh. Rồi đến sự sụp đổ của Liên Xô, phần công tức trả bằng hòa bình, ngân sách quốc phòng giảm đi, đột ngột bị cho giải ngũ.

“Sĩ quan hay lính nghĩa vụ?”

“Cấp bậc cuối cùng là thiếu tá,” tôi nói.

“Còn bây giờ?”

“Tôi đã nghỉ hưu.”

“Ông còn trẻ so với tuổi nghỉ hưu.”

“Tôi nghĩ là tôi nên tận hưởng sự về hưu khi còn có thể.”

“Và ông đang tận hưởng chứ?”

“Chưa bao giờ tuyệt hơn.”

“Lúc đêm nay ông đang làm gì? Khi ở dưới khu Village ấy?”

“Âm nhạc,” tôi nói. “Các câu lạc bộ nhạc blues ở Bleecker.”

“Và ông lên chuyến tàu tuyến 6 đi đâu?”

“Tôi đang kiếm một phòng ở đâu đó hoặc đến Port Authority để bắt xe buýt.”

“Đến đâu?”

“Bất kỳ đâu.”

“Một chuyến đi ngắn à?”

“Loại phù hợp nhất.”

“Ông sống ở đâu?”

“Chẳng đâu cả. Năm tháng của tôi là một chuyến đi ngắn tiếp sau một chuyến khác.”

“Hành lý của ông đâu?”

“Tôi không có hành lý.”

Hầu hết thám tử đều đặt thêm câu hỏi làm rõ vấn đề, nhưng Theresa Lee thì không. Thay vào đó hai mắt cô một lần nữa thay đổi điểm chú ý và cô lên tiếng: “Tôi không vui vì bản danh sách đã sai. Tôi nghĩ rằng nó phải

có tính chuẩn mực kia.” Cô nói gọn lỏn, giữa hai cảnh sát với nhau, như thể nghề cũ của tôi tạo sự khác biệt gì đó với cô vậy.

“Nó chỉ sai một nửa,” tôi nói. “Phản về tự sát vẫn đúng.”

“Tôi cho là thế,” nữ thám tử nói. “Những dấu hiệu sẽ như nhau, tôi cho là thế. Nhưng nó vẫn là sự khẳng định không chuẩn.”

“Vẫn tốt hơn phủ định không chuẩn.”

“Tôi cho là thế,” cô lại nói.

Tôi hỏi, “Chúng ta có biết cô ta là ai không?”

“Vẫn chưa. Nhưng chúng tôi sẽ tìm ra. Họ nói với tôi rằng tại hiện trường họ tìm thấy một số chìa khóa và một chiếc ví. Có thể chúng sẽ giúp xác định được. Nhưng có chuyện gì với cái áo khoác đông thế?”

Tôi nói: “Tôi không biết.”

Nữ thám tử im bặt, như thể cô hết sức thất vọng. Tôi nói, “Những chuyện này luôn là thứ liên tục phát triển, luôn luôn cần bổ sung cập nhật. Cá nhân tôi cho rằng chúng ta cũng nên bổ sung điểm thứ mười hai vào bản danh sách đối với nữ. Nếu một phụ nữ mang bom bỏ khăn choàng đầu thì sẽ có dấu hiệu là nước da rám nắng, giống như ở nam giới.”

“Ý kiến hay đấy,” nữ thám tử nói.

“Mà tôi có đọc một cuốn sách cho rằng phần về các trinh nữ là phần bị dịch sai. Từ không rõ nghĩa <sup>[9]</sup>. Nó xuất hiện trong một đoạn đầy những hình tượng thức ăn. Sữa và mật. Có lẽ nghĩa là nho khô. Căng mọng, có thể được tẩm mật hay đường.”

“Họ tự sát vì nho khô sao?”

“Tôi rất muốn trông thấy cái mặt họ.”

“Ông là nhà ngôn ngữ học à?”

“Tôi nói tiếng Anh,” tôi đáp. “Và tiếng Pháp. Và tại sao một phụ nữ đánh bom lại muốn giết các trinh nữ chứ? Có rất nhiều đoạn văn bản thánh tích bị dịch sai. Đặc biệt những chỗ nói tới các trinh nữ. Thậm chí ngay cả Kinh Tân ước, có lẽ thế. Một số người nói rằng Đức mẹ Mary là người sinh con lần đầu, thế thôi. Theo như tiếng Hebrew <sup>[10]</sup>. Không phải trinh nữ. Các tác giả ban đầu chắc sẽ bật cười khi thấy chúng ta diễn giải từ đó thành những gì.”

Theresa Lee không bình luận gì về chuyện đó. Thay vào đó cô hỏi, “Ông có ổn không?”

Tôi hiểu câu đó là có ý tìm hiểu xem tôi có bị sốc không. Để xem liệu có nên cho tôi đến chỗ tư vấn tâm lý không. Có thể nữ thám tử nghĩ tôi là một người làm lì lại đang nói quá nhiều. Nhưng tôi làm. Tôi nói. “Tôi ổn,” khiến cô trông hơi ngạc nhiên mà bảo, “Bản thân tôi sẽ thấy tiếc về phương pháp tiếp cận. Ở trên tàu ấy. Tôi nghĩ ông đã đẩy cô ta qua miệng vực. Qua thêm vài chặng dừng nữa thì có thể cô ta đã vượt qua được bất kì điều gì lúc ấy đang khiến cô ta đau khổ rồi.”

Sau đó chúng tôi ngồi im lặng chừng một phút rồi viên trung úy to lớn thò đầu vào gạt đầu làm hiệu cho Lee ra hành lang. Tôi nghe tiếng nói chuyện ngắn thắm thì rồi Lee trở vào bảo tôi đi lên phố 35 Tây với cô. Vào đồn cảnh sát khu vực.

Tôi hỏi, “Vì sao?”

Lee ngần ngừ.

“Quy định thủ tục thôi,” cô nói. “Để đánh máy lời khai của ông, để khép hồ sơ lại.”

“Tôi có quyền lựa chọn trong chuyện này không?”

“Đừng đòi hỏi tới mức ấy,” nữ thám tử nói. “Bản danh sách của Israel có liên quan đấy. Chúng tôi có thể gọi toàn bộ chuyện này là một vấn đề liên quan tới an ninh quốc gia. Ông là nhân chứng quan trọng, chúng tôi có thể quản thúc ông cho tới khi ông già và chết. Tốt hơn là nên thực hiện vai trò của một công dân tốt đi.”

Vậy nên tôi nhún vai và theo cô ra khỏi mê cung của Ga Trung tâm tới đại lộ Vanderbilt nơi cô đỗ xe. Đó là một chiếc Crown Victoria của Ford không sơn phù hiệu cảnh sát, méo mó bám đầy bụi nhưng vẫn chạy tốt. Xe đưa chúng tôi tới phố 35 Tây ngon ơ. Chúng tôi đi vào qua cánh cổng cũ to đùng rồi cô dẫn tôi lên gác vào một phòng thẩm vấn. Cô lùi lại đợi ở hành lang và để cho tôi vào trước. Rồi cô vẫn ở ngoài hành lang, khép cửa lại sau lưng tôi và khóa cửa từ bên ngoài.



HAI MƯƠI PHÚT SAU THERESA LEE trở lại bắt đầu một hồ sơ chính thức cùng một tay khác. Cô đặt tập hồ sơ lên bàn và giới thiệu người còn lại là cộng sự của cô. Cô nói tên anh ta là Docherty. Cô bảo rằng anh ta đã nghĩ ra một số câu hỏi lẽ ra phải được hỏi và trả lời ngay từ đầu. “Câu hỏi nào?” tôi hỏi.

Trước hết cô mời tôi dùng cà phê và hỏi tôi muốn đi vệ sinh không. Tôi nhận lời cả hai thứ. Docherty kèm tôi đi dọc theo hành lang và khi chúng tôi trở lại thì đã có ba chiếc cốc xếp trên bàn, cạnh tập hồ sơ. Hai cà phê, một trà. Tôi cầm cốc cà phê uống thử. Cũng được. Lee dùng trà. Docherty cầm lấy cốc cà phê thứ hai và nói, “Hãy thuật lại toàn bộ thêm lần nữa.”

Thế là tôi thuật lại, súc tích, chỉ nội dung chính, và Docherty hỏi hơi kỹ việc bản danh sách của Israel đã dẫn tới một khẳng định không chính xác như thế nào, đúng như cách Lee đã hỏi. Tôi trả lời anh ta đúng như đã trả lời Lee, rằng một khẳng định không chính xác vẫn hơn phủ định không chính xác, rằng nhìn nhận nó từ góc độ của người phụ nữ đã chết, cho dù khi ấy cô ta đang mãi tìm lối thoát cho một mình mình hay đang dự định kéo một đám đông theo mình thì cũng không làm thay đổi những dấu hiệu bản thân mà cô ta biểu hiện. Trong năm phút chúng tôi có bầu không khí học tập, ba người biết điều bàn về một hiện tượng thú vị.

Rồi tình hình thay đổi.

Docherty hỏi, “Ông cảm thấy thế nào?”

Tôi hỏi, “Về chuyện gì?”

“Lúc cô ta tự sát ấy.”

“Thấy mừng vì cô ta không giết tôi.”

Docherty nói, “Chúng tôi là thám tử điều tra án mạng. Chúng tôi phải quan tâm tới mọi cái chết có tính bạo lực. Ông hiểu điều đó, phải không? Tôi hỏi chỉ để đề phòng thôi.”

Tôi hỏi, “Đề phòng gì?”

“Đề phòng có nhiều hơn những gì chỉ nhìn thấy từ bề ngoài.”

“Chẳng có gì hơn cả. Cô ta tự bắn mình.”

“Đấy là ông nói.”

“Không ai có thể nói khác đi. Bởi đó là điều đã xảy ra.”

Docherty nói, “Luôn có những tình huống giả định khác.”

“Ông nghĩ thế sao?”

“Có thể ông đã bắn cô ta.”

Theresa Lee dành cho tôi cái nhìn thông cảm.

Tôi bảo, “Tôi không bắn.”

Docherty lại nói, “Có thể đó là súng của ông.”

Tôi nói, “Không phải. Đó là khẩu súng nặng hai pound. Tôi không có túi.”

“Ông là người to lớn. Quần rộng. Các túi rộng.”

Theresa Lee lại dành cho tôi thêm một cái nhìn thông cảm nữa. Như thể cô đang nói, *Tôi xin lỗi*.

Tôi nói, “Thế này là thế nào? Trò cảnh sát hiền, cảnh sát đàn độn à?”

Docherty nói, “Ông nghĩ tôi là cảnh sát đàn độn à?”

“Chính ông vừa chứng minh đó thôi. Nếu tôi bắn cô ta bằng khẩu Magnum 357 ly thì tôi sẽ còn vương lại vết thuốc súng lên tới tận khuỷu tay. Nhưng ông vừa đứng ngoài phòng vệ sinh nam trong lúc tôi rửa tay. Ông là đồ ba que xỏ lá. Ông đã không lấy dấu vân tay của tôi và cũng không thông báo cho tôi về quyền Miranda <sup>[11]</sup>. Ông đang tung hỏa mù.”

“Chúng tôi buộc phải chắc chắn.”

“VẬY CHUYÊN GIA GIÁM ĐỊNH Y KHOA NÓI GÌ?”

“Chúng tôi vẫn chưa biết.”

“CÓ CÁC NHÂN CHỨNG.”

Lee lắc đầu. “Không ích gì. Họ không trông thấy gì cả.”

“HỌ PHẢI NHÌN THẤY MỚI ĐÚNG.”

“Tầm nhìn của họ bị lung ông chặn mắt. Thêm vào đó là khi ấy họ không nhìn, rồi họ đang nửa tỉnh nửa mê, rồi họ không nói tiếng Anh mấy. Họ chẳng có gì để cung cấp. Cơ bản tôi nghĩ rằng họ muốn đi khỏi trước khi chúng tôi bắt đầu kiểm tra thẻ xanh <sup>[12]</sup>.”

“Thế còn tay kia? Ông ta ở phía trước tôi. Tay ấy tỉnh như sáo. Ông ta trông giống công dân Mỹ và là người nói tiếng Anh.”

“Tay kia nào?”

“Hành khách thứ năm. Quần cô tông chéo và áo sơ mi đánh gôn.”

Lee mở tập hồ sơ. Rồi lắc đầu. “Chỉ có bốn hành khách, cộng thêm người phụ nữ.”

LEE LẤY MỘT TỜ GIẤY khỏi tập hồ sơ, lật lại và đẩy ra giữa bàn. Trên đó là bản viết tay danh sách các nhân chứng. Bốn cái tên. Tên tôi, một người tên Rodriguez, một Frlujlov, một Mbele.

“Bốn hành khách,” cô nhắc lại.

Tôi nói, “Tôi là người ở trên tàu. Tôi có thể đếm. Tôi biết khi ấy có mấy hành khách.” Rồi tôi hình dung lại hiện trường trong đầu mình. Bước xuống tàu, chờ đợi trong đám đông nhỏ đi thơ thẩn xung quanh. Sự xuất hiện của nhóm nhân viên y tế. Các viên cảnh sát lần lượt bước xuống tàu, di chuyển trong đám đông, nắm lấy khuỷu tay từng người, đưa các nhân chứng tới các phòng riêng rẽ. Tôi bị viên trung úy to lớn tóm trước tiên. Không thể nói được là có bốn, hay chỉ có ba viên cảnh sát, đã theo sau chúng tôi.

Tôi nói, “Chắc chắn tay đó đã lĩnh mất.”

Docherty hỏi, “Ông ta là ai?”

“Chỉ là một gã đàn ông. Tinh táo, nhưng không có gì đặc biệt về ông ta. Tầm tuổi tôi, không phải loại nhà nghèo.”

“Ông ta và người phụ nữ có giao tiếp với nhau bằng bất kỳ hình thức nào không?”

“Tôi không trông thấy việc ấy.”

“Ông ta có bắt cô ta không?”

“Cô ta tự bắn mình.”

Docherty nhún vai. “Vậy thì ông ta chỉ là một nhân chứng bất đắc dĩ. Không muốn hồ sơ cho thấy rằng ông ta đang lượn lờ quanh vào lúc hai giờ sáng. Có lẽ đang dối vợ. Chuyện ấy lúc nào cũng có.”

“Ông ta chạy trốn. Nhưng ông lại bỏ qua ông ta và thay vào đó lại điều tra tôi hả?”

“Ông vừa mới khai rằng ông ta không liên quan đó thôi.”

“Tôi cũng không dính dáng gì hết.”

“Đấy là ông nói.”

“Ông tin điều tôi nói về tay kia chứ không tin điều tôi nói về chính tôi à?”

“Tại sao ông lại nói dối về tay đó được chứ?”

Tôi nói, “Thế này quả là phí thời gian.” Và sự thật là thế. Đó là sự lãng phí thời gian vụng về, ghê gớm đến mức tôi đột nhiên nhận ra rằng chuyện này không thật. Đó là sự dàn dựng. Tôi nhận ra rằng thực tế là Lee và Docherty đang ban một ân huệ nho nhỏ cho tôi, theo cái lối kỳ quặc của riêng họ.

*Nhiều hơn những gì chỉ nhìn thấy từ bên ngoài.*

Tôi nói, “Cô ta là ai?”

Docherty hỏi, “Tại sao cô ta cần là ai đó chứ?”

“Vì các ông kiểm tra nhân thân và máy tính sáng lên như thấp đèn vậy. Ai đó đã gọi cho các ông bảo ông giữ tôi cho tới khi họ tới đây. Các ông không muốn trong hồ sơ của tôi có lệnh bắt giữ nên các ông đang cầm chân tôi bằng tất cả những thứ vớ vẩn này.”

“Chúng tôi không quan tâm cụ thể tới hồ sơ của ông. Chúng tôi chỉ không muốn làm công việc liên quan tới giấy tờ.”

“Thế cô ta là ai?”

“Rõ ràng cô ta làm việc cho chính phủ. Một cơ quan liên bang đang trên đường tới thăm vấn ông. Chúng tôi không được phép nói đó là cơ quan nào.”

Họ khóa cửa giam tôi trong phòng. Không gian nơi đó chấp nhận được. Bụi, nóng, méo mó, không cửa sổ, những tấm cáo thị phòng ngừa tội phạm đã lạc hậu với thời gian treo trên các bức tường cùng mùi của mồ hôi, của lo lắng và cà phê cháy trong không khí. Cái bàn, ba chiếc ghế. Hai dành cho các thám tử, một dành cho nghi phạm. Ngày trước có thể nghi phạm bị tát lật cả mặt và bị đập đổ khỏi ghế. Có khi bây giờ vẫn thế. Thật khó mà nói chính xác điều gì xảy ra, trong một căn phòng không có cửa sổ.

Tôi thăm ước lượng khoảng thời gian bị trì hoãn. Đã khoảng một giờ trôi qua, kể từ cuộc nói chuyện thăm thì của Theresa Lee trong hành lang Ga Trung tâm. Nên tôi biết không phải là đám FBI<sup>[13]</sup> đến tìm tôi. Văn phòng trực chiến ở New York của họ là văn phòng lớn nhất nước Mỹ, đặt tại Tòa nhà Liên bang, gần Tòa Thị chính thành phố. Mười phút để phản ứng, mười phút để huy động một đội, mười phút để chạy lên mạn trên thành phố với xe lắp còi hú và đèn nháy. Nếu là FBI thì đã có mặt từ lâu rồi. Nhưng nếu thế thì còn lại một loạt cơ quan liên bang khác viết tắt bằng ba chữ cái. Tôi dám cá với bản thân rằng dù ai đang chạy đến tìm tôi thì đều cũng có hai chữ cái cuối cùng là IA trên phù hiệu của họ. CIA<sup>[14]</sup>. DIA<sup>[15]</sup>. Cục Tình báo Trung ương, Cục Tình báo Quân đội. Có thể các cơ quan khác mới thành lập gần đây và giờ vẫn giữ bí mật. Những cơn hoảng loạn lúc nửa đêm rất đặc trưng cho phong cách của họ.

Sau khi giờ thứ hai trôi qua, tôi nhận định rằng chắc hẳn họ đang trên đường từ DC<sup>[16]</sup> tới, thế nghĩa là một cơ quan đặc biệt cỡ nhỏ. Chứ bất kỳ cơ quan nào khác thì đều có văn phòng địa bàn tiện điều động hơn. Tôi ngừng phỏng đoán, đẩy ghế lại phía sau và gác hai chân lên bàn làm một giắc.

Tôi không biết chính xác họ là ai. Lúc ấy thì không. Họ sẽ không nói cho tôi biết. Lúc năm giờ sáng ba người đàn ông mặc com lê bước vào đánh thức tôi. Họ lịch sự và chuyên nghiệp. Quần áo của họ thuộc mức giá trung bình, sạch sẽ phẳng phiu. Giày đánh bóng loáng. Mắt họ sáng. Tóc họ ngắn, mới cắt tỉa. Gương mặt cả ba đều hồng hào tươi tỉnh. Cơ thể họ đậm nhưng cơ bắp. Trông có vẻ những người này có thể chạy bán marathon<sup>[17]</sup> mà chẳng hề hấn gì, nhưng cũng không vui vẻ gì. Ấn tượng đầu tiên của tôi là họ rời quân ngũ chưa lâu. Những nhân viên sĩ quan hiệu chiến, được săn đón và tuyển vào một tòa nhà xây bằng đá nào đó bên trong Beltway. Những người có niềm tin thực sự, thực hiện công việc quan trọng. Tôi yêu cầu cho xem thẻ, phù hiệu và giấy tờ ủy nhiệm, nhưng họ trích dẫn Luật Yêu nước<sup>[18]</sup> với tôi và nói rằng họ không bị buộc phải tiết lộ danh phận. Có lẽ đúng, và chắc chắn họ rất thích nói như thế. Tôi tính chuyện không chịu nói gì để trả đũa, song họ đã thấy tôi tính toán, nên bèn trích dẫn thêm vài điều của luật trên với tôi, làm cho tôi biết chắc rằng sẽ có một núi rắc rối chờ phía trước nếu tôi chọn cách ấy. Tôi chẳng sợ những rắc rối ấy là mấy, nhưng việc dây dưa với các cơ quan an ninh ngày nay là nên tránh triệt để. Chắc Franz Kafka và George Orwell hẳn sẽ cho tôi cùng một lời khuyên. Thế nên tôi nhún vai bảo họ cứ tiếp tục công việc, cứ đặt câu hỏi ra đi.

Những người này bắt đầu bằng việc nói rằng họ biết tôi từng phục vụ trong quân ngũ và rất tôn trọng điều ấy, nghĩa là một lời sáo rỗng hết sức vớ vẩn, hoặc những tay này muốn nói rằng bản thân họ mới được tuyển từ lực



lượng quân cảnh ra. Chẳng ai tôn trọng một quân cảnh trừ một quân cảnh khác. Rồi họ nói họ sẽ theo dõi tôi rất sát và sẽ biết tôi nói thật hay nói dối. Đó là điều hoàn toàn nhằm nhí, bởi chỉ những người giỏi nhất trong số chúng tôi mới có thể làm việc ấy, mà những tay này chẳng phải hàng giỏi nhất trong chúng tôi, bằng không họ đã giữ các vị trí rất quan trọng, nghĩa là ngay lúc này lẽ ra họ đang nằm nhà ngủ ngon lành ở một khu ngoại ô Virginia, chứ chẳng phải chạy tới chạy lui trên cao tốc I-95 giữa lúc đêm hôm.

Nhưng tôi chẳng có gì để che giấu, thế nên một lần nữa tôi bảo họ cứ tiếp tục.

Họ có ba vấn đề quan tâm. Một: Tôi có biết người phụ nữ tự sát trên tàu không? Trước đây tôi từng trông thấy cô ta hay không?

Tôi nói, “Không.” Ngắn gọn, mềm mỏng, nhẹ nhàng, nhưng quá quyết.

Họ không hỏi thêm gì nữa. Điều đó cho tôi biết sơ bộ những người này là ai và biết chính xác việc họ đang làm. Họ là đội hạng B của kẻ nào đó, được điều lên phía Bắc để bịt lại một cuộc điều tra mở. Họ đang xây tường quây kín, chôn vùi nó, dựng lên ranh giới cho một chuyện mà người ta mới chỉ hơi nghi ngờ không biết có nên bắt tay xem xét hay không. Họ muốn có câu trả lời phủ định đối với mọi câu hỏi đặt ra, để có thể khép hồ sơ và để vấn đề được yên ngủ. Họ muốn tuyệt đối không được có đầu mối sơ hở nào, và họ không muốn gây sự chú ý đối với vấn đề này bằng cách biến nó thành một trò ì xèo to tát. Họ muốn ra về với toàn bộ câu chuyện được lãng quên.

Câu hỏi thứ hai là: Tôi có biết một phụ nữ tên Lila Hoth không?

Tôi trả lời “Không,” bởi tôi không biết. Lúc ấy thì không biết.

Câu hỏi thứ ba là một cuộc nói chuyện kéo dài hơn. Tay chỉ huy khai mào. Tay đóng vai trò chính. Ông ta già hơn một chút và nhỏ người hơn

một chút so với hai tay còn lại. Có thể cũng khôn ngoan hơn một chút. Ông ta cất tiếng, “Ông đã tiếp cận người phụ nữ trên tàu.”

Tôi không đáp. Tôi có mặt ở đây để trả lời các câu hỏi, chứ không phải bình luận về các nhận định.

Tay này hỏi, “Ông đã đến gần chùng nào?”

“Non hai mét,” tôi nói. “Cỡ đó.”

“Có đủ gần để chạm vào cô ta không?”

“Không.”

“Giả sử ông vươn tay ra và cô ta cũng chìa tay ra thì hai người có thể chạm tay nhau chứ?”

“Có lẽ có,” tôi đáp.

“Đó là câu trả lời có hay không?”

“Đó là có lẽ. Tôi biết tay mình dài bao nhiêu. Tôi không biết tay cô ta dài chùng nào.”

“Cô ta có chuyện thứ gì cho ông không?”

“Không.”

“Ông có nhận gì từ cô ta không?”

“Không.”

“Ông có lấy gì từ cô ta sau khi cô ta chết không?”

“Không.”

“Có ai khác lấy không?”

“Tôi không trông thấy.”

“Ông có trông thấy gì rơi từ tay, túi hay quần áo của cô ta ra không?”

“Không.”

“Cô ta bảo gì ông không?”

“Không gì cụ thể.”

“Cô ta có nói với ai khác không?”

“Không.”

Tay này lại hỏi, “Phiền ông lộn các túi ra được không?”

Tôi nhún vai. Tôi chẳng có gì để giấu. Tôi lần lượt lộn từng túi và dồn các thứ lên chiếc bàn méo mó. Một xấp tiền gập vào cùng vài đồng xu. Hộ chiếu cũ của tôi. Thẻ ATM. Bàn chải đánh răng kiểu gập. Thẻ đi tàu điện ngầm đã đưa tôi lên tàu ngay từ đầu ấy. Và tám danh thiếp của Theresa Lee.

Tay cầm đầu dùng một ngón tay duy nhất đảo hết những thứ của tôi lên và gật đầu làm hiệu cho một trong hai tay chân của mình, tay này lại gần vỗ khắp người tôi để kiểm tra. Anh ta thực hiện công việc một cách bán chuyên nghiệp, không tìm được gì thêm và lắc đầu.

Tay chỉ huy nói, “Xin cảm ơn, ông Reacher.”

Rồi họ rời khỏi đó, cả ba, nhanh như khi vào. Tôi hơi ngạc nhiên, nhưng cũng thấy mừng. Tôi cho các thứ đồ của mình vào túi như cũ và đợi họ rời hẳn khỏi hành lang rồi mới bước ra. Nơi này yên ắng. Tôi trông thấy Theresa Lee ngồi ở bàn chẳng làm gì còn tay cộng sự Docherty của cô đang đưa một người đàn ông ngang qua phòng họp tới một ngăn làm việc tách biệt ở phía sau. Người này tầm bốn mươi tuổi, cỡ người trung bình và hết sức mệt mỏi. Ông ta mặc chiếc áo phông xám nhúm và chiếc quần thể thao dày màu đỏ. Ông ta đã ra khỏi nhà mà không chải tóc. Đó là điều rõ

ràng. Tóc màu xám và lia chia tứ tung. Theresa Lee thấy tôi nhìn liền nói, “Người nhà nạn nhân.”

“Của người phụ nữ à?”

Lee gật đầu. “Trong ví cô ấy có địa chỉ liên hệ. Đó là em cô ấy. Ông ấy cũng là cảnh sát. Một thành phố nhỏ ở New Jersey. Ông ấy đã chạy xe thẳng tới đây.”

“Tội nghiệp ông ta.”

“Tôi biết. Chúng tôi không yêu cầu ông ấy xác minh nhân dạng theo đúng quy định. Cô ấy nát bét mất rồi. Chúng tôi bảo ông ấy rằng phương án xử lý là một quan tài đóng kín. Ông ấy hiểu được thông điệp ấy.”

“Vậy cô chắc chắn đó là cô ta chứ?”

Lee gật đầu thêm lần nữa. “Dấu vân tay.”

“Cô ta là ai?”

“Tôi không được phép nói.”

“Tôi đã xong việc ở đây chưa?”

“Các nhân viên điều tra liên bang đã xong việc với ông chưa?”

“Chắc là rồi.”

“Thế thì chuẩn đi. Ông xong việc rồi.”

Tôi đi lên hết cầu thang thì Lee gọi với sau lưng. Cô nói, “Tôi không có ý gì khi nói đến việc đẩy cô ấy qua miệng vực đâu.”

“Có, cô đã có ý đó,” tôi nói. “Và có lẽ cô nói đúng.”

Tôi bước vào bầu không khí mát mẻ của buổi bình minh, rẽ trái sang phố 35 và hướng về phía Đông. *Ông xong việc rồi.* Nhưng không phải. Ngay góc phố đằng kia là bốn gã khác đang đợi nói chuyện với tôi. Cũng giống kiểu mấy tay lúc nãy, nhưng không phải người của liên bang. Những bộ com lê của họ quá đắt tiền.

THẾ GIỚI Ở ĐÂU CŨNG LÀ CẢ MỘT KHU RỪNG NHIỆT ĐỚI, nhưng New York là nơi tụ hội những điểm đặc trưng nhất của nó. Thứ gì có ích ở nơi khác thì có tầm quan trọng sống còn ở một thành phố lớn. Ta trông thấy bốn gã đàn ông tập trung ở một góc phố đợi mình, hoặc ta chẳng hề do dự chạy như ma đuổi theo hướng ngược lại, hoặc ta tiếp tục bước đi mà chẳng hề tăng hay giảm tốc hay thay đổi sai chân. Ta nhìn về phía trước với vẻ bình thản được tính toán kỹ, ta dò xét nét mặt của họ, ta nhìn đi nơi khác, cứ như thể ta đang nói *các anh chỉ có thể này thôi hả?*

Sự thật thì, chạy là lựa chọn khôn ngoan hơn. Trận đánh thắng lợi nhất là trận ta không phải tham gia. Nhưng tôi chưa bao giờ tự coi mình là kẻ khôn ngoan. Chỉ cứng đầu, và đôi khi nóng nảy. Một số kẻ đá chó đuổi mèo. Tôi thì tiếp tục bước.

Các bộ com lê đều có màu tím than và trông có vẻ xuất phát từ một loại cửa hiệu gắn biển mang một cái tên nước ngoài. Đám đàn ông trong những bộ trang phục này trông có vẻ giỏi giang. Như các NCO<sup>[19]</sup>. Am tường mọi đường đi nước bước trên thế giới, tự hào về khả năng hoàn thành công việc. Chắc chắn đám này từng là người của quân đội, hoặc từng là nhân viên thi hành pháp luật, hoặc cả hai. Đây là loại người đã tiến thêm một bước trên bảng lương và bước xa một bước khỏi mọi quy định và luật lệ, và coi rằng cả hai bước đó đều hữu ích như nhau.

Chúng tách thành hai cặp khi tôi vẫn còn cách bốn sai chân. Chừa đủ chỗ cho tôi bước qua nếu tôi muốn, nhưng gã bên trái nâng cả hai bàn tay

lên một chút mà vồ vào không khí, động tác biểu thị cả hai ý *Xin hãy dừng lại* và *Chúng tôi không có gì nguy hiểm*. Bước chân tiếp theo, tôi dành để quyết định. Ta không thể để mình lọt vào giữa bốn gã. Hoặc ta dừng lại sớm hoặc ta phóng qua. Vào thời điểm đó các lựa chọn của tôi vẫn để ngỏ. Dừng lại cũng dễ, mà đi tiếp cũng dễ. Nếu chúng khép lại khi tôi vẫn đang di chuyển thì chúng sẽ đổ gục như những quả ki bowling. Tôi nặng trên trăm một cân và di chuyển với tốc độ trên sáu kilômet một giờ. Chúng không nặng bằng, cũng không di chuyển nhanh bằng.

Còn hai bước nữa, gã cầm đầu lên tiếng, “Chúng ta nói chuyện được chứ?”

Tôi dừng bước. Hỏi, “Về chuyện gì?”

“Ông là nhân chứng, phải không?”

“Nhưng các ông là ai?”

Tay này trả lời bằng cách lật vạt trước áo ngoài, từ từ và không có chút gì đe dọa, cho tôi thấy chẳng có gì ngoài lớp lót xa tanh đỏ và một chiếc sơ mi. Không súng, không bao súng, không thắt lưng. Gã thò tay phải vào túi trong bên trái lấy ra một tấm danh thiếp. Rồi cúi người về trước đưa cho tôi. Đó là một thứ rẻ tiền. Dòng đầu ghi: *Công ty Sure & Certain* <sup>[20]</sup>. Dòng thứ hai ghi: *Bảo vệ, Điều tra, Can thiệp*. Dòng thứ ba ghi một số điện thoại, mã khu vực 212. Mã vùng Manhattan.

“Kinko’s <sup>[21]</sup> là nơi tuyệt vời,” tôi nói. “Phải không? Có khi tôi sẽ nhận được cả chín danh thiếp ghi John Smith, Vua thế giới.”

“Danh thiếp này là đồ thật đấy,” gã chỉ huy nói. “Và chúng tôi cũng là hợp pháp.”

“Các ông làm việc cho ai?”

“Chúng tôi không nói được.”

“Thế thì tôi không thể giúp các ông rồi.”

“Ông nói chuyện với chúng tôi vẫn tốt hơn nói với ông chủ chúng tôi. Chúng tôi có thể đảm bảo hành xử văn minh.”

“Giờ thì tôi thực sự sợ đấy.”

“Chỉ vài câu hỏi thôi. Chỉ có thế. Giúp cho chúng tôi. Chúng tôi chỉ là những người làm công, cố gắng được trả thù lao. Giống như ông.”

“Tôi không phải người làm công. Tôi là một quý ông nhàn nhã.”

“Thế thì cứ ngồi cạnh cao của ông và khinh thường chúng tôi để rồi hối hận nhé.”

“Những câu hỏi là gì?”

“Cô ta có trao gì cho ông không?”

“Ai?”

“Ông biết là ai. Ông có nhận gì từ cô ta không?”

“Và gì nữa? Câu hỏi tiếp theo là gì?”

“Cô ta có nói gì không?”

“Cô ta nói nhiều. Cô ta nói suốt chặng đường từ Bleecker đến ga Trung tâm.”

“Nói gì?”

“Tôi không nghe được nhiều.”

“Thông tin hả?”

“Tôi không nghe thấy.”



“Cô ta có nhắc tới những cái tên không?”

“Có thể đã nhắc.”

“Cô ta có nói đến cái tên Lila Hoth không?”

“Tôi không nghe thấy thứ đó.”

“Cô ta có nói John Sansom không?”

Tôi không đáp. Tay kia hỏi, “Thế nào?”

Tôi nói, “Tôi đã nghe cái tên này ở đâu đó.”

“Từ cô ta hả?”

“Không.”

“Cô ta có trao cho ông thứ gì không?”

“Thứ đó kiểu gì?”

“Bất kỳ thứ gì.”

“Cho tôi biết điều đó có gì khác nào.”

“Ông chủ chúng tôi muốn biết.”

“Bảo ông ta tự đến mà hỏi tôi.”

“Tốt hơn nên nói với chúng tôi.”

Tôi mỉm cười và tiếp tục bước, qua khoảng trống chúng đã tạo ra. Nhưng một trong những gã đứng bên phải bước sang một bên và gắng đẩy tôi trở lại. Tôi túm lấy cả vai và ngực rồi đẩy gã bắn ra. Gã lại tấn công tôi lần nữa, tôi dừng bước, dù trái dù phải rồi chuồi về phía sau gã và đẩy mạnh vào lưng gã khiến gã đâm bổ về phía trước tôi. Áo khoác của gã có một đường xẻ tà duy nhất ở giữa. May kiểu Pháp. Com lê kiểu Anh chuộng

hai đường xẻ ở hai bên còn kiểu Ý thì không xẻ đường nào. Tôi cúi xuống mỗi tay túm một đuôi áo và giật mạnh khiến đường may rách toạc dọc theo cả phần lưng. Rồi tôi xô mạnh gã này lần nữa. Gã nhào về phía trước và bỏ sang phải. Chiếc áo ngoài chỉ còn bám vào gã bằng phần cổ áo. Phía trước không có khuy, phía sau mở toang, trông hết như chiếc áo của bệnh nhân.

Rồi tôi chạy ba bước, dừng và ngoái lại. Cứ tiếp tục bước chậm chậm sẽ oai hơn nhiều nhưng cũng ngu ngốc hơn nhiều. Khởi phải bận tâm suy nghĩ là tốt rồi, nhưng sẵn sàng còn tốt hơn. Bốn tên bọn chúng đang rơi vào khoảnh khắc không biết quyết định ra sao. Chúng muốn túm tôi. Điều đó thì chắc rồi. Nhưng chúng đang ở trên phố 35 Tây vào lúc bình minh. Vào giờ này, gần như toàn bộ xe chạy trên đường là xe cảnh sát. Thế nên rốt cuộc chúng chỉ trừng trừng nhìn tôi và bỏ đi. Bốn tên băng qua phố 35 theo một hàng và đến góc phố thì đi về phía Nam.

*Ông xong việc rồi.*

Nhưng chưa. Tôi xoay người bỏ đi thì một người đàn ông bước ra khỏi đồn cảnh sát khu vực và đuổi theo tôi. Chiếc áo phong xám nhăn nhúm, chiếc quần thể thao dày màu đỏ, tóc màu xám lía chia tứ tung. Người nhà nạn nhân. Người em trai. Viên cảnh sát từ một thành phố nhỏ ở New Jersey. Anh ta bắt kịp tôi, túm chặt lấy khuỷu tay tôi như dính keo và nói với tôi rằng anh ta đã trông thấy tôi lúc còn trong kia và đoán tôi là nhân chứng. Rồi anh ta bảo tôi rằng chị gái mình không tự sát.

TÔI ĐƯA NGƯỜI ĐÀN ÔNG TỚI một quán cà phê trên đại lộ Tám. Cách đây đã lâu tôi được cử tới tham dự một hội thảo của lực lượng quân cảnh tổ chức ở Fort Rucker<sup>[22]</sup>, để học về sự nhạy cảm đối với những người mới bị mất người thân. Đôi khi quân cảnh phải chuyển tin dữ đến người thân. Chúng tôi gọi đó là các thông điệp chết chóc. Hồi ấy kỹ năng của tôi bị coi là chưa đủ. Tôi thường chỉ bước vào nhà và báo tin cho họ. Tôi nghĩ đó là bản chất của một thông điệp. Nhưng rõ ràng tôi đã sai. Thế nên tôi được cử tới Rucker. Tôi đã học được những điều hữu ích ở đó. Tôi học cách coi trọng cảm xúc. Trên hết tôi học được rằng các tiệm ăn, nhà hàng và quán cà phê là môi trường thích hợp để chuyển các tin xấu. Không khí chốn công cộng có thể hạn chế khả năng suy sụp, quá trình gọi đồ, chờ đợi và nhám nháp sẽ ngắt dòng thông tin theo lối khiến cho việc tiếp nhận nó được dễ dàng hơn.

Chúng tôi chọn một ô cạnh một tấm gương. Điều đó cũng có tác dụng trợ giúp. Anh có thể nhìn nhau qua gương. Mặt đối mặt, song không thực sự như vậy. Quán đầy chùng một nửa. Cảnh sát từ đồn khu vực tới, cảnh lái xe taxi trên đường tới các ga ra khu West Side. Chúng tôi gọi cà phê. Tôi cũng muốn gọi cả đồ ăn, nhưng tôi sẽ không ăn nếu anh ta không ăn. Như thế là thiếu tôn trọng. Anh ta bảo mình không đói. Tôi ngồi im lặng, chờ đợi. Để cho họ nói trước, các chuyên gia tâm lý ở Rucker đã bảo thế.

Người đàn ông nói với tôi anh ta là Jacob Mark. Nguyên thủy là Markakis thời ông nội anh ta, cái thời một cái tên Hy Lạp chẳng có ích cho ai, trừ phi người đó làm trong ngành ăn uống, mà ông của anh ta lại không

làm nghề đó. Ông anh ta làm trong ngành xây dựng. Vì thế mới đổi tên. Anh ta bảo tôi có thể gọi anh là Jake. Tôi bảo anh có thể gọi tôi là Reacher. Anh bảo tôi anh là cảnh sát. Tôi bảo rằng một thời tôi cũng đã là cảnh sát, trong quân đội. Anh nói rằng anh không có gia đình, sống một mình. Tôi bảo tôi cũng thế. Hãy thiết lập những điểm chung, các thầy ở Rucker đã dạy mà. Quan sát gần và bỏ qua sự lồi thối bên ngoài của anh ta, Mark là người chín chu. Anh có lớp vỏ hào nhoáng nhuộm sự mệt mỏi của cảnh sát, nhưng đằng sau đó là một người đàn ông bình thường sống ở ngoại ô. Nếu gặp một nhà hướng nghiệp khác thì có lẽ anh ta đã trở thành giáo viên dạy khoa học hay nha sĩ hay quản lý bán phụ tùng ô tô. Anh ngoài bốn mươi tuổi, tóc đã ngả gần hết sang màu xám, song gương mặt trông còn trẻ, không có nếp nhăn. Hai mắt anh màu sẫm, mở to và nhìn chăm chăm, nhưng đấy chỉ là tạm thời. Vài giờ trước, lúc đi ngủ, chắc chắn anh còn là một người đàn ông điển trai. Tôi thấy quý anh khi nhìn anh, và thương cho hoàn cảnh của anh.

Jake hít một hơi và bảo tôi rằng chị gái anh tên Susan Mark. Một thời tên Susan Molina, song đã ly dị nhiều năm và lấy lại tên thời con gái. Hiện sống một mình. Anh nói về chị gái bằng động từ thời hiện tại. Còn lâu anh ta mới chấp nhận nỗi thực tế.

Anh nói: “Không thể có chuyện chị ấy tự sát. Chỉ là không thể nào.”

Tôi nói: “Jake này, tôi đã ở đó.”

Nữ phục vụ mang cà phê tới và chúng tôi ngồi yên lặng một lúc nhâm nhi cà phê. Cho thời gian qua đi, để một chút sự thật nữa ngấm vào. Các chuyên gia tâm lý ở Rucker đã nói rõ: những người mới mất người thân có chỉ số IQ của chó săn Labrador. Thiếu tế nhị, bởi họ là người quân đội, nhưng lại chính xác, bởi họ là chuyên gia tâm lý.

Jake nói, “Vậy hãy nói cho tôi nghe chuyện đã xảy ra.”

Tôi hỏi, “Anh quê ở đâu?”

Anh nói tên một thành phố nhỏ ở Bắc New Jersey, nằm sâu trong phạm vi mạng lưới tàu điện ngầm của bang New York, đầy những người dùng phương tiện giao thông công cộng đi về làm việc trong ngày và các bà mẹ suốt ngày đưa đón con cái, giàu có, an toàn, thỏa mãn. Anh cho biết cơ quan cảnh sát được cấp ngân sách dư dả, trang bị tốt, nhìn chung là không thiếu nhân sự. Tôi hỏi anh xem cơ quan anh có một bản sao của bản danh sách Israel hay không. Anh ta bảo rằng sau vụ Tháp Đôi, mọi cơ quan cảnh sát ở đất nước này đều chìm ngập trong giấy tờ, mọi cảnh sát đều được yêu cầu học từng điểm một của mọi danh sách.

Tôi nói, “Chị gái anh hành động lạ lắm, Jake. Cô ấy thể hiện mọi dấu hiệu. Cô ấy trông giống như một kẻ đánh bom tự sát.”

“Vớ vẩn,” anh nói, đúng như một người em trai tốt cần nói.

“Rõ ràng là cô ấy không phải thế rồi,” tôi nói. “Nhưng nếu là tôi thì anh cũng sẽ nghĩ như vậy. Khi đã được đào tạo, anh sẽ phải nghĩ như thế.”

“Vậy thì bản danh sách nói nhiều về tự sát hơn là đánh bom.”

“Rõ ràng rồi.”

“Chị ấy không phải người không hạnh phúc.”

“Chắc chắn là có đấy.”

Anh ta không trả lời. Chúng tôi nhấp thêm chút cà phê nữa. Người ta đến và đi. Hóa đơn được thanh toán, tiền boa được để lại. Xe cô đồng dần trên đại lộ Tám.

Tôi nói, “Nói cho tôi nghe về cô ấy đi.”

Jake hỏi, “Chị ấy dùng súng kiểu gì?”

“Một khẩu Ruger Speed-Six cũ.”

“Súng của bố tôi. Chị ấy thừa kế khẩu đó.”

“Cô ấy sống ở đâu? Ở đây, trong thành phố à?”

Anh ta lắc đầu. “Annandale, Virginia.”

“Anh có biết là cô ấy lên trên này không?” Anh ta lại lắc đầu.

“Vì sao cô ấy tới đây?”

“Tôi không biết.”

“Sao cô ấy lại mặc một chiếc áo khoác mùa đông?”

“Tôi không biết.”

Tôi nói, “Một số nhân viên điều tra liên bang đã tới đặt câu hỏi với tôi. Rồi một số tay làm thuê gặp tôi, ngay trước khi anh gặp. Tất cả đều nói về một phụ nữ tên Lila Hoth. Anh đã bao giờ nghe thấy cái tên đó từ chị mình chưa?”

“Chưa.”

“Thế còn John Sansom?”

“Ông ta là một nghị sĩ bang North Carolina. Muốn trở thành thượng nghị sĩ. Một tay rất cứng rắn.”

Tôi gật đầu. Tôi lơ mờ nhớ. Mùa bầu cử đang tăng nhiệt. Tôi đã thấy những bài viết trên báo và phóng sự trên truyền hình. Sansom là một tay bước vào chính trường muộn, hiện là một ngôi sao đang lên. Ông ta được nhìn nhận là người cứng rắn, không khoan nhượng. Và đầy tham vọng. Ông ta đã kinh doanh thành công một thời gian và trước đó đã thành công trong quân đội. Ông ta ngầm nói tới sự nghiệp vinh quang trong Lực lượng Đặc biệt mà không cung cấp thông tin chi tiết. Sự nghiệp trong Lực lượng Đặc biệt là hữu ích cho mấy chuyện đó. Hầu hết những việc họ làm đều bí mật, hoặc có thể được gọi là bí mật.

Tôi hỏi, “Chị anh có bao giờ nhắc tới Sansom không?”

Anh đáp, “Tôi không nghĩ là từng nhắc.”

“Cô ấy có biết ông ta không?”

“Tôi không thể thấy làm thế nào chị ấy quen ông ta được.”

Tôi hỏi, “Cô ấy kiếm sống bằng nghề gì?”

Anh ta không nói cho tôi biết.

ANH TA KHÔNG CẦN PHẢI BẢO TÔI. Tôi đã biết nhiều thông tin đủ để đoán ra gần đúng. Những dấu vân tay của cô trong hồ sơ và ba nhân viên là cựu sĩ quan với gương mặt hồng hào kia học tốc chạy hết cả đường cao tốc tới gặp tôi nhưng lại ra đi chỉ sau vài phút. Thế tức là Susan Mark hẳn thuộc một đơn vị nào đó trong quân đội, nhưng không có vị trí cao. Và cô ta sống ở Annandale, Virginia. Theo như tôi nhớ thì nằm ở Tây Nam Arlington. Có khi đã thay đổi kê từ lần gần nhất tôi có mặt ở đó. Nhưng có lẽ vẫn là một nơi tốt để sống, và vẫn là tuyến đường tàu điện thuận lợi tới tòa nhà văn phòng lớn nhất thế giới. Đường 244, từ đầu nọ tới đầu kia.

“Cô ấy làm ở Lầu Năm góc,” tôi nói.

Jake bảo, “Chị ấy không được phép nói chuyện về công việc của mình.”

Tôi lắc đầu. “Nếu đó thực sự là bí mật, cô ấy đã nói với anh rằng cô ấy làm việc cho một cửa hàng Wal-Mart.”

Anh ta không trả lời.

Tôi nói: “Một thời tôi đã có phòng làm việc trong Lầu Năm góc. Tôi quen nơi đó. Không tin cứ thử kiểm tra.”

Jake ngừng một chút rồi nhún vai nói, “Susan là nhân viên dân sự. Nhưng chị ấy làm cho công việc nghe có vẻ thú vị. Chị tôi làm việc cho một cơ quan tên là CGUSAHRC. Chị ấy không bao giờ nói cho tôi nghe nhiều



về cơ quan này. Chị ấy làm như nơi đó cứ hề nhắc đến là phải thăm thì bí mật ấy. Giờ đây người ta không thể nói nhiều, sau vụ Tháp Đôi.”

“Đó không phải một cơ quan,” tôi nói. “Đó là một người. CGUSAHRC nghĩa là Commanding General, United States Army, Human Resources Command<sup>[23]</sup>. Và nó chẳng thú vị lắm đâu. Đó là một cơ quan về nhân sự. Công việc liên quan tới hồ sơ, giấy tờ.”

Jake không nói gì. Tôi nghĩ tôi đã làm anh phật ý, khi làm giảm tầm quan trọng công việc của chị gái anh. Có khi cuộc hội thảo ở Rucker chưa dạy đủ cho tôi. Có lẽ tôi đã phải chú ý nhiều hơn mới đúng. Im lặng kéo dài quá mức một chút và trở nên khó xử. Tôi hỏi, “Cô ấy có nói cho anh biết chút gì về nó không?”

“Không hẳn. Có lẽ chẳng có gì nhiều để kể.” Anh nói câu này với giọng lộ chút cay đắng, như thể chị gái mình bị bắt quả tang nói dối vậy.

Tôi nói: “Người ta tô vẽ mọi thứ, Jake. Đó là bản chất con người. Và thường thì việc đó không có gì hại cả. Có khi cô ấy chỉ muốn cạnh tranh, bởi anh là cảnh sát.”

“Chúng tôi không gần gũi với nhau.”

“Anh với cô ấy vẫn là người nhà mà.”

“Tôi đoán là thế.”

“Cô ấy có thích công việc không?”

“Có vẻ thích. Chắc hẳn việc đó hợp với chị ấy. Chị tôi có những kỹ năng hợp với một cơ quan làm về hồ sơ. Trí nhớ tuyệt vời, tỉ mỉ, rất có tính tổ chức. Chị ấy giỏi sử dụng máy tính.”

Sự yên lặng trở lại. Tôi lại bắt đầu nghĩ về Annadale. Một cộng đồng dễ chịu nhưng không có gì nổi bật. Cơ bản là một khu chung cư. Trong điều

kiện hiện tại thì nơi đó chỉ có một đặc điểm lớn.

Nó cách rất xa thành phố New York.

*Chị ấy không phải người không hạnh phúc.*

Jake lên tiếng, “Gì vậy?”

Tôi đáp, “Không có gì. Không liên quan đến chuyện của tôi.”

“Nhưng cái gì chứ?”

“Chỉ suy nghĩ thôi.”

“Về chuyện gì?”

*Nhiều hơn những gì chỉ nhìn thấy từ bên ngoài.*

Tôi hỏi. “Anh làm cảnh sát được bao lâu rồi?”

“Mười tám năm.”

“Ở yên một nơi cả à?”

“Tôi huấn luyện trong với cảnh sát địa phương. Sau đó tôi chuyển. Như một hệ thống nông trang vậy.”

“Anh từng thấy nhiều vụ tự sát ở Jersey chưa?”

“Một đến hai vụ mỗi năm, có lẽ thế.”

“Có ai thấy những vụ ấy chuẩn bị diễn ra không?”

“Không hẳn. Thường những vụ đó diễn ra rất bất ngờ.”

“Như vụ này.”

“Đúng thế.”

“Nhưng sau mỗi vụ hẳn phải có lý do nào đó.”

“Luôn thế. Tài chính, tình dục, một việc khôn nạn nào đây chuẩn bị vỡ lở.”

“Thế là chắc chắn chị anh đã phải có một lý do.”

“Tôi không biết là gì.”

Tôi một lần nữa im lặng. Jake nói, “Nói ra đi. Cho tôi biết.”

“Không phải trách nhiệm của tôi.”

“Anh từng là cảnh sát,” anh nói. “Anh đang thấy điều gì đó.”

Tôi gật đầu và nói, “Tôi đoán là trong số những vụ tự sát anh từng biết, có lẽ bảy trong số mười vụ diễn ra ở nhà, ba vụ còn lại thì họ đánh xe tới một đoạn đường nội hạt địa phương và giật van xả khí là xong.”

“Ít nhiều như thế.”

“Nhưng luôn ở một nơi nào đó quen thuộc. Nơi nào đó cô độc và yên tĩnh. Luôn là một dạng đích đến. Anh đến đó, anh trấn tĩnh bản thân, anh hành động.”

“Anh đang nói gì thế?”

“Tôi đang nói rằng tôi chưa bao giờ nghe nói về một vụ tự sát mà người ta di chuyển khỏi nhà vài trăm dặm và tự sát khi chuyển đi vẫn đang diễn ra.”

“Tôi đã nói với anh rồi đó.”

“Anh nói với tôi rằng cô ấy không tự sát. Nhưng cô ấy đã làm thế. Tôi đã trông thấy cô ấy làm việc đó. Nhưng tôi đang nói rằng cô ấy làm việc đó một cách hết sức không bình thường. Thực tế là tôi không nghĩ trước đây từng nghe về vụ tự sát nào diễn ra trong một toa xe điện ngầm. Có thể là bên dưới, chứ không phải trong toa. Anh đã bao giờ nghe về vụ tự sát nào

diễn ra trên phương tiện giao thông công cộng, trong lúc nó đang chạy chưa?”

“Thế thì sao chú?”

“Chẳng sao cả. Tôi chỉ hỏi, có vậy thôi.”

“Tại sao thế?”

“Bởi vì là thế. Hãy nghĩ như một cảnh sát đi, Jake. Không phải với tư cách một người em. Anh làm gì khi mọi chuyện quá bất thường?”

“Ta đào sâu hơn.”

“Thế thì làm đi.”

“Việc đó sẽ không thể đưa chị tôi trở lại.”

“Nhưng hiểu được một việc sẽ rất có ích.” Đó cũng là một khái niệm người ta dạy ở Fort Rucker. Nhưng không phải dạy trong lớp học tâm lý.

Tôi dùng thêm một lượt cà phê còn Jacob Mark cầm một gói đường lên lật đi lật lại giữa các ngón tay, để đường bột chảy từ đầu này sang đầu kia của túi giấy hình chữ nhật, rơi qua rơi lại, như một chiếc đồng hồ cát. Tôi có thể thấy rằng đầu anh ta đang hoạt động như một cảnh sát còn trái tim anh làm việc với chức năng một người em. Tất cả đều thể hiện qua nét mặt anh. *Đào sâu hơn. Việc đó sẽ không thể đưa chị tôi trở lại.*

Anh hỏi, “Còn gì khác không?”

“Có một hành khách bỏ đi trước khi NYPD kịp tiếp cận.”

“Ai?”

“Chỉ là một người đàn ông. Cảnh sát cho rằng tay đó không muốn lưu tên trên hệ thống. Họ nhận định rằng có lẽ tay đó đang dối vợ.”

“Có thể.”

“Đúng,” tôi nói. “Có thể.”

“Và gì?”

“Cả nhân viên điều tra liên bang lẫn mấy tay làm thuê đều hỏi tôi là chị gái anh có đưa cho tôi thứ gì không.”

“Thứ kiểu gì?”

“Họ không nói cụ thể. Tôi đoán là thứ gì đó nho nhỏ.”

“Bọn người liên bang là ai?”

“Họ không nói.”

“Còn những kẻ làm thuê là ai?”

Tôi nhắc người lên khỏi ghế, lấy tấm danh thiếp từ túi hậu ra. Loại rẻ tiền, đã bị nhăn, bị nhuộm xanh một chút từ chiếc quần bò của tôi. Quần mới, chất nhuộm mới. Tôi đặt tấm danh thiếp lên bàn, quay ngược lại, đẩy sang phía kia bàn. Jake đọc chậm rãi, có lẽ đọc hai lần. *Công ty Sure & Certain. Bảo vệ, Điều tra, Can thiệp. Số điện thoại. Anh ta lấy máy di động bấm số. Tôi nghe thấy khoảng ngắt và tiếng chuông vui nhộn nho nhỏ ba tiếng một, rồi một tin nhắn được ghi âm sẵn. Jake gập máy di động và bảo, “Không hoạt động. Số ma.”*

TÔI GỌI THÊM MỘT LƯỢT CÀ PHÊ NỮA. Jake chỉ chăm chăm nhìn nữ nhân viên phục vụ như thể chưa bao giờ nghe nói tới nghề của cô ta. Rốt cuộc cô ta phát chán bỏ đi. Jake đẩy trả tấm danh thiếp cho tôi. Tôi nhặt nó lên đút túi còn anh thì nói, “Tôi không thích chuyện này.”

Tôi nói, “Tôi cũng không thích.”

“Chúng ta nên trở lại nói chuyện với NYPD.”

“Cô ấy đã tự sát, Jake. Đó là điểm mấu chốt. Đó là tất cả những gì họ muốn biết. Họ không quan tâm việc đó diễn ra thế nào hoặc ở đâu hay tại sao.”

“Họ nên quan tâm.”

“Có lẽ thế. Nhưng họ không quan tâm. Anh có quan tâm không?”

“Có lẽ không,” anh ta đáp. Tôi nhìn thấy hai mắt Jake vô hồn. Có lẽ anh đang điem lại những vụ cũ của mình trong đầu. Những ngôi nhà rộng lớn, những con đường đầy lá, những luật sư sống xa hoa bằng tiền dành dụm của khách hàng, không thể làm được gì tốt, rút chạy trước khi bị mang tiếng, dính bê bối hay bị khai trừ khỏi đoàn luật sư. Hoặc các giáo viên, với các học sinh dính bầu. Hoặc những người đàn ông trong gia đình, với người tình đồng tính ở Chelsea hay West Village. Các cảnh sát địa phương, đầy sự khéo léo và cảm thông, vóc dáng to lớn, thâm nhập vào các khu dân cư yên tĩnh, gọn gàng, kiểm tra hiện trường, xác định các bằng chứng, đánh máy

báo cáo, khép hồ sơ, quên, chuyển sang vụ việc tiếp theo, không quan tâm thế nào, ở đâu hay tại sao.

Jake nói, “Anh có một giả thuyết à?”

Tôi nói, “Còn quá sớm để hình thành một giả thuyết. Tất cả những gì chúng ta đạt được cho đến giờ là các thực tế.”

“Những thực tế nào?”

“Lầu Năm Góc không hoàn toàn tin tưởng chị anh.”

“Nói vậy nghe đau.”

“Cô ấy nằm trong danh sách bị theo dõi, Jake. Chắc chắn là thế. Ngay khi tên cô ấy được nhập vào hệ thống, những tay nhân viên điều tra liên bang kia lên đường ngay. Ba gã cả thấy. Đó là một quy trình.”

“Họ đã không ở lâu.”

Tôi gật đầu. “Thế nghĩa là họ không nghi ngờ nhiều lắm. Họ thận trọng, chỉ có thế thôi. Có khi trong đầu họ nghĩ đến chuyện lật vật gì đó, nhưng họ không thực sự tin. Họ đến đây để loại trừ khả năng nó tồn tại.”

“Loại chuyện gì?”

“Thông tin,” tôi nói. “Đó là tất cả những gì Bộ Tư lệnh Nhân lực có.”

“Họ nghĩ là chị tôi đang chuyển giao thông tin à?”

“Họ muốn loại trừ khả năng đó.”

“Nghĩa là ở thời điểm nào đó họ cho rằng có việc đó.”

Tôi gật đầu lần nữa. “Có lẽ người ta đã trông thấy cô ấy ở trong một văn phòng không nên vào, mở một tủ hồ sơ không nên mở. Có lẽ họ cho rằng có một lời giải thích không liên quan, nhưng họ muốn chắc chắn. Hoặc có lẽ một thứ gì đó bị mất, họ không biết theo dõi ai nên theo dõi toàn bộ.”

“Loại thông tin nào?”

“Tôi không biết.”

“Kiểu như một hồ sơ bị sao chụp hả?”

“Nhỏ hơn thế,” tôi nói. “Một mẫu giấy gập vào, một thẻ nhớ máy tính. Thứ gì đó có thể trao tay trên một toa xe điện ngầm.”

“Chị ấy là người yêu nước. Chị ấy yêu đất nước mình. Chị ấy sẽ không làm việc đó.”

“Và cô ấy đã không làm việc đó. Cô ấy không đưa thứ gì cho ai cả.”

“Vậy là chúng ta không có gì hết.”

“Chúng ta có việc chị anh ở cách nhà vài trăm dặm với một khẩu súng đã nạp đạn.”

“Và lo sợ,” Jake nói.

“Mặc áo khoác mùa đông khi thời tiết nóng trên ba mươi độ.”

“Với hai cái tên nhảy nhót trong đầu,” anh nói. “John Sansom và Lila Hoth, dù cô ta là kẻ quái quỷ nào. Mà Hoth nghe có vẻ là tên nước ngoài.”

“Có một thời Markakis cũng thế.”

Anh ta một lần nữa im lặng và tôi nhấp cà phê. Trên đại lộ Tám dòng xe cộ chạy chậm hơn. Giờ cao điểm buổi sáng đang hình thành. Mặt trời đã lên, hơi chéch về phía Đông Nam. Những tia nắng không thẳng hàng với những đường kẻ trên phố. Chúng tạo thành một góc thấp và đổ bóng chéo, dài.

Jake lên tiếng, “Hãy cho tôi điểm để bắt đầu.”

Tôi bảo, “Chúng ta không biết đủ.”



“Suy đoán đi.”

“Tôi không thể. Tôi có thể nghĩ ra một câu chuyện, nhưng nó sẽ đầy các lỗ hổng. Mà trên hết nó có thể là một câu chuyện hoàn toàn sai.”

“Cứ thử xem. Cho tôi điều gì đó. Như là động não ấy.”

Tôi nhún vai. “Anh đã bao giờ gặp tay nào từng nằm trong Lực lượng Đặc biệt chưa?”

“Hai hay ba gì đó. Có khi bốn hoặc năm, nếu tính cả những cảnh sát tuần tra xa lộ mà tôi biết.”

“Có lẽ anh chưa gặp đâu. Hầu hết những sự nghiệp trong Lực lượng Đặc biệt chưa bao giờ thực sự xảy ra. Kiểu như những người tuyên bố đã từng ở Woodstock<sup>[24]</sup> ấy. Cứ tin tất cả họ đi, cái đám đông hồi đấy phải đến cả mười triệu người. Hay như những người dân New York đã nhìn thấy hai chiếc máy bay đâm vào hai tòa tháp. Tất cả đã trông thấy, cứ nghe họ thì như thế. Khi ấy chẳng có ai nhìn đi chỗ khác cả. Những kẻ nói mình nằm trong Lực lượng Đặc biệt thường là ba hoa thôi. Hầu hết chẳng bao giờ thoát ra khỏi bộ binh. Một số còn chưa bao giờ qua quân đội nữa kia. Người ta hay tô vẽ mọi thứ.”

“Như chị tôi.”

“Đó là bản chất con người.”

“Ý anh là gì?”

“Tôi đang suy nghĩ về những gì chúng ta có. Chúng ta có hai cái tên xuất hiện ngẫu nhiên, rồi mùa bầu cử đang bắt đầu, còn chị anh thì làm trong Phòng Nhân lực.”

“Anh nghĩ là John Sansom đang nói dối về quá khứ của mình sao?”

“Có lẽ không,” tôi nói. “Nhưng đó là mánh thường được cường điệu. Mà chính trị là việc bản thủ. Anh có thể cá rằng ngay lúc này đang có kẻ nào đó kiểm tra người đã giặt ủi đồ cho Sansom hai mươi năm trước, xem hời đó hẳn ta có thể xanh hay không. Chẳng cần nghĩ cũng biết là người ta đang xác minh tiêu sử thực sự của ông ta. Là môn thể thao tầm quốc gia đấy.”

“Thế thì có thể Lila Hoth là nhà báo. Hoặc nhà nghiên cứu. Kênh tin tức trên truyền hình cáp, hoặc là gì đó. Hoặc chương trình đối thoại trên đài phát thanh.”

“Có thể cô ta là đối thủ của Sansom.”

“Không phải người có tên như thế đâu. Không phải ở North Carolina.”

“Được rồi, vậy ta hãy cho cô ta là nhà báo hoặc nhà nghiên cứu. Có thể cô ta đang gây sức ép với một nhân viên Phòng Nhân lực để lấy hồ sơ về thời quân ngũ của Sansom. Có thể cô ta đã chọn chị anh.”

“Công cụ của cô ta là gì?”

Tôi nói, “Đó là lỗ hồng lớn đầu tiên trong câu chuyện.” Mà thực tế là vậy. Susan Mark đã tuyệt vọng và sợ hãi. Thật khó tưởng tượng nổi một nhà báo có được công cụ mạnh như thế. Cánh nhà báo có thể khéo léo lái và đẩy sức thuyết phục, song chẳng ai đặc biệt sợ họ.

“Susan theo đảng phái chính trị nào không?” tôi hỏi.

“Tại sao ông hỏi thế?”

“Có thể cô ấy không thích Sansom. Không thích những gì ông ta đại diện. Có thể cô ấy đang hợp tác. Hoặc tình nguyện.”

“Vậy tại sao chị ấy sợ hãi đến như thế?”

“Vì cô ấy đang vi phạm pháp luật,” tôi nói. “Cô ấy hẳn đã sợ xanh đít nhái rồi.”

“Còn tại sao chị ấy lại mang súng?”

“Thông thường cô ấy có mang theo súng không?”

“Không bao giờ. Đó là đồ thừa kế. Chị ấy cất nó trong ngăn kéo quần áo, như người ta vẫn làm.”

Tôi nhún vai. Khẩu súng là lỗ hồng lớn thứ hai trong câu chuyện. Người ta lấy súng khỏi ngăn kéo vì vô vàn lý do. Phòng vệ, tấn công. Nhưng không đời nào lấy chỉ để phòng khi bản thân họ đột nhiên muốn tự sát ở một nơi cách xa nhà.

Jake nói, “Susan không nặng quan điểm chính trị lắm.”

“Được rồi.”

“Vì thế không thể có mối liên hệ với Sansom.”

“Thế tại sao tên ông ta xuất hiện?”

“Tôi không biết.”

Tôi nói, “Hẳn là Susan đã lái xe đi. Không thể mang súng lên máy bay. Có khi bây giờ xe cô ấy đang bị kéo đi. Chắc chắn cô ấy đã đi qua đường hầm Holland và đậu xe ở mãi trong trung tâm thành phố.”

Jake không trả lời. Cà phê của tôi đã lạnh. Nữ nhân viên phục vụ đã ngừng rót thêm. Bàn chúng tôi chẳng sinh lãi mấy. Những bàn khác đã đổi đến hai lượt khách rồi. Những người đang làm việc, đi lại nhanh, nạp năng lượng, chuẩn bị sẵn sàng cho một ngày bận rộn. Tôi hình dung Susan Mark mười hai giờ trước, đang sẵn sàng cho một đêm bận rộn. Mặc đồ. Tìm khẩu súng của cha cô, nạp đạn, nhét nó vào chiếc túi đen. Leo lên xe, chạy theo đường 236 tới Beltway, xuôi chiều kim đồng hồ, có thể đỗ xăng, đi vào

đường 95, hướng lên phía Bắc, hai mắt mở to tuyệt vọng, xuyên thủng màn đêm phía trước.

Suy đoán đi, Jake đã nói. Nhưng đột nhiên tôi không muốn đoán. Bởi đầu tôi có thể nghe tiếng nói của Theresa Lee. Nữ thám tử. *Ông đã đẩy cô ấy qua miệng vực.* Jake thấy tôi nghĩ ngợi gì đó liền hỏi, “Gì thế?”

“Chúng ta hãy giả định về công cụ tác động,” tôi nói. “Ta hãy cho rằng nó cực kỳ mạnh. Thế nên ta hãy cho rằng Susan đang trên đường đi chuyển thông tin mà cô ấy đã được yêu cầu thu thập, bất kể là thông tin gì. Và ta hãy coi bọn đó là người xấu. Cô ấy đã không tin là bọn người ấy sẽ nhả bất cứ thứ gì mà chúng dùng để chế ngự cô ấy. Có lẽ cô ấy nghĩ rằng chúng sẽ cứ viện vào đấy mà đòi hỏi thêm. Cô ấy đã vào và không thấy đường ra. Trên hết, cô ấy rất sợ bọn chúng. Thế nên cô ấy tuyệt vọng. Nên cô ấy lấy khẩu súng. Có thể cô ấy nghĩ mình có thể chiến đấu thoát ra, nhưng lại không lạc quan về cơ hội của bản thân. Tóm lại là cô ấy không nghĩ rằng mọi chuyện sẽ kết thúc tốt đẹp.”

“Thế thì sao?”

“Cô ấy có những việc cần làm. Cô ấy đã gần đạt được việc đó. Chẳng bao giờ cô ấy định tự sát.”

“Nhưng còn bản danh sách thì sao? Các hành vi ấy?”

“Cũng là sự khác biệt như thế thôi,” tôi nói. “Chị anh đang trên đường tới nơi cô ấy nghĩ rằng sẽ có kẻ kết liễu đời mình, có lẽ theo một cách khác, theo nghĩa bóng hoặc nghĩa đen.”

JACOB MARK nói, “Việc ấy không lý giải được về chiếc áo khoác.” Nhưng tôi nghĩ anh đã sai. Tôi cho là nó lý giải rất đúng về chiếc áo khoác. Và nó lý giải cho thực tế rằng cô đã đậu xe ở trung tâm thành phố rồi đi lên bằng tàu điện ngầm. Tôi nghĩ là cô đang tìm cách đối đầu với kẻ cô sẽ gặp từ một góc bất ngờ, chui lên từ một cái hố trên nền đất, trong tay có vũ khí, mặc toàn đồ đen, sẵn sàng đối phó với cuộc đụng độ trong bóng đêm. Có lẽ chiếc áo parka mùa đông là chiếc áo khoác đen duy nhất cô có.

Và nó cũng lý giải cho mọi thứ khác. Sự sợ hãi, cảm giác u ám. Có lẽ làm bầm là kiểu cô luyện những lời khẩn cầu, bào chữa, tranh cãi hoặc thậm chí những lời đe dọa. Có thể việc lặp đi lặp lại những điều ấy đã khiến chúng trở nên có sức thuyết phục hơn với cô. Đáng tin hơn. Vững dạ hơn.

Jake nói, “Không thể có chuyện chị ấy đang trên đường chuyển thứ gì đó, bởi chị ấy không mang gì theo mình.”

“Có thể cô ấy đã mang gì đó,” tôi nói. “Trong đầu cô ấy. Anh đã bảo tôi rằng cô ấy có trí nhớ tuyệt vời mà. Các đơn vị, ngày tháng, biểu đồ thời gian, bất kỳ thứ gì chúng cần.”

Anh ta ngừng lại, cố tìm một lý do phản bác.

Nhưng không được.

“Thông tin mật,” Jake nói. “Bí mật quân sự. Chúa ơi, tôi không thể tin nổi.”

“Cô ấy bị sức ép, Jake.”

“Những loại bí mật nào mà một cơ quan nhân sự lại giữ cơ chứ, lại có giá trị đủ khiến người ta phải mất mạng chứ?”

Tôi không trả lời. Bởi tôi không biết. Hỏi tôi còn làm việc, HRC được gọi là PERSCOM. Phòng Nhân sự, không phải Phòng Nhân lực. Tôi phục vụ suốt mười ba năm mà không khi nào nghĩ tới nó. Không một lần nào. Công việc liên quan tới giấy tờ và hồ sơ. Tất cả những thông tin đáng quan tâm nằm ở một nơi khác.

Jake ngọ nguậy trên ghế. Anh sục các ngón tay vào mái tóc chưa gội, ộp hai lòng bàn tay vào hai tai mà xoay đầu theo đúng một vòng hình ô van, như thể anh đang làm cho cổ bớt cứng, hay bộc lộ cơn khủng hoảng nào đó bên trong đang đưa anh đi đúng một vòng, trở lại câu hỏi lớn nhất.

Anh cất tiếng, “VẬY TẠI SAO? SAO CHỊ TÔI CHỈ CHẠY LÊN ĐÂY VÀ TỰ SÁT TRƯỚC KHI TỚI NƠI CHỊ ẤY ĐANG ĐẾN?”

Tôi ngừng một chút. Những tiếng ồn ào trong quán phát ra xung quanh chúng tôi. Tiếng giầy miết kìn kít trên lớp trải sàn, tiếng va chạm, cọ xát của đồ sứ, âm thanh tin tức phát ra từ các màn hình gắn cao trên tường, tiếng leng keng của chuông gọi nhân viên phục vụ.

“Cô ấy đang vi phạm pháp luật,” tôi nói. “Cô ấy phá vỡ mọi hình thức tin tưởng và những nghĩa vụ nghề nghiệp. Và chắc hẳn cô ấy đã nhìn ra một hình thức do thám nào đó. Có thể thậm chí cô ấy đã được cảnh báo. Thế nên chị anh căng thẳng, ngay từ khi cô ấy bước vào xe. Suốt chặng đường lên đây cô ấy quan sát gương chiếu hậu để theo dõi những ánh đèn đỏ. Mọi cảnh sát ở mọi điểm thu phí đều là một mối đe dọa tiềm tàng. Mỗi một tay nào mặc đồ vest mà cô ấy nhìn thấy đều có thể là nhân viên liên bang. Và trên tàu, bất kỳ kẻ nào trong chúng tôi đều có thể là những kẻ sẵn sàng tấn công cô ấy.”

Jake không nói gì.

Tôi nói, “Và rồi tôi tiếp cận cô ấy.”

“Và gì nữa?”

“Cô ấy nổi giận. Susan nghĩ tôi sắp bắt giữ cô ấy. Ngay khi ấy và ngay tại đó, cuộc chơi kết thúc. Cô ấy đã ở cuối con đường. Cô ấy hành động cũng chết, không hành động cũng chết. Cô ấy không thể tiến lên, không thể lùi lại. Cô ấy đã bị cài bẫy. Bất kỳ đe dọa nào bọn chúng sử dụng nhắm vào cô ấy đều sẽ qua đi, còn cô ấy sẽ vào tù.”

“Vì sao chị tôi nghĩ anh sẽ bắt giữ chị ấy?”

“Hắn cô ấy nghĩ tôi là cảnh sát.”

*Tôi là cảnh sát, tôi đã nói thế. Tôi có thể giúp cô. Chúng ta có thể nói chuyện.*

“Cô ấy hoang tưởng,” tôi nói. “Đó là điều có thể hiểu.”

“Anh không trông giống cảnh sát. Anh trông giống như thằng cầu bơ cầu bắt. Khả năng cao hơn là Susan nghĩ anh tấn công chị ấy để cướp tiền lẻ.”

“Có khi cô ấy nghĩ tôi là cảnh sát chìm.”

“Anh bảo rằng chị tôi là nhân viên làm về hồ sơ. Chị ấy phải biết các cảnh sát chìm trông ra sao.”

“Jake, tôi xin lỗi, nhưng tôi đã bảo cô ấy rằng tôi là cảnh sát.”

“Sao lại thế?”

“Tôi nghĩ cô ấy là kẻ mang bom. Tôi chỉ đang cố gắng vượt qua ba giây tiếp theo mà cô ấy không phải bấm nút. Tôi sẵn sàng nói bất kỳ điều gì.”

Anh ta hỏi, “Chính xác thì anh đã nói gì?” Thế nên tôi thuật cho anh ta biết, rồi thì anh nói: “Chúa ơi, nghe như chuyện tào lao vớ vẩn về đặc vụ nội gián ấy.”

*Tôi nghĩ ông đã đẩy cô ấy qua miệng vực.*

“Tôi xin lỗi,” tôi nói một lần nữa.

Vài phút sau đó tôi phải hứng đòn từ mọi phía. Jacob Mark trừng trừng nhìn tôi bởi tôi đã giết chị gái anh. Nữ phục vụ cúi kính bởi trong thời gian chúng tôi dây dưa bằng hai ly cà phê, lẽ ra cô ta đã có thể bán được tám suất ăn sáng. Tôi lấy ra một tờ hai mươi đô nhét xuống dưới đĩa mình. Cô ta trông thấy tôi làm việc ấy. Khoản tiền giá trị bằng tiền bo từ tám suất ăn sáng nằm ngay đó. Việc ấy giải quyết được vấn đề cô phục vụ. Vấn đề Jacob Mark hóc búa hơn. Anh ta vẫn ngồi yên, im lặng, giận dữ. Hai lần tôi thấy anh liếc đi chỗ khác. Sửa soạn để chấm dứt câu chuyện. Cuối cùng anh nói: “Tôi phải đi. Tôi có việc cần làm. Tôi đã tìm ra một cách thông báo cho gia đình chị ấy.”

Tôi nói, “Gia đình à?”

“Molina, chồng cũ. Và họ có một đứa con trai, Peter. Cháu tôi.”

“Susan có con trai à?”

“Việc ấy liên quan gì đến anh?”

*Chỉ số IQ của chó săn Labrador.*

Tôi nói, “Jake này, chúng ta đã ngồi suốt đây nói về vũ khí, mà anh vẫn không nghĩ tới chuyện nhắc tới chuyện Susan có một đứa con trai à?”

Anh ta ngẩn ra một lúc. Rồi cất tiếng, “Nó không phải trẻ con. Cháu tôi đã hai mươi hai tuổi rồi. Giờ nó là sinh viên năm cuối ở Đại học Nam



Carolina. Thằng này chơi bóng bầu dục. Nó còn to lớn hơn anh. Thằng bé không gần gũi với mẹ nó. Sau khi bố mẹ ly hôn, nó sống với bố.”

Tôi bảo, “Hãy gọi cho nó.”

“Lúc này ở California là 4 giờ sáng đấy.”

“Gọi bây giờ đi.”

“Tôi sẽ làm nó thức giấc.”

“Tôi rất hy vọng là sẽ như thế.”

“Nó cần được chuẩn bị tinh thần cho việc này.”

“Nhưng trước tiên nó phải nghe điện thoại gọi đến cái đã.”

Thế nên Jake lại lôi điện thoại di động ra, lục tìm danh bạ trong máy, tới một cái tên nằm ở khoảng cuối danh bạ thì bấm nút gọi. Theo thứ tự bảng chữ cái, tôi đoán thế. Peter ở vắn P. Jake áp điện thoại vào tai và trong suốt năm hồi chuông đầu tiên trông lo lắng theo một kiểu, rồi sau hồi thứ sáu thì lại một kiểu lo lắng khác. Anh giữ máy lâu hơn một lúc nữa rồi chậm chậm hạ xuống và bảo: “Thư thoại.”

TÔI NÓI, “BẮT TAY VÀO VIỆC THÔI. Gọi cho LAPD <sup>[25]</sup> hoặc cảnh sát của Đại học Nam Carolina nhờ giúp đỡ, giữa cảnh sát với nhau. Bảo ai đó tới thẳng chỗ thẳng bé ở xem nó có nhà không.”

“Họ sẽ cười vào mũi tôi. Nó chỉ là một vận động viên nhà trường không nghe điện thoại lúc bốn giờ sáng thôi.”

Tôi bảo, “Cứ làm đi.”

Jake nói, “Hãy đi với tôi.”

Tôi lắc đầu. “Tôi sẽ ở đây. Tôi muốn nói chuyện lần nữa với mấy tay làm thuê.”

“Anh sẽ chẳng bao giờ tìm được chúng đâu.”

“Chúng sẽ tìm tôi. Tôi chưa khi nào trả lời các câu hỏi của chúng, về việc Susan có đưa thứ gì cho tôi không. Tôi nghĩ chúng muốn hỏi câu đó lần nữa.”

Chúng tôi hẹn gặp nhau sau năm tiếng, cũng ở quán cà phê này.

Tôi dõi theo anh trở vào xe rồi mới chậm chậm bước theo đại lộ Tám về phía Nam, như thể tôi không có địa điểm nào cụ thể để tới, mà đứng thế thật. Tôi mệt mỏi vì thiếu ngủ song lại tỉnh vì cà phê, nên tựu trung tôi coi đó như một lần nạp lại năng lượng và sự tỉnh táo. Và tôi cho rằng những tay làm thuê cũng như vậy. Chúng tôi đều đã thức suốt đêm. Việc đó khiến tôi nghĩ tới chuyện thời gian. Tỉ như hai giờ sáng là thời điểm không thích hợp

cho đánh bom tự sát, cũng là khoảng thời gian không bình thường cho Susan Mark đến một điểm hẹn đăng chuyển giao thông tin. Thế nên tôi dừng một chút trước sạp báo phía trước một cửa hàng thực phẩm mà lật qua các đầu báo. Tôi tìm thấy điều mình nửa trông chờ nằm sâu trong tờ *Tin tức hằng ngày*. Tôi qua xa lộ thu phí New Jersey đã bị đóng suốt bốn tiếng đồng hồ ở hướng đi lên phía Bắc. Một vụ đổ xe bồn chở dầu, do sương mù. Một vụ tràn axit. Nhiều thương vong.

Tôi hình dung Susan Mark bị kẹt trên tuyến đường giữa các đường nhánh. Tắc đường kéo dài bốn giờ. Chậm trễ mất bốn giờ. Không tin tưởng. Căng thẳng leo thang. Không có đường tiến, chẳng có đường lùi. Nan giải. Thời gian cứ dần trôi đi. Hạn chót, xích lại gần. Hạn chót, hụt. Những lời đe dọa, các biện pháp và hình thức trừng phạt, lúc này trở nên hiện hữu, sẵn sàng. Chuyến tàu tuyến 6 đã có vẻ nhanh đối với tôi. Với cô ta thì chắc chắn phải chậm kinh khủng. *Ông đã đẩy cô ấy qua miệng vực*. Có lẽ thế, nhưng cô ta cũng chẳng cần được đẩy nhiều cho lắm.

Tôi vượt vượt cho các tờ báo trở về tình trạng vẫn bán được rồi tiếp tục bước đi. Tôi đoán là gã bị xé áo đã về nhà thay áo mới, nhưng ba tên còn lại vẫn ở gần đây. Hẳn chúng đã theo dõi tôi vào quán cà phê, và đã thấy tôi khi tôi đi ra. Tôi không thể trông thấy chúng trên phố, nhưng bây giờ tôi đâu thực sự tìm chúng. Chẳng ích gì chuyện tìm kiếm một thứ mà ta biết chắc chắn rằng đang có đó.

Ngày trước đại lộ Tám là một nơi nguy hiểm. Đèn đường gãy vỡ, đất trống rao bán, các cửa hiệu cửa sắt cuốn, ma túy, đĩ điếm, cướp giật. Tôi đã thấy đủ thứ chuyện ở đó. Bản thân tôi chưa bao giờ bị tấn công. Như thế chẳng có gì ngạc nhiên. Để biến tôi thành một nạn nhân tiềm tàng, dân số thế giới phải giảm xuống còn hai. Chỉ tôi đối mặt với một tên cướp, người chiến thắng sẽ là tôi. Giờ thì đại lộ Tám cũng an toàn như bất kỳ nơi nào khác. Buôn bán náo nhiệt, chỗ nào cũng đầy người. Thế nên tôi chẳng quan tâm xem ba gã tiếp cận tôi chính xác từ điểm nào. Tôi chẳng cố gắng dụ chúng tới nơi tôi chọn. Tôi chỉ bước. Tùy chúng chọn. Ngày đang chuyển từ

ấm sang nóng và các mùi của vỉa hè bốc lên quanh tôi, như theo lịch cứng nhắc: rác bốc mùi vào mùa hè và không bốc mùi vào mùa đông.

Chúng áp sát tôi khi còn cách phía Nam Công viên quảng trường Madison và tòa buro điện cổ to lớn một khối nhà. Công trình xây dựng trên một lô đất ở góc phố buộc khách bộ hành phải đi dọc theo một lối đi nhỏ có rào chắn nằm trên hệ thống cống thoát nước. Tôi vừa bước một bước vào đó thì một tên xuất hiện phía trước, một tên áp sát phía sau còn tên cầm đầu áp vào bên cạnh. Hành động nhanh gọn. Tên cầm đầu nói: “Chúng tôi đã sẵn sàng quên đi chuyện cái áo.”

“Thế thì tốt,” tôi nói. “Bởi tôi đã quên rồi.”

“Nhưng chúng tôi muốn biết liệu ông có giữ thứ gì thuộc về chúng tôi không.”

“Thuộc về các ông sao?”

“Thuộc về ông chủ chúng tôi.”

“Các ông là ai?”

“Tôi đã đưa danh thiếp cho ông rồi mà.”

“Và ban đầu tôi thấy rất ấn tượng với nó. Xét về mặt số học thì nó trông như một tác phẩm nghệ thuật. Có hơn ba triệu khả năng kết hợp các con số để có một số điện thoại gồm bảy chữ số. Nhưng các ông lại không chọn ngẫu nhiên. Các ông đã chọn số mà các ông biết là không còn được dùng nữa. Tôi cho rằng làm việc đó thật khó. Thế nên tôi thấy ấn tượng. Nhưng rồi tôi nghĩ ra, thực tế là không thể làm được chuyện này, căn cứ vào dân số của Manhattan. Ai đó chết hoặc chuyển đi, số của họ được tái sử dụng rất nhanh. Thế nên tôi đoán rằng các ông đã thâm nhập được vào một danh sách các số điện thoại không bao giờ hoạt động. Các công ty điện thoại giữ một vài bản như thế, để phục vụ cho một số điện thoại xuất hiện trên phim hoặc truyền hình. Không thể sử dụng số có thật cho việc ấy, bởi

các khách hàng sẽ bị quấy rầy. Thế nên tôi đoán rằng các ông quen biết người làm trong giới điện ảnh hoặc truyền hình. Có lẽ bởi vì gần như cả tuần các ông được thuê đảm bảo an ninh via hè khi có một buổi trình diễn trong thành phố. Vì vậy hành động mạnh nhất các ông phải thực hiện là ngăn cản các tay săn ảnh. Đó chắc chắn là sự thất vọng đối với những người như các ông. Tôi nghĩ là khi khởi nghiệp các ông đã có trong đầu những ý nghĩ hay ho hơn thế. Mà tệ hơn, điều này ngụ ý một sự xói mòn năng lực do thiếu thực hành. Thế nên lúc này tôi lo ngại về các ông thậm chí còn ít hơn lúc nãy. Thế nên tóm lại tôi sẽ nói rằng tám danh thiếp là một sai lầm, xét về mặt quản lý hình ảnh.”

Tay cầm đầu nói: “Chúng tôi mời ông một tách cà phê được chứ?”

Tôi không bao giờ từ chối lời mời uống cà phê, nhưng đã ngấy tận cổ việc ngồi xuống một chỗ, nên tôi chỉ đồng ý loại cà phê mua mang đi. Chúng tôi có thể vừa nhấm nháp vừa nói chuyện vừa đi. Chúng tôi dừng ngay cửa hiệu Starbucks vừa trông thấy, cũng như ở hầu hết các thành phố khác nó chỉ cách khoảng một nửa khối nhà. Tôi bỏ qua hầu hết những loại được pha chế hay ho mà chọn một cốc cao được xay pha tại chỗ, đen, không kem. Đó là loại tôi thường gọi, ở hiệu Starbucks. Theo tôi đây là loại ngon. Đó không phải là điều tôi thực sự quan tâm. Với tôi thì tất cả là chất cafêin, chứ không phải hương vị.

Chúng tôi ra khỏi cửa hiệu và tiếp tục đi dọc đại lộ Tám. Nhưng bốn người vừa đi vừa nói chuyện thì sẽ tạo thành một nhóm trông kỳ quặc, xe cộ lại ồn ào, nên rốt cuộc chúng tôi dừng cách ngõ ra một ngã tư chừng chục bước, bất động, tôi trong bóng râm, dựa vào một bờ rào, còn ba gã kia ở ngoài nắng đối diện tôi và chúm người ra trước về phía tôi như thể chúng có những điều cần trình bày. Dưới chân chúng tôi, một túi rác bị bung để lộ ra những phần vui vẻ của một tờ báo ra ngày Chủ nhật nằm trên vỉa hè. Tay đảm nhận việc nói chuyện từ trước tới giờ lên tiếng, “Ông đã đánh giá thấp

chúng tôi một cách nghiêm trọng, không phải chúng tôi muốn tham gia trò thi thố vớ vẩn đâu.”

“Được rồi,” tôi nói.

“Ông là cựu quân nhân, phải không?”

“Lục quân,” tôi đáp.

“Ông trông còn ra vẻ lắm.”

“Các ông cũng thế. Lực lượng Đặc biệt à?”

“Không. Chúng tôi không tiến được xa đến mức ấy.”

Tôi mỉm cười. Một tay thật thà.

Tay này nói: “Chúng tôi được thuê làm đầu bên này cho một chiến dịch tạm thời. Người phụ nữ đã chết đang mang một thứ có giá trị. Chúng tôi có nhiệm vụ lấy lại nó.”

“Thứ gì? Giá trị nào?”

“Thông tin.”

Tôi nói, “Tôi không thể giúp các ông.”

“Ông chủ chúng tôi đang mong dữ liệu dạng số, trên một con chip máy tính, như một thẻ nhớ dạng USB. Chúng tôi phản đối, lấy thứ đó ra khỏi Lầu Năm Góc quá khó. Chúng tôi nói rằng thông tin sẽ ở dạng truyền miệng. Kiểu như đọc và ghi nhớ.”

Tôi không nói gì. Nghĩ lại lúc Susan Mark trên tàu. Hành động làm bầm. Có lẽ khi ấy cô ta không phải đang luyện những lời cầu xin hay thanh minh hay đe dọa hoặc cự cãi. Có khi cô đang đọc lại toàn bộ những chi tiết người ta cần cô chuyển giao, lặp đi lặp lại, để không thể quên chúng hoặc làm chúng lẫn lộn khi mình căng thẳng hay hoảng loạn. Học thuộc lòng như

vet. Và tự nói với chính mình, *Mình đang tuân lệnh, mình đang tuân lệnh, mình đang tuân lệnh*. Tự trấn an bản thân. Hy vọng rằng tất cả mọi chuyện sẽ diễn ra tốt đẹp.

Tôi hỏi, “Ông chủ của các ông là ai?”

“Chúng tôi không nói được.”

“Ảnh hưởng khổng chế của ông ta là gì?”

“Chúng tôi không biết. Chúng tôi không muốn biết.”

Tôi nhấp một ngụm cà phê. Và không nói gì.

Tay kia nói, “Người phụ nữ đã nói chuyện với ông lúc trên tàu.”

“Đúng,” tôi nói. “Cô ta đã nói chuyện.”

“Thế nên nhận định có sức thuyết phục bây giờ là bất kỳ điều gì cô ta biết, ông cũng biết.”

“Có thể,” tôi nói.

“Ông chủ của chúng tôi tin điều ấy. Như thế là phiền toái cho ông. Dữ liệu trên con chip máy tính, chẳng có gì to tát. Chúng tôi có thể nện vào đầu ông rồi lộn hết túi ông ra. Nhưng điều gì đó trong đầu ông thì cần được lấy ra bằng cách khác.”

Tôi chẳng nói gì.

Gã đàn ông lại nói, “Thế nên ông thực sự cần nói cho chúng tôi điều ông biết.”

“Như thế các ông sẽ có vẻ là người có năng lực à?”

Tay kia lắc đầu. “Như thế để ông còn được toàn vẹn.”

Tôi nhấp một ngụm cà phê nữa và hẳn nói, “Tôi kêu gọi ông, giữa hai người đàn ông. Giữa người lính với người lính. Đây không phải chuyện về chúng tôi. Nếu trở về tay trắng, chắc chắn chúng tôi bị sa thải. Nhưng đến sáng thứ Hai, chúng tôi sẽ lại làm việc, cho một người khác. Tuy nhiên khi chúng tôi rời vụ này, ông sẽ bị lộ. Ông chủ chúng tôi sẽ điều cả một đội. Bây giờ đội ấy đang bị kiểm tỏa, bởi họ không hợp cho thời điểm này. Nhưng nếu chúng tôi ra đi, họ sẽ được tháo xích. Không có phương án khác. Và ông sẽ không muốn nói chuyện với họ một chút nào đâu.”

“Tôi không muốn bất kỳ ai nói chuyện với mình. Không phải họ, không phải các ông. Tôi không thích nói chuyện.”

“Đây không phải trò đùa đâu!”

“Ông nói đúng đấy. Một phụ nữ đã mất mạng kia mà.”

“Tự sát không phải phạm tội.”

“Nhưng bất kỳ điều gì thúc đẩy cô ấy làm việc đó có thể là phạm tội. Cô ấy làm ở Lầu Năm Góc. Đó là chuyện an ninh quốc gia, rõ là thế. Các ông cần tránh khỏi vấn đề này ngay. Các ông nên nói chuyện với NYPD.”

Tay kia lắc đầu. “Tôi thà đi tù còn hơn gặp bọn này. Ông nghe những gì tôi nói đấy chứ?”

“Tôi nghe,” tôi nói. “Các ông đã thấy thoải mái với những tay săn chữ ký rồi.”

“Chúng tôi là những người nhẹ nhàng. Ông nên tận dụng lợi thế đi.”

“Các ông chẳng phải người nhẹ nhàng chút nào hết.”

“Hồi còn ở quân đội ông làm gì?”

“Quân cảnh,” tôi nói.



“Thế thì coi như ông chết rồi. Ông chưa bao giờ chứng kiến vụ nào thế này.”

“Ông ta là ai?”

Gã kia chỉ lắc đầu.

“Có bao nhiêu người?”

Gã kia chỉ một lần nữa lắc đầu.

“Hãy nói cho tôi điều gì đó.”

“Ông không lắng nghe rồi. Nếu tôi sẽ không nói chuyện với bọn NYPD, sao tôi lại phải nói chuyện với ông chứ?”

Tôi nhún vai, uống sạch cốc cà phê của mình rồi đẩy người khỏi bờ rào. Bước ba bước rồi lẳng chiếc cốc vào thùng rác. Tôi nói, “Hãy gọi cho ông chủ ông, bảo ông ta rằng ông ta đúng còn các ông sai. Bảo ông ta rằng tất cả thông tin của người phụ nữ nằm trong thẻ nhớ, lúc này nằm ngay trong túi tôi đây này. Rồi hãy xin nghỉ việc qua điện thoại, về nhà và đừng có ngáng đường tôi.”

Tôi băng ngang đường giữa hai chiếc xe đang chạy và hướng về đại lộ Tám. Gã cầm đầu gọi với theo tôi, rất to. Hắn gọi tên tôi. Tôi ngoái lại thấy hắn đang cầm điện thoại di động đưa ra xa người. Chiếc điện thoại đang chìa vào tôi còn hắn thì đang chăm chăm nhìn màn hình. Rồi hắn hạ điện thoại xuống và cả ba tên lính đi, một chiếc xe tải màu trắng chạy qua giữa chúng tôi rồi chúng biến mất trước khi tôi nhận ra rằng mình đã bị chụp ảnh.

MỨC ĐỘ PHỔ BIẾN CỦA RADIO SHACK chỉ bằng chừng một phần mười Starbucks nhưng bù lại chẳng bao giờ chúng cách xa quá vài khối nhà. Và lại mở cửa sớm. Tôi đứng ở cửa hàng gần nhất mình thấy, một anh chàng người vùng Nam Á bước tới phục vụ tôi. Anh ta trông có vẻ nhiệt tình. Có lẽ tôi là khách hàng đầu tiên trong ngày. Tôi hỏi anh ta về điện thoại di động chụp được ảnh. Anh ta bảo rằng trên thực tế tất cả chúng đều chụp được ảnh. Một số loại thậm chí còn quay phim được. Tôi bảo người bán hàng rằng tôi muốn biết các bức ảnh tĩnh chụp ra có chất lượng thế nào. Anh ta lấy một chiếc điện thoại bất kỳ, tôi đứng ở phía cuối cửa hiệu rồi cho anh ta chụp từ quỳ. Ảnh chụp ra nhỏ và không nét. Những đường nét của tôi không được sắc. Nhưng tầm vóc, dáng người của tôi được chụp lại khá rõ. Dù sao thì cũng khá rõ đến nỗi có thể mang lại phiền hà... Sự thật là gương mặt tôi bình thường, chẳng có gì ấn tượng. Rất dễ quên. Tôi đoán là hầu hết người ta nhận ra tôi qua bóng tôi, điều này chẳng hề bình thường.

Tôi bảo người bán hàng rằng tôi không muốn mua điện thoại. Anh ta cố gắng bán cho tôi một chiếc máy ảnh kỹ thuật số thay cho điện thoại. Máy này có độ phân giải cao. Nó sẽ chụp ảnh đẹp hơn. Tôi nói tôi cũng không muốn mua máy ảnh. Nhưng tôi sẽ mua một thẻ nhớ cho anh ta. Một chiếc USB, để lưu dữ liệu máy tính. Loại dung lượng thấp nhất anh ta có, giá rẻ nhất. Đó chỉ là thứ đồ làm mỗi như, tôi chẳng muốn mất một đồng tiền làm gì. Nó là một vật bé xiu, đựng trong hộp nhựa cứng to đùng. Tôi bảo tay bán hàng lấy kéo cắt ra. Anh có thể làm hỏng cả răng nếu cắn những thứ như thế. Thẻ nhớ được tặng kèm hai vỏ bọc cao su màu xanh hoặc hồng,

tùy chọn một trong hai màu. Tôi chọn màu hồng. Susan Mark trông không có vẻ là kiểu phụ nữ thích màu hồng lắm, nhưng người ta thấy điều họ muốn thấy. Lốp bọc màu hồng tương xứng với món đồ của một phụ nữ. Tôi bỏ chiếc USB vào túi bên cạnh chiếc bàn chải đánh răng, cảm ơn anh chàng bán hàng đã giúp đỡ rồi nhường cho anh ta việc vứt rác.

Tôi đi bộ hai khối rưỡi nhà về phía Đông theo phố 28. Suốt chặng đường đó lúc nào cũng có rất nhiều người phía sau lưng tôi, nhưng tôi chẳng biết ai trong số họ, và không ai trong số họ có vẻ biết tôi. Tôi xuống ga tàu điện ngầm ở Broadway và quẹt thẻ của mình. Rồi tôi bỏ qua chín chuyến tàu kế tiếp chạy về trung tâm thành phố. Tôi chỉ ngồi trong cái nóng trên một băng ghế gỗ, để cho tất cả các chuyến tàu ấy chạy qua. Một phần để nghỉ ngơi, phần để giết thời gian cho tới khi các văn phòng kinh doanh còn lại của thành phố mở cửa hết, một phần để kiểm tra xem tôi có bị bám đuôi không. Chín lượt khách đến và đi, chín lần tôi chỉ còn một mình trên sân ga trong vòng một hai giây. Chẳng ai mảy may quan tâm đến tôi. Khi đã chán quan sát người tôi lại đi quan sát lũ chuột. Tôi thích chuột. Có rất nhiều chuyện thần thoại về chúng. Cơ hội trông thấy loài này ít hơn người ta nghĩ. Chuột vốn nhát gan. Những con chuột người ta trông thấy thường là chuột non hoặc ốm hoặc đói sắp chết. Chúng không cần mặt trẻ con đang ngủ chỉ cho vui. Chúng bị hấp dẫn bởi những vết thức ăn, chỉ có thế. Hãy rửa miệng cho con bạn trước khi đi ngủ, thế là sẽ ổn. Và chẳng có con chuột khổng lồ nào to như mèo. Tất cả chuột đều cùng kích thước.

Tôi chẳng trông thấy con chuột nào, và cuối cùng tôi thấy bồn chồn. Tôi đứng dậy quay lưng lại đường ray nhìn lên các bích chương trên tường. Một trong số đó là bản đồ toàn bộ hệ thống tàu điện ngầm. Hai tấm là quảng cáo cho các vở diễn của nhà hát kịch Broadway. Một tấm là thông báo chính thức cấm hành động gì đó được gọi là “lướt tàu điện ngầm”. Có một bức minh họa đen trắng vẽ một gã bị kẹp phía ngoài cửa tàu như một con sao biển. Rõ ràng các toa kiểu cũ của hệ thống tàu điện ngầm New York có tấm ván đỡ chân phía dưới cửa lên xuống, được thiết kế để khắc phục

một phần khoảng trống giữa toa xe và sân ga, còn phía trên cửa có các rãnh thoát nước mưa, để ngăn nước đọng phía trên nóc lọt vào trong toa. Tôi biết rằng các toa mới kiểu R142A không có cả hai đặc điểm trên. Tay đồng hành điên rồ đã bảo tôi vậy. Song, với các toa kiểu cũ, ta có thể đợi trên sân ga cho tới khi cửa đóng lại rồi mới lách các ngón chân vào ván đỡ chân, móc mười đầu ngón tay vào các rãnh thoát nước mưa, ôm chặt lấy toa và được đưa đi hết các đường hầm trong khi người vẫn ở bên ngoài toa. Lướt tàu điện ngầm. Có lẽ với một số người thì đây là trò rất thú, nhưng bây giờ bị coi là phạm pháp.

Tôi quay lại phía đường ray, lên chuyến tàu thứ mười vào ga. Đó là chuyến số hiệu R. Nó có ván đỡ chân và rãnh thoát nước mưa. Nhưng tôi vào hẳn trong toa, qua hai chặng thì tới ga lớn ở Quảng trường Union.

Tôi lên mặt đường ở góc Tây Bắc Quảng trường Union và hướng về một hiệu sách khổng lồ tôi nhớ nằm ở phố 17. Các chính trị gia đang vận động tranh cử thường xuất bản tiểu sử của mình trước mùa bầu cử, còn tạp chí tin tức thì luôn đầy các bài viết về họ. Thực ra tôi đã có thể chọn nơi khác là các quán cà phê Internet, nhưng tôi không giỏi về công nghệ mới, vả lại dù sao các quán cà phê Internet hiếm hơn ngày trước nhiều. Giờ thì mọi người mang những thiết bị điện tử nhỏ mang tên các loại quả hay cây. Quán cà phê Internet đang đi cùng một lối như buồng điện thoại công cộng, bị công nghệ không dây giết chết.

Hiệu sách đặt nhiều bàn ở mặt trước tầng trệt. Các bàn xếp đầy những đầu sách mới. Tôi tìm ra nơi bày các tác phẩm về người thật việc thật song chẳng thấy gì. Lịch sử, tiểu sử, kinh tế, nhưng không có chính trị. Tôi tìm tiếp tìm thấy thứ mình muốn ở phần sau chiếc bàn thứ hai. Bình luận và quan điểm của cánh tả và cánh hữu, cộng thêm tiểu sử “ma” của ứng cử viên với những chiếc áo sáng đẹp và những tấm ảnh bóng bẩy đã được xử lý. Cuốn của John Sansom dày chừng hơn một xăng ti mét, mang tên *Luôn thực hiện nhiệm vụ*. Tôi cầm nó theo và lên thang cuốn lên tầng ba, nơi bảng chỉ dẫn của hiệu sách cho biết khu tạp chí nằm ở đâu. Tôi lựa ra tất cả

các tạp chí tin tức hằng tuần, cầm chúng cùng cuốn sách tới giá sách lịch sử quân sự. Tôi mất chút thời gian ở đó với vài ấn phẩm về người thật việc thật và rồi khẳng định được điều mình đã nghi ngờ, rằng Phòng Nhân lực không làm bất cứ việc gì mà Phòng Nhân sự trước đây đã không làm. Chỉ là đổi tên. Thay đổi thương hiệu. Không chức năng mới. Công việc hồ sơ và giấy tờ, như hồi nào tới giờ.

Rồi tôi ghé lên một bậu cửa sổ, ổn định chỗ ngồi để đọc những thứ mình đã lấy. Lưng tôi nóng vì nắng rọi qua lớp kính, còn phần trước lại lạnh vì không khí từ một hòng điều hòa không khí ngay phía trên người. Tôi từng thấy khó chịu với việc đọc trong cửa hàng mà không có ý định mua. Nhưng có vẻ chính các cửa hàng cũng thấy vui về việc ấy. Họ thậm chí còn khuyến khích. Một số còn kê ghế bành để phục vụ việc này. Rõ là một mô hình kinh doanh mới. Và mọi người đều làm như thế. Hiệu sách chỉ vừa mới mở cửa, nhưng cả nơi này đã trông như một trung tâm tị nạn rồi. Mọi nơi đều có người, ngồi hoặc bò ra sàn, bao quanh là những chồng sách báo lớn gấp nhiều lần sách báo của tôi.

Tất cả tạp chí tin tức hằng tuần đều có bài viết về chiến dịch tranh cử, bị kẹp giữa quảng cáo và bài viết về những đột phá trong y học và thông tin cập nhật về công nghệ. Hầu hết các bài viết quảng bá được chú ý hàng đầu, song những cuộc đấu giành ghế ở Hạ viện và Thượng viện cũng được dành cho vài dòng. Bầu cử sơ bộ còn cách bốn tháng và tổng tuyển cử còn cách mười bốn tháng, một số ứng cử viên đã trở thành cựu quan chức nhưng Sansom vẫn vững vàng trong cuộc đua. Ông ta đang đạt tỷ lệ ủng hộ cao qua các cuộc thăm dò dư luận trong toàn bang mình, ông ta đang gây được quỹ lớn, lối làm việc thẳng thừng của ông ta được coi là mới mẻ, và lai lịch phục vụ trong quân ngũ của ông ta được dùng để chứng tỏ năng lực của ông ta trong mọi công việc. Dù theo quan điểm của tôi như thế cũng giống như nói rằng một công nhân vệ sinh có thể làm được thị trưởng. Có thể có, có thể không. Không có logic trong giả định ấy. Nhưng rõ ràng hầu hết cánh nhà báo thích tay này. Và rõ ràng họ đã lưu ý ông ta với những vị trí cao

hơn. Ông ta được coi là một ứng cử viên tổng thống tiềm tàng trong bốn hoặc tám năm tới. Thậm chí một cây viết còn ám chỉ rằng có thể nhắc Sansom khỏi cuộc đua vào Thượng viện để trở thành ứng cử viên phó tổng thống cho đảng của mình ngay trong lần này. Sansom đã trở thành một kiểu người nổi tiếng.

Bìa cuốn sách về ông ta thật kiểu cách. Bìa được dựng từ tên ông ta, nhan đề sách và hai tấm ảnh. Tấm ảnh lớn hơn là ảnh đã mờ phủ lấm chấm, được phóng to đủ để tạo thành nền cho cả bìa. Ảnh chụp một thanh niên mặc chiếc áo dã chiến cũ sờn không đóng cúc, cả khuôn mặt sơn nguy trang phía dưới vành mũ trùm. Chồng lên đó là một tấm ảnh mới chụp chân dung trong studio của cùng người đó, sau nhiều năm, mặc bộ com lê của doanh nhân. Rõ ràng là Sansom, khi ấy và bây giờ. Toàn bộ nội dung chào hàng của ông ta, trong một ấn phẩm đơn nhất.

Bức ảnh chụp gần đây được chiếu sáng tốt, lấy nét một cách hoàn hảo, tạo dáng đầy chất nghệ thuật, cho thấy Sansom là một người dáng nhỏ gọn gầy, cao chừng mét bảy lăm, nặng khoảng sáu bảy cân. Một con chó săn mảnh mai hơn là một con bò mộng, đầy khả năng chịu đựng và sức bền bỉ dẻo dai, như các lính tinh nhuệ nhất của Lực lượng Đặc biệt. Mặc dù có lẽ bức ảnh cũ hơn xuất phát từ thời còn trong đơn vị chính quy thông thường. Có lẽ là lực lượng đặc nhiệm Rangers. Theo kinh nghiệm của tôi, các tay trong lực lượng Delta cùng thời Sansom thích để râu quai nón, đeo kính râm và quàng khăn trùm đầu của người Ả rập kéo xuống tận cổ. Một phần vì nơi họ có khả năng phải hoạt động, phần vì họ thích tỏ ra đang nguy trang và bí mật về bản thân, bản thân yếu tố này một phần là điều cần thiết còn một phần là hình ảnh được thêu dệt ra cho có phần kịch tính. Nhưng có thể tay quản lý chiến dịch tranh cử của Sansom đã tự chọn bức ảnh này, chấp nhận cương vị lính đơn vị nhỏ để đổi lấy một hình ảnh người ta có thể nhận ra, qua đó nhận ra tinh thần người Mỹ. Có lẽ những kẻ trông giống mấy tay hippie Palestine kỳ dị sẽ không được ủng hộ nhiều lắm ở Bắc Carolina.

Những dòng phía trong trang bìa ghi tên đầy đủ và cấp bậc trong quân đội của Sansom, viết một cách trang trọng: Thiếu tá John T. Sansom, Quân đội Hoa Kỳ, đã nghỉ hưu. Rồi dòng chữ cho biết ông ta là người được tặng thưởng Huy chương Chữ thập vì thành tích đặc biệt, Huy chương Thành tích Đặc biệt, hai Huy chương Sao Bạc. Rồi lại thêm rằng ông ta từng là giám đốc điều hành thành đạt, của một doanh nghiệp nào đó mang tên Hãng Tư vấn Sansom. Một lần nữa là toàn bộ nội dung đánh bóng tên tuổi cho Sansom, ngay đó. Tôi thầm hỏi liệu đó có phải là nội dung toàn bộ phần còn lại của cuốn sách hay không.

Tôi lướt qua và thấy cuốn sách chia làm năm phần: thời trai trẻ của Sansom, quãng đời trong quân ngũ, cuộc hôn nhân và cuộc sống gia đình sau đó, quá trình kinh doanh, quan điểm chính trị về tương lai. Phần đầu thuộc dạng kinh điển cho loại sách này. Thời thơ ấu đầy khó khăn, không tiền bạc, quần áo thiếu thốn, mẹ ông ta là chỗ dựa, bố phải làm hai việc để kiếm tiền trang trải cho cuộc sống. Gần như chắc chắn là được tô vẽ. Nếu lấy các ứng cử viên chính trị là mẫu dân số thì Mỹ sẽ trở thành một nước thuộc Thế giới thứ ba. Mọi người đều lớn lên trong cảnh nghèo khó, nước máy đã là một thứ xa xỉ, giày dép hiếm hoi, một bữa ăn đạm bạc là nguyên nhân cho một sự kiện đáng nhớ.

Tôi lướt sang phần tiếp theo tới phần Sansom gặp vợ ông ta và thấy thêm những dòng cùng kiểu ấy. Cô ta thì tuyệt vời, những đứa con khỏi chê. Hết chuyện. Tôi không hiểu nhiều về phần nói đến kinh doanh. Hãng Tư vấn Sansom từng là một nhóm chuyên gia tư vấn, nghe thì có lý, nhưng tôi không thể biết chính xác họ đã làm những gì. Cơ bản là họ đưa ra những gợi ý, đề xuất, mua cổ phần của các công ty mà họ tư vấn, rồi bán cổ phần đi và trở nên giàu có. Sansom đã xây dựng được cái mà ông ta mô tả là một gia tài. Tôi không chắc ý ông ta nói nó trị giá bao nhiêu. Tôi cảm thấy hoàn toàn vững dạ khi trong túi có vài trăm đô la. Tôi ngờ là Sansom ra đường với số tiền nhiều hơn thế, nhưng ông ta không nói cụ thể là nhiều hơn bao nhiêu. Thêm bốn số không? Hay năm? Hay sáu?



Tôi nhìn phần đề cập quan điểm chính trị về tương lai thì không thấy gì nhiều về những nội dung mà tôi đã không thu lượm được từ các tạp chí tin tức. Ý đồ cốt lõi của quan điểm chính trị là trao cho cử tri mọi thứ họ muốn. Muốn thuế thấp à, có ngay. Muốn dịch vụ công cộng, sẵn sàng. Chẳng ý nghĩa gì với tôi. Nhưng chung quy lại thì Sansom xuất hiện như một người khiêm nhường. Tôi cảm thấy ông ta sẽ cố gắng làm điều đúng đắn, cố gắng hết mực như bất kỳ ai trong đám bọn họ có thể. Tôi cảm thấy rằng ông ta toàn tâm cho việc này vì tất cả những lý do hợp lý.

Giữa sách có ảnh. Trừ một bức, tất cả là ảnh chụp nhanh ghi lại cuộc đời của Sansom từ thời ba tháng tuổi cho đến hiện tại. Đây là những loại mà tôi nghĩ là hầu như ai cũng có thể lôi ra từ một chiếc hộp giày ở đáy tủ quần áo. Cha mẹ, thời thơ ấu, thời học sinh, những năm tháng trong quân đội, cô dâu sắp cưới, con cái, những chân dung trên cương vị doanh nhân. Hình ảnh bình thường, hẳn là có thể thay đổi qua lại được với ảnh trong tiểu sử của tất cả các ứng viên khác.

Nhưng tám ảnh không giống những tấm còn lại thì thật lạ lùng...



TÂM ẢNH KHÁC BIỆT NÀY LÀ MỘT TÂM ẢNH báo chí trước đây tôi từng thấy. Nó là ảnh chụp một chính trị gia người Mỹ tên Donald Rumsfeld, ở Baghdad, đang bắt tay với Saddam Hussein, nhà độc tài Iraq, mãi từ năm 1983. Donald Rumsfeld từng hai lần làm Bộ trưởng Quốc phòng, nhưng hồi chụp bức ảnh này thì đang là đặc phái viên của Ronald Reagan. Ông ta đến Baghdad để liêm điit Saddam, ca ngợi và trao cho tay độc tài này một cặp đỉnh thúc ngựa bằng vàng làm quà đồng thời là biểu tượng của lòng biết ơn đời đời của nước Mỹ. Tám năm sau chúng ta lại đã điit chứ không phải liêm điit Saddam nữa. Mười lăm năm sau đó, chúng ta giết hẳn. Sansom đặt tên cho tấm ảnh này là *Đôi khi bạn bè của chúng ta trở thành kẻ thù, và đôi khi kẻ thù trở thành bạn bè của chúng ta*. Bình luận mang tính chính trị; tôi cho là thế. Hoặc lời thuyết giáo về kinh doanh, dù tôi không thể thấy dòng chữ trên nhắc gì tới khoảng thời gian thực sự.

Tôi trở lại với quãng đường binh nghiệp của Sansom và chuẩn bị đọc một cách cẩn thận. Rốt cuộc thì đó là lĩnh vực tôi có chuyên môn sâu. Sansom vào quân đội năm 1975 và xuất ngũ năm 1992. Khoảng thời gian mười bảy năm, dài hơn tôi bốn năm, cụ thể là nhập ngũ sớm hơn chín năm và xuất ngũ sớm hơn năm năm. Về cơ bản đấy là một thời kỳ tốt, nếu so sánh với hầu hết các giai đoạn khác. Con đàu mang tên Việt Nam đã qua, quân đội mới, chuyên nghiệp, hoàn toàn tự nguyện đã rất ổn định và vẫn được rót nhiều ngân sách.

Có vẻ như Sansom đã rất hài lòng trong khoảng thời gian đó. Giọng kể của ông ta mạch lạc, chặt chẽ. Ông mô tả chính xác về huấn luyện cơ

bản; mô tả Trường Dự bị Sĩ quan khá tốt, kể rất khôi hài về thời gian đầu trong lực lượng bộ binh. Ông ta cười mở về việc là người tham vọng. Sansom đạt hết các bằng cấp được đề ra cho mình và chuyển sang lực lượng Rangers và rồi tới lực lượng Delta còn non trẻ. Như thường lệ, ông ta cường điệu hóa về quá trình tuyển chọn của Delta, những tuần lễ chẳng khác nào địa ngục, sự tiêu hao sức lực, sự chịu đựng, sự kiệt sức. Như thường lệ, ông ta không chỉ trích tính thiếu hoàn thiện của quy trình ấy. Lực lượng Delta đầy những tay có thể thức trắng một tuần, đi bộ cả trăm dặm và bắn bay hòn đá một con muỗi, nhưng lại khá thiếu những kẻ có thể làm tất cả những việc đó cùng lúc có thể chỉ ra sự khác biệt giữa *Shitte* - một người Shiai - và *shit* - cục phân.

Song nhìn chung tôi thấy Sansom khá trung thực. Sự thật là, hầu hết các phi vụ của lực lượng Delta đều bị hủy bỏ thậm chí trước khi chúng bắt đầu, và hầu hết các vụ được bắt đầu đều thất bại. Một số tay còn chưa bao giờ chứng kiến hành động. Sansom không theo dõi chuyện đó. Ông ta thẳng thắn về sự phản kích chấp vá tạm thời, và thẳng thừng về những thất bại. Trên hết, ông ta không nhắc tới những người chặn dê, thậm chí một lần cũng không. Hầu hết các báo cáo hậu hành động của Lực lượng Đặc biệt đều đổ lỗi thất bại cho những người chặn dê thả rong. Các tay của lực lượng này thâm nhập vào khu vực mà họ cho là khắc nghiệt hầu như không người ở, và ngay lập tức bị nông dân địa phương cùng những đàn dê lớn phát hiện. Theo thống kê thì khả năng này khó xảy ra. Về mặt dinh dưỡng cũng khó xảy ra, nếu xét tới địa hình cằn cỗi như vậy. Dê phải có gì đó để ăn chứ. Có lẽ tình huống trên một lần là có thực, nhưng từ đó nó đã trở thành bài tử. Nói *Chúng tôi ép sát người xuống đất và một tay chặn dê giẫm ngay lên người chúng tôi* vẫn dễ chịu hơn nhiều so với nói *Chúng tôi làm hỏng rồi*. Nhưng Sansom không khi nào nhắc tới những động vật nhai lại hay các nông dân trông coi chúng, đây là một yếu tố quan trọng giúp ông ta ghi điểm.

Thực ra, ông ta không đề cập nhiều tới vấn đề nào. Chắc chắn không có nhiều thành công. Có những việc hẳn phải là những việc diễn ra khá thường xuyên ở khu vực Tây Phi, rồi Panama, cộng thêm việc săn tên lửa SCUD ở Iraq trong Chiến tranh Vùng Vịnh thứ nhất năm 1991. Ngoài những việc đó ra, chẳng có gì hết. Chỉ có huấn luyện rất nhiều và sẵn sàng chiến đấu, mà theo sau đó luôn là rút quân và huấn luyện bổ sung. Hồi ức của Sansom có lẽ là cuốn hồi ký đầu tiên của Lực lượng Đặc biệt không bị thổi phồng mà tôi từng đọc. Thậm chí còn hơn thế. Không chỉ là không bị phóng đại. Nó còn bị nói giảm đi. Làm cho nhỏ lại và tránh nhấn mạnh. Nói giảm, chứ không nói quá.

Đó là một điều thú vị.

TÔI RẤT THẬN TRỌNG KHI TRỞ LẠI quán cà phê trên đại lộ Tám. Ông chủ chúng tôi sẽ điều cả một đội. Và đến lúc này tất cả bọn chúng đều biết hình dạng tôi ra sao. Anh chàng bán hàng ở cửa hiệu Radio Shack đã bảo tôi cách gửi ảnh và hình quay qua điện thoại từ người này tới người khác, về phần tôi thì tôi không biết đối thủ trông ra sao, song nếu như ông chủ của chúng đã buộc phải thuê các gã mặc những bộ đồ sang trọng để nguy trang thành dân ở nơi này, thì có lẽ đội của riêng hẳn phải trông khác một chút. Nếu không thì chẳng ý nghĩa gì. Tôi đã thấy rất nhiều người trông khác với bình thường. Có lẽ là vài trăm ngàn người. Ta luôn thấy như vậy, khi ở thành phố New York. Nhưng chẳng ai trong số họ mảy may quan tâm tới tôi. Chẳng ai trong số họ bám theo tôi. Không phải là tôi làm cho việc theo đuôi tôi thành ra dễ dàng. Tôi lên chuyến tàu tuyến 4 tới Ga Trung tâm, đi bộ hết hai đường vòng xuyên qua đám đông, lên xe buýt nội thành tới quảng trường Thời đại, đi bộ một vòng dài và không hợp lý từ đó tới đại lộ Chín, và lên quán từ phía Tây, ngay đối diện Đồn Cảnh sát Khu vực 14.

Jacob Mark đã ở sẵn trong quán.

Anh ta ngồi trong một ô ở phía cuối quán, đã tắm rửa sạch sẽ, tóc chải gọn gàng, mặc quần màu sẫm, sơ mi trắng và một chiếc áo gió hải quân. Anh ta còn có thể xăm thêm dòng chữ *cảnh sát hết ca* ngang trán mình nữa. Jake trông không được vui nhưng cũng không sợ hãi. Tôi lách vào ghế đối diện với anh, ngồi ở bên mé để có thể quan sát đường phố qua các cửa sổ.

“Anh đã nói chuyện với Peter chứ?” Tôi hỏi.

Jake lắc đầu.

“Nhưng sao?”

“Tôi nghĩ là nó ổn.”

“Anh nghĩ hay anh biết?”

Anh không trả lời vì nhân viên phục vụ tới. Cũng đúng cô nhân viên hồi sáng. Tôi đói quá nên chẳng còn nhạy cảm với chuyện Jake sẽ ăn hay không. Tôi gọi một đĩa lớn xa lát cá ngừ kèm trứng và một loạt thứ khác. Cộng thêm đồ uống là cà phê. Jake làm theo tôi, gọi một chiếc xăng ụch phó mát nướng và nước lọc.

Tôi lên tiếng, “Hãy cho tôi biết những chuyện đã xảy ra.”

Anh đáp, “Cảnh sát của trường đã giúp tôi. Họ vui khi làm việc ấy. Peter là ngôi sao bóng bầu dục. Nó không ở nhà. Thế nên họ dựng hết đám bạn của nó dậy và biết được thông tin. Thì ra Peter đang ở đâu đó với một phụ nữ.”

“Ở đâu?”

“Chúng tôi không biết,”

“Người phụ nữ nào?”

“Một cô gái gặp ở quán bar. Peter và đám bạn đi chơi cách đây bốn đêm. Con bé ở đó. Peter đã rời quán cùng nó.”

Tôi chẳng nói gì.

Jake hỏi, “Gì vậy?”

Tôi hỏi, “Ai đón ai?”

Anh ta gật đầu. “Đây là điều khiến tôi cảm thấy yên tâm. Thằng bé làm tất cả mọi việc. Đám bạn nó bảo rằng đó là một kế hoạch hoàn thành

trong vòng bốn giờ. Nó phải dồn mọi thứ vào đó. Kiểu như một trận chung kết, bọn bạn bảo thế. Thế nên đó không phải Mata Hari [26] hay gì đó.”

“Mô tả người ra sao?”

“Một con bé hoàn toàn ngon lành. Mà bọn dân thể thao này nói là chuẩn đấy. Con bé lớn tuổi hơn chút nhưng không đáng kể. Có lẽ hăm lăm hoặc hăm sáu. Nếu anh là sinh viên đại học năm cuối, thì đó là một thách thức không cưỡng nổi, thế đấy.”

“Tên gì?”

Jake lắc đầu. “Những đứa khác giữ cự ly. Đó là quy ước rồi.”

“Bọn chúng thường gặp gỡ ở đâu?”

“Ở đường chạy vòng quanh trường chúng.”

“Gái làm tiên? Mời nhử?”

“Không đâu. Đám nhóc này chơi bời vòng vòng rồi. Bọn nó không ngu đâu. Bọn chúng có thể nhìn ra ngay. Và lại dù sao thì Peter chủ động làm tất cả mọi chuyện. Bốn tiếng, tất cả những gì nó đã từng học được.”

“Nếu con bé kia muốn thì bốn phút cũng xong hết.”

Jake gật đầu lần nữa. “Tin tôi đi, tôi đã trải qua việc ấy cả trăm lần rồi. Bất kỳ trò vui vẻ nào, một giờ là đủ để khiến nó có vẻ ngon lành. Hai giờ là tối đa. Chẳng ai kéo dài tới bốn giờ đâu. Thế nên ỏn thôi. Theo quan điểm của Peter thì hơn cả ỏn ấy. Bốn ngày với một cô em hoàn toàn ngon lành à? Hồi hăm hai tuổi thì anh đang làm gì?”

“Tôi hiểu ý ông,” tôi nói. Hồi hăm hai tôi cũng có những ưu tiên như vậy. Dù một mối quan hệ bốn ngày với tôi sẽ có vẻ dài. Thực tế là giống như đính hôn hay kết hôn vậy.

Jake nói, “Nhưng sao?”

“Susan bị chậm mất bốn tiếng trên đường cao tốc. Tôi đang băn khoăn không biết kiểu hạn chót nào đã có thể trôi qua khi ấy, khiến một bà mẹ cảm thấy muốn tự kết liễu đời mình.”

“Peter ồ. Đừng lo về chuyện đó. Nó sẽ sớm về nhà, đầu gối hơi run chút nhưng vui về.”

Tôi không nói gì thêm. Cô nhân viên phục vụ cùng đồ ăn xuất hiện. Trông rất ngon, lại rất nhiều. Jake hỏi, “Mấy tay đánh thuê có tìm được ông không?”

Tôi gật đầu và vừa ngón những nĩa đầy cá ngừ vừa kể cho anh nghe.

Anh nói, “Chúng biết tên anh à? Thế thì không ồ rồi.”

“Không được lý tưởng, đúng là không. Và chúng biết tôi đã nói chuyện với Susan lúc trên tàu.”

“Làm thế nào biết được?”

“Bọn chúng từng là cảnh sát. Chúng vẫn còn bạn bè đang làm việc. Không có cách lý giải nào khác.”

“Lee và Docherty hả?”

“Có thể. Hoặc có thể một gã nào đó làm ca ngày vào sở đọc hồ sơ.”

“Mà chúng chụp ảnh anh nữa hả? Thế cũng không ồ.”

“Không được lý tưởng,” tôi lại nói.

“Có bất kỳ dấu hiệu gì về nhóm còn lại mà bọn này nói tới không?”  
Jake hỏi.

Tôi kiểm tra qua cửa sổ rồi đáp, “Cho tới giờ thì chưa có gì.”

“Còn gì khác nữa?”

“John Sansom không thổi phồng về sự nghiệp của ông ta. Dường như ông ta đã không làm gì đặc biệt. Và kiểu tuyên bố như vậy không thực sự đáng phải bác bỏ.”

“Thế thì không còn manh mối gì.”

“Có thể không thế,” tôi nói. “Ông ta mang hàm thiếu tá. Như thế nghĩa là lên một bậc theo niên hạn và hai bậc do công trạng. Chắc chắn ông ta đã làm việc gì đó mà chúng thích. Tôi cũng mang hàm thiếu tá. Tôi biết cơ chế thế nào mà.”

“Anh đã làm việc gì mà họ thích?”

“Có lẽ là việc gì đó mà sau này họ thấy ân hận.”

“Thời gian phục vụ,” Jake nói. “Anh cứ quanh quẩn đó thì anh sẽ được thăng chức.”

Tôi lắc đầu. “Cơ chế không như thế. Cộng thêm chuyện tay này giành được ba trong số bốn huy chương hạng cao nhất mà cấp của ông ta có thể đạt được, trong đó một loại được tặng thưởng tới hai lần. Thế nên hẳn là ông ta đã làm việc gì đó đặc biệt. Thực ra là bốn việc.”

“Mọi người đều được nhận huy chương.”

“Không phải những huy chương đó đâu. Chính tôi đây được thưởng một huy chương Sao Bạc, nhưng so với tay này chỉ là hạng bét thôi, mà tôi biết một thực tế là huy chương cỡ ấy không có được dễ dàng đâu. Và tôi cũng có được một huy chương Trái Tim Tía mà rõ ràng Sansom không có. Ông ta không nhắc tới nó trong cuốn sách của mình. Và không có chính trị gia nào chịu quên một vết thương khi thi hành nhiệm vụ đâu. Cả triệu năm cũng chẳng quên. Nhưng giành được một huy chương anh dừng mà không bị thương thì hơi bất thường. Thường thì hai thứ đó đi đôi với nhau.”



“Như vậy có thể ông ta bóc phét về mấy cái huy chương.”

Một lần nữa tôi lắc đầu. “Không thể làm thế được. Với một vết thương còn con trên huân chương trong chiến tranh Việt Nam thì còn có thể, thứ nào đó đại loại như vậy, nhưng đây là phần thưởng cho những nhiệm vụ rất nặng nề. Tay này giành được tất cả các loại trù Huy chương Danh dự.”

“Thế thì sao?”

“Thế nên tôi nghĩ là ông ta đang nói sai sự thật về sự nghiệp của mình, nhưng theo hướng ngược lại. Ông ta giấu bớt chứ không thêm vào.”

“Sao ông ta làm thế?”

“Vì ông ta đã tham gia ít nhất bốn nhiệm vụ bí mật, và bây giờ ông ta vẫn không thể nói chuyện về các vụ đó. Điều đó cho thấy chúng thực sự rất bí mật, bởi tay này đang trong chiến dịch vận động tranh cử, và sự thôi thúc nói ra rất lớn.”

“Loại nhiệm vụ bí mật nào?”

“Có thể là bất cứ gì. Chiến dịch mờ ám, hành động được che giấu, chống lại bất kỳ ai.”

“Vậy là có thể Susan đã được hỏi về các chi tiết.”

“Không thể,” tôi nói. “Các mệnh lệnh, nhật ký tác chiến và các báo cáo hậu hành động của Delta không nằm ở nơi nào gần HRC cả. Chúng hoặc đã bị hủy hoặc bị niêm phong trong vòng sáu mươi năm ở Fort Bragg <sup>[27]</sup>. Không có ý coi thường nhé, nhưng các hồ sơ đó chị của anh có muốn lại gần còn cách cả triệu dặm cũng chả được đâu.”

“Vậy điều này giúp chúng ta thế nào mới được chứ?”

“Nó loại trừ binh nghiệp của Sansom, là vậy đấy. Nếu ông ta có liên quan gì thì cũng là với tư cách khác.”

“Ông ta có liên quan không?”

“Bằng không thì sao tên ông ta lại được nhắc đến chứ?”

“Với tư cách gì?”

Tôi bỏ nữa xuống, uống hết cốc cà phê rồi nói, “Tôi không muốn ở lại đây. Đây là điểm khởi đầu cho nhóm còn lại. Nơi này sẽ là điểm đầu tiên chúng kiểm tra.”

Tôi bỏ lại tiền boa trên bàn rồi ra quầy thanh toán. Lần này thì cô phục vụ hài lòng. Chúng tôi ra và vào quán với thời gian ngắn kỷ lục.

Manhattan vừa là nơi tốt nhất vừa là nơi tệ nhất, dành cho những kẻ bị săn đuổi. Tốt nhất, bởi nó ken đặc người, mỗi mét vuông đều có tới vài trăm nhân chứng xung quanh. Tệ nhất, bởi nó ken đặc người, và ta phải kiểm tra từng người trong tất cả số đó, chỉ để phòng bắt trộm, và việc này thật chán chường, khó chịu, và mệt mỏi, rốt cuộc khiến ta nổi điên, hoặc khiến ta lười biếng. Vậy nên, để cho tiện, chúng tôi trở lại phố 35 Tây, đi bộ dọc theo phía vỉa hè có bóng râm, đi lên đi xuống phía đối diện các hàng xe cảnh sát đang đỗ, nơi dường như là những vỉa hè an toàn nhất thành phố.

“Với tư cách nào?” Jake hỏi lần nữa.

“Anh đã bảo tôi đâu là lý do đằng sau các vụ tạt sạt mà anh thấy ở Jersey ấy nhỉ?”

“Liên quan đến tài chính hoặc tình dục.”

“Và Sansom không kiếm được nhiều tiền khi còn trong quân đội.”

“Anh nghĩ rằng ông ta có quan hệ tình cảm ngoài luồng với Susan à?”

“Có thể,” tôi đáp. “Có thể ông ta đã gặp cô ấy khi làm việc. Ông ta thuộc dạng ra vào liên tục nơi làm việc. Những cơ hội để được chụp ảnh đăng báo, đại loại thế.”

“Ông ta đã có gia đình.”

“Chính xác. Và bây giờ là mùa bầu cử.”

“Tôi không nghĩ có khả năng đó. Susan không phải người như thế. Vậy nên hãy giả định là ông ta không có quan hệ tình cảm với chị ấy.”

“Vậy thì có thể ông ta quan hệ với một nhân viên HRC khác, và Susan là người chứng kiến.”

“Tôi vẫn không tin vào khả năng đó.”

“Tôi cũng không,” tôi nói. “Bởi tôi không hiểu làm thế nào lại có liên quan tới thông tin thông tiếc gì ở đây. Thông tin là chuyện lớn. Còn một mối quan hệ chỉ là câu trả lời có-không.”

“Có thể Susan đã hợp tác với Sansom. Không phải chống lại ông ta. Có thể Sansom muốn cho ai đó khác dính bê bối.”

“Vậy tại sao Susan đến New York thay vì tới Washington hay North Carolina?”

Jake nói, “Tôi không biết.”

“Và dù sao đi nữa, tại sao Sansom lại đòi hỏi gì đó từ Susan? Ông ta có cả trăm nguồn tốt hơn một nhân viên HRC mà ông ta không biết.”

“Vậy mối liên hệ nằm ở đâu?”

“Có thể Sansom có quan hệ tình cảm từ lâu rồi, với một người khác, khi ông ta vẫn còn trong quân đội.”

“Khi ấy ông ta chưa lập gia đình.”

“Nhưng có các nguyên tắc. Có thể ông ta chơi một nhân viên thuộc quyền. Bây giờ chuyện đó to tát lắm, trong chính trị ấy.”

“Chuyện đó đã từng xảy ra chưa?”

“Lúc nào cũng có,” tôi nói.

“Với anh à?”

“Thường xuyên hết mức. Theo cả hai chiều. Đôi khi tôi là nhân viên thuộc quyền.”

“Anh có bị rắc rối nào không?”

“Khi ấy thì không. Nhưng bây giờ nếu tôi ra tranh cử thì sẽ bị chất vấn.”

“Vậy là anh nghĩ rằng có những tin đồn về Sansom, và người ta đã hỏi Susan để khẳng định chúng?”

“Cô ấy không thể khẳng định được hành vi. Loại hành vi ấy nằm trong một tập hồ sơ khác. Nhưng có lẽ cô ấy có thể khẳng định rằng nhân vật A và nhân vật B làm việc ở một nơi trong cùng một thời gian. Đó chính là điều HRC làm giỏi.”

“Như vậy có thể Lila Hoth đã ở trong quân đội cùng với ông ta. Có thể kẻ nào đó đang cố gắng liên kết hai cái tên, nhằm tạo một vụ bê bối lớn.”

“Tôi không biết,” tôi nói. “Điều đó nghe có vẻ hoàn toàn hợp lý. Nhưng tôi có một gã người địa phương rất cứng rắn nhưng sợ đến mức không dám nói chuyện với NYPD, tôi đã nhận tất cả những hình thức đe dọa ghê gớm, và tôi lại có một câu chuyện về một nhóm đồ tể đang sẵn sàng tuột ra khỏi xích. Chính trị là công việc bản thủ, nhưng có tệ đến thế không?”

Jake không trả lời.

Tôi nói, “Và chúng ta không biết Peter đang ở đâu.”

“Đừng lo về Peter. Nó là người lớn rồi. Cháu tôi là một tay hậu vệ đấy. Nó sẽ tham gia giải bóng bầu dục quốc gia. Thành bé là khối cơ bắp nặng tới trăm ba lăm ký. Nó có thể tự lo cho bản thân. Hãy nhớ cái tên cháu tôi. Peter Molina. Ngày nào đó anh sẽ đọc thấy tên nó trên báo.”

“Nhưng không quá sớm, tôi hy vọng thế.”

“Thoải mái đi.”

Tôi nói, “Vậy bây giờ anh muốn làm gì?”

Jake nhún vai và nặng nề bước tới bước lui trên hè phố, một người đàn ông không biết ăn nói giờ lại càng bị sự phức tạp của những cảm xúc của mình làm cho khó xử hơn. Anh dừng lại, tựa vào một bức tường, đối diện trực tiếp với cửa Đồn Cảnh sát Khu vực 14 ở bên kia phố. Anh nhìn tất cả những chiếc xe đang đỗ, từ trái sang phải, những chiếc Impala và Crown Vic, những chiếc sơn và không sơn phù hiệu, và cả những chiếc xe đẩy chở đồ nhỏ nhỏ ngồ ngộ.

“Chị ấy chết rồi,” anh nói. “Chẳng có gì sẽ mang được chị ấy trở lại.”

Tôi không nói gì.

“Thế nên tôi sẽ gọi cho dịch vụ tang lễ,” anh ta nói.

“Và sau đó?”

“Chẳng gì cả. Chị ấy đã tự bắn mình. Biết được lý do cũng chẳng giúp ích gì. Dù sao thì trong hầu hết trường hợp anh chẳng bao giờ thực sự biết lý do. Ngay cả khi anh nghĩ rằng mình có biết.”

Tôi nói, “Tôi muốn biết lý do.”

“Tại sao? Susan là chị tôi, không phải chị anh.”

“Anh đã không chứng kiến chuyện ấy xảy ra.”

Jake chẳng nói gì. Chỉ chăm chăm nhìn những chiếc xe đỗ ở phía đối diện. Tôi trông thấy chiếc xe mà Theresa Lee đã sử dụng. Nó là chiếc thứ tư tính từ bên trái. Một trong những chiếc Crown Vic không sơn phù hiệu nằm ở gần cuối đầu kia dãy xe trông còn mới hơn những chiếc khác. Bóng hơn. Nó lấp lánh dưới ánh nắng. Chiếc xe màu đen, với hai cần ăng ten ngắn mảnh trên nắp thùng xe trông như những cây kim. Xe liên bang, tôi nghĩ. Một cơ quan lắm ngân sách cứ hễ chọn phương tiện đi lại là nhật toàn đồ rác rưởi. Thiết bị liên lạc cũng vậy.

Jake nói, “Tôi sẽ nói với gia đình Susan, chúng tôi sẽ chôn cất chị ấy, và chúng tôi sẽ tiếp tục cuộc sống. Cuộc sống là khốn nạn và rồi ta sẽ chết. Có lẽ có một lý do tại sao chúng ta không quan tâm nó diễn ra thế nào hay ở đâu hay tại sao. Tốt hơn không nên biết. Biết chẳng có gì tốt. Chỉ thêm đau. Chỉ là thứ gì đó tệ hại sắp sửa xảy ra.”

“Đó là lựa chọn của anh,” tôi nói.

Anh gật đầu và không nói gì nữa. Chỉ bắt tay tôi rồi quay đi. Tôi trông thấy anh bước vào một ga ra ở một khối nhà nằm ở phía Tây phố 9, và bốn phút sau tôi thấy một chiếc xe thể thao đa dụng nhỏ màu xanh lá cây hiệu Toyota chạy ra. Nó hòa vào dòng xe chạy về hướng Tây. Tôi đoán anh ta đang hướng về đường hầm Lincoln về nhà. Tôi tự hỏi khi nào mình sẽ gặp lại anh một lần nữa. Tôi nghĩ là trong vòng ba ngày tới một tuần.

Tôi đã sai.

TÔI VẪN CÒN ĐANG Ở PHÍA BÊN KIA phó đối diện cửa của Đồn Cảnh sát Khu vực 14 thì Theresa Lee bước ra cùng hai người mặc com lê xanh và sơ mi trắng bẻ cổ. Cô trông có vẻ mệt mỏi. Cô đã nhận cuộc gọi lúc hai giờ sáng, việc này có nghĩa cô trực ca đêm, như vậy cô sẽ hết ca lúc khoảng bảy giờ và tám giờ thì đã ngủ ở nhà. Lee đã làm ngoài giờ sáu tiếng. Tốt cho tài khoản ngân hàng của cô, không tốt lắm cho bất kỳ thứ nào khác. Nữ thám tử đứng trong ánh nắng, hấp háy mắt, duỗi người và rồi trông thấy tôi trên vỉa hè phía xa, liền tỏ thái độ vờ ngạc nhiên kinh điển. Cô vỗ vào khuỷu tay người đứng cạnh mình mà nói gì đó rồi trở thẳng vào tôi. Tôi ở quá xa nên chẳng nghe được những lời Theresa nói, song ngôn ngữ cơ thể của cô hét lên rằng *Này, ông ta ở kia kia*, với một dấu chấm than lớn qua vẻ quyết liệt trong điệu bộ của cô.

Theo phản xạ, hai tay mặc com lê ngó về bên trái nhìn dòng xe cộ, điều đó cho tôi biết rằng trụ sở của họ nằm trong thành phố. Các phó đánh số lẻ chạy theo hướng Đông sang Tây, các phó đánh số chẵn chạy từ Tây sang Đông. Họ biết điều này, từ trong máu. Vì vậy, họ là người địa phương. Nhưng hai tay này quen lái xe hơn cuộc bộ, bởi họ không để ý xem liệu có những người truyền tin đi xe đạp chạy trái đường không. Họ chỉ vội vã băng ngang phố, tránh những chiếc xe hơi, tách ra và đồng thời tiếp cận tôi từ bên trái và bên phải, cho tôi thấy rằng họ đã được huấn luyện thực tế ở mức độ nào đó, và đang vội vàng. Tôi đoán chiếc Crown Vic có những cần ăng ten mảnh như cây kim là xe của họ. Tôi đứng trong bóng râm chờ đợi. Hai người đàn ông đều đi giày đen, đeo cà vạt xanh, áo lót lộ ra ở cổ, áo trắng mặc bên trong áo trắng. Phía trái của áo khoác ngoài cộm lên hơn phía

phải. Các nhân viên thuận tay phải mang bao súng đeo qua vai. Tuổi họ chừng trên dưới bốn mươi. Trong thời kỳ trưởng thành tối đa. Không phải lính mới, chưa đến mức cho về hưu non.

Họ thấy rằng tôi sẽ chẳng đi đâu nên giảm tốc độ một chút và tiến về phía tôi bằng những sải chân dài. FBI, tôi nghĩ, gần với cảnh sát hơn lực lượng bán quân đội. Họ không trưng phù hiệu cho tôi xem. Họ chỉ cho rằng tôi đã biết họ là ai.

“Chúng tôi cần nói chuyện với ông,” tay bên trái tôi cất tiếng.

“Tôi biết,” tôi nói.

“Làm thế nào mà biết?”

“Vì các ông vừa chạy cắt ngang dòng xe cộ để tới đây.”

“Ông biết vì sao không?”

“Không. Trừ phi nguyên nhân là mời tôi tư vấn tâm lý do bị tổn thương.”

Miệng tay này dùm lại vẻ thiếu kiên nhẫn, như thể anh ta sẵn sàng chửi tôi vì đã mai mỉa. Rồi thái độ anh ta thay đổi một chút trở thành nụ cười nhạt, anh ta nói, “Được rồi, đây là nội dung tư vấn của tôi. Hãy trả lời vài câu hỏi rồi quên đi chuyện ông đã từng ở trên chuyến tàu đó.”

“Chuyến tàu nào?”

Tay này bắt đầu mở miệng trả lời nhưng rồi dừng lại, không kịp phát hiện thấy rằng tôi đang bõn cợt hấn, và bối rối vì đã tỏ ra không bèn.

Tôi hỏi, “Những câu hỏi nào?”

Anh ta hỏi, “Số điện thoại của ông là gì?”

Tôi nói, “Tôi không có số điện thoại.”



“Thậm chí điện thoại di động cũng không à?”

“Đặc biệt là thậm chí như thế cũng không,” tôi đáp.

“Thật vậy sao?”

“Tôi là tên đó đó,” tôi nói. “Xin chúc mừng. Các ông đã tìm thấy tôi.”

“Tên nào?”

“Tên duy nhất trên thế giới không có điện thoại di động.”

“Ông là người Canada à?”

“Tại sao tôi lại là người Canada?”

“Viên thám tử bảo chúng tôi rằng ông nói tiếng Pháp.”

“Rất nhiều người nói tiếng Pháp. Có cả một nước ở châu Âu đấy.”

“Ông là người Pháp hả?”

“Mẹ tôi.”

“Lần gần đây nhất ông ở Canada là khi nào?”

“Tôi không nhớ. Có lẽ cách đây nhiều năm rồi.”

“Ông chắc chắn không?”

“Rất chắc.”

“Ông có bạn bè hay đồng sự người Canada nào không?”

“Không.”

Tay này im lặng. Theresa Lee vẫn đứng trên vỉa hè bên ngoài cửa Đồn Cảnh sát Khu vực 14. Cô đang đứng trong nắng quan sát chúng tôi từ

bên kia phố. Tay còn lại nói, “Đó chỉ là một vụ tự sát trên tàu. Chẳng vui gì, nhưng không quan trọng. Chuyện tệ hại xảy ra. Chúng ta rõ rồi chứ?”

Tôi nói, “Chúng ta xong rồi chứ?”

“Cô ta có trao gì cho ông không?”

“Không.”

“Ông chắc chứ?”

“Hoàn toàn chắc chắn. Chúng ta xong chưa?”

Tay này hỏi, “Ông có kế hoạch gì à?”

“Tôi sẽ rời thành phố.”

“Đi đâu?”

“Một nơi khác.”

Anh ta gật đầu. “Được rồi, chúng ta đã xong. Giờ thì lượn thôi.”

Tôi đứng yên tại chỗ. Tôi để cho cả hai bước đi, trở lại xe họ. Họ vào xe, đợi có một khoảng trống trong dòng xe cộ rồi đánh xe ra lái đi. Tôi đoán là họ sẽ đi theo hết xa lộ West Side về trung tâm thành phố, trở về bàn làm việc của mình.

Theresa Lee vẫn đứng trên vỉa hè.

Tôi băng ngang phố, lách qua giữa hai chiếc xe tuần tra màu xanh trắng đang đỗ rồi bước lên vỉa hè, đứng gần cô, đủ xa để thể hiện sự tôn trọng, đủ gần để cho cô nghe thấy tiếng, mặt quay về phía tòa nhà để mắt tôi không bị chói nắng. Tôi hỏi, “Tất cả chuyện đó là sao thế?”

Cô đáp, “Người ta đã tìm thấy xe của Susan Mark. Nó đỗ ở tận dưới khu SoHo. Sáng nay xe được kéo đi rồi.”

“Và gì nữa?”

“Họ đã lục soát xe, điều đó thì rõ rồi.”

“Tại sao lại rõ? Họ đã rất quan tâm đến chuyện gì đó mà chính họ tuyên bố là không quan trọng?”

“Họ không giải thích suy nghĩ của họ. Nói kiểu gì thì nói, họ không giải thích với chúng tôi.”

“Họ đã tìm thấy gì?”

“Một mẫu giấy, trên đó có thứ mà họ nghĩ là một số điện thoại. Kiểu như mẫu thư ngắn viết vội vàng. Vò nát, như rác ấy.”

“Số thế nào?”

“Nó có mã vùng 600, họ bảo đó là mã của một dịch vụ điện thoại di động Canada. Một mạng đặc biệt. Rồi một con số, rồi chữ D, như chữ cái đầu của từ nào đó.”

“Chẳng có ý nghĩa gì với tôi,” tôi nói.

“Tôi cũng thế. Trừ việc tôi không tin đó là số điện thoại một tí nào. Không có mã tổng đài [28] và lại có quá nhiều con số.”

“Nếu đó là mạng đặc biệt thì có lẽ nó không cần mã tổng đài.”

“Có vẻ không hợp lý.”

“Vậy nó là gì?”

Theresa Lee đáp lời bằng cách vòng tay ra sau người rút từ túi sau ra một cuốn sổ ghi nhỏ. Không phải loại sổ được cấp của cảnh sát. Nó có bìa cứng màu đen và một đai đàn hồi giữ bìa gập vào. Cả cuốn sổ hơi quăn lại, như thể nó đã nằm trong túi cô rất lâu. Cô nới đai, mở sổ ra chìa cho tôi thấy một trang màu nâu vàng có ghi 600-82219-D bằng nét chữ gọn gàng.

Chữ viết tay của cô, tôi nghĩ thế. Chỉ là thông tin, không phải một bức fax. Không phải sao chụp lại chính xác một mẫu thư ngắn viết vội vàng.

*600-82219-D.*

“Có thấy gì không?” Lee hỏi.

Tôi đáp. “Hình như các số điện thoại di động ở Canada có nhiều con số hơn.” Tôi biết rằng các công ty điện thoại trên khắp thế giới đều sợ cháy kho số. Thêm một con số thì sẽ tăng kho số của một mã khu vực lên mười lần. Ba mươi triệu, không phải ba triệu. Dù dân số Canada nhỏ. Đất đai rộng lớn, nhưng hầu hết diện tích không có người. Chừng ba mươi ba triệu người, tôi nghĩ. Ít hơn bang California. Thế nhưng California cũng chỉ cần đầu số điện thoại thông thường là đủ.

Lee nói, “Đó không phải số điện thoại. Là một thứ gì khác. Kiểu như mật mã hay số xê ri. Hoặc là số hồ sơ. Đám ấy đang phí thời gian.”

“Có thể nó không có liên quan. Rác trong xe có thể là bất cứ thứ gì.”

“Không phải vấn đề tôi quan tâm.”

Tôi hỏi, “Có hành lý trong xe không?”

“Không. Chẳng có gì ngoài thứ rác rưởi thường thấy tích lại trong xe.”

“Thế thì đó chắc là chuyến đi ngắn. Đi rồi về.”

Lee không đáp. Cô ngáp và chẳng nói gì. Cô đang mệt.

Tôi hỏi, “Những tay ấy có nói chuyện với em trai Susan không?”

“Tôi không biết.”

“Có vẻ ông ta muốn cho qua và quên hết đi.”

“Dễ hiểu thôi,” cô nói. “Luôn có một lý do, và lý do đó không bao giờ hay ho cho lắm. Dù sao đó cũng là kinh nghiệm của tôi.”

“Cô sẽ khép hồ sơ à?”

“Nó đã được đóng lại rồi.”

“Cô hài lòng với chuyện đó sao?”

“Sao tôi lại không thể được chứ?”

“Các con số thống kê,” tôi đáp. “Tám mươi phần trăm số người tự tử là nam giới. Tự tử ở khu Đông ít hơn rất nhiều so với khu Tây. Và nơi cô ta thực hiện việc ấy thật kỳ lạ.”

“Nhưng cô ấy đã thực hiện. Ông đã trông thấy cô ấy làm việc đó. Chẳng có gì nghi ngờ về chuyện đó. Không có mâu thuẫn gì. Đó không phải một vụ án mạng được che đậy tinh vi.”

“Có thể cô ta đã bị đẩy tới nước đó. Có thể đó là án mạng gián tiếp.”

“Thế thì tất cả các vụ tự sát đều thế.”

Lee liếc xuôi liếc ngược theo phố, muốn ra đi, nhưng quá lịch sự nên không thể nói ra. Tôi nói, “Rồi, rất vui vì được gặp cô.”

“Ông sẽ rời thành phố à?”

Tôi gật đầu. “Tôi sẽ đi đến thủ đô Washington.”

TÔI BẮT CHUYẾN TÀU CHẠY TỪ GA PENN. Tiếp tục dùng phương tiện giao thông công cộng. Đến được ga thật căng thẳng. Chỉ phải đi bộ qua các đám đông hết ba khối nhà song tôi phải theo dõi những người đang xem hình chụp các khuôn mặt trên điện thoại di động của họ, và dường như cả thế giới đều có một dạng thiết bị điện tử rút ra rồi bật mở lên. Tôi đến đó an toàn và mua vé bằng tiền mặt.

Tàu hỏa đầy người và rất khác tàu điện ngầm. Tất cả hành khách quay mặt về phía trước, họ đều khuất sau những hàng ghế cao. Những người duy nhất tôi trông thấy được là những người ngồi hai bên. Một phụ nữ ngồi ghế sát tôi, hai đàn ông phía bên kia lối đi. Tôi đoán cả ba đều là luật sư. Không phải những nhân vật chủ chốt. Có lẽ là những nhân vật cỡ AA hoặc AAA, những phụ tá cấp cao có cuộc sống bận rộn. Dù sao cũng không phải kẻ đánh bom tự sát. Hai người đàn ông mới cạo râu, cả ba người đều khó chịu cả, nhưng ngoài ra thì chẳng có gì đáng lưu tâm. Dù gì thì hệ thống đường sắt quốc gia đi đến thủ đô cũng không mấy thu hút các tay đánh bom tự sát. Thay vào đó, nó được thiết kế phù hợp cho một chiếc va li chứa bom. Ở Penn, số đường ray được thông báo vào phút cuối cùng. Đám đông xoay tròn trong phòng đợi lớn và rời vội vã đi xuống, lên tàu. Không an ninh. Những va li màu đen có bánh lăn giống hệt nhau xếp đầy trên các giá hành lý. Đủ dễ cho một gã xuống tàu ở Philadelphia và bỏ lại chiếc túi của mình, rồi ít lâu sau nó nổ tung, kích bằng điện thoại di động, trong lúc con tàu chạy vào ga Union mà không chờ gã đó, ngay giữa trung tâm thủ đô.

Nhưng chúng tôi tới đó an toàn và tôi lên được đại lộ Delaware mà không hề hấn gì. Washington cũng nóng như New York, và ẩm ướt hơn. Các vỉa hè phía trước tôi rải rác các nhóm du khách. Hầu hết là các nhóm gia đình, từ khắp nơi xa xôi. Những bậc cha mẹ đầy trách nhiệm, những đứa con sung sũa, tất cả đều mặc áo phông, quần soóc lòi lẹt, bản đồ trên tay, máy ảnh sẵn sàng. Nói thế không phải bảo tôi là người ăn mặc lịch sự hay là một du khách thường xuyên. Trước đây thi thoảng tôi làm việc ở khu vực này, nhưng luôn ở phía tả ngạn sông. Nhưng tôi biết mình đang đi đâu. Đích đến của tôi không thể lẫn được và nằm ngay phía trước tôi. Trụ sở Quốc hội Hoa Kỳ. Nó được xây lên để tạo ấn tượng. Nghe nói các nhà ngoại giao nước ngoài đã đến thăm nơi này hồi chế độ Cộng hòa còn non trẻ, và khi ra đi họ tin rằng nước Mỹ mới là một cường quốc. Kiểu thiết kế tòa nhà đã thành công. Qua tòa nhà này, phía bên kia đại lộ Độc lập là các văn phòng của Nhà trắng. Một thời tôi đã nắm được thông tin cơ bản về những trò chính trị trong Quốc hội. Đôi lúc các cuộc điều tra dẫn thẳng tới các ủy ban. Tôi biết rằng tòa nhà Rayburn đầy những lão già kiêu căng có mặt ở Washington từ thời cha cặng chú kiết. Tôi cho là những tay tương đối mới như Sansom thay vào đó sẽ được bố trí chỗ trong tòa nhà Cannon. Danh giá đấy, nhưng không phải hàng cao nhất.

Tòa nhà Cannon nằm trên đại lộ Độc lập và đại lộ số 1, ần phía đối diện góc xa của tòa nhà Quốc hội như thể nó đang bày tỏ lòng tôn kính hoặc tạo ra một mối đe dọa. Cửa tòa nhà này có mọi hình thức bảo vệ an ninh. Tôi hỏi một tay mặc sắc phục xem ông Sansom từ Bắc Carolina ở trong đó hay không. Anh này kiểm tra danh sách và nói có. Tôi hỏi liệu tôi có thể chuyển một mẫu thư nhỏ tới văn phòng của ông ta không. Anh ta nói có, tôi có thể chuyển được. Anh ta đưa cho tôi một chiếc bút chì, một mảnh giấy ghi đặc biệt của Quốc hội và một phong bì. Ngoài phong bì tôi ghi người nhận là *Thiếu tá John T. Sansom, Quân đội Hoa Kỳ, đã nghỉ hưu*, rồi ghi ngày tháng. Trên mẫu giấy tôi viết: *Sáng sớm nay tôi thấy một phụ nữ chết với cái tên của ông trên môi*. Không đúng, nhưng cũng khá đúng. Tôi thêm:

Bác thêm Thư viện Quốc hội trong vòng một giờ nữa. Tôi ký thư là *Thiếu tá Jack-none-Reacher*<sup>[29]</sup>, *Quân đội Hoa Kỳ, đã nghỉ hưu*. Phía dưới cùng có một ô để đánh dấu trả lời. Câu hỏi: *Quý vị có phải cử tri ở khu vực của tôi không?* Tôi đánh dấu vào đó. Không hoàn toàn đúng. Tôi không sống ở quận của Sansom, cũng chẳng sống ở đâu trong số 434 quận còn lại. Song tôi đã từng phục vụ ở Bắc Carolina, ba lần riêng rẽ. Thế nên tôi cảm thấy mình có đủ quyền trả lời như vậy. Tôi dán phong bì, gửi vào và trở ra chờ đợi.



TÔI CUỘC BỘ TRONG CÁI NÓNG trên đại lộ Độc lập tới Bảo tàng Hàng không Vũ trụ rồi quay ngược lại hướng về phía thư viện. Tôi ngồi xuống các bậc thềm khi còn cách thời gian hẹn năm mươi phút. Các bậc đá ấm nóng. Phía sau những cánh cửa phía bên trên tôi có những người mặc đồng phục, nhưng chẳng ai bước ra. Chắc hẳn các bài diễn tập đánh giá những mối đe dọa đã coi thư viện thuộc dạng nguy cơ thấp.

Tôi chờ đợi.

Tôi không đợi Sansom xuất hiện. Tôi nghĩ rằng thay vào đó tôi sẽ gặp nhân viên. Có lẽ là những nhân viên vận động tranh cử. Bao nhiêu người, tầm nào tuổi, tôi không thể đoán được. Có lẽ là từ một tới bốn người, trình độ từ đại học tới chuyên gia. Tôi thích thú muốn tìm ra. Nếu là một tay trẻ tuổi thì chúng tỏ Sansom chẳng coi trọng lắm lá thư của tôi. Bốn người có tuổi thì sẽ cho thấy ông ta nhạy cảm với vấn đề này. Và có lẽ còn có điều gì đó để che giấu.

Hạn hẹn sáu mươi phút đã tới và trôi qua, tôi chẳng gặp nhân viên văn phòng hay nhân viên vận động tranh cử nào, dù trẻ hay già. Thay vào đó, tôi gặp vợ Sansom và chỉ huy an ninh của ông ta. Mười phút sau khi thời gian hẹn trôi qua, tôi trông thấy một cặp đôi không tương xứng bước ra khỏi một chiếc Town Car, dừng ở chân bậc thềm rồi ngó quanh. Tôi nhận ra người phụ nữ nhờ những bức ảnh trong cuốn sách của Sansom. Ngoài đời, bà ta trông hoàn toàn giống dung mạo nên có ở vợ của một triệu phú. Bà ta có mái tóc được chăm sóc trong cửa hàng thẩm mỹ loại đắt tiền, có cốt cách, phong thái, và có lẽ cao hơn chồng khoảng năm phân. Nếu tính cả

guốc thì cao hơn mười phân. Người đàn ông đi theo bà ta trông giống một cựu binh Delta mặc com lê. Anh ta trông nhỏ song rắn chắc, dẻo dai và gan lì. Cùng kiểu người với Sansom, song thô hơn Sansom trong ảnh. Bộ com lê của anh ta cắt may bằng chất vải đắt tiền theo kiểu kín đáo, nhưng anh ta đã khiến nó xếp nếp và nhăn nhúm như quần áo đã chiến sồn nát.

Hai người đứng cạnh nhau, liếc nhìn những người trong khu vực xung quanh và lần lượt loại trừ từng trường hợp. Khi chỉ còn sót lại mỗi tôi thì tôi giơ một tay lên chào. Tôi không đứng dậy. Tôi cho rằng họ sẽ bước tới và dừng phía dưới tôi, thế nên nếu đứng dậy thì tôi sẽ cao hơn họ chừng một mét. Ngồi yên sẽ có vẻ ít đe dọa hơn. Dễ khiến người ta muốn nói chuyện hơn. Và làm thế sẽ thực tế hơn, nếu xét về mặt tiêu hao năng lượng. Tôi đang mệt.

Họ tiến về phía tôi, bà Sansom đi đôi giày xịn, tiến từng bước uyển chuyển và chính xác, tay cựu binh Delta nhắc từng bước chân bên cạnh bà ta. Họ dừng phía dưới tôi hai bậc thềm và tự giới thiệu. Bà Sansom tự xưng là Elspeth còn gã kia tự giới thiệu là Browning, còn thêm rằng cách đánh vần cái tên ấy giống như hiệu của một loại súng trường tự động, mà tôi đoán là được nói ra hàm ý răn đe nào đó. Anh ta là người bây giờ tôi mới biết. Browning không có trong cuốn sách của Sansom. Anh ta tiếp tục liệt kê toàn bộ các giai đoạn trong lý lịch của mình, bắt đầu bằng việc phục vụ quân đội bên cạnh Sansom, rồi tới công việc ngoài quân đội với vai trò chỉ huy an ninh trong suốt những năm Sansom làm ăn kinh doanh, và rồi chỉ huy an ninh trong cả nhiệm kỳ Sansom làm Hạ nghị sĩ, rồi dự kiến cũng giữ cương vị đó trong suốt nhiệm kỳ Thượng nghị sĩ và những năm tiếp theo. Toàn bộ sự phô bày này nói lên sự trung thành. Bà vợ và kẻ hầu cận trung thành. Tôi nghĩ rằng mình không được có bất cứ nghi ngờ nào về chuyện họ đặt hết quan tâm của họ vào đâu. Có thể là hành động quá mức cần thiết. Mặc dù tôi cảm nhận rằng, về mặt chính trị, phái vợ đi ngay từ giai đoạn đầu là một hành động khôn ngoan. Hầu hết các vụ bê bối bị vỡ lở khi một

kẻ xử lý một vấn đề mà vợ tay đó chẳng biết gì. Cho cô ta biết ngay từ đầu chính là một lời tuyên bố.

Bà ta lên tiếng, “Từ trước tới giờ chúng tôi đã thắng nhiều cuộc bầu cử và chúng tôi sẽ thắng thêm nhiều nữa. Người ta đã vài chục lần cố làm điều ông đang cố làm. Họ đã không thành công và ông cũng sẽ không thành công đâu.”

Tôi nói, “Tôi chẳng cố làm gì cả. Và tôi cũng chẳng quan tâm xem ai thắng cử. Một người phụ nữ đã chết, chỉ thế thôi, còn tôi muốn biết vì sao.”

“Người phụ nữ nào?”

“Một nhân viên của Lầu Năm Góc. Đêm qua cô ấy đã tự bắn vào đầu mình, trên tàu điện ngầm New York.”

Elspeth Sansom liếc Browning, Browning gật đầu và nói: “Tôi đã đọc tin đó trên mạng. Từ *New York Times* và *Washington Post*. Chuyện đó xảy ra quá muộn nên các báo in không kịp đăng.”

“Sau hai giờ sáng một chút,” tôi nói.

Elspeth hướng ánh mắt trở lại phía tôi và hỏi, “Ông liên can thế nào?”

“Nhân chứng,” tôi nói.

“Và cô ta đã nhắc tới tên chồng tôi à?”

“Đó là điều tôi sẽ cần bàn với ông ấy. Hoặc là với *New York Times* hay *Washington Post*.”

“Đó có phải lời đe dọa không thế?” Browning hỏi.

“Tôi đoán là có,” tôi đáp. “Các ông sẽ làm gì với nó?”

“Hãy luôn nhớ,” anh ta nói. “Người ta sẽ không làm những việc mà John Sansom đã làm trong đời nếu họ mềm yếu. Và tôi cũng không mềm

yếu đâu. Cả bà Sansom cũng vậy.”

“Tuyệt vời,” tôi nói. “Chúng ta đều đã thống nhất rằng chẳng ai trong số chúng ta mềm yếu. Thực ra tất cả chúng ta đều rắn như đá hết. Giờ thì hãy tiếp tục. Khi nào tôi sẽ gặp sếp của ông?”

“Khi còn trong quân đội ông là gì?”

“Là loại mà thậm chí các ông cũng nên sợ. Dù có thể các ông đã không thấy sợ. Nhưng điều đó không quan trọng. Tôi không tìm cách hại ai cả. Nghĩa là, trừ phi ai đó muốn bị hại.”

Elsbeth Sansom nói: “Bảy giờ tối nay.” Bà ta xướng tên một nơi mà tôi cho là nhà hàng, ở Vòng xoay Dupont. “Chồng tôi sẽ dành cho ông năm phút.” Rồi bà ta nhìn tôi lần nữa và nói, “Đừng đến mà ăn mặc như thế, nếu không ông sẽ chẳng vào được đâu.”

Họ trở vào chiếc Town Car và chạy đi. Tôi có ba tiếng đồng hồ để giết thời gian. Tôi bắt taxi tới góc phố giữa phố 18 và đại lộ Mass, tìm một cửa hiệu và mua một chiếc quần trơn cùng một chiếc sơ mi kẻ ca rô màu xanh nước biển. Rồi tôi cuốc bộ tới một khách sạn tôi thấy xuôi về phía Nam hai tòa nhà trên phố 18. Đó là một nơi to lớn hoành tráng, nhưng những nơi to lớn hoành tráng thường là nơi tốt nhất cho những tiện ích lậu. Tôi gật đầu chào khi đi qua các nhân viên trực sảnh rồi vào thang máy lên một tầng bất kỳ và đi bộ dọc theo hành lang cho tới khi gặp một nhân viên buồng đang dọn phòng trống. Lúc này đã hơn 4 giờ chiều. Thời gian nhận phòng là 2 giờ. Vì vậy đêm nay phòng này sẽ trống. Có lẽ đêm mai cũng vậy. Các khách sạn lớn rất hiếm khi kín phòng. Và các khách sạn lớn không bao giờ đả ngộ tốt các nhân viên buồng. Thế nên cô này thấy vui khi nhận ba mươi đô la và nghỉ ba mươi phút. Tôi cho là cô sẽ chuyển sang phòng tiếp theo trong danh sách buồng của mình và sẽ trở lại sau.

Lúc này cô vẫn chưa dọn tới phòng tắm, nhưng trên giá vẫn có hai chiếc khăn tắm sạch. Chẳng ai có thể sử dụng toàn bộ số khăn một khách sạn lớn cung cấp. Vẫn còn một bánh xà phòng nguyên trong bọc đặt cạnh chậu rửa và nửa chai dầu gội đầu trên kệ. Tôi đánh răng và tắm một lúc lâu. Tôi lau khô người rồi mặc bộ quần áo mới vào. Tôi lấy lại các thứ đồ trong túi của mình rồi ném quần áo cũ của tôi vào thùng rác trong phòng tắm. Ba mươi đô la cho tiền sử dụng phòng. Rẻ hơn một lần chăm sóc sức khỏe và sắc đẹp. Và nhanh hơn. Tôi đã trở lại đường phố trong vòng hai mươi tám phút.

Tôi cuốc bộ lên Dupont và dò ra nhà hàng. Nhà hàng Afghanistan, các bàn ngoài trời đặt ở sân trước, các bàn trong nhà nằm sau một cánh cửa gỗ. Nó trông giống một nơi sẽ đầy những kẻ quyền lực sẵn sàng ném hai mươi đô cho một món khai vị chỉ đáng hai xu trên đường phố Kabul. Tôi chấp nhận được đồ ăn chứ không chấp nhận được giá cả. Tôi nghĩ mình sẽ nói chuyện với Sansom rồi đi ăn ở một nơi khác.

Tôi đi bộ theo phố P về phía Tây tới Công viên Rock Creek và leo xuống gần mép nước. Tôi ngồi trên một phiến đá phẳng rộng lắng nghe tiếng nước chảy phía dưới và dòng xe cộ phía trên mình. Dần dần tiếng xe cộ lớn dần lên và tiếng nước chảy lặng dần đi. Khi đồng hồ trong đầu tôi điểm bảy giờ kém năm, tôi leo trở lại và hướng về phía nhà hàng.

VÀO BẢY GIỜ TỐI WASHINGTON ĐANG TỐI DẦN và tất cả những căn nhà ở Dupont đều sáng đèn. Nhà hàng Afghanistan treo đèn lồng giấy khắp sân. Vĩa hè đầy những chiếc limousine. Hầu hết các bàn ngoài sân đều đã đầy người. Nhưng không có Sansom và người của ông ta. Tất cả những người tôi thấy đều là nam giới trẻ mặc com lê và phụ nữ trẻ mặc váy. Họ tập trung từng đôi, nhóm ba hay nhóm bốn người, trò chuyện, gọi điện thoại di động, đọc thư điện tử bằng thiết bị cầm tay, lấy giấy tờ trong cặp ra rồi lại nhét vào cặp. Tôi đoán là Sansom ở bên trong, phía sau cánh cửa gỗ.

Có một bục dành cho tiếp viên tiếp khách mới vào cạnh vĩa hè nhưng tôi chưa kịp bước tới đó thì Browning đã lách qua một đám đông và bước tới phía trước tôi. Anh ta gạt đầu hướng về một chiếc Town Car màu đen cách đây chừng hai chục bước và nói, “Ta đi thôi.”

Tôi nói, “Đi đâu? Tôi nghĩ Sansom ở đây kia.”

“Nghĩ lại đi. Ông ấy không dùng bữa ở một nơi như thế này đâu. Và chúng tôi sẽ không để ông ấy làm thế dù cho ông ấy có muốn. Thành phần phức tạp, quá mất an toàn.”

“Vậy sao lại đưa tôi tới đây?”

“Chúng tôi phải đưa ông tới đâu đó chứ.” Anh ta đứng đấy như thể việc tôi đi cùng hoặc bỏ đi nơi khác tuyệt đối chẳng có nghĩa gì với anh ta vậy. Tôi nói, “Vậy ông ta đâu?”

“Gần đây. Ông ấy phải họp. Ông ấy có thể dành cho ông năm phút trước khi cuộc họp bắt đầu.”

“OK,” tôi nói. “Ta đi thôi.”

Một tài xế đang ngồi trong chiếc Town Car. Máy đã nổ sẵn. Browning cùng tôi leo vào băng ghế sau và tài xế đánh xe đi, vòng gần hết vòng xoay thì rẽ về phía Nam rồi chạy về phía Tây theo đại lộ New Hampshire. Chúng tôi chạy qua Bảo tàng Lịch sử. Theo trí nhớ của tôi về đại lộ New Hampshire thì phía trước chúng tôi không có gì nhiều ngoài một chuỗi khách sạn rồi tới Đại học George Washington.

Chúng tôi không dừng ở khách sạn nào cả. Chúng tôi không dừng ở Đại học George Washington. Thay vào đó chúng tôi ngoặt gấp về bên phải vào đại lộ Virginia và chạy vài trăm mét rồi rẽ vào Watergate. Khu nhà cũ nổi tiếng, hiện trường của tội ác. Các phòng khách sạn, căn hộ, văn phòng, dòng sông Potomac tối đen chầm chậm chảy phía xa. Tài xế dừng xe phía ngoài một tòa nhà văn phòng. Browning ngồi yên trên ghế. Anh ta nói, “Đây là quy tắc cơ bản. Tôi sẽ đưa ông lên. Ông sẽ đi một mình. Nhưng tôi sẽ ở ngay ngoài cửa. Chúng ta hiểu nhau rồi chứ?”

Tôi gật đầu. Chúng tôi đã rõ. Chúng tôi ra khỏi xe. Có một nhân viên an ninh mặc sắc phục ngồi bên bàn phía sau cửa, nhưng anh ta chẳng để tâm gì tới chúng tôi. Chúng tôi vào thang máy. Browning bấm số 4. Chúng tôi im lặng trong khi thang chạy lên. Cả hai ra khỏi thang máy và bước ngang một tấm thảm màu xám chừng sáu mét tới một cánh cửa gắn biển *Nghiên cứu chung*. Một cái tên nhạt nhòa trên một phiến gỗ chẳng có gì nổi bật. Browning mở cửa và đẩy tôi vào trong. Tôi trông thấy một phòng đợi, trang trí ở mức trung bình. Một bàn lễ tân không có người, bốn chiếc ghế da thấp, các văn phòng phía trong nằm cả bên trái lẫn phải. Browning trở phía trái cho tôi mà nói, “Gõ cửa và vào trong. Tôi sẽ đợi ông ở đây.”

Tôi bước về phía cánh cửa bên trái, gõ cửa, bước vào.

Có ba người đàn ông đang đợi tôi ở văn phòng phía trong.

Chẳng ai trong số đó là Sansom.



CĂN PHÒNG LÀ KHÔNG GIAN DỰ PHÒNG trông trải hầu như không có thứ đồ nội thất nào. Ba người đàn ông chính là ba nhân viên điều tra liên bang từng tới Đồn Cảnh sát Khu vực 14 ở thành phố New York. Họ không có vẻ gì hài lòng khi gặp tôi một lần nữa. Thoạt tiên họ không nói gì cả. Thay vào đó, tay cầm đầu lấy ra khỏi túi một vật nhỏ bằng bạc. Một máy ghi âm. Máy kỹ thuật số. Loại dùng trong văn phòng, hiệu Olympus. Ông ta bấm một nút, có một khoảng lặng ngắn và tôi nghe thấy giọng ông ta hỏi, “Cô ta có bảo gì ông không?” những từ này eo éo không rõ và đùng đục tiếng vang, nhưng tôi vẫn nhận ra. Trích từ cuộc thẩm vấn, vào lúc năm giờ sáng hôm đó, khi tôi ngồi trên ghế, trong trạng thái buồn ngủ, họ tỉnh táo và đứng, mùi của mồ hôi, lo lắng và cà phê cháy trong không khí.

Tôi nghe chính mình đáp lời, “Không gì cụ thể.”

Tay cầm đầu bấm một nút khác và các âm thanh được ghi lại tan biến. Ông ta đút chiếc máy vào lại trong túi áo và lôi từ trong túi còn lại ra một tờ giấy gập. Tôi nhận ra nó. Đó là một mảnh giấy ghi đặc biệt của Quốc hội mà nhân viên an ninh đã đưa cho tôi ở cửa tòa nhà Cannon. Tay này mở ra đọc to, “Sáng sớm nay tôi thấy một phụ nữ chết với cái tên của ông trên môi.”

Ông ta chìa tấm giấy về phía tôi để tôi có thể trông thấy nét chữ của chính mình.

Ông ta nói, “Cô ta đã nói cho ông một điều cụ thể. Ông đã nói dối với nhân viên điều tra liên bang. Người ta phải đi tù vì việc ấy đấy.”

“Nhưng không phải tôi,” tôi nói.

“Ông nghĩ thế hả? Điều gì khiến ông đặc biệt?”

“Chẳng gì khiến tôi đặc biệt. Nhưng điều gì khiến các ông trở thành nhân viên điều tra liên bang?”

Tay này không trả lời.

Tôi nói, “Các ông không thể chơi trò hai mặt được đâu. Các ông muốn chơi trò bí mật và không chịu trưng giấy tờ tùy thân, thế thì làm thế nào tôi biết các ông là ai? Có thể các ông là nhân viên hồ sơ của NYPD đến làm việc sớm, tìm cách giết thời gian. Và chẳng có luật nào về việc nói dối người dân. Nếu không sếp của các ông đã vào tù cả lũ rồi.”

“Chúng tôi đã nói với ông chúng tôi là ai.”

“Người ta tự nhận mình là đủ mọi thứ.”

“Chúng tôi trông có giống các nhân viên hồ sơ không?”

“Rất giống. Và dù gì đi nữa, có lẽ tôi đã không nói dối các ông. Có lẽ tôi đã nói dối Sansom.”

“Vậy đúng ra là gì?”

“Đó là việc của tôi. Tôi vẫn chưa trông thấy giấy tờ tùy thân.”

“Chính xác thì ông đang làm gì ở Washington? Với Sansom?”

“Đó cũng là việc của tôi.”

“Ông muốn hỏi ông ta một số câu hỏi à?”

“Các ông có luật cấm người ta đặt các câu hỏi sao?”

“Ông đã là một nhân chứng. Bây giờ ông đang điều tra hả?”

“Đất nước tự do,” tôi đáp.

“Sansom không thể nói cho ông bất cứ điều gì.”

“Có thể thế,” tôi nói. “Có thể không thế.”

Tay cầm đầu ngừng một chút rồi nói, “Ông có thích tennis không?”

Tôi đáp, “Không.”

“Ông có nghe nói về Jimmy Connors không? Bjorn Borg? John McEnroe?”

Tôi nói, “Các tay vợt tennis, từ thời trước.”

“Chuyện gì sẽ diễn ra nếu họ dự giải Mỹ mở rộng năm tới?”

“Tôi không biết.”

“Họ sẽ bị đá đít khắp sân. Họ sẽ bị cắt đầu đưa lên đĩa. Thậm chí các tay vợt nữ cũng sẽ đánh bại họ. Là những tay vô địch vĩ đại trong thời của họ, nhưng giờ họ đã là các ông già và họ xuất phát từ một thời đại hoàn toàn khác. Thời gian vẫn trôi. Cuộc chơi đã thay đổi. Ông hiểu điều tôi đang nói với ông chứ?”

Tôi đáp, “Không.”

“Chúng tôi đã xem hồ sơ của ông. Thời tiền sử thì ông là ngôi sao. Nhưng bây giờ đây là thế giới mới. Ông đã hết thời rồi.”

Tôi ngoái lại và liếc ra cửa. “Browning vẫn ở ngoài đó chứ? Hay ông ta bán đứng tôi rồi?”

“Browning là ai?”

“Tay đã đưa tôi tới đây. Người của Sansom ấy.”

“Ông ta đi rồi. Mà tên ông ta không phải Browning. Ông là con bé giữa rừng già đấy.”

Tôi chẳng nói gì. Chỉ nghe tới từ *con bé* là nghĩ về Jacob Mark cùng đứa cháu trai Peter của anh. *Một cô gái gặp ở quán bar. Một con bé hết sức ngon lành. Peter đã rời quán cùng nó.*

Một trong hai tay còn lại trong phòng nói, “Chúng tôi cần ông quên hoàn toàn chuyện làm một điều tra viên, được chứ? Chúng tôi cần ông cứ hãy là một nhân chứng. Chúng tôi cần biết làm thế nào mà tên của Sansom có liên hệ tới người phụ nữ đã chết. Ông sẽ không rời khỏi căn phòng này chừng nào chúng tôi chưa tìm ra.”

Tôi nói, “Tôi sẽ rời khỏi phòng này đúng lúc nào tôi quyết định làm thế. Phải cần nhiều hơn ba nhân viên hồ sơ để giữ tôi ở nơi nào đó mà tôi không muốn ở.”

“Mạnh miệng đấy.”

Tôi nói, “Dù sao tên của Sansom cũng được nhắc tới ngoài kia rồi. Tôi đã nghe thấy cái tên ấy từ miệng bốn tay điều tra thuê ở thành phố New York.”

“Bọn họ là ai?”

“Bốn gã mặc com lê cùng một tấm danh thiếp giả.”

“Ông có thể làm tốt nhất là từng đó hay sao? Đó là một câu chuyện quá nghèo nàn. Tôi nghĩ ông đã nghe cái tên ấy từ chính Susan Mark kia.”

“Tại sao các ông thậm chí cũng quan tâm? Một nhân viên HRC có thể biết điều gì sẽ gây hại cho một người như Sansom chứ?”

Không ai nói gì, song sự im lặng hết sức kỳ lạ. Dường như nó mang theo một câu trả lời không thành tiếng đang điên cuồng xoắn xít và phồng to lên trên, phồng cả bên ngoài, kiểu như: *Không chỉ Sansom làm chúng tôi*

*lo ngại mà là cả quân đội, cả quân sự, cả quá khứ, cả tương lai, cả đất nước, cả chính phủ, cả toàn bộ thế giới rộng lớn, cả vũ trụ chết tiệt này.*

Tôi hỏi, “Các ông là ai?”

Không có câu trả lời.

Tôi nói, “Hồi ấy Sansom đã làm cái quái gì thế?”

“Hồi nào?”

“Trong suốt mười bảy năm quân ngũ của ông ta.”

“Ông nghĩ ông ấy đã làm gì?”

“Bón phi vụ bí mật.”

Căn phòng trở nên yên lặng.

Tay cầm đầu hỏi, “Làm thế nào ông biết về các phi vụ của Sansom?”

Tôi nói, “Tôi đã đọc cuốn sách của ông ta.”

“Chúng không có trong sách của ông ấy.”

“Nhưng các huy chương và những lần thăng cấp của ông ta thì có. Mà không có lời giải thích rõ ràng nào về nguồn gốc khác của chúng.”

Chẳng ai nói gì.

Tôi nói, “Susan Mark không biết gì cả. Cô ta không thể biết. Chỉ là không thể. Có thể cô ta đã lục tung cả HRC lên suốt cả năm để tìm mà không thấy nhắc tới chuyện ấy dù chỉ chút xíu.”

“Nhưng kẻ nào đó đã hỏi cô ta.”

“Thế thì sao? Không tai hại, không tội lỗi.”

“Chúng tôi muốn biết kẻ đó là ai, chỉ thế thôi. Chúng tôi muốn theo dõi những việc như vậy.”

“Tôi không biết đó là ai.”

“Nhưng rõ ràng ông muốn biết. Nếu không tại sao ông có mặt ở đây?”

“Tôi đã thấy cô ta tự sát. Không dễ chịu gì.”

“Chẳng bao giờ dễ chịu. Nhưng chẳng có lý do gì để xúc động cả. Hoặc để gặp rắc rối.”

“Các ông lo lắng cho tôi à?”

Chẳng ai trả lời.

“Hay các ông lo lắng rằng tôi sẽ phát hiện ra điều gì đó?”

Tay thứ ba nói, “Điều gì khiến ông nghĩ rằng hai mối lo đó là khác nhau? Có thể chúng cùng là một. Ông phát hiện ra gì đó, ông sẽ bị gông cổ đến hết đời. Hoặc bị vướng một viên đạn lạc.”

Tôi không nói gì. Căn phòng lại chìm trong im lặng.

Tay cầm đầu nói, “Cơ hội cuối cùng. Chỉ làm một nhân chứng. Cô kia có nhắc tới tên Sansom hay không?”

“Không,” tôi nói. “Cô ta không nhắc.”

“Nhưng dù sao ngoài kia cũng đã nhắc tới tên ông ấy.”

“Đúng,” tôi nói. “Đúng như vậy.”

“Và ông không biết rằng ai đang hỏi.”

“Không,” tôi nói. “Tôi không biết.”

“Được rồi,” tay này nói. “Giờ thì hãy quên tất cả những gì về chúng tôi mà tiếp tục sống đi. Chúng tôi chẳng hề muốn gây phức tạp cho cuộc sống của ông.”

“Nhưng sao?”

“Chúng tôi sẽ làm thế nếu buộc phải vậy. Nhớ chuyện rắc rối ông có thể gây ra cho nhân dân hồi ở đơn vị điều tra tinh nhuệ 10 chứ? Giờ thì đã tồi tệ hơn nhiều. Tồi tệ gấp trăm lần. Thế nên hãy hành động khôn ngoan. Nếu ông muốn chơi, hãy đi mà chơi bóng chày. Tránh xa chuyện này. Cuộc chơi đã thay đổi rồi.”

Họ để cho tôi đi. Tôi theo thang máy xuống, đi qua tay ngời ở cửa và đứng trên một khu lát gạch rộng rãi nhìn dòng sông đang lững lờ chảy. Những ánh đèn phản chiếu đang chảy cùng với dòng nước. Tôi nghĩ về Elspeth Sansom. Cô ta đã khiến tôi thấy ấn tượng. *Đừng đến mà ăn mặc như thế, nếu không ông sẽ chẳng vào được đâu.* Chỉ dẫn sai một cách hoàn hảo. Cô ta đã hoàn toàn lừa được tôi. Tôi đã mua một chiếc sơ mi mà tôi không cần hay muốn có.

*Không mềm yếu.*

Chắc chắn là thế chứ còn gì nữa.

Trời đêm ẩm áp. Bầu không khí nặng nề và nồng nặc mùi mà dòng nước mang lại. Tôi quay trở lại phía Vòng xoay Dupont. Tôi nghĩ là chừng 1,25 dặm. Đi bộ mất hai mươi phút, có thể ít hơn.

CÁC BỮA ĂN TRONG NHÀ HÀNG ở Washington hiếm khi diễn ra ngắn hơn một tiếng hoặc dài hơn hai tiếng đồng hồ. Đó đã là kinh nghiệm của chính tôi. Thế nên tôi hy vọng tìm ra Sansom lúc ông ta đang kết thúc món khai vị hoặc đang gọi đồ tráng miệng. Có thể đã đang uống cà phê và nghĩ tới một điều xì gà.

Khi tôi quay lại nhà hàng, khoảng một nửa số bàn ngoài sân đã đổi khách. Các khách hàng mới là những thanh niên trẻ mặc com lê và các cô gái mặc váy. Nhiều đôi hơn là các toán ba, bốn người, tình tự nhiều hơn là công việc. Nhiều chuyện tán gẫu tung bừa để gây ấn tượng với đối phương hơn, ít lướt thiết bị điện tử hơn. Tôi bước qua bục của nhân viên phục vụ, cái cô đứng đó gọi với theo, tôi liền nói, “Tôi đi cùng ngài nghị sĩ.” Tôi đẩy cánh cửa gỗ, bước vào, nhìn lướt qua phòng bên trong. Đó là một không gian thấp hình chữ nhật đầy ánh sáng mờ và đủ thứ mùi gia vị cùng tiếng nói chuyện ồn ào, thi thoảng vài tiếng cười lớn.

Sansom không có trong đó.

Chẳng có dấu hiệu nào của ông ta, không có dấu hiệu nào của vợ ông ta, cũng không có dấu hiệu của tay tự xưng là Browning, không có nhóm nhân viên văn phòng hào hứng hay các tình nguyện viên hỗ trợ tranh cử nào.

Tôi quay trở ra, cái cô ở bục dành cho nhân viên phục vụ nhìn tôi với vẻ dò xét rồi hỏi, “Ông đi cùng với ai?”

Tôi đáp, “John Sansom.”



“Ông ấy không ở đây.”

“Rõ ràng thế rồi.”

Một thằng nhóc ngồi tại bàn ngay cạnh cũi chó tôi lên tiếng, “Bắc Carolina thứ mười bốn phải không? Ông ấy rời thành phố rồi. Ngày mai ông ấy có bữa sáng gây quỹ ở Greensboro. Ngành ngân hàng và bảo hiểm, không có ngành thuốc lá. Tôi đã nghe ông ấy nói cho người của tôi tất cả về chuyện ấy.” Câu cuối cùng của cậu ta hướng về phía cô gái ngồi đối diện chứ không phải tôi. Có lẽ trọng tâm cả bài diễn thuyết ấy là, *Người của tôi*. Rõ ràng thằng nhóc này là một tay hết sức quan trọng, hoặc đang muốn được như thế.

Tôi trở lại via hè, đứng yên một giây, rồi lên đường tới Greensboro, Bắc Carolina.

Tôi đến đó bằng một chuyến xe buýt muộn theo lịch trình sẽ dừng ở chặng đầu tiên là Richmond, Virginia rồi ở Raleigh, rồi ở Durham, rồi ở Burlington. Tôi không chú ý đến lịch trình. Tôi ngủ suốt cả chặng đường. Chúng tôi tới Greensboro lúc gần 4 giờ sáng. Tôi cuốc bộ qua các văn phòng cho đóng tiền bảo lãnh, hiệu cầm đồ cửa sắt cuốn và bỏ qua vài tiệm ăn nhỏ rẻ tiền cho tới khi tìm được hàng ăn tôi muốn. Tôi đang chọn không phải căn cứ vào thức ăn. Với tôi thì mọi đồ ăn trong nhà hàng đều như nhau cả. Tôi đang tìm các danh bạ điện thoại và các giá báo địa phương miễn phí nên phải đi bộ dài dài mới kiếm ra. Nhà hàng tôi chọn vừa mới mở cửa. Một anh chàng mặc áo lót đang rưới mỡ lên vỉ. Cà phê nhỏ giọt xuống một chiếc bình. Tôi vợ lấy cuốn *Các trang vàng niên giám*, vào một bàn và tìm khách sạn ở trong ấy. Greensboro có đầy khách sạn. Nơi đây có diện tích tương đối. Dân số có lẽ tầm một phần tư triệu người.

Tôi suy luận rằng một bữa sáng gây quỹ sẽ diễn ra ở một địa điểm tương đối sang. Các nhà tài trợ thuộc hạng giàu có, họ sẽ chẳng tới Nhà trọ

Red Roof<sup>[30]</sup> để ăn một món có giá tới năm trăm đô la. Sẽ không thể như thế nếu họ làm trong ngành ngân hàng và bảo hiểm.

Tôi đoán là khách sạn Hyatt hoặc Sheraton. Greensboro có cả hai khách sạn này. Khả năng là năm mươi-năm mươi. Tôi gập cuốn niên giám và bắt đầu lướt qua các trang báo miễn phí, để khẳng định suy đoán của mình. Các báo miễn phí đăng tải tất cả những sự kiện đáng chú ý ở địa phương.

Tôi tìm được một bài viết về bữa sáng này ở tờ báo thứ hai mà tôi mở ra. Nhưng nhận định của tôi về khách sạn đã sai. Không phải Hyatt cũng chẳng phải Sheraton. Thay vào đó, Sansom đã chốt một nơi là khách sạn O. Henry, tôi đoán nó được đặt tên theo nhà văn nổi tiếng của Bắc Carolina. Địa chỉ được cung cấp. Dự kiến sự kiện sẽ bắt đầu lúc bảy giờ sáng. Tôi xé lấy bài báo, gập nhỏ lại đút vào túi. Tay thanh niên sau quầy đã chuẩn bị xong mọi thứ và mang cho tôi một cốc cà phê mà không hề hỏi gì. Tôi nhấp một ngụm. Chẳng gì tốt hơn là thưởng thức khi đồ uống vừa được pha. Rồi tôi gọi một suất combo<sup>[31]</sup> lớn nhất có trong thực đơn rồi ngả người xem anh chàng chế biến món ấy.

Tôi bắt taxi tới khách sạn O. Henry. Lẽ ra có thể cuốc bộ, mà công tìm taxi còn mất nhiều thời gian hơn thời gian ngồi xe, nhưng tôi muốn đến bằng phương tiện sang một chút. Tôi tới nơi lúc 6 giờ 15 phút. Khách sạn này là bản sao thời hiện đại của một khách sạn cổ kiêu cách. Nó trông như một công trình độc lập, nhưng có lẽ không phải thế. Rất ít khách sạn như vậy. Sảnh trang trí kiêu cạo, mờ ảo, đầy những ghế bành bọc da sang trọng. Tôi bước qua chúng tới quầy tiếp tân với vẻ tự tin và bảnh bao bằng hết khả năng của một gã mặc chiếc sơ mi nhúm giá mười chín đô la. Có một phụ nữ trẻ trực ở quầy. Cô trông ngập ngừng, như thể vừa mới vào làm và còn chưa quen hẳn. Cô ta nhìn lên tôi, tôi nói, “Tôi đến đây dự bữa sáng của ông Sansom.”

Cô gái trẻ không nói gì. Cô chật vật tìm cách đáp lại, như thể tôi đã cung cấp quá nhiều thông tin khiến cô lúng túng. Tôi nói, “Họ phải để vé của tôi ở đây.”

“Vé của ông à?”

“Giấy mời của tôi ấy.”

“Ai mời?”

“Elsbeth,” tôi đáp. “Ý tôi là bà Sansom. Hoặc người của họ.”

“Người nào?”

“Người chỉ đạo an ninh.”

“Ông Springfield phải không?”

Tôi mỉm cười với mình. Springfield là một nhà sản xuất súng trường tự động, cũng như Browning. Tay này thích chơi chữ, quả là vui nhưng đại. Những cái tên giả sẽ hiệu quả hơn nếu chúng hoàn toàn không có mối liên hệ nào với thực tế.

Tôi hỏi, “Sáng nay cô đã gặp họ chưa?” Đây là câu ướm lời tinh tế. Tôi cho rằng Greensboro không nằm trong quận bầu cử nghị sĩ của chính Sansom. Một chiến dịch tranh cử ghế Thượng nghị sĩ cần phô trương và gây quỹ trên quy mô toàn bang. Tôi đoán là khu vực của Sansom đã đảm bảo chắc chắn thắng lợi, và đến lúc này ông ta sẽ quăng lưới ra xa hơn. Vì thế có lẽ ông ta đã ở khách sạn qua đêm, sẵn sàng để khởi sự sớm sủa. Nhưng tôi không thể chắc chắn. Tôi mà hỏi ông ta đã xuống khỏi phòng hay chưa thì tôi sẽ trông như một kẻ đàn độn nếu như chỗ ông ta ở cách đây vài phút đi bộ. Hỏi Sansom đã tới hay chưa thì tôi cũng sẽ trông đàn độn không kém nếu như ông ta ở cách xa đến hai trăm dặm. Thế nên tôi chọn phương án trung lập.

Cô kia nói, “Theo như tôi biết thì họ vẫn còn trên gác.”

Tôi bảo, “Cảm ơn,” rồi bước lại sảnh, cách xa thang máy để cô ta không có gì phải lo lắng. Tôi chờ cho tới khi điện thoại chỗ cô kia đổ chuông và cô ta bắt đầu gõ bàn phím, tập trung vào màn hình máy tính, đoạn tôi nhanh chân vòng qua sát mé cuối phòng và bấm nút thang lên.

Tôi nghĩ rằng Sansom sẽ ở trong khu phòng lớn, và các khu phòng lớn sẽ nằm ở tầng trên cùng, thế nên tôi bấm nút tầng cao nhất ở thang máy. Một lúc lâu sau tôi bước từ thang máy ra một hành lang yên tĩnh trải thảm, có một cảnh sát mặc sắc phục đứng nhàn nhã bên ngoài một cánh cửa đôi bằng gỗ gụ. Một cảnh sát tuần tra, từ Phòng cảnh sát Greensboro. Không trẻ. Một cảnh sát lâu năm, kiếm những đồng thu nhập thêm đầu tiên bằng thời gian làm ngoài giờ mà chẳng phải cố gắng gì. Hiện diện cho có lệ. Tôi bước về phía ông ta với nụ cười thể hiện sự tiếc nuối, kiểu như *Này, ông bạn đang làm việc, tôi đang làm việc, một gã đàn ông phải làm gì?* Tôi đoán là chắc chắn ông ta đã phải tiếp vài vị khách rồi. Cà phê uống mang lên phòng, các nhân viên văn phòng có những lý do phù hợp để tới, có lẽ cả nhà báo. Tôi gật đầu với ông ta và nói, “Jack Reacher tới gặp ông Sansom,” rồi rướn người qua ông ta mà gõ cửa. Viên cảnh sát không phản ứng gì. Không phàn nàn gì. Chỉ đứng đó, hệt như một món hàng trưng bày. Dù sau này có làm gì đi nữa thì lúc này Sansom vẫn chỉ là nghị sĩ từ một vùng xa xôi, còn lâu ông ta mới được bảo vệ nghiêm ngặt.

Có một khoảng ngừng ngắn, rồi cửa khu phòng mở ra. Vợ Sansom đứng đó, bàn tay đặt trên tay nắm cửa phía trong.

Cô ta đã ăn mặc chỉnh tề, đã làm chải tóc, trang điểm xong, sẵn sàng cho một ngày mới.

“Xin chào, Elspeth,” tôi nói. “Tôi vào được chứ?”

TÔI NHẬN THẤY SỰ TÍNH TOÁN NHANH CHÓNG, đầy chuyên nghiệp kiểu vợ của chính trị gia thoáng lướt qua đôi mắt của Elspeth Sansom. Bản năng đầu tiên: đuổi cổ kẻ phá thói đi. Nhưng: có một cảnh sát ngoài hành lang, có lẽ có cánh truyền thông trong tòa nhà, lại gần như chắc chắn là nhân viên khách sạn trong cự ly có thể nghe được. Và người dân địa phương bàn tán. Thế nên cô ta nuốt cục tức xuống mà nói, “Thiếu tá Reacher, thật vui khi gặp lại ông,” và lùi lại nhường chỗ cho tôi bước qua.

Khu phòng rộng và tối bởi các cửa sổ kéo rèm và rất nhiều đồ nội thất nặng nề có gam màu thẫm. Có một phòng khách đặt quầy bar để ăn sáng và một cánh cửa mở chắc chắn là dẫn tới một phòng ngủ. Elspeth Sansom đưa tôi tới giữa nơi này thì dừng lại, như thể không biết phải làm gì kế tiếp với tôi. Rồi John Sansom bước ra khỏi phòng ngủ để xem tất cả chuyện ồn ào này là thế nào.

Ông ta mặc quần dài, áo sơ mi, thắt cà vạt, đi tất. Không đi giày. Viên nghị sĩ trông bé, như một người thu nhỏ. Tạng người rắn chắc, từ vai trở xuống đều hẹp. Đầu ông hơi quá to so với phần còn lại của cơ thể. Tóc ông ta cắt ngắn, chải gọn gàng. Da ông ta rám nắng nhưng theo kiểu hơi nhăn, năng động, do hoạt động ngoài trời. Khỏe khoắn. Tay này không dùng đèn tẩm nắng. Sansom ngời ngời sự giàu có, quyền lực, sức sống, vẻ oai phong. Thật dễ hiểu làm thế nào ông ta đã thắng trong nhiều cuộc bầu cử. Thật dễ hiểu vì sao các tuần san tin tức lại phải lòng ông ta. Ông ta nhìn tôi rồi nhìn vợ và hỏi, “Springfield đâu?”

Elsbeth đáp, “Anh ta xuống gác kiểm tra mọi thứ. Chắc hẳn họ đã qua mặt nhau trong thang máy.”

Sansom gật đầu, không nhiều hơn là một lần đưa mi mắt lên xuống nhanh lẹ. Một tay ra quyết định từng trái, một người thực tế, không bận tâm nhiều tới những chuyện đã rồi. Ông ta liếc tôi nói, “Anh không chịu bỏ cuộc.”

Tôi nói, “Tôi chưa bao giờ thế cả.”

“Anh không nghe lời những chàng điều tra liên bang ở Washington à?”

“Chính xác thì họ là ai?”

“Những tay đó à? Anh biết cơ chế thế nào mà. Tôi có thể nói cho anh, nhưng sau đó tôi sẽ phải giết anh. Nhưng dù là gì, nhiệm vụ của họ là cảnh báo để anh tránh ra.”

“Nghe không có lý.”

“Họ đã chuyển cho tôi tất cả những gì anh đã khai. Tôi bảo họ rằng họ sẽ thất bại.”

“Họ nói chuyện với tôi như thể tôi là thằng mọi ấy. Và họ nói rằng tôi quá già. Nói thế khiến ông cũng trở nên quá già.”

“Tôi cũng quá già. Dù sao thì cũng quá già cho hầu hết cái trò vớ vẩn này.”

“Ông có mười phút phải không?”

“Tôi có thể dành cho anh năm phút.”

“Ông có cà phê không?”

“Anh đang phí thời gian đấy.”

“Chúng ta có nhiều thời gian mà. Dù gì thì cũng nhiều hơn năm phút. Thậm chí hơn mười phút. Ông cần thời gian để buộc dây giày và mặc áo khoác. Làm việc đó mất bao lâu?”

Sansom nhún vai, bước về quầy bar ăn sáng, rót cho tôi một tách cà phê. Ông ta mang lại, đưa cho tôi rồi nói, “Đi thẳng vào vấn đề đi. Tôi biết anh là ai và vì sao anh tới đây.”

“Ông biết Susan Mark không?” Tôi hỏi ông ta.

Ông ta lắc đầu. “Chưa bao giờ gặp cô ta, thậm chí tính tới đêm qua thì tôi còn chưa bao giờ nghe nói tới cô ta.”

Tôi đang quan sát hai mắt Sansom và tin ông ta. Tôi hỏi, “Vì sao một nhân viên HRC lại bị ép kiểm tra thông tin về ông?”

“Đó là điều đang diễn ra sao?”

“Nhận định sát nhất là thế.”

“Thế thì tôi không biết rồi. HRC là vỏ mới của PERSCOM, đúng không? Anh đã từng có được gì từ PERSCOM? Bất kỳ ai từng có được gì? Họ đã kiếm được gì ở đó? Các ngày tháng và các đơn vị, tất cả chỉ có thế. Và dầu gì thì đời tôi cũng trở thành hồ sơ công khai rồi. Tôi đã lên CNN cả trăm lần. Tôi đã gia nhập quân đội, đã học trường sĩ quan dự bị, đã được phong hàm sĩ quan, đã được thăng cấp ba lần, rồi tôi xuất ngũ. Chẳng có bí mật nào ở đó hết.”

“Các phi vụ của ông trong lực lượng Delta là bí mật.”

Căn phòng trở nên yên lặng hơn một chút. Sansom hỏi, “Làm thế nào anh biết?”

“Ông đã nhận được bốn huy chương. Ông không giải thích vì sao.”

Sansom gật đầu.

“Cuốn sách khôn nạn ấy,” ông ta nói. “Các huy chương cũng là thứ được ghi lại. Tôi không thể từ bỏ chúng. Làm thế là thiếu tôn trọng. Chính trị là một bãi mìn. Làm là chết, không làm cũng chết. Có tránh kiểu nào thì chúng có thể luôn mò được ra ta.”

Tôi không nói gì. Sansom nhìn tôi hỏi, “Bao nhiêu người sẽ biết kết nối chuyện ấy? Ý tôi là ngoài ông ra.”

“Khoảng ba triệu,” tôi đáp. “Có thể hơn. Tất cả những người trong quân đội, và tất cả các cựu binh còn đủ thị lực để đọc. Họ biết cơ chế hoạt động ra sao.”

Ông ta lắc đầu. “Không nhiều đến thế. Hầu hết mọi người không có tư duy thắc mắc. Mà dẫu có đi nữa, hầu hết cũng đều tôn trọng tính bí mật của những vấn đề như thế. Tôi không nghĩ là sẽ có rắc rối.”

“Có một rắc rối ở đâu đó. Nếu không thì tại sao Susan Mark lại bị tra hỏi chứ?”

“Có thực sự là cô ta đã nhắc tới tên tôi không?”

Tôi lắc đầu. “Nói thế để thu hút sự chú ý của ông thôi. Tôi nghe cái tên ấy từ miệng một nhóm mà tôi cho là được thuê bởi kẻ đang đặt ra các câu hỏi.”

“Và chuyện này có ích gì cho anh?”

“Chẳng có gì hết. Nhưng cô ấy trông có vẻ là người tốt, bị kẹt vào thế tiến thoái lưỡng nan.”

“Và anh quan tâm sao?”

“Cả ông nữa, dù chỉ là chút ít. Ông không tham gia chính trị chỉ để giành được những gì cho riêng ông. Ít nhất tôi cũng thực lòng hy vọng rằng ông không như vậy.”



“Anh có thực sự là cử tri của tôi không?”

“Tôi không là cử tri của ông tới khi nào người ta bầu ông làm Tổng thống.”

Sansom im lặng một lát rồi nói, “FBI cũng đã tóm lược cho tôi. Tôi đang ở vị thế có thể giúp đỡ được họ, thế nên họ làm rõ rằng họ sẽ luôn cung cấp thông tin đầy đủ cho tôi. Họ bảo là bên NYPD cảm thấy anh phản ứng trước toàn bộ chuyện này với cảm giác tội lỗi. Như thể lúc trên tàu anh đã gây sức ép quá mức. Mà tội lỗi chưa bao giờ là cơ sở đúng đắn để ra các quyết định hợp lý.”

Tôi nói, “Đó chỉ là quan điểm của một phụ nữ.”

“Và cô ta đã sai sao?”

Tôi chẳng nói gì.

Sansom bảo, “Tôi sẽ không nói cho anh nghe cái khi nào về các phi vụ đâu.”

Tôi nói, “Tôi không mong đợi ông làm thế.”

“Nhưng sao?”

“Có bao nhiêu thứ sẽ quay trở lại mà gây hại cho ông?”

“Chẳng gì trên đời này hoàn toàn đen hay trắng. Anh biết điều đó. Nhưng không có tội ác nào đã được gây ra. Và dù sao thì chẳng ai có thể đến được sự thật thông qua một nhân viên HRC. Đây là một vụ thăm dò. Tệ nhất thì đây là trò bói lông tìm vết tay mơ gà mờ của đám báo chí.”

“Tôi không nghĩ thế,” tôi nói. “Susan Mark rất sợ hãi và con trai cô ấy đang mất tích.”

Sansom liếc vợ. Rồi liếc lại tôi. Ông ta nói, “Chúng tôi không biết việc đó.”

“Thông tin đó chưa được thông báo. Nó là một cầu thủ ở USC. Cách đây năm ngày thằng bé đã rời quán bar với một cô gái. Từ đó tới nay chưa ai trông thấy nó. Nó được cho là đang tạm vắng mặt không phép, đang tận hưởng những thời khắc tuyệt nhất trong đời.”

“Anh biết chuyện này bằng cách nào?”

“Qua em trai của Susan Mark. Cậu của thằng bé.”

“Và anh không tin câu chuyện đó à?”

“Quá trùng hợp.”

“Không hẳn thế. Lúc nào chẳng có chuyện bọn con trai rời quán bar với các cô gái.”

“Ông là một người cha,” tôi nói. “Điều gì khiến ông tự bắn vào đầu mình, điều gì khiến ông không làm thế?”

Căn phòng còn trở nên im lặng hơn nữa. Elspeth Sansom thốt lên, “Chết tiệt.” Trong mắt Sansom hiện lên ánh nhìn xa xăm mà trước đây tôi từng thấy ở các sĩ quan chiến trường tài ba khi phản ứng trước một trở ngại chiến thuật. Tư duy lại, triển khai lại, tổ chức lại, tất cả diễn ra trong một hai giây ngắn ngủi. Tôi thấy ông ta lướt lại quá khứ và đi đến một kết luận chắc chắn. Sansom nói: “Tôi lấy làm tiếc về hoàn cảnh của gia đình Mark. Tôi thực sự lấy làm tiếc. Và tôi sẽ giúp đỡ nếu có khả năng, nhưng tôi không thể. Không gì trong quãng đời hoạt động ở lực lượng Delta của tôi có thể được tiếp cận thông qua HRC. Không gì hết. Hoặc chuyện này liên quan tới một vấn đề hoàn toàn khác, hoặc kẻ nào đó đang nhòm lằm chỗ.”

“Họ sẽ nhòm ngó chỗ nào khác đây?”

“Anh biết là chỗ nào mà. Và anh biết rằng họ sẽ thậm chí không thể mon men tới gần. Và ai đó biết nhiều đến mức muốn có những hồ sơ về Delta thì sẽ biết chỗ nào để tìm chúng, chỗ nào không, chắc chắn là thế. Như vậy chuyện này không liên quan tới Lực lượng Đặc biệt. Không thể.”

“Vậy nó sẽ liên quan tới vấn đề nào khác?”

“Chẳng gì cả. Tôi chẳng có tí vết nào hết.”

“Thật thế sao?”

“Hoàn toàn như vậy. Một trăm phần trăm. Tôi đâu phải thằng ngu. Tôi đã không nhảy vào hoạt động chính trị nếu tôi có điều nhỏ nhặt nhất cần che giấu. Sẽ không nhảy vào đâu một khi mọi chuyện thời nay là thế. Thậm chí tôi chưa bao giờ bị nhận vé phạt do đỗ xe sai luật nữa kia.”

“Được rồi,” tôi nói.

“Tôi rất tiếc về người phụ nữ trên tàu điện ngầm.”

“Được rồi,” tôi nói lần nữa.

“Nhưng bây giờ chúng tôi thực sự phải đi rồi. Chúng tôi phải thực hiện cái trò trình trọng xin xỏ đây.”

Tôi hỏi: “Ông đã bao giờ nghe cái tên Lila Hoth chưa?”

“Lila Hoth à?” Sansom nói. “Chưa, tôi chưa bao giờ nghe thấy cái tên đó.”

Tôi đang quan sát mắt Sansom, và cảm thấy ông ta đang nói lên sự thật tuyệt đối. Và đang nói dối trắng trợn. Cả hai cùng một lúc.

LÚC TRỞ RA QUA SẢNH, tôi đi qua Springfield. Khi ấy tôi đang hướng về cửa dẫn ra phố, anh ta từ một phòng ăn bước ra. Phía sau anh ta, tôi thấy những bàn tròn phủ khăn trắng muốt, ở giữa đặt những cụm hoa trang trí lớn. Springfield nhìn tôi, mặt chẳng lộ chút ngạc nhiên nào. Cứ như thể anh ta đang đánh giá năng lực của tôi và thấy rằng cũng đáng hài lòng. Cứ như thể tôi đến với chủ của anh ta vào đúng khoảng thời gian anh ta trông đợi. Không nhanh, không chậm, mà ngay chính xác thời hạn anh ta đã cho phép, Springfield dành cho tôi một cái nhìn đánh giá đầy chuyên nghiệp và tiếp tục bước mà không hề mở miệng.

Tôi trở lại New York đúng như cách đã rời khỏi đó nhưng theo chiều ngược lại. Bắt taxi tới bến xe Greensboro, đi xe buýt về Washington, rồi tới tàu hỏa. Chuyến đi kéo dài cả ngày và một phần của buổi tối. Lịch chạy xe buýt và lịch tàu hỏa không thuận nhau lắm, hai chuyến tàu đầu tiên chạy từ Washington lại bán hết sạch vé. Tôi dành thời gian di chuyển để suy nghĩ, trước tiên về những điều Sansom đã nói, và đã không nói. *Chẳng gì trên đời này hoàn toàn đen hay trắng. Nhưng không có tội ác nào đã được gây ra. Và dù sao thì chẳng ai có thể đến được sự thật thông qua một nhân viên HRC.* Không có phủ nhận nào về hoạt động đáng ngờ. Hầu như ngược lại. Thực tế là một lời thú tội. Nhưng ông ta cảm thấy rằng mình vẫn chưa đi quá đà. Không *tội ác nào*. Và Sansom tuyệt đối tin tưởng rằng các chi tiết được khóa chặt vĩnh viễn. Tóm lại, đó là một quan điểm thường thấy trong đám cựu quân nhân thuộc lực lượng mũi nhọn. *Có vấn đề* là một từ có ý nghĩa to tát đối với tất cả chúng tôi. Bảy chữ cái, nhưng nội hàm của nó đủ bằng cả một cuốn sách giáo khoa. Chắc chắn sự nghiệp của tôi không phải

chịu sự dò xét quá mức. Tôi không mất ngủ vì nó. Nhưng nhìn chung tôi thấy hạnh phúc khi các chi tiết bị khóa chặt. Và rõ ràng Sansom cũng vậy. Tôi biết những chi tiết của mình. Còn của ông ta là gì? Rõ ràng là thứ gì đó tổn hại cho ông ta. Hoặc gây hại cho cá nhân, hoặc cho nỗ lực tranh cử của ông ta. Hoặc cả hai, không thể tránh khỏi. Máy tay nhân viên điều tra liên bang đã khiến điều đó trở nên cực kỳ rõ ràng. *Sansom không thể nói cho ông bất cứ điều gì.* Nhưng nguy hại cũng còn ở quy mô lớn hơn, nếu không thế thì tại sao máy tay nhân viên điều tra liên bang lại nhảy vào ngay từ đầu?

Và Lila Hoth là kẻ quái quỷ nào chứ?

Tôi tự hỏi mình những câu hỏi ấy suốt chặng đường chạy xe buýt xóc nảy, và suốt chặng nghỉ dài ở ga Union, rồi tôi đầu hàng khi con tàu tôi ngồi chạy về hướng Bắc xuyên qua Baltimore. Tôi chẳng đi tới đâu với mấy câu hỏi ấy, và dù sao thì đến lúc ấy tôi cũng lại đang nghĩ về một vấn đề khác. Tôi đang nghĩ về địa điểm chính xác ở thành phố New York mà Susan Mark hướng tới. Cô đã lái xe từ phía Nam và đã có kế hoạch bỏ lại xe, tới đích cần tới bằng tàu điện ngầm. Xét về mặt chiến thuật thì làm thế là khôn ngoan, và có lẽ không có lựa chọn nào khác. Hẳn là cô đã không mặc áo khoác khi chạy xe. Quá nóng. Có lẽ cô đã để nó ở ghế sau, nhiều khả năng hơn là trong cốp, cùng chiếc túi và khẩu súng, nơi khẩu súng sẽ được an toàn trước những con mắt tọc mạch. Vì thế cô đã chọn đỗ xe, ra khỏi xe và chuẩn bị cho mình sẵn sàng bước vào trận đánh khi khuất mắt người ngoài và tương đối bí mật.

Nhưng khuất mắt mà cũng không xa quá. Không quá xa so với đích cuối cùng cô hướng tới. Vì Susan đã bị chậm. Cô đã quá muộn rồi. Vì thế, nếu cần phải đến tuốt mạn trên thành phố, cô hẳn đã đậu xe ở mạn giữa thành phố. Nhưng Susan đã đậu ở mạn dưới thành phố. Ở khu SoHo. Có lẽ đã lên tàu ở phố Spring, trước tôi một ga. Cô vẫn ngồi yên khi tàu chạy qua phố 33. Rồi mọi thứ ào tới. Nếu không, tôi cho là cô sẽ ngồi trên tàu đi suốt ga Trung tâm và ra khỏi nhà ga ở phố 51.

Có thể là phố 59. Nhưng chắc chắn không thể xa hơn. Phố 68 là điểm dừng quá xa. Sâu vào khu Upper East. Một khu hoàn toàn mới. Nếu cần phải lên tuốt phía đó thì hẳn cô đã đi theo đường hầm Lincoln chứ không phải đường hầm Holland, và cô đã lái xa hơn về hướng Bắc trước khi đậu xe. Bởi cô đang rất gấp. Vậy nên ga ở phố 59 là giới hạn trần của cô. Nhưng dù biết được cô đi đâu chẳng nữa, tôi vẫn có cảm giác rằng cô muốn thoái lui, dù chỉ chút ít. Tâm lý học nghiệp dư. Tiếp cận từ hướng Nam, vượt qua điểm định tới, rồi từ hướng Bắc quay trở về. Và hy vọng rằng kẻ thù của cô đi sai đường.

Thế nên trong đầu tôi vẽ ra một ô, từ phố 42 tới phố 59, và từ đại lộ Năm tới đại lộ Ba. Sáu mươi tám khối nhà hình vuông. Chứa những gì?

Chừng tám triệu thứ khác nhau.

Tôi ngừng đếm trước khi tàu đến Philadelphia. Đến lúc này tôi bị phân tâm bởi cô gái phía bên kia lối đi. Cô chừng hai tư hai lăm tuổi và cực kỳ ấn tượng. Có lẽ là người mẫu, có lẽ là diễn viên, có lẽ chỉ là một luật sư hay nhà vận động hành lang xinh đẹp. *Một con bé hết sức ngon lành*, có lẽ một vận động viên của Đại học Nam Carolina nói thế. Điều đó khiến tôi một lần nữa nghĩ tới Peter Molina, và sự mâu thuẫn rõ ràng ở một kẻ đủ chuyên nghiệp để sử dụng cậu ta làm công cụ không chế một nguồn tin vô giá trị.

*Ông chủ chúng tôi sẽ điều cả một đội.* Thành phố New York có sáu đầu mối giao thông công cộng chính: Newark, LaGuardia, sân bay JFK, cộng thêm ga Penn, Ga Trung tâm, cộng thêm bến xe buýt Port Authority. Newark có ba công, LaGuardia có ba, cộng thêm công dành cho xe buýt nội thành, JFK có tám, ga Penn rộng lớn, Ga Trung tâm khổng lồ, Port Authority thì đông đúc. Nhân lực cần để có thể dò xét hiệu quả sẽ lên tới gần bốn chục người. Từ tám mươi người trở lên, để đảm bảo thực hiện liên tục. Và tám mươi người đã là cả một đoàn quân chứ không phải một đội

nữa. Thế nên tôi xuống tàu với mức cảnh giác không cao hơn mức thông thường.

Mà may mắn làm sao, cảnh giác như thế là đủ.

TÔI LẬP TỨC TRÔNG THẤY kẻ theo dõi. Hắn đang dựa vào một cây cột giữa không gian rộng lớn của ga Penn, đứng yên, với kiểu cơ thể bất động hoàn toàn do ở yên một chỗ vì phải trực lâu. Tay này đứng yên như tượng, cả thế giới bận rộn xoay quanh hắn, như một dòng sông chảy xung quanh tảng đá. Tay hắn cầm một điện thoại di động kiểu nắp gập đang mở ra, tì xuống đùi. Hắn là một tên cao nhưng gầy. Còn trẻ, chừng ba mươi. Nhìn ban đầu không thấy ấn tượng. Hắn có nước da mai mái, đầu cao trọc, lớp râu mỏng hung hung. Trông không hay lắm. Có lẽ đáng sợ hơn một tay săn chữ ký, song không nhiều. Hắn mặc sơ mi in hoa, bên ngoài là một áo khoác da ngắn và chặt có lẽ màu nâu, nhưng dưới ánh đèn chuyển thành màu cam nhò nhò. Hắn đang chằm chằm nhìn đám đông liên tục di chuyển với đôi mắt đã trở nên mệt mỏi từ lâu, rồi chuyển sang chán chường.

Sân ga đầy người là người. Tôi di chuyển cùng dòng người. Chậm chạp, bị bó cứng. Tôi bị cuốn theo dòng chảy. Kẻ theo dõi cách chừng mười mét, ở bên trên, phía trái tôi. Hai mắt hắn không di chuyển. Hắn đang cho dòng người di chuyển qua một góc nhìn cố định. Tôi còn cách góc đó khoảng ba mét. Sẽ giống như là bước qua cổng dò kim loại ở sân bay.

Tôi bước chậm lại một chút và ai đó đâm sầm vào lưng tôi. Tôi vụt quay lại, để chắc chắn rằng đó không phải kẻ bám đuôi tôi. Không phải. Người đằng sau tôi là một phụ nữ với một cái xe đẩy to đùng chẳng khác xe hơi trong đó có hai đứa trẻ, có lẽ là một cặp sinh đôi. Thành phố New York có đầy cặp sinh đôi. Nhiều bà mẹ luống tuổi, vậy nên có rất nhiều ca thụ tinh trong ống nghiệm. Cả hai đứa trẻ sinh đôi phía sau tôi đều đang khóc,



có lẽ bởi trời đã muôn và chúng mệt mỏi, hoặc chỉ là chúng thấy hoang mang bối rối trước cả rừng chân bao quanh mình. Âm thanh của chúng hòa lẫn vào tiếng ồn ã chung quanh. Sân ga lát gạch, đầy tiếng vọng.

Tôi lách sang trái, định là trong tổng số ba mét tiếp theo sẽ có sáu bước chéch về phía bên. Tôi tới gần rìa của dòng người và đi qua điểm tập trung của kẻ theo dõi. Hai mắt hấn xanh sáng song nhuốm vẻ mệt mỏi. Hấn không phản ứng gì. Ban đầu thì không. Rồi, sau một giây dài chậm trễ, hai mắt hấn mở to hơn và hấn đưa điện thoại lên, bật nắp cho màn hình bật sáng. Hấn liếc màn hình. Liếc trở lại tôi.

Miệng gã mở ra với vẻ ngạc nhiên. Vào lúc này, tôi còn cách hấn chỉ hơn một mét.

Rồi hấn xui đi. Tôi lao người về phía trước, tóm được người và nhẹ nhàng hạ hấn xuống sàn. Một quý nhân, ra tay giúp đỡ một trường hợp đột ngột cần cấp cứu. Dù sao đó cũng là những gì người ta trông thấy. Nhưng chỉ bởi vì người ta trông thấy những gì họ muốn thấy. Nếu họ tái hiện trong đầu mình một đoạn ngắn rồi quan sát cho thật cẩn thận, có thể họ sẽ nhận ra rằng tôi đã lướt về trước hơi sớm hơn một chút trước khi gã đàn ông bắt đầu đổ xuống. Có thể họ đã nhận thấy rằng tuy đúng là tay phải tôi đưa ra nắm lấy cổ áo gã này, song nó chỉ di chuyển một phần tích tắc sau khi tay trái của tôi xia vào mỏ ác hấn, thật mạnh, nhưng tay tôi nắm rất sát cơ thể của cả hai, bị che khuất và được thực hiện hết sức kín đáo.

Nhưng người ta trông thấy những gì họ muốn thấy. Họ đã luôn và sẽ luôn thế. Tôi cúi người xuống gã đàn ông đứng với dáng vẻ một công dân đầy trách nhiệm mà tôi đang vờ thực hiện, người phụ nữ cùng chiếc xe đẩy va vào phía sau tôi. Sau đó một đám đông hình thành, đầy quan tâm lo lắng. Cái tiếng thiếu thân thiện của New York quả là oan. Nhìn chung người ta rất sẵn lòng giúp đỡ. Một người phụ nữ cúi xuống bên cạnh tôi. Những người khác đứng gần ngó xuống. Tôi có thể nhìn thấy chân và giày họ. Gã đàn ông mặc áo khoác da nằm thẳng cẳng trên sàn, người giật giật cùng với

những đợt co thắt của ngực, miệng há ra tuyệt vọng đớp không khí. Một cú thúc mạnh vào mỏ ác sẽ khiến người ta như thế. Nhưng một cơn đau tim và một số biến cố sức khỏe khác cũng thế.

Người phụ nữ bên cạnh tôi hỏi, “Có chuyện gì vậy?”

Tôi nói, “Tôi không biết. Anh ta chỉ lăn quay ra. Hai mắt thì trợn lên.”

“Ta nên gọi cấp cứu.”

Tôi nói, “Tôi đánh rơi mất điện thoại rồi.”

Người phụ nữ bắt đầu lập cập lục ví. Tôi nói, “Đợi đã. Có thể anh ta bị lên cơn. Ta cần kiểm tra xem anh ta có mang theo thẻ gì đó không.”

“Lên cơn à?”

“Một kiểu đột quỵ. Như là tai biến. Dạng như động kinh hay gì đó.”

“Loại thẻ gì?”

“Người ta vẫn mang mà. Kèm theo các chỉ dẫn. Có thể chúng ta phải ngăn anh ta cắn lưỡi. Và có thể anh này mang theo thuốc ấy chứ. Kiểm tra các túi anh ta xem.”

Người phụ nữ vớ tay ra vớ vào các túi ngoài áo khoác của gã đàn ông. Cô ta có hai bàn tay nhỏ, các ngón dài đeo đầy nhẫn. Các túi ngoài của hắn rỗng không. Chẳng có gì hết. Người phụ nữ lật bên trong áo khoác ra kiểm tra bên trong. Tôi theo dõi rất cẩn thận. Chiếc sơ mi chẳng giống với bất cứ thứ gì tôi từng thấy. Chất vải tổng hợp, vẽ hoa, các màu nhạt nhạt chẳng có trật tự nào. Chiếc áo khoác cứng đơ, thuộc loại rẻ tiền. Lót nylon. Có một nhãn may trong áo, thật bay bướm, có viết mấy chữ bằng ngôn ngữ Xlavơ.

Các túi trong của gã này cũng rỗng không.

“Thử quần anh ta xem,” tôi nói. “Nhanh lên.”

Người phụ nữ bảo, “Tôi không làm được.”

Thế là một tay quản lý có xu hướng lãnh đạo thục xuống cạnh chúng tôi, thọc các ngón tay vào túi quần trước của gã đàn ông.

Chẳng có gì trong đó. Ông ta dùng các nắp túi để xoay gã thanh niên về một phía rồi sang phía còn lại để kiểm tra các túi sau. Trong đó cũng chẳng có gì.

Chẳng chỗ nào có gì cả. Không ví, không giấy tờ tùy thân, không gì hết.

“Được rồi, chúng ta nên gọi cấp cứu,” tôi nói. “Cô có trông thấy điện thoại của tôi không?”

Người phụ nữ ngó quanh rồi thọc tay vào phía dưới cánh tay gã đàn ông rút ra với chiếc điện thoại gập. Nắp được đẩy ra và màn hình sáng lên. Ảnh của tôi nằm ngay trên đó, to và rõ. Chất lượng tốt hơn tôi nghĩ. Tốt hơn hình mà tay bán hàng ở hiệu Radio Shack đã thử chụp. Người phụ nữ liếc nó. Tôi biết người ta lưu ảnh trên điện thoại của mình. Tôi từng trông thấy chúng. Vợ chồng, chó, mèo, con cái của họ. Kiểu như trang chủ hoặc hình nền. Có lẽ người phụ nữ nghĩ tôi là một kẻ tự cao tự đại ghê gớm sử dụng ảnh của chính mình. Nhưng dù gì thì cô ta cũng đưa chiếc điện thoại cho tôi. Đến lúc đó tay quản lý có xu hướng lãnh đạo đã bấm số gọi cấp cứu. Thế nên tôi lùi ra và nói, “Tôi sẽ đi tìm cảnh sát.”

Tôi lại dẫn mình vào dòng người một lần nữa, để cho nó cuốn đi, ra khỏi cửa, lên vỉa hè, hòa vào bóng tối, rồi đi xa.

GIỜ THÌ TÔI KHÔNG CÒN LÀ GÃ ĐÀN ÔNG ĐÓ NỮA. Không còn là gã đàn ông duy nhất trên thế giới không có điện thoại di động nữa. Tôi dừng lại trong bóng tối nóng bức khi còn cách đại lộ Bảy ba khối nhà và nhìn phần thưởng của mình. Nó mang nhãn Motorola. Làm bằng nhựa xám, được xử lý và đánh bóng kiểu nào đó cho trông giống kim loại. Tôi lướt qua hết danh mục song không tìm thêm được tấm ảnh ngoài tấm chụp mình. Ảnh chụp thật tốt. Con phố cắt ngang nằm ở Tây đại lộ Tám, mặt trời buổi sáng rực rỡ, tôi cứng người đứng lúc đang ngoái lại vì có người gọi to tên mình. Từ đầu tới chân có rất nhiều chi tiết. Rõ ràng là độ phân giải rất cao. Tôi có thể phân biệt khá rõ các đặc điểm của mình. Và tôi nghĩ mình trông cũng khá bảnh, xét theo chỗ trước đó tôi hầu như không ngủ. Có xe hơi và hơn chục người gần đó, để tạo bố cục đo lường, giống như chiếc thước kẻ sơn trên tường nền trong một tấm ảnh của cảnh sát chụp các nghi phạm. Dáng điệu của tôi trông đúng như tôi thấy trong gương. Rất đặc trưng.

Tôi đã bị tóm gọn, nhưng may là chỉ bị tóm hình ảnh.

Điều đó thì chắc quá rồi.

Tôi trở lại phân quản lý cuộc gọi, xem các số đã gọi đi. Không có cuộc nào được ghi lại. Tôi kiểm tra các cuộc gọi tới và chỉ tìm thấy ba cú, tất cả trong vòng ba giờ vừa qua, tất cả xuất phát từ một số máy. Tôi cho là kẻ theo dõi được quy định phải thường xuyên xóa thông tin, có lẽ thậm chí phải xóa ngay sau mỗi cuộc gọi, nhưng chừng ba tiếng đồng hồ trước hẳn đã trở nên lười, điều này chắc chắn khớp với hành vi và thời gian phản ứng

của hắn. Tôi nghĩ rằng số máy thực hiện cuộc gọi đến đại diện cho một loại kẻ tổ chức hoạt động hay điều vận. Có lẽ thậm chí chính là ông chủ lớn của hắn. Nếu đó là số máy di động thì chẳng có ích cho tôi chút nào. Không ích lợi gì hết. Điện thoại di động có thể nằm ở bất kỳ đâu. Đó là cái lợi của máy di động.

Nhưng đó không phải số máy di động. Nó có đầu số 212.

Một số máy cố định ở Manhattan.

Nghĩa là có địa điểm cố định. Đó là bản chất của các số máy cố định.

Phương pháp tốt nhất để lần ngược lại một số điện thoại phụ thuộc vào vị trí quyền lực của ta cao đến đâu. Nhân viên cảnh sát và thám tử tư có các danh bạ điện thoại tra ngược. Xem số, lấy một cái tên, thế là có địa chỉ. FBI có tất cả các dạng cơ sở dữ liệu tinh vi. Cũng một loại cả, nhưng tốn kém hơn. Bên CIA thì có lẽ sở hữu luôn các công ty điện thoại.

Tôi chẳng có loại nào trong số đó. Thế nên tôi dùng phương pháp kỹ thuật thấp.

Tôi gọi số đó rồi xem ai nghe máy.

Tôi bấm phím xanh, điện thoại liền hiện số ấy lên cho tôi. Tôi bấm phím xanh lần nữa và máy bắt đầu gọi. Có chuông. Nó ngắt tương đối nhanh và giọng một phụ nữ vang lên, “Đây là khách sạn Four Seasons, tôi có thể giúp gì cho quý vị?”

Tôi nói, “Khách sạn à?”

“Vâng, tôi sẽ chuyển cuộc gọi của ông thế nào đây?”

Tôi bảo, “Xin lỗi, tôi nhầm số.”

Tôi bấm nút kết thúc cuộc gọi.

Khách sạn Four Seasons. Tôi đã thấy nó. Tôi chưa bao giờ ở đó. Khách sạn này vượt quá khả năng chi trả hiện nay của tôi một chút. Nó nằm trên phố 57, giữa đại lộ Madison và đại lộ Park. Ngay ở đó, trong cái ô sáu mươi tám khối nhà, hơi chệch về phía Tây và lệch hẳn về hướng Bắc so với trung tâm. Nhưng với người xuống tàu tuyến số 6 ở phố 59 thì chỉ cần cuộc bộ một quãng ngắn. Vài trăm phòng, vài trăm máy lẻ, tất cả đều thông qua tổng đài chính, tất cả đều hiện số của tổng đài chính.

Có ích, nhưng không đáng là bao.

Tôi nghĩ ngợi một lúc và quan sát xung quanh cẩn thận rồi quay ngược lại, hướng về phía Đồn Cảnh sát Khu vực 14.

Tôi không biết khi nào một thám tử NYPD sẽ có mặt để trực ca đêm, nhưng mong rằng Theresa Lee sẽ ở đó trong vòng một giờ nữa. Tôi mong sẽ phải chờ cô trong sảnh tầng dưới. Điều tôi không mong đợi là thấy Jacob Mark đã ở đó, trước tôi. Anh đang ngồi trên một chiếc ghế thẳng dựa vào tường, gõ gõ ngón tay lên hai đầu gối. Anh ngược nhìn tôi mà chẳng bộc lộ chút ngạc nhiên nào và nói, “Peter đã không có mặt để tập luyện.”

NGAY TẠI ĐÂY, TRONG SẢNH CỦA ĐỒN CẢNH SÁT Khu vực 14, Jacob Mark nói một mạch chừng năm phút, với sự liên tục nhưng thiếu mạch lạc rất đặc trưng của người thực sự lo lắng. Anh bảo rằng người của đội bóng Đại học Nam Carolina đã đờ bốn tiếng đồng hồ, sau đó gọi cho cha của Peter, sau đó cha của Peter gọi cho anh. Anh nói rằng đôi với một ngôi sao là sinh viên năm cuối đang hưởng học bổng toàn phần, bỏ tập là điều không thể tưởng tượng. Trên thực tế, bất kể chuyện gì khác đang diễn ra thì vẫn cứ tập luyện, đó là một phần quan trọng của nguyên tắc huấn luyện. Dù xảy ra động đất, bạo động, chiến tranh, người thân qua đời, bệnh hiểm nghèo, mọi người vẫn có mặt. Việc này khẳng định với thế giới tầm quan trọng của bóng bầu dục, qua đó cho thấy các cầu thủ quan trọng thế nào đối với trường. Bởi vận động viên được hầu hết mọi người tôn trọng, nhưng bị một vài người không tôn trọng. Và có một lệnh bất thành văn là phải tuân theo lý tưởng của đa số, thay đổi tư tưởng của thiểu số. Và có vấn đề rõ ràng về vai trò của đảng trưởng phụ. Bỏ tập thì cũng như lính cứu hỏa không chịu chữa cháy, như cầu thủ bóng chày ở vị trí đánh bóng đứng xoa tay khi bị ném bóng trúng người, như một tay súng bá vàng lại ở lì trong quán rượu. Không thể được. Chưa bao giờ nghe nói. Không xảy ra. Say xỉn, gãy xương, rách cơ, thâm tím, chẳng thành vấn đề. Anh phải có mặt. Thêm vào đó, Peter sắp dự giải quốc gia, và các đội ngày càng chuyên nghiệp cần tìm cầu thủ. Họ đã bị lừa quá nhiều lần. Thế nên bỏ tập cũng đồng nghĩa với việc vứt bỏ suất ăn của mình. Không thể giải thích được. Không thể hiểu nổi.

Tôi nghe mà không để tâm nhiều. Thay vào đó tôi đang tính giờ. Đã gần bốn mươi tám giờ kể từ khi Susan Mark không kịp hạn chót. Tại sao người ta vẫn chưa tìm thấy thi thể của Peter?

Rồi Theresa Lee xuất hiện cùng những thông tin mới.

Nhưng trước tiên Lee phải xử lý tình hình của Jacob Mark. Cô đưa chúng tôi lên phòng họp ở tầng hai, nghe anh ta trình bày rồi hỏi, “Người ta đã chính thức báo là Peter mất tích chưa?”

Jake nói, “Tôi muốn làm việc đó ngay bây giờ.”

“Anh không làm được đâu,” Lee nói. “Ít nhất là không làm việc đó với tôi. Cậu ấy mất tích ở LA, chứ không phải ở New York.”

“Susan đã bị giết tại đây.”

“Cô ấy đã tự sát ở đây.”

“Người của USC không tiếp nhận thông báo về người mất tích. Còn LAPD sẽ không để tâm. Họ không hiểu.”

“Peter đã hai mươi hai tuổi rồi. Cậu ấy có phải trẻ con đâu.”

“Nó đã mất tích hơn năm ngày rồi.”

“Lâu bao nhiêu không quan trọng. Cậu ấy không sống ở nhà. Và ai nói là cậu ấy mất tích? Ai có quyền nói nếp sinh hoạt bình thường của cậu ấy là như thế nào? Có thể là cậu ấy đi đâu đó một thời gian dài mà không liên lạc với gia đình.”

“Lần này khác.”

“Vậy cách xử lý của các anh ở Jersey thì thế nào?”

Jake không trả lời.



Lee nói, “Cậu ấy là người trưởng thành độc lập. Có thể thể cậu ấy đã lên máy bay đi nghỉ. Có thể bạn bè cậu ấy đã ở sân bay và trông thấy cậu ấy đi. Tôi có thể hiểu LAPD sẽ nhìn nhận vụ này từ góc độ nào.”

“Nhưng nó đã bỏ buổi tập bóng bầu dục. Thường chuyện đó không xảy ra.”

“Nhưng rõ ràng là nó đã xảy ra rồi.”

“Susan bị đe dọa,” Jake nói.

“Bởi ai?”

Jake nhìn tôi, “Nói cho cô ấy nghe đi, Reacher.”

Tôi nói, “Chuyện gì đó liên quan tới công việc của cô ấy. Đòn áp lực có sức mạnh ghê gớm. Phải là thế. Tôi nghĩ có một mối đe dọa nhằm vào con trai cô ấy là cách lý giải có sức thuyết phục.”

“Được rồi,” Lee nói. Cô nhìn quanh phòng và trông thấy đồng sự của mình, Docherty. Anh ta đang làm việc ở một bàn đôi nằm phía góc kia phòng. Cô nhìn lại Jake và nói, “Hãy đi làm một bản tường trình đầy đủ. Mọi điều anh biết, và mọi điều anh nghĩ là anh biết.”

Jake gật đầu vẻ biết ơn và hướng về phía Docherty. Tôi đợi cho tới khi anh ta đi khỏi rồi hỏi, “Bây giờ cô sẽ mở lại vụ án phải không?”

Lee đáp, “Không. Vụ án đã khép lại và nó sẽ vẫn như thế. Mọi chuyện thế này thì chẳng có gì đáng lo. Nhưng cái anh kia là cảnh sát, chúng ta cần phải tôn trọng. Và tôi muốn anh ta đi chỗ khác trong khoảng một giờ.”

“Sao lại không có gì đáng lo?”

Thế là Lee cho tôi biết thông tin.

Cô nói, “Chúng tôi biết vì sao Susan Mark tới đây.”

“Bằng cách nào?”

“*Chúng tôi* đã nhận được thông báo người mất tích,” cô nói. “Rõ ràng Susan đang giúp ai đó có nhu cầu tìm hiểu, và khi cô ấy không lộ mặt, người kia đâm lo nên đã đến đây trình báo việc cô ấy mất tích.”

“Tìm hiểu kiểu gì?”

“Tôi nghĩ là điều gì đó liên quan tới cá nhân. Khi ấy tôi không ở đây. Máy cạu làm ca ngày nói mọi chuyện nghe cũng khá là trong sáng. Mà chắc hẳn là phải thế rồi, nếu không tại sao người ta lại tới đồn cảnh sát kia chứ?”

“Và vì sao Jacob Mark không nên biết chuyện này?”

“Chúng tôi cần thêm nhiều chi tiết. Làm việc đó sẽ dễ dàng hơn nếu như không có mặt anh ta. Anh ta liên đới nhiều quá. Người trong gia đình mà. Anh ta sẽ hét um lên. Trước đây tôi từng chứng kiến cảnh đó rồi.”

“Người có liên quan là ai?”

“Một người nước ngoài ghé qua thành phố này một thời gian ngắn nhằm mục đích tiến hành cuộc nghiên cứu mà Susan đang giúp đỡ.”

“Đợi chút,” tôi nói. “Ghé thành phố một thời gian ngắn à? Ở khách sạn hả?”

“Đúng,” Lee nói.

“Khách sạn Four Seasons phải không?”

“Đúng,” Lee nói.

“Tên ông ta là gì?”

“Là phụ nữ, không phải nam giới,” Lee nói. “Cô ta tên là Lila Hoth.”



ĐÃ RẤT KHUYA SONG LEE VẪN CỨ GỌI ĐIỆN và Lila Hoth đồng ý gặp chúng tôi ở khách sạn Four Seasons ngay, không chút do dự. Chúng tôi đi bằng chiếc xe không sơn phù hiệu của Lee và đậu xe trong khu bốc dỡ hàng cạnh lề đường phía khách sạn. Sảnh thật tráng lệ. Tất cả sa thạch sáng nhợt, đồng, màu sơn nâu vàng và đá cẩm thạch vàng, nằm lửng lơ giữa vẻ kín đáo huyền hoặc và nét hiện đại tươi sáng. Tại bàn lễ tân Lee giờ phù hiệu, nhân viên lễ tân gọi lên trên gác và chỉ cho chúng tôi thang máy. Chúng tôi được đưa lên một tầng cao khác và cách nói của nhân viên lễ tân khiến tôi có cảm giác rằng phòng của Lila Hoth không phải loại nhỏ nhất hay có giá rẻ nhất trong khách sạn này.

Thực ra phòng của Lila Hoth chính là một khu phòng khác. Nó có cửa đôi, giống như phòng của Sansom ở Bắc Carolina, nhưng bên ngoài không có cảnh sát. Chỉ là một hành lang yên tĩnh không người. Đây đó rải rác các khay chứa đồ phục vụ tại phòng đã được dùng, một số tay nắm cửa có biển *Xin đừng làm phiền* hoặc phiếu yêu cầu phục vụ bữa sáng. Theresa Lee dừng lại, kiểm tra số phòng lần nữa rồi gõ cửa. Trong một phút chẳng thấy gì. Rồi cánh cửa bên phải ra, chúng tôi trông thấy một phụ nữ đứng phía trong, ngay đằng sau là ánh sáng vàng nhạt. Bà ta chừng sáu mươi tuổi, có khi hơn, người thấp, đậm và nặng nề, mái tóc màu xám ánh thép cắt kiểu chân phương đơn giản. Đôi mắt sẫm màu, có nếp nhăn và sụp xuống. Một bản mặt trắng dày thịt, bất động, lạnh lẽo. Một thái độ đầy cảnh giác không

đọc ra được. Bà già mặc chiếc váy trong nhà màu nâu xấu xí may từ chất liệu dày làm bằng tay.

Lee hỏi, “Bà là bà Hoth phải không?”

Người phụ nữ cúi đầu, chớp mắt và xua xua hai tay rồi phát ra âm thanh tỏ ý xin lỗi mà trong mọi trường hợp đều áp dụng được. Một cử chỉ vụng về cả thế giới đều dùng để thể hiện rằng mình không hiểu.

Tôi nói, “Bà ấy không nói được tiếng Anh.”

Lee nói, “Cách đây mười lăm phút bà ấy đã nói tiếng Anh.”

Ánh sáng phía sau người phụ nữ xuất phát từ một chiếc đèn bàn nằm sâu trong phòng. Nó mờ đi một thoáng khi bóng người thứ hai bước về phía trước đèn, hướng về chúng tôi. Một phụ nữ khác. Nhưng trẻ hơn nhiều. Có lẽ tầm hai lăm, hai sáu tuổi. Rất tao nhã. Và đẹp, rất đẹp. Hiếm có, gợi cảm. Như người mẫu. Cô nở nụ cười hơi bẽn lẽn và lên tiếng, “Là tôi nói tiếng Anh cách đây mười lăm phút. Tôi là Lila Hoth. Đây là mẹ tôi.”

Cô cúi người và nói nhanh bằng tiếng nước ngoài, ngôn ngữ vùng Đông Âu, thật khê, gần như thẳng vào tai bà già. Giải thích, hoàn cảnh, kết luận. Gương mặt bà già sáng lên và bà mỉm cười. Chúng tôi tự giới thiệu tên. Lila Hoth dịch lại cho mẹ. Bà ta xưng tên mình là Svetlana Hoth. Tất cả chúng tôi bắt tay nhau, bên này rồi tới bên kia, thực sự trang trọng, tay người này chéo qua tay người kia, hai người chúng tôi phía này, hai người họ phía kia. Lila Hoth thật là đẹp mê hồn. Và rất tự nhiên. Cô khiến tôi thấy cô gái trên tàu mà tôi nhìn thấy so với cô là một trời một vực. Cô cao nhưng không cao quá, mảnh mai nhưng không quá gầy. Cô có nước da sẫm màu, kiểu như làn da nhuộm nắng biển hoàn hảo. Cô có mái tóc đen dài. Không hề trang điểm. Đôi mắt to đầy mê hoặc, đôi mắt xanh nhất tôi từng thấy. Như thể chúng được đốt sáng từ bên trong. Cô cử động đầy mềm mại, uyển chuyển. Đôi khi cô trông trẻ trung, cao ráo và *bụi đời*, lúc khác thì trông cô hoàn toàn trưởng thành và tự chủ. Nửa thì cô có vẻ không ý thức mình đẹp

nhường nào, nửa thì cô có vẻ hơi e lệ về điều đó. Cô mặc một chiếc váy dự tiệc đơn giản màu đen có lẽ xuất xứ Paris và có giá trị hơn một chiếc xe hơi. Nhưng cô không cần tới nó. Cô có thể mặc bất kỳ thứ gì chấp vá từ bao bố cũ mà cũng không hề làm vẻ đẹp suy suyển chút nào.

Chúng tôi theo cô vào trong và mẹ cô theo sau chúng tôi. Khu phòng này gồm ba phòng. Một phòng khách ở giữa, hai phòng ngủ hai bên. Phòng khách có đủ các thứ đồ nội thất, kể cả bàn ăn. Trên đó có những thứ còn lại của một bữa ăn đêm phục vụ tại phòng, ở góc phòng có những túi đựng đồ mua sắm. Hai chiếc tủ cửa hiệu Bergdorf Goodman, hai chiếc tủ cửa hiệu Tiffany. Theresa Lee lấy phù hiệu ra còn Lila Hoth bước tới cái tủ thấp dưới một tấm gương rồi trở lại với hai cuốn sách mỏng đưa cho Lee. Hộ chiếu của họ. Cô nghĩ các vị khách là công chức nhà nước ở New York muốn xem giấy tờ. Hai cuốn hộ chiếu màu hạt dẻ, bìa mỗi cuốn đều in hình con đại bàng màu vàng ở giữa, phía trên có những chữ kiểu Nga còn bên dưới có dòng chữ giống như *NACNOPTYKPAIHA* bằng tiếng Anh. Lee lật lật cả hai cuốn rồi mang để lại trên cái tủ thấp.

Rồi tất cả ngồi xuống. Svetlana Hoth chăm chăm nhìn thẳng về trước, vô hồn, bị loại khỏi cuộc nói chuyện vì rào cản ngôn ngữ. Lila Hoth nhìn chúng tôi một cách cẩn thận, trong đầu hình thành nhân dạng của cả hai. Một cảnh sát từ đồn khu vực, một là nhân chứng trên tàu. Cuối cùng cô nhìn thẳng vào tôi, có lẽ vì cô nghĩ tôi đã bị các sự kiện tác động nghiêm trọng hơn. Tôi không kêu ca. Tôi không thể rời mắt khỏi cô.

Cô bảo, “Tôi rất tiếc về chuyện đã xảy ra với Susan Mark.”

Giọng cô thấp. Phát âm của cô chuẩn. Hoth nói tiếng Anh rất tốt. Hơi nhấn nhá, hơi trang trọng. Như thể cô học tiếng Anh từ những bộ phim đen trắng, cả giọng Mỹ và Anh.

Theresa Lee không nói gì. Tôi lên tiếng, “Chúng tôi không biết chuyện gì đã xảy ra với Susan Mark. Không hẳn là biết. Ý tôi nói là ngoài những dữ kiện đã rõ ràng.”

Lila Hoth gật đầu, đầy lịch thiệp, nhẹ nhàng và một chút hối hận. Cô nói, “Các vị muốn hiểu về sự liên can của tôi.”

“Vâng, đúng thế.”

“Chuyện thì dài. Nhưng trước tiên hãy cho tôi nói rằng trong đó chẳng gì có thể lý giải cho các sự kiện đã diễn ra trên tàu điện ngầm.”

Theresa Lee nói, “Vậy chúng ta hãy nghe câu chuyện.”

Vậy là chúng tôi nghe. Phần đầu tiên là thông tin về bối cảnh. Tuyên là thông tin tiêu sử. Lila Hoth hai mươi sáu tuổi. Cô là người Ukraine. Cô lập gia đình với một người Nga năm mươi tám tuổi. Người này đã tham gia sâu vào hoạt động kinh tế theo kiểu những năm 1990 ở Moscow. Ông ta đã giành được hợp đồng cho thuê các giếng dầu, quyền khai thác than và uranium từ nhà nước đang sụp đổ. Ông ta đã trở thành tỷ phú hàng dưới chực. Bước tiếp theo là trở thành tỷ phú hàng trên chực. Nhưng ông ta không làm được việc đó. Đó là nút cổ chai rất hẹp. Mọi người đều muốn len qua, nhưng không có đủ chỗ để ai cũng thành công. Cách đây một năm, bên ngoài một hộp đêm, một đối thủ cạnh tranh đã bắn vào đầu tỷ phú người Nga này. Cái xác nằm trong tuyết trên vỉa hè suốt cả ngày hôm sau. Đó là một thông điệp theo phong cách Moscow. Người vợ vừa trở thành bà góa, Lila Hoth, hiểu được nội dung thông điệp, liền nhanh chóng vét hết tiền bạc rồi chuyển tới London cùng mẹ. Cô thấy thích London và dự định sẽ sống mãi ở đó, ngập trong tiền bạc mà chẳng có việc gì nhiều để làm.

Cô nói, “Người ta thường cho là những người trẻ tuổi trở nên giàu có sẽ làm nhiều việc cho cha mẹ họ. Lúc nào các vị cũng thấy điều đó ở các ngôi sao nhạc pop, các ngôi sao điện ảnh và vận động viên nổi tiếng. Và việc ấy thể hiện một tinh thần rất đặc trưng Ukraine. Cha tôi mất trước khi tôi lọt lòng mẹ. Mẹ là tất cả những gì còn lại của tôi. Thế nên dĩ nhiên tôi dành cho bà tất cả những gì bà muốn. Nhà cửa, xe cộ, nghỉ ngơi, du lịch. Bà từ chối tất cả. Bà chỉ muốn tôi giúp cho bà một việc thôi. Bà muốn tôi giúp

bà tìm ra một người đàn ông trong quá khứ của bà. Như là bụi đã lắng dịu sau một cuộc đời dài đầy biến động, và cuối cùng bà cũng được tự do để tập trung vào điều có ý nghĩa nhất đối với mình.”

Tôi hỏi, “Người đàn ông ấy là ai?”

“Một người lính Mỹ tên John. Đó là tất cả những gì tôi biết. Ban đầu mẹ tôi nói ông ấy chỉ là người quen biết. Nhưng dần dần mới thấy rằng ông ấy đã rất tốt với bà, ở một thời điểm và một địa điểm cụ thể.”

“Ở đâu và khi nào?”

“Ở Berlin, trong một giai đoạn ngắn đầu thập niên 80.”

“Thế thì mơ hồ quá.”

“Đó là khi tôi chưa sinh. Vào năm 1983. Riêng tôi thì tôi nghĩ cố gắng tìm người đàn ông này là việc vô vọng. Tôi nghĩ mẹ đang trở thành một bà già lắm cảm. Nhưng tôi thấy hạnh phúc khi đáp ứng mong muốn của bà. Mà các vị đừng lo, bà không hiểu được những gì chúng ta đang nói đâu.”

Svetlana Hoth mỉm cười và gật đầu chẳng vì điều gì cụ thể.

Tôi hỏi, “Tại sao mẹ cô có mặt ở Berlin?”

“Bà ấy tham gia Hồng quân,” con gái của bà già đáp.

“Khi ấy làm gì?”

“Bà ấy thuộc một trung đoàn bộ binh.”

“Với chức vụ gì?”

“Bà ấy là chính trị viên. Tất cả các trung đoàn đều có một người. Trên thực tế, mọi trung đoàn đều có nhiều chính trị viên.”

Tôi hỏi, “Cô đã làm gì để tìm người Mỹ kia?”



“Mẹ tôi biết rõ rằng người bạn John của mình thuộc lực lượng lục quân chứ không phải thủy quân lục chiến. Đó là điểm khởi đầu của tôi. Thế nên từ London tôi gọi điện đến Bộ Quốc phòng nước ông hỏi xem tôi nên làm gì. Sau nhiều lần giải thích, người ta chuyển tôi tới Cục Nhân lực. Họ có văn phòng báo chí. Người tiếp chuyện tôi thực sự xúc động. Ông ấy nghĩ đó là một câu chuyện ngọt ngào. Có thể ông ấy thấy được khía cạnh quan hệ công chúng, tôi chẳng biết. Cuối cùng có vài tin vui, có lẽ thay cho những tin xấu. Ông ấy bảo ông ấy sẽ tìm hiểu. Riêng tôi thì nghĩ ông ấy đang phí thời gian, John là cái tên rất phổ biến. Và theo tôi hiểu, hầu hết lính Mỹ đều được luân chuyển qua Đức, hầu hết có viếng thăm Berlin. Thế nên tôi nghĩ số trường hợp như vậy rất lớn. Mà rõ là thế thật. Điều tiếp theo tôi biết là sau đó vài tuần, một nhân viên tên Susan Mark gọi điện cho tôi. Khi ấy tôi không ở nhà. Bà ấy để lại lời nhắn. Bà bảo mình đã được giao nhiệm vụ trên. Susan nói với tôi rằng một số cái tên nghe giống như John thực ra là rút gọn của Jonathan, đánh vần thiếu chữ H. Bà muốn biết liệu mẹ tôi đã bao giờ trông thấy cái tên đó viết ra chưa, có thể trên một mẫu thư. Tôi hỏi mẹ rồi gọi lại cho Susan Mark bảo bà ấy rằng chúng tôi chắc chắn là John có chữ H. Cuộc nói chuyện với Susan hóa ra rất dễ chịu và chúng tôi đã có thêm nhiều cuộc như thế. Tôi nghĩ chúng tôi đã hầu như trở thành bạn bè, theo kiểu đôi khi ta có thể tâm sự qua điện thoại. Giống như bạn quen qua thư, nhưng nói thay cho viết. Susan kể cho tôi nghe nhiều về bản thân. Bà là một phụ nữ rất cô đơn, tôi nghĩ nhờ nói chuyện với chúng tôi mà cuộc sống của bà trở nên tươi sáng hơn.”

Lee hỏi, “Rồi đến chuyện gì?”

“Cuối cùng tôi nhận được tin từ Susan. Bà bảo rằng bà đã đi đến một số kết luận sơ bộ. Tôi gợi ý là chúng tôi sẽ gặp nhau ở đây, tại New York, gần như một cách để hoàn thiện tình bạn giữa hai bên. Các vị biết đấy, một bữa ăn rồi thì có thể đi coi một buổi biểu diễn. Là một cách cảm ơn những cố gắng của bà ấy, chắc chắn thế rồi. Nhưng chẳng bao giờ bà ấy đến.”

Tôi hỏi, “Cô đợi cô ấy tới lúc mấy giờ?”

“Khoảng 10 giờ. Bà ấy bảo làm việc xong sẽ đi.”

“Quá muộn để đi ăn bữa tối và xem biểu diễn.”

“Bà ấy dự định ở qua đêm. Tôi đã đặt phòng cho bà ấy mà.”

“Cô tới đây khi nào?”

“Cách đây ba ngày.”

“Bằng phương tiện gì?”

“Bay hãng British Airways từ London.”

Tôi nói, “Cô đã thuê một đội là người bản xứ.”

Lila Hoth gật đầu.

Tôi hỏi: “Khi nào?”

“Ngay trước khi chúng tôi tới đây.”

“Tại sao?”

“Theo kế hoạch,” Lila đáp. “Và đôi lúc có ích.”

“Cô tìm được họ ở đâu?”

“Họ quảng cáo. Trên các báo của Moscow, và trên các báo dành cho ngoại kiều ở London. Với họ là một nghề tốt, với chúng tôi là một hình thức kiểm tra thân thể. Nếu ra nước ngoài mà không được trợ giúp, ông sẽ trông yếu thế. Không nên để như vậy.”

“Họ bảo tôi rằng cô sẽ điều cả một đội của riêng cô.”

Hoth trông có vẻ ngạc nhiên.

“Tôi không có đội nào của riêng mình cả,” cô đáp. “Thế quái nào mà họ lại nói vậy nhỉ? Tôi không hiểu nổi.”

“Họ bảo rằng cô mang tới đây một số thành phần rất đáng sợ.”

Trong một giây Hoth trông bối rối và hơi khó chịu. Rồi vẻ hiểu ra xuất hiện trên mặt cô. Có vẻ đây là một người có khả năng phân tích nhanh. Cô nói, “Về mặt chiến lược, có lẽ họ có óc sáng tạo. Khi Susan không tới, tôi đã điều họ đi tìm. Tôi nghĩ mình đã trả tiền cho họ thì họ cũng nên làm một số việc. Và mẹ tôi đã đặt rất nhiều hy vọng vào việc này. Thế nên tôi không muốn mất công lặn lội cả quãng đường dài tới đây để rồi thất bại ở phút cuối cùng. Vậy nên tôi đặt mức thưởng cho họ. Chúng tôi lớn lên với niềm tin rằng ở nước Mỹ này tiền có ảnh hưởng mạnh nhất. Do vậy có lẽ những tay ấy đã bịa ra một câu chuyện cho ông nghe. Có lẽ họ bịa ra một câu chuyện khác đáng sợ. Để đảm bảo rằng họ sẽ kiếm được thêm tiền. Như thế ông sẽ muốn nói chuyện với họ.”

Tôi không nói gì.

Rồi một điều khác hiện lên mặt Hoth. Nhận ra một điều khác. Cô nói, “Tôi không có đội nào như cách gọi của ông cả. Chỉ có một người. Leonid, một trong những người trong đội cũ của chồng tôi. Anh ta không thể kiếm việc mới. Anh ta là dạng sắp hết thời, tôi e là thế. Thế nên tôi giữ lại. Ngay lúc này anh ta đang ở ga Penn. Anh ta đang đợi ông. Cảnh sát bảo tôi rằng nhân chứng đã đi Washington. Tôi nhận định là ông sẽ đi tàu hỏa và trở lại cũng bằng cách đó. Ông không trở về bằng tàu hỏa sao?”

Tôi nói, “Có, tôi đã trở lại bằng tàu hỏa.”

“Thế thì chắc chắn Leonid đã bỏ sót mất ông rồi. Anh ta có ảnh của ông. Anh ta có nhiệm vụ đề nghị ông gọi điện cho tôi. Anh chàng tội nghiệp, chắc chắn anh ta vẫn đang ở đó.”

Hoth đứng dậy đi về phía cái tủ thấp. Để dùng điện thoại trong phòng. Việc đó tạm thời gây cho tôi một rắc rối về mặt chiến thuật. Bởi điện thoại

di động của Leonid đang nằm trong túi tôi.

VỀ NGUYÊN TẮC, TÔI BIẾT cách tắt một chiếc điện thoại di động. Tôi đã thấy người ta làm việc đó, và tự tôi cũng đã làm việc này hơn một lần. Với hầu hết các mẫu máy, bạn chỉ cần giữ phím màu đỏ trong hai giây. Nhưng chiếc điện thoại lại nằm trong túi tôi. Không có khoảng trống để mở máy ra, và không có cơ hội tìm được phím màu đỏ chỉ bằng cách sờ vào máy. Lấy máy ra bật tắt đi khi mọi người nhìn thấy rõ ràng thì sẽ quá khả nghi.

Lila bấm số 9 để xin đường truyền và nhấn số.

Tôi thò tay vào túi, dùng ngón cái tìm lấy lẫy, tháo pin ra. Tách nó khỏi máy và xoay sang bên để tránh mọi khả năng vô tình khiến nguồn điện được tiếp xúc trở lại.

Lila Hoth chờ đợi, rồi thở dài và gác máy.

“Chẳng hy vọng gì được ở anh ta,” cô nói. “Nhưng rất trung thành.”

Đầu tôi cố gắng hình dung những bước đi có thể của Leonid. Cảnh sát, cấp cứu, có lẽ buộc phải đến phòng cấp cứu của bệnh viện St Vincent, không giấy tờ, có thể không biết tiếng Anh, có thể những lo ngại, những câu hỏi và rồi bị giữ lại. Rồi chuyển đi trở lại thành phố.

Bị giữ bao lâu, tôi không biết.

Chuyến đi nhanh chóng nào, tôi không thể đoán trước.

Tôi lên tiếng, “Đội người bản xứ đã nhắc tới tên John Sansom.”

Lila Hoth thở dài lần nữa và lắc đầu, thoáng biểu hiện lo lắng. Cô nói, “Tôi đã tóm tắt cho họ khi chúng tôi đến, rõ là thế rồi. Tôi đã kể cho họ nghe câu chuyện. Và chúng tôi có quan hệ khá tốt. Tôi nghĩ tất cả chúng tôi đều cảm thấy mình đang lãng phí thời gian để làm vừa lòng mẹ tôi. Nói thật, chúng tôi cùng nhau đùa cợt về vấn đề đó. Một trong mấy người của tôi đọc báo nói về Sansom. Anh ta bảo đây là một lính Mỹ tên John, khá gần với thời đó. Anh ta bảo có thể Sansom chính là người cô đang tìm. Trong một hay hai ngày câu đó trở thành một câu quen tai. Tôi cho ấy chỉ là chuyện đùa trong nhóm mà thôi. Chúng tôi nói, ta hãy gọi cho John Sansom đi và thế là xong việc. Dĩ nhiên là tôi chỉ đùa thôi, bởi khả năng xảy ra là bao nhiêu chứ? Có lẽ một phần triệu. Và họ cũng nói đùa thật, nhưng sau đó họ trở nên nghiêm túc một chút về chuyện ấy. Có lẽ do ảnh hưởng nó sẽ gây ra, vì ông ta là một chính trị gia nổi tiếng thế mà.”

“Ảnh hưởng nào? Mẹ cô đã làm gì với người đàn ông tên John này?”

Svetlana Hoth chăm chăm nhìn vào khoảng không, không hiểu gì. Lila Hoth lại ngồi xuống. Cô nói, “Mẹ tôi chưa bao giờ nói cụ thể về chuyện đó. Chắc chắn không thể là chuyện làm gián điệp. Mẹ tôi không phải kẻ phản quốc. Tôi nói điều này không phải với tư cách một đứa con gái trung thành, mà với tư cách một người có đầu óc thực tế. Bà vẫn còn sống. Vì vậy có nghĩa chưa bao giờ bà bị nghi ngờ. Và người bạn Mỹ của bà cũng không phải kẻ phản quốc. Móc nối với những kẻ phản bội nước ngoài là chức năng của KGB<sup>[32]</sup>, không phải của quân đội. Và cá nhân tôi nghi ngờ rằng mối quan tâm của bà mang tính tình cảm. Nhiều khả năng đó là sự giúp đỡ kiểu nào đấy, giúp đỡ cá nhân, hoặc về tài chính hoặc chính trị. Có thể là bí mật. Hồi đó là thời kỳ tệ hại của Liên Xô. Nhưng có khả năng là mang tính tình cảm. Tất cả những gì mẹ tôi từng nói là người đàn ông này rất tốt với mẹ. Bà ấy bí mật lắm.”

“Hỏi bà ấy đi, ngay bây giờ ấy.”

“Ông có tưởng tượng được tôi đã hỏi bà bao nhiêu lần rồi không? Bà cứ lưỡng lự không nói.”

“Nhưng cô nghĩ là Sansom thực sự không liên quan à?”

“Không, không hề. Đó là một trò đùa vượt khỏi tầm kiểm soát. Chỉ thế thôi. Tất nhiên trừ trường hợp đó thực sự là trường hợp một trên một triệu. Nếu thế thì thật là phi thường, ông không nghĩ thế sao? Nói đùa về một chuyện rồi thì thấy nó biến thành sự thật!”

Tôi chẳng nói gì.

Lila Hoth nói, “Giờ tôi có thể hỏi ông một câu được không? Susan Mark đã cung cấp cho ông thông tin cô ấy định mang tới cho mẹ tôi hay không?”

Svetlana Hoth mỉm cười và gật đầu lần nữa. Tôi bắt đầu nghi rằng bà đã nhận ra hai từ *mẹ tôi*. Giống như con chó vẫy đuôi khi nghe gọi tên nó. Tôi nói, “Tại sao cô nghĩ Susan Mark cung cấp thông tin cho tôi?”

“Bởi những người tôi thuê ở đây bảo tôi là ông có nói với họ cô ấy đã làm thế. Thông tin số hóa, trong một chiếc USB. Họ chuyển cho tôi thông điệp đó, gửi cho tôi ảnh của ông, rồi từ bỏ nhiệm vụ của họ. Tôi không chắc vì sao. Tôi trả cho họ rất hậu đấy.”

Tôi cựa người trên ghế và nhét tay vào túi.

Lần xuống dưới, qua chiếc điện thoại đã bị tháo pin và tìm thấy chiếc USB mua ở Radio Shack. Tôi cảm nhận được lớp bọc cao su hồng cọ vào các ngón tay. Tôi lôi nó ra, giơ lên và quan sát đôi mắt của Lila Hoth rất cẩn thận.

Cô ta quan sát nó đúng kiểu mèo quan sát một con chim.

Lila Hoth hỏi, “Đó có thực là nó không?”

Theresa Lee cựa quậy trên ghế và nhìn tôi. Như thể cô đang hỏi. *Ông sẽ nói ra điều đó, hay tôi nói?* Lila Hoth bắt được ánh nhìn ấy liền hỏi, “Chuyện gì thế?”

Tôi nói, “Tôi e là với tôi toàn bộ câu chuyện có vẻ rất khác. Lúc trên tàu Susan Mark đã rất khiếp sợ. Cô ấy gặp rắc rối lớn. Cô ấy không có vẻ gì giống người tới thành phố gặp một người bạn để ăn tối và xem một buổi biểu diễn.”

Lila Hoth nói, “Tôi đã nói với ông từ đầu rồi. Tôi không thể giải thích điều đó.”

Tôi nhét chiếc USB trở lại túi. Rồi nói, “Susan không mang theo chiếc túi để ngủ qua đêm.”

“Tôi không thể lý giải điều đó.”

“Và cô ấy đã bỏ xe hơi rồi tới bằng tàu điện ngầm. Đó là điều kỳ lạ. Nếu cô đã chuẩn bị và đặt phòng sẵn cho cô ấy, tôi chắc rằng cô đã bố trí dịch vụ đậu và lấy xe cho khách.”

“Bố trí à?”

“Thanh toán ấy.”

“Tất nhiên rồi.”

“Và cô ấy mang theo một khẩu súng đã nạp đạn.”

“Cô ấy sống ở Virginia. Tôi nghe nói ở đó thì mang súng là việc bắt buộc.”

“Ở đó việc ấy là hợp pháp,” tôi nói. “Không phải việc bắt buộc.”

“Tôi không thể giải thích. Tôi xin lỗi.”



“Và con trai cô ấy hiện mất tích. Lần cuối cùng người ta trông thấy nó là khi rời quán bar, cùng một phụ nữ trạc tuổi cô, hình dáng giống cô.”

“Mất tích à?”

“Biến mất.”

“Một phụ nữ có hình dạng như tôi?”

“Một con bé hết sức ngon lành.”

“Thế nghĩa là sao?”

“Một phụ nữ trẻ đẹp.”

“Quán bar nào?”

“Một nơi ở LA.”

“Los Angeles à?”

“Ở California.”

“Tôi chưa bao giờ tới Los Angeles. Đời tôi chưa bao giờ tới. Tôi chỉ mới ở New York.”

Tôi không nói gì.

Lila Hoth nói: “Nhìn quanh ông xem. Tôi đã ở New York này ba ngày bằng thị thực du lịch và thuê ba phòng của một khách sạn thương mại. Tôi không có đội nào như cách ông gọi. Tôi chưa bao giờ tới California.”

Tôi chẳng nói gì.

Cô nói: “Quan điểm thường mang tính chủ quan. Và tôi không phải người phụ nữ duy nhất ở lứa tuổi bây giờ. Thế giới này có sáu tỷ người. Một nửa trong số đó mười lăm tuổi hoặc trẻ hơn. Thế nghĩa là vẫn có tới ba tỷ người từ mười sáu tuổi trở lên. Theo biểu đồ, có lẽ mười hai phần trăm số

đó nằm trong độ tuổi từ hai tư tới hai sáu. Như thế là ba trăm sáu mươi triệu người. Chừng một nửa là phụ nữ. Thế là một trăm tám mươi triệu. Ngay cả khi chỉ một phần trăm trong số này có thể được đánh giá là đẹp, trong một quán bar ở California, thì khả năng John Sansom là người bạn của mẹ tôi còn cao gấp mười lần khả năng tôi có gì đó liên quan tới con trai của Susan Mark.”

Tôi gật đầu. Về mặt số học thì Lila Hoth đúng phóc. Cô nói, “Và dù sao cũng có thể đúng là Peter đang ở một nơi xa nào đó cùng một cô gái. Đúng, tôi biết tên anh ta. Thực ra tôi biết hết mọi điều về anh ta. Susan đã kể cho tôi nghe. Qua điện thoại. Chúng tôi đã nói chuyện về tất cả những vấn đề của mình. Cô ấy ghét con trai mình. Cô ấy ghét con người anh ta. Peter là tất cả những gì cô ấy không thích. Anh ta chỉ là một cậu sinh viên nông cạn với những quan điểm chưa trưởng thành. Anh ta không công nhận Susan vì anh ta ngả về cha. Mà ông biết tại sao không? Vì anh ta bị ám ảnh bởi nguồn gốc của mình. Và Susan là con nuôi. Ông thậm chí biết điều đó chứ? Con trai cô ấy nghĩ về cô chỉ với tư cách một đứa con ngoài giá thú. Anh ta căm ghét cô ấy vì điều đó. Tôi biết về Susan nhiều hơn bất kỳ ai khác. Tôi đã nói chuyện với Susan rất nhiều lần. Tôi đã lắng nghe cô ấy. Cô là một phụ nữ cô đơn, bị cô lập. Tôi là bạn của cô ấy. Cô ấy rất hào hứng tới đây gặp tôi.”

Vào lúc này tôi cảm nhận được rằng Theresa Lee cần phải đi, và chắc chắn tôi cần ra khỏi đây trước khi anh chàng Leonid trẻ tuổi lại xuất hiện. Thế nên tôi gật đầu, nhún vai như thể tôi chẳng có gì thêm để nói và không còn vấn đề nào nữa để bàn. Lila Hoth hỏi liệu tôi có thể đưa cho cô chiếc USB mà Susan Mark đã trao cho tôi không. Tôi không đồng ý mà cũng không từ chối. Tôi không hề trả lời. Tất cả bắt tay nhau thêm một lượt, rồi hai chúng tôi đi ra. Cánh cửa khép lại sau lưng và tôi cùng Lee bước theo hành lang tĩnh lặng rồi cửa thang máy mở ra. Chúng tôi bước vào, nhìn nhau qua vách thang máy bọc gương, Lee nói: “Này, ông nghĩ sao?”

“Tôi nghĩ cô ta đẹp,” tôi nói. “Một trong những phụ nữ đẹp nhất tôi từng thấy.”

“Ngoài điều đó.”

“Đôi mắt tuyệt vời.”

“Ngoài đôi mắt của cô ta.”

“Tôi nghĩ là cô ta cô đơn nữa. Cô đơn và bị cô lập. Cô ta nói về Susan, nhưng có thể cô ta cũng nói về chính mình.”

“Còn về câu chuyện của cô ta?”

“Có phải những ai có nhan sắc thì tự khắc khiến ta tin tưởng hơn không?”

“Tôi thì không đâu nhé, ông bạn. Mà thôi, bỏ qua đi. Sau ba mươi năm nữa cô ta sẽ trông hết như bà mẹ mình. Ông có tin cô ta không?”

“Cô thì sao?”

Lee gật đầu. “Tôi tin cô ta. Bởi xác minh một câu chuyện như thế dễ như chơi. Chỉ một kẻ ngốc mới tạo cho chúng ta nhiều cơ hội như thế để chứng minh rằng hấn sai. Ví dụ như, quân đội thực sự có nhiều sĩ quan báo chí không?”

“Vài trăm.”

“Thế nên tất cả những gì ta phải làm là tìm ra người đã nói chuyện với cô ta rồi hỏi. Thậm chí ta có thể lần ra những cú điện thoại từ London. Tôi có thể liên lạc với Tổng Hành dinh Cảnh sát Anh. Tôi thích làm việc ấy. Ông có thể tưởng tượng được không? Docherty phá đám tôi, tôi liền bảo *Lượn đi anh bạn, tôi đang nói chuyện điện thoại với Tổng Hành dinh Cảnh sát Anh.* Đó là giấc mơ của mọi thám tử đấy.”

“NSA [33] sẽ có các cuộc gọi ấy,” tôi nói. “Một cú điện thoại từ nước ngoài gọi vào Bộ Quốc phòng sao? Mấy cuộc gọi ấy đã thành một phần phân tích tin tình báo ở đây đó rồi ấy chứ.”

“Và chúng ta có thể tìm được những cú điện thoại Susan Mark gọi ra từ Lầu Năm Góc. Nếu họ đã nói chuyện thường xuyên như Lila đã nói, ta có thể dễ dàng tìm thấy chúng. Những cuộc gọi quốc tế tới Anh, có lẽ họ đã đánh dấu riêng rồi.”

“VẬY THÌ LÀM TỚI THÔI. XÁC MINH ĐI.”

“Tôi nghĩ mình sẽ làm,” Lee nói. “Và ắt hẳn cô ta biết rằng tôi có thể làm được. Ấn tượng cô ta để lại ở tôi là một phụ nữ thông minh. Cô ta biết rằng hãng British Airways và Bộ An ninh Nội địa có thể nắm được những lần cô ta vào và ra khỏi nước Mỹ. Cô ta biết chúng ta có thể nắm được cô ta từng bay tới LA bao giờ chưa. Cô ta biết chúng ta chỉ cần tiến tới hỏi Jacob Mark xem có phải chị anh ta là con nuôi hay không. Tất cả chuyện đó đều dễ xác minh. Nói dối về những chuyện đó có mà điên. Cộng thêm chuyện cô ta tới đồn cảnh sát khu vực và tự khiến mình dính dáng tới chuyện này. Và cô ta vừa mới cho tôi xem hộ chiếu của mình. Việc đó trái ngược hoàn toàn với hành vi khả nghi. Đó là những điểm lớn có lợi cho cô ta.”

Tôi lấy điện thoại di động ra khỏi túi, lắp pin vào. Tôi bấm nút khởi động, màn hình liền sáng lên. Nó hiển thị một cuộc gọi nhờ. Chắc là Lila Hoth, từ phòng của cô, cách đây mười phút. Thấy Lee đang nhìn chiếc điện thoại, tôi bảo: “Điện thoại của Leonid đây. Tôi đã lấy nó từ hắn.”

“Thực tế là hắn đã tìm thấy ông à?”

“Tôi đã tìm thấy hắn. Đó là lý do tôi đã biết sâu đến tận khách sạn này.”

“Giờ hắn ở đâu?”

“Có thể đang cuộc bộ từ bệnh viện St Vincent về.”

“Đây là điều ông thực sự muốn nói cho một thám tử NYPD sao?”

“Hắn ngất. Tôi đã giúp hắn. Chỉ có thể. Cứ nói chuyện với các nhân chứng thì biết.”

“Dù là gì thì việc đó cũng sẽ không hay ho gì với Lila đâu.”

“Cô ta nghĩ rằng ở Virginia sở hữu súng là điều bắt buộc. Có lẽ cô ta nghĩ rằng ở New York cướp bóc là điều bắt buộc. Cô ta đã lớn lên trong những luận điệu tuyên truyền.”

Chúng tôi ra khỏi thang máy ở sảnh và hướng về phía cửa giáp mặt phố. Lee hỏi, “Nhưng nếu như toàn bộ chuyện này không có vấn đề, tại sao có các nhân viên điều tra liên bang nhảy vào?”

“Nếu câu chuyện có thật, một lính Mỹ đã gặp một chính trị viên Hồng quân hồi Chiến tranh lạnh. Các nhân viên điều tra liên bang muốn chắc chắn tuyệt đối rằng điều đó trong sáng. Đó là lý do việc trả lời của HRC bị trì hoãn lại nhiều tuần. Họ đang bận tìm hướng xử lý và tổ chức sắp xếp theo dõi.”

Chúng tôi vào xe của Lee. Cô nói, “Ông không nhất trí với tôi về toàn bộ câu chuyện, đúng không?”

Tôi đáp, “Nếu chuyện gia đình nhà Hoth là trong sáng thì nói làm gì. Nhưng có gì đó không trong sáng. Điều đó thì quá chắc chắn. Và chúng ta nói rằng có điều gì đó khác đã đưa Susan Mark tới một địa điểm chính xác vào một thời điểm chính xác. Quả là một sự trùng hợp lạ lùng quá thể.”

“Rồi sao?”

“Đã bao nhiêu lần cô biết đến người có cơ hội một phần triệu trở thành người chiến thắng chưa?”

“Chưa bao giờ.”

“Tôi cũng chưa. Nhưng tôi nghĩ chuyện ấy đang diễn ra ở đây. Khả năng đây không phải John Sansom là một triệu trên một, nhưng tôi nghĩ ông ta có liên quan.”

“Tại sao?”

“Tôi đã nói chuyện với ông ta.”

“Ở Washington à?”

“Thực tế là tôi đã phải theo ông ta tới Bắc Carolina.”

“Ông không chịu bỏ cuộc, phải không?”

“Đó là điều ông ta nói. Rồi tôi hỏi Sansom đã bao giờ nghe nhắc cái tên Lila Hoth chưa. Ông ta bảo chưa. Khi ấy tôi quan sát nét mặt ông ta. Tôi tin tay nghị sĩ này, và tôi cũng nghĩ là khi ấy ông ta nói dối. Cả hai việc diễn ra đồng thời. Và có lẽ ông ta thế thật.”

“Như thế nào kia chứ?”

“Có thể ông ta đã nghe thấy cái tên Hoth chứ không có Lila. Vậy thì thực tế là không, ông ta đã không nghe thấy cái tên Lila Hoth. Nhưng có lẽ ông ta đã nghe cái tên Svetlana Hoth. Có lẽ ông ta rất quen với cái tên này.”

“Điều đó nghĩa là sao?”

“Có thể nhiều hơn chúng ta nghĩ. Bởi nếu Lila Hoth đang nói sự thật thì ở đây đang diễn ra một dạng logic kỳ quặc. Tại sao Susan Mark lại dồn quá nhiều tâm sức cho một vụ thế này?”

“Vì cô ấy có sự thông cảm.”

“Tại sao lại đúng là cô ấy?”

“Tôi không biết.”

“Vì cô ấy là con nuôi. Con ngoài giá thú, có thể đôi khi cô ấy tự hỏi về nguồn cội thực của mình. Thông cảm với những người khác cùng hoàn cảnh. Có thể giống Lila Hoth. Một tay nào đó từng rất tốt với mẹ cô ấy trước khi cô ấy ra đời sao? Có rất nhiều cách hiểu một câu như vậy.”

“Chẳng hạn?”

“Trường hợp tốt nhất là ông ta đã cho bà ấy một chiếc áo khoác ấm trong mùa đông.”

“Còn xấu nhất?”

“Có thể John Sansom là cha của Lila Hoth.”

TÔI VÀ LEE QUAY THĂNG VỀ ĐÓN CẢNH SÁT KHU VỰC. Jacob Mark đã xong việc của mình với Docherty. Điều đó thì rõ rồi. Và có gì đó đã thay đổi. Điều đó thì cũng rõ. Họ đang ngồi đối diện nhau qua bàn làm việc của Docherty. Không nói chuyện thêm nữa. Jake trông có vẻ phấn khởi hơn. Khuôn mặt Docherty có nét kiên nhẫn, như thể anh ta vừa lãng phí một giờ đồng hồ. Anh không có vẻ ám ức về chuyện ấy. Cảnh sát quen với việc lãng phí thời giờ mà. Thống kê ra thì hầu hết những việc họ làm chẳng dẫn tới đâu cả. Lee và tôi bước tới chỗ họ, Jake nói: “Peter đã gọi cho huấn luyện viên của nó.”

Tôi hỏi, “Lúc nào?”

“Cách đây hai giờ. Huấn luyện viên đã gọi cho Molina và Molina gọi cho tôi.”

“Vậy nó đang ở đâu?”

“Nó không nói. Nó phải để lại lời nhắn. Huấn luyện viên của nó không bao giờ nghe máy trong lúc ăn tối. Thời gian dành cho gia đình mà.”

“Nhưng Peter ổn chứ?”

“Nó bảo nó sẽ không trở về sớm. Có lẽ không bao giờ. Nó đang nghĩ tới chuyện bỏ bóng bầu dục. Trong máy điện thoại có tiếng con gái cười khúc khích.”

Docherty nói, “Chắc hẳn là cô nào khá lắm đây.”



Tôi hỏi Jake, “Anh thấy thoải mái với điều đó chứ?”

Jake nói, “Trời đất ạ, không hề. Nhưng đó là đời nó. Và dù sao nó cũng sẽ thay đổi ý định thôi. Câu hỏi duy nhất là nhanh chừng nào.”

“Ý tôi là anh thấy vui vì lời nhắn có thực chứ?”

“Huấn luyện viên biết giọng của nó. Có lẽ là biết rõ hơn tôi.”

“Có ai thử gọi lại cho nó không?”

“Tất cả bọn tôi. Nhưng điện thoại nó lại tắt rồi.”

Theresa Lee nói, “Thế là chúng ta hài lòng chứ?”

“Tôi đoán là thế.”

“Cảm thấy thoải mái hơn không?”

“Nhẹ người.”

“Tôi có thể hỏi anh một câu về chủ đề khác chứ?”

“Hỏi đi.”

“Chị anh là con nuôi phải không?”

Jake ngừng lặng. Chuyển tâm trạng. Gật đầu. “Cả hai chúng tôi đều là con nuôi. Từ bé. Nhận về riêng rẽ, cách nhau ba năm. Susan trước.” Rồi anh hỏi, “Sao cô lại hỏi thế?”

Lee nói, “Tôi đang xác minh một số thông tin mới thu nhận được.”

“Thông tin mới nào?”

“Có vẻ Susan đã lên đây để gặp một người bạn.”

“Người bạn nào?”

“Một phụ nữ Ukraine tên là Lila Hoth.”

Jake liếc nhìn tôi. “Chúng tôi đã rà lại toàn bộ chuyện này. Tôi chưa bao giờ nghe thấy cái tên đó từ miệng Susan.”

Lee hỏi anh, “Anh có mong là nghe thấy không? Chị em anh gần gũi tới mức nào? Mọi quan hệ đó có vẻ như tình bạn tương đối mới.”

“Chúng tôi không gần gũi nhau lắm.”

“Lần cuối cùng chị em anh nói chuyện là khi nào?”

“Tôi nghĩ là cách đây vài tháng.”

“Thế là anh không hoàn toàn cập nhật được thông tin mới nhất về các mối quan hệ xã hội của cô ấy.”

Jake nói, “Tôi nghĩ là không.”

Lee hỏi, “Bao nhiêu người biết rằng Susan là con nuôi?”

“Tôi nghĩ chị ấy không đi khoe khoang về chuyện ấy đâu. Nhưng cũng không phải là bí mật.”

“Một người bạn mới sẽ biết được sớm chừng nào?”

“Có lẽ là khá sớm. Bạn bè nói về những chuyện như thế.”

“Anh mô tả thế nào về quan hệ của Susan với con trai cô ấy?”

“Câu hỏi này là kiểu gì thế?”

“Một câu hỏi quan trọng.”

Jake lưỡng lự. Anh im bật và quay người đi chỗ khác, như thể đang lảng tránh vấn đề này thật. Như thể anh đang né một cú đòn. Có lẽ vì anh lưỡng lự không muốn phơi bày chuyện không hay trước thiên hạ, trong tình huống này, ngôn ngữ cơ thể của Jake thực sự là toàn bộ nội dung câu trả lời

chúng tôi cần. Nhưng Theresa Lee muốn nó biểu hiện bằng lời cụ thể. Cô nói, “Hãy nói với tôi, Jake. Giữa cảnh sát với nhau. Đây là vấn đề tôi cần biết.”

Jake im lặng một lát. Rồi anh nhún vai nói: “Tôi nghĩ cô có thể gọi đó là mối quan hệ yêu-ghét.”

“Chính xác là theo kiểu nào?”

“Susan yêu Peter, Peter ghét chị ấy.”

“Tại sao?”

Tiếp tục lưỡng lự. Thêm một cái nhún vai. “Chuyện phức tạp lắm.”

“Phức tạp thế nào?”

“Peter trải qua một thời kỳ giống như hầu hết đám trẻ. Kiểu như bọn con gái muốn làm những nàng công chúa bị lãng quên từ xưa từ xưa, hoặc lũ con trai muốn ông mình từng là đô đốc, tướng lĩnh hay mấy nhà thám hiểm nổi tiếng. Một lúc nào đó trong đời mọi người muốn mình là gì đó không phải họ. Cơ bản thì Peter muốn sống trong một quảng cáo của Ralph Lauren. Nó muốn mình là Peter Molina Đệ tứ hoặc ít nhất cũng Đệ tam. Nó muốn bố mình có một dinh cơ ở Kennebunkport, mẹ nó có những gì còn lại của một gia sản thời xưa. Susan không xử lý tốt vấn đề đó. Chị tôi là con của một gái điếm thiếu niên nghiện ngập quê Baltimore, và chị ấy chẳng giấu gì chuyện ấy. Chị nghĩ rằng thành thật là phương thức tốt nhất. Peter đã chấp nhận điều này thật tồi. Cả hai không bao giờ vượt qua được chuyện đó, và rồi xảy ra vụ ly hôn, Peter lựa chọn phía có vị thế cao hơn, và họ không bao giờ vượt qua nổi chuyện ấy.”

“Anh cảm thấy thế nào về chuyện đó?”

“Tôi có thể hiểu cả hai quan điểm. Tôi không bao giờ tìm hiểu về người mẹ thực sự của mình. Tôi không muốn biết. Nhưng tôi từng trải qua

một giai đoạn chỉ ước gì bà ấy là một mệnh phụ trên người đeo toàn kim cương. Tôi đã vượt qua. Nhưng Peter thì không. Thật ngu ngốc, tôi biết là thế, nhưng cũng dễ hiểu thôi.”

“Susan có quý Peter với tư cách một người bình thường, khác với yêu nó với tư cách một đứa con trai không?”

Jake lắc đầu. “Không. Điều đó làm mọi chuyện thậm chí tồi tệ thêm. Susan không có sự thông cảm đối với giới vận động viên và những kẻ mặc áo có số cũng như tất cả những vấn đề liên quan. Tôi đoán là hồi học phổ thông và đại học chị đã có kỷ niệm không vui với những người kiểu ấy. Chị ấy không thích con trai mình trở thành một trong những người như thế. Nhưng điều ấy lại có ý nghĩa quan trọng với Peter, ban đầu chỉ là vì nó thích thôi, nhưng rồi sau này nó trở thành vũ khí chống lại mẹ. Đó là một gia đình rệu rã, đây là điều chẳng phải bàn cãi.”

“Những ai biết chuyện này?”

“Ý cô là một người bạn liệu có biết hay không hả?”

Lee gật đầu.

Jake nói, “Có thể bạn thân thì sẽ biết.”

“Một người bạn thân mà cô ấy mới gặp chưa được lâu lắm sao?”

“Chẳng có thời hạn nào cả. Vấn đề là lòng tin, phải không?”

Tôi nói: “Anh đã bảo tôi rằng Susan không phải người bất hạnh.”

Jake nói, “Đúng thế. Tôi biết rằng nói thế nghe có vẻ kỳ quặc. Nhưng những người là con nuôi có quan điểm khác về gia đình. Họ có những kỳ vọng khác nhau. Tin tôi đi, tôi biết mà. Susan bình thản về chuyện đó. Đó là một thực tế trong cuộc sống, chỉ thế thôi.”

“Cô ấy cô đơn không?”

“Tôi chắc chắn là có.”

“Cô ấy có cảm thấy bị cô lập không?”

“Tôi chắc chắn là có.”

“Cô ấy có thích buôn chuyện qua điện thoại không?”

“Hầu hết phụ nữ như vậy cả.”

Lee hỏi Jake, “Anh có con không?”

Một lần nữa Jake lắc đầu.

“Không,” anh nói. “Tôi không có con cái. Tôi thậm chí không lập gia đình. Tôi cố gắng rút được bài học được từ kinh nghiệm của chị mình.”

Lee im lặng một chút rồi lên tiếng, “Cảm ơn Jake. Tôi thấy vui vì Peter ổn. Và tôi xin lỗi bởi tôi phải xới lại tất cả những điều không vui.” Rồi cô bước đi. Tôi đi theo, cô bảo, “Tôi cũng sẽ xác minh lại những chuyện khác, song sẽ mất thời gian, bởi các kênh đó luôn chậm, nhưng ngay lúc này phán đoán của tôi là thực tế sẽ cho thấy Lila Hoth là người tốt. Cho tới nay cô ấy nói chính xác về cả hai vấn đề, chuyện con nuôi và mối quan hệ giữa mẹ và con trai. Cô ấy biết những điều mà chỉ một người bạn đúng nghĩa mới biết.”

Tôi gật đầu đồng ý. “Cô quan tâm tới vấn đề còn lại không? Bất cứ điều gì khiến Susan sợ hãi đến vậy?”

“Chẳng quan tâm nếu tôi không thấy bằng chứng thực sự về một tội ác diễn ra ở thành phố New York, ở một nơi giữa đại lộ Chín và đại lộ Park, và giữa phố 30 và phố 45.”

“Đó chính là khu vực này hả?”

Lee gật đầu. “Bất kỳ chuyện gì khác đều sẽ là công việc tình nguyện.”

“Cô quan tâm tới Sansom không?”

“Không một chút nào. Ông quan tâm à?”

“Tôi cảm thấy như mình nên cảnh báo cho ông ta, có lẽ vậy.”

“Về vấn đề gì? Về xác suất một phần triệu à?”

“Thực ra xác suất cao hơn một phần triệu nhiều. Ở Mỹ có năm triệu đàn ông tên John. Xét về tính phổ biến thì chỉ sau cái tên James. Như thế là cứ ba mươi người thì có một. Vậy hồi năm 1983 có thể có ba mươi ba ngàn chàng John trong quân đội Mỹ. Có lẽ trừ đi mười phần trăm cho thống kê quân số, khả năng là khoảng một phần ba mươi ngàn.”

“Như thế xác suất vẫn là quá thấp.”

“Tôi nghĩ Sansom nên biết, thế thôi.”

“Tại sao?”

“Hãy gọi đó là tình anh em giữa các chiến hữu đi. Có thể tôi sẽ quay lại Washington.”

“Không cần đâu. Ông khỏi tốn một chuyến rồi. Ông ta đang tới đây. Trưa mai, để dự bữa trưa gây quỹ ở khách sạn Sheraton. Cùng với tất cả những tay quyền lực nhất của phố Wall, đại lộ Bảy và phố 52. Chúng tôi đã được nhắc nhở rồi.”

“Tại sao? Khi ở Greensboro ông ta không được bảo vệ chặt.”

“Ở đây ông ta cũng không được bảo vệ chặt. Thực tế là ông ta sẽ chẳng được bảo vệ gì. Nhưng chúng tôi được lưu ý về mọi chuyện. Đó là cơ chế bây giờ. Đó là NYPD mới.” Rồi Lee bỏ đi, để tôi lại một mình giữa phòng họp trống không. Và để lại tôi với cảm giác hơi lo lắng. Có thể Lila Hoth trong sáng như pha lê, nhưng tôi không thể nào bỏ được cảm giác rằng Sansom đang bước vào một cái bẫy, chỉ bằng việc đến thành phố này.



THỜI TA CÓ THỂ NGỦ NGON Ở NEW YORK với năm đô một đêm đã qua lâu lắm rồi, nhưng bây giờ vẫn có thể làm điều đó với năm đô nếu như ta biết cách, vấn đề mấu chốt là bắt đầu ngủ muộn. Tôi đi bộ tới khách sạn trước đây từng sử dụng, gần Madison Square Garden. Đó là một nơi to lớn, một thời tráng lệ, song bây giờ chỉ là một tòa nhà cũ đã bạc phếch, mãi mãi gần với mức cần duy tu hoặc phá hủy nhưng không bao giờ thực sự được như vậy. Sau nửa đêm, lượng nhân viên trực chỉ còn lại một nhân viên gác đồ duy nhất chịu trách nhiệm làm mọi việc kể cả trực lễ tân. Tôi bước tới chỗ anh ta hỏi xem có phòng nào trống hay không. Tay nhân viên trình diễn màn gõ bàn phím và nhìn màn hình máy tính rồi nói có, có một phòng. Anh ta ra giá một trăm tám mươi lăm đô, cộng thêm thuế. Tôi hỏi liệu mình có thể xem phòng trước khi đăng ký ở không. Đó là kiểu khách sạn mà lời đề nghị như vậy có vẻ hợp lý. Và khôn ngoan. Thậm chí là bắt buộc kia. Anh chàng ra khỏi bàn lễ tân, đưa tôi theo thang máy lên tầng và đi dọc theo một hành lang. Anh ta mở một cánh cửa bằng một chiếc thẻ buộc vào thắt lưng bằng một sợi dây nhựa quấn queo rồi lùi lại để tôi bước vào.

Căn phòng này ổn. Nó có một cái giường và một phòng tắm. Là mọi thứ tôi cần, không có gì tôi không cần. Tôi lấy trong túi ra hai tờ hai mươi đô và bảo, “Coi như chúng ta không lo ngại về toàn bộ quy trình đăng ký dưới kia nhé?”

Tay này chẳng nói gì. Ở mức ấy họ không bao giờ nói. Tôi lấy thêm tờ mười đô và bảo, “Cho nhân viên bùong ngày mai.”



Anh chàng né người một chút như thể đang bị tôi ngắm làm mục tiêu, nhưng rồi tay anh ta chìa ra, anh chàng cầm lấy tiền. Anh ta nói, “Hãy rời khỏi đây lúc 8 giờ,” rồi bước đi. Cánh cửa khép lại sau lưng anh chàng. Có thể một máy tính trung tâm sẽ cho thấy rằng chiếc thẻ mở cửa của anh ta đã mở khóa cửa căn phòng cũng như thời điểm thực hiện việc ấy, song anh ta sẽ nói rằng anh ta đã cho tôi xem phòng, và tôi không thấy thích phòng ấy nên rời khỏi đó ngay. Có lẽ đó là việc anh ta làm khá đều đặn. Có khi tôi là tay thứ tư anh ta cho ở lén trong tuần này. Có khi là người thứ năm hay thứ sáu ấy chứ. Dù thứ trò xảy ra ở các khách sạn trong thành phố, sau khi các nhân viên làm ban ngày đã nghỉ.

Tôi ngủ ngon, tỉnh dậy với cảm giác sáng khoái và ra khỏi khách sạn lúc 8 giờ kém 5. Tôi chật vật chen qua đám đông ra vào ga Penn rồi ăn sáng ở một ô nằm phía cuối một cửa hiệu ở phố 33. Cà phê, trứng, thịt muối, bánh kếp, rồi thêm cà phê, tất cả mất sáu đô, cộng thêm thuế, tiền boa. Đắt hơn ở Bắc Carolina nhưng chỉ hơn chút ít. Pin điện thoại di động của Leonid vẫn còn chừng một nửa. Một cột hiển thị cho thấy một số vạch mờ và một số vạch sáng lên. Tôi cho là mình có đủ pin cho vài cuộc gọi. Tôi bấm 600 và rồi chuẩn bị bấm 82219 nhưng chỉ mới thực hiện được một nửa thao tác thì loa trong máy đã vang lên một tín hiệu ba tiếng một lượt đồ khá dồn, với thanh điệu nằm giữa tiếng còi hụ và tiếng mộc cầm. Một giọng nói cất lên cho tôi biết rằng nếu bấm số như vậy thì cuộc gọi của tôi không thể thực hiện được. Nó yêu cầu tôi kiểm tra và thử lại. Tôi thử 1-600 và nhận được kết quả đúng như cũ. Tôi bấm 011 để gọi quốc tế rồi bấm 1 chọn khu vực Bắc Mỹ, rồi tới 600. Quy trình dài, song kết quả cũng chẳng khác hơn. Tôi thử 001 để gọi quốc tế, đề phòng cái điện thoại vẫn nghĩ rằng nó vẫn đang ở London. Chẳng có kết quả nào. Tôi thử 8\*\*101 - mã gọi quốc tế từ Đông Âu sang Mỹ, phòng trường hợp cái điện thoại đã được lôi tận từ Moscow sang cách đây một năm. Cũng không có kết quả. Tôi nhìn bàn phím điện thoại và nghĩ đến việc bấm số 3 thay cho ký tự D, nhưng trước khi tôi làm điều đó, hệ thống đã phát tín hiệu báo cho tôi.

Vậy là 600-82219-D không phải là số điện thoại, dù là của Canada hay nước khác. Là điều chắc chắn FBI đã biết. Có lẽ họ đã tính toán khả năng này trong một phút, sau đó loại bỏ nó. FBI thì nhiều tật, nhưng dốt nát không phải một trong số đó. Thế là, lúc ở phố 35, họ đã giấu những câu hỏi thật sự dành cho tôi sau một màn khói.

Họ đã hỏi tôi những gì khác ấy nhỉ?

Họ đã đánh giá mức độ quan tâm của tôi, họ đã hỏi một lần nữa xem Susan đã trao gì cho tôi hay không, rồi họ khẳng định rằng tôi sẽ rời thành phố. Họ muốn tôi không còn tò mò, trong tay không có manh mối nào, rồi đi khuất mắt.

Tại sao?

Tôi không biết.

Và 600-82219-D chính xác là gì, nếu đó không phải một số điện thoại?

Tôi ngồi thêm mười phút với tách cà phê cuối cùng, từ từ nhắm nháp, hai mắt mở nhưng không thấy gì nhiều, cố gắng khéo léo lời câu trả lời lên. Như Susan Mark đã dự định khôn khéo lách ra khỏi tàu điện ngầm. Đầu tôi vẽ ra những con số, tách ra, đặt riêng rẽ, ghép lại, thử nhiều cách tổ hợp khác nhau, thêm vào những dấu cách, những dấu gạch nối, các nhóm.

Cụm 600 gọi lên một chút gì đó hơi lò mò.

*Susan Mark.*

600.

Nhưng tôi không thể nhớ ra.

Tôi uống nốt chỗ cà phê và dứt điện thoại di động của Leonid vào túi rồi đi theo hướng Bắc về phía khách sạn Sheraton.

Khách sạn là một cột trụ khổng lồ xây bằng kính có màn hình plasma ở sảnh liệt kê toàn bộ các sự kiện diễn ra trong ngày. Phòng khiêu vũ chính đã được đặt riêng cho bữa trưa của một nhóm tự gọi là FT, Fair Tax (Thuế Công bằng), hoặc Free Trade (Thương mại Tự do), hoặc thậm chí có thể chính là *Financial Time* [34]. Vô bực đầy thuyết phục cho một nhóm cá bự ở phố Wall đang tìm cách mua thêm ảnh hưởng. Dự kiến chương trình của họ bắt đầu lúc trưa. Tôi nghĩ là Sansom sẽ cố gắng có mặt lúc 11 giờ. Trước khi diễn ra sự kiện, ông ta cần chút thời gian, không gian riêng và sự tĩnh tâm để chuẩn bị. Đây là một cuộc họp lớn đối với Sansom. Đây là đối tượng của ông ta, họ lại có hầu bao lớn. Ít nhất Sansom cần tới sáu mươi phút. Như vậy là tôi có hai tiếng đồng hồ giết thời gian. Tôi cuốc bộ sang Broadway và tìm thấy một cửa hiệu quần áo cách đó hai khối nhà về phía Bắc. Tôi muốn mua một chiếc sơ mi mới nữa. Tôi không thích chiếc mình từng mặc. Đó là biểu tượng của sự thất bại. *Đừng đến mà ăn mặc như thế, nếu không ông sẽ chẳng vào được đâu.* Nếu chuẩn bị gặp lại Elspeth Sansom, tôi không muốn mình đeo chiếc phù hiệu ghi dấu thất bại của tôi và thành công của bà ta.

Tôi chọn một chiếc bình thường làm bằng vải ka ki poplin và trả mười một đô. Rẻ, và nên rẻ như vậy. Nó không có túi, tay áo dài tới nửa cánh tay. Gập gấu tay áo lại, nó chạm vào hai khuỷu tay tôi. Nhưng tôi cũng khá thích chiếc áo này. Đó là một sản phẩm may ưng ý. Và ít ra nó cũng được mua một cách tự nguyện.

Đến 10 giờ 30 tôi trở lại sảnh khách sạn Sheraton. Tôi ngồi vào một cái ghế xung quanh đầy người. Họ mang cặp. Một nửa đang hướng ra phía ngoài, chờ xe tới. Một nửa hướng vào phía trong, chờ nhận phòng.

Đến 10 giờ 40, tôi đoán được 600-82219-D nghĩa là gì.

TÔI ĐỨNG LÊN KHỎI GHẾ và theo các biển chỉ dẫn bằng đồng tới trung tâm tiện ích văn phòng của khách sạn Sheraton. Tôi không thể vào được, cần có chìa khóa cửa. Tôi đứng loay quanh ở cửa ba phút thì một tay khác xuất hiện. Anh ta mặc com lê và trông mệt hết kiên nhẫn. Tôi ra về loay hoay lục hết các túi quần, sau đó bước sang một bên và ngỏ lời xin lỗi. Tay kia bước thẳng lên trước mặt tôi, tra chìa khóa của mình vào và mở cửa, tôi bước theo sau anh ta.

Trong phòng có bốn ô làm việc giống hệt nhau. Mỗi ô đều có một bàn, một ghế, một máy tính và một máy in. Tôi ngồi cách khá xa ông bạn kia và chấm dứt chế độ chờ của máy tính bằng cách gõ vào phím cách. Đến giờ thì vẫn ổn. Tôi nhìn các biểu tượng trên màn hình và chẳng hiểu ý nghĩa của chúng là mấy. Nhưng tôi phát hiện ra rằng khi di con trỏ lên phía trên chúng, như thể ta đang lưỡng lự hay suy tính, một bảng sẽ hiện lên bên cạnh đó. Bằng cách ấy tôi tìm được chương trình vào Internet và bấm đúp chuột. Ổ cứng trả lời nhanh chóng và trình duyệt mở ra. Nhanh hơn nhiều so với lần gần đây nhất tôi dùng máy tính. Có lẽ công nghệ đang thực sự phát triển. Ngay trên trang chủ là một đường dẫn tắt tới Google. Tôi bấm vào đó, trang tìm kiếm của Google hiện ra. Một lần nữa, rất nhanh. Tôi gõ *Điều lệnh quân đội* vào hộp thoại và bấm phím nhập dữ liệu. Màn hình ẩn đi một lát rồi cho tôi cả một trang đầy những tùy chọn.

Trong năm phút tiếp theo, tôi bấm chuột, kéo trang và đọc.

Tôi trở lại sảnh lúc 11 giờ kém 10. Ghế của tôi đã có người ngồi. Tôi đi ra vỉa hè, đứng trong nắng. Tôi nghĩ là Sansom sẽ đến bằng chiếc Town

Car và đi vào bằng cửa trước. Ông ta không phải ngôi sao nhạc rock. Ông ta cũng chẳng phải Tổng thống. Ông ta sẽ không vào qua bếp hay nơi bốc dỡ hàng. Mục đích của ông ta là được người khác nhìn thấy. Nhu cầu vào các nơi một cách bí mật là giải thưởng ông ta chưa giành được.

Ngày nóng. Nhưng đường phố sạch sẽ. Không bốc mùi. Ở góc phố phía Nam tôi có hai cảnh sát, ở góc phố phía Bắc có một cặp khác. Triển khai lực lượng đúng quy chuẩn NYPD, ở mạn giữa thành phố. Tích cực và có tác dụng trấn an. Nhưng không hẳn hữu ích, nếu như tính đến tính đa dạng của các mối đe dọa tiềm tàng. Bên cạnh tôi, các khách rời khách sạn đang chui vào xe taxi. Nhịp sống của thành phố diễn ra không ngừng nghỉ. Dòng xe cộ trên đại lộ Bảy trôi đi, dừng lại ở cột đèn giao thông, rồi lại trôi tiếp. Dòng xe cộ trên đường cắt ngang trôi đi, dừng, và lại tiếp tục. Khách bộ hành dồn lại ở các góc phố rồi ào về phía vỉa hè đối diện. Còi kêu, xe tải gầm, ánh mặt trời đập vào các tấm kính trên cao rồi bắn mạnh xuống dưới.

Sansom đến bằng một chiếc Town Car lúc 11 giờ 05. Biển địa phương, nghĩa là ông ta đã đi phần lớn chặng đường bằng tàu hỏa. Kém tiện lợi hơn cho ông ta nhưng cũng thải ít carbon hơn so với chạy xe hoặc bay chùng ấy quãng đường. Trong một cuộc vận động tranh cử, mọi chi tiết đều có ý nghĩa. *Chính trị là một bãi mìn.* Springfield leo ra khỏi ghế bên cạnh tài xế thậm chí trước khi xe dừng hẳn, rồi Sansom cùng vợ leo ra từ băng ghế sau. Họ đứng trên vỉa hè một giây, sẵn sàng tỏ vẻ lịch sự khi có người chào đón, sẵn sàng không tỏ ra thất vọng nếu không có. Họ lướt qua các gương mặt rồi trông thấy tôi, Sansom trông hơi bối rối còn cô vợ trông hơi lo lắng, Springfield tiến về phía tôi, song bằng một cử chỉ nhỏ Elspeth ngăn anh ta lại. Tôi đoán là đối với trường hợp của tôi bà ta tự giao cho mình chức danh sĩ quan hạn chế tổn thất. Elspeth bắt tay tôi như thể tôi là một người bạn cũ. Bà ta không bình phẩm gì về chiếc sơ mi của tôi. Thay vào đó bà ta ghé người sát lại hỏi, “Ông cần nói chuyện với chúng tôi sao?”

Đó là một ngón điều tra hoàn hảo của một vợ chính trị gia. Bà ta dòn vào từ cần tất cả mọi hàm ý. Cách nhấn mạnh của bà ta phân loại tôi vừa trở

thành một đối thủ vừa là một kẻ hợp tác. Bà ta đang nói rằng, *Chúng tôi biết rằng ông có những thông tin có thể gây hại cho chúng tôi, và chúng tôi cảm ghét ông vì điều đó, song chúng tôi thực sự cảm kích nếu ông đủ tốt để bàn với chúng tôi trước tiên, trước khi công bố chúng.*

Thực tế là cả một bài luận, chứa đựng chỉ trong một âm tiết ngắn. Tôi nói, “Vâng, chúng ta cần nói chuyện.” Springfield cau có song Elspeth mỉm cười với tôi như thể tôi vừa hứa dành cho bà ta cả trăm ngàn phiếu bầu, rồi nắm lấy cánh tay tôi đưa tôi vào trong. Nhân viên khách sạn chẳng biết hay chẳng quan tâm Sansom là ai trừ việc ông ta là diễn giả của một nhóm đang thanh toán một khoản lớn tiền thuê phòng khiêu vũ, thế nên họ huy động toàn bộ sự nhiệt tình giả tạo và đưa chúng tôi tới một phòng đợi riêng rồi xăng xái chạy quanh với những chai nước có ga âm ỉ, các bình chứa cà phê loại loãng. Elspeth đóng vai trò chủ nhà. Springfield không nói gì. Sansom nghe một cú điện thoại do người đứng đầu văn phòng ở Washington gọi vào máy di động. Họ nói chuyện trong bốn phút về chính sách kinh tế, rồi thêm hai phút về chương trình làm việc buổi chiều. Từ đó có thể thấy rõ rằng Sansom sẽ trở lại thẳng văn phòng sau bữa trưa, chuẩn bị cho một buổi chiều đầy công việc. Sự kiện diễn ra ở New York là một buổi chạy sô nhanh gọn, không hơn. Kiểu như một chạy xe qua rồi cướp.

Đám người của khách sạn đã xong việc, Sansom bấm phím kết thúc cuộc gọi và căn phòng trở nên yên lặng. Khí nén rì rì qua các van vào trong phòng giữ cho nhiệt độ thấp hơn mức tôi thích. Trong một khoảng thời gian ngắn chúng tôi im lặng nhấp nước và cà phê. Rồi Elspeth Sansom mở đầu cho màn mặc cả. Bà ta nói, “Có thông tin gì về cậu bé mất tích không?”

Tôi nói: “Có một chút. Nó đã bỏ buổi tập bóng, điều rõ ràng là hiếm khi xảy ra.”

“Ồ USC à?” Sansom hỏi. Ông ta có trí nhớ tốt. Tôi đã nhắc tới USC chỉ một lần mà chỉ thoáng qua. “Đúng, chuyện đó thì hiếm.”

“Nhưng rồi nó đã gọi cho huấn luyện viên và để lại lời nhắn.”

“Khi nào?”

“Đêm qua. Vào giờ ăn tối bên bờ Đông.”

“Và sao?”

“Rõ ràng là nó đang ở cùng một phụ nữ.”

Elsbeth nói, “Thế thì ổn rồi.”

“Tôi thì tôi mong đó là cuộc nói chuyện diễn ra trực tiếp. Hoặc một cuộc gặp trực diện.”

“Một lời nhắn không đủ tốt cho ông sao?”

“Tôi là người đa nghi.”

“Vậy ông muốn nói chuyện về vấn đề gì?”

Tôi xoay qua Sansom hỏi, “Năm 1983 ông ở đâu?”

Ông ta ngừng lại, chỉ một chút, rồi điều gì đó lướt qua đôi mắt. Không phải sốc, tôi nghĩ. Không phải ngạc nhiên. Có lẽ là cam chịu. Ông ta nói, “Năm 1983 tôi mang hàm đại úy.”

“Đó không phải điều tôi hỏi ông. Tôi hỏi là ông ở đâu.”

“Tôi không thể nói cho anh.”

“Ông có ở Berlin không?”

“Tôi không thể nói cho anh.”

“Ông bảo tôi rằng ông không có chút tì vết nào mà. Ông vẫn giữ nguyên ý kiến đó chứ?”

“Hoàn toàn thế.”

“Có điều gì về ông mà vợ ông không biết không?”

“Rất nhiều điều. Nhưng không gì mang tính riêng tư.”

“Ông chắc không?”

“Chắc.”

“Ông đã bao giờ nghe cái tên Lila Hoth chưa?”

“Tôi đã bảo anh là tôi chưa từng mà.”

“Ông đã bao giờ nghe cái tên Svetlana Hoth chưa?”

“Chưa bao giờ,” Sansom nói. Tôi đang quan sát nét mặt ông ta. Rất bình thản. Ông ta trông hơi khó chịu, nhưng ngoài cái đó ra thì ông ta không thể hiện gì.

Tôi hỏi ông ta, “Trước tuần này ông đã biết về Susan Mark chứ?”

“Tôi đã bảo anh rằng tôi không biết mà.”

“Năm 1983 ông được tặng một huy chương phải không?”

Sansom không trả lời. Căn phòng một lần nữa yên lặng. Rồi điện thoại di động của Leonid trong túi tôi đổ chuông. Tôi cảm thấy rung rồi một âm thanh điện tử lớn vang lên. Tôi lật đật lôi điện thoại ra nhìn vào màn hình nhỏ phía trước. Một số có đầu 212. Đúng số đã có trong mục quản lý cuộc gọi. Khách sạn Four Seasons. Chắc là Lila Hoth. Tôi tự hỏi liệu Leonid vẫn mất tích hay anh ta đã trở về kể chuyện cho cô nghe và bây giờ Lila đang gọi cho chính tôi.

Tôi giữ đạp các phím cho tới khi chuông ngừng rồi cho điện thoại vào lại túi. Tôi nhìn Sansom nói, “Tôi xin lỗi.”

Ông ta nhún vai, như thể những lời xin lỗi là không cần thiết.

Tôi hỏi, “Năm 1983 ông được tặng một huy chương phải không?”



Ông ta nói, “Tại sao điều đó lại quan trọng?”

“Ông biết 600-8-22 là gì không?”

“Có lẽ là một điều lệnh của quân đội. Tôi không biết nội dung chính xác của chúng.”

Tôi nói, “Cho tới giờ chúng ta cho rằng chỉ một kẻ đàn độn mới trông chờ một nhân viên HRC có được thông tin có ý nghĩa về các chiến dịch của lực lượng Delta. Và tôi nghĩ ta đúng phần lớn. Nhưng cũng có một chút sai. Tôi nghĩ một người thực sự khôn ngoan cũng có thể trông đợi điều đó một cách có cơ sở, nếu tư duy khác bình thường một chút.”

“Bằng cách nào?”

“Hãy giả sử một kẻ nào đó biết chắc chắn rằng một chiến dịch của Delta đã diễn ra. Coi như họ biết chắc rằng nó đã thành công.”

“Thế thì họ sẽ không cần thông tin, bởi họ đã có nó rồi.”

“Giả sử họ muốn khẳng định danh tính của sĩ quan chỉ huy chiến dịch đó thì sao?”

“Họ sẽ không có được điều đó từ HRC. Chỉ vì không thể. Các mệnh lệnh và tài liệu về triển khai quân cũng như báo cáo sau khi kết thúc chiến dịch đều được xác định độ mật và giữ ở Fort Bragg một cách cẩn mật.”

“Nhưng chuyện gì xảy ra với các sĩ quan chỉ đạo các chiến dịch thành công?”

“Anh nói cho tôi nghe đi.”

“Họ được tặng huy chương,” tôi nói. “Chiến dịch càng lớn thì huy chương càng cao. Điều lệnh 600-8-22, mục 1, đoạn 9, tiểu mục D, yêu cầu Cục Nhân lực duy trì việc ghi lại chính xác mỗi một trường hợp đề nghị khen thưởng, và các quyết định xuất phát từ những khen thưởng đó.”

“Có thể,” Sansom nói. “Nhưng nếu đó là một phi vụ của Delta, tất cả các chi tiết sẽ bị xóa bỏ. Bản tuyên dương sẽ được chỉnh sửa, địa điểm sẽ được thay đổi, hành động được khen thưởng sẽ không được mô tả.”

Tôi gật đầu. “Tất cả hồ sơ ghi lại sẽ là một cái tên, một ngày, một phần thưởng. Không có gì khác.”

“Chính xác thế.”

“Đó là tất cả những gì một người khôn ngoan suy nghĩ theo kiểu khác thường đôi chút thực sự cần, đúng không? Một phần thưởng chứng tỏ một điệp vụ đã thành công, thiếu bản tuyên dương chứng tỏ đó là một phi vụ bí mật. Lấy ngẫu nhiên một tháng, coi như đầu năm 1983 đi. Có bao nhiêu huy chương đã được ban tặng?”

“Vài ngàn. Tính riêng Huy chương Thành tích tốt đã có tới vài trăm rồi.”

“Bao nhiêu chiếc hạng Sao Bạc?”

“Không nhiều lắm.”

“Nếu như có,” tôi nói. “Đầu năm 1983 không diễn ra nhiều sự kiện. Có bao nhiêu DSM<sup>[35]</sup> đã được trao tặng? Bao nhiêu DSC<sup>[36]</sup>? Tôi dám cá là hồi đầu năm 1983 loại này hiếm hơn vàng.”

Elsbeth Sansom cựa người trên ghế, nhìn tôi mà nói, “Tôi không hiểu.”

Tôi xoay người về phía bà ta nhưng Sansom nhấc một bàn tay lên và ngắt lời tôi. Ông ta trả lời thay tôi. Giữa họ không có bí mật nào cả. Không có sự cảnh giác. Ông ta nói, “Đó là một dạng cửa sau. Thông tin trực tiếp hoàn toàn không có, song thông tin gián tiếp thì có đầy ngoài kia. Nếu ai đó biết rằng một phi vụ của Delta đã diễn ra và thành công, biết thời điểm diễn

ra, thì người nào nhận huy chương cao nhất trong tháng đó mà không có lời giải thích có lẽ đã chỉ huy phi vụ ấy. Tìm kiếm ấy sẽ không hiệu quả trong thời chiến, bởi các huy chương cao quý quá phổ biến. Nhưng trong thời bình, khi chẳng có chuyện gì khác diễn ra, một phần thưởng lớn sẽ lò ra ngay thôi.”

“Chúng ta đánh chiếm Grenada năm 1983,” Elspeth nói. “Delta có ở đó.”

“Tháng Mười,” Sansom nói. “Việc đó gây thêm chút nhiễu cho giai đoạn cuối năm. Nhưng chín tháng đầu năm thì cực kỳ yên ổn.”

Elspeth Sansom nhìn đi chỗ khác. Bà ta không biết chồng mình làm gì trong chín tháng đầu năm 1983. Có lẽ bà ta sẽ không bao giờ biết. Elspeth nói, “VẬY ai đang là người tìm hiểu?”

Tôi nói, “Một cựu chiến binh già tên Svetlana Hoth, tự xưng từng là chính trị viên Hồng quân. Không có những chi tiết thực, nhưng bà ta nói rằng bà ta biết một lính Mỹ tên John ở Berlin năm 1983. Bà này nói rằng người lính đó rất tốt với bà ta. Và việc tìm hiểu chuyện ấy thông qua Susan Mark chỉ có lý nếu như có sự liên quan tới một phi vụ, tay John đó đã chỉ huy và được tặng huy chương vì phi vụ ấy. FBI đã tìm thấy một mẫu giấy trong xe của Susan. Kẻ nào đó đã cung cấp cho cô ấy điều lệnh, mục, đoạn ấy để biết chính xác nơi cần tìm.”

Elspeth liếc Sansom, vẻ miễn cưỡng, trên mặt hiện lên câu hỏi mà bà ta biết sẽ không bao giờ nhận được câu trả lời: *Anh đã nhận được một huy chương cho một việc anh đã thực hiện ở Berlin năm 1983 phải không?* Sansom không trả lời. Thế nên tôi thử. Tôi hỏi thẳng ông ta, “Ông đã tham gia một điệp vụ ở Berlin năm 1983 phải không?”

Sansom nói: “Anh biết là tôi không thể nói cho anh điều ấy.” Rồi có vẻ ông ta mất kiên nhẫn với tôi, ông ta nói: “Anh có vẻ giống một kẻ khôn

ngoan. Hãy nghĩ về điều ấy. Vì Chúa, loại chiến dịch nào Delta có thể thực hiện ở Berlin năm 1983 chứ?”

Tôi nói, “Tôi không biết. Như tôi nhớ thì hồi ấy đám các ông rất cố gắng ngăn chặn những người như tôi tìm hiểu việc các ông làm. Và dù sao thì tôi cũng không thực sự quan tâm. Đây tôi chỉ cố giúp ông một việc. Chỉ thế thôi. Giữa anh em sĩ quan với nhau. Vì tôi cho rằng chuyện gì đó sẽ bị xới lại mà gây hại cho ông, tôi nghĩ có thể ông sẽ đánh giá cao một lời cảnh báo.”

Sansom bình tĩnh lại rất nhanh. Ông ta hít thở vài lần rồi nói, “Tôi thực sự cảm kích về lời cảnh báo. Và tôi chắc rằng anh hiểu tôi không thực sự được phép phủ nhận bất kỳ điều gì. Bởi, xét về mặt logic, phủ nhận một điều đồng nghĩa với khẳng định một điều khác. Nếu tôi phủ nhận Berlin và tất cả những nơi khác mà tôi không có mặt, thì cuối cùng bằng phương pháp loại trừ anh sẽ tìm ra nơi tôi đã ở. Nhưng tôi sẽ mạo hiểm một chút, bởi tôi nghĩ ở đây chúng ta đều cùng phe cả. Thế nên hãy lắng nghe, chiến hữu ạ. Tôi không có mặt ở Berlin vào bất kỳ thời điểm nào trong năm 1983. Tôi không hề gặp một phụ nữ Nga nào trong năm 1983. Tôi không nghĩ rằng mình đã rất tốt với ai, trong suốt cả năm đó. Có rất nhiều tay trong quân đội mang tên John. Berlin là một điểm du lịch có tiếng. Người mà anh đang nói tới đang tìm kiếm một người nào đó khác. Chuyện đơn giản là thế.”

Bài nói ngắn của Sansom đọng lại trong không khí một lúc. Tất cả chúng tôi nhấp đồ uống và ngồi im lặng. Rồi Elspeth Sansom nhìn đồng hồ đeo tay, ông chồng thấy bà ta làm thế liền nói, “Giờ anh phải thứ lỗi cho chúng tôi. Hôm nay chúng tôi có buổi quyền góp rất quan trọng cần thực hiện. Springfield sẽ rất vui được tiễn anh.” Tôi nghĩ đây là một đề nghị kỳ quặc. Đây là khách sạn công cộng. Là nơi của tôi cũng như của Sansom. Tôi có thể tìm đường ra, và tôi có quyền làm việc ấy. Tôi sẽ không đánh cắp thìa, và dù cho tôi có làm việc ấy đi nữa, đó cũng chẳng phải thìa của

Sansom. Nhưng rồi tôi cho rằng ông ta muốn sắp xếp chút thời gian yên tĩnh cho Springfield và tôi, ở một hành lang tách biệt nào đó. Có lẽ để bàn bạc thêm, hoặc để trao một thông điệp. Thế nên tôi đứng dậy đi thẳng phía cửa. Không bắt tay hay chào tạm biệt. Có vẻ kiểu chia tay ấy không hợp.

Springfield theo tôi ra sảnh. Anh ta không nói gì. Dường như anh ta đang nhâm lại gì đó. Tôi ngừng lại đợi, anh ta bắt kịp tôi liền nói: “Ông cần từ bỏ toàn bộ chuyện này.”

Tôi hỏi, “Tại sao, nếu như ông ta đã không ở đó?”

“Bởi để chứng minh rằng ông ấy không có mặt ở đó, ông sẽ bắt đầu hỏi rằng không ở đó thì ở đâu. Tốt hơn là không bao giờ ông biết.”

Tôi gật đầu. “Đối với ông thì đây cũng là chuyện riêng, phải không? Bởi ông cũng ở đó cùng ông ta. Ông đã tới bất kỳ nơi nào ông ta tới.”

Springfield cũng gật. “Hãy để cho nó qua đi. Ông không thể lật được tảng đá không vừa với sức ông đâu.”

“Sao lại không?”

“Bởi nếu ông làm thế thì ông sẽ bị xóa bỏ. Ông sẽ không tồn tại thêm chút nào nữa. Ông sẽ chỉ biến mất, cả về thể xác lẫn trên giấy tờ. Bây giờ chuyện đó có thể xảy ra, ông biết mà. Đây là một thế giới hoàn toàn mới. Tôi rất muốn nói rằng tôi sẽ tham gia vào quy trình ấy, nhưng tôi sẽ chẳng có cơ hội. Thậm chí gần có cũng không. Bởi một đám người khác có mặt trước để tóm ông. Tôi sẽ tụt lại xa đến mức thậm chí giấy khai sinh của ông sẽ trắng trơn trước khi tôi đến được bất kỳ chỗ nào đó gần ông.”

“Đám người khác nào?”

Anh ta không trả lời.

“Chính phủ à?”

Anh ta không trả lời.

“Đám nhân viên điều tra liên bang ấy à?”

Anh ta không trả lời. Chỉ quay người bước về phía thang máy. Tôi bước ra vỉa hè đại lộ Bảy và trong túi tôi điện thoại của Leonid lại đổ chuông lần nữa.

TÔI ĐỨNG TRÊN ĐẠI LỘ BẦY, xoay lưng lại dòng xe cộ và nhận cú gọi vào máy di động của Leonid. Tai tôi nghe giọng nói mềm mại của Lila Hoth. Dừng từ chính xác, ngắt câu hay. Cô nói, “Ông Reacher à?”

Tôi đáp, “Đúng.”

Cô nói, “Tôi cần gặp ông, thực sự khẩn cấp.”

“Về chuyện gì?”

“Tôi nghĩ mẹ tôi đang gặp nguy hiểm. Có thể cả chính tôi cũng thế.”

“Vì cái gì?”

“Có ba người đàn ông dưới tầng, đang hỏi này hỏi nọ ở bàn lễ tân. Lúc chúng tôi ra ngoài. Tôi nghĩ phòng của chúng tôi cũng bị lục soát rồi.”

“Ba người nào?”

“Tôi không biết họ là ai. Rõ ràng là họ không nói rồi.”

“Tại sao nói với tôi về chuyện đó?”

“Bởi họ cũng hỏi về ông nữa. Xin hãy tới gặp chúng tôi.”

Tôi hỏi, “Cô không giận về chuyện Leonid sao?”

Cô nói, “Vì hoàn cảnh như vậy nên không giận. Tôi nghĩ đó chỉ là sự hiểu lầm không may. Xin hãy tới đây.”

Tôi không trả lời.

Lila nói, “Tôi sẽ rất cảm kích trước sự giúp đỡ của ông.” Cô ta nói một cách lịch sự, khẩn khoản, một chút quy lụy, thậm chí thiếu tự tin, như một kẻ cầu cạnh. Nhưng bất chấp tất cả những nét ấy, có thêm gì đó trong giọng nói của Hoth khiến tôi hoàn toàn ý thức rằng cô ta đẹp tới mức lần cuối cùng có gã đàn ông nào nói không với cô chắc cũng cách đây cả chục năm rồi. Giọng cô ta nghe phảng phất như ra lệnh, như thể mọi thứ đều được nhất trí cả rồi, như thể hỏi là có. *Hãy để cho nó qua đi*, Springfield đã bảo thế, và tất nhiên tôi nên nghe lời anh ta. Nhưng thay vì thế tôi bảo Lila Hoth, “Tôi sẽ gặp cô ở sảnh khách sạn, mười lăm phút nữa.” Tôi nghĩ rằng tránh phòng khách sạn của cô ta là đủ để đề phòng rồi, trước bất kỳ rắc rối nào có thể nảy sinh. Rồi tôi gập điện thoại và bước thẳng về dãy xe taxi của khách sạn Sheraton.

Sảnh khách sạn Four Seasons được chia thành một số khu vực riêng rẽ ở hai cấp. Tôi tìm thấy Lila Hoth và mẹ cô ở bàn trong góc của một khu ốp gỗ tối lờ mờ dường như ban ngày là phòng uống trà còn đêm trở thành bar. Chỉ có hai người. Leonid không ở đây. Tôi cẩn thận kiểm tra xung quanh song không thấy người nào đáng ngại. Không có nhân vật nào không thể giải thích mặc com lê mức giá trung bình, không có người nào lập lờ với tờ báo buổi sáng. Không có hoạt động theo dõi nào rõ ràng cả. Thế nên tôi chuỗi vào một ghế, cạnh Lila, đối diện mẹ cô ta. Lila mặc váy đen và sơ mi trắng. Giống như một nữ phục vụ tiệc cocktail, trừ chất liệu, kiểu cắt may ôm vừa vặn lấy người thì không giống bất kỳ thứ gì một nữ phục vụ tiệc cocktail có thể chi trả. Hai mắt cô là hai điểm sáng trong khoảng tối mờ, xanh như biển nhiệt đới. Svetlana mặc một chiếc váy ở nhà khác chẳng có kiểu dáng rõ ràng, lần này màu bùn đỏ. Hai mắt bà lờ mờ. Khi tôi ngồi xuống, bà già gật đầu lơ đãng. Lila chìa tay ra bắt tay tôi thật trang trọng. Sự đối lập giữa hai người phụ nữ này thật vô cùng lớn, xét theo mọi khía



cạnh, về tuổi tác và dung mạo thì rõ rồi, nhưng cả về sức sống, sự năng động, phong thái và khí chất nữa.

Tôi ổn định chỗ và Lila đi thẳng vào chuyện. Cô ta hỏi, “Ông có mang theo chiếc thẻ nhớ không?”

Tôi nói “Không”, dù có mang theo. Nó nằm trong túi tôi, cùng với chiếc bàn chải của tôi và điện thoại của Leonid.

“Vậy nó ở đâu?”

“Một nơi khác.”

“Nơi nào đó an toàn chứ?”

“Hoàn toàn an toàn.”

Lila hỏi, “Tại sao đám người đó tới đây?”

Tôi đáp, “Bởi cô đang thò mũi vào chuyện gì đó vẫn còn là bí mật.”

“Nhưng sĩ quan báo chí ở HRC rất nhiệt tình về chuyện đó mà.”

“Bởi cô đã nói dối ông ta.”

“Xin lỗi?”

“Cô bảo ông ta rằng chuyện đó diễn ra ở Berlin. Nhưng không phải. Berlin năm 1983 không phải chỗ để giỡn chơi, nhưng ổn định. Nó là một hoạt cảnh của Chiến tranh Lạnh, ngưng đọng với thời gian. Có thể có chút qua lại giữa CIA và KGB cũng như giữa người Anh và lực lượng an ninh chính trị Đông Đức, nhưng không có sự tham gia thực sự của quân đội Mỹ. Đối với các chàng trai của chúng tôi, đó chỉ là một điểm du lịch. Bắt tàu hỏa, xem Bức tường Berlin. Các quán bar tuyệt vời, những cô gái điểm tuyệt đỉnh. Có lẽ cả chục ngàn chàng trai tên John đã qua đó, nhưng họ không làm gì ngoài việc tiêu tiền và dính bệnh lậu. Chắc chắn họ đã không chiến đấu và không được thưởng huy chương. Thế nên truy ra một trong số

họ gần như là điều không thể. Có thể HRC đã sẵn sàng lãng phí chút thời gian, song chỉ để phòng có khi moi ra được điều gì đó hay ho. Nhưng ngay từ đầu đó đã là một nhiệm vụ ngớ ngẩn. Thế nên không thể có chuyện các cô đã thu được kết quả tích cực từ Susan Mark. Không thể có chuyện cô ấy đã kể cho cô nghe điều gì đó về Berlin đáng để cô lặn lội tới đây. Không thể xảy ra được.”

“VẬY TẠI SAO CHÚNG TÔI ĐÃ TỚI?”

“VÌ TRONG NHỮNG CUỘC ĐIỆN THOẠI ĐẦU TIÊN CÔ ĐÃ LÀM MỀM LÒNG CÔ ẤY, KẾT BẠN VỚI CÔ ẤY VÀ RỒI TỚI LÚC CÔ NHẬN ĐỊNH RẰNG ĐÃ ĐẾN THỜI ĐIỂM CHÍNH MUỒI THÌ CÔ NÓI CHO CÔ ẤY ĐIỀU CÔ THỰC SỰ MUỐN. VÀ CÁCH CHÍNH XÁC ĐỂ TÌM RA NÓ. CHỈ NÓI VỚI CÔ ẤY. KHÔNG PHẢI BERLIN. LÀ CHUYỆN GÌ ĐÓ HOÀN TOÀN KHÁC.”

Một người không cảnh giác không có gì để che giấu thì hẳn đã phản ứng ngay lập tức và thẳng tuột rồi. Có thể là giận dữ, có thể với cảm giác bị tổn thương. Một tay lừa đảo nghiệp dư thì đã giả bộ thế rồi, bằng cách quát tháo, gây âm ỉ. Lila Hoth chỉ ngồi yên lặng một lát. Hai mắt cô cũng thể hiện kiểu phản ứng rất nhanh hệt như mắt John Sansom lúc ở trong phòng khách sạn O. Henry. Tư duy lại, triển khai lại, tổ chức lại, tất cả diễn ra trong một hai giây ngắn ngủi.

Cô ta nói, “Chuyện rất phức tạp.”

Tôi không trả lời.

Lila Hoth nói, “Nhưng hoàn toàn trong sáng.”

Tôi nói, “Hãy nói điều đó với Susan Mark.”

Cô ta cúi đầu. Cũng là cử chỉ tôi từng thấy. Nhã nhặn, nhạy cảm và hơi có chút ăn năn. Lila nói: “Tôi đã đề nghị Susan giúp đỡ. Cô ấy đã đồng ý, rất sẵn lòng. Rõ ràng những hành động của cô đã gây khó khăn cho quan hệ giữa cô với các bên khác. Thế nên, đúng, tôi cho rằng tôi là nguyên nhân

gián tiếp dẫn tới những rắc rối của Susan. Nhưng không phải nguyên nhân trực tiếp. Và tôi rất ân hận về chuyện đã xảy ra, rất tiếc, tiếc lắm. Xin hãy tin tôi, giá biết trước thế này thì tôi đã từ chối đề nghị của mẹ rồi.”

Svetlana Hoth gật đầu và mỉm cười.

Tôi nói, “Các bên khác nào?”

Lila Hoth đáp, “Chính phủ của cô ấy, tôi nghĩ thế. Chính phủ của ông.”

“Tại sao? Mẹ cô thực sự muốn gì?”

Lila bảo trước hết cô cần giải thích bối cảnh.

LÚC LIÊN XÔ TAN RÃ THÌ LILA HOTH mới lên bảy tuổi, thế nên cô ta trình bày với kiểu nắm lịch sử không được rõ cho lắm. Cô ta cũng có cái kiêu xa rời với thực tiễn thời trước cũng như tôi về cái thời nước Mỹ phân biệt đối xử với người da đen. Cô bảo tôi rằng thời ấy Hồng quân triển khai các chính trị viên ở diện rất rộng. Mỗi đại đội bộ binh đều có một người. Lila nói rằng quyền chỉ huy và kỷ luật được chia sẻ không lấy gì làm êm thấm giữa chính trị viên và chiến sĩ thực địa. Cô bảo rằng sự cạnh tranh diễn ra phổ biến và gay gắt, không hẳn giữa hai cá nhân với nhau, mà cả giữa kinh nghiệm chiến thuật thực tiễn và tính trong sạch về hệ tư tưởng. Lila đảm bảo rằng tôi đã hiểu được bối cảnh chung, rồi mới chuyển sang các vấn đề cụ thể.

Svetlana Hoth là chính trị viên được chỉ định cho một đại đội bộ binh. Đại đội của bà ta đã tới Afghanistan không lâu sau khi Liên Xô đưa quân vào nước này năm 1979. Những chiến dịch lúc ban đầu khá là khả quan cho lực lượng bộ binh. Nhưng rồi chúng trở nên khủng khiếp. Mất mát tiêu hao sinh lực trở nên nặng nề và diễn ra liên tục. Ban đầu người ta phủ nhận. Rồi thì Moscow phản ứng, một cách chậm trễ. Tổ chức mặt trận được sắp xếp lại. Các đại đội được sáp nhập. Kinh nghiệm chiến thuật thực tiễn đề xuất rút quân. Nhưng hệ tư tưởng đòi hỏi phải mở đợt tấn công mới. Đạo đức đòi hỏi sự thống nhất của các sắc tộc và quê quán. Các đại đội được bố trí lại để bao gồm những đội bắn tỉa. Các thiện xạ đeo mặt nạ được điều tới, cùng với người phát hiện mục tiêu luôn đi kèm. Thế là các cặp vốn quen sống lẫn lút nay xuất đầu lộ diện.

Tay bắn tỉa của Svetlana là chồng bà.

Người phát hiện mục tiêu là em trai Svetlana.

Tình hình được cải thiện, cả về mặt quân sự lẫn về mặt riêng tư. Quan hệ giữa Svetlana với mọi người khác dù theo quan hệ gia đình hay theo quan hệ vùng miền đều êm xuôi mát mái. Các đại đội đã hội nhập tốt, ổn định và đạt được mức an toàn cũng như an ninh có thể chấp nhận được. Những yêu cầu về tấn công được các hoạt động bắn tỉa thường xuyên vào ban đêm đáp ứng. Kết quả tuyệt vời. Từ xưa, các tay bắn tỉa Xô viết đã xếp hàng đầu thế giới. Lực lượng Du kích Hồi giáo Afghanistan không có cách nào chống đỡ. Cuối năm 1981, Moscow cũng cố thể chiến thắng bằng cách chuyển đến các loại vũ khí mới. Một loại súng trường kiểu mới ra đời. Nó mới được phát triển và vẫn còn thuộc hàng tuyệt mật. Loại súng này được gọi là Súng Bắn Tỉa Không Tiếng Động VAL.

Tôi gật đầu. Và nói, “Tôi từng trông thấy một khẩu.”

Lila Hoth mỉm cười, chỉ thoáng qua, với một chút bẽn lễn. Và thoáng chút tự hào dân tộc, có lẽ vậy, về một đất nước không còn tồn tại nữa. Có lẽ chỉ là cái bóng của lòng tự hào mà mẹ cô đã cảm thấy, tận hồi ấy. Bởi VAL là loại vũ khí tuyệt vời. Nó là súng trường bán tự động được giảm thanh và cực kỳ chính xác. VAL bắn ra những viên đạn hạng nặng loại chín milimét với tốc độ gần bằng âm thanh, có thể xuyên thủng tất cả các xe quân sự vỏ mỏng cũng như các loại áo giáp chống đạn hồi ấy trong khoảng cự ly chừng bốn trăm mét. Súng có kèm theo kính ngắm cực mạnh dùng cho ban ngày hoặc kính điện tử dùng cho ban đêm. Nó là một cơn ác mộng, theo quan điểm của kẻ đối lập. Anh có thể bị giết mà không có một chút dấu hiệu báo trước nào, một cách im lặng, đột ngột, bất kỳ lúc nào, dù là khi đang ngủ trên giường trong lều, lúc đang đi vệ sinh, đang ăn, đang mặc đồ, đi dạo, dưới ánh sáng ban ngày, trong bóng tối ban đêm.

Tôi nói, “Đó là loại súng tốt.”

Lila Hoth mỉm cười lần nữa. Nhưng rồi nụ cười ấy tan biến. Bắt đầu những tin xấu. Tình hình ổn định kéo dài chừng một năm rồi chấm dứt. Phần thưởng không thể tránh khỏi dành cho thành tích tốt của đơn vị bộ binh Xô viết là được giao những nhiệm vụ còn nguy hiểm hơn. Trên cả thế giới này đều vậy, xuyên suốt lịch sử cũng thế. Ta không nhận được cái vỗ vai kèm theo một chuyến xe trở về nhà. Thay vào đó, ta nhận được một tấm bản đồ. Đại đội của Svetlana là một trong số nhiều đại đội được lệnh tiến về phía Bắc và lên phía Đông thung lũng Korengal. Thung lũng này dài mười dặm. Nó là tuyến đường chạy xe duy nhất dẫn ra khỏi Pakistan. Dãy núi Hindu Kush dựng lên bên trái, cao vô cùng và cần cỗi vô cùng, còn dải Abas Ghar chắn toàn bộ sườn phải. Con đường mòn dài sáu dặm giữa hai dãy này là đường tiếp tế chính yếu của lực lượng du kích Hồi giáo cho mặt trận Tây Bắc, và nó cần phải được cắt đứt.

Lila nói, “Cách đây hơn trăm năm, người Anh đã viết một cuốn sách về các chiến dịch ở Afghanistan. Vì đế chế của họ. Họ nói rằng khi tính toán một cuộc tấn công, điều trước tiên ta phải dự kiến là cuộc thoái lui không thể tránh. Và họ nói rằng ta phải dành viên đạn cuối cùng cho bản thân mình, bởi ta không muốn bị bắt sống, nhất là lọt vào tay những phụ nữ bộ tộc. Các chỉ huy đại đội đã đọc cuốn sách đó. Các chính trị viên được yêu cầu không đọc. Người ta nói với họ rằng người Anh thất bại chỉ vì bản lĩnh chính trị kém. Tư tưởng Xô viết hoàn toàn trong sáng, vì vậy nên chắc chắn thành công. Cùng với cái ảo tưởng đó, cuộc chiến Việt Nam của chính chúng tôi bắt đầu.”

Việc đẩy lực lượng lên thung lũng Korengal được hỗ trợ bởi hỏa lực pháo binh và không quân và đã thành công ở ba dặm đầu tiên. Dặm thứ tư giành được một cách khó khăn từng thước đất một khi phải chiến đấu chống một kẻ địch mà đối với cánh lính thì vô cùng tàn bạo nhưng đối với các sĩ quan thì im lặng một cách lạ lùng.

Các sĩ quan nghĩ đúng.

Đó là một cái bẫy.

Du kích Hồi giáo đợi tới khi đường tiếp tế của quân Xô viết kéo dài ra bốn dặm thì mới bắt đầu ra tay. Tiếp tế bằng trực thăng phần lớn bị ngăn chặn bởi những loạt phóng không ngừng tên lửa đất đối không vác vai do Mỹ cung cấp. Các đợt tấn công phối hợp đã bẻ gãy mũi quân tiên phong ngay từ gốc. Cho đến cuối năm 1982 vài ngàn nhóm Hồng quân về thực chất đã bị bỏ mặc trong một chuỗi trại dài, mỏng, đói ăn thiếu thốn, dựng được chăng hay chớ. Thời tiết mùa đông khủng khiếp. Những cơn gió lạnh cóng không ngừng gào rú dọc theo con đường nằm giữa các dãy núi. Và nơi nào cũng có những bụi nhựa ruồi xanh suốt cả năm. Quả là đẹp và nên thơ, nhưng với cánh lính bị buộc phải chiến đấu giữa các bụi ấy thì không hề như vậy. Chúng cọ vào nhau ồn ã trong gió, hạn chế khả năng cơ động, cứa toạc da và xé rách cả quần phục.

Rồi các cuộc đột kích quấy rối bắt đầu.

Có những người bị bắt làm tù binh, mỗi lượt một, hai người.

Số phận của họ thật khủng khiếp.

Lila trích vài dòng của nhà thơ Anh Rudyard Kipling trong một bài thơ sâu thẳm về những cuộc tấn công thất bại, những binh lính bị thương bị bỏ mặc trên chiến trường đang rên la và những phụ nữ bộ lạc Afghanistan tàn bạo tay cầm dao: *Khi bạn bị thương và bị bỏ lại trên đồng bằng Afghanistan, những người phụ nữ này hiện ra và cắt bỏ những gì còn sót lại, hãy kéo súng lại tự bắn vào đầu mình đi, đến với Chúa như một người lính.* Và cô bảo rằng những điều có thật ngay vào thời đỉnh cao quyền lực của Đế chế Anh đến bây giờ vẫn có thật, và còn tệ hơn. Các lính bộ binh Xô viết mất tích và vài giờ sau, trong bóng tối, những cơn gió mùa đông sẽ mang lại tiếng la hét của họ từ những trại của kẻ địch gần đó song không thể nhìn thấy. Tiếng hét bắt đầu bằng âm điệu tuyệt vọng rồi dâng lên từ từ, vững chắc để rồi trở thành tiếng gào rống điên loạn của kẻ cận kề với cái chết. Đôi khi tình trạng ấy kéo dài mười mười hai tiếng. Hầu hết các thi thể

đều không được tìm thấy. Nhưng đôi khi các xác chết được trả về trong tình trạng thiếu bàn tay, bàn chân hay toàn bộ tay chân, hoặc thiếu đầu, tai, mắt, mũi, bộ phận sinh dục.

Hoặc không còn da.

“Một số bị lột da sống,” Lila nói. “Mí mắt họ bị cắt bỏ và đầu họ bị kẹp vào một cái khung giữ cho gập xuống để họ không có lựa chọn nào ngoài việc theo dõi da của chính mình bị lột ra, trước tiên lột khỏi mặt, rồi lột khỏi cơ thể. Cái lạnh khiến vết thương của họ tệ đến một mức nào đó và ngăn họ chết quá sớm vì sốc. Đôi khi quá trình này diễn ra trong thời gian dài. Hoặc đôi khi họ bị quay sống. Vài gói thịt nướng sẽ xuất hiện gần nơi đóng của quân chúng tôi. Ban đầu cánh lính tưởng đó là quà đồ ăn do người dân địa phương có lòng cảm thông đưa tới. Nhưng rồi họ nhận ra.”

Svetlana Hoth chăm chăm nhìn vào phòng, không trông thấy gì có vẻ còn lạnh lẽo hơn cả trước đây. Có lẽ giọng điệu của cô con gái đang khơi lại những ký ức của bà. Rõ ràng rất thuyết phục. Lila chưa từng sống qua hoặc chứng kiến các sự kiện cô đang mô tả, song nghe như thể cô đã sống qua, đã chứng kiến. Nghe như thể cô mới chứng kiến nó ngày hôm qua. Cô không còn mơ hồ về lịch sử. Ấn tượng để lại nơi tôi là cô sẽ trở thành một người kể chuyện giỏi. Cô có năng khiếu thuật chuyện.

Lila nói, “Họ muốn bắt được các tay bắn tỉa của chúng tôi nhất. Họ căm ghét các tay bắn tỉa của chúng tôi. Tôi nghĩ những người bắn tỉa luôn bị căm ghét, có lẽ bởi cách họ giết đối phương. Mẹ tôi rất lo cho cha, cái đó thì rõ rồi. Còn em trai của bà nữa. Hầu như đêm nào họ cũng đi, vào những ngọn đồi thấp, mang theo kính ngắm điện tử. Không quá xa. Có lẽ khoảng một nghìn mét, để tìm góc ngắm. Có lẽ xa hơn thế một chút. Đủ xa để đạt hiệu quả, đủ gần để cảm thấy an toàn. Nhưng chẳng nơi nào thực sự an toàn. Mọi nơi đều có thể bị tấn công. Nhưng họ phải đi. Mệnh lệnh của họ là bắn vào kẻ thù. Ý định của họ là bắn các tù nhân. Họ nghĩ rằng như thế là nhân đạo. Thời ấy thật đáng sợ. Và lúc đó thì mẹ tôi đã mang bầu. Mang



bầu tôi. Tôi được thụ thai trong một chiến hào đá đào ở thung lũng Korengal, dưới một chiếc áo khoác dã chiến có từ thời cuối Thế chiến thứ hai và trên hai chiếc khác có thể còn cũ hơn thế. Mẹ tôi bảo rằng mấy chiếc áo đó mang những vết đạn cũ, có thể ở Stalingrad.”

Tôi chẳng nói gì. Svetlana vẫn nhìn đăm đăm. Lila đặt hai tay lên bàn, đan hờ hững vào nhau. Cô nói, “Trong khoảng một tháng đầu tiên sáng nào cha và cậu tôi cũng trở về, an toàn. Họ là một đội giỏi. Có lẽ giỏi nhất.”

Svetlana vẫn nhìn đăm đăm. Lila bỏ hai tay khỏi bàn và ngừng nói một chút. Rồi cô ngồi thẳng lên ưỡn thẳng hai vai. Thay đổi nhịp độ. Thay đổi chủ đề. Cô nói, “Hồi ấy có những người Mỹ ở Afghanistan.”

Tôi hỏi, “Có hả?”

Cô gật đầu.

Tôi nói, “Những người Mỹ nào?”

“Những người lính. Không nhiều nhưng có một số. Không phải luôn luôn nhưng đôi lúc có.”

“Cô nghĩ thế sao?”

Cô gật đầu lần nữa. “Chắc chắn quân đội Mỹ đã ở đó. Liên Xô là kẻ thù của họ, và du kích Hồi giáo là đồng minh của họ. Đó là Chiến tranh Lạnh một cách gián tiếp. Làm suy yếu Hồng quân là điều Tổng thống Ronald Reagan rất muốn. Đó là một phần chiến lược chống cộng của ông ta. Và ông ta tranh thủ cơ hội ấy để chiếm một số vũ khí mới của chúng tôi nhằm phục vụ mục đích tình báo. Thế nên có các đội được phái đi. Lực lượng Đặc biệt. Họ đến và đi đều đặn. Và một đêm tháng Ba năm 1983, một trong số đội này đã phát hiện ra cha cùng cậu tôi và đánh cắp khẩu súng trường VAL của họ.”

Tôi không nói gì.

Lila nói: “Đề mất khẩu súng là một thất bại, tất nhiên là thế. Nhưng điều tệ hại hơn là những người Mỹ đã trao cha và cậu tôi cho các phụ nữ bộ tộc. Không cần thiết phải làm thế. Rõ ràng là phải bịt miệng họ lại, vì sự hiện diện của người Mỹ hoàn toàn bí mật và phải được che giấu. Nhưng người Mỹ lẽ ra đã có thể tự tay giết cha và cậu tôi, nhanh chóng, im lặng và dễ dàng. Nhưng họ đã chọn không làm thế. Mẹ tôi nghe tiếng họ gào thét suốt cả ngày cho tới tận đêm hôm sau. Chồng và em trai bà. Mười sáu, mười tám tiếng đồng hồ. Bà bảo thậm chí cho dù gào thét thảm tới mức ấy bà vẫn có thể phân biệt của ai, qua âm giọng của từng người.”

TÔI LIỆC QUANH PHÒNG TRÀ lờ mờ sáng của khách sạn Four Seasons, nhúc nhích trên ghế rồi nói, “Xin lỗi, nhưng tôi không tin cô.”

Lila Hoth nói, “Tôi đang kể cho ông sự thật.”

Tôi lắc đầu. “Tôi đã từng trong quân đội Mỹ. Tôi từng là quân cảnh. Nói chung thì tôi biết những nơi người ta đã tới cũng như không tới. Và không có dấu giày của quân Mỹ trên đất Afghanistan. Hồi ấy thì không. Trong suốt cuộc xung đột ấy thì không. Đó thuần túy là vấn đề nội bộ.”

“Nhưng các ông đã đứng sau đạo diễn.”

“Tất nhiên là thế. Như các cô đã làm hồi chúng tôi có mặt ở Việt Nam. Hồi ấy Hồng quân có mặt ở nước đó không?”

Đó là câu hỏi chỉ để hỏi, để khẳng định lại, nhưng Lila Hoth tiếp nhận một cách nghiêm túc. Cô nhào người qua bàn nói chuyện với mẹ mình, nhỏ và nhanh, bằng thứ tiếng nước ngoài mà tôi cho là tiếng Ukraine. Hai mắt bà hé ra một chút, rồi bà nghiêng đầu về một bên như thể bà đang nhớ lại một phần nhỏ của chi tiết lịch sử đầy bí hiểm. Bà già nói lại với con gái, nhỏ và nhanh, lâu, rồi Lila ngừng lại chừng một giây để chuẩn bị cho việc dịch lại, đoạn cô nói, “Không, chúng tôi đã không điều quân tới Việt Nam, bởi chúng tôi tin rằng những người anh em xã hội chủ nghĩa sẽ hoàn thành công việc của mình mà không cần trợ giúp. Điều này, mẹ tôi bảo, rõ ràng là họ đã làm được, một cách huy hoàng. Những con người nhỏ bé mặc áo nâu đã đánh thắng cỗ máy lớn màu xanh.”

Svetlana Hoth mỉm cười gật đầu.

Tôi nói, “Cũng như là một đám chăn dê đã đit đội quân của bà ấy.”

“Không thể phủ nhận điều đó. Nhưng với rất nhiều sự giúp đỡ.”

“Không có chuyện đó.”

“Nhưng ông thừa nhận rằng có sự hỗ trợ vật chất, chắc chắn thế. Dành cho lực lượng du kích Hồi giáo. Tiền và vũ khí. Đặc biệt là tên lửa đất đối không, những thứ loại đó.”

“Cũng như ở Việt Nam, chỉ là ngược lại thôi.”

“Và Việt Nam là một điển hình rõ ràng. Bởi vì theo như ông biết, đã bao giờ Mỹ cung cấp viện trợ quân sự cho bất kỳ nơi nào trên thế giới mà không gửi đến cái họ gọi là các cố vấn quân sự chưa?”

Tôi không nói gì.

Cô hỏi, “Chẳng hạn ông đã phục vụ ở bao nhiêu nước?”

Tôi không nói gì.

Cô hỏi, “Ông nhập ngũ năm nào?”

“Năm 1984,” tôi đáp.

“Vậy những sự kiện này của năm 1982 và 1983 đều diễn ra trước thời ông phục vụ.”

“Chỉ vừa mới xong,” tôi nói. “Và có thứ gọi là kiến thức được lưu truyền.”<sup>[37]</sup>

“Sai,” cô nói. “Các bí mật được giữ lại còn kiến thức lưu truyền được xóa bỏ một cách dễ dàng. Có một lịch sử lâu dài về sự dính líu quân sự phi

pháp của Mỹ trên khắp thế giới. Nhất là thời kỳ Ronald Reagan làm tổng thống.”

“Cô học được điều đó ở trường trung học hả?”

“Vâng, đúng thế. Và hãy nhớ rằng, những người cộng sản đã ra đi khá lâu trước khi tôi lên trung học. Một phần là nhờ ông Reagan đấy.”

Tôi nói, “Dù cô có đúng đi nữa, nhưng tại sao lại cho rằng người Mỹ đã dính líu vào cái đêm cụ thể ấy? Cứ cho là mẹ cô đã không chứng kiến việc xảy ra. Tại sao không giả thiết rằng cha và cậu cô bị chính các du kích Hồi giáo bắt?”

“Bởi không bao giờ tìm được khẩu súng của cha tôi. Bởi chưa bao giờ vị trí của mẹ tôi bị một tay bắn tỉa tấn công vào ban đêm. Trong ổ đạn của cha tôi có hai mươi viên, ông ấy còn mang thêm hai mươi viên dự phòng. Giả sử lực lượng du kích Hồi giáo bắt được cha tôi thì họ đã dùng khẩu súng bắn tỉa của ông để chống lại chúng tôi rồi. Thì họ đã, hoặc đã cố tiêu diệt bốn chục người của chúng tôi rồi, và họ sẽ hết đạn mà bỏ khẩu súng đi. Dần dà thì đại đội mẹ tôi cũng sẽ tìm thấy nó. Có nhiều cuộc giao tranh nhỏ giữa hai bên lắm. Phía chúng tôi đã tràn sang vị trí của họ và ngược lại. Nó như một cuộc săn đuổi vòng tròn điên rồ. Cảnh du kích Hồi giáo thật thông minh. Họ có thói quen rút về những vị trí mà trước đó chúng tôi đã gạch đi, coi như các vị trí đã bị bỏ. Nhưng sau một thời gian chúng tôi thấy được toàn bộ vị trí của họ. Họ hẳn đã tìm ra khẩu VAL không đạn, gỉ sét, thậm chí có khi được dùng làm cọc hàng rào nữa. Họ kê khai tất cả các loại vũ khí thu được như thế. Nhưng không có khẩu VAL. Kết luận logic nhất là nó đã được đưa thẳng về Mỹ, bởi những người Mỹ.”

Tôi không nói gì.

Lila Hoth nói, “Tôi đang kể cho ông sự thật.”

Tôi bảo, “Có lần tôi đã trông thấy một khẩu súng bắn tỉa không tiếng động VAL.”

“Ông đã nói điều đó với tôi rồi mà.”

“Tôi trông thấy nó năm 1994,” tôi nói. “Người ta nói với chúng tôi rằng nó vừa được thu giữ. Tận mười một năm sau thời điểm cô nói rằng nó bị thu giữ đấy. Hồi ấy người ta kinh hoàng, khi thấy khả năng của loại súng này. Quân đội không phải đợi tới mười một năm mới kinh hoàng đâu.”

“Sẽ phải thế đấy,” Lila nói. “Nếu để lộ ra khẩu súng ngay sau khi thu được nó thì có thể đã gây ra Thế chiến thứ Ba rồi. Làm thế là trực tiếp thừa nhận rằng lính của các ông đã trực tiếp đối mặt với người của chúng tôi mà không hề có tuyên bố thù địch nào. Ít nhất cũng bị coi là trái luật, mà xét về góc độ địa-chính trị thì thật khủng khiếp. Nước Mỹ sẽ mất vị thế thượng phong về đạo đức. Sự ủng hộ trong nội bộ Liên bang Xô viết sẽ được tăng cường. Sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản sẽ bị làm chậm lại, có lẽ nhiều năm.”

Tôi chẳng nói gì.

Lila nói: “Hãy nói cho tôi nghe, chuyện gì đã xảy ra trong quân đội ông năm 1994, sau cơn kinh hoàng ấy?”

Tôi ngừng lại, đúng như Svetlana Hoth đã ngừng. Tôi nhớ lại những chi tiết lịch sử. Thật đáng ngạc nhiên. Tôi kiểm tra đi kiểm tra lại. Rồi tôi nói, “Thực ra không có nhiều chuyện xảy ra.”

“Không có áo giáp chống đạn mới à? Không có loại nguy trang mới nào à? Không có phản ứng chiến thuật bằng bất kỳ hình thức nào sao?”

“Không.”

“Liệu điều đó có logic, ngay cả đối với một quân đội không?”

“Không thật logic.”

“Trước thời điểm ấy, lần cuối cùng thiết bị được nâng cấp là khi nào?”

Tôi ngừng lại. Tìm kiếm thêm các chi tiết lịch sử. Nhớ lại PASGT, được giới thiệu trong niềm phấn khích phô trương và lăm lờ ca ngợi trong những năm đầu tôi mặc áo lính. Personal Armor System, Ground Troops. Hệ thống áo giáp cá nhân dành cho bộ binh. Một loại mũ Kevlar hoàn toàn mới, được đánh giá đủ sức chịu mọi loại đạn của súng cỡ nhỏ. Một loại giáp chống đạn dày kiểu mới mặc trong hoặc ngoài áo dã chiến, được đánh giá đảm bảo an toàn ngay cả trước đạn súng trường. Theo tôi nhớ cụ thể thì nó được đánh giá là đảm bảo an toàn trước các viên đạn cỡ chín milimét. Cộng thêm những họa tiết nguy trang mới, được thiết kế cẩn thận nhằm nâng cao hiệu quả và có hai loại, dùng cho vùng rừng núi và sa mạc. Lính thủy đánh bộ có lựa chọn thứ ba, màu xanh nước biển và xám, dùng cho địa hình thành phố.

Tôi chẳng nói gì.

Lila Hoth hỏi, “Việc nâng cấp được thực hiện khi nào?”

Tôi đáp, “Cuối những năm 1980.”

“Ngay cả với những cơn kinh hoàng như vậy, mất bao lâu để hoàn thành việc thiết kế và thực hiện đợt nâng cấp như thế?”

Tôi đáp, “Vài năm.”

“Vậy hãy xem lại những gì ta biết. Vào cuối những năm 1980 ông nhận được trang bị nâng cấp, được thiết kế chủ yếu để bảo vệ cá nhân tốt hơn. Ông có nghĩ rằng có thể đó là kết quả của tác động trực tiếp xuất phát từ một nguồn không công bố năm 1983 không?”

Tôi không trả lời.

Tất cả chúng tôi ngồi yên lặng một lúc. Một nhân viên phục vụ im lặng và kín đáo bước tới mời chúng tôi dùng trà. Ông ta nêu một danh sách dài các nhãn mang tên nước ngoài lạ lẫm. Lila gọi một vị tôi chưa bao giờ nghe tới, rồi cô ta dịch cho mẹ, bà ta cũng chọn tương tự. Tôi chọn cà phê đen thông thường. Nhân viên này cúi đầu một chút, tầm nửa xăngtimet, như thể khách sạn Four Seasons sẵn lòng đáp ứng bất kỳ yêu cầu nào, dù yêu cầu ấy có mệt rệp đến đâu. Tôi đợi cho tới khi ông ta đi khỏi lần nữa rồi hỏi: “Các cô đã suy luận ra người mình cần tìm kiếm bằng cách nào?”

Lila nói: “Thế hệ của mẹ tôi trông đợi một cuộc chiến trên bộ với các ông ở châu Âu, và họ hy vọng mình sẽ thắng. Hệ tư tưởng của họ tốt đẹp, của các ông thì không. Sau một chiến thắng chắc chắn và chóng vánh, họ cho rằng sẽ bắt được nhiều người bên các ông làm tù binh, có thể lên đến vài triệu. Trong giai đoạn ấy, một phần nhiệm vụ của chính trị viên là phân loại các binh sĩ của kẻ thù, lựa ra những kẻ không thể cải tạo tư tưởng. Để giúp họ thực hiện nhiệm vụ đó, họ được làm cho quen với cơ cấu quân đội của các ông.”

“Ai làm cho quen?”

“KGB. Đó là chương trình được thực hiện liên tục. Có rất nhiều thông tin sẵn có. Họ biết ai đảm nhiệm cương vị gì. Đối với các đơn vị tinh nhuệ nhất, họ thậm chí biết cả tên. Không chỉ các sĩ quan đâu, cả lính nghĩa vụ nữa. Như một tay hâm mộ bóng đá thực thụ biết rõ về nhân sự và điểm mạnh điểm yếu của tất cả các đội tham gia giải, kể cả cầu thủ dự bị. Đối với các vụ thâm nhập vào thung lũng Korengal, mẹ tôi lập luận rằng chỉ có thể khoan ở ba lực lượng. Hoặc lực lượng SEAL<sup>[38]</sup> của hải quân, hoặc Recon Marines từ Corps, hoặc Delta của bộ binh. Thông tin tình báo hồi ấy không ủng hộ cho giả thuyết đây là lực lượng lính thủy đánh bộ hay SEAL. Không có cả bằng chứng suy diễn về sự liên quan của họ. Không có thông tin cụ thể. KGB có người cài khắp mọi tổ chức của các ông, song họ không báo cáo gì. Nhưng có những tín hiệu vô tuyến quan trọng phát ra từ các căn



cứ của Delta ở Thổ Nhĩ Kỳ và các điểm tập hợp ở Oman. Ra đa của chúng tôi phát hiện những chuyến bay không thể cắt nghĩa. Kết luận những chiến dịch trên do Delta thực hiện là hợp logic.”

Nhân viên phục vụ đã trở lại cùng một chiếc khay. Ông ta là một người cao, đen, khá già, có lẽ người nước ngoài. Ông có nét gì đó rất riêng. Có lẽ khách sạn Four Seasons đã đưa ông ra vị trí mặt tiền và trung tâm vì điều đó. Phong thái của ông cho thấy có thể một thời ông đã là chuyên gia về trà ở một nơi tráng lệ nào đó tại Vienna hay Salzburg. Trên thực tế có thể ông đã là kẻ thất nghiệp ở Estonia. Có thể ông đã bị gọi nhập ngũ cùng phần còn lại của thế hệ Svetlana. Có khi ông đã phải chịu đựng những cơn gió mùa đông ở thung lũng Korengal cùng bà ta, tại một nơi vào thời điểm nào đó cùng với nhóm sắc tộc của mình. Ông ta điệu nghệ rót trà và sắp xếp những lát chanh trên đĩa. Cà phê của tôi đựng trong một chiếc tách đẹp. Ông đặt nó xuống trước mắt tôi với vẻ bất bình được che giấu một cách lịch thiệp. Khi người phục vụ đã đi khỏi, Lila Hoth nói, “Mẹ tôi đánh giá rằng vụ đột kích được một viên đại úy chỉ huy. Nếu là trung úy thì quá thấp còn thiếu tá thì lại quá cao so với nhiệm vụ đó. KGB có danh sách nhân sự. Hồi ấy có rất nhiều đại úy được điều vào Delta. Nhưng còn có các bản phân tích sóng vô tuyến. Một người đã nghe được cái tên John. Điều đó giúp khoanh vùng lại.”

Tôi gật đầu. Hình dung ra một chảo ăng ten lớn ở một nơi nào đó, có thể là Armenia hay Azerbaidjan, một gã ở trong lều, đeo tai nghe, hai miếng ốp cao su ép chặt vào hai tai, lướt qua các tần số lắng nghe tiếng rít và loẹt xoẹt của các kênh liên tục đổi tần, vớ được một mẫu đối thoại không dùng mật hiệu, rồi viết từ *John* lên một mẫu giấy thô màu nâu. Có rất nhiều thứ được tóm từ không trung.

Hầu hết vô dụng. Một từ ta có thể hiểu cũng giống như một cục vàng trong chiếc rây, hoặc một viên kim cương trong tảng đá. Và một từ họ hiểu được chẳng khác gì một viên đạn găm vào lưng ta.

Lila nói: “Mẹ tôi hiểu hết về các huy chương của quân đội các ông. Chúng được coi là yếu tố quan trọng, là tiêu chí phân loại tù binh. Huy hiệu về vang, khi bị bắt sẽ ngay lập tức trở thành huy hiệu nhục nhã. Bà biết rằng khẩu VAL xứng đáng giành được một phần thưởng quan trọng. Nhưng phần thưởng nào? Hãy nhớ rằng khi ấy không hề có tuyên bố thù địch. Và hầu hết các phần thưởng quan trọng của các ông đều dành cho lòng can đảm hay anh dũng trong hành động chống lại một quân đội là kẻ thù của Mỹ. Xét về nguyên tắc, dù kẻ nào đoạt được khẩu VAL từ tay cha tôi đi nữa thì cũng không đủ tiêu chuẩn tặng thưởng bất kỳ phần thưởng nào trong đó, bởi về nguyên tắc Liên Xô không phải kẻ thù của nước Mỹ. Xét về mặt quân sự thì không. Xét về mặt chính trị chính thức thì không. Không hề có tuyên bố chiến tranh mà.”

Tôi một lần nữa gật đầu. Chúng tôi chưa bao giờ xảy ra chiến tranh với Liên Xô. Ngược lại, trong suốt bốn năm dài, chúng tôi là đồng minh trong cuộc chiến tuyệt vọng chống một kẻ thù chung. Chúng tôi đã hợp tác, rất chặt chẽ. Chiếc áo khoác dã chiến của Hồng quân thời Thế chiến thứ hai mà Lila Hoth nói là đã che chắn nơi cô được thụ thai chắc chắn đã được sản xuất ở Mỹ, là một phần của chương trình Lend-Lease <sup>[39]</sup>. Chúng tôi đã chuyển một trăm triệu tấn đồ len và vải bông cho người Nga. Cộng thêm mười lăm triệu đôi giày da, bốn triệu lốp xe bằng cao su, hai ngàn đầu máy xe lửa và mười một ngàn toa xe vận tải, cũng như các món đồ nặng bằng kim loại như mười lăm ngàn máy bay, bảy ngàn xe tăng và 375.000 xe tải quân sự. Tất cả cho không, miễn phí, chẳng đổi lại gì. Winston Churchill gọi đó là chương trình ít vụ lợi nhất trong lịch sử. Đã có những giai thoại sinh ra quanh chương trình này. Người ta bảo rằng người Liên Xô đề nghị cung cấp bao cao su, và để cố gây ấn tượng cũng như sự thân mật, họ nói cụ thể rằng họ bao cao su cần dài bốn lăm phân. Người Mỹ đã chuyển hàng cho họ đúng hện, trong các thùng carton đóng dấu: *Cỡ: Trung bình.*

Chuyện là thế.

Lila hỏi, “Ông vẫn nghe đấy chứ?”

Tôi gật đầu. “Huy chương Thành tích xuất sắc sẽ là lựa chọn thích hợp. Hoặc Huy chương Công trạng, hoặc Huy chương Người lính.”

“Không đủ tầm.”

“Cảm ơn cô. Tôi đã được tặng cả ba loại đó.”

“Thu được khẩu VAL là một cuộc đảo chính thực sự vĩ đại. Một sự kiện chấn động. Đó là thứ vũ khí hoàn toàn chưa được biết tới. Việc lấy được nó cần được tặng thưởng một huy chương thực sự có giá.”

“Nhưng loại nào chứ?”

“Mẹ tôi kết luận rằng đó sẽ là Huy chương Thành tích Đặc biệt. Loại này quý nhưng có nét khác. Tiêu chuẩn xét tặng là đóng góp đặc biệt đáng khen ngợi đối với chính phủ Mỹ khi thi hành một nhiệm vụ có trách nhiệm rất nặng nề. Nó hoàn toàn độc lập với các hoạt động quân sự chính thức được tuyên bố. Thông thường nó được trao tặng cho các nhân vật mềm dẻo về chính trị từ cấp tướng trở lên. Khi ấy mẹ tôi được lệnh trừ khử lập tức tất cả những kẻ từng được trao tặng DSM. Rất hiếm người dưới cấp tướng được tặng thưởng huy chương này. Nhưng chỉ có nó là loại huy chương giá trị mà một đại úy Delta có thể đã được tặng nhờ cái đêm hôm ấy ở thung lũng Korengal.”

Tôi gật đầu. Tôi đồng ý. Tôi thấy rằng Svetlana Hoth là một người phân tích rất tốt. Rõ ràng bà đã được đào tạo tốt và có kiến thức rộng sâu. KGB đã thực hiện được một công việc thật hiệu quả. Tôi nói, “Vậy nên cô đi mà tìm một tay tên John là một đại úy Delta và giành được một DSM, cả hai việc này diễn ra vào tháng Ba năm 1983.”

Lila gật đầu. “Và để chắc chắn, DSM ấy phải được tặng thưởng mà không có tuyên dương.”

“Và các cô đã buộc Susan Mark giúp đỡ.”

“Tôi không *buộc* cô ấy. Cô ấy vui lòng giúp đỡ.”

“Tại sao?”

“Bởi cô ấy cảm động vì câu chuyện của mẹ tôi.”

Svetlana Hoth mỉm cười gật đầu.

Lila nói, “Và cô ấy cũng xúc động một chút vì câu chuyện của tôi. Tôi là đứa con không cha, cũng như cô ấy.”

Tôi hỏi, “Làm thế nào mà tên của John Sansom xuất hiện thậm chí trước khi Susan thông báo? Tôi không tin rằng nó xuất phát từ một nhóm điều tra thuê của New York chỉ ngồi một nơi đọc báo và tán phét.”

“Đó là sự kết hợp rất hiếm thấy,” Lila nói. “John, Delta, DSM, nhưng chưa hề là viên tướng một sao. Chúng tôi nhận thấy điều đó qua tờ *Herald Tribune*, khi các tham vọng của ông ta đối với Thượng nghị viện được thông báo. Khi ấy chúng tôi ở London. Ông có thể mua tờ đó trên khắp thế giới. Nó là một phiên bản của tờ *New York Times*. Có thể John Sansom là kẻ duy nhất trong lịch sử quân đội các ông hoàn toàn khớp với các tiêu chí ấy. Nhưng chúng tôi muốn chắc chắn tuyệt đối. Chúng tôi cần có sự khẳng định cuối cùng.”

“Trước điều gì? Các cô muốn làm gì với tay đó?”

Lila Hoth trông ngạc nhiên.

“Làm à?” Cô hỏi. “Chúng tôi chẳng muốn *làm* gì cả. Chúng tôi chỉ muốn nói chuyện với ông ta, thế thôi. Chúng tôi muốn hỏi ông ta vì sao? Vì sao ông ta lại làm thế, đối với hai con người?”

LILA HOTH UỐNG NÓT CHỖ TRÀ và đặt tách xuống đĩa. Chát sứ chạm nhẹ vào nhau kêu lách cách. Cô hỏi, “Ông sẽ đi lấy thông tin của Susan cho tôi chứ?”

Tôi không trả lời.

Cô nói, “Mẹ tôi đợi đã lâu rồi.”

Tôi hỏi, “Vì sao sao bà ấy phải đợi?”

“Thời gian, khả năng, phương tiện, thời cơ. Tôi cho rằng chủ yếu do tiền. Khả năng của bà rất hạn hẹp cho đến tận gần đây.”

Tôi hỏi, “Vì sao chồng cô bị giết?”

“Chồng *tôi*?”

“Khi ở Moscow ấy.”

Lila ngừng một thoáng rồi nói, “Do thời cuộc.”

“Đối với chồng của mẹ cô cũng như thế.”

“Không. Tôi đã nói với ông rồi, nếu Sansom đã bắn vào đầu ông ấy, như đã xảy ra với chồng tôi, hoặc thọc dao vào não, hay bẻ gãy cổ, hoặc làm bất kỳ điều gì khác như các lính Delta được huấn luyện thực hiện, thì mọi việc đã khác rồi. Nhưng ông ta đã không làm thế. Thay vào đó ông ta lại nhẫn tâm. Vô nhân tính. Cha tôi thậm chí chẳng thể với tay tới khẩu súng trường của mình, bởi Sansom đã cướp mất nó.”

Tôi không nói gì.

Cô nói, “Ông muốn có một con người như thế trong Thượng viện nước mình không?”

“Con người như thế là so với gì?”

“Ông sẽ trao cho tôi thông tin của Susan chứ?”

“Không ích gì,” tôi nói.

“Tại sao lại không?”

“Bởi cô sẽ chẳng thể mon men được tới chỗ nào gần John Sansom. Nếu bất kỳ điều gì trong những điều cô nói đã thực sự diễn ra, nó là một bí mật, và sẽ là bí mật trong một thời gian dài. Và các bí mật được bảo vệ, đặc biệt là bây giờ. Đã có hai cơ quan liên bang đảm nhận việc này. Cô mới có ba người đi đặt các câu hỏi. May mắn nhất là cô bị trục xuất. Chân cô sẽ không chạm được tới đất trên suốt quãng đường ra sân bay. Cô sẽ bị đưa lên máy bay hai tay nằm trong còng. Bằng xe loại lớn. Sang bên kia, cảnh sát Anh sẽ lôi cô khỏi máy bay và cô sẽ sống phần đời còn lại bị người ta giám sát.”

Svetlana Hoth chăm chăm nhìn vào khoảng không.

Tôi nói, “Và tệ nhất, cô sẽ chỉ biến mất. Ngay ở đây. Phút này cô có mặt trên đường phố, phút sau cô không còn như thế. Cô sẽ chết dần chết mòn ở Guantanamo, hoặc cô sẽ tới Syria hay Ai Cập để họ khử cô ở đó.”

Lila Hoth không nói gì.

“Lời khuyên của tôi thế nào à?” tôi nói. “Hãy quên chuyện đó đi. Cha và cậu cô bị giết trong chiến tranh. Họ không phải những người đầu tiên, cũng sẽ không phải những người cuối cùng. Chuyện khốn nạn vẫn thường xảy ra mà.”

“Chúng tôi chỉ muốn hỏi ông ta vì sao.”

“Cô đã biết vì sao rồi mà. Không có tuyên bố thù địch, vì vậy ông ta đã không thể giết người nhà cô. Đó là nguyên tắc can dự. Trước mỗi phi vụ đều có buổi nhắc nhở, thống nhất rất kỹ.”

“Vậy nên ông ta để người khác làm thay mình.”

“Đó là thời cuộc. Giống như cô nói, lẽ ra nó đã có thể khơi mào cho Thế chiến thứ Ba. Tránh được nó là mối quan tâm của mọi người.”

“Ông đã từng xem tệp tin chưa? Susan đã thực sự có sự khẳng định chứ? Hãy chỉ cho tôi biết, có hoặc không. Tôi sẽ không làm gì nếu không tận mắt trông thấy nó. Tôi không thể.”

“Cô sẽ chẳng làm gì cả, chấm hết.”

“Làm thế là không phải.”

“Đánh chiếm Afghanistan đã là việc không phải ngay từ đầu. Lẽ ra phía cô đã nên ở nhà mới phải.”

“Thế thì các ông cũng vậy, đối với tất cả các nơi các ông đã đặt chân đến.”

“Tôi không có gì tranh cãi cả.”

“Thế còn tự do thông tin thì sao?”

“Tự do thông tin thì sao nào?”

“Mỹ là đất nước của luật pháp.”

“Đúng. Nhưng cô có biết bây giờ luật ra sao không? Cô cần đọc tờ *Herald Tribune* cẩn thận hơn đây.”

“Ông sẽ giúp chúng tôi chứ?”

“Tôi sẽ yêu cầu nhân viên khách sạn gọi cho cô một chiếc taxi ra sân bay.”

“Chỉ thế thôi sao?”

“Đó là điều tốt nhất bất kỳ ai có thể dành cho cô.”

“Có điều gì tôi có thể làm để ông đổi ý không?”

Tôi không trả lời.

“Bất kỳ điều gì ấy?”

“Không,” tôi đáp.

Sau đó tất cả chúng tôi im lặng. Chuyên gia về trà mang hóa đơn lại.

Nó đặt trong một tấm bì bằng da. Lila Hoth ký vào đó. Cô nói, “Cần xem xét trường hợp Sansom.”

“Nếu như đó là ông ta,” tôi nói. “Nếu là bất kỳ ai.” Tôi lấy điện thoại của Leonid ra khỏi túi xách lên bàn. Tôi đẩy ghế ra sau và đứng dậy, chuẩn bị đi.

Lila bảo, “Làm ơn giữ lấy chiếc điện thoại.”

Tôi hỏi, “Tại sao?”

“Vì mẹ tôi và tôi còn ở đây. Chỉ thêm vài ngày. Và tôi muốn liên lạc được với ông nếu tôi muốn.” Cách Hoth nói không phải kiểu thả câu. Không phải là lời. Không sụp mắt xuống, không chớp chớp mi. Không đặt tay lên tay tôi, không cố gắng quyến rũ, không cố gắng làm tôi đổi ý. Đó chỉ là một tuyên bố đơn thuần, được nói ra không hàm chứa thái độ nào.

Rồi cô nói, “Ngay cả khi ông không phải bạn,” và tôi nghe thấy âm điệu cực nhỏ của sự đe dọa rít lên trong giọng của Lila. Chỉ một tia cay nghiệt lơ mờ, một dấu hiệu nhỏ của sự nguy hiểm, gần như không nghe



thấy được khuất sau ngôn từ, đi cùng với sự lạnh lẽo có thể cảm nhận được trong đôi mắt xanh tuyệt đẹp của cô ta. Như biển ấm áp mùa hè chuyển sang nước đá mùa đông có ánh nắng chiếu vào. Cũng một màu cả, nhưng nhiệt độ khác hẳn.

Hoặc có thể cô ta chỉ buồn, hoặc lo lắng, hoặc quyết tâm.

Tôi bình thản nhìn Lila rồi đút chiếc điện thoại vào túi, đứng dậy bước đi. Trên phố 57 có rất nhiều taxi nhưng chẳng chiếc nào không chở khách. Thế nên tôi cuộc bộ. Khách sạn Sheraton nằm cách ba dãy nhà về phía Tây và năm dãy về phía Nam. Tôi đi là hai mươi phút. Tôi cho là mình có thể tới đó trước khi Sansom ăn xong bữa trưa.

TÔI KHÔNG CÓ MẶT Ở KHÁCH SẠN Sheraton trước khi Sansom ăn xong bữa trưa, phần vì vỉa hè đầy chật những người bước đi chậm chạp trong cái nóng, phần vì đó là bữa trưa ngắn ngủi. Tôi nghĩ điều này có thể hiểu được. Đám khán giả phố Wall của Sansom muốn dành tối đa thời gian để kiếm tiền và tối thiểu để cho tiền. Tôi cũng không kịp lên cùng chuyến tàu liên bang với ông ta. Tôi chậm mất chuyến tàu đi Washington chỉ năm phút, nghĩa là tôi đến thủ đô sau ông ta tới một tiếng rưỡi.

Cũng chính tay gác hôm trước đang trực ở cửa tòa nhà Cannon. Anh ta không nhận ra tôi. Nhưng anh ta vẫn cho tôi vào, chủ yếu nhờ Hiến pháp. Nhờ Tu chính án đầu tiên của Tuyên ngôn Nhân quyền. *Quốc hội sẽ không ban hành đạo luật nào tước đi quyền của người dân được đưa đơn thỉnh nguyện lên Chính phủ.* Những thứ đồ linh tinh trong túi tôi chậm chậm lướt qua máy chiếu X-quang, rồi tôi bước qua máy phát hiện kim loại và được vớ kiểm tra từ trên xuống dưới dù tôi biết rằng thiết bị dò đã nháy xanh. Một đám nhân viên lao xao phục vụ Quốc hội đang dùng loa gọi người từ trong sảnh, một trong số đó gọi rồi đưa tôi vào khu của Sansom. Các hành lang rộng, thoáng và góc ngách lung tung. Các văn phòng cá nhân có vẻ nhỏ nhưng đẹp. Có thể một thời chúng to và đẹp, song bây giờ đã được chia nhỏ thành phòng chờ dùng làm nơi tiếp tân và nhiều khoảng nhỏ bên trong mà tôi nghĩ là một phần cho các nhân viên cao cấp dùng, còn một phần để sao cho rốt cuộc được đặt chân vào nơi của kẻ tai to mặt lớn có vẻ như là một đặc ân hơn là thực chất.

Chỗ làm việc của Sansom trông hết như mọi chỗ khác. Một cửa dẫn từ hành lang, rất nhiều cờ, rất nhiều đại bàng, vài bức sơn dầu vẽ những lão già đeo tóc giả, một bàn tiếp tân có một cô gái trẻ ngồi sau. Có thể là nhân viên, có thể là một cô tập sự. Springfield đang tựa vào góc bàn cô ta. Anh ta trông thấy tôi, gật đầu không thêm nở một nụ cười, ấy người rời khỏi bàn, bước ra cửa đón tôi và trở ngón cái xuôi theo hành lang.

“Căng tin,” anh ta nói.

Chúng tôi đi qua vài bậc cầu thang tới chỗ đó. Đó là một căn phòng thấp và rộng chứa đầy bàn ghế. Sansom chẳng ngồi chỗ nào trong này. Springfield cần nhìn như thể anh ta chẳng hề ngạc nhiên và kết luận rằng Sansom đã trở lại văn phòng mình trong lúc chúng tôi tìm ông ta, theo một lối khác, có thể qua văn phòng của một đồng nghiệp. Anh ta bảo rằng nơi này lắm hàng cùng ngõ hẻm, khi nào cũng có các cuộc nói chuyện cần được trao đổi, các ơn huệ cần được tìm kiếm, các thỏa thuận cần được ngã giá và các đầu phiếu cần được bán buôn. Chúng tôi trở lại theo đúng đường đã đi, Springfield thò đầu vào một cửa rồi lùi lại ra hiệu cho tôi bước vào.

Phòng làm việc bên trong của Sansom là một khoảng không gian hình chữ nhật chỉ lớn hơn một chiếc tủ và nhỏ hơn một phòng nhà nghỉ có giá ba mươi đô la một đêm. Phòng có cửa sổ, tường ốp gỗ treo những ảnh đóng khung, tí báo đóng khung, trên giá có đồ lưu niệm. Sansom ngồi sau bàn, trên một ghế da màu đỏ, trong tay là một cây bút máy, rải đầy trước mặt là cả lô giấy tờ. Ông ta đã bỏ áo khoác ra. Sansom có dáng vẻ mệt mỏi, thiếu dưỡng khí của một người đã ngồi yên suốt thời gian dài. Ông ta đã không ra ngoài. Trò đi vòng qua căng tin là trò câu giờ, chủ yếu được sắp đặt để cho phép người nào đó đi ra mà không bị tôi nhìn thấy. Ai, tôi không biết. Tại sao, tôi cũng không biết. Nhưng tôi ngồi xuống ghế dành cho khách và thấy nó vẫn còn ấm hơi của người khác. Phía sau đầu Sansom chính là bức ảnh lớn mà tôi đã thấy trong cuốn sách của ông ta được đóng khung. Donald Rumsfeld và Saddam Hussein, ở Baghdad. *Đôi khi bạn bè của chúng ta trở thành kẻ thù, và đôi khi kẻ thù trở thành bạn bè của chúng ta.* Bên cạnh là

một chuỗi ảnh nhỏ hơn chụp Sansom đứng với nhóm này nhóm nọ, vài tấm chỉ chụp ông ta bắt tay và cười với một người khác. Vài tấm ảnh chụp nhóm đầy trang trọng, vài tấm chụp những cái cười rộng mở và sân khấu đầy hoa giấy sau những đợt thăng cử. Trong hầu hết số đó tôi đều thấy mặt Elspeth. Trong những năm qua tóc bà ta đã đổi kiểu rất nhiều. Tôi thấy Springfield trong vài bức khác, dáng người nhỏ và cảnh giác của anh ta rất dễ nhận ra dù các bức ảnh bé xíu. Những bức ảnh chụp đôi là thứ cánh phóng viên ảnh thời sự gọi là ảnh nghiêng-chặt-nhe-răng. Tôi nhận ra một số nhân vật trong đó, một số thì không. Một số đã ký tên vào ảnh với những lời lẽ quá mức cần thiết, một số thì không.

Sansom nói, “Thế nào đây?”

Tôi nói, “Tôi biết về DSM vào tháng Ba năm 1983.”

“Bằng cách nào?”

“Nhờ súng bắn tia không tiếng động VAL. Cựu chiến binh mà tôi đã nói cho ông nghe là vợ góa của người mà ông đã tước khẩu súng. Đó là lý do ông phản ứng trước cái tên ấy. Có thể ông chưa bao giờ nghe thấy cái tên Lila Hoth hay Svetlana Hoth, nhưng hồi ấy ông đã gặp một người khác có tên Hoth. Điều đó thì quá chắc rồi. Rõ ràng rồi. Có thể ông đã lấy thẻ tên của ông ta và cho dịch ra. Có lẽ ông vẫn còn giữ nó, để làm kỷ niệm.”

Chẳng thấy sự ngạc nhiên. Chẳng có sự phủ nhận. Sansom chỉ nói, “Không, thực ra cái thẻ tên đã bị khóa kỹ cùng với các báo cáo sau khi hành động, và mọi thứ khác cũng thế.”

Tôi không nói gì.

Sansom nói, “Tên ông ta là Grigori Hoth. Hồi ấy ông ta trạc tuổi tôi. Có vẻ ông ta giỏi. Tay phát hiện mục tiêu không giỏi lắm. Lẽ ra hẳn đã phải nghe thấy tiếng chúng tôi đang tiếp cận mới phải.”

Tôi không đáp lại. Im lặng một lúc lâu. Rồi tình huống ấy dường như tác động đến cảm xúc khiến hai vai Sansom sụm xuống, ông ta thở dài mà nói: “Đúng là cách bị lần ra thật lạ, phải không? Huy chương được dùng để thưởng chứ không phải phạt. Lẽ ra chúng không phải là để chơi anh. Lẽ ra chúng không phải là để theo anh đến hết đời như một trở ngại khôn nạn.”

Tôi chẳng nói gì.

Sansom hỏi, “Anh sẽ làm gì?”

Tôi đáp, “Chẳng làm gì cả.”

“Thật sao?”

“Tôi chẳng quan tâm chuyện gì xảy ra năm 1983. Và họ đã nói dối tôi. Trước tiên là chuyện về Berlin, và giờ họ vẫn đang dối tôi. Họ tự nhận là mẹ và con gái. Nhưng tôi không tin. Kẻ được nhận là con gái là con bé xinh nhất ông từng thấy. Kẻ tự nhận là mẹ là một mẹ già xấu đầu xấu đón. Đầu tiên tôi gặp họ cùng một cảnh sát NYPD. Cô ta bảo rằng sau ba mươi năm nữa đứa con gái sẽ trông giống hệt mẹ cô ta bây giờ. Nhưng cô ta làm. Con bé sẽ không bao giờ trông giống bà già. Cả triệu năm sau cũng không.”

“Vậy họ là ai?”

“Tôi đã sẵn sàng chấp nhận rằng bà già là người thật việc thật. Bà ta là chính trị viên Hồng quân đã mất chồng và em trai ở Afghanistan.”

“Em trai bà ta?”

“Tay phát hiện mục tiêu đó.”

“Nhưng người phụ nữ trẻ thì đang đóng kịch hả?”

Tôi gật đầu. “Trong vai vợ góa tha hương của một tỷ phú, từ London tới. Cô ta nói chồng cô ta là doanh nhân không thành công.”

“Và cô ta không có sức thuyết phục à?”

“Cô ta bịa đặt. Cô ta diễn giỏi. Có lẽ cô ta đã mất chồng vào thời điểm nào đó trong thời gian ấy.”

“Nhưng sao? Thực sự cô ta là gì?”

“Tôi nghĩ cô ta là nhà báo.”

“Tại sao?”

“Cô ta biết nhiều. Cô ta có đầu óc điều tra đúng đắn. Cô này giỏi phân tích. Cô ta theo dõi tờ *Herald Tribune*. Đây là tay kẻ chuyện tài khùng khiếp. Nhưng cô ta nói quá nhiều. Cô ta say mê với ngôn từ và thêu dệt các tình tiết. Cô ta không kiềm chế nổi mình.”

“Chẳng hạn như?”

“Cô ta làm ra thông thiết thái quá. Cô ta bảo rằng các chính trị viên ở cùng chiến hào với cánh lính trơn. Lại còn tự nhận rằng mình được thụ thai trên một nền đá, dưới một chiếc áo dã chiến của Hồng quân. Đó là điều vớ vẩn. Chính trị viên là bọn hèn nhát có cỡ với cấp bậc dưới. Chúng đóng cách nơi chiến đấu rất xa. Đám ấy toàn tụ lại với nhau phía sau chiến tuyến ở sở chỉ huy để viết sách, tờ rơi. Thi thoảng chúng có đi thăm chiến tuyến, nhưng có dính tí nguy hiểm nào chẳng thì không hề.”

“Mà làm thế nào anh lại biết chuyện này?”

“Ông biết tôi biết bằng cách nào mà. Chúng ta đã trông đợi một cuộc chiến trên bộ với họ ở châu Âu. Chúng ta hy vọng mình sẽ thắng. Chúng ta cho rằng sẽ bắt nhiều triệu người bên đó làm tù binh. Quân cảnh được đào tạo để xử lý tất cả số đó. Đơn vị 110 sẽ thực hiện chỉ huy hành động. Áo tưởng, có lẽ thế thật, nhưng Lầu Năm Góc coi trọng điều này. Chúng ta được dạy về Hồng quân nhiều hơn về quân đội Mỹ. Chắc chắn chúng ta đã được chỉ chính xác nơi cần tìm ra các chính trị viên. Chúng ta được lệnh trừ khử toàn bộ số đó ngay lập tức.”

“Loại nhà báo nào?”

“Có lẽ là truyền hình. Nhóm người địa phương mà cô ta thuê có quan hệ với ngành truyền hình. Mà ông đã bao giờ xem truyền hình của Đông Âu chưa? Tất cả người dẫn chương trình đều là phụ nữ, tất cả đều trông rất bốc lửa.”

“Nước nào?”

“Ukraine.”

“Mảng nào?”

“Điều tra, lịch sử, đan xen chút tình cảm con người. Có lẽ cô ta đã nghe câu chuyện của bà già và quyết định làm chương trình về câu chuyện đó.”

“Như kênh Lịch sử bằng tiếng Nga à?”

“Bằng tiếng Ukraine,” tôi đáp.

“Tại sao? Thông điệp là gì? Giờ họ muốn làm mất mặt chúng ta à? Sau hơn hai mươi lăm năm à?”

“Không, tôi nghĩ là họ muốn làm mất mặt người Nga. Hiện có nhiều vấn đề căng thẳng giữa Nga và Ukraine. Tôi nghĩ họ coi sự xấu xa của Mỹ là điều tất yếu, và nói rằng lẽ ra anh bạn lớn Nga tệ bạc không nên đưa thằng em Ukraine tội nghiệp không đủ khả năng tự bảo vệ vào con đường khốn khổ.”

“Vậy tại sao chúng ta vẫn chưa được xem câu chuyện đó?”

“Bởi họ thực hiện sau khi các giai đoạn lịch sử kia đã kết thúc từ lâu rồi,” tôi nói. “Họ đang tìm sự khẳng định. Dường như ở bên đó họ vẫn còn chút gì đạo đức nghề báo đấy.”

“Họ sẽ có sự khẳng định chứ?”

“Chắc không phải từ ông. Và không ai khác biết điều gì một cách chắc chắn. Susan Mark sống không đủ lâu để nói có hoặc không. Thế nên nấp lại đây vào. Tôi đã khuyên họ quên hết mọi chuyện đi và trở về nhà.”

“Tại sao họ đóng vai mẹ và con gái?”

“Vì đó là một trò bịp tài tình,” tôi nói. “Có sức hút lớn. Giống như truyền hình thực tế. Hoặc các loại tạp chí họ bán trong siêu thị. Rõ ràng họ đã nghiên cứu kỹ nền văn hóa của ta.”

“Tại sao lại đợi lâu đến vậy?”

“Cần nhiều thời gian để xây dựng ngành truyền hình trưởng thành. Có lẽ họ đã lãng phí nhiều năm cho những vấn đề quan trọng.”

Sansom khẽ gật đầu, rồi nói, “Nói không ai biết gì một cách chắc chắn thì không đúng. Anh có vẻ biết rất nhiều.”

“Nhưng tôi sẽ không nói gì cả.”

“Tôi có thể tin anh chuyện đó không?”

“Tôi đã phục vụ quân đội mười ba năm. Tôi biết tất cả mọi chuyện. Tôi không nói về chúng.”

“Tôi không vui về chuyện họ lại tiếp cận được Susan Mark dễ đến thế. Tôi cũng không vui vì chúng ta đã không biết về cô ấy ngay từ đầu. Trước buổi sáng xảy ra sự kiện, chúng tôi thậm chí còn chưa bao giờ nghe nói về cô ấy. Toàn bộ chuyện này cứ như một vụ phục kích. Chúng tôi luôn đằng sau khúc quanh.”

Tôi đang nhìn các bức ảnh trên tường phía sau Sansom. Nhìn các hình người nhỏ xíu. Hình dáng, điệu bộ, bóng hình của họ. Tôi nói, “Thật sao?”

“Lẽ ra chúng tôi phải được thông báo rồi.”



Tôi bảo, “Hãy có ý kiến với Lầu Năm Góc ấy. Và với đám người từ Watergate nữa.”

Sansom bảo, “Tôi sẽ nói.” Rồi ông ta im lặng, như thể ông ta đang nghĩ lại, đánh giá lại, một cách bình tĩnh hơn và chậm rãi hơn so với kiểu nhanh chóng thường thấy như sĩ quan chiến trường. *Nấp lại đây vào.* Dường như ông ta nghiên cứu tuyên bố ấy một lúc, từ mọi góc độ khác nhau. Rồi ông ta nhún vai, mặt hiện vẻ hơi ngượng ngùng, và hỏi, “Vậy bây giờ anh nghĩ về tôi thế nào?”

“Điều đó có quan trọng không?”

“Tôi là chính trị gia. Tìm hiểu theo phản xạ thôi.”

“Tôi nghĩ hồi ấy ông nên bắn vào đầu họ.”

Sansom im một chút rồi nói, “Chúng tôi không có súng giảm thanh.”

“Có chứ. Khi ấy các ông vừa tước được một khẩu từ họ.”

“Nguyên tắc can dự.”

“Lẽ ra ông nên lờ chúng đi. Hồng quân không hành quân mang theo phòng thí nghiệm pháp y đâu. Họ sẽ không biết ai bắn ai.”

“Vậy anh nghĩ thế nào về tôi?”

“Tôi nghĩ hồi ấy ông không nên trao họ đi. Làm vậy không đúng. Quả thực, đấy sẽ là tâm điểm của câu chuyện, trên truyền hình Ukraine. Ý tưởng là đưa bà già đến bên ông và để cho bà ta hỏi ông vì sao ông làm thế.”

Sansom lại nhún vai. “Tôi ước là bà ta có thể làm thế. Bởi sự thật là chúng tôi đã không trao họ cho bên khác. Thay vào đó chúng tôi thả họ đi. Đó là mạo hiểm có tính toán. Một kiểu đánh lừa bằng chính sự thật. Họ đã mất khẩu súng. Mọi người sẽ đều nhận định rằng đám du kích Hồi giáo đã lấy nó. Đó là hậu quả đáng tiếc và rất nhục nhã. Khi ấy tôi thấy rõ ràng là

hai người đó rất sợ các sĩ quan chỉ huy và chính trị viên của mình. Thế nên họ sẽ hạ mình để nói sự thật rằng thủ phạm là người Mỹ, không phải người Afghanistan. Đó sẽ là một kiểu chứng minh mình vô tội. Nhưng đám sĩ quan chỉ huy và chính trị viên của họ vốn biết rằng hai người sợ họ đến mức nào, nên sự thật ấy sẽ nghe có vẻ như một câu chuyện nhằm nhí. Như một lời bào chữa thảm hại. Nó sẽ bị loại trừ ngay lập tức, như một câu chuyện hoang đường. Thế nên tôi cảm thấy đủ an toàn khi thả họ ra. Sự thật sẽ được kể ra sò sò như thế, nhưng sẽ không được nhìn nhận.”

Tôi nói, “Vậy đã xảy ra chuyện gì?”

Sansom nói, “Tôi nghĩ họ đã sợ hơn cả tôi tưởng. Quá sợ nên chẳng hề dám quay lại. Tôi nghĩ là họ chỉ lang thang, cho tới khi bị đám dân bộ tộc bắt được. Grigori Hoth là chồng một chính trị viên. Ông ta sợ bà ta. Đó là điều đã xảy ra. Và đó là điều đã giết chết ông ta.”

Tôi không nói gì.

Sansom nói, “Tôi không trông đợi bất kỳ ai tin tôi điều ấy.”

Tôi không đáp.

Ông ta nói, “Anh nói đúng về sự căng thẳng giữa Nga và Ukraine. Nhưng cũng có sự căng thẳng giữa Nga và chính chúng ta. Hiện giờ có rất nhiều chuyện căng thẳng. Nếu phần về đời Korengal của câu chuyện lộ ra, mọi thứ có thể bùng nổ lớn. Như Chiến tranh Lạnh nổ ra lần nữa. Trừ một điều là khác đi. Ít nhất thì Liên Xô cũng còn tinh táo, theo cách của riêng họ. Còn đám này à, không tinh táo lắm đâu.”

Sau câu này chúng tôi ngồi im lặng một lúc mà cảm giác như một khoảng thời gian dài, rồi thì điện thoại bàn của Sansom đổ chuông. Nhân viên tiếp tân gọi. Tôi nghe thấy giọng cô ta qua tai nghe và qua cả cửa nữa. Cô ta điểm một danh sách những việc cần được chú ý ngay. Sansom gác

máy và nói, “Tôi phải đi đây. Tôi sẽ gọi một nhân viên phục vụ Quốc hội tiễn anh ra.” Ông ta đứng dậy, vòng qua bàn đi ra khỏi phòng. Hệt như một người vô tội chẳng có gì để che giấu. Ông ta bỏ tôi lại một mình, vẫn ngồi trên ghế, cửa vẫn mở. Springfield cũng đã đi khỏi. Tôi có thể thấy là chẳng có ai ở văn phòng bên ngoài trừ người phụ nữ ở bàn tiếp tân. Cô ta mỉm cười với tôi. Tôi mỉm cười đáp lại. Chẳng có nhân viên phục vụ Quốc hội nào xuất hiện.

*Chúng tôi luôn nằm đằng sau khúc quanh*, Sansom đã nói thế. Tôi đợi cả một phút rồi bắt đầu vắn vẹo ngó quanh như thể đang sốt ruột. Rồi sau một khoảng thời gian hợp lý tôi rời ghế ngồi. Tôi bước quanh, hai tay đan vào nhau sau lưng, hệt như một người đàn ông vô tội chẳng có gì để che giấu, chỉ đang chờ đợi trong lãnh địa không phải của anh ta. Tôi hướng về bức tường sau chiếc bàn, như thể đó là một đích đến hoàn toàn ngẫu nhiên. Tôi xem kỹ các bức ảnh. Tôi đếm những gương mặt mình biết. Con số tổng cộng ban đầu là hai mươi tư. Bốn tổng thống, chín chính trị gia khác, năm vận động viên điền kinh, hai nam diễn viên, Donald Rumsfeld, Saddam Hussein, Elspeth, và Springfield.

Cộng thêm một người khác.

Tôi biết hai mươi lăm gương mặt.

Trong tất cả những ảnh mừng chiến thắng vào đêm bầu cử, ngay cạnh chính Sansom, là một tay cũng nở nụ cười toe toét, như thể ông ta đang hài lòng trong ánh hào quang của công việc đã được hoàn thành tốt, như thể ông ta đang tuyên bố phần đóng góp của mình mà chẳng hề khiêm tốn tí nào. Một chiến lược gia. Một nhà chiến thuật. Một tay dàn xếp chính trị đứng ở hậu trường.

Có lẽ là tay chỉ huy bộ tham mưu của Sansom.

Người này trạc tuổi tôi. Trong tất cả các ảnh, ông ta đều bị phủ hoa giấy hay mắc đầy những băng giấy màu hay ngập trong bong bóng tóit tận

gồi, ông ta cười nhe răng như tên thộn, song hai mắt lại lạnh lẽo. Trong đôi mắt ấy chứa sự hiểu biết, khôn ngoan đầy tính toán.

Chúng khiến tôi nhớ tới đôi mắt của một cầu thủ.

Giờ tôi biết vì sao họ dàn dựng trò câu giờ đi qua cảng tin. Giờ tôi biết rằng trước tôi kẻ nào đã ngồi ở chiếc ghế dành cho khách của Sansom.

*Chúng tôi luôn nằm đằng sau khúc quanh.*

*Kẻ dối trá.*

Tôi biết tay chỉ huy bộ tham mưu của Sansom.

Trước đây tôi từng trông thấy hắn.

Tôi đã thấy hắn mặc quần cô tông chéo, áo sơ mi đánh gôn, đi chuyên tàu khuya tuyến 6 ở thành phố New York.

TÔI KIỂM TRA TẤT CẢ CÁC BỨC ẢNH LƯU NIỆM, rất cẩn thận. Trong tất cả các bức ảnh này đều có gã từng đi tàu điện ngầm. Các góc khác nhau, năm khác nhau, chiến thắng khác nhau, nhưng dứt khoát vẫn là tay đó, gần như ngay bên tay phải Sansom. Rồi một nhân viên phục vụ Quốc hội vội vã đi vào phòng và hai phút sau tôi đã trở lại via hè đại lộ Độc lập. Mười bốn phút tiếp nữa tôi trong nhà ga xe lửa, chờ bắt chuyến tàu tiếp theo trở lại New York. Năm mươi tám phút sau đó tôi đã trên tàu, ngồi thoải mái, vừa rời thành phố vừa ngắm những sân ga âm ỉ qua cửa sổ. Xa bên trái tôi, một nhóm đàn ông đội mũ cứng màu đỏ áo khoác màu cam rất bắt mắt đang xử lý một đoạn đường sắt. Trong sương dày, áo của họ ánh lên. Hẳn là chất liệu làm áo phải có những hạt thủy tinh phản quang rất nhỏ pha với nhựa. Đảm bảo an toàn, nhờ hóa học. Các bộ áo còn hơn cả bắt mắt. Chúng thu hút sự chú ý. Chúng thu hút ánh mắt. Tôi xem cánh thợ làm việc cho tới khi họ chỉ còn là những chấm nhỏ màu cam phía xa, và tận tới lúc họ hoàn toàn khuất tầm mắt, khi này tàu chạy thêm hơn một dặm nữa. Đến thời điểm ấy, tôi đã có mọi thứ mình định tìm kiếm. Tôi đã biết mọi điều tôi từng nghĩ sẽ biết. Nhưng tôi lại không biết rằng mình đã biết. Lúc ấy thì chưa.

Tàu chạy vào ga Penn và tôi dùng bữa tối muộn ở đúng chỗ đối diện nơi tôi đã ăn sáng. Rồi tôi đi bộ tới Đồn Cảnh sát Khu vực 14 trên phố 35 Tây. Ca đêm đã bắt đầu. Theresa Lee và đồng sự Docherty của cô đã có mặt ở đó. Phòng họp yên tĩnh, như thể toàn bộ không khí ở đó đã bị hút ra. Như

thể đã có tin xấu. Nhưng chẳng có ai chạy quanh. Vì vậy tin xấu đã xảy ra ở một nơi khác.

Nhân viên lễ tân ngồi ở lối vào khu bàn làm việc từng trông thấy tôi. Cô ta quay chiếc ghế xoay và liếc Lee, Lee làm vẻ mặt như thể nói chuyện với tôi lần nữa hay không thì cô cũng chẳng chết được. Thế nên cô tiếp tục quay lại tỏ rõ vẻ mặt mình, như thể lựa chọn ở hay đi hoàn toàn là lựa chọn của tôi. Tôi mở lối vào làm bản lề kêu rít lên, rồi lướt qua những chiếc bàn về phía cuối phòng. Docherty đang gọi điện, chủ yếu là nghe. Lee chỉ ngồi đó, chẳng làm gì. Lúc tôi tới, cô ngược lên nói, “Tôi không có hứng đâu.”

“Về chuyện gì?”

“Susan Mark,” cô nói.

“Có tin gì không?”

“Không gì hết.”

“Không có gì thêm về thằng bé à?”

“Ông đã đúng khi lo ngại về thằng bé đó.”

“Còn cô thì không?”

“Thậm chí một chút cũng không.”

“Hồ sơ vẫn đóng sao?”

“Còn chặt hơn ghim ấy chứ.”

“Được thôi,” tôi nói.

Lee ngừng một chút, thở dài nói, “Ông đã có được gì?”

“Tôi biết hành khách thứ năm là ai.”

“Chỉ có bốn hành khách thôi.”

“Và trái đất phẳng còn mặt trăng làm bằng pho mát.”

“Có phải kẻ bị coi là hành khách thứ năm này đã phạm một tội ở nơi nào đó giữa phố 30 và phố 45 không?”

“Không,” tôi đáp.

“Vậy thì hồ sơ vẫn sẽ đóng.”

Docherty bỏ điện thoại xuống và liếc đồng sự với vẻ mặt hùng hồn. Tôi biết cái nhìn đó có ý nghĩa gì. Tôi đã làm cảnh sát trên dưới mười ba năm và trước đây đã thấy cái nhìn đó nhiều lần. Nghĩa là một người khác đã tóm được một vụ lớn, rằng Docherty cơ bản thấy vui vì anh ta không liên quan, nhưng lại cũng hơi nuối tiếc, bởi cho dù việc tham gia vào tâm điểm hành động là vô cùng khó chịu dù chỉ xét về mặt giấy tờ báo cáo không thôi, song có lẽ vẫn tốt hơn rất nhiều so với việc châu rìa theo dõi.

Tôi hỏi, “Có chuyện gì thế?”

Lee nói, “Án mạng nhiều nạn nhân ở phố 17. Một vụ kinh khủng. Bốn gã dưới đường cao tốc FDR, bị đánh và giết chết.”

“Bằng búa,” Docherty pha thêm.

Tôi nói, “Búa à?”

“Dụng cụ làm mộc. Lấy từ cửa hàng Home Depot trên phố 23. Vừa mới mua. Chúng được phát hiện ở ngay hiện trường. Trên đó vẫn còn nhãn ghi giá, nhuộm đầy máu.”

Tôi hỏi, “Bốn tay kia là ai?”

“Chẳng ai biết,” Docherty nói. “Có lẽ đó là mục đích của việc dùng búa. Mặt họ nát hết, răng rơi cả ra, các đầu ngón tay hồng sạch.”

“Già hay trẻ, da đen hay da trắng?”

“Da trắng,” Docherty đáp. “Không già. Mặc com lê. Chẳng có gì thêm, ngoài việc trong túi có danh thiếp giả, với tên của một công ty chẳng đăng ký ở nơi nào tại bang New York, và một số điện thoại lúc nào cũng không có kết nối bởi nó thuộc về một công ty làm phim.”



ĐIỆN THOẠI BÀN CỦA DOCHERTY ĐỔ CHUÔNG, anh ta cầm lên bắt đầu nghe lần nữa. Một người bạn ở khu vực 17, có lẽ vậy, có thêm tình tiết để chia sẻ. Tôi nhìn Lee mà bảo, “Giờ thì cô sẽ phải mở lại hồ sơ.”

Cô hỏi, “Tại sao?”

“Vì những tay này là đội người địa phương mà Lila Hoth đã thuê.”

Lee nhìn tôi nói, “Anh là ai thế? Là nhà ngoại cảm à?”

“Tôi đã gặp họ hai lần.”

“Anh đã gặp một đội nào đó hai lần. Chẳng có gì nói rằng họ là một.”

“Họ đã đưa cho tôi một trong số danh thiệp giả kia.”

“Tất cả các đội như thế đều dùng danh thiệp giả.”

“Cùng với một kiểu số điện thoại sao?”

“Các công ty làm phim và truyền hình là những nơi duy nhất dùng các số đó.”

“Họ là cựu cảnh sát. Điều đó không có nghĩa gì với cô à?”

“Tôi quan tâm tới các cảnh sát, không quan tâm tới cựu cảnh sát.”

“Họ đã nhắc tới tên Lila Hoth.”

“Không, một đội nào đó nhắc tới tên cô ta. Không có nghĩa là những kẻ đã chết đó nhắc tên cô ta.”

“Cô nghĩ đây là sự trùng hợp hả?”

“Họ có thể là đội của bất kỳ ai.”

“Như là của ai khác?”

“Bất kỳ ai trong thế giới rộng lớn này. Đây là New York. New York đầy những tay đánh thuê. Họ đi thành từng nhóm. Tất cả họ trông giống nhau và làm những việc như nhau.”

“Họ cũng đã nhắc tên John Sansom.”

“Không, một đội nào đó nhắc tên ông ta.”

“Thực ra họ là những người đầu tiên cho tôi nghe thấy cái tên ấy.”

“Thế thì có thể họ là đội của ông ta, chứ không phải của Lila. Liệu ông ta lo lắng đủ tới mức điều người của mình lên tận khu này không?”

“Ông ta đã điều tay cầm đầu bộ sậu lên tàu. Đó chính là hành khách thứ năm.”

“Thế thì xin mời anh.”

“Cô sẽ không làm gì à?”

“Tôi sẽ thông báo cho khu vực 17, để làm thông tin cơ sở.”

“Cô sẽ không mở lại hồ sơ sao?”

“Không, chừng nào tôi chưa nghe về một vụ phạm tội nằm bên địa phận của tôi bên đại lộ Park.”

Tôi nói, “Tôi sẽ tới khách sạn Four Seasons.”

Đã muộn, tôi lại ở quá xa về khu Tây nên phải đi tận tới đại lộ 6 mới tìm được một chiếc taxi. Sau đó là một chuyến đi chóng vánh tới khách sạn. Sảnh yên tĩnh. Tôi bước vào như thể tôi có quyền vào đó, rồi đi thang máy lên tầng của Lila Hoth. Đi bộ theo hành lang yên tĩnh và dừng lại bên ngoài khu phòng của cô ta.

Cửa phòng cô ta hé ra chừng hai phân.

Ngàm khóa an toàn chốt bên trong đã chìa ra ngoài còn bộ phận đóng bằng lò xo đã bập vào rầm cửa. Tôi ngừng lại một giây nữa rồi gõ cửa.

Không thấy gì.

Tôi đẩy cửa và cảm nhận được bộ cửa đẩy trở lại. Tôi dùng các ngón tay xò ra giữ cho nó mở một góc bốn mươi lăm độ và lắng nghe.

Bên trong chẳng có tiếng động nào.

Tôi mở toang cửa bước vào. Phía trước tôi là phòng khách sáng lờ mờ. Đèn tắt nhưng rèm được kéo ra và có đủ ánh sáng từ phố bên ngoài hắt vào cho tôi thấy phòng trống không. Trống không, nghĩa là không có người. Trống không cũng có nghĩa là kiểu trả phòng và bỏ đó. Không có các túi đựng đồ mua sắm trong góc, không vật dụng cá nhân bị kéo đi một cách cẩn thận hoặc bất cẩn, không áo khoác nào vắt trên ghế, không giày bỏ trên sàn. Không có dấu hiệu nào của sự sống.

Các phòng ngủ cũng thế. Giường đã được chuẩn bị, song trên đó có những vết nhăn và hằn cỡ chiếc cặp. Các tủ quần áo rỗng không. Trong phòng tắm rải rác những khăn tắm đã dùng. Nơi đứng tắm còn khô. Tôi thoáng ngửi thấy mùi nước hoa của Lila Hoth còn vương trong không khí, nhưng tất cả chỉ có thế.

Tôi dạo hết cả ba phòng thêm một lần nữa rồi lui ra hành lang. Cánh cửa khép lại phía sau lưng. Tôi nghe tiếng lò xo của bản lề thực hiện công việc của nó rồi ngàm khóa tì vào rầm cửa, sắt cọ vào gỗ.

Tôi bước trở lại thang máy, bấm nút xuống, cửa thang mở ra ngay lập tức. Thang máy đã đợi tôi. Đó là cơ chế ban đêm. Không cần dịch chuyển thang máy một cách không cần thiết. Không phát ra tiếng động không cần thiết. Tôi trở lại sảnh và bước tới bàn tiếp tân. Có cả một tổ trực đêm. Không nhiều người bằng ban ngày, nhưng quá nhiều để thực hiện thành công trò thỏa thuận bằng năm mươi đô la. Four Seasons không phải khách sạn kiểu đó. Một người đàn ông rời mắt khỏi màn hình máy tính nhìn tôi đoạn hỏi xem có thể giúp gì cho tôi. Tôi hỏi chính xác thời gian mẹ con bà Hoth trả phòng.

“Ai kia, thưa ngài?” anh ta hỏi lại. Anh ta nói với giọng khẽ khàng, chừng mực, hợp với buổi đêm, như thể anh ta ngại sẽ làm thức giấc các vị khách xếp thành tầng phía trên đầu mình.

“Lila Hoth và Svetlana Hoth,” tôi đáp.

Vẻ mặt người đàn ông cứ như thể anh ta không hiểu tôi đang nói gì, rồi lại tập trung vào màn hình máy tính và gõ vài phím. Anh ta rê lên rê xuống và bấm thêm vài phím rồi nói, “Xin lỗi ngài, nhưng tôi không thể tìm thấy dữ liệu của bất kỳ khách nào có cái tên đó.”

Tôi đọc cho anh ta số khu phòng. Anh ta lại bấm thêm vài phím, rồi miệng anh này trề ra vẻ ngạc nhiên, anh ta nói, “Trong cả tuần nay khu đó chưa từng được sử dụng. Nó rất đắt, khó thuê lắm.”

Tôi kiểm tra lại số khu phòng trong đầu một lần nữa, rồi nói, “Đêm qua tôi đã có mặt ở đó. Khi ấy đang có người sử dụng. Và hôm nay tôi đã gặp những người ở khu ấy, trong phòng dùng trà. Có chữ ký trên hóa đơn đấy.”

Anh chàng thử lần nữa. Anh ta tìm kiếm các hóa đơn của phòng trà được trừ vào tài khoản của khách. Anh ta xoay một nửa màn hình để tôi cũng có thể nhìn, một cử chỉ mang tính chia sẻ mà các nhân viên dùng khi cần thuyết phục ta về điều gì đó. Chúng tôi đã uống hai tách trà và một cà phê. Không có thông tin lưu lại về bất kỳ lần tính tiền nào như thế.

Rồi tôi nghe thấy vài tiếng động nhỏ phía sau lưng. Tiếng kéo chân trên thảm, tiếng không khí hít vào, tiếng quần áo di chuyển trong không khí. Và tiếng lách cách của kim loại. Tôi xoay người lại và thấy mình đang đối diện với bảy người đàn ông tạo thành hình bán nguyệt hoàn hảo. Bốn trong số đó là cảnh sát tuần tra NYPD mặc sắc phục. Ba trong số họ là các nhân viên điều tra liên bang tôi từng gặp trước đó.

Đám cảnh sát mang súng dài.

Đám nhân viên điều tra liên bang có thứ gì đó khác.

BẦY GÃ ĐÀN ÔNG. BẦY MÓN VŨ KHÍ. Những khẩu súng dài của bốn tay cảnh sát là loại Franchi SPAS 12. Của Ý. Chắc chắn không phải chuẩn súng do NYPD trang bị. SPAS 12 là loại súng có vẻ ngoài đáng sợ, như thuộc về tương lai, một khẩu bán tự động, nòng trơn đạn cỡ 12 có tay nắm giống kiểu súng lục và báng gập. Về ưu điểm, có nhiều. Nhược điểm, có hai. Trước hết là chi phí, nhưng rõ ràng một số bộ phận chuyên gia trong lực lượng cảnh sát đã vui vẻ thông qua việc mua loại súng này. Cơ chế hoạt động kiểu bán tự động là nhược điểm thứ hai. Về lý thuyết, cơ chế này bị coi là không đáng tin cậy khi dùng cho súng dài hỏa lực mạnh. Người phải bắn hoặc người phải chết đều lo về chuyện đó. Có thể xảy ra trục trặc cơ khí. Nhưng tôi sẽ không đặt cược cho việc bốn trục trặc cơ khí xảy ra đồng thời, cũng cùng một lý do khiến tôi không mua vé số. Lạc quan là tốt. Tin tưởng một cách mù quáng thì không.

Hai nhân viên điều tra liên bang nắm khẩu Glock 17 trong tay. Súng ngắn tự động cỡ chín milimét của Áo, vuông vức như cái hộp, đáng tin cậy, đã được minh chứng hẳn hoi qua hơn hai mươi năm phục vụ hữu dụng. Cá nhân tôi thì hơi thích loại Beretta M9 hơn, cũng có xuất xứ Ý như Franchi, nhưng cả triệu lần như một, khẩu Glock cũng sẽ hoàn thành công việc của nó tốt như một khẩu Beretta.

Khi ấy công việc của nó là buộc tôi đứng yên, sẵn sàng làm trung tâm chú ý.

Tay chỉ huy nhóm nhân viên điều tra liên bang đứng chính giữa hình bán nguyệt. Ba tay đứng bên trái, ba tay ở bên phải. Ông ta đang cầm một

thứ vũ khí mà tôi chỉ từng thấy trên truyền hình. Tôi nhớ nó rất rõ. Một kênh truyền hình cáp, trong một phòng motel ở Florence, Texas. Không phải kênh Quân sự. Mà là kênh National Geographic. Một chương trình về châu Phi. Không có những cuộc nội chiến, hỗn loạn cùng bệnh tật và nạn đói. Mà là một phim tài liệu về đời sống hoang dã. Đười ươi chứ không phải du kích <sup>[40]</sup>. Một nhóm nhà nghiên cứu động vật đang tìm kiếm một con đực trưởng thành lưng trắng. Họ muốn gắn thiết bị theo dõi bằng sóng điện từ vào tai nó. Con vật kia nặng hai trăm hai lăm ký. Một phân tử tấn. Họ hạ gục nó bằng một khẩu súng bắn tên nạp thuốc an thần dành cho động vật linh trưởng.

Đó là thứ mà tay cầm đầu nhóm nhân viên điều tra liên bang chĩa vào tôi.

Một khẩu súng bắn tên.

Người của kênh National Geographic đã nỗ lực đảm bảo với khán giả rằng quy trình trên là rất nhân đạo. Họ đã trình bày các biểu đồ chi tiết và mô phỏng của máy tính. Mũi tên là một hình nón nhỏ xíu có đuôi gắn lông, cùng một lưỡi dao phẫu thuật bằng thép. Phần đầu của lưỡi dao này là sứ vô trùng hình tổ ong chứa thuốc gây mê. Mũi tên bắn ra với tốc độ cao và thiết bị phẫu thuật sẽ cắm ngập khoảng một phân vào con đười ươi. Và dừng lại. Phần đầu muốn tiếp tục đi vào. Do quán tính. Định luật Newton về chuyển động. Lực va chạm và quán tính làm vỡ phần ma trận bằng gốm, chất gây mê trong hình tổ ong sẽ văng về phía trước chứ không phải nhỏ giọt, không hắt phun. Giống như một lớp mỡ sương dày đặc dưới da, làm các mô ướt sũng như kiểu tờ giấy ăn hút một tách cà phê bị đổ. Khẩu súng là loại bắn phát một. Nó phải nạp chỉ một mũi tên, và một bình khí nén rất nhỏ để tạo lực. Theo như tôi nhớ là khí nitơ. Việc nạp lại rất mất thời gian. Tốt hơn là nên bắn trúng ngay phát đầu tiên.

Trong bộ phim tài liệu, các nhà nghiên cứu đã bắn trúng ngay phát đầu. Con đười ươi choáng sau tám giây, và hôn mê sau hai mươi giây. Rồi

sau mười giờ đồng hồ, nó tỉnh dậy với trạng thái sức khỏe hoàn hảo.

Nhưng nó lại nặng gấp đôi tôi.

Phía sau tôi là quầy tiếp tân của khách sạn. Tôi có thể cảm nhận được nó ở sau lưng. Quầy có rìa rộng khoảng ba lăm phân nằm cách mặt sàn chừng hơn một mét. Cao ngang tầm quầy bar. Tiện cho một vị khách bày giấy tờ của mình ra. Tiện để ký mọi thứ. Sau rìa, mặt phẳng sụt xuống thành ngang tầm bàn làm việc thông thường cho nhân viên. Sụt xuống chừng non tám chục phân. Hoặc hơn nữa. Tôi không chắc. Nhưng tất cả trở ngại là một rào cản cao và rộng không thể vượt qua ở tư thế đứng. Nhất là khi đang quay mặt ở hướng không thích hợp. Và dù sao thì cũng vô ích. Nhảy qua quầy cũng chẳng đưa tôi vào một phòng khác. Tôi sẽ vẫn ở đó, ngay sau quầy thay vì đứng phía trước. Chẳng kết quả gì, mà thậm chí còn tổn hại lớn nếu tôi vụng về rơi đúng một chiếc ghế lặn hay vướng phải dây điện thoại.

Tôi quay đầu liếc phía sau mình. Chẳng có ai ở đó. Đám nhân viên lễ tân đã chuồn ra, cả trái lẫn phải. Họ đã được huấn luyện, có lẽ thậm chí đã tập dượt. Bảy kẻ phía trước tôi có mặt thoáng để khai hỏa.

Không đường tiến, chẳng có đường lui.

Tôi đứng yên.

Tay cầm đầu nhóm nhân viên điều tra liên bang đang ngắm dọc theo nòng khẩu súng phóng tên và chĩa thẳng vào đùi trái tôi. Đùi trái tôi tạo thành một mục tiêu tương đối lớn. Không có mỡ dưới da. Chỉ có thịt cứng, đầy mao mạch và những thứ giúp lưu thông máu nhanh chóng, hiệu quả. Hoàn toàn không được bảo vệ trừ chiếc quần mới màu xanh nước biển may bằng chất vải cô tông mỏng mặc cho mùa hè.

*Đừng đến mà ăn mặc như thế, nếu không ông chẳng vào được đâu.* Tôi gồng lên, như thể sức căng cơ sẽ khiến thứ khôn kiếp kia nảy ra. Rồi tôi lại thả lỏng. Sức căng cơ còn chẳng giúp gì cho con đười ươi, nên sẽ chẳng



giúp gì cho tôi. Xa thật xa sau bảy gã này, tôi có thể trông thấy một nhóm nhân viên cấp cứu trong góc tối. Đồng phục của cơ quan cứu hỏa. Ba đàn ông, một phụ nữ. Họ đang đứng chờ đợi. Họ đã chuẩn bị sẵn sàng một chiếc cang có bánh xe.

Khi tất cả những cách thức khác đã thất bại, hãy bắt đầu nói chuyện.

Tôi lên tiếng, “Nếu các ông có thêm câu hỏi, tôi rất sẵn lòng ngồi xuống để nói chuyện. Chúng ta có thể uống thêm cà phê, tiến hành mọi việc một cách văn minh. Cà phê không chất cafêin, nếu các ông thích. Vì giờ đã muộn rồi. Họ sẽ pha đồ mới, tôi chắc chắn thế. Gì thì đây cũng là khách sạn Four Seasons.”

Tay cầm đầu nhóm nhân viên điều tra liên bang không trả lời. Thay vào đó hắn bắn tôi. Bằng khẩu súng phóng tên, từ cự ly khoảng hai mét rưỡi, thẳng vào phần thịt ở đùi tôi. Tôi nghe thấy tiếng nổ của khí nén và cảm thấy đau ở chân. Không phải một cú chích. Một cú thọc bằng loại ống tiêm to, cùn, như một vết thương bởi dao gây ra. Rồi chốc lát chẳng thấy gì, như thể không tin. Rồi đến phản ứng mạnh, giận dữ. Tôi nghĩ nếu là đười ươi thì tôi muốn bảo đảm nghiên cứu chết tiệt kia ở nhà và để cho đôi tai tôi được yên.

Tay cầm đầu hạ khẩu súng xuống.

Trong một giây, chẳng có chuyện gì xảy ra. Rồi tôi thấy nhịp tim mình tăng dần rồi huyết áp tăng vọt rồi lại hạ rất nhanh. Tôi nghe thấy tiếng rần rật ở hai thái dương, như thức ăn Trung Quốc cách đây hai chục năm <sup>[41]</sup>. Tôi nhìn xuống. Phần đuôi có lông của mũi tên bám chặt vào quần tôi. Tôi lôi nó ra. Lưỡi dao lăm tằm máu. Nhưng phần đầu đã biến mất. Chất liệu gốm đã vỡ thành bột và phần chất lỏng nó chứa đã nằm trong cơ thể tôi, đang phát huy tác dụng. Một giọt máu lớn chảy ra từ vết thương, thấm vào vải cô tông của chiếc quần tôi mặc, chạy theo thớ vải như tấm bản đồ mô tả một đại dịch đang lan khắp các con đường trong thành phố. Tim

tôi đang đập mạnh. Tôi có thể cảm nhận máu đang rần rần chảy khắp nơi trong cơ thể. Tôi muốn dừng nó lại. Không cách nào làm được việc ấy. Tôi tựa người vào quầy. Chỉ tạm thời thế, tôi nghĩ vậy. Cho bớt phần nào. Dường như bảy gã đàn ông phía trước tôi đột ngột tránh sang bên. Như một chiến thuật phòng thủ khi chơi bóng chày. Tôi không chắc là họ đã di chuyển hay là tôi di chuyển đầu mình. Hoặc có lẽ căn phòng đã chuyển động. Chắc chắn tất cả mọi thứ đều xoay vòng rất nhanh. Một kiểu cảm giác xoay tít. Rìa của quầy lễ tân va vào phía dưới xương vai tôi. Hoặc nó đang nâng lên hoặc tôi đang trượt xuống. Tôi đặt hai bàn tay về sau, ép xuống mặt quầy. Tôi cố gắng giữ nó đứng yên. Có thể là giữ tôi lại. Chẳng ăn nhằm gì. Rìa quầy va vào gáy tôi. Đồng hồ trong đầu tôi hoạt động không chuẩn. Tôi cố đếm từng giây. Tôi muốn đếm tới chín. Tôi muốn trụ lâu hơn con đười ươi lưng trắng. Chút kiêu hãnh cuối cùng còn lại. Tôi không chắc mình có thành công hay không.

Mông tôi chạm xuống sàn. Mắt tôi không còn nhìn thấy gì. Thị lực tôi không mờ hay tối đen đi. Thay vào đó nó lại sáng lên. Đây những hình thù màu bạc xoay tít, chớp lóa theo chiều ngang từ phải qua trái. Như trò đu quay ở hội chợ chạy nhanh quá ngàn lần mức bình thường. Rồi tôi bắt đầu những giấc mơ điên rồ, gấp gáp, nghẹt thở, sống động. Đây hoạt động và màu sắc. Sau đó tôi nhận thấy rằng sự khởi đầu của những giấc mơ đánh dấu thời điểm tôi chính thức ngất đi, nằm gục trên sàn sảnh khách sạn Four Seasons.

TÔI KHÔNG BIẾT CHÍNH XÁC mình tỉnh dậy lúc nào. Đồng hồ trong đầu tôi vẫn đang chạy không chuẩn. Nhưng dần dà tôi đã tỉnh. Tôi đang nằm trong một cái cũi. Hai cổ tay và hai mắt cá bị buộc vào song bằng còng nhựa. Quần áo trên người tôi vẫn còn nguyên. Trừ đôi giày. Chúng đã biến mất. Trong tình trạng lơ mơ, đầu tôi nghe tiếng nói của người anh trai đã mất. Một câu hỏi còn nhỏ ông thích nói: *Trước khi cậu phê phán ai, hãy đi bộ một dặm bằng đôi giày của họ. Rồi khi cậu bắt đầu phê phán người ấy, cậu đã cách xa một dặm và anh ta sẽ phải đuổi theo cậu khi đang đi tắt*<sup>[42]</sup>. Tôi nhúc nhích các ngón chân. Rồi tôi cựa hông. Tôi có thể cảm thấy rằng các túi quần đã rỗng không. Họ đã lấy các thứ đồ của tôi. Có lẽ họ đã liệt kê toàn bộ số đó trong một mẫu biểu và gói chúng lại.

Tôi ngoẹo đầu qua vai và cọ cằm vào áo sơ mi. Râu mọc ít, dài hơn tôi nhớ một chút. Có lẽ bằng mức mọc ra trong vòng tám tiếng. Con đười ươi trên kênh National Geographic đã ngủ mười tiếng. Reacher thắng một bàn, trừ việc có lẽ họ đã dùng liều nhẹ hơn cho tôi. Ít nhất tôi hy vọng rằng họ đã làm thế. Con vật họ linh trưởng kia đã đổ sụp xuống như một thân cây kia mà.

Tôi lại nhắc đầu lên nhìn quanh. Tôi đang ở trong một xà lim, xà lim nằm trong một căn phòng. Không cửa sổ. Đèn điện sáng. Công trình mới xây trong công trình cũ. Một hàng ba chiếc cũi đơn giản làm bằng thép mới sáng bóng được chắp hàn giáp mối, nằm thành một hàng thẳng trong căn phòng to cũ xây bằng gạch. Mỗi cũi có diện tích chừng ba mét vuông và

cao hai mét rưỡi. Nóc cũng chấn song sắt giống như bốn thành xung quanh. Sàn làm bằng thép tấm.

Rìa các tấm thép đều được uốn gấp mép, tạo thành một cái khay nông sâu chừng hai phân rưỡi. Tôi đoán là để chứa các chất lỏng tràn ra. Có đủ thứ các loại chất lỏng có thể chảy ra trong các xà lim. Chiếc khay được chằm hàn giáp mỗi phía trong một thanh sắt chạy quanh các song sắt thẳng đứng. Không có đinh vít nào đóng qua sàn. Các xà lim không được vít cố định xuống sàn. Chúng chỉ nằm đó, ba cấu trúc độc lập đặt trong một căn phòng cũ lớn.

Bản thân căn phòng cũ lớn có trần cao giống hình cái thùng. Tất cả gạch đều phủ lớp sơn trắng còn mới, song trông cũ và mềm. Có những người có thể nhìn kích thước gạch và kiểu người ta xếp gạch mà nói được chính xác một tòa nhà nằm ở đâu, xây dựng khi nào. Tôi không phải một trong số đó. Nhưng dù thế, với tôi, nơi này có nét của vùng East Coast. Thế kỷ mười chín, xây bằng tay. Lao động nhập cư, làm nhanh và làm lậu. Có lẽ tôi vẫn đang ở New York. Và chắc chắn tôi đang ở dưới lòng đất. Nơi này có vẻ như một tầng hầm.

Không ẩm, không mát, nhưng về nhiệt độ và độ ẩm thì lại ổn định do bị chôn dưới lòng đất.

Tôi nằm trong chiếc cũi giữa ba chiếc. Tôi có chiếc cũi mình đang bị còng vào, và một toa lét. Tất cả chỉ có thế. Chẳng có gì khác. Toa lét được vây lại bằng một tấm màn hình chữ U cao tầm mét tám. Bồn nước trong toa lét có phần trên lõm tạo thành chậu rửa. Tôi có thể trông thấy vòi nước. Chỉ một cái. Chỉ có nước lạnh. Hai chiếc cũi còn lại trông hệt như vậy. Cũi, toa lét, chẳng gì khác nữa. Chạy từ mỗi xà lim ra là những đường mới đào trên sàn phòng. Đường rãnh hẹp, có ba đường cả thảy, hoàn toàn song song với nhau, được đào lên, lấp lại và làm nhẵn bằng bê tông mới. Tôi đoán đó là đường nước thải nổi từ toa lét, và đường nước dẫn tới vòi.

Hai cũi còn lại không có người. Tôi chỉ có một mình.

Ở góc xa của phòng, nơi tường giao với trần có một camera theo dõi. Một mắt quan sát bằng kính nhỏ và sáng. Có lẽ các ống kính góc rộng, để đồng thời bao quát cả căn phòng. Để theo dõi được cả ba xà lim. Tôi nghĩ sẽ có các microphone nữa. Có thể nhiều hơn một chiếc, một số đặt gần xà lim. Nghe trộm bằng thiết bị điện tử là điều khó khăn. Độ rõ nét có ý nghĩa quan trọng. Tiếng vang trong phòng có thể làm hỏng mọi thứ.

Chân trái tôi hơi đau. Một vết thương do đâm và một vết bầm, đúng nơi mũi tên cắm vào. Máu trên quần tôi đã khô lại. Không bị chảy nhiều. Tôi thử độ chắc của những chiếc còng ở cổ tay và mắt cá. Không thể phá được. Tôi giật và đập chúng khoảng nửa phút. Không phải cố gắng để thoát ra. Chỉ để kiểm tra xem tôi có bị ngắt khi cố làm thế hay không, và nhằm thu hút sự chú ý của bất kỳ kẻ nào đó đang quan sát qua camera theo dõi và nghe qua các microphone.

Tôi không ngắt đi lần nữa. Đầu tôi đau một chút khi tỉnh táo ra, còn sự gắng sức không hề khiến chân tôi bớt chút rần rật. Nhưng ngoài tất cả những triệu chứng vật vã vĩnh viễn ấy ra thì tôi cảm thấy hoàn toàn ổn. Sự chú ý mà tôi đã lôi kéo bị trì hoãn hơn một phút rồi xuất hiện dưới hình dạng một gã đàn ông tôi chưa từng thấy, bước tới với một chiếc ống tiêm dưới da. Một dạng nhân viên y tế. Trong tay kia của anh ta là một cục bông ướt, sẵn sàng quẹt qua khuỷu tay tôi. Tay này dừng lại phía ngoài cũi nhìn tôi qua các chấn song.

Tôi hỏi, “Đó là liều gây chết người hả?”

Gã đáp, “Không.”

“Anh có thẩm quyền tiêm một liều gây chết người không?”

“Không.”

“Vậy thì nên lùi xa ra. Bởi dù anh có tiêm tôi bao nhiêu lần đi nữa, sau đó tôi sẽ luôn tỉnh lại. Và một trong những lần ấy tôi sẽ lồng lên và tùm

được anh. Hoặc tôi sẽ bắt anh xoi thứ đó, hoặc tôi sẽ cắm vào đít anh và tiêm nó từ phía trong đấy.”

“Đây là thuốc giảm đau,” gã đàn ông nói. “Một loại có tác dụng giảm bớt cơn đau. Cho chân ông.”

“Chân tôi ổn.”

“Ông chắc không?”

“Lui ra.”

Thế là gã làm theo. Gã đi ra qua một cánh cửa dày làm bằng gỗ sơn trắng hết như những bức tường. Cánh cửa trông cũ. Nó thoáng kiểu gothic. Tôi từng thấy những cánh cửa tương tự ở các tòa nhà công cộng xưa cũ, các trường học thành phố, và những đồn cảnh sát.

Tôi lại thả đầu xuống cũ. Chẳng có cái gói nào. Tôi chăm chăm nhìn lên trần qua các thanh sắt và chuẩn bị tỉnh trí lại. Nhưng chưa tới một phút sau, hai gã đàn ông mà tôi biết bước vào qua cánh cửa gỗ. Hai nhân viên điều tra liên bang. Hai gã tay sai, không phải tay cầm đầu. Một trong hai tay này mang theo khẩu Franchi 12. Trông có vẻ nó đã được nạp đạn, lên nòng và sẵn sàng. Tay còn lại cầm một dụng cụ gì đó trong tay, trên cánh tay quấn một đoạn dây xích mảnh. Tay cầm súng bước tới sát chân song cũ tôi, thò nòng súng vào rồi giở mũ súng vào họng tôi và giữ yên ở đó. Tay cầm dây xích mở khóa cửa vào. Không dùng chìa khóa, mà xoay vòng số sang trái và phải. Dạng khóa dùng tổ hợp số. Gã mở cửa, bước vào trong, dừng lại bên cạnh cũ của tôi. Dụng cụ trong tay gã giống như một chiếc kim, nhưng lại có lưỡi cắt thay vì hàm kẹp. Một dụng cụ dùng để cắt. Trông thấy tôi nhìn nó, tay này mỉm cười. Gã ngả người về trước, phía trên thắt lưng tôi. Nòng khẩu súng dài ấn mạnh hơn vào họng tôi. Biện pháp cảnh cáo khôn ngoan. Ngay cả khi hai tay còn đang bị khóa, tôi vẫn có thể gập người từ phần eo về phía trước và ra một cú húc đầu rất chuẩn. Có thể không phải cú mạnh nhất của tôi, nhưng với rất nhiều lực từ cổ tôi có thể khiến gã này

ngủ lâu hơn thời gian tôi đã ngất. Có lẽ còn lâu hơn con đười ươi lưng trắng nữa. Đầu tôi vốn đã đau rồi. Một cú va chạm lớn nữa cũng sẽ chẳng làm nó tệ thêm nhiều được.

Nhưng nòng khâu Franchi vẫn nằm chắc chắn đúng chỗ và tôi bị hạ xuống vị thế của kẻ chỉ biết quan sát. Gã cầm dây xích gỡ xích rồi trải ra, như thể để dùng thử. Một sợi sẽ cột hai cổ tay tôi vào eo, một sẽ buộc lấy hai mắt cá, sợi thứ ba sẽ nối hai sợi kia với nhau. Cách trói tù nhân theo đúng bài chuẩn. Mỗi lần tôi sẽ có thể di chuyển một bước chân và nhấc hai bàn tay ra tới hông, nhưng tất cả chỉ có thể. Gã này khóa tất cả các xích, căng và thử, rồi gã dùng thứ dụng cụ của mình cắt các còng nhựa. Gã lùi ra khỏi cái lồng, để cửa mở và đồng sự của hắn cắt khâu Franchi đi.

Tôi đoán là tôi phải trượt khỏi cái cũi và đứng dậy. Thế nên tôi đứng yên tại chỗ. Ta phải tìm hãm những thắng lợi của đối thủ. Ta phải nhả chúng ra, một cách chậm chạp và bần tiện. Ta phải làm cho các đối thủ thậm thấy biết ơn cho từng chút phục tùng. Bằng cách đó có lẽ mỗi ngày ta sống sót mà chỉ mất đi mùi mát mát nhỏ, thay vì mất đi mùi mát mát lớn.

Nhưng hai tay nhân viên điều tra liên bang cũng đã được huấn luyện hệt như tôi. Điều đó thì rõ rồi. Họ không đứng đó để chịu đòn và thất vọng. Hai gã chỉ bước đi, rồi tay buộc dây xích lúc này gọi với từ cửa, “Cà phê và bánh ngọt chuyên qua lối này, bất cứ lúc nào ông muốn.” Câu nói này lại trút gánh nặng lên tôi, đúng với mục đích nó được nói ra. Chẳng hay ho gì khi đợi một giờ rồi thì lết lết đến mà ngấu nghiến các thứ như thể tôi tuyệt vọng lắm. Thế đồng nghĩa với việc tôi bị chính cơn đói cơn khát của mình làm nhục giữa nơi công cộng. Chẳng hay ho chút nào. Vậy nên tôi chỉ để một khoảng thời gian chờ mang tính tượng trưng rồi trượt ra khỏi cũi và lê bước ra khỏi lồng.

Cánh cửa gỗ dẫn tới một phòng có cùng kích thước và hình dạng như phòng chứa những chiếc cũi. Cùng kiểu xây, cùng màu sơn. Không có cửa sổ. Ở giữa phòng có một cái bàn gỗ lớn. Hai chiếc ghế bên kia bàn, có sẵn



ba tay nhân viên điều tra liên bang. Một chiếc ở phía tôi, để trống. Đợi tôi. Trên bàn, sắp thẳng hàng một cách gọn gàng là những thứ lấy từ các túi quần áo tôi. Cuộn tiền mặt, được dàn phẳng và chèn dưới đồng tiền xu sáng bóng. Cuốn hộ chiếu cũ của tôi. Thẻ ATM. Chiếc bàn chải đánh răng gấp. Thẻ Metrocard tôi đã mua để đi tàu điện ngầm. Danh thiếp NYPD của Theresa Lee mà cô đưa cho tôi lúc ở căn phòng lát gạch sàn trắng dưới Ga Trung tâm. Tám danh thiếp giả mà đội người địa phương của Lila Hoth đã trao cho tôi ở góc phố giữa đại lộ Tám và phố 35. Chiếc thẻ nhớ tôi mua ở cửa hiệu Radio Shack, cùng lớp bọc cao su màu hồng. Cộng thêm máy di động nắp gấp của Leonid. Chín món đồ khác nhau, từng món đều trần trụi và cô đọng dưới những bóng đèn sáng gắn trên trần.

Bên trái bàn là một cánh cửa khác. Cũng kiểu gothic, cùng kiểu đóng gỗ, cùng lớp sơn mới. Tôi nghĩ nó dẫn tiếp tới một phòng khác là phòng thứ ba trong một chuỗi ba phòng tạo hình chữ L. Hoặc là phòng đầu tiên trong số ba phòng, phụ thuộc vào quan điểm người nhìn. Phụ thuộc vào việc người nhìn là kẻ cầm tù hay bị cầm tù. Bên phải bàn là một tủ ngăn kéo thấp trông có vẻ là đồ dùng cho phòng ngủ. Trên đó là một chồng khăn ăn, một đồng cốc bằng xấp chồng lên nhau, một cái phích bằng thép và một đĩa giấy đựng hai chiếc bánh việt quất nướng. Chân mang tất, tôi chọt vật tiến tới đó rút cho mình một cốc cà phê từ cái phích. Làm việc này dễ hơn một chút so với đáng ra phải thế do tủ ngăn kéo thấp. Hai bàn tay bị xích không cản trở gì mấy. Tôi dùng hai tay giữ thấp chiếc cốc, bung tới bàn. Ngồi xuống chiếc ghế trống. Cúi đầu nhấp cà phê từ cốc. Việc làm này khiến tôi trông như đang đầu hàng, đúng như mục đích nó được sắp đặt. Hoặc là cúi mình, hoặc là chấp thuận. Cà phê cũng rất tệ, chỉ âm ỉm.

Gã cầm đầu khum tay lại để phía sau đồng tiền của tôi, như thể gã đang tính cầm nó lên. Rồi gã lắc đầu, cứ như tiền là chủ đề quá tầm thường với gã. Quá sức tầm thường. Gã đưa tay về phía trước và dùng lại phía sau cuốn hộ chiếu của tôi.

Gã hỏi, “Tại sao nó hết hạn rồi?”



Tôi nói, “Bởi không ai có thể khiến thời gian đứng yên.”

“Ý tôi là, tại sao ông không gia hạn?”

“Không có nhu cầu ngay. Kiểu như ông không mang theo bao cao su trong ví ấy.”

Tay này ngừng một lát rồi hỏi, “Lần cuối cùng ông rời Mỹ là khi nào?”

Tôi nói, “Lẽ ra tôi đã ngồi nói chuyện với các ông, các ông biết mà. Ông không cần phải bắn vào tôi một mũi tên như thể tôi là con vật gì đó trốn khỏi vườn thú.”

“Trước đó ông đã được cảnh báo nhiều lần. Và ông đã thiếu hợp tác rành rành ra đó.”

“Ông có thể đã đập tôi te tua.”

“Nhưng tôi đã không làm thế. Không gây hại thì không có lỗi.”

“Tôi vẫn chưa nhìn thấy giấy tờ của các ông. Tôi thậm chí chẳng biết tên các ông nữa.”

Tay này chẳng nói gì.

Tôi nói, “Không giấy tờ, không xưng tên, không đọc lời cảnh báo Miranda <sup>[43]</sup>, không cáo buộc, không luật sư. Thế giới mới can trường, nhỉ?”

“Ông nói đúng rồi đấy.”

“Rồi, chúc may mắn với kiểu đó,” tôi nói. Tôi liếc cuốn hộ chiếu của mình, như đột nhiên nhớ ra điều gì đó. Tôi nâng hai tay lên xa hết mức có thể và ngả người về trước. Tôi đẩy cốc cà phê khỏi hân cho khỏi vương, để nó nằm giữa cuốn hộ chiếu và chiếc thẻ ATM. Tôi nhặt hộ chiếu lên nheo

nheo mắt nhìn nó và lật lật những trang ở cuối. Tôi nhún vai, như thể trí nhớ đã lừa dối mình. Tôi lại bỏ hộ chiếu lại chỗ cũ. Nhưng tôi đặt không đúng vào chỗ của nó. Mấy sợi xích hơi cản trở tí. Rìa cứng của cuốn hộ chiếu va vào cốc cà phê làm nó đổ. Cà phê tràn ra, bắn tóe ra mặt bàn và chảy thẳng về cạnh bàn bên kia vào lòng tay cầm đầu. Gã làm điều mà ai cũng làm. Gã nhảy lùi lại, nửa đứng nửa ngồi và vỗ vào không khí như thể mỗi lần vỗ có thể đẩy từng phân tử của dòng chất lỏng đi hướng khác.

“Xin lỗi,” tôi nói.

Quần gã ướt sũng. Thế nên bây giờ gánh nặng nằm ở phía gã. Có hai lựa chọn: hoặc ngắt quãng mạch thẩm vấn bằng việc nghỉ một chút để thay quần, hoặc tiếp tục với chiếc quần ướt. Tôi thấy gã này đang cân nhắc. Gã không được bí hiểm như gã tự nghĩ về mình.

Tay cầm đầu chọn phương án tiếp tục với chiếc quần ướt. Gã vòng về phía tủ ngăn kéo, thắm quần bằng khăn giấy. Rồi gã mang lại mấy tờ để lau bàn. Gã phải cố gắng lắm mới không có phản ứng gì, mà bản thân việc này đã là một phản ứng rồi.

Gã hỏi lần nữa, “Lần cuối cùng ông rời Mỹ là khi nào?”

Tôi nói, “Tôi không nhớ.”

“Ông sinh ở đâu?”

“Tôi không nhớ.”

“Mọi người đều biết mình sinh ra ở đâu.”

“Cách đây đã lâu rồi.”

“Nếu cần thiết, chúng ta sẽ ngồi đây cả ngày.”

“Tôi sinh ở Tây Berlin,” tôi nói.

“Và mẹ ông là người Pháp à?”

“Bà ấy là người Pháp.”

“Giờ bà ấy làm gì?”

“Chết.”

“Xin lỗi.”

“Đó có phải lỗi của ông đâu.”

“Ông có chắc ông là công dân Mỹ không?”

“Câu hỏi này là kiểu gì thế?”

“Câu hỏi thẳng thắn.”

“Bộ Ngoại giao Mỹ đã cấp cho tôi một cuốn hộ chiếu.”

“Việc ông xin cấp hộ chiếu có trung thực không?”

“Tôi có đã ký vào đơn không?”

“Tôi tưởng tượng là ông đã ký.”

“Thế thì tôi tưởng tượng là nó trung thực.”

“Trung thực như thế nào? Ông được nhập tịch à? Ông sinh ra ở nước ngoài và bố mẹ là người nước ngoài mà.”

“Tôi sinh ở một căn cứ quân sự. Nơi đó được coi là lãnh thổ Mỹ. Cha mẹ tôi có quan hệ hôn nhân. Cha tôi là công dân Mỹ. Ông ấy là lính thủy đánh bộ.”

“Ông có thể chứng minh tất cả điều đó chứ?”

“Tôi phải làm thế sao?”

“Đây là việc quan trọng. Việc ông có phải công dân Mỹ hay không có thể ảnh hưởng tới những gì sắp xảy ra với ông.”

“Không, việc tôi kiên nhẫn đến mức nào sẽ ảnh hưởng tới những gì sắp xảy ra với tôi.”

Tay ngồi phía trái đứng dậy. Gã là kẻ đã gí mạnh mũi khẩu Franchi vào họng tôi. Gã bước thẳng từ phía sau bàn sang trái và đi ra ngoài, qua cánh cửa gỗ vào căn phòng thứ ba. Tôi liếc thấy những chiếc bàn làm việc, máy tính, tủ đựng hồ sơ, những học tủ ngăn nhỏ có khóa. Không có người nào khác. Cánh cửa nhẹ nhàng khép lại sau lưng gã này và căn phòng chúng tôi ngồi trở nên yên tĩnh.

Gã cầm trích hỏi, “Mẹ ông là người Algeria à?”

Tôi nói, “Tôi vừa mới bảo ông rằng bà ấy là người Pháp.”

“Một số người Pháp là người Algeria.”

“Không, người Pháp là người Pháp còn người Algeria là người Algeria. Chẳng phải khoa học cao siêu uyên bác gì đâu.”

“Được rồi, một số người Pháp có gốc là người nhập cư từ Algeria. Hoặc từ Morocco, hoặc Tunisia, hoặc một nơi khác ở Bắc Phi.”

“Mẹ tôi không phải thế.”

“Bà ấy là người theo đạo Hồi à?”

“Tại sao ông muốn biết?”

“Tôi đang điều tra.”

Tôi gật đầu. “Có lẽ điều tra về mẹ tôi thì an toàn hơn điều tra về mẹ ông.”

“Ý ông là gì?”

“Mẹ Susan Mark là một gái điếm nghiện ngập vị thành niên. Có khi mẹ ông làm việc cùng bà ta đấy. Có thể họ bắt khách với nhau.”

“Ông đang cố làm tôi nổi điên đấy hả?”

“Không, tôi đang thành công thì có. Mặt ông đỏ bầm hết còn quần thì ướt hết cả. Mà ông thì hoàn toàn chẳng đi tới đâu. Tóm lại tôi không nghĩ phiên thẩm vấn hôm nay sẽ được viết làm tài liệu huấn luyện đâu.”

“Đây không phải trò đùa đâu.”

“Nhưng nó đang ngả về hướng đó.”

Tay này ngừng nói, sắp xếp lại suy nghĩ. Gã dùng ngón trỏ chỉnh lại chín món đồ trước mặt mình cho thẳng thành một hàng. Gã xếp cho chúng thẳng rồi đẩy chiếc USB tiến khoảng hai phân về phía tôi. Gã nói, “Ông đã giấu thứ này lúc chúng tôi khám người ông. Lúc trên tàu Susan Mark đã trao nó cho ông.”

Tôi nói, “Tôi giấu hả? Cô ấy trao cho tôi à?”

Gã gật đầu, “Nhưng nó trông, với lại dù sao nó cũng quá nhỏ. Chiếc kia đâu?”

Tôi hỏi, “Chiếc kia nào?”

“Chiếc này rõ ràng là đồ giả để nhử mồi. Chiếc thật nằm ở đâu?”

“Susan Mark chẳng đưa gì cho tôi. Tôi mua chiếc này ở cửa hiệu Radio Shack.”

“Vì sao?”

“Tôi thích hình thức của nó.”

“Vì lớp bọc màu hồng à? Vớ vẩn.”

Tôi chẳng nói gì.

Gã hỏi, “Ông thích màu hồng hả?”

“Nhưng phải ở đúng chỗ.”

“Chỗ đó là chỗ thế nào?”

“Chỗ mà lâu rồi ông không có ở đó.”

“Ông giấu nó ở đâu?”

Tôi không trả lời.

“Nó nằm ở một chỗ trong cơ thể phải không?”

“Ông nên hy vọng là không. Ông vừa sờ vào nó rồi mà.”

“Ông thích kiểu ấy lắm hả? Ông có phải dân đồng tính không vậy?”

“Loại câu hỏi đó có thể hiệu quả ở Guantanamo, nhưng sẽ không hiệu quả với tôi đâu.”

Gã đàn ông nhún vai, dùng đầu ngón tay kéo chiếc USB trở về hàng, đoạn đẩy đồng thời tấm danh thiếp giả và điện thoại di động của Leonid về phía trước chừng hai phân, như thể chuyển quân trên bàn cờ. Gã nói, “Ông đã làm việc cho Lila Hoth. Tấm danh thiếp chúng tôi chứng tỏ rằng ông đã liên hệ với đội mà cô ta thuê, còn điện thoại của ông cho thấy cô ta đã gọi ông ít nhất sáu cuộc, số điện thoại của khách sạn Four Seasons có trong bộ nhớ của máy.”

“Nó không phải điện thoại của tôi.”

“Chúng tôi tìm thấy nó trong túi ông.”

“Lila Hoth đã không ở khách sạn Four Seasons, người ta bảo vậy.”

“Chỉ do chúng tôi yêu cầu họ hợp tác. Cả hai chúng ta cùng biết rằng cô ta đã ở đó. Ông đã gặp cô ta ở đó hai lần, và cô ta đã bỏ cuộc hẹn thứ ba.”

“Chính xác thì cô ta là ai?”

“Đó là điều ông cần phải hỏi trước khi đồng ý làm việc cho cô ta.”

“Tôi không làm cho cô ta.”

“Chiếc điện thoại chứng minh là có. Không phải khoa học cao siêu uyên bác gì.”

Tôi không nói gì.

Tay này hỏi, “Hiện Lila Hoth ở đâu?”

“Ông không biết à?”

“Chúng tôi biết bằng cách nào?”

“Tôi cho là các ông đã tóm cô ta trước tôi, khi cô ta trả phòng. Trước khi ông bắn tên vào tôi.”

Tay cầm đầu không nói gì.

Tôi nói, “Sáng hôm ấy các ông đã có mặt ở đó. Các ông đã lục soát phòng cô ta. Tôi cho là các ông đã theo dõi cô ta.”

Tay này vẫn không nói gì.

Tôi nói, “Các ông đã để sống mất cô ta, đúng không? Cô ta điểu ngay qua mũi các ông. Thế mới tuyệt. Đám các ông là hình mẫu cho tất cả chúng tôi đây. Một người nước ngoài có mối quan hệ không bình thường với Lầu Năm Góc, thế mà các ông để cho cô ta đi hay sao?”

“Đó là một thất bại,” gã nói. Gã trông có vẻ hơi bối rối nhưng tôi cho là gã không cần phải thế. Bối rối khỏi khách sạn trong tình trạng bị theo dõi

là một việc tương đối dễ. Ta thực hiện bằng cách không thực hiện. Bằng cách không ra đi ngay lập tức. Ta gửi đồ đặc xuống qua nhân viên khách sạn bằng thang máy chở đồ, đám nhân viên điều tra thì tùm tùm ở sảnh, ta rời thang máy dành cho khách ở một tầng khác và chui vào chỗ nào đó chừng hai tiếng cho tới khi các nhân viên điều tra bỏ cuộc và rời khỏi đó. Rồi ta đi ra. Làm thế này căng thẳng nhưng dễ làm, đặc biệt khi ta đã đặt một phòng khác trong khách sạn này bằng một cái tên khác, điều mà chắc chắn Lila Hoth đã làm, ít ra là đặt phòng cho Leonid.

Gã cầm đầu hỏi, “Hiện cô ta ở đâu?”

Tôi nói, “Cô ta là ai?”

“Là người nguy hiểm nhất ông từng gặp.”

“Cô ta trông không có vẻ thế.”

“Đó là lý do cô ta nguy hiểm đấy.”

Tôi nói, “Tôi không biết giờ cô ta ở đâu.”

Có một khoảng lặng dài, rồi gã cầm đầu đưa tấm danh thiếp giả cùng điện thoại của Leonid trở lại hàng và đẩy danh thiếp của Theresa Lee lên. Gã hỏi, “Viên thám tử biết đến mức nào?”

“Chuyện đó có liên quan gì?”

“Trước mặt chúng tôi có chuỗi công việc khá đơn giản. Chúng tôi cần tìm ra mẹ con nhà Hoth, cần lấy lại chiếc USB thật, và trên hết chúng tôi cần bịt lại những thông tin rò rỉ. Thế nên chúng tôi cần biết nó đã lan đến đâu. Thế nên chúng tôi cần biết ai biết được gì.”

“Chẳng ai biết gì. Người biết ít nhất là tôi.”

“Đây chẳng phải cuộc thi đâu. Ông chẳng giành được điểm nhờ chống đối đâu. Ở đây chúng ta đều cùng một phe.”



“Tôi không cảm nhận được như thế.”

“Ông cần xem xét vấn đề này một cách nghiêm túc.”

“Tin tôi đi, tôi đang thế đấy.”

“Thế thì nói cho chúng tôi biết ai biết những gì.”

“Tôi không phải người đọc được suy nghĩ của người khác. Tôi không biết ai biết gì.”

Tôi nghe tiếng cánh cửa bên trái mở ra lần nữa. Tay cầm đầu quay nhìn và gạt đầu ra hiệu đồng ý. Tôi quay người thì thấy gã ngồi trên chiếc ghế bên trái. Tay gã cầm một khẩu súng. Không phải khẩu Franchi 12. Khẩu súng bắn tên. Hắn nâng lên và bóp cò. Tôi né người, nhưng đã quá muộn. Mũi tên cắm trúng vào phần trên cánh tay tôi.

TÔI TỈNH DẬY LẦN NỮA, nhưng lần này không mở mắt ngay. Tôi cảm thấy đồng hồ trong óc đã hoạt động trở lại, tôi muốn để nó căn chỉnh và ổn định mà không bị khuấy động giữa chừng. Lúc này nó báo 6 giờ chiều. Nghĩa là tôi đã ngất thêm chừng tám giờ nữa. Tôi rất đói và khát. Cánh tay tôi thấy đau hết như đã thấy ở chân lúc trước. Một vết bầm nhỏ nóng rát, ngay phía trên cánh tay. Tôi cảm thấy rằng mình vẫn không có giày. Nhưng hai cổ tay và mắt cá tôi không bị cột vào chân song của cũi sắt. Như thế này thật thoải mái. Tôi lười biếng đuổi người và dùng lòng bàn tay xoa mặt. Thêm ít râu mọc lên. Râu đang mọc thành kiểu như thường lệ rồi.

Tôi mở hai mắt. Nhìn quanh. Phát hiện ra hai điều. Một: Theresa Lee ở trong cũi bên trái tôi. Hai: Jacob Mark trong cũi bên phải tôi.

Cả hai người đều là cảnh sát.

Chẳng ai trong họ đi giày.

Đó là khi tôi bắt đầu lo lắng.

Nếu tôi đúng và lúc này là 6 giờ chiều thì Theresa Lee đã bị lôi từ nhà đi. Còn Jacob Mark bị đưa đi từ nơi làm việc. Cả hai đang nhìn tôi. Lee đứng sau những song sắt của chiếc cũi giam cô, chỉ cách mét rưỡi. Cô mặc quần jean xanh nước biển và áo sơ mi trắng. Cô đi chân trần. Jake đang ngồi trên cũi. Anh ta mặc đồng phục sĩ quan cảnh sát, chỉ trừ việc là thiếu thắt lưng, súng, bộ đàm và giày. Tôi ngồi thẳng dậy trên cũi, xoắn chân ra

trên sàn và lùa hai bàn tay vào tóc. Rồi tôi đứng dậy, bước tới bồn rửa, uống nước từ vòi. Chắc chắn là thành phố New York rồi. Tôi nhận ra mùi vị của nước. Tôi nhìn Theresa Lee và hỏi cô, “Cô biết chính xác nơi chúng ta đang ở không?”

Cô đáp, “Ông không biết à?”

Tôi lắc đầu.

Cô nói, “Chúng ta phải giả định rằng nơi này đã được lắp thiết bị nghe lén.”

“Chắc chắn là thế rồi. Nhưng họ đã biết nơi chúng ta đang ở. Thế nên chúng ta sẽ không cho họ thứ gì mà họ không có sẵn.”

“Tôi không nghĩ rằng chúng ta nên nói gì.”

“Chúng ta có thể bàn về những vấn đề liên quan đến địa lý. Tôi không nghĩ Luật Yêu nước cấm đề cập các tên phố, ít nhất là chưa.”

Lee chẳng nói gì.

Tôi nói, “Gì thế?”

Cô trông không yên tâm.

Tôi nói, “Cô nghĩ là tôi đang chơi đùa với cô hả?”

Cô chẳng nói gì.

Tôi bảo, “Cô nghĩ là tôi có mặt ở đây để đặt bẫy cô nói gì đó và ghi âm hả?”

“Tôi không biết. Tôi không biết gì về ông cả.”

“Trong đầu cô nghĩ gì?”

“Các câu lạc bộ ấy ở Bleecker gần đại lộ Sáu hơn Broadway. Ông có thể lên tàu A ngay ở đó. Hoặc B, C hay D. Vậy tại sao ông lại có mặt trên tàu tuyến 6?”

“Quy luật tự nhiên,” tôi nói. “Chúng ta đã được lập trình sẵn trong não. Giữa đêm, đầy bóng tối, bản năng khiến tất cả các loài có vú hướng về phía Đông.”

“Thật sao?”

“Không, tôi chỉ bịa ra thế thôi. Tôi chẳng có nơi nào để tới. Tôi rời khỏi một quán bar rồi rẽ trái và cuộc bộ. Tôi chẳng thể giải thích thế nào là tốt hơn làm như vậy.”

Lee không nói gì.

Tôi nói, “Còn gì nữa không?”

Cô nói, “Ông không có túi xách. Tôi chưa bao giờ thấy người vô gia cư nào không mang gì. Hầu hết họ đều tha theo mình nhiều đồ đạc hơn mọi thứ đồ tôi có. Họ dùng xe đẩy người ta hay dùng khi mua sắm.”

“Tôi khác,” tôi nói. “Mà tôi không phải người vô gia cư. Không như họ.”

Cô chẳng nói gì.

Tôi hỏi Lee, “Cô bị bịt mắt đưa tới đây à?”

Cô nhìn tôi một lúc lâu rồi lắc đầu và thở dài. Cô nói, “Chúng ta đang ở trong một đồn cứu hỏa đã bỏ đi ở Greenwich Village. Trên phố 3 Tây. Từ ngang mặt đường trở lên không được sử dụng. Ta đang ở trong hầm.”

“Cô biết chính xác những tay này là ai không?”

Lee không nói. Chỉ liếc lên phía camera. Tôi nói, “Cũng cùng một nguyên tắc thôi. Họ biết họ là ai. Ít ra thì tôi hy vọng là thế. Có biết rằng

chúng ta biết họ là ai thì cũng chẳng hại gì cho họ.”

“Ông nghĩ thế sao?”

“Vấn đề cơ bản là thế đấy. Họ không thể ngăn ta suy nghĩ. Cô biết họ là ai chứ?”

“Họ không trưng giấy tờ. Hôm nay không, đêm đầu tiên họ đến nói chuyện với ông ở đồn cũng không nốt.”

“Nhưng sao?”

“Không cho xem giấy tờ cũng chẳng khác gì cho xem, nếu như ông thuộc nhóm duy nhất không bao giờ làm việc ấy. Chúng ta đã nghe một số chuyện rồi mà.”

“Vậy họ là ai?”

“Họ làm việc trực tiếp cho Bộ trưởng Quốc phòng.”

“Thế chẳng có gì ngạc nhiên,” tôi nói. “Thường thì Bộ trưởng Quốc phòng là tay ngu độn nhất trong chính phủ.”

Lee liếc lên camera lần nữa, như thể tôi vừa mới lảng mạn nó. Như thể tôi vừa lảng nhục nó. Tôi nói, “Đừng lo. Tôi thấy đám này trông có dáng cự quân nhân, như vậy họ đã biết Bộ trưởng Quốc phòng ngu thế nào rồi. Nhưng dù có thế thì Bộ trưởng Quốc phòng là một chân trong nội các, nghĩa là xét cho cùng những tay này làm cho Nhà Trắng.”

Lee ngừng một lát rồi hỏi, “Ông biết họ muốn gì không?”

“Vài thứ.”

“Đừng nói cho chúng tôi biết.”

“Tôi sẽ không nói,” tôi bảo.

“Nhưng đủ lớn so với tầm Nhà Trắng không?”

“Tôi cho là có thể.”

“Khỉ thật.”

“Họ đến chỗ cô lúc nào?”

“Chiều nay. Hai giờ. Tôi vẫn còn đang ngủ.”

“Họ đi cùng NYPD chứ?”

Lee gật đầu, chút đau đớn hiện lên trong mắt cô.

Tôi hỏi, “Cô biết các cảnh sát tuần tra chứ?”

Lee lắc đầu. “Đám chống khủng bố càn cao. Họ tự viết lấy các nguyên tắc và tự tách mình ra. Suốt cả ngày họ lượn lờ trên mấy xe hơi đặc biệt. Đôi khi là xe taxi giả. Một gã ngồi trước, hai gã ở ghế sau. Ông có biết điều đó không? Các vòng lớn, trên đại lộ Mười, dưới đại lộ Hai. Giống như máy bay B-52 tuần tra bầu trời vậy.”

“Giờ là mấy giờ rồi? Khoảng 6 giờ 6 phút à?”

Nữ thám tử nhìn xuống đồng hồ đeo tay và có vẻ ngạc nhiên. “Chuẩn luôn,” cô nói.

Tôi quay sang hướng khác.

“Jake này,” tôi nói. “Còn anh thì sao?”

“Họ đến chỗ tôi trước. Tôi đã ở đây từ trưa. Xem anh ngủ.”

“Có tin gì từ Peter không?”

“Chẳng gì cả.”

“Tôi rất tiếc.”

“Anh ngáy đấy, anh biết chứ?”

“Người tôi chứa đầy thuốc an thần dành cho đười ươi. Từ một khẩu súng bắn tên.”

“Anh giỡn chơi hoài.”

Tôi cho Jake xem vết máu trên quần, rồi tới vết trên vai.

“Thế quả là điên,” anh ta nói.

“Lúc họ bắt anh đang làm việc hả?”

Anh gật đầu. “Sĩ quan điều phối gọi tôi trở lại trụ sở, họ đang đợi tôi ở đó.”

“Thế là đơn vị biết anh đang ở đâu phải không?”

“Không cụ thể,” anh đáp. “Nhưng họ biết ai đã đưa tôi đi.”

“Tin này hay đây,” tôi nói.

“Không hẳn,” Jake nói. “Đơn vị sẽ chẳng làm gì cho tôi. Những gã như này xuất hiện, đột nhiên anh dính chàm. Tự nhiên bị cho là mắc tội gì đó. Người ta bắt đầu xa lánh tôi rồi.”

Lee nói, “Giống như khi Phòng Điều tra Nội bộ đến gọi hỏi.”

Tôi hỏi cô, “Sao Docherty lại không ở đây?”

“Anh ta biết ít hơn tôi. Thực ra anh ta đã chủ động tránh để biết ít hơn tôi. Ông không nhận thấy điều đó à? Anh ta là tay đầy kinh nghiệm.”

“Anh ta là đồng sự của cô mà.”

“Hôm nay thì thế. Đến tuần tới anh ta sẽ quên hẳn rằng anh ta từng có một đồng sự. Ông biết mọi chuyện kiểu này diễn ra thế nào mà.”

Jake nói, “Ở đây chỉ có ba xà lim. Có thể Docherty ở một nơi khác”

Tôi hỏi, “Những tay này đã nói chuyện với hai người chưa?”

Cả hai cùng lắc đầu.

Tôi hỏi, “Hai người có lo không?”

Cả hai gật đầu. Lee hỏi, “Ông thì sao?”

“Tôi ngủ ngon,” tôi đáp. “Nhưng tôi nghĩ chủ yếu do thuốc an thần thôi.”

Lúc 6 giờ 30 họ mang thức ăn cho chúng tôi. Bánh sandwich thịt nguội, đựng trong hộp nhựa có nắp, họ xoay nghiêng hộp rồi đẩy qua song sắt. Cộng thêm các chai nước. Tôi uống nước trước rồi đổ đầy nước từ vòi vào chai. Sandwich của tôi gồm xúc xích Ý và pho mát.

Bữa ngon lành nhất tôi từng ăn.

Đến 7 giờ họ đưa Jacob Mark đi thăm vấn. Không còng. Không xích. Theresa Lee và tôi ngồi trên cũi, bị ngăn cách bởi song sắt, cách nhau chừng hai mét rưỡi. Chúng tôi không nói chuyện nhiều. Lee có vẻ phiền muộn, mệt mỏi. Đến một lúc cô lên tiếng, “Khi hai Tòa tháp sụp đổ, tôi đã mất vài người bạn tốt. Không chỉ cảnh sát. Cả lính cứu hỏa nữa, những người tôi đã làm việc cùng. Những người tôi đã quen biết nhiều năm.” Cô nói cứ như những thực tế ấy sẽ ngăn cô khỏi cơn điên cuồng xuất hiện về sau. Tôi không trả lời Lee. Chủ yếu tôi ngồi im, hồi tưởng lại những cuộc hội thoại trong đầu. Tất cả những kiểu người đã nói với tôi. Trong nhiều giờ. John Sansom, Lila Hoth, những gã trong căn phòng kế bên. Tôi rà lại toàn bộ những gì họ đã nói, theo đúng cách một người đóng tử vuốt lòng bàn tay dọc theo các thanh gỗ đã bào để tìm những nơi còn thô ráp. Có vài chỗ. Có những câu kỳ lạ dạng nửa nhận xét, những sắc thái không bình thường, chút ẩn ý không phù hợp. Tôi không rõ bất kỳ điểm nào trong số này có ý gì. Khi ấy thì không. Nhưng biết được chúng có ở đấy, tự thân việc ấy đã là có giá trị.



Lúc 7 giờ 30 họ đưa Jacob Mark trở lại và đưa Theresa Lee đi thế chỗ anh ta. Không cùm. Không xích. Jake ngồi lên cũi và vắt chân ngồi xoay lưng lại phía camera. Tôi nhìn anh. Dò hỏi. Anh nhún vai cực nhẹ và đảo tròn hai mắt. Rồi đặt hai tay trong lòng, khuất tầm quan sát của camera, anh dùng ngón cái và ngón trỏ tay phải làm thành khẩu súng. Anh vồ vào đùi mình và nhìn vào đùi tôi. Tôi gật đầu. Khẩu súng bắn tên. Anh đưa hai ngón tay xuống giữa hai đầu gối và chĩa ngón thứ ba ra phía trước, bên trái. Tôi gật đầu lần nữa. Hai gã sau bàn, gã thứ ba bên trái có súng. Có lẽ ở lối cửa dẫn sang căn phòng thứ ba. Cảnh giới. Vì thế nên không còng và không xích. Tôi xoa hai bên thái dương và khi hai bàn tay vẫn đang giờ lên, tôi nói lúng búng trong miệng, “Giày của ta ở đâu?” Jake cũng lúng búng đáp lại, “Tôi không biết.”

Sau đó chúng tôi ngồi im lặng. Tôi không biết Jake đang nghĩ gì. Có lẽ nghĩ về chị mình. Hoặc Peter. Tôi đang xem xét một lựa chọn gồm có hai khả năng. Có hai cách để chống lại thứ gì đó. Từ bên trong, hoặc từ bên ngoài. Tôi là típ người bên ngoài. Từ trước đến giờ đều luôn thế.

Đến 8 giờ họ đưa Theresa Lee trở về và lại đưa tôi đi lần nữa.

KHÔNG CÙM. KHÔNG XÍCH. Rõ ràng họ nghĩ rằng tôi đã sợ khẩu súng bắn tên. Đúng là tôi có sợ, ở mức độ nhất định. Không phải vì tôi sợ những vết thương nhỏ do kim gậy ra. Và không phải vì tôi sợ ngủ, sợ những điều xuất hiện từ ngủ hoặc trong giấc ngủ. Tôi cũng thích ngủ như bất kỳ ai khác. Nhưng tôi không muốn lãng phí thêm chút thời gian nào. Tôi cảm thấy mình không thể chấp nhận tiêu mất thêm tám tiếng ở tư thế nằm ngửa.

Người trong phòng sắp xếp đúng như Jacob Mark đã ra ám hiệu cho tôi. Tay cầm đầu gối ở ghế giữa. Cái tay đã tròn xích lúc sáng là kẻ đưa tôi vào, hẳn để tôi giữa phòng và đi tới chỗ của mình tại bàn, bên phải gã cầm đầu. Gã từng cầm khẩu Franchi giờ đứng chéch về phía trái, hai tay giữ khẩu súng bắn tên. Các món đồ của tôi vẫn nằm trên bàn. Hoặc chúng đã được đưa trở lại bàn. Tôi ngờ rằng chúng không nằm đó khi Jake hay Lee ở trong phòng. Không có mục đích gì. Không lý do gì. Không liên quan gì. Chúng đã được sắp lại một lần nữa, dành riêng cho tôi. Tiền, hộ chiếu, thẻ ATM, bàn chải răng, thẻ đi tàu điện ngầm, danh thiếp của Lee, tấm danh thiếp giả, chiếc USB, điện thoại di động. Chín món. Tất cả đều xuất hiện và chuẩn. Đó là điều tốt, bởi tôi cần lấy ít nhất bảy món trong số đó.

Gã ngồi ở chiếc ghế giữa lên tiếng, “Mời ngồi, ông Reacher.”

Tôi tiến về phía ghế mình và cảm thấy cả ba gã đều thả lỏng. Cả ba đều đã làm việc suốt đêm suốt ngày. Giờ thì họ thực hiện giờ thăm vấn thứ ba liên tiếp. Mà thăm vấn là việc vất vả. Nó đòi hỏi tập trung cao độ và tâm lý linh hoạt. Nó làm tiêu hao sức lực của ta. Thế nên ba gã này mệt mỏi. Đủ mệt để mất sự nhạy bén. Ngay khi tôi hướng về phía ghế của mình, cả ba

rời khỏi hiện tại và bước vào tương lai. Họ nghĩ các khó khăn của mình đã qua. Họ đã bắt đầu nghĩ về phương pháp thẩm vấn. Về câu hỏi đầu tiên của mình. Họ cho là tôi sẽ tiến tới ghế, ngồi xuống và sẵn sàng lắng nghe câu hỏi đó. Sẵn sàng trả lời nó.

Họ đã làm.

Khi còn cách đích nửa bước tôi nhấc bàn chân lên mé bàn rồi duỗi thẳng chân và đẩy mạnh. Đây, chứ không phải đá, bởi tôi không đi giày. Cái bàn bật về phía sau, mé bàn bên kia trúng vào bụng hai gã ngồi ghế và ép cả hai tay này vào lưng ghế. Đến lúc đó tôi đã di chuyển sang trái. Từ tư thế cúi người xuống, tôi bật lao lên vào gã thứ ba giật khẩu súng phóng tên khỏi tay gã và trong khi người gã còn thẳng đơ và sơ hở tôi thúc mạnh gối vào hạ bộ gã. Gã buông khẩu súng, gập người về trước, thế là tôi nhảy một bước lên không, đổi chân và thúc thêm một gối vào mặt gã. Như một điệu nhảy truyền thống của Ireland. Tôi xoay người, hạ khẩu súng xuống, bóp cò và bắn trúng ngực gã cầm đầu. Rồi tôi nhảy tới bàn, dùng báng khẩu súng bắn tên nện một, hai, ba phát mạnh và dữ dội vào đầu gã còn lại, cho tận tới khi gã im hẳn và ngừng giãy giụa.

Bốn giây ồn ào và bạo lực, từ lúc bắt đầu tới khi kết thúc. Bốn đơn vị thời gian và hành động riêng rẽ, được chuẩn bị riêng và thực hiện riêng. Cái bàn, khẩu súng bắn tên, gã cầm đầu, gã thứ hai. Một, hai, ba, bốn. Tron tru và dễ dàng. Hai gã bị tôi nện đã ngất và đang chảy máu. Gã nằm trên sàn thì chảy máu từ cái mũi bị giập, gã tại bàn thì từ vết thương sâu trên đầu. Bên cạnh gã là kẻ cầm đầu, đang trên đường tới cũi tiên, có sự hỗ trợ của thuốc, hệt như tôi đã trải qua hai lần. Xem cảnh này thật thú vị. Có xảy ra một dạng liệt cơ. Gã này đang trượt xuôi xuống ghế, bắt lực, nhưng hai mắt gã động đậy như thể vẫn ý thức được mọi việc. Tôi nhớ lại những hình xoay tít và tự hỏi liệu gã cũng có đang trông thấy chúng không.

Rồi tôi xoay người quan sát cửa dẫn vào căn phòng thứ ba. Vẫn còn thiếu tay nhân viên y tế. Có thể những kẻ khác nữa. Có thể rất nhiều kẻ

khác nữa. Nhưng cánh cửa vẫn đóng im. Căn phòng thứ ba vẫn yên tĩnh. Tôi quỳ xuống kiểm tra bên dưới áo khoác gã thứ ba.

Không có khẩu Glock nào. Gã đeo bao súng quàng qua vai nhưng bao rỗng. Có lẽ đó là quy định chuẩn. Không mang vũ khí ở bất kỳ phòng kín nào khi có mặt tù nhân. Tôi soát người hai gã còn lại. Kết quả hết như vậy. Các bao súng quàng qua vai làm bằng nylon do cơ quan chính phủ phân phát, cả hai đều rỗng không.

Căn phòng thứ ba vẫn yên lặng.

Tôi kiểm tra các túi. Tất cả đều rỗng. Tất cả được dọn sạch. Chẳng có gì ngoài những thứ vô ích nhưng cũng vô hại như mẩu sợi, những đồng xu mắc ở đường chỉ. Không chìa khóa nhà, không chìa khóa xe, không điện thoại. Chắc chắn không có ví, không có kẹp phù hiệu, không giấy tờ tùy thân.

Tôi nhật khẩu súng bắn tên lên, cầm một tay, chĩa về phía trước trong tư thế sẵn sàng. Bước về căn phòng thứ ba. Mở toang cửa và nâng súng lên làm bộ như nhắm vào mục tiêu. Súng vẫn là súng, dù nó không có đạn và không đúng chủng loại. Chủ yếu là những ấn tượng đầu tiên và các phản xạ vô thức.

Phòng thứ ba không có người.

Không nhân viên y tế, không nhân viên yểm trợ, không nhân viên hỗ trợ. Chẳng có ai hết. Chẳng có gì ở đó, trừ những thứ đồ nội thất văn phòng xám xịt và bóng đèn huỳnh quang. Căn phòng cũng hết như hai phòng còn lại, một phòng tầng hầm cũ xây gạch sơn toàn màu trắng. Cùng diện tích, cùng tỷ lệ. Nó có một cánh cửa nữa mà tôi nghĩ là dẫn tới phòng thứ tư hoặc cầu thang. Tôi bước sang đó và khẽ đẩy cửa.

Cầu thang. Không sơn, nằm sau một lớp dán màu xanh lục cũ mềm đang tróc ra. Tôi đóng cửa lại lần nữa và kiểm tra đồ nội thất văn phòng. Ba bàn làm việc, năm tủ hồ sơ, bốn ngăn hộc nhỏ có khóa, tất cả đều màu xám,

tất cả đều không sơn và thiết thực, tất cả làm bằng thép, tất cả đều khóa. Bằng khóa số, giống như các xà lim, điều này là hợp lý, bởi trong túi các nhân viên điều tra chẳng có chìa khóa nào. Trên bàn làm việc không có tập tài liệu nào. Chỉ có ba chiếc máy tính đang ở trạng thái chờ và ba giá điện thoại đứng. Tôi bấm phím cách trên bàn phím máy tính và lần lượt bật ba màn hình. Từng chiếc đều hỏi mật khẩu. Tôi nhắc ông nghe rồi bấm nút gọi lại, lần nào cũng kết nối tới tổng đài. Cực kỳ có ý thức về vấn đề an ninh. Kỹ lưỡng và thống nhất. Kết thúc một cuộc gọi, đập lầy giữ ống nghe, bấm 0, gác máy. Cả ba gã không phải những tay hoàn hảo, song cũng chẳng phải dạng ngu dốt gì.

Tôi đứng yên một lúc. Tôi thấy thất vọng về những chiếc khóa số. Tôi muốn tìm ra kho của họ, nạp lại khẩu súng bắn tên và bắn hai nhân viên điều tra liên bang còn lại bằng khẩu súng ấy. Và tôi muốn lấy lại giày của mình.

Tôi sẽ chẳng được mãn nguyện về việc nào.

Tôi nhẹ nhàng trở lại xà lim. Jacob Mark ngược lên, nhìn đi nơi khác, nhìn lại. Kiểu ngập ngừng phản ứng kinh điển, bởi tôi chỉ có một mình, trong tay lại cầm khẩu súng bắn tên. Tôi nghĩ họ đã nghe thấy những tiếng ồn và cho rằng tôi đang bị nện như tử. Tôi đoán là họ không nghĩ tôi sẽ trở lại sớm thế, thậm chí không nghĩ là tôi trở lại ấy chứ.

Lee hỏi, “Chuyện gì xảy ra thế?”

Tôi đáp, “Họ ngủ rồi.”

“Như thế nào mà ngủ chứ?”

“Tôi đoán câu chuyện của tôi làm họ chán.”

“Thế thì giờ ông gặp rắc rối to rồi.”

“Rắc rối vì cái gì?”

“Trước đây ông vô tội.”

Tôi nói, “Tỉnh dậy đi thôi, Theresa.”

Cô không đáp lời. Tôi kiểm tra những chiếc khóa trên cửa xà lim. Chúng là đồ tốt. Trông có vẻ là loại chất lượng cao và rất chính xác. Chúng có tay nắm nhô hẳn ra với các đường chạm gợn gàng chạy quanh rìa, từ số một tới ba mươi sáu. Các tay nắm xoay theo cả hai chiều. Tôi xoay chúng và chẳng cảm nhận được gì ở các ngón tay trừ tiếng vo vo coi thường của sự kháng cự từ thứ đồ kim khí nhẹ nhàng nhưng chắc chắn. Cảm nhận về trình độ sản xuất rất cao. Chắc chắn tôi không cảm nhận thấy những chiếc lẫy khóa rơi ra.

Tôi hỏi, “Cô muốn tôi đưa ra ngoài không?”

Lee nói, “Ông không thể làm được.”

“Nếu tôi có thể, cô có muốn tôi làm không?”

“Tại sao lại không chứ?”

“Vì khi ấy cô sẽ thực sự gặp rắc rối. Nếu cô ở lại, cô làm theo ý họ.”

Cô không nói gì.

Tôi nói, “Jake này, còn anh thì sao?”

Anh hỏi: “Anh có tìm thấy giày của chúng ta không?”

Tôi lắc đầu. “Nhưng anh có thể mượn giày của họ. Họ đi cũng giày chùng cỡ của anh đây.”

“Còn anh thì sao?”

“Trên phố Tám có cửa hàng bán giày.”

“Anh sẽ đi chân trần tới đó hả?”

“Đây là Greenwich Village. Nếu tôi không thể đi bộ chân trần ở đây thì còn có thể đi được ở đâu?”

“Làm sao anh có thể đưa chúng tôi ra?”

“Các vấn đề và giải pháp của thế kỷ mười chín, chống lại sự chính xác của thế kỷ hai mốt. Nhưng sẽ khó khăn. Thế nên tôi cần biết bắt đầu từ đâu. Và anh cần phải quyết định thật nhanh. Bởi chúng ta chẳng có nhiều thời gian đâu.”

“Trước khi họ tỉnh dậy hả?”

“Trước khi Home Depot đóng cửa.”

Jake nói, “Được rồi, tôi muốn ra.”

Tôi nhìn Theresa Lee.

Cô nói, “Tôi không biết. Tôi chẳng làm gì sai.”

“Thích nắn ná ở đây mà chúng mình điều ấy hả? Bởi làm được điều đó thì khó. Chúng mình vô tội luôn khó mà.”

Cô chẳng nói gì.

Tôi nói, “Tôi đã nói với Sansom cách chúng ta tìm hiểu về Hồng quân. Cô biết họ sợ nhất gì không? Không phải chúng ta đâu. Họ sợ người của chính họ nhất. Sự tra tấn tàn bạo nhất đối với họ là mất cả đời chúng mình cho sự vô tội của mình, chúng mình hoài mãi.”

Lee gật đầu.

“Tôi muốn ra,” cô nói.

“OK,” tôi nói. Tôi kiểm tra những thứ cần kiểm tra. Ước lượng kích thước và trọng lượng.

“Ngồi yên,” tôi nói. “Không quá một giờ nữa tôi sẽ trở lại.”

Điểm dừng đầu tiên là phòng bên cạnh. Ba tay nhân viên điều tra liên bang vẫn nằm thẳng cẳng. Tay cầm đầu sẽ giữ nguyên trạng thái đó suốt tám tiếng liên tục. Hoặc có thể lâu hơn, bởi trọng lượng cơ thể của gã chưa bằng hai phần ba tôi. Trong một giây đáng sợ, một ý nghĩ xuất hiện trong đầu tôi rằng có thể tôi đã giết gã. Một liều thuốc được tính toán để hạ gục một kẻ tầm vóc như tôi có thể trở nên nguy hiểm với người nhỏ con hơn. Nhưng lúc này gã vẫn thờ ơ. Mà chính gã là người gây chuyện, nên rủi ro thuộc về gã chứ.

Hai tay còn lại sẽ tỉnh dậy sớm hơn nhiều. Có thể tương đối sớm. Những chấn thương nhỏ thì khó nói trước được. Thế nên tôi lục khắp phòng nôi và giật toàn bộ các cáp nôi máy tính ra khỏi tường rồi đem trở lại trói hai tay này như trói gà. Cổ tay, khuỷu tay, mắt cá, cổ, tất cả đều bị buộc chặt và nối với nhau. Lỗi đồng nhiều sợi, vỏ nhựa, không thể giật ra được. Tôi lột tất ra, buộc hai chiếc tất vào nhau rồi dùng nó nhét vào miệng gã bị thương ở đầu. Khó chịu cho gã, song tôi đoán là hắn sẽ được nhận một khoản bổ sung do thực hiện nhiệm vụ nguy hiểm, có lẽ hắn xứng đáng với khoản đó. Tôi để yên miệng của gã còn lại. Mũi gã bị giập, nên nhét giẻ vào miệng cũng đồng nghĩa với làm gã ngạt thở mà chết. Tôi hy vọng gã sẽ luôn cảm kích lòng nhân đạo của tôi.

Tôi kiểm tra lại công việc của mình, bỏ các thứ đồ từ trên bàn vào túi rồi rời khỏi tòa nhà.



CẦU THANG DẪN LÊN TẦNG MỘT và dẫn ra ngoài đến phía sau nơi từng là chỗ đậu của xe cứu hỏa. Có khoảng sàn rộng đầy phân chuột và những thứ rác ngẫu nhiên đầy bí ẩn tích lại trong các tòa nhà đã bỏ đi. Những cánh cửa lớn cho xe ra vào đã bị khóa chặt bằng các thanh sắt han gỉ cùng ổ khóa cũ. Nhưng ở tường bên trái có một cửa dành cho nhân viên. Đến được đó chẳng phải chuyện dễ. Có một lối trống một nửa. Hầu hết rác trên sàn đã bị những bước chân qua lại đá đi, song vẫn còn những mảnh vụn vương lại gây khó khăn cho việc đi chân trần. Cuối cùng tôi dùng cạnh bàn chân gạt những thứ đó đi và bước vào khoảng trống mình vừa tạo ra, mỗi lần một bước. Tiến chậm chạp. Nhưng rốt cuộc tôi cũng đến được đó.

Cửa dành cho nhân viên đã được lắp khóa mới, nhưng được bố trí để ngăn người ngoài vào chứ không ngăn người ở trong ra. Ở bên trong chỉ có một cái đòn đơn giản. Phía ngoài là khóa số. Tôi tìm được trên sàn một cái nôi vôi cứu hỏa nặng bằng đồng, liền dùng nó để bẩy cho cửa hé ra một khe. Tôi để yên như thế để có lối quay vào, rồi bước ra một con ngõ, và, sau hai bước chân cẩn thận, tôi đã ở trên vỉa hè phố 3 Tây.

Tôi thẳng tiến tới đại lộ Sáu. Chẳng ai nhìn hai bàn chân tôi. Đêm ấy trời nóng, có khối phần da hấp dẫn hơn đang trưng ra. Chính tôi còn nhìn lấy một vài vùng thịt da trong số ấy đấy chứ. Rồi tôi vẫy một chiếc taxi, nó đưa tôi đi hai mươi khối nhà về phía Bắc và nửa khối về phía Đông, tới cửa hàng Home Depot trên phố 23. Docherty đã nhắc đến địa chỉ này. Trước vụ tấn công dưới lối FDR, búa đã được mua ở đó. Cửa hàng sắp đóng cửa nhưng họ vẫn để tôi vào. Ở khu bán dụng cụ, tôi tìm thấy một chiếc xà beng

dài mét rưỡi. Thanh thép lạnh, dày và khỏe. Đi trở lại quây tính tiền thì phải qua khu bán đồ làm vườn, tôi quyết định dùng một mũi tên bắn hai con chim bằng cách lấy một đôi ủng làm vườn. Chúng trông xấu xí, nhưng còn hơn chẳng có gì. Tôi thanh toán bằng thẻ ATM, tôi biết làm thế nghĩa là để lại manh mối lần theo trong máy tính, song chẳng có lý do gì để che giấu sự thật rằng tôi đã ra ngoài mua vài thứ dụng cụ. Dùng kiểu khác thì rồi vụ mua đồ này cũng sẽ lộ rõ.

Những chiếc taxi lượn lờ ở đường phố bên ngoài như thú săn mồi, tìm kiếm những người có đồ quá công kênh không thể mang được. Xét về mặt kinh tế thì điều này thật khó hiểu. Tiết kiệm năm đô ở cửa hàng lớn bán đồ gia dụng rồi lại chi tám đô để lôi nó về nhà. Nhưng lúc này cách làm ấy lại hợp với tôi. Trong một phút tôi đã lại lên đường trở về phía Nam. Tôi xuống xe lên phố 3 ở đoạn gần chứ không sát ngay tòa nhà là đồn cứu hỏa cũ.

Phía trước mặt ba mét, tôi trông thấy tay nhân viên y tế bước vào ngõ.

Gã này trông sạch sẽ, đã được nghỉ ngơi. Gã mặc quần cô tông chéo, áo phong trắng, đi giày bóng rổ. Luân phiên lực lượng, tôi đoán thế. Ba gã nhân viên điều tra liên bang “gác miếu” suốt ngày, tay nhân viên y tế đảm nhiệm cả đêm. Để đảm bảo rằng tới sáng các tù nhân vẫn còn sống. Vì hiệu quả nhiều hơn vì nhân đạo. Tôi tưởng tượng ra rằng luồng thông tin được coi là thứ quan trọng hơn bất kỳ quyền lợi hay phúc lợi của cá nhân nào.

Tôi chuyển xà beng sang tay trái rồi chật vật chạy thật nhanh với đôi ủng cao su rộng đến cửa dành cho nhân viên trước khi gã nhân viên y tế đi hẳn qua đó. Tôi không muốn gã đá bỏ cái nôi vôi cứu hỏa và để cánh cửa khép lại sau lưng mình. Việc ấy sẽ gây ra rắc rối mà tôi chẳng cần. Gã nghe thấy tôi liền quay người ở ngay lối vào và giơ hai tay lên phòng thủ, tôi xô mạnh vào tay này khiến gã loạng choạng lao vào trong. Gã trượt phải rác và khụy một gối xuống. Tôi túm lấy cổ gã, giữ ở khoảng cách một tầm tay, ngón chân khẽ đẩy cái nôi vôi cứu hỏa cho cánh cửa khép lại tới lúc phát ra

một tiếng “kịch”. Rồi tôi quay lại định trình bày các giải pháp mà tôi dành cho gã nhân viên y tế, song thấy rằng anh chàng đã hiểu vấn đề rồi. Ngoan ngoãn, hoặc ăn đòn. Tay này chọn cách ngoan ngoãn. Gã phủ phục xuống và giơ hai tay lên, một cử chỉ biểu thị cách nói vắn tắt của đầu hàng. Tôi nhấc xà beng ở tay trái, bắt tay nhân viên y tế giơ thẳng hai tay lên đầu và tiến thẳng về phía cầu thang. Gã im thít trên toàn bộ quãng đường xuống tầng hầm. Gã không làm gì khiến tôi phiền lòng khi đi vào căn phòng dùng làm phòng làm việc. Rồi chúng tôi vào căn phòng thứ hai, tay nhân viên y tế trông thấy ba nhân viên liên bang trên sàn và cảm nhận được điều đang chờ đợi mình. Gã trở nên căng thẳng. Adrenalin sôi lên. Những phản ứng sinh học khi đối mặt với nguy hiểm. Gã một lần nữa nhìn tôi, một tay không lòe đầy quyết tâm đi đôi giày dị hợm, tay cầm một thanh kim loại lớn.

Gã im bật.

Tôi hỏi, “Anh biết mã khóa các xà lim không?”

Gã đáp, “Không.”

“Vậy anh tiêm thuốc giảm đau bằng cách nào?”

“Qua song sắt.”

“Chuyện gì xảy ra nếu ai đó bị sốc và anh không thể vào trong?”

“Tôi sẽ phải gọi.”

“Thiết bị của anh ở đâu?”

“Trong két của tôi.”

“Cho tôi xem,” tôi nói. “Mở ra.”

Chúng tôi trở lại phòng nối, tay nhân viên y tế đưa tôi tới một chiếc két và xoay núm mã. Cửa mở tung. Tôi hỏi anh ta, “Anh có thể mở thêm được tủ nào khác không?”

Gã đáp, “Không, tôi chỉ có thể mở tủ này.”

Trong két gã có một loạt giá, chất chồng nhiều loại dụng cụ y tế. Những ống tiêm còn nằm trong gói, một ống nghe, một số ống đựng chất lỏng có màu, những gói bông gòn, thuốc, băng, gạc, băng dính.

Cộng thêm một lọ nông dụng các viên nhỏ xíu chứa nitrogen.

Và một hộp đựng các mũi tên đựng trong bọc.

Xét về mặt quản lý, điều đó dễ hiểu. Tôi tưởng tượng ra buổi họp quản lý về việc viết chỉ dẫn hoạt động. Lầu Năm Góc. Các sĩ quan tham mưu phụ trách. Một số sĩ quan cấp thấp cũng có mặt. Một chương trình hành động. Một số lời khuyên từ Bộ Quốc phòng nhất quyết rằng đạn của các súng phóng tên phải do một sĩ quan quân y đủ tiêu chuẩn quản lý. Bởi thuốc mê là một loại thuốc gây nghiện. Rồi thế này thế khác. Rồi một tay phục vụ lâu dài nói rằng nitrogen nén không phải thuốc. Tay thứ ba chỉ ra rằng chẳng có lý chút nào khi tách chất phóng khỏi thuốc gây mê. Cứ thế vòng quanh. Tôi tưởng tượng ra các nhân viên điều tra bực bội rất cuộc đành chịu và chấp nhận. Được rồi thế nào cũng được, chúng ta tiếp tục thôi.

Tôi hỏi, “Chính xác thì trong những mũi tên là gì?”

Gã đàn ông đáp, “Thuốc gây tê cục bộ giúp cho vùng bị tổn thương, cộng thêm nhiều thuốc an thần.”

“Bao nhiêu thuốc an thần?”

“Đủ dùng.”

“Cho một con đười ươi à?”

Tay nhân viên y tế lắc đầu. “Liều thấp hơn. Tính toán đủ cho một người bình thường.”

“Ai là người tính toán?”

“Nhà sản xuất.”

“Biết nó dùng nhằm mục đích gì không?”

“Tất nhiên là có chứ.”

“Cùng các thông số, đơn đặt mua và mọi thứ à?”

“Vâng.”

“Còn thử nghiệm?”

“Ở Guantanamo.”

“Đây thật là một đất nước vĩ đại, nhỉ?”

Gã này không nói gì.

Tôi hỏi, “Có phản ứng phụ không?”

“Không.”

“Anh chắc không? Anh biết tại sao tôi hỏi đấy chứ, phải không?”

Gã đàn ông gật đầu. Gã biết vì sao tôi hỏi. Đã hết dây máy tính nên tôi phải để mắt một chút tới gã trong lúc tìm khẩu súng và nạp đạn cho nó. Nạp đạn cho khẩu súng này là trò đánh đố. Tôi không quen công nghệ. Tôi phải thực hiện chỉ dựa trên kinh nghiệm và logic. Rõ ràng cơ chế hoạt động của cò khiến cho khí thoát ra. Rõ ràng khí đẩy mũi tên. Và, về cơ bản, súng là những cỗ máy đơn giản. Chúng có phần trước và phần sau. Nguyên nhân và kết quả diễn ra theo một trình tự hợp lý. Tôi hoàn thành công việc trong vòng bốn mươi giây.

Tôi nói, “Anh muốn nằm xuống sàn không?”

Tay nhân viên y tế không trả lời.

Tôi nói, “Anh biết đấy, để đầu anh không bị đập xuống đất.”

Gã ta nằm xuống.

Tôi hỏi gã, “Thích bắn vào chỗ nào? Tay hay chân?”

Gã đáp, “Tốt nhất vào chỗ có nhiều cơ.”

“Thế thì lật người đi.”

Gã lật người và tôi bắn vào mông gã.

Tôi nạp đạn cho khẩu súng thêm hai lần nữa và bắn tên vào hai nhân viên điều tra có khả năng tinh dậy. Việc này cho tôi khoảng thời gian chừng tám giờ, trừ phi có những cuộc viếng thăm ngoài dự tính. Hoặc trừ phi các tay này có trách nhiệm gọi điện thông báo tình hình từng giờ. Hoặc trừ phi đã có một chiếc xe đang trên đường đưa chúng tôi trở lại Washington. Những suy nghĩ trái ngược nhau khiến tôi thấy nửa thư thả nửa khẩn trương. Tôi mang xà beng đến thẳng chỗ xà lim. Jacob Mark nhìn tôi không nói gì. Theresa Lee nhìn tôi và nói, “Bây giờ ở phố Tám bán giày loại đó à?”

Tôi không trả lời. Chỉ bước vòng về phía sau xà lim của cô và chọc đầu bẹt của xà beng vào đáy cái cấu trúc ấy. Rồi tôi tì toàn bộ trọng lượng cơ thể mình vào thanh thép và cảm thấy cả cái cũi di chuyển, chỉ một chút. Chỉ một chút xíu. Không nhiều hơn mức đàn hồi tự nhiên của thép.

“Làm thế ngốc quá,” Lee nói. “Đây là một khối khép kín độc lập. Ông có thể lật nó nhưng khi ấy tôi vẫn bị nhốt bên trong.”

Tôi nói, “Thực ra không phải nó đứng độc lập.”

“Nó không được chột xuống sàn đâu.”

“Nhưng nó được đường thoát nước níu xuống. Bên dưới toa lét ấy.”

“Điều đó có ích không?”

“Tôi hy vọng là có. Nếu tôi bẫy nó lên mà đường thoát nước vẫn giữ chặt thì sàn sẽ toạc ra, cô có thể bò ra.”

“Nó sẽ giữ chặt chứ?”

“Đây là trò may rủi. Là một cuộc đấu.”

“Giữa những gì?”

“Luật pháp thế kỷ mười chín và một cửa hiệu hàn sắt vô trách nhiệm của thế kỷ hai một ký hợp đồng với cơ quan chính phủ. Có thấy sàn không phải được hàn ở khắp nơi không? Chỉ hàn ở vài nơi thôi?”

“Đó là bản chất của hàn chám.”

“Nó khỏe tới mức nào?”

“Rất khỏe. Có lẽ khỏe hơn ống nước của toa lét.”

“Có thể không. Thế kỷ mười chín ở New York có dịch tả. Đại dịch. Trận dịch giết chết rất nhiều người. Cuối cùng lãnh đạo thành phố tìm ra nguyên nhân gây ra đại dịch, đó là những chất thải nhà vệ sinh lẫn vào nước uống. Thế nên họ đã xây dựng các đường cống thích hợp. Và họ đã xác định cụ thể mọi tiêu chuẩn đối với ống dẫn và các khớp nối. Sau chừng ấy năm, những tiêu chuẩn ấy vẫn tồn tại trong quy định về xây dựng. Một ống nước như thế này có gờ nổi phủ lên trên mặt sàn. Tôi dám cá là nó được lắp đặt còn chắc chắn hơn cả hàn chám. Những tay công nhân xây dựng công trình công cộng thế kỷ mười chín này chọn giải pháp an toàn. Còn hơn cả một công ty thời hiện đại muốn lấy tiền của Bộ An ninh quốc gia ấy.”

Lee lặng một chút. Rồi cô thoáng mỉm cười. “Vậy nên hoặc tôi sẽ được đưa ra khỏi một xà lim của chính phủ một cách bất hợp pháp, hoặc ống thoát nước sẽ bật ra khỏi sàn. Kiểu gì thì tôi cũng khôn nạn.”

“Cô nói đúng đấy.”

“Lựa chọn tuyệt quá!”

“Tùy ở cô thôi,” tôi nói.

“Làm đi.”

Tôi nghe tiếng chuông của một máy điện thoại reo cách đây hai căn phòng.

Tôi quỳ xuống lách đầu chiếc xà beng vào chỗ nó cần vào, bên dưới thanh sắt ngang ở đáy xà lim, nhưng không đến mức chạm cả vào đáy chiếc khay đệm dưới. Rồi tôi đẩy nó sang ngang một chút cho đến khi nó nằm ngay dưới một trong mấy vết hàn hình chữ T ngược, nơi lực sẽ được truyền ngược lên trên theo một trong các song sắt thẳng đứng.

Cách đây hai căn phòng, chuông điện thoại đã ngừng đổ.

Tôi nhìn Lee nói, “Hãy đứng lên bồn cầu. Hãy dành cho nó toàn bộ lực ta có thể tạo ra.”

Cô leo lên và đứng chắc. Tôi nắm lấy toàn bộ phần chừa ra của xà beng và tì mạnh xuống rồi thả cho nó bật lên một, hai, ba lần. Lực của trên một trăm một cân đang chuyển động, nhân với lực của tay đòn dài mét rưỡi. Ba hiện tượng xảy ra. Trước tiên, chiếc xà beng cày nên một hõm nông trên nền bê tông dưới chiếc cũ, xét về mặt cơ học thì như vậy chưa hiệu quả. Thứ hai là cấu trúc của toàn bộ các song sắt bị biến dạng một chút, như thế cũng chưa đủ. Nhưng thứ ba, một mảnh sắt sáng loáng bị tuột và lăn ra.

“Đó là một mối,” Lee kêu lên. “Như là trong hàn chám mối ấy.”

Tôi lôi xà beng ra rồi tìm một vị trí tương tự cách về phía trái tầm ba mươi phân. Nêm chặt vào các song sắt, nắm lấy phần chừa ra, bật. Lại ba hiện tượng như cũ. Tiếng ken két của bê tông bị nghiền thành bột, tiếng rít của các song sắt bị uốn cong, tiếng một miếng kim loại khác bật ra.



Cách đây hai căn phòng, máy điện thoại thứ hai bắt đầu đổ. Một âm điệu khác. Khẩn trương hơn.

Tôi đứng thẳng người thở lấy hơi. Lôi xà beng ra một lần nữa, lần này chéch về bên phải sáu mươi phân. Lặp lại quy trình cũ, lần này phần thương là một vết hàn nữa bị bẻ gãy. Đã được ba vết, còn thêm nhiều nữa. Nhưng giờ tôi đã có những chỗ bít tay tương đối ở song sắt nằm dưới đáy, nơi chiếc xà beng đã tạo những chỗ cong hình chữ U cạ trên sắt. Tôi bỏ xà beng xuống, ngồi xồm hướng mặt vào xà lim và ngửa hai bàn tay nắm lấy những chỗ đó. Nắm chặt, hít thở mạnh và sẵn sàng nâng lên. Hồi tôi thôi không xem Olympics nữa thì các lực sĩ nâng được tạ nặng tới hơn trăm mốt ký. Tôi nghĩ khả năng của mình thấp hơn mức ấy nhiều. Nhưng tôi đoán rằng thấp xa mức đó cũng giải quyết được vấn đề.

Cách đây hai căn phòng, điện thoại thứ hai đã ngừng đổ chuông.

Và điện thoại thứ ba bắt đầu.

Tôi nhắc mạnh lên.

Tôi nâng được một cạnh của xà lim lên cách mặt sàn chừng ba mươi phân. Mặt sàn đầm kêu kin kít và cong lên như tờ giấy. Nhưng khối sắt hàn vẫn bám chắc. Hồi chuông điện thoại thứ ba đã ngừng. Tôi ngược nhìn Lee và mấp máy: “Nhảy đi.” Cô hiểu thông điệp của tôi. Cô là người thông minh. Cô nhảy cao lên khỏi toa lét và đập mạnh hai bàn chân trần xuống đúng nơi các vết hàn đang chịu áp lực. Tôi không cảm thấy gì qua hai bàn tay. Không tác động nào. Không giật. Bởi những vết hàn rời ra ngay lập tức và sàn gập lại thành máng hình chữ V. Như một cái miệng. Nó rộng chừng ba mươi phân và sâu ba mươi phân. Tốt, nhưng chưa đủ. Có lẽ một đứa trẻ có thể chui qua đó, nhưng Lee thì không.

Nhưng ít nhất chúng tôi đã chứng minh được nguyên lý. Một bản ghi cho các nhà lãnh đạo thành phố thế kỷ mười chín.

Cách đây hai phòng, cả ba điện thoại cùng đổ chuông. Các âm điệu ganh đua với nhau, nhanh và khẩn.

Tôi lấy hơi lần nữa và sau đó vấn đề chỉ là lặp đi lặp lại chu trình ba bước kia, mỗi lần hai điềm hàn. Chiếc xà beng, nâng khối nặng, cú nhảy. Lee không phải người có tầm vóc, nhưng dù có thể chúng tôi vẫn cần bẻ gãy hẳn một hàng điềm hàn dài gần mét tám thì sàn mới bị uốn đủ cho cô chui ra. Đó là vấn đề số học đơn thuần. Rìa thẳng của sàn trở thành một phần của chu vi bị uốn cong, theo tỷ lệ một phần ba. Chúng tôi mất khá nhiều thời gian mới hoàn thành việc này. Gần tám phút. Nhưng cuối cùng chúng tôi đã làm được. Lee nằm ngửa và chui người ra, hai chân đi trước, như một vũ công uốn dẻo. Áo cô bị vướng và kéo lên, để lộ phần bụng phẳng rạm nắng. Rồi cô lách ra, lắc người cho thoát hẳn, đứng lên và ôm tôi thật chặt. Và lâu hơn mức cô cần làm. Rồi cô bỏ ra, tôi đứng nghỉ một phút và chùi hai tay vào quần.

Sau đó tôi lặp lại toàn bộ chu trình một lần nữa, lần này cho Jacob Mark.

Cách đây hai phòng, các điện thoại đổ chuông rồi lại ngừng, đổ rồi lại ngừng.

CHÚNG TÔI NHANH CHÓNG THOÁT RA NGOÀI. Theresa Lee lấy đôi giày của tay cầm đầu đám nhân viên điều tra liên bang. Hơi lớn so với chân cô, nhưng không nhiều lắm. Jacob Mark lấy toàn bộ đồ của tay nhân viên y tế. Anh cho rằng mặc bộ sắc phục không đầy đủ của cảnh sát này thì sẽ dễ gây chú ý khi ra phố, và có lẽ anh đúng. Thay đổi quần áo mất khá nhiều thời gian song cũng đáng. Jake trông bảnh hơn nhiều khi diện quần cô tông chéo, áo phông và giày bóng rổ. Vừa khít. Ở sau quần có một vết máu cỡ đồng xu, song đó chỉ là nhược điểm duy nhất. Chúng tôi để cho tay nhân viên y tế ngủ với bộ đồ lót trên người.

Rồi ba chúng tôi hướng ra khỏi tòa nhà. Lên cầu thang, qua mặt sàn vương vãi rác, xuyên qua ngõ, tới via hè phố 3. Phố đông người. Trời vẫn nóng. Chúng tôi rẽ trái. Chẳng có lý do thực sự nào. Chỉ là lựa chọn ngẫu nhiên. Nhưng lại là lựa chọn may mắn. Chúng tôi vừa bước đi chừng năm bước thì tôi nghe tiếng còi ngay phía sau và tiếng lốp rít lên, tôi liếc lại thì thấy một chiếc xe hơi đen dừng khựng lại cách phía bên kia trụ sở cứu hỏa chừng ba mét. Một chiếc Crown Vic, mới và bóng loáng. Hai gã đàn ông lao ra. Trước đây tôi đã trông thấy họ. Và tôi biết chắc chắn rằng Theresa Lee cũng đã từng thấy họ. Com lê xanh nước biển, cà vạt xanh nước biển. FBI. Hai người này đã nói chuyện với Lee ở đồn khu vực, họ đã nói chuyện với tôi trên phố 35. Họ đã đặt cho tôi câu hỏi về các số điện thoại của Canada. Giờ thì, ở sau lưng chúng tôi chừng sáu mét, họ chạy vào ngõ và mất hút. Cả hai chẳng hề trông thấy chúng tôi. Nhưng giả sử rẽ phải, chúng tôi đã chạm mặt họ ngay lập tức khi họ rời khỏi xe rồi. Thế nên chúng tôi gặp may. Chúng tôi ăn mừng bằng cách chạy thật nhanh, hướng thẳng về

phía đại lộ Sáu. Jacob Mark đến đích đầu tiên. Anh là người duy nhất trong chúng tôi có đôi giày tử tế.

Chúng tôi băng ngang đại lộ Sáu và đi dọc theo phố Bleecker một lúc rồi tìm thấy nơi ẩn nấp trên phố Cornelia, đó là nơi hẹp, tối và tương đối yên tĩnh, trừ vài người ngồi ăn ở những bàn cà phê đặt trên vỉa hè. Chúng tôi tránh thật xa họ, họ chẳng để ý gì tới bọn tôi. Họ quan tâm đến đồ ăn của mình hơn. Tôi chẳng trách móc gì họ. Mùi đồ ăn có vẻ ngon. Tôi vẫn còn rất đói, ngay cả sau khi đã xoi xúc xích Ý và pho mát. Chúng tôi đi tới đoạn cuối phố yên tĩnh rồi kiểm tra đồ của mình. Lee và Jake chẳng có gì. Tất cả đồ của họ đã bị khóa lại ở tầng hầm tòa nhà cứu hỏa. Tôi có những thứ đồ đã giành lại từ chiếc bàn trong phòng thứ hai, trong đó những món quan trọng gồm tiền mặt, thẻ ATM, thẻ đi tàu điện ngầm của tôi, điện thoại di động của Leonid. Số tiền mặt lên tới bốn mươi ba đô cộng thêm tiền xu. Thẻ đi tàu điện ngầm còn cho phép đi được bốn lượt. Điện thoại của Leonid đã gần hết pin. Chúng tôi nhất trí rằng một điều quá chắc chắn là số thẻ ATM của tôi và số điện thoại di động của Leonid đã được đánh dấu chú ý ở rất nhiều hệ thống máy tính. Nếu chúng tôi sử dụng một trong hai món này, trong vài giây sẽ có người biết. Nhưng tôi không quá lo lắng. Thông tin phải hữu ích mới gây hại. Nếu chúng tôi thoát ra từ phố 3 Tây rồi vài ngày sau rút tiền mặt ở thành phố Oklahoma hay New Orleans hoặc San Francisco thì dữ liệu đó sẽ quan trọng. Nếu chúng tôi rút tiền ngay lập tức chỉ cách tòa nhà cứu hỏa vài khối nhà thì dữ liệu đó vô dụng. Nó chẳng cho họ biết điều gì họ chưa biết. Và ở New York có nhiều tháp tiếp sóng di động đến mức thực hiện phép đo đạc tam giác rất khó khăn. Ở nơi xa xôi thì một sân bóng chày cũng giúp tìm ra. Nhưng trong thành phố thì chẳng ăn thua. Một khu vực mục tiêu rộng hai khối nhà và sâu hai khối nữa có thể chứa tới năm mươi ngàn người và phải mất vài ngày tìm kiếm.

Thế nên chúng tôi tiếp tục và tìm được một máy ATM ở sảnh một ngân hàng màu xanh sáng, tôi rút tiền mặt đến hết mức có thể, ba trăm đô. Rõ ràng tôi bị giới hạn mức rút mỗi ngày. Và cái máy thì chậm chạp. Có khi

chậm có chủ ý. Các ngân hàng hợp tác với giới thực thi pháp luật mà. Họ bấm nút báo động rồi làm giao dịch chậm lại. Ý tưởng là câu giờ đợi tới lúc cảnh sát có mặt. Ở một điểm nào đó thì có thể. Nhưng ở một thành phố có vấn đề về giao thông thì khó. Chiếc máy đợi, đợi hoài đợi mãi rồi nó khạc ra vài tờ giấy bạc. Tôi cầm lấy và mỉm cười với chiếc máy. Hầu hết đều tích hợp camera quan sát, nối với thiết bị ghi kỹ thuật số.

Chúng tôi lại tiếp tục đi và Lee chi mười đô của tôi cho một suất đồ ăn bán sẵn. Cô mua một chiếc sạc pin điện thoại khẩn cấp. Nó chạy bằng pin của đèn có hình cây bút máy. Cô cắm nó vào điện thoại di động của Leonid rồi gọi cho đồng sự của mình, Docherty. Đã 10 giờ 10, anh ta đã sẵn sàng làm việc rồi. Tay cảnh sát này không nhắc máy, Lee để lại lời nhắn rồi tắt điện thoại. Cô bảo rằng các điện thoại di động có gắn chip GPS. Tôi không biết thứ đó. Lee nói rằng cứ mười lăm giây chip này phát đi tín hiệu một lần, có thể xác định vị trí chính xác của nó trong phạm vi bốn mét rưỡi. Cô bảo vệ tinh định vị toàn cầu chính xác hơn nhiều so với phép đạc tam giác ăng ten. Cô bảo cách sử dụng điện thoại di động tốt nhất khi đang chạy trốn là tắt nó đi, trừ những khoảng thời gian ngắn ngay trước khi rời một địa điểm và di chuyển sang điểm tiếp theo. Làm như thế thì những kẻ theo dõi qua GPS sẽ luôn bị chậm một bước.

Vậy nên chúng tôi tiếp tục. Chúng tôi cảnh giác với tất cả xe cảnh sát trên phố. Chúng tôi trông thấy nhiều xe đó. NYPD là cơ quan lớn. Sở cảnh sát lớn nhất nước Mỹ. Có khi lớn nhất thế giới. Chúng tôi tìm được một quán ăn nhỏ ồn ào ở đúng trung tâm Đại học New York sau khi băng qua phía Bắc công viên quảng trường Washington rồi hướng về phía Đông. Nơi này tối và đầy cứng sinh viên chưa tốt nghiệp. Một vài loại đồ ăn bán ở nơi này có thể nhận diện được. Tôi vẫn đói và khát. Tôi đoán là các hệ thống trong cơ thể tôi đã làm thêm giờ nhằm đào thải hai liều thuốc an thần. Tôi uống trọn một cốc nước máy và gọi một cốc sữa chua trộn hoa quả. Cộng thêm một suất burger và cà phê. Jake và Lee không gọi gì. Họ bảo họ quá lo

nên chẳng thể ăn nổi. Lee quay sang tôi bảo, “Anh nên nói cho chúng tôi biết chính xác chuyện gì đang xảy ra.”

Tôi bảo, “Tôi nghĩ là hai người không muốn biết đâu.”

“Chúng tôi đã vượt qua ranh giới đó rồi.”

“Họ không cho xem giấy tờ tùy thân. Các vị có quyền nhận định rằng vụ bắt giam là việc vi phạm pháp luật. Trong trường hợp đó trốn ra không phải tội. Thực ra có lẽ đó là nhiệm vụ của hai bạn mới đúng.”

Lee lắc đầu. “Tôi biết họ là ai, dù có hoặc không cho xem giấy tờ. Tôi không lo ngại về chuyện chạy trốn. Tôi lo về đôi giày kia. Nó sẽ làm tôi khốn nạn. Tôi đã đứng phía trên một nhân viên điều tra liên bang và lấy đi giày của anh ta. Khi ấy tôi nhìn thẳng vào anh ta. Thế là phạm tội có chủ ý. Họ sẽ nói rằng khi ấy tôi đã có thời gian để suy nghĩ và hành xử phù hợp.”

Tôi nhìn Jake, xem liệu anh ta có cùng quan điểm ấy hay vẫn cho rằng vô tội là niềm hạnh phúc hoàn hảo. Anh nhún vai, như thể muốn nói đã phóng lao thì phải theo lao. Vậy nên tôi để cho nhân viên phục vụ bày xong các món tôi đã gọi rồi nói cho họ những gì tôi biết. Tháng Ba năm 1983, Sansom, thung lũng Korengal. Tất cả những chi tiết, và mọi ý nghĩa hàm ẩn.

Lee nói, “Hiện giờ có quân Mỹ ở thung lũng Korengal. Tôi mới đọc về chuyện đó. Qua một cuốn tạp chí. Tôi nghĩ chuyện không bao giờ chấm dứt. Tôi hy vọng họ sẽ làm tốt hơn người Nga từng làm.”

“Họ là người Ukraine,” tôi nói.

“Thế thì có gì khác chứ?”

“Tôi tin chắc người Ukraine nghĩ là có khác đây. Người Nga đã đưa người thuộc sắc tộc thiểu số ra tiền tuyến, người thuộc sắc tộc thiểu số không thích chuyện ấy.”

Jake nói, “Tôi nghĩ nó liên quan tới Thế chiến thứ Ba. Ý tôi là hồi ấy. Nhưng đã qua một phần tư thế kỷ. Bây giờ Liên Xô thậm chí không còn là một đất nước. Làm thế nào một đất nước lại có thể đau buồn về chuyện gì đó nếu như ngày nay cái đất nước đó thậm chí không tồn tại nữa?”

“Địa chính trị,” Lee nói. “Chuyện liên quan tới tương lai, không phải quá khứ. Có thể chúng ta lại muốn làm điều tương tự, ở Pakistan, Iran hay nơi nào đó. Sẽ có sự khác biệt nếu thế giới biết được trước đây chúng ta đã làm gì. Nó tạo nên những định kiến. Ông biết điều đó. Ông là cảnh sát. Ông có thích nếu như chúng ta không thể nhắc tới tiền án tiền sự nào trước tòa không?”

Jake nói, “Vậy cô nghĩ vụ này có tầm cỡ lớn chừng nào?”

“Cực lớn,” Lee đáp. “Lớn hết mức có thể. Dù sao cũng là đối với chúng ta thôi. Bởi nhìn chung nó vẫn nhỏ. Thật mỉa mai, đúng không? Ông hiểu ý tôi chứ? Nếu ba ngàn người biết, bất kỳ ai cũng chẳng thể làm gì nhiều. Hoặc thậm chí ba trăm. Hay ba mươi. Nó chỉ lộ ra, thế là xong. Nhưng bây giờ chỉ có ba chúng ta biết. Mà ba là số nhỏ. Đủ nhỏ để có thể bị được. Họ có thể làm ba con người biến mất mà chẳng ai nhận ra.”

“Bằng cách nào?”

“Chuyện đó có xảy ra, tin tôi đi. Mà có ai để tâm chứ? Ông không có gia đình, tôi cũng không.” Lee nhìn tôi hỏi, “Reacher, ông có gia đình không?”

Tôi lắc đầu.

Lee lặng một chút. Cô nói, “Chẳng còn lại người nào để chất vấn.”

Jake nói, “Còn những người ở nơi chúng ta làm việc thì sao?”

“Cơ quan cảnh sát làm những việc họ được lệnh làm.”

“Chuyện này thật điên rồ.”

“Đây là thế giới mới.”

“Họ nghiêm túc thật đấy chứ?”

“Đây là chuyện phân tích lợi ích-chi phí. Ba con người vô tội đối đầu với một kế hoạch địa chính trị lớn lao. Ông sẽ làm thế nào?”

“Chúng ta có quyền.”

“Chúng ta từng có, giờ thì không.”

Jake không nói gì đáp trả. Tôi uống hết cà phê rồi thêm một cốc nước máy khác. Lee gọi thanh toán, đợi tới khi hóa đơn được chuyển đến, tôi trả tiền xong cô mới bật di động của Leonid lên. Nó bật mở cùng một giai điệu nho nhỏ vui vẻ rồi kết nối với mạng, mười giây sau mạng nhận ra số máy và thông báo có một tin nhắn văn bản. Lee bấm nút cần bấm và bắt đầu lướt.

“Tin của Docherty,” cô nói. “Anh ấy vẫn chưa bỏ rơi tôi.”

Rồi cô đọc và lại kéo, đọc rồi lại kéo. Tôi thăm tính các khoảng thời gian dài mười lăm giây, và tưởng tượng cứ một khoảng như vậy con chip GPS gửi đi một chùm dữ liệu nói *Chúng tôi ở đây! Chúng tôi ở đây!* Tôi đếm tới mười. Một trăm năm mươi giây. Hai phút rưỡi. Một tin nhắn dài. Và về mặt Lee cho thấy tin nhắn đó đầy những tin xấu. Hai môi cô mím lại, mắt nhú vào. Cô kiểm tra lại vài đoạn rồi tắt máy lần nữa và đưa cho tôi. Tôi đút nó vào túi. Lee nhìn thẳng vào tôi nói, “Ông đúng. Những tay chết dưới FDR là đội của Lila Hoth. Tôi đoán là đồn khu vực 17 đã gọi cho tất cả những tên có trong danh bạ và kiểm tra thấy chỉ có một người duy nhất không bắt máy. Họ vào văn phòng của những tay này và tìm thấy các hóa đơn thanh toán gửi tới Lila Hoth, qua địa chỉ của khách sạn Four Seasons.”

Tôi không trả lời.



Lee nói, “Nhưng vấn đề là ở đây. Các hóa đơn này có từ cách đây ba tháng, không phải ba ngày. Và thêm các dữ liệu khác đây. Cơ quan An ninh Quốc gia không có hồ sơ theo dõi nào cho thấy hai người phụ nữ họ Hoth từng nhập cảnh vào Mỹ. Chắc chắn không phải ba ngày trước, qua hãng British Airways. Và Susan Mark chưa bao giờ gọi đi London, từ nơi làm việc hay nhà riêng.”

DỪNG ĐIỆN THOẠI VÀ DI CHUYỂN ngay lập tức, đó là nguyên tắc. Chúng tôi theo đại lộ Broadway đi về phía Bắc. Những chiếc taxi và xe cảnh sát lướt nhanh qua bộ ba chúng tôi. Đèn pha quét khắp người chúng tôi. Chúng tôi đi xa tới tận Astor Place rồi chui xuống lòng đất và sử dụng ba trong số bốn lượt đi tàu điện ngầm còn lại trong thẻ của tôi cho tuyến 6 chạy về hướng Bắc. Noi mọi chuyện bắt đầu. Một toa kiểu R142A mới toanh sáng sủa. Đã 11 giờ đêm, ngoài chúng tôi có mười tám hành khách nữa. Chúng chọn ba chỗ cạnh nhau trên một băng dành cho tám người. Lee ngồi giữa. Bên trái cô, Jake nửa như quay người và cúi đầu xuống sẵn sàng nói chuyện thầm thì. Bên phải cô, tôi làm tương tự. Jake hỏi, “Vậy chuyện là gì? Mẹ con nhà Hoth không có thật hay chính phủ đang che giấu tội lỗi bằng cách xóa thông tin?”

Lee nói, “Có thể là một trong hai.”

Tôi nói, “Mẹ con nhà Hoth là giả.”

“Ông nghĩ thế hay là ông biết thế?”

“Vụ ở ga Penn quá dễ dàng.”

“Dễ thế nào?”

“Họ lừa cho tôi vào trông. Leonid để cho tôi trông thấy hắn. Lúc ấy hắn mặc chiếc áo khoác dưới ánh đèn có màu cam sáng. Thực tế nó hết như những chiếc áo bảo hộ trước đó tôi thấy các công nhân đường sắt mặc. Nó thu hút ánh mắt tôi. Người ta tính toán để tôi trông thấy nó. Rồi hắn để cho

tôi hạ hấn. Bởi theo tính toán của họ tôi sẽ tước điện thoại của hấn và tìm ra thông tin về khách sạn Four Seasons. Họ đã thao túng được tôi. Chuyện này là âm mưu chồng chất âm mưu. Họ cần tôi nói chuyện với họ nhưng không muốn cho tôi biết mọi chuyện. Họ không muốn lộ hết tẩy của mình. Thế nên họ vẽ ra một con đường cho tôi vào. Họ dụ tôi tới khách sạn và thử một phương pháp dễ dàng, ngọt ngào. Chỉ một gã trong vai kẻ kém năng lực ở nhà ga xe lửa, rồi tới màn kịch nhẹ nhàng. Thậm chí họ còn có kế hoạch dự phòng là đến đồn cảnh sát khu vực trình báo về người mất tích. Bằng cách nào thì rốt cuộc tôi cũng sẽ xuất hiện.”

“Họ muốn gì ở ông?”

“Thông tin của Susan.”

“Là gì chứ?”

“Tôi không biết.”

“Họ là ai?”

“Không phải nhà báo,” tôi nói. “Tôi cho là tôi đã làm về vấn đề này. Lila vừa diễn chuyện này vừa diễn chuyện khác. Tôi không biết cô ta thực sự là ai.”

“Thế bà già có thật không?”

“Tôi không biết.”

“Bây giờ họ ở đâu? Họ đã ra khỏi khách sạn rồi.”

“Họ luôn có một nơi khác. Họ có hai kênh hoạt động. Hoạt động công khai và hoạt động riêng. Thế nên tôi không biết giờ họ ở đâu. Rõ ràng là ở nơi còn lại rồi. Tôi cho là một nơi an toàn có thể sử dụng lâu dài. Có lẽ trong thành phố này. Có thể là một căn nhà chung sân với nhà khác. Bởi vì họ có một đội đi cùng. Lực lượng riêng của họ. Bọn xấu. Những tay điều tra

thuê kia nói đúng, xấu thế nào, họ vừa mới biết được bằng một cách khủng khiếp. Bằng búa.”

Lee nói, “Thế là nhà Hoth cũng đang xóa dấu vết.”

“Dùng động từ không đúng thời,” tôi nói. “Họ đã xóa dấu vết rồi. Họ đang ẩn ở một nơi nào đó và bất kỳ kẻ nào có thể đã biết nơi đó thì lại chết rồi.”

Tàu dừng ở phố 23. Cửa mở. Không ai lên. Chẳng ai xuống. Theresa Lee dăm dăm nhìn xuống sàn. Jacob Mark lướt mắt qua cô sang tôi mà nói, “Nếu Bộ An ninh quốc gia thậm chí không thể nắm được việc Lila Hoth vào Mỹ thì họ cũng không thể biết cô ta đã tới California hay không. Nghĩa là có thể chính cô ta là người đi cùng với Peter.”

“Đúng,” tôi nói. “Có thể thế.”

Cửa khép lại. Con tàu tiếp tục hành trình.

Theresa Lee ngược mắt từ sàn lên, quay sang tôi bảo, “Chuyện xảy ra với bốn người đàn ông kia là lỗi của chúng ta, ông biết đấy. Bằng búa. Cụ thể là lỗi của ông. Ông đã bảo Lila là ông biết về bọn họ. Ông đã biến họ thành đầu mối cần xử lý.”

Tôi nói, “Cảm ơn cô đã chỉ ra.”

*Tôi nghĩ ông đã đẩy cô ấy qua miệng vực.*

*Cụ thể là lỗi của ông.*

Tàu lạch xạch chạy vào ga trên phố 28.

Chúng tôi ra khỏi ga ở phố 33. Chẳng ai trong chúng tôi muốn đi tới Ga Trung tâm. Có quá nhiều cảnh sát, và ít nhất đối với Jacob Mark thì có thể quá nhiều những điều liên đới không tốt. Trên phố, đại lộ Park thật bận rộn. Trong phút đầu tiên có hai xe cảnh sát chạy qua. Ở phía Tây là tòa nhà

Empire State. Quá nhiều cảnh sát. Chúng tôi theo đường cũ trở lại hướng Nam và đi vào một con phố ngang yên tĩnh dẫn về đại lộ Madison. Lúc này tôi cảm thấy thoải mái. Tôi đã trải qua mười sáu trong tổng số mười bảy giờ để ngủ, trong người tràn đầy thức ăn và chất lỏng. Nhưng Lee và Jake trông rệu rã. Họ chẳng có nơi nào để đi và không quen với điều đó. Rõ ràng họ không thể về nhà rồi. Họ cũng chẳng thể tới chỗ bạn bè. Chúng tôi phải cho rằng tất cả những nơi họ thường lui tới mà cảnh sát biết đều đang bị theo dõi.

Lee nói, “Chúng ta cần có kế hoạch.”

Tôi thích kiểu khu nhà nơi chúng tôi đang đến. New York có vài trăm khu dân cư nhỏ tách biệt. Kiểu cách, dáng vẻ thay đổi qua từng con phố, thậm chí qua từng tòa nhà. Park và Madison ở khu 20 hơi xơ xác. Các con phố ngang hơi nhếch nhác. Có thể một thời chúng đã là nơi cao cấp, và có thể một ngày nào đó sẽ lại như thế, nhưng đúng thời điểm này thì dễ chịu. Chúng tôi náu dưới giàn giáo bên vỉa hè một lát rồi quan sát những kẻ say rượu lảo đảo từ quán bar trở về nhà, những người ở chung cư gần đó dắt chó đi dạo trước khi ngủ. Chúng tôi trông thấy một tay dắt con chó dòng Great Dane to ngang một con ngựa nhỏ, một cô gái dắt con chó sục to bằng đầu con Great Dane. Nhìn chung tôi thích con chó sục. Chó nhỏ, nhân cách lớn. Tay nhỏ bé kia nghĩ hẳn là chủ thế giới. Chúng tôi đợi tới khi đồng hồ nhảy qua nửa đêm thì luồn lách khắp nơi cho tới khi tìm được khách sạn phù hợp. Đó là một khách sạn hẹp có tám biển cỡ nhỏ được chiếu sáng nhờ các bóng điện hiệu điện thế thấp. Nó trông hơi xuống cấp và đầy bụi bặm. Nhỏ hơn mức tôi thích. Những nơi rộng lớn hơn có hiệu quả hơn nhiều. Cơ hội lớn hơn để có phòng trống, ẩn danh tính hơn, ít bị theo dõi hơn. Nhưng nhìn chung lại thì nơi chúng tôi đang quan sát cũng khả dĩ.

Đó là mục tiêu hợp lý cho trò chơi năm mươi đô.

Hoặc có lẽ chúng tôi có thể thành công với bốn mươi đô.

Cuối cùng chúng tôi phải trả giá lên đến tận bảy mươi lăm đô, có lẽ do tay khuân đồ ban đêm nghi chúng tôi chơi trò làm tình tay ba. Có lẽ vì cái lỗi Theresa Lee đang nhìn tôi. Trong mắt cô hiện lên điều gì đó. Tôi không chắc là gì. Nhưng rõ ràng tay khuân đồ ban đêm đã trông thấy cơ hội nâng giá. Căn phòng hẳn dành cho bọn tôi thuộc loại nhỏ. Nó nằm ở phần sau khách sạn, có một đôi giường và cửa sổ hẹp trên ống thông gió. Khách sạn này sẽ chẳng bao giờ xuất hiện trong sổ tay hướng dẫn du lịch, nhưng có vẻ an toàn, kín đáo và tôi có thể chắc rằng Lee và Jake cảm thấy ổn khi qua đêm ở đây. Nhưng cũng chắc chắn tương tự như thế, tôi có thể nói rằng chẳng ai trong hai người cảm thấy ổn khi ngủ ở đây hai, năm hoặc mười đêm.

“Chúng ta cần người giúp đỡ,” Lee nói. “Ta không thể sống thế này mãi được.”

“Chúng ta có thể nếu muốn,” tôi nói. “Tôi từng sống thế này trong mười năm đấy!”

“OK, một người bình thường không thể sống thế này mãi mãi. Chúng ta cần giúp đỡ. Vấn đề này sẽ không tự mất đi đâu.”

“Có thể,” Jake nói. “Từ cách cô luận ra nó trước đây. Nếu ba ngàn người biết, nó sẽ không còn là vấn đề nữa. Thế nên tất cả những gì chúng ta phải làm là nói cho ba ngàn người biết.”

“Cho từng người một à?”

“Không, ta nên gọi cho báo chí.”

“Họ sẽ tin ta chứ?”

“Nếu chúng ta nói có sức thuyết phục.”

“Họ sẽ đăng câu chuyện này chứ?”

“Tại sao lại không?”

“Ai biết được bây giờ chuyện gì diễn ra với báo chí chứ? Có thể họ sẽ hỏi ý kiến chính phủ về thông tin cho một việc thế này. Có lẽ chính phủ sẽ lệnh cho họ dập nó đi.”

“Vậy tự do báo chí thì sao?”

Lee nói, “Có, tôi nhớ cái đó.”

“Thế thì ai sẽ giúp chúng ta kia chứ?”

“Sansom,” tôi nói. “Sansom sẽ giúp chúng ta. Trong việc này ông ta có rủi ro tổn hại cao nhất.”

“Sansom là chính phủ. Ông ta có người của riêng mình bám theo Susan.”

“Bởi ông ta có rất nhiều thứ để mất. Ta có thể sử dụng điều ấy.” Tôi lấy điện thoại di động của Leonid ra khỏi túi ném xuống giường cạnh Theresa Lee. “Đến sáng hãy nhắn tin cho Docherty. Lấy số máy của tòa nhà văn phòng Cannon ở Washington. Hãy gọi tới văn phòng của Sansom yêu cầu nói chuyện riêng với ông ta. Nói với ông ta rằng cô là một sĩ quan cảnh sát ở New York và cô đang ở cạnh tôi. Nói với ông ta rằng chúng ta biết người của ông ta đã ở trên tàu. Rồi bảo ông ta rằng chúng ta biết chiếc DSM không phải dành cho khẩu súng trường VAL. Nói với ông ta rằng chúng ta biết còn nhiều chuyện nữa.”

THERESA LEE CẦM ĐIỆN THOẠI lên giữ một lúc như thể nó là món nữ trang quý hiếm. Rồi cô đặt nó lên giá đầu giường và hỏi, “Điều gì khiến ông nghĩ là còn nhiều chuyện nữa?”

Tôi đáp, “Nhìn chung còn thêm nhiều. Sansom giành được bốn huy chương, không chỉ một. Ông ta là dạng sĩ quan hành động thực hiện nhiệm vụ thường xuyên. Chắc chắn ông ta đã thực hiện đủ loại việc rồi.”

“Chẳng hạn việc gì?”

“Bất kỳ việc gì cần làm. Cho bất kỳ kẻ nào muốn việc ấy được thực hiện. Không chỉ quân đội đâu. Thi thoảng lực lượng Delta cũng được cho mượn. Đôi khi cho CIA mượn.”

“Để thực hiện việc gì?”

“Các vụ can thiệp bí mật. Đảo chính. Âm sát.”

“Tướng Tito chết năm 1980. Ở Nam Tư. Ông có nghĩ là Sansom đã làm việc đó không?”

“Không, tôi nghĩ là Tito bị bệnh. Nhưng tôi cũng chẳng ngạc nhiên nếu có kế hoạch dự bị, phòng trường hợp ông ta vẫn khỏe.”

“Brezhnev chết năm 1982. Ở Nga. Rồi Andropov, ngay sau đó. Rồi tới Chernenko, thực sự nhanh. Cứ như đại dịch ấy.”

“Cô là người thế nào đây? Sử gia à?”



“Nghịệp dư. Nhưng dù thế nào đi nữa thì tất cả cũng dẫn đến Gorbachev, và sự tiến bộ. Ông nghĩ việc đó là do chúng ta à? Ông nghĩ là do Sansom hả?”

“Có thể,” tôi nói. “Tôi không biết.”

“Nhưng dù là gì đi chăng nữa, chẳng có chuyện nào trong những chuyện kiểu này liên quan tới tháng Ba năm 1983 ở Afghanistan.”

“Nhưng hãy nghĩ mà xem. Chạm trán một đội bắn tỉa của Liên Xô trong đêm tối là một khả năng hoàn toàn ngẫu nhiên. Liệu họ có điều một tay hành động xuất sắc như Sansom đến chỉ để lang thang quanh đồi và cầu gặp vận may không? Đi trăm lẻ một lần thì cả trăm lần ông ta sẽ về tay trắng. Đó là rủi ro rất lớn chỉ để tìm kiếm phần thưởng rất nhỏ. Thế là chẳng có kế hoạch hành động gì sát. Một phi vụ thì phải có mục tiêu có thể đạt được.”

“Rất nhiều kế hoạch đã thất bại.”

“Dĩ nhiên là thế. Nhưng tất cả đều bắt đầu với một mục tiêu thực tế. Thực tế hơn cái chuyện lang thang ở vùng núi không người rộng cả ngàn dặm vuông chỉ để hy vọng ngẫu nhiên chạm mặt đối thủ. Thế nên chắc chắn đã có việc gì đó khác diễn ra.”

“Thế thì mơ hồ lắm.”

“Còn nữa,” tôi nói. “Không mơ hồ đâu. Người ta đã nói chuyện với tôi suốt cả vài ngày. Và tôi đã lắng nghe. Một số trong những điều tôi nghe thấy không dễ hiểu lắm. Máy tay nhân viên điều tra liên bang ấy khiến tôi thấy rối tung ở Watergate, Washington. Tôi hỏi họ đang có chuyện gì. Phản ứng của họ thật kỳ quặc. Như trời sắp sập ấy. Có vẻ không phù hợp với một vụ dùng biện pháp kỹ thuật thu thập thông tin trái phép cách đây hai mươi lăm năm.”

“Địa chính trị không đơn giản đâu.”

“Nhất trí. Và tôi là người đầu tiên thừa nhận rằng mình chẳng phải chuyên gia. Nhưng ngay cả thế đi nữa, có vẻ chuyện này liên quan đến cấp cao nhất.”

“Thế vẫn mơ hồ.”

“Tôi đã nói chuyện với Sansom ở Washington. Trong văn phòng ông ta. Ông ta có vẻ khó chịu về toàn bộ chuyện này. Sâu muộn, bất ổn.”

“Đang mùa bầu cử mà.”

“Nhưng giành được khẩu súng trường là việc hay đấy chứ, đúng không? Chuyện đó chẳng có gì đáng xấu hổ. Đó là tất cả những gì quân đội gọi là mạnh mẽ và dũng cảm. Thế nên phản ứng của ông ta là không phù hợp.”

“Vẫn mơ hồ.”

“Ông ta biết tên tay súng bắn tỉa. Grigori Hoth. Từ thẻ tên của người này. Tôi nghĩ ông ta đã giữ những chiếc thẻ tên làm vật kỷ niệm. Sansom bảo không, các thẻ tên đã bị khóa kỹ cùng các báo cáo sau hành động và mọi thứ khác. Cứ như thẻ lỗ lời. Và mọi thứ khác là sao? Điều này nghĩa là gì?”

Lee chẳng nói gì.

Tôi nói, “Chúng tôi đã nói về số phận của tay bắn tỉa và người phát hiện mục tiêu. Sansom bảo ông ta không có vũ khí giảm thanh. Lại nghe như thêm một lần lỗ lời nữa. Delta không bao giờ thực hiện những phi vụ bí mật trong đêm mà không có vũ khí giảm thanh. Họ rất cẩn thận về những chuyện như thế. Vậy nên tôi nghĩ toàn bộ câu chuyện khẩu súng VAL là sản phẩm phụ hoàn toàn ngẫu nhiên của một chuyện hoàn toàn khác. Tôi nghĩ

khẩu súng bắn tia đúng là một câu chuyện. Nhưng việc này như một tảng băng. Phần lớn của nó vẫn còn đang ẩn đi.”

Lee không nói gì.

Tôi tiếp, “Rồi chúng tôi nói về địa chính trị. Ông ta nhận thấy một mối đe dọa, cái này thì rõ rồi. Ông ta lo về Nga, hay về Liên bang Nga, tùy họ tự gọi mình là gì cũng được. Sansom nghĩ rằng họ bất ổn. Ông ta bảo rằng mọi thứ sẽ vỡ tóe loe ra, nếu cái phần về đòi Korengal trong câu chuyện lọt ra ngoài. Nghe thấy gì không? *Phần về* đòi Korengal của câu chuyện. Nghe cứ như lần lỡ lời thứ ba. Đó rõ là lời thú nhận trực tiếp rằng *còn nhiều nữa*. Từ chính miệng kẻ trong cuộc.”

Lee không nói gì. Jacob Mark hỏi, “Còn cái gì nữa?”

“Tôi không biết. Nhưng dù là gì, nó chứa đựng rất nhiều thông tin. Ngay từ đầu Lila Hoth tìm kiếm một chiếc USB. Và cánh nhân viên điều tra liên bang cho rằng có một chiếc như vậy nằm đâu đó. Họ bảo nhiệm vụ của họ là thu hồi chiếc USB thật. Thật, bởi vì họ đã lấy chiếc USB mà tôi mua và cho rằng đó là mồi nhử. Họ bảo, nó không chứa gì và kiểu gì đi nữa thì cũng quá nhỏ. Nghe thấy chứ? Quá nhỏ? Nghĩa là có một số tệp lớn. Rất nhiều thông tin.”

“Nhưng Susan đã không mang gì theo mình.”

“Đúng. Nhưng tất cả đều cho rằng cô ấy đã mang theo nó.”

“Loại thông tin nào?”

“Tôi không biết. Trừ việc Springfield đã nói chuyện với tôi ở đây, tại New York. Tay phụ trách an ninh của Sansom, ở khách sạn Sheraton. Trong một hành lang yên tĩnh. Anh ta rất căng. Anh ta cảnh báo tôi rời cuộc chơi. Anh ta chọn một cách nói ẩn dụ cụ thể. Anh ta bảo: ông không thể lật được tảng đá không vừa với sức ông đâu.”

“Thế thì sao?”

“Nếu cô lật một tảng đá thì sao?”

“Nhiều thứ lộ ra.”

“Chính xác. Nhiều thứ lộ ra. Bây giờ đây chớ chả phải lúc nào. Chuyện này không phải là những thứ nằm trơ đó, đã chết cách đây hai mươi lăm năm. Chuyện này liên quan đến những thứ đang vận động, diễn biến lúc này. Chuyện này liên quan tới những vấn đề đang tồn tại hiện nay.”

Tôi thấy Theresa Lee đang suy nghĩ hết mọi vấn đề. Cô liếc chiếc điện thoại di động trên giá. Hai mắt cô nhú lại. Tôi đoán nữ thám tử đang thảo trước nội dung cú điện thoại sẽ gọi cho Sansom vào sáng mai. Cô nói, “Ông ta thuộc dạng bất cần, phải không? Ông bảo rằng ông ta lỡ miệng ba lần.”

Tôi nói, “Ông ta là sĩ quan Delta ở những thời kỳ rục rờ nhất trong mười bảy năm quân ngũ.”

“Và gì nữa?”

“Cô không sống nổi mười bảy ngày nếu bất cần.”

“Vậy thì sao?”

“Ông ta có vẻ rất chú ý đến tôi. Sansom ý thức về mọi chuyện có liên quan đến chiến dịch tranh cử. Phải trông thế nào, ăn nói ra sao, đi lại kiểu gì. Tất cả những hàm ý nhỏ nhất đến cùng.”

“Vậy thì sao?”

“Vậy thì tôi không nghĩ rằng ông ta bất cần.”

“Ông ta đã lỡ lời ba lần.”

“VẬY sao? Tôi không dám chắc lắm. Tôi tự hỏi có phải chẳng là thay vì như vậy, ông ta đang giăng bẫy. Sansom đã đọc hồ sơ của tôi. Ông ta biết tôi là quân cảnh giỏi, lại rất gần với thế hệ ông ta. Tôi nghĩ có thể ông ta đang cần giúp đỡ, bằng bất cứ cách thức xưa cũ nào mà ông ta có thể tìm được.”

“Ông cho là Sansom đang tuyển mộ ông à?”

“Có thể,” tôi nói. “Tôi nghĩ ông ta đã rắc chút vụn bánh mì, và chờ xem liệu tôi có lần theo hay không.”

“Bởi vì cái gì?”

“Bởi ông ta muốn đẩy nắp lại, và ông ta không chắc chắn kẻ nào sẽ làm được việc ấy cho mình.”

“Ông ta không tin tưởng đám người của Bộ Quốc phòng à?”

“Cô có tin không?”

“Đó đâu phải thế giới của tôi. Ông tin họ chứ?”

“Tin được mới lạ.”

“Ông ta không tin tưởng Springfield à?”

“Tin cả đời. Nhưng Springfield chỉ là một cá nhân. Mà Sansom có một vấn đề lớn. Thế nên có thể ông ta tính toán rằng nếu một kẻ khác dính vào, có thể ông ta sẽ ổn. Càng đông càng vui.”

“Vậy là ông ta sẽ bắt buộc phải giúp ta.”

“Không phải bắt buộc,” tôi nói. “Thẩm quyền của Sansom rất hạn chế. Nhưng có thể ông ta có khuynh hướng ngả về phe chúng ta. Đó là lý do tôi muốn cô gọi cho ông ta.”

“Tại sao ông không gọi?”

“Bởi tôi sẽ không ở đây khi bắt đầu công việc ngày mai.”

“Ông sẽ không ở đây à?”

“Tôi sẽ gặp hai người lúc 10 giờ, ở công viên quảng trường Madison. Cách đây vài khu nhà về phía Nam. Khi đến đó nhớ cẩn thận nhé.”

“Ông định đi đâu?”

“Ra ngoài.”

“Tới đâu?”

“Tìm mẹ con nhà Hoth.”

“Ông sẽ không tìm thấy cô ta đâu.”

“Có lẽ không. Nhưng cô ta có một đội. Có thể chúng sẽ tìm ra tôi. Tôi chắc chắn là chúng đang ra ngoài tìm tôi. Và chúng có ảnh của tôi rồi.”

“Ông sẽ dùng bản thân làm mồi nhử à?”

“Bất kỳ điều gì có tác dụng.”

“Tôi chắc chắn là cảnh sát cũng đang truy tìm ông. Cả Bộ Quốc phòng, FBI nữa. Có thể là những người mà ta chưa bao giờ nghe tới.”

“Bạn rộn suốt cả đêm.”

“Bảo trọng nhé, được không?”

“Lúc nào cũng thế.”

“Bao giờ ông đi?”

“Bây giờ.”



THÀNH PHỐ NEW YORK, lúc một giờ sáng. Vừa là nơi tốt nhất vừa là nơi tệ nhất dành cho những kẻ bị săn đuổi. Các con phố vẫn âm áp. Xe cộ thưa thớt. Cả mười giây trôi qua mà không có chiếc xe nào ở khu Madison. Xung quanh vẫn có người. Trong đó vài người đang ngủ ở các bậu cửa hoặc ghế đá. Vài người đi bộ, hoặc có mục đích hoặc chẳng để làm gì. Tôi chọn cách không mục đích. Tôi đi theo phố 30, cắt ngang tới đại lộ Park và rồi đại lộ Lexington. Tôi chưa bao giờ được huấn luyện nghệ thuật để tàng hình. Người ta chọn những tay nhỏ con hơn cho việc ấy. Những tay có tầm vóc bình thường. Họ nhìn tôi một lần là gạt bỏ ngay từ đầu. Họ cho rằng một tay tầm vóc như tôi dễ bị phát hiện. Nhưng tôi vẫn làm được. Tôi tự dạy mình vài kỹ thuật. Vài kỹ thuật trong số đó là chống lại trực giác. Đêm tốt hơn ngày, do các địa điểm có vẻ đơn độc hơn. Và khi địa điểm có vẻ đơn độc hơn, tôi sẽ lộ mình ít hơn chứ không phải nhiều hơn. Bởi khi người ta tìm kiếm tôi, người ta tìm một kẻ to lớn. Và sẽ dễ đánh giá tầm vóc hơn nếu xung quanh có những kẻ khác tiện để so sánh. Đặt tôi giữa một đám đông năm mươi thường dân, tôi sẽ trội hẳn, gần như cao vượt lên hẳn số còn lại cả hai vai lẫn cả đầu. Nếu chỉ có mình tôi, người ta sẽ ít chắc chắn hơn. Không có chuẩn so sánh nào. Người ta không giỏi đánh giá chiều cao khi đối tượng đứng tách biệt. Chúng tôi biết được điều đó từ những thử nghiệm với nhận xét của nhân chứng trực tiếp. Dàn dựng một sự vụ, rồi hỏi về ấn tượng đầu tiên, thế là cùng một nhân vật ấy song các nhân chứng kẻ thì bảo là cao một mét bảy lăm còn người khác nói là một mét chín ba. Người ta thấy, song họ không quan sát.

Trừ những người được huấn luyện quan sát.



Tôi chú ý nhiều tới xe hơi. Không có cách nào tìm ra một người ở thành phố New York ngoài cách chạy qua các phố. Nơi này quá lớn đối với một phương pháp khác. Các xe hơi màu xanh trắng của NYPD rất dễ phát hiện. Ngay cả khi ở xa, các thanh bảo vệ đèn pha tạo thành những cái bóng rất đặc trưng. Lần nào trông thấy một chiếc xe xuất hiện tôi cũng dừng lại ở ô cửa gần nhất và nằm xuống. Chỉ là một tay vô gia cư như bao kẻ khác. Nếu vào mùa đông thì khó tin, bởi trên người tôi chẳng hề có lấy một mảnh chăn cũ. Nhưng thời tiết vẫn còn nóng. Những người vô gia cư thực sự là vẫn mặc áo phông.

Xe cảnh sát không sơn phù hiệu thì khó phát hiện hơn. Cái bóng tính từ phần đầu tới phần cuối xe của chúng cũng giống như mọi xe khác, vấn đề là ở đó. Nhưng giới chính trị trong nước và ngân sách của cơ quan hành pháp chỉ cho phép lựa chọn trong phạm vi một số hãng và mẫu xe nhất định. Và nét đặc trưng là hầu hết xe cá nhân đều bị bỏ qua. Chúng bẩn, chúng yếu, chúng quá phổ biến.

Trừ các xe của lực lượng điều tra liên bang không sơn phù hiệu. Cùng một nhãn hiệu, cùng đời nhưng thường mới, sạch sẽ, được đánh sáp và lau bóng. Khá dễ phát hiện ra, nhưng không dễ phân biệt với một số xe dịch vụ. Các công ty làm dịch vụ đưa đón dùng xe cùng hãng, cùng đời. Crown Vic, rồi các xe tương đương hiệu Mercury. Rồi những người lái xe cho thuê giữ xe mình sạch sẽ. Tôi dành chút thời gian nằm ở các ô cửa chỉ để thấy các biển số xe taxi và xe đưa đón chạy vọt qua. Ủy ban taxi và xe đưa đón. Điều này khiến tôi bực mình, cho tận tới lúc tôi nhớ ra nhận xét của Theresa Lee về đội chống khủng bố của NYPD lượn lờ bằng xe taxi giả. Sau đó tôi trở nên thận trọng.

Tôi nghĩ rằng đội của Lila Hoth sẽ dùng xe thuê. Hertz, Avis, Enterprise hoặc bất kỳ hãng cho thuê xe nào mới kinh doanh. Một lần nữa, lại là một số khá ít nhãn và đời xe cụ thể, chủ yếu là các loại kém chất lượng sản xuất trong nước nhưng mới, sạch sẽ, được bảo trì tốt. Tôi trông

thấy nhiều chiếc phù hợp với mô tả, và nhiều chiếc không thế. Tôi thực hiện tất cả các biện pháp đề phòng hợp lý để tránh vướng phải đường của cơ quan thực thi luật pháp, và tôi thực hiện mọi nỗ lực tốt nhất để người của Lila Hoth phát hiện thấy mình. Đêm khuya thật có ích. Nó đơn giản hóa mọi thứ. Nó phân loại dân cư. Những người xa lạ lai vãng không liên quan hầu hết đã ngủ ở nhà.

Tôi cuộc bộ nửa giờ, nhưng chẳng gì xảy ra.

Cho tận tới 1 giờ 30 sáng.

Tận tới khi tôi vòng lại phố 22 và Broadway.

VÔ TÌNH TÔI LẦN NỮA TRÔNG THẤY cô gái cùng con chó sục. Cô đang đi bộ theo đường Broadway theo hướng Nam, về phía phố 22. Gã người bé nhỏ đang tè vào mấy cái cột và lò tịt những người khác. Tôi đi qua họ, con chó trông thấy tôi bèn sủa. Tôi ngoái lại để đảm bảo với nó rằng tôi chẳng phải mối đe dọa lớn, qua khước mắt tôi thấy một chiếc Crown Vic đen chạy qua đèn giao thông của phố 23. Sạch sẽ, sáng bóng, đầu cần ăng ten trên thùng xe được đèn pha của chiếc xe chạy sau ba chục mét chiếu cho sáng rõ.

Nó chạy chậm lại bằng vận tốc người đi bộ.

Ở đoạn này, Broadway rộng gấp đôi. Sáu làn, tất cả chạy về hướng Nam, sau đèn giao thông thì được phần đường ngắn dành cho người đi bộ chia ra ở giữa. Tôi đang trên vỉa hè bên tay trái. Cạnh tôi là một tòa chung cư. Xa nữa là các cửa hàng bán lẻ. Bên phải tôi, cách sáu làn đường là tòa nhà Flatiron. Xa nữa lại các cửa hàng bán lẻ.

Chặn trước mặt là lối xuống ga tàu điện ngầm.

Cô gái cùng con chó sục rẽ trái phía sau lưng tôi rồi đi vào tòa chung cư. Tôi trông thấy người gác cửa ngồi sau một cái bàn. Chiếc Crown Vic dừng ở làn thứ hai trong sáu làn xe. Chiếc xe phía sau nó vượt lên khá nhanh, ánh đèn pha của nó cho tôi thấy bóng hai người đàn ông ở ghế trước chiếc Crown Vic. Họ đang ngồi yên. Có thể đang kiểm tra một tấm ảnh, có thể đang gọi xin lệnh, có thể gọi lực lượng hỗ trợ.

Tôi ngồi xuống một bức tường gạch thấp chạy quanh khu trồng cây ở phía trước chung cư. Lối xuống ga tàu điện ngầm cách tôi ba mét.

Chiếc Crown Vic đứng yên tại chỗ.

Xa về hướng Nam so với chỗ tôi, vỉa hè đường Broadway rộng. Cạnh dãy cửa hàng bán lẻ, đường được đổ bê tông. Phần nửa vỉa hè sát mép phố là một tấm ghi dài của ga tàu điện ngầm. Lối xuống ga tàu cách tôi ba mét là cầu thang hẹp. Góc phía Nam của ga trên phố 23. Các tàu tuyến N, R và W. Sân ga ở mạn trên thành phố.

Tôi cược với bản thân rằng đây là một lối vào HEET. Dạng cửa song sắt xoay ra vào, khá cao. Không phải cược bằng tiền. Mà là thứ gì đó quan trọng hơn nhiều, sống, tự do, mưu cầu hạnh phúc.

Tôi đợi.

Hai gã trong xe ngồi yên.

Vào lúc 1 giờ 30 sáng, hệ thống tàu điện ngầm đã ở vào hẳn chế độ đêm. Các chuyến tàu chạy cách nhau hai mươi phút. Tôi không nghe tiếng miết hay gầm gào từ bên dưới. Không có luồng không khí chuyển động. Rác trên các tấm ghi ở vỉa hè phía xa vẫn nằm im.

Chiếc Crown Vic xoay hai bánh trước. Tôi nghe tiếng bom trợ lực tay lái kêu xì xì và tiếng lốp rít trên mặt đường. Nó ngoặt khá gấp qua bốn làn đường và lao thẳng theo hình chữ S hẹp rồi dừng lại ở mép lề đường cạnh tôi.

Hai người đàn ông ở trong xe.

Tôi đợi.

Đó là xe của cơ quan điều tra liên bang, chắc chắn rồi. Một chiếc xe dùng chung. Thông số LX tiêu chuẩn, không phải mẫu xe Cảnh sát Chặn bắt. Sơn đen, bọc vành bằng nhựa. Vỉa hè không đông lắm nhưng cũng

không phải không có người. Người ta đang vội vã trở về nhà một mình, hoặc đi dạo chậm rãi thành từng đôi. Trên mấy phố ngang phía Nam có các câu lạc bộ. Tôi biết như vậy nhờ các nhóm nhỏ những người chệnh choáng thi thoảng xuất hiện, nghênh cổ ra đường, tìm vẫy xe taxi đang lượn lờ bắt khách.

Hai người trong xe cử động. Một người nghiêng về bên phải, một nghiêng sang trái, cách người ta cử động trong xe khi cả hai đồng thời nắm lấy tay nắm cửa phía trong.

Tôi theo dõi những tấm ghi của ga tàu điện ngầm trên vỉa hè, cách tôi bốn mươi mét về phía Nam.

Chẳng có gì. Không khí đứng yên. Không có rác chuyển động.

Hai người đàn ông ra khỏi xe. Cả hai đều mặc com lê tối màu. Áo khoác của họ hơi nhăn ở phần dưới lưng, do lái xe. Người ngồi ở ghế cạnh tay lái vòng sang đứng cùng người lái xe nơi rãnh thoát nước gần đầu chiếc Crown Vic. Họ đứng ngang với tôi, có lẽ cách sáu mét, cách một vỉa hè. Họ có phù hiệu gắn sẵn ở túi ngực. FBI, tôi nghĩ, dù tôi không ở đủ gần để chắc chắn về điều đó. Với tôi, tất cả những phù hiệu dân sự này đều trông như nhau. Người ngồi ghế hành khách nói to. “Nhân viên điều tra liên bang đây.” Cứ như anh ta cần phải nói thế.

Tôi không phản ứng gì.

Họ vẫn đứng ở rãnh thoát nước. Không bước lên vỉa hè. Tôi đoán là cơ chế phòng thủ theo phản xạ. Vỉa hè như một pháo đài tí hon. Nó không thực sự giúp bảo vệ, nhưng một khi đã xuyên thủng nó, họ phải tiếp tục. Họ sẽ phải hành động, và họ không chắc chắn phải hành động thế nào.

Những tấm ghi của ga tàu điện ngầm đứng yên lặng.

Người ngồi ghế hành khách gọi, “Jack Reacher phải không?”

Tôi không trả lời. Khi tất cả những biện pháp khác thất bại, hãy giả ngu.

Người cầm lái nói, “Ồ đâu thì ở yên đấy.”

Đôi giày tôi đang đi làm bằng cao su, không khít và chắc như tôi thường quen. Nhưng dù vậy tôi vẫn cảm nhận được độ rung vang xa xăm đầu tiên của đoàn tàu truyền qua chúng. Một chuyến tàu, hoặc từ phố 28 về mạn dưới thành phố, hoặc đang chạy từ phố 14 lên mạn trên. Cơ hội năm mươi-năm mươi. Chuyến tàu về mạn dưới chẳng có ích gì cho tôi. Tôi đang ở phía không thuận đường Broadway. Chuyến tàu lên mạn trên mới là cái tôi muốn.

Tôi theo dõi những tấm ghi ở vỉa hè phía xa.

Đám rác vẫn nằm yên.

Người ngồi ghế hành khách gọi, “Hãy đặt hai tay ở nơi tôi có thể nhìn thấy.”

Tôi thò một tay vào túi. Một phần để tìm thẻ đi tàu điện ngầm phần để xem chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo. Tôi biết chương trình đào tạo ở Quantico rất đề cao sự an toàn của dân chúng. Các nhân viên điều tra liên bang được lệnh chỉ rút vũ khí trong tình huống khẩn cấp. Nhiều người chưa bao giờ rút vũ khí, suốt từ khi tốt nghiệp cho đến lúc nghỉ hưu, thậm chí một lần cũng chưa. Xung quanh có những người vô tội. Lối đi của một khu chung cư nằm ngay sau lưng tôi. Tầm triển khai hỏa lực cao, rộng và thuận lợi, đầy những thảm kịch ăn theo đang chờ xảy ra. Những người đi ngang qua, xe cộ, trẻ em ngủ trong phòng ngủ ở tầng thấp.

Hai nhân viên điều tra liên bang rút súng ra.

Hai động tác hết nhau. Hai thứ vũ khí hết nhau. Súng ngắn hiệu Glock, rút ra nhanh gọn, nhẹ nhàng và dễ dàng từ bao súng bên vai. Cả hai người đều thuận tay phải.

Người ngồi ghế hành khách nói, “Không được cử động!”

Xa bên tay trái tôi, rác trên các tấm ghi của ga tàu điện ngằm xoay tròn. Một chuyến tàu lên mạn trên thành phố, đang tiến về phía tôi. Làn hơi ẩm trước đầu đoàn tàu đang di chuyển nhanh, tạo thành áp suất, tìm cách thoát ra. Tôi đứng dậy, đi vòng qua rào chắn về phía đầu cầu thang. Không nhanh, không chậm. Tôi tiến mỗi lần một bước. Phía sau, tôi nghe tiếng hai nhân viên điều tra liên bang bám theo mình. Tiếng gót giày cứng trên nền bê tông. Họ đi giày tốt hơn tôi. Tôi xoay chiếc thẻ đi tàu điện ngằm trong túi và lôi nó ra, quay cho đúng mặt khi sử dụng.

Công kiểm tra vé khá cao. Song sắt chạy từ sàn lên thấu trần, như một xà lim. Có hai cửa xoay, một bên trái một bên phải. Cả hai đều hẹp và cao hết tầm. Không cần giám sát. Không cần quỳ có người điều hành. Tôi đút thẻ vào, số tiền cuối cùng còn lại trong thẻ khiến cho đèn xanh lên và tôi đẩy cửa bước qua. Phía sau tôi, hai nhân viên điều tra liên bang đứng kẹt cứng. Nếu là một cửa xoay bình thường thì họ đã nhảy qua rồi giải thích sau. Nhưng cửa vào kiểu HEET không có người điều khiển lại không cho thực hiện lựa chọn ấy. Và họ lại chẳng mang theo thẻ đi tàu điện ngằm của mình. Có lẽ họ sống ngoài khu Long Island và ngày ngày lái xe đi làm. Cả ngày ngồi bên bàn làm việc hoặc trong xe hơi. Họ bắt lực đứng sau các song sắt. Cũng chẳng có cơ hội la lối đe dọa hay đàm phán. Tôi đã tính toán thời gian vừa khít. Làn hơi ẩm đã vào trong ga, làm di chuyển bụi và xoay tít những chiếc cốc rỗng. Ba toa xe đầu tiên đã nằm ngay khúc cua. Con tàu gào lên, rền rĩ rồi dừng lại và tôi bước lên mà chẳng cần phải sỏi bước dài. Cửa khép lại và con tàu mang tôi đi, hình ảnh cuối cùng tôi thấy là hai nhân viên điều tra liên bang đứng phía bên kia cửa xoay, súng thông xuống dọc thân người.

TÔI ĐANG Ở TRÊN TÀU TUYẾN R. Tàu R chạy theo Broadway tới quảng trường Thời đại rồi tiếp tục tới phố 57 và đại lộ Bảy, nơi nó ngoặt gấp về bên phải rồi dừng ở phố 59 và đại lộ Năm rồi tới phố 60 và Lexington trước khi chạy tiếp xuyên lòng sông về phía Đông tới khu Queens. Tôi không muốn tới Queens. Khu ngoại ô đó thì ổn, chẳng vấn đề gì nhưng buồn tẻ về đêm, và dù sao trong lòng tôi cũng cảm thấy rằng việc cần làm nằm ở một nơi khác. Chắc chắn là ở Manhattan rồi. Có lẽ ở khu East Side, không cách xa phố 57. Lia Hoth đã dùng khách sạn Four Seasons làm base. Nghĩa là căn cứ thực sự của cô ta ở một nơi gần đó, hầu như có thể chắc chắn thế. Không sát nhưng có thể gần để đi lại được thuận tiện.

Và căn cứ thực sự của cô ta là một căn nhà chung vườn với nhà khác, không phải căn hộ hay một khách sạn khác. Bởi cô ta mang theo một đội, chúng phải có khả năng tới lui mà không bị phát hiện. Ở mạn Đông khu Manhattan có rất nhiều nhà như thế.

Tôi ngồi trên tàu đi hết quảng trường Thời đại. Tại đây có một số người lên. Trong khoảng thời gian một phút chạy tới phố 49, trên toa tôi có hai mươi bảy người. Rồi năm người xuống ở phố 49 và số khách bắt đầu giảm. Tôi xuống ở ga giữa phố 59 và đại lộ Năm. Không ra khỏi ga. Tôi chỉ đứng trên sân ga dõi theo con tàu tiếp tục chạy mà không có mình. Rồi tôi ngồi xuống một ghế băng mà đợi. Tôi đoán các nhân viên điều tra liên bang ở phố 22 đã nhận được thông tin qua hệ thống liên lạc radio. Tôi cho là có thể cảnh sát đang hướng về các ga có tàu tuyến R theo một hàng dài có trình tự. Tôi hình dung cảnh họ ngồi trong xe hơi hay đứng trên vỉa hè, ước



lượng thời gian con tàu chạy dưới lòng đất, người căng ra, rồi lại thả lỏng khi họ nhận định rằng tôi đã đi qua phía bên dưới họ và lại tiếp tục tiến xa hơn theo hướng tàu chạy. Tôi hình dung cảnh họ đứng đợi khoảng năm phút rồi bỏ cuộc. Thế nên tôi đợi. Cả chục phút. Rồi tôi rời ga. Tôi đi lên khỏi lòng đất và không thấy ai đang tìm kiếm mình. Tôi chỉ có một mình ở một góc phố không người, khách sạn cổ nổi tiếng Plaza ngay phía trước mặt, được chiếu sáng khắp nơi, và phía sau tôi là công viên, đen ngòm.

Tôi còn cách khách sạn Four Seasons hai dãy nhà về phía Bắc, nửa dãy về phía Tây.

Nếu xét ngay từ lúc mọi chuyện bắt đầu, tôi còn cách nơi Susan Mark lên mặt đất từ tàu điện ngầm tuyến 6 đúng ba dãy nhà về phía Tây.

Và ngay lúc này tôi hiểu rằng Susan Mark đã chẳng đi về phía khách sạn Four Seasons. Không mặc đồ đen và sẵn sàng chiến đấu. Không thể có chuyện chiến đấu ở sảnh khách sạn, trong hành lang hay trong một khu phòng của nó. Mặc đồ đen nơi đây đèn sáng chẳng có chút lợi thế nào. Vậy nên khi ấy Susan đang hướng về một nơi khác. Có lẽ thẳng tới điểm bí mật, vậy thì nó phải ở một con phố ngang kín đáo và tối. Nhưng nó vẫn phải nằm trong ô vuông ban đầu gồm sáu mươi tám dãy nhà, nằm giữa phố 42 và phố 59, đại lộ Năm và đại lộ Ba. Xét về tính chất của khu vực này thì nhiều khả năng nhất nằm ở một trong hai góc vuông phía trên. Hoặc phía trên bên trái, hoặc phía trên bên phải. Có thể là một trong hai ô vuông nhỏ hình thành từ mười sáu dãy nhà.

Ô đó có thể chứa những gì?

Chừng hai triệu thứ khác nhau.

Như thế là tốt gấp bốn lần so với tám triệu thứ khác nhau, nhưng không tốt hơn nhiều tới mức khiến tôi nhảy cẫng vì vui sướng. Thay vì thế tôi đi về phía Đông qua đại lộ Năm và lại tiếp tục kiêu đi lang thang, quan sát các xe hơi, ở trong bóng tối. Người vô gia cư ít hơn nhiều so với khu 20,

tôi cho là nằm ở các ô cửa còn dễ bị chú ý hơn không nằm. Thế nên tôi quan sát xe cộ và sẵn sàng hoặc bỏ chạy hoặc chiến đấu, tùy kẻ nào phát hiện ra tôi đầu tiên.

Tôi băng ngang đại lộ Madison và hướng về đại lộ Park. Giờ thì tôi đã ngay phía sau khách sạn Four Seasons, nằm cách hai dãy nhà về phía Bắc. Con phố yên tĩnh. Hầu hết là các cửa hiệu bán lẻ hàng đầu và cửa hiệu xa hoa, tất cả đều đã đóng cửa. Đến đại lộ Park tôi rẽ về phía Nam rồi tới phố 58 lại ngoặt sang Đông. Không thấy gì nhiều. Vài căn nhà chung vườn, nhưng căn nào cũng giống căn nào. Mặt tiền xây bằng đá cát, cao năm hoặc sáu tầng, phía dưới là cửa sổ có chấn song, trên là cửa sổ lắp cửa chớp, không đèn đóm. Một số căn là lãnh sự quán của một số nước nhỏ. Một số là văn phòng trung bày chiến tích hay các quỹ từ thiện và công ty nhỏ. Một số dùng làm nơi ở, nhưng được chia làm nhiều căn hộ. Một số chắc chắn là nhà của một gia đình duy nhất, song tất cả các gia đình duy nhất đã say ngủ sau những cánh cửa khóa kín.

Tôi băng ngang đại lộ Park và hướng về đại lộ Lexington. Quảng trường Sutton ở phía trước. Tĩnh lặng, rất điển hình cho khu dân cư. Hầu hết là căn hộ, nhưng có một số nhà riêng. Xưa kia các khu dân cư tập trung nhiều hơn ở phía Nam và Đông, nhưng các tay cò nhà đất đầy lạc quan đã đẩy ranh giới của chúng về phía Bắc, đặc biệt là phía Tây, tới tận đại lộ Ba. Các khu vực vành đai mới phát triển tương đối ít người biết.

Một khu vực lý tưởng để ẩn náu.

Tôi tiếp tục lang thang, Tây và Đông, Bắc và Nam, phố 58, 57,56, đại lộ Lexington, đại lộ Ba, đại lộ Hai. Tôi vòng quanh nhiều dãy nhà. Chẳng có gì nhảy xổ vào tôi. Chẳng kẻ nào nhảy xổ vào tôi. Tôi trông thấy nhiều xe hơi, song tất cả đều chạy một cách vui vẻ từ A đến B. Chẳng chiếc nào thể hiện kiểu chạy chậm đặc trưng khi người cầm lái vừa chạy vừa quét ánh mắt qua các vỉa hè. Tôi nhìn thấy nhiều người, nhưng hầu hết đều ở xa và hoàn toàn không liên quan. Những người khó ngủ dắt chó đi dạo, người của

ngành y tế từ bệnh viện ở East Side trở về nhà, công nhân dọn rác, những người gác cửa chung cư ra ngoài hít thở không khí trong lành. Một trong những người dắt chó đi qua khá gần nên có thể bắt chuyện được. Con chó là chó lai màu xám khá già, người dắt là một bà già da trắng chừng tám mươi tuổi. Mái tóc của bà được chải chuốt và bà trang điểm kỹ lưỡng. Bà mặc chiếc váy mùa hè đã lỗi mốt, rất cần thêm một đôi găng tay trắng dài cho đủ bộ. Con chó ngừng lại, đau buồn nhìn tôi và bà già, coi đó là lời giới thiệu xã giao đủ ý rồi. Bà nói, “Chúc buổi tối vui vẻ.”

Đã gần 3 giờ sáng, do đó chính xác ra thì đây là buổi sáng. Nhưng tôi không muốn tỏ ra là người thích tranh cãi. Cho nên tôi chỉ nói, “Hello.”

Bà ta nói, “Ông có biết rằng từ đó được phát minh ra gần đây không?”

Tôi hỏi, “Từ nào cơ?”

“Hello,” bà đáp. “Nó được sinh ra để chào hỏi chỉ sau khi điện thoại được phát minh. Người ta cảm thấy cần nói điều gì đó sau khi nhắc ống nghe. Nó chính là biến thể của từ cổ *halloo*. Từ này thực ra là cách biểu thị sự ngạc nhiên hay cảm giác sốc tạm thời. Anh gặp một chuyện gì đó bất ngờ, anh sẽ nói *halloo!* Có lẽ người ta giật mình bởi tiếng réo của chuông điện thoại.”

“Vâng,” tôi nói. “Có lẽ thế.”

“Anh có điện thoại không?”

“Tôi từng sử dụng,” tôi đáp. “Chắc chắn tôi từng nghe chúng đồ chuông rồi.”

“Anh có thấy âm thanh của chúng thật khó chịu không?”

“Tôi luôn cho đây là mục đích của chuông điện thoại ấy chứ.”

“Vâng, tạm biệt,” bà già nói. “Nói chuyện với anh thật là dễ chịu.”

Chỉ là như vậy ở New York thôi, tôi nghĩ. Bà già tiếp tục đi, con chó già bên cạnh. Tôi dõi theo bà. Bà đi theo hướng Đông rồi hướng Nam bằng đại lộ Hai và khuất tầm mắt. Tôi quay trở lại và chuẩn bị hướng về phía Tây lần nữa. Nhưng phía trước tôi sáu mét, một chiếc Chevy Impala dừng khựng lại ở rãnh nước và Leonid từ băng ghế sau bước ra.

LEONID ĐỨNG TRÊN GỖ VĨA HÈ, chiếc xe lại tiếp tục chạy rồi lại dừng phía sau tôi sáu mét. Tay lái xe bước ra. Di chuyển khéo léo đây. Tôi bị bao vây trên vỉa hè, một gã phía trước tôi, một gã khác phía sau. Leonid trông vẫn như trước nhưng lại có khác, vẫn cao, vẫn gầy, vẫn gàn như không có râu ngoại trừ một lớp lún phún hung hung, nhưng giờ hắn mặc loại quần áo thích hợp và đã bỏ hẳn vẻ buồn ngủ. Hắn đi giày đen, quần sợi đan màu đen, áo lạnh có mũ cũng đen. Hắn trông tỉnh táo, cảnh giác và nguy hiểm. Hắn trông giống một tay tội phạm hơn. Hơn là một kẻ thích đánh nhau hoặc gây rối nơi công cộng. Hắn trông có vẻ của một tay chuyên nghiệp. Được đào tạo, và có kinh nghiệm.

Tên này trông như một tay từng là lính.

Tôi lùi lại tường của tòa nhà bên cạnh để có thể quan sát cả hai tên cùng lúc. Leonid bên trái tôi, gã còn lại bên phải. Gã còn lại đậm thấp người, tuổi trên dưới ba mươi. Gã trông giống người Trung Đông hơn là Đông Âu. Tóc sẫm màu, không có cổ. Không to lớn. Giống như Leonid, nhưng bị nén theo chiều thẳng đứng nên phình ra theo chiều ngang. Gã cũng mặc như Leonid, áo rét rẻ tiền màu đen. Tôi nhìn chiếc quần sợi đan và một từ xuất hiện trong óc tôi.

Từ đó là: *xài một lần rồi vứt.*

Gã này tiến một bước về phía tôi.

Leonid cũng thế.

Hai lựa chọn, như mọi khi: chiến đấu hoặc bỏ chạy. Chúng tôi đang ở trên vỉa hè phía Nam phố 56. Tôi đã có thể chạy băng qua bên kia đường cố gắng bỏ trốn. Nhưng có lẽ Leonid và đồng bọn hắn nhanh nhẹn hơn tôi. Định luật bình quân. Hầu hết mọi con người đều nhanh hơn tôi. Có lẽ bà già mặc chiếc váy mùa hè chạy nhanh hơn tôi. Con chó lai già màu xám của bà chắc chắn là nhanh hơn tôi.

Và bỏ chạy đã là tôi rồi. Bỏ chạy và rồi bị bắt ngay lập tức thì hoàn toàn nhục nhã.

Thế nên tôi ở yên tại chỗ.

Bên trái tôi, Leonid tiến lại gần hơn một bước.

Bên phải tôi, gã lùn cũng làm điều tương tự.

Bất cứ điều gì mà quân đội đã thất bại trong việc dạy tôi việc tránh bị phát hiện, họ đã bù đắp bằng cách dạy cho tôi rất nhiều về chiến đấu. Họ nhìn tôi một lần là đưa thẳng tới phòng tập luôn. Tôi cũng như nhiều đứa con của quân nhân. Chúng tôi có những hoàn cảnh xuất thân kỳ lạ. Chúng tôi đã sống trên khắp thế giới. Một phần đặc điểm của chúng tôi là học từ người dân địa phương. Không phải lịch sử, ngôn ngữ hay các mối quan tâm chính trị. Chúng tôi học ở họ cách chiến đấu. Học những kỹ thuật ưa thích của họ. Võ thuật vùng Viễn Đông, choảng nhau tới bến ở những vùng tồi tệ của châu Âu, dao đá và chai lọ từ những vùng tồi tệ của nước Mỹ. Đến năm mười hai tuổi thì chúng tôi đã trộn hết các thứ lại thành một thứ tàn bạo hỗn hợp không kiểm chế. Cực kỳ không kiểm chế. Chúng tôi đã học được rằng sự kiểm chế có thể gây hại cho người ta nhanh hơn bất kỳ cái gì khác. *Cứ làm đi - Just do it* là phương châm của chúng tôi, trước khi Nike bắt đầu sản xuất giày từ lâu. Những đứa nào trong đám tụi tôi đăng ký theo nghiệp nhà binh thì được công nhận, được cố vấn và kèm cặp thêm, rồi chúng tôi được tách ra rồi lại nhập lại với nhau. Chúng tôi nghĩ mình đã li đòn từ khi mười hai tuổi. Đến năm mười tám tuổi, chúng tôi nghĩ chẳng ai đánh nổi mình.

Thực tế là không phải thế. Nhưng đến tuổi hai mươi lăm, chúng tôi đã ở rất gần trình độ đó.

Leonid tiến thêm một bước.

Gã còn lại cũng thế.

Tôi quay nhìn Leonid và trông thấy những khớp tay bằng đồng trên tay hắn.

Gã lùn cũng vậy.

Hai tên đã đeo khớp đồng vào, nhanh chóng dễ dàng. Leonid bước sang bên. Tên đồng bọn làm tương tự. Chúng đang chỉnh cho chuẩn góc tấn công. Tôi dựa lưng vào tường của tòa nhà, tạo một góc trống một trăm tám mươi độ phía trước mặt. Mỗi tên đều muốn chiếm lĩnh một góc bốn mươi lăm độ bên trái và một góc bốn mươi lăm độ bên phải mình. Bằng cách đó, nếu tôi bỏ chạy, chúng sẽ bao quát đều mọi hướng. Như cặp đánh đôi trong tennis. Tập luyện từ lâu, hỗ trợ cho nhau, hiểu bằng bản năng.

Cả hai tên đều thuận tay phải.

Nguyên tắc đầu tiên khi ta chống lại quả đấm khớp đồng: đừng để dính đòn. Đặc biệt là ở đầu. Nhưng ngay cả những cú đòn vào cánh tay hay mạng sườn cũng có thể làm gãy xương và liệt cơ.

Cách tốt nhất để không bị đòn là rút súng ra bắn đối thủ từ cự ly khoảng ba mét. Đủ gần để không trượt, đủ xa để không cho địch chạm vào. Thế là xong. Nhưng tôi không có lựa chọn đó. Tôi không có vũ khí. Cách tốt nhất tiếp theo là giữ cho địch ở xa hoặc đè bẹp chúng ở cự ly thật gần. Ở xa, chúng có thể đấm cả đêm mà không chạm nổi vào ta. Thật gần, chúng sẽ không thể đấm được. Cách để giữ chúng xa ra là khai thác tầm tay dài hơn hẳn, nếu ta có, hoặc là dùng chân. Tầm tay tôi rất ấn tượng. Tôi có cánh tay rất dài. So với tôi, con đười ươi lưng trắng trên truyền hình trông ngắn ngủn. Các thầy tôi trong quân đội thường chơi chữ về tầm tay của tôi, dựa

trên tên tôi [44]. Nhưng tôi đang đối mặt với hai gã, và tôi không chắc chắn liệu đòn đá có phải là lựa chọn tôi có thể thêm vào hay không. Thứ nhất, vì tôi đang mang một đôi giày lỏm. Chúng sẽ tuột ra. Và đá bằng chân không sẽ dẫn tới gãy xương. Bàn chân còn yếu hơn bàn tay. Ngoài trừ trong trường dạy karate, nơi có luật có lệ. Ngoài đường phố thì chẳng có luật lệ nào. Thứ hai là ngay khi một bàn chân nhấc lên khỏi mặt đất, ta sẽ mất cân bằng và có khả năng sơ hở. Tiếp theo thì, ta thấy ta nằm quay đơ trên sàn, và rồi ta chết. Tôi đã từng chứng kiến chuyện ấy xảy ra. Tôi đã làm cho chuyện ấy xảy ra.

Tôi tì gót chân phải vào bức tường phía sau.

Tôi đợi.

Tôi đoán chúng sẽ dòn lại với nhau. Những đòn ra đồng thời, cách nhau chín mươi độ. Lao vào trong, cách chừng một bước chân. Tin tốt là chúng sẽ không gắng giết tôi. Lila Hoth hẳn đã cấm việc ấy. Cô ta muốn có nhiều điều từ tôi, mà xác chết thì chẳng thể mang lại gì.

Tin xấu là nhiều vết thương nghiêm trọng gần đến mức bỏ mạng.

Tôi đợi.

Leonid nói, “Ông không cần phải để bị thương đâu, ông biết đấy. Nếu ông muốn, ông chỉ cần đi theo chúng tôi và nói chuyện với Lila.” Tiếng Anh của Leonid không được đẳng cấp như Lila Hoth. Ngữ điệu của hắn thô. Nhưng hắn biết tất cả những từ cần nói.

Tôi nói, “Theo các anh đi đâu?”

“Ông biết rằng chúng tôi không thể nói cho ông được. Ông sẽ phải đeo băng bịt mắt.”

Tôi nói, “Tôi sẽ bỏ qua băng bịt mắt. Nhưng các anh cũng không buộc phải để bị thương đâu. Các anh có thể đi, về bảo Lila rằng các anh



chưa hề trông thấy tôi.”

“Nhưng điều đó không đúng.”

“Đừng làm nô lệ cho sự thật, Leonid. Đôi khi sự thật khiến người ta đau đớn. Đôi khi nó đâm ngay sau mông anh đó.”

Một điểm tích cực của một cuộc tấn công phối hợp của hai đối thủ là chúng phải trao đổi tín hiệu bắt đầu. Có thể chỉ là một cái liếc mắt hay gật đầu, nhưng luôn có. Đó là tín hiệu cảnh báo trong một phần nhỏ giây. Tôi nhận định Leonid là nhân vật chính. Kẻ nói trước tiên thường đảm nhiệm vai trò đó. Hắn sẽ thông báo cuộc tấn công. Tôi quan sát đôi mắt hắn, rất cẩn thận.

Tôi nói, “Anh có nổi điên về chuyện xảy ra ở ga xe lửa không?”

Leonid lắc đầu. “Tôi để cho ông đánh tôi. Đó là việc cần thiết. Lila đã nói thế.”

Tôi quan sát hai mắt hắn.

Tôi nói, “Hãy nói cho tôi nghe về Lila.”

“Ông muốn biết gì?”

“Tôi muốn biết cô ta là ai.”

“Thế thì đi theo chúng tôi rồi hỏi cô ta ấy.”

“Tôi đang hỏi anh mà.”

“Cô ta là một phụ nữ có một việc cần làm.”

“Kiểu công việc gì?”

“Đi theo chúng tôi rồi hỏi cô ta ấy.”

“Tôi đang hỏi anh mà.”

“Một việc quan trọng. Một việc cần thiết.”

“Nó liên quan đến những gì?”

“Đi theo chúng tôi rồi hỏi cô ta ấy.”

“Tôi đang hỏi anh mà.”

Không có câu trả lời nào. Không nói chuyện thêm. Tôi cảm thấy chúng đang căng lên. Tôi quan sát gương mặt Leonid. Thấy hai mắt hấn mở to ra và đầu hạ thấp về trước khễ gật. Chúng đồng thời xông thẳng vào tôi. Tôi đẩy mạnh và lao người khỏi bức tường sau lưng, tì hai nắm tay vào ngực mình và chĩa hai cùi chỏ ra phía ngoài như hai cánh máy bay rồi lao vào chúng mạnh như chúng lao vào tôi. Chúng tôi gặp nhau ở một điểm duy nhất, như một hình tam giác sụp cả ba góc vào tâm, hai cùi chỏ của tôi đánh trúng mặt cả hai tên. Bên phải, tôi cảm thấy mấy chiếc răng trên của gã lùn văng ra còn bên trái thì hàm dưới của Leonid rời khỏi vị trí. Lực tác động bằng tích số của khối lượng và bình phương tốc độ. Tôi có khối lượng lớn, song đôi ủng lại nhũn và hai chân tôi xỏ không chặt do nóng, thế nên tốc độ của tôi thấp hơn lẽ ra phải có.

Nghĩa là làm giảm lực tác động một chút.

Và giúp cho cả hai tên vẫn còn đứng được.

Tức là tôi cần làm thêm chút việc.

Tôi lập tức xoay người lại nện cho gã lùn một cú đấm móc nặng khủng khiếp vào tai. Chẳng theo thế gì hết. Chẳng theo chiến thuật nào. Chỉ là một cú đấm không đẹp nhưng nặng. Tai gã bị dán bệt vào đầu và mang đi một chút lực, song phần lực lớn hơn nhiều đi thẳng qua phần sụn đập nát mà vào thẳng hộp sọ. Cổ hấn giật mạnh sang một bên và tai còn lại đập vào bờ vai bên kia. Đến lúc ấy với đôi giày tôi tàn tôi đã trở lại hướng cũ và thúc cùi chỏ sâu vào bụng Leonid. Đúng chỗ tôi đã táng hấn lúc ở ga Penn,

nhưng với lực mạnh gấp cả chục lần. Tôi gần như thúc xương sống hấn bật khỏi lưng. Tôi tận dụng lực dôi lại để nhảy về phía bên kia, tới bên gã lùn lần nữa. Gã đang cong cả người và loạng choạng, sẵn sàng đợi đếm đến tám như trong quyền Anh. Tôi ra một đòn thấp vào đúng thận gã. Đòn này khiến gã thẳng người lên và xoay tròn về phía tôi. Tôi gập hai gối, lao về phía gã dùng trán phang trúng khoảng giữa hai mắt gã. Nổ tung. Những phần xương nào mà khuỷu tay tôi chưa làm gãy đã gãy nốt, gã đổ xuống như một túm giẻ. Leonid vỗ vào vai tôi bằng nắm đấm đồng. Hắn nghĩ đó là một cú đấm, nhưng trong trạng thái chẳng còn sức lực, một cái vỗ là tất cả những gì hắn có thể làm. Tôi thông thả lấy sức, lấy đích cẩn thận và hạ gục hắn bằng một cú móc vào hàm. Hàm Leonid đã vỡ do cùi chỏ của tôi. Giờ nó bị vỡ thêm một chút. Xương và thịt bắn ra thành một vòng cung đỏ hiện rõ dưới ánh đèn đường. Răng, tôi nghĩ thế, và có lẽ cả một phần lưỡi của hắn nữa.

Tôi hơi run rẩy. Như mọi khi. Lượng adrenalin quá mức đang đốt cháy tôi. Tuyến thượng thận chậm bỏ mẹ. Rồi nó lại đèn bù quá mức. Quá nhiều, quá muộn. Tôi dành mười giây ổn định lại nhịp thở. Mười giây nữa để bình tĩnh lại. Rồi tôi kéo cả hai gã ngang vỉa hè và dựng cho ngòi dựa vào chỗ tường tôi đứng lúc nãy. Khi bị tôi túm và kéo, hai chiếc áo lạnh có mũ trùm của chúng giãn ra chừng một mét. Đồ rẻ tiền. Mặc một lần rồi bỏ, phòng trường hợp chúng nhuộm máu tôi mà. Tôi dựng cho cả hai ở tư thế sao cho chúng sẽ không đổ vật xuống và nghẹn thở, rồi tôi giật sái khuỷu tay phải của hai gã. Cả hai tên đều thuận tay phải, mà có khả năng là tôi sẽ gập lại chúng một lần nữa. Tôi muốn chúng không có khả năng hành động trong tình huống ấy. Không phải thương tật vĩnh viễn. Chỉ cần ba tuần bó bột nhẹ nhàng là khuỷu tay sẽ ngon lành như mới.

Trong túi cả hai có điện thoại di động. Tôi lấy cả hai. Cả hai đều có ảnh của tôi. Phần quản lý các cuộc gọi đều trống trơn. Chẳng có gì khác. Không tiền. Không chìa khóa. Không có bằng chứng cụ thể. Không có manh mối cho biết chúng từ đâu tới. Cũng chẳng có khả năng chúng sẽ có thể nói cho tôi biết sớm. Tôi đã nện chúng quá mạnh tay. Chúng đã bị loại

khỏi vòng chiến. Và ngay cả khi tỉnh dậy cũng chẳng có gì đảm bảo rằng chúng sẽ nhớ được gì. Thậm chí tên của mình cũng chẳng nhớ. Tôn thương ở vùng đầu có những ảnh hưởng khó đoán trước. Nhân viên y tế họ đầu có đùa khi hỏi các nạn nhân hôm nay ngày mấy hay Tổng thống là ai.

Về phần tôi thì chẳng có gì ân hận. Chú ý đảm bảo an toàn vẫn tốt hơn. Mấy kẻ khi đang đánh nhau mà nghĩ trước tới hậu quả mình gây ra thì lại thường không đi xa đến mức ấy. Chính họ trở thành hậu quả. Thế nên không có gì ân hận. Nhưng cũng chẳng giành được gì. Đó là điều đáng thất vọng. Thậm chí những nắm đấm bằng đồng cũng chẳng vừa tay tôi. Tôi thử cả hai cặp, quá nhỏ cả. Tôi ném chúng xuống một rãnh nước cách sáu mét.

Xe hơi của hai tên vẫn còn nổ máy bên rìa phố. Nó mang biển New York. Không có hệ thống dẫn đường. Vì thế không có bộ nhớ số về địa điểm căn cứ. Trong ngăn đựng đồ bên cửa, tôi tìm thấy một hợp đồng thuê xe ghi tên người thuê mà tôi chưa bao giờ nghe tới và một địa chỉ ở London mà tôi cho là giả. Trong ngăn đựng găng tay, tôi thấy sách hướng dẫn sử dụng xe và một cuốn sổ nhỏ gáy xoắn, một cây bút bi. Cuốn sổ không viết gì. Tôi lấy cây viết, bước lại chỗ hai gã rồi dùng lòng bàn tay trái tì mạnh đầu Leonid xuống để giữ cho chắc. Rồi tôi dùng bút bi viết vào trán hắn, ấn sâu ngòi bút vào da và miết đi miết lại cho rõ.

Tôi viết, *Lila, gọi cho tôi.*

Rồi tôi lấy xe của hai gã lái đi.

TÔI CHẠY THEO ĐẠI LỘ HAI VỀ PHÍA Nam rồi rẽ sang phố 50 và đi theo hướng Đông cho tới tận cuối phố và bỏ chiếc xe lại ở một hẻm nước chữa cháy cách cao tốc FDR nửa dặm nhà. Tôi hy vọng cảnh sát khu vực 17 sẽ tìm phát hiện ra nó, thấy nghi ngờ và làm một số xét nghiệm. Quần áo có thể vứt bỏ. Xe thì không dễ thế. Nếu như người của Lila đã dùng chiếc Impala để chạy khỏi hiện trường vụ giết người bằng búa, trong xe sẽ có một số dấu vết. Bằng mắt thường thì tôi không thể thấy chúng, nhưng các Đội Điều tra Hiện trường<sup>[45]</sup> không chỉ dựa vào quan sát bằng mắt thường.

Tôi dùng vạt áo lau tay lái, cần số và các tay nắm cửa. Rồi tôi ném chìa khóa xuống một tấm ghi, đi bộ trở lại đại lộ Hai và đứng trong bóng tối chờ xe taxi. Có một dòng xe cộ vừa phải chạy về mạn dưới thành phố, mỗi chiếc đều sáng lên bởi những đèn pha phía sau nó. Tôi có thể thấy trong mỗi chiếc có mấy người. Tôi ghi nhớ thông tin của Theresa Lee: xe taxi giả, lượn quanh mạn trên thành phố bằng đại lộ Mười, mạn dưới ở đại lộ Hai, một gã ngồi trước, hai gã phía sau. Tôi đợi một chiếc taxi hoàn toàn không có người trừ lái xe rồi bước ra và vẫy nó. Tài xế là người Sikh từ Ấn Độ tới, đội một chiếc khăn xếp, có bộ râu quai nón rất dày và biết rất ít tiếng Anh. Không phải cảnh sát. Ông ta đưa tôi chạy về phía Nam tới quảng trường Union. Tôi xuống xe ở đó, ngồi trên một chiếc ghế băng trong bóng tối và quan sát lũ chuột. Quảng trường Union là nơi tốt nhất trong thành phố để xem chúng. Ban ngày Cơ quan Quản lý Công viên bón phân làm bằng máu và xương thú cho các luống hoa. Ban đêm lũ chuột mò ra kiếm ăn nơi chỗ phân bón ấy.

Đến 4 giờ tôi ngủ thiếp đi.

Đến 5 giờ, một trong hai chiếc điện thoại thu được rung lên trong túi tôi.

Tôi tỉnh dậy, dành một giây kiểm tra bên trái, bên phải và phía sau rồi lật đật lôi chiếc điện thoại ra khỏi túi quần. Nó không đổ chuông, chỉ có tự rùng rùng. Chế độ im lặng. Màn hình nhỏ đơn sắc ở mặt trước của nó ghi: *Cuộc gọi hạn chế*. Tôi mở ra và màn hình lớn có màu ở trong cũng ghi nội dung tương tự. Tôi áp chiếc điện thoại vào tai và nói, “Hello.” Một từ mới, được phát minh ra gần đây.

Lila Hoth trả lời tôi. Giọng của cô ta, thanh điệu của cô ta, kiểu nói của cô ta. Cô ta nói: “VẬY ĐÂY, ông đã quyết định tuyên chiến. Rõ ràng không có nguyên tắc can dự nào dành cho ông cả.”

Tôi nói, “Chính xác thì cô là ai?”

“Ông sẽ biết.”

“Tôi muốn biết bây giờ.”

“Tôi là con ác mộng tệ hại nhất của ông. Như hai giờ trước đây. Và ông vẫn đang giữ một thứ thuộc về tôi.”

“Thế thì đến mà lấy. Tốt hơn là hãy điều thêm mấy thằng quân của cô. Cho tôi tập thể dục nhẹ nhàng thêm một chút.”

“Đêm nay ông gặp may, thế thôi.”

Tôi đáp, “Tôi luôn may mắn.”

Lila hỏi, “Ông đang ở đâu?”

“Ngay bên ngoài nhà cô.”

Có một khoảng ngừng. “Không, không phải.”

“Chính xác,” tôi nói. “Nhưng cô vừa mới xác nhận rằng cô đang ở trong một căn nhà. Và rằng ngay lúc này cô đang đứng cạnh cửa sổ. Cảm ơn cô về thông tin đó.”

“Thực sự thì ông ở đâu?”

“Tòa nhà liên bang,” tôi đáp. “Cùng người của FBI.”

“Tôi chẳng tin ông đâu.”

“Tùy cô thôi.”

“Hãy cho tôi biết ông đang ở đâu.”

“Gần cô,” tôi đáp, “đại lộ Ba và phố 56.”

Lila mở miệng đáp lời nhưng ngừng ngay lập tức. Cô ta nói không quá một âm *th*. Một âm bật. Khởi đầu của một câu thể hiện sự mất kiên nhẫn, mang tính cãi vã và hơi tự mãn. Kiểu như, *Thế thì chẳng phải gần tôi đâu.*

Cô ta chẳng ở chỗ nào gần đại lộ Ba và phố 56.

“Cơ hội cuối cùng,” Lila Hoth nói. “Tôi muốn có tài sản của mình.” Giọng cô ta dịu lại. “Chúng ta có thể thỏa thuận nếu ông muốn. Hãy để nó ở một nơi an toàn rồi cho tôi biết địa điểm. Tôi sẽ cho người đến lấy. Chúng ta không cần gặp nhau. Ông thậm chí có thể được trả tiền.”

“Không phải tôi đang tìm việc đâu.”

“Ông đang tìm cách được sống đây chứ?”

“Tôi chẳng sợ cô đâu, Lila.”

“Đó là điều Peter Molina đã nói đây.”

“Nó đang ở đâu?”

“Ngay ở đây, cùng chúng tôi.”

“Còn sống không?”

“Đến mà tìm hiểu.”

“Nó đã để lại lời nhắn cho huấn luyện viên.”

“Hoặc có thể tôi đã mở băng mà cậu ta ghi trước khi chết. Có thể cậu ta đã bảo tôi rằng huấn luyện viên của cậu ta không bao giờ nghe điện thoại trong bữa tối. Có thể cậu ta đã nói cho tôi nhiều điều. Có thể tôi đã buộc cậu ta phải làm thế.”

Tôi hỏi, “Cô đang ở đâu, Lila?”

“Tôi không thể nói cho ông biết,” cô ta nói. “Nhưng tôi có thể cho người đón ông.”

Cách ba chục mét, tôi thấy một chiếc xe cảnh sát chạy trên phố 14. Chạy từ từ. Ánh sáng hồng lóe lên bên ô cửa sổ khi người lái quay đầu sang phải lại sang trái.

Tôi hỏi, “Cô đã quen biết Peter Molina được bao lâu?”

“Kể từ khi tôi đón cậu ta ở quán bar.”

“Nó vẫn còn sống chứ?”

“Đến mà tìm hiểu.”

Tôi nói, “Cô đang trong giai đoạn chỉ mảnh treo chuông đầy Lila. Cô đã giết bốn người Mỹ ở New York. Sẽ chẳng ai lờ chuyện đó đi cả.”

“Tôi chẳng giết ai hết.”

“Người của cô đã làm việc ấy.”



“Những người đã rời khỏi đất nước này. Chúng tôi vô can.”

“Chúng tôi à?”

“Ông hỏi quá nhiều đấy. Họ đi cả rồi. Ngay cả xe của họ cũng không còn tồn tại.”

“Nếu người của cô hành động theo lệnh cô thì các cô không vô can đâu. Đó là âm mưu.”

“Đây là đất nước của các bộ luật và các phiên tòa. Chẳng có bằng chứng nào hết.”

“Xe hơi thì sao?”

“Không còn tồn tại.”

“Cô sẽ không bao giờ được vô can vì tôi. Tôi sẽ tìm ra cô.”

“Tôi hy vọng thế đấy.”

Cách ba mươi mét, một xe cảnh sát giảm tốc độ xuống như bò.

Tôi nói, “Hãy ra đây mà gặp tôi, Lila. Hoặc trở về đi. Một trong hai con đường ấy. Nhưng kiểu gì cô cũng bị hạ gục ở đây.”

Cô ta nói, “Chúng tôi chưa bao giờ bị hạ cả.”

“Chúng tôi là những ai?”

Nhưng không có câu trả lời. Cuộc gọi đã kết thúc. Chẳng có gì, ngoài sự yên lặng ngu xuẩn của đường dây không còn cuộc hội thoại.

Cách ba mươi mét, chiếc xe cảnh sát dừng lại.

Tôi gặp điện thoại đứt vào túi.

Hai cảnh sát ra khỏi xe, bước về phía quảng trường.

Tôi ở yên tại chỗ. Đứng dậy bỏ chạy thì quá khả nghi. Tốt hơn nên ngồi yên. Trong công viên không chỉ có một mình tôi. Tại đây có chừng bốn chục người. Trong đó một số người là dân sống tại đây. Những người khác là khách vãng lai. New York là thành phố lớn. Năm quận. Hành trình trở về nhà mất nhiều thời gian. Thường thì nghỉ dọc đường vẫn dễ hơn.

Hai cảnh sát rọi đèn pin vào mặt một người đang ngủ.

Họ tiếp tục. Rọi đèn vào người tiếp theo.

Và người tiếp nữa.

Chẳng hay.

Chẳng hay chút nào cả.

Nhưng tôi không phải người duy nhất có kết luận như vậy. Quanh quảng trường, tôi thấy nhiều bóng người từ các băng ghế đứng dậy tản đi theo các hướng khác nhau. Có lẽ là những kẻ bị lệnh truy nã đặc biệt, những kẻ buôn bán ma túy có hàng đứt trong ba lô, những người hoàn toàn đơn độc không muốn gặp ai, những kẻ hoang tưởng bất lực cảnh giác với hệ thống chính quyền.

Hai cảnh sát, khu vực rộng khoảng một mẫu, chừng ba mươi người vẫn nằm trên ghế, khoảng mười người mới di chuyển.

Tôi quan sát.

Hai cảnh sát tiếp tục di chuyển. Ánh đèn pin của họ lấp loáng trong bóng đêm. Những cái bóng dài đổ xuống. Họ kiểm tra người thứ tư, rồi người thứ năm. Rồi người thứ sáu. Thêm nhiều người đứng dậy. Một vài người rời hẳn, một số chỉ chuyển từ ghế này sang ghế khác. Quảng trường đầy những dáng người, một số đứng yên, một số di chuyển. Mọi thứ đều di chuyển chậm chạp. Một điệu nhảy lười biếng, mệt mỏi.

Tôi quan sát.

Sự thiếu quyết đoán mới xuất hiện trong ngôn ngữ cơ thể của hai viên cảnh sát. Giống như hai con mèo chần chừ. Họ tiến đến những người vẫn còn trên ghế. Họ quay đi soi đèn vào những người bỏ đi. Họ tiếp tục bước, cúi người, quay người. Chẳng theo kiểu nào cụ thể. Chỉ là những cử động ngẫu nhiên. Họ tiếp tục đi tới. Họ đến cách tôi chừng mười mét.

Rồi hai viên cảnh sát bỏ đi.

Họ thực hiện trò chơi với những chiếc đèn pin vòng cuối cùng để lấy lệ rồi đi về xe mình. Tôi quan sát họ đánh xe đi. Tôi ngồi trên ghế, thở ra và bắt đầu nghĩ về những con chip GPS gắn trong hai chiếc điện thoại di động mà tôi đã thu được đang nằm trong túi. Một phần trong tôi nghĩ rằng Lila Hoth sẽ không thể tiếp cận được các vệ tinh theo dõi. Nhưng một phần khác trong tôi tập trung vào câu nói của cô ta. *Chúng tôi chưa bao giờ bị hạ cả. Chúng tôi là một từ lớn.* Chỉ hai âm tiết nhưng có hàm ý lớn. Có lẽ những kẻ xấu từ Đông Âu đã giành được nhiều hơn chứ không chỉ những hợp đồng cho thuê giếng dầu và quyền khai thác khí đốt. Có lẽ chúng mang hình thức những hạ tầng cơ sở khác. Bộ máy tình báo của Liên Xô cũ hẳn đã biến đi đâu đó. Tôi nghĩ về các máy tính xách tay, đường truyền băng thông rộng và tất cả những loại công nghệ mà tôi không hiểu lắm.

Giữ hai chiếc điện thoại trong túi, nhưng tôi đứng khỏi ghế băng và hướng về phía tàu điện ngầm.

Đó là một sai lầm nghiêm trọng.

GA TÀU ĐIỆN NGẦM Ở QUẢNG TRƯỜNG Union là ga lớn. Nơi đây có sảnh lên tàu to như cả một trung tâm thương mại ngầm dưới đất. Nhiều lối vào, nhiều lối ra, nhiều tuyến, nhiều đường, cầu thang, quầy, các dãy cửa xoay. Cộng thêm các chuỗi dài những máy nạp tiền cho thẻ đi tàu điện ngầm hoặc mua thẻ mới. Tôi dùng tiền mặt mua một thẻ mới. Tôi nhét tờ hai mươi đô theo chiều nằm ngang vào khe và nhận được hai mươi lượt đi tàu cộng thêm ba lượt khuyến mãi. Tôi lấy thẻ, quay người bước đi. Đã gần 6 giờ sáng. Ga đang đầy dần người. Ngày làm việc đang bắt đầu. Tôi bước qua một quầy báo. Chỗ này có cả ngàn loại tạp chí. Và các chồng báo mới dày cộp sẵn sàng để bán. Hai tit báo khác nhau. Cả hai đều rất lớn. Một tit có bốn từ, chữ lớn, sử dụng nhiều mực in đen: FBI TÌM BA NGƯỜI. Dòng còn lại cũng có bốn từ FBI SĂN BA NGƯỜI. Rõ ràng là có sự thống nhất. So ra thì tôi thích từ *tìm* hơn *săn*. Thụ động hơn, ít quyết tâm hơn. Gần như ôn hòa. Tôi cho là bất kỳ ai cũng thích được tìm kiếm hơn bị săn đuổi.

Tôi quay đi.

Và trông thấy hai cảnh sát đang cẩn thận quan sát mình.

Hai sai lầm đồng thời. Trước tiên là sai lầm của họ, rồi cộng thêm sai lầm của tôi. Sai lầm của họ thì bình thường. Các nhân viên điều tra liên bang ở phố 22 và Broadway đã thông báo rằng tôi tẩu thoát bằng tàu điện ngầm. Dựa vào đó, nhìn chung các nhân viên thực thi pháp luật nhận định rằng tôi sẽ một lần nữa trốn thoát bằng tàu điện ngầm. Bởi, khi được lựa

chọn, lực lượng thực thi pháp luật luôn tham gia trận chiến lần trước thêm một lần nữa.

Sai lầm của tôi là bước thẳng vào cái bẫy lười biếng của họ.

Bởi có ô giám sát thì có người giám sát. Vì có người giám sát nên không có các cửa ra vào chắn song cao dạng xoay. Chỉ là các thanh chắn thông thường cao ngang đùi. Tôi quẹt thẻ và đi qua. Trung tâm thương mại thay đổi hình dạng thành một lối đi dài và rộng. Các mũi tên chỉ sang trái, sang phải, lên trên, xuống dưới, theo các tuyến và hướng khác nhau. Tôi đi qua một người đang chơi vĩ cầm. Anh ta chọn cho mình vị trí nơi tiếng vọng sẽ có ích cho mình. Anh ta thật giỏi. Cây đàn có âm chắc chắn, đầy khí phách. Anh đang chơi một bản nhạc bi ai thời xa xưa mà tôi nhận ra là đã xuất hiện trong một bộ phim về chiến tranh Việt Nam. Có lẽ đây không phải một lựa chọn giúp mang lại cảm hứng cho những người đi làm sớm. Hộp đàn vĩ cầm của nhạc công mở ra đặt dưới chân anh và không có nhiều tiền lắm. Tôi xoay người ra về tự nhiên, tưởng như đang nhìn người chơi đàn, và tôi trông thấy hai viên cảnh sát bước qua cửa xoay phía sau tôi.

Tôi ngoặt vào một góc ngẫu nhiên rồi theo hành lang hẹp hơn và thấy nó dẫn lên ga cho tàu chạy lên mạn trên thành phố. Nơi này đầy những người. Và là một phần của hai ga đối xứng nhau. Phía trước tôi là rìa sân ga rồi tới đường ray, và rồi một hàng cột sắt chống đỡ đường phố phía trên, và rồi đường ray chạy về mạn dưới thành phố, rồi tới sân ga cho tàu về mạn dưới. Thứ gì cũng một cặp, kể cả hai dòng hành khách. Những con người mệt mỏi, lặng thinh quay mặt vào nhau, chờ đợi đi ra theo hướng ngược nhau.

Các đường ray đang hoạt động quay lưng vào nhau, ở hai bên dãy cột sắt trung tâm. Chúng được chắn lại, như những đường ray hoạt động ở trong ga. Các tấm chắn là những chiếc hộp kín ba mặt, mặt để mở nằm ở phía quay ra đường tàu.

Phía sau, khá xa bên trái, hai cảnh sát chen qua dòng người tiến về sân tàu. Tôi kiểm tra hướng còn lại. Bên phải tôi. Hai cảnh sát nữa chen vào đám đông. Họ to bè, công kênh những trang cùng bị. Họ nhẹ nhàng đẩy hành khách ra khỏi đường tiến, đặt tay lên vai họ, vẫy ngược bàn tay, nhịp nhàng, như thể đang bơi.

Tôi dịch đến giữa ga. Tôi lách về trước đến tận khi hai chân đặt trên vạch cảnh báo màu vàng. Tôi dịch sang bên cho tới khi một cột sắt nằm ngay phía sau lưng. Tôi ngó sang trái. Nhìn sang phải. Chẳng có tàu nào đang chạy tới.

Đám cảnh sát tiếp tục di chuyển. Phía sau họ có thêm bốn người nữa xuất hiện. Hai ở bên sườn tôi, hai bên phía còn lại, đang lách qua đám đông một cách chậm rãi và chắc chắn.

Tôi nghên cổ về trước.

Chẳng thấy ánh đèn nào trong đường hầm.

Đám đông dịch chuyển và dồn lại bên tôi, bị xô đẩy bởi những người mới đến, bị phá ngang bởi bước tiến liên tục của các viên cảnh sát, bị kéo về phía trước bởi cái trực cảm mà bất cứ người đi tàu điện ngầm nào cũng có rằng chắc chắn tàu sắp đến tới nơi.

Tôi ngó qua hai vai kiểm tra lần nữa, cả bên trái và bên phải.

Cảnh sát trên sân ga tôi đang đứng.

Tám người cả thấy.

Chẳng có cảnh sát nào trên sân ga đối diện.

NGƯỜI TA SỢ ĐƯỜNG RAY THỨ BA. Chẳng có gì phải thê, trừ phi ta định chạm vào nó. Vài trăm vôn, nhưng nó có nhảy vào ta đâu. Phải chủ động chạm vào nó thì mới gặp rắc rối.

Bước qua không khó mấy, ngay cả khi đi đôi giày tôi tàn. Tôi nghĩ là tuy đôi giày cao su của mình làm giảm độ chính xác trong hành động đến mức nào, song bù lại nó có khả năng cách điện. Nhưng dù có thể đi nữa, tôi tính toán hành động của mình hết sức cẩn thận, như thể dàn dựng múa trên sân khấu vậy. Nhảy xuống, đặt hai chân ở giữa đường ray chạy lên mạn trên thành phố, chân phải trên đường ray thứ hai, chân trái xoãi qua đường ray thứ ba, lách qua khoảng trống giữa hai cây cột, chân phải đưa qua đường ray thứ ba tiếp theo, chân trái đặt trên đường ray chạy về mạn dưới thành phố, các bước chân nhỏ cẩn thận, rồi tiếng thở phào nhẹ nhõm, leo lên sân ga của tàu chạy về mạn dưới thành phố, biến mất.

Thực hiện không khó mấy.

Không khó mấy cho đám cảnh sát theo ngay sau lưng tôi.

Có lẽ trước đây họ đã làm việc này.

Tôi thì chưa.

Tôi chờ đợi. Nhìn phía sau, ngó bên trái rồi bên phải. Đám cảnh sát đã ở gần. Đủ gần để tiến chậm lại, xây dựng đội hình và quyết định chính xác sẽ thực hiện thế nào việc cần làm tiếp theo. Tôi không biết phương pháp của họ sẽ ra sao. Nhưng dù là gì họ cũng sẽ thực hiện chậm rãi. Họ

không muốn người ta chạy giẫm đạp tán loạn. Sân ga chật cứng người, bất kỳ hoạt động bất ngờ nào cũng khiến người ta hoảng loạn. Điều đó sẽ dẫn tới các đơn kiện.

Tôi kiểm tra bên trái. Nhìn bên phải. Chẳng có tàu nào chạy tới. Tôi tự hỏi liệu cảnh sát đã dừng tàu lại chẵn. Có thể đó là một quy trình đã được tập dượt thật kỹ. Tôi tiến nửa bước. Người ta dồn lại ở phía sau tôi, giữa tôi và cây cột. Họ bắt đầu thúc vào lưng tôi. Tôi lách theo hướng khác họ. Vạch cảnh báo ở rìa sân ga là những vạch vàng sơn lên các khối hình tròn u lồi. Để không xảy ra nguy hiểm do bước hụt hoặc trượt chân.

Đám cảnh sát đã dàn thành nửa đường tròn nông. Họ cách tôi chừng hơn hai mét. Họ đã di chuyển vào phía trong, đẩy hành khách ra phía ngoài, rút ngắn bán kính của đường tròn, một cách chậm rãi và thận trọng. Người ta đang theo dõi từ sân ga đối diện dành cho tàu chạy về mạn dưới thành phố. Người ta chen nhau, chỉ trở tôi và nhón chân nhìn.

Tôi đợi.

Tôi nghe thấy tiếng tàu. Ở bên trái tôi. Một luồng sáng di động trong đường hầm. Nó đang tiến tới với vận tốc cao. Tàu của chúng tôi. Lên mạn trên thành phố. Đằng sau tôi, đám đông náo động. Tôi nghe tiếng luồng không khí ủa đến và tiếng rít của các khớp nối bù dưới các rìa sắt. Trông thấy toa xe sáng đèn lắc lư và bật nảy lên qua chỗ ngoặt. Tôi nghĩ nó đang chạy với tốc độ chừng ba mươi dặm một giờ. Khoảng mười ba mét rưỡi một giây. Tôi cần hai giây. Tôi nghĩ chừng đó là đủ. Thế nên tôi phải hành động khi con tàu còn cách hai bảy mét. Đám cảnh sát sẽ không bám theo. Thời gian để phản ứng sẽ tước đi của họ thời gian tối thiểu cần thiết để đạt kết quả. Và trước là họ phải đứng cách rìa sân ga hai mét rưỡi. Với lại họ có những ưu tiên khác với tôi. Họ có vợ, có gia đình, có những tham vọng, những khoản lương hưu. Họ có nhà, sân, những bãi cỏ cần xén, những bóng đèn cần mắc.

Tôi tiến một bước nhỏ xíu nữa.



Ánh đèn pha đang chiếu thẳng vào tôi. Trực diện. Rung và lắc. Nó khiến tôi khó ước lượng khoảng cách.

Rồi tôi nghe tiếng một đoàn tàu ở bên phải.

Một chuyến tàu về mạn dưới thành phố, đang từ hướng đối diện lao lại rất nhanh. Đối xứng, song không đồng bộ với nhau một cách hoàn hảo. Giống như hai tấm rèm đang khép lại, tấm bên trái vào trước tấm bên phải.

Nhưng trước bao nhiêu?

Tôi cần độ trễ ba giây trong tổng số năm giây, bởi leo lên sân ga cho tàu chạy về mạn dưới thành phố sẽ khiến tôi mất thời gian nhiều hơn so với nhảy xuống ga cho tàu chạy về mạn trên thành phố.

Tôi dừng lại cả giây, suy tính, đánh giá, cảm nhận, cố gắng phán đoán.

Hai đoàn tàu gào lên lao vào trong, một từ phía trái, rồi một từ phía phải.

Năm trăm tấn, và năm trăm tấn.

Tốc độ trước khi dừng, chừng sáu mươi dặm một giờ.

Đám cảnh sát nhích lại gần hơn.

*Thời điểm quyết định.*

Tôi hành động.

Tôi nhảy xuống, khi con tàu lên mạn trên thành phố còn cách ba mươi mét. Tôi đạp hai bàn chân xuống giữa các đường ray và giữ chắc rồi nhích đúng theo đã tính toán trước. Như biểu đồ điều khiển nhảy trong sách. Chân phải, chân trái cao hẳn lên trên đường ray động, hai tay đặt trên cột. Tôi ngừng lại một tích tắc và ngoảnh bên phải. Con tàu về mạn dưới thành phố đã ở rất

gần. Phía sau tôi, con tàu lên mạn trên đang sầm sập lao qua. Phan của nó đang nghiêng xuống rít lên. Một cơn gió dữ giạt mạnh áo tôi. Những ô cửa sáng đèn lướt qua khóe mắt tôi.

Tôi chăm chăm nhìn sang phải.

Con tàu về mạn dưới thành phố trông thật khổng lồ.

*Thời điểm quyết định.*

Tôi hành động.

Chân phải nâng cao lên trên đường ray động, chân trái đặt dưới nền đặt ray. Con tàu gần như lao vào tôi. Chỉ còn cách vài mét. Nó đang lắc lư và xóc lên. Phan của nó đang hãm rất mạnh. Tôi có thể trông thấy người lái tàu. Miệng ông ta há hốc. Tôi có thể cảm thấy luồng không khí xô mạnh phía trước toa ông ta ngồi.

Tôi bỏ điếu mứa đã dần dựng trước. Chỉ lao người về phía sân ga bên kia. Cách chưa tới mét rưỡi nhưng có vẻ xa vô cùng. Như chân trời sau những đồng bằng. Nhưng tôi đã tới được đó. Tôi nhìn sang phải và thấy mọi chiếc đinh ri vê và bù loong trên đầu con tàu chạy về mạn dưới thành phố. Nó đang lao thẳng vào tôi. Tôi tì hai lòng bàn tay xuống nền ga và bật người lên. Tôi tưởng như đám người chật cứng đang dồn ép kia sẽ khiến tôi bật ngay xuống như cũ. Song những bàn tay liền túm lấy tôi kéo lên. Con tàu sầm sầm lao sát qua vai tôi và luồng không khí mạnh khiến tôi chao người. Những ô cửa sổ lướt qua nhanh. Những hành khách không hay biết gì đang đọc sách, đọc báo hay đang đứng lắc lư. Những bàn tay lôi tôi lên kéo tôi vào đám đông. Người xung quanh tôi rú lên. Thấy miệng họ há hốc vì hoảng sợ nhưng tôi chẳng nghe thấy gì. Tiếng rít từ phan của con tàu át hết tiếng họ. Tôi cúi đầu đi xuyên qua đám đông. Người ta bước sang trái rồi lại sang phải để nhường đường cho tôi. Vài người còn vỗ vào lưng khi tôi bước qua. Tiếng chúc mừng dứt quãng còn theo tôi ra tận ngoài.

Chỉ có ở New York.

Tôi đi qua một cửa xoay và hướng lên phố.

CÔNG VIÊN QUẢNG TRƯỜNG Madison cách bảy dãy nhà về phía Bắc. Tôi còn những bốn tiếng giết thời gian. Tôi dành thời gian mua sắm và ăn uống ở đại lộ Park khu Nam. Không phải vì tôi có những thứ cần mua. Không phải vì tôi rất đói. Mà bởi vì dành cho những kẻ săn đuổi những gì họ không mong đợi luôn luôn là cách tốt nhất. Người ta cho là bọn tội phạm thường cao chạy xa bay. Người ta không cho rằng chúng lớn vồn ở khu dân cư ngay đó, ra vào quán ăn hay cửa hiệu.

Mới hơn sáu giờ sáng một chút. Cửa hàng thực phẩm, siêu thị, quán ăn, tiệm cà phê đều đã mở cửa. Tôi bắt đầu ở một cửa hàng Food Emporium có lối vào ở phố 14 và lối ra ở phố 15. Tôi dành bốn mươi lăm phút ở đó. Tôi lấy một cái giỏ, lang thang giữa các lối đi vờ như đang chọn đồ. Đỡ gậy chú ý hơn là chỉ đi lang thang. Đỡ gậy chú ý hơn lang thang giữa các lối đi mà không mang theo giỏ. Tôi chẳng muốn một tay quản lý sẵn tính cảnh giác gọi cho bất kỳ lực lượng nào đó. Tôi tưởng tượng ra tình huống mình có một căn hộ gần đây. Tôi nhét vào căn bếp tưởng tượng đủ đồ cho cả hai ngày trời. Cà phê, tất nhiên rồi. Cộng thêm đồ trộn làm bánh kếp, trứng, thịt muối, một ổ bánh mì, bơ, một ít mứt, một gói xúc xích Ý, hơn một lạng pho mát. Khi tôi thấy chán và chiếc giỏ đã nặng, tôi bỏ nó ở một lối đi không người và chuồn ra qua cửa sau của cửa hàng.

Điểm dừng tiếp theo là một tiệm ăn cách xa bốn dãy nhà về phía Bắc. Tôi đi trên vỉa hè bên tay phải, lưng quay ra đường. Trong tiệm, tôi ăn bánh kếp và thịt muối mà ai đó đã mua và chế biến. Đúng kiểu của tôi hơn. Tôi dành thêm bốn mươi phút nữa ở đó. Rồi tôi đi nửa dãy nhà tới một quán bia

Pháp. Thêm cà phê và một chiếc bánh sừng bò. Ai đó đã để lại một tờ *New York Times* trên chiếc ghế đối diện. Tôi đọc tờ báo từ đầu chí cuối. Không thấy nhắc tới vụ săn người trong thành phố. Không thấy nhắc tới cuộc đua vào Thượng viện của Sansom ở phần tin tức quốc nội.

Tôi chia hai giờ còn lại cho bốn hướng khác nhau. Tôi từ một siêu thị ở góc giao giữa đại lộ Park và phố 22 đi sang hiệu thuốc Duane Reade đối diện rồi tới một cửa hàng dược phẩm CVS trên góc giữa đại lộ Park và phố 23. Những bằng chứng nhìn thấy được chứng tỏ rằng đất nước này đang chi tiêu cho việc chăm sóc tóc hơn là cho thực phẩm. Rồi lúc 10 giờ kém 25 tôi ngừng mua sắm mà bước ra bầu trời buổi sáng rực nắng rồi vòng lại. Từ đầu phố 24 tôi cẩn thận quan sát đích đến, một hẻm không tên râm mát nằm giữa hai tòa nhà khổng lồ. Tôi chẳng trông thấy gì khiến mình phải lo lắng. Không chiếc xe hơi bí hiểm nào, không xe tải nào đỗ đó, không có cặp đôi hay nhóm ba người nào cố tình ăn mặc tầm thường đeo tai nghe.

Thế nên, vào đúng 10 giờ, tôi bước vào công viên quảng trường Madison.

Tôi trông thấy Theresa Lee và Jacob Mark ngồi cạnh nhau trên một ghế băng gần chỗ cho chó đi vệ sinh. Trông họ có vẻ đã được nghỉ ngơi nhưng lo lắng, căng thẳng, mỗi người theo một cách riêng. Có lẽ là mỗi người có những lý do riêng. Họ là hai trong số một trăm người ngồi trong nắng một cách yên bình. Công viên là một ô chữ nhật đầy cây cối, bãi cỏ, lối đi. Đây là một ốc đảo nhỏ, rộng bằng một dãy nhà và cao bằng ba dãy, được vây hàng rào, bao quanh bởi bốn vỉa hè tắt bật người đi lại. Công viên là địa điểm tốt cho những cuộc hẹn bí mật. Hầu hết những kẻ đi săn bị thu hút bởi những mục tiêu di động. Hầu hết tin rằng đám tội phạm thường xuyên di chuyển. Ba trong số một trăm người ngồi yên trong khi thành phố xoay tít xung quanh họ thì sẽ ít gây chú ý hơn ba trong số một trăm người vội vã đi trên phố.

Không hoàn hảo, song là rủi ro có thể chấp nhận được.

Tôi kiểm tra xung quanh lần cuối cùng rồi ngồi xuống cạnh Lee. Cô đưa tôi một tờ báo. Một trong những tờ tôi đã đọc. Tờ có tít SĂN. Cô nói, “Báo nói rằng chúng ta đã bắn ba nhân viên điều tra liên bang.”

“Chúng ta đã bắn bốn người,” tôi nói. “Đừng quên tay nhân viên y tế.”

“Nhưng họ làm cho nghe như thể chúng ta đã dùng súng thật. Họ làm cho nghe có vẻ như những tay ấy đã chết vậy.”

“Họ muốn bán được báo.”

“Chúng ta gặp rắc rối rồi.”

“Điều đó chúng ta biết rồi. Ta đâu cần một tay nhà báo bảo cho thì mới biết.”

Lee nói, “Docherty đã nói lại lần nữa. Anh ấy đã nhắn tin cho tôi suốt cả đêm, trong khi điện thoại tắt.”

Cô nhắc người khỏi ghế, rút trong túi sau ra một tập giấy. Ba mảnh giấy vàng của khách sạn, gấp làm tư.

Tôi hỏi, “Cô đã ghi lại à?”

Lee đáp, “Đó là các tin nhắn dài. Tôi không muốn để điện thoại mở nếu như có những điều cần phải xem lại.”

“Vậy chúng ta biết được gì?”

“Đồn cảnh sát khu vực 17 đã kiểm tra các cửa ngõ giao thông. Thủ tục quy chuẩn sau khi xảy ra một vụ phạm tội lớn. Bốn người đàn ông đã rời đất Mỹ khoảng ba giờ sau thời điểm có khả năng xảy ra vụ giết người. Qua sân bay JFK. Đồn khu vực 17 gọi họ là đối tượng có khả năng là nghi phạm. Đó là chuyện có thể xảy ra.”

Tôi gật đầu.

“Đồn khu vực 17 đúng đây,” tôi nói. “Lila Hoth đã bảo tôi như vậy.”

“Ông đã gặp cô ta sao?”

“Cô ta gọi cho tôi.”

“Bằng máy nào?”

“Bằng một chiếc điện thoại khác tôi lấy từ Leonid. Hấn và một tên tìm thấy tôi. Không được chính xác như tôi muốn, nhưng tôi đã liên hệ được ở mức hạn chế.”

“Cô ta thú nhận à?”

“Ít nhiều như thế.”

“Vậy giờ cô ta ở đâu?”

“Tôi không biết chính xác. Tôi đoán là ở nơi nào đó phía Đông đại lộ Năm, phía Nam phố 59.”

“Tại sao?”

“Cô ta dùng khách sạn Four Seasons làm bình phong. Tại sao lại phải di chuyển chứ?”

Lee nói, “Có một chiếc xe thuê bị đốt cháy ở quận Queens. Đồn khu vực 17 nghĩ rằng bốn gã kia đã dùng nó để thoát khỏi Manhattan. Rồi chúng bỏ chiếc xe và đi tàu tới sân bay.”

Tôi gật đầu lần nữa. “Lila bảo rằng chiếc xe bọn chúng sử dụng không còn tồn tại nữa.”

“Nhưng vấn đề là ở đây,” Lee nói. “Bốn gã này không trở lại London, Ukraine hay Nga. Chúng được đưa thẳng tới Tajikistan.”

“Nơi đó là đâu?”

“Ông không biết hả?”

“Những địa điểm mới đó làm tôi lẫn lộn hết.”

“Tajikistan nằm sát với Afghanistan. Hai nước có chung đường biên giới. Cả với Pakistan nữa.”

“Cô có thể bay thẳng tới Pakistan.”

“Chính xác. Vì vậy hoặc những gã này từ Tajikistan tới, hoặc từ chính Afghanistan. Tajikistan là nơi ông tới để vào đất Afghanistan mà không quá lộ. Ông băng qua biên giới bằng một chiếc xe bán tải. Đường sá xấu nhưng Kabul không cách quá xa.”

“OK.”

“Và đây là một vấn đề khác. Bộ An ninh Quốc gia có một quy trình. Một dạng thuật toán do máy tính thực hiện. Họ có thể theo dõi các nhóm người thông qua các hành trình giống nhau hoặc những lượt đặt vé liên quan tới nhau. Hóa ra bốn gã đó đã từ Tajikistan nhập cảnh vào Mỹ cách đây ba tháng cùng với vài kẻ khác, trong đó có hai phụ nữ mang hộ chiếu Turkmenistan. Một người sáu mươi, người kia hai mươi sáu tuổi. Họ cùng làm thủ tục nhập cảnh và nhận là mẹ con. Và Bộ An ninh quốc gia sẵn sàng thề rằng hộ chiếu của họ là hộ chiếu thật.”

“Vậy mẹ con nhà Hoth không phải người Ukraine. Mọi điều chúng nói với chúng ta đều là giả dối.”

Chúng tôi cùng im lặng suy nghĩ về chuyện đó trong hai chục giây. Tôi lướt lại tất cả những điều Lila đã nói cho chúng tôi và xóa bỏ chúng, từng điều từng điều một. Cứ như lôi các hồ sơ từ ngăn kéo ra, lật qua rồi ném hết vào thùng rác.



Tôi nói, “Ta đã xem hộ chiếu của họ ở khách sạn Four Seasons. Tôi trông chúng có vẻ là hộ chiếu Ukraine.”

Lee nói, “Là đồ giả. Nếu không họ đã sử dụng chúng khi nhập cảnh.”

Tôi nói, “Lila có mắt xanh.”

Lee nói, “Tôi cũng nhận thấy thế.”

“Chính xác thì Turkmenistan ở đâu?”

“Cũng sát với Afghanistan. Biên giới dài. Afghanistan bị bao bọc bởi Iran, Turkmenistan, Uzbekistan, Tajikistan và Pakistan, xuôi chiều kim đồng hồ tính từ vùng Vịnh.”

“Nếu tất cả là là Liên bang Xô viết thì dễ hơn.”

“Trừ phi ông đã sống ở đó.”

“Turkmenistan và Afghanistan có tương đồng về sắc tộc không?”

“Có lẽ có. Tất cả những đường biên giới ấy đều hoàn toàn tùy tiện. Đều do những sự cố lịch sử. Vấn đề là sự phân chia giữa các bộ tộc. Các đường vẽ trên bản đồ không liên quan gì đến chuyện đó.”

“Cô là chuyên gia đây à?”

“NYPD biết về khu vực này nhiều hơn cả CIA. Chúng tôi phải biết. Chúng tôi có nhiều người ở đó. Chúng tôi có thông tin tình báo tốt hơn bất kỳ ai khác.”

“Một người từ Afghanistan có thể xin được hộ chiếu của Turkmenistan không?”

“Bằng cách chuyển nơi ở hả?”

“Bằng cách nhờ giúp đỡ và lấy nó.”

“Từ một người thông cảm do cùng sắc tộc hả?”

Tôi gật đầu. “Có thể bằng cách bất hợp pháp.”

“Sao ông lại hỏi thế?”

“Một số người Afghanistan có mắt màu xanh sáng. Đặc biệt là phụ nữ. Một dòng gien lạ trong dân nơi đó.”

“Ông nghĩ mẹ con nhà Hoth từ Afghanistan tới à?”

“Họ biết nhiều kinh khủng về cuộc xung đột với Liên Xô. Hơi tò vễ thêm, nhưng họ nói đúng gần hết các chi tiết.”

“Có thể họ đã đọc sách.”

“Không, họ có những cảm xúc thật sự. Và bầu không khí nữa. Như những chiếc áo choàng cũ chẳng hạn. Các chi tiết có vẻ như không phổ biến lắm. Đó là thông tin mà chỉ kẻ trong cuộc mới có. Trước công chúng, Hồng quân tỏ ra rằng họ được trang bị rất tốt, vì những lý do gì thì rõ ràng rồi. Nội dung tuyên truyền của chúng ta cũng nói điều tương tự về họ, vì những lý do cũng rõ như vậy. Nhưng không phải vậy. Hồng quân hồi đó đang tan rã. Tôi cảm thấy nhiều thứ trong những điều mẹ con Hoth nói nghe có vẻ như chỉ người trong cuộc mới biết mà thôi.”

“Thế thì sao?”

“Có thể Svetlana thực sự đã chiến đấu ở đó. Nhưng ở phía bên kia.”

Lee ngừng một chút. “Ông nghĩ mẹ con nhà Hoth là phụ nữ người bộ tộc sao?”

“Nếu Svetlana đã chiến đấu ở đó nhưng không phải chiến đấu cho Liên Xô thì chắc chắn họ phải là người của bộ tộc.”

Lee ngừng lần nữa. “Trong trường hợp ấy thì Svetlana đã kể toàn bộ câu chuyện từ phía bên kia. Mọi thứ được xoay ngược lại. Kể cả sự tàn

bạo.”

“Đúng,” tôi đáp. “Bà ta đã không phải chịu đựng. Bà ta đã gây ra chúng.”

Chúng tôi lại im lặng, thêm hai mươi giây nữa. Tôi liên tục đảo mắt khắp công viên. *Hãy quan sát, đừng chỉ nhìn, hãy lắng nghe, đừng chỉ là nghe thấy.* Càng tập trung bao nhiêu, anh sẽ sống sót lâu hơn bấy nhiêu. Nhưng chẳng có gì nhảy bổ vào tôi. Chẳng có gì bất ngờ xảy ra. Người ta đến và đi, người ta dắt chó tới đi vệ sinh, một hàng người đang hình thành ở quầy bán bánh hamburger. Còn sớm nhưng giờ nào cũng là giờ ăn trưa của người nào đó. Còn tùy ở chuyện ngày bắt đầu vào thời điểm nào. Lee đang xem lại hết những gì cô đã ghi chép. Jacob Mark đang đăm đăm nhìn mặt đất, nhưng ánh mắt anh tập trung vào nơi nào đó sâu dưới mặt đất. Cuối cùng anh cúi người về trước, xoay đầu nhìn tôi. Tôi nghĩ: *Tới rồi đây.* Câu hỏi lớn. Cú xóc trên đường.

Anh hỏi, “Lúc Lila Hoth gọi cho anh, cô ta có nhắc tới Peter không?”

Tôi gật đầu. “Cô ta đã đón nó ở quán bar.”

“Tại sao phải mất tới bốn giờ để làm việc đó?”

“Là thủ thuật. Để cho vui vẻ điệu dàng. Vì cô ta có thể.”

“Giờ thằng bé ở đâu?”

“Cô ta nói rằng nó ở đây, trong thành phố.”

“Nó ổn không?”

“Cô ta không nói cho tôi biết.”

“Anh nghĩ nó sẽ ổn chứ?”

Tôi không trả lời.

Anh bảo, “Nói cho tôi đi, Reacher.”

Tôi đáp, “Không.”

“Không là anh không nói với tôi à?”

“Không, tôi không nghĩ là thằng bé ỏn.”

“Nhưng có thể nó ỏn.”

“Tôi có thể làm đây.”

“Cô ta đã nói gì với anh?”

“Tôi nói rằng tôi không sợ cô ta, Lila bảo rằng đó cũng là điều Peter Molina đã nói với cô ta. Tôi hỏi liệu nó ỏn không, cô ta bảo là tôi nên tự đến mà tìm hiểu.”

“Thế là có thể thằng bé ỏn.”

“Có thể. Nhưng tôi nghĩ anh nên thực tế.”

“Về chuyện gì? Tại sao hai người phụ nữ bộ tộc của Afghanistan muốn gây chuyện với Peter chứ?”

“Tất nhiên là để tiếp cận Susan.”

“Vì cái gì? Lầu Năm Góc có trách nhiệm giúp Afghanistan mà.”

Tôi nói, “Nếu Svetlana là một phụ nữ bộ tộc tham gia chiến đấu, bà ta là một trong các du kích quân Hồi giáo. Và khi người Nga trở về quê hương, quân du kích Hồi giáo không trở về chẵn dê. Họ tiếp tục. Một số trở thành Taliban, số còn lại trở thành al-Qaeda.”

JACOB MARK NÓI, “Tôi phải đi gặp cảnh sát về chuyện của Peter.” Anh ta vừa nhô nửa người khỏi ghế thì tôi khom người qua Lee đặt một bàn tay lên cánh tay anh.

“Hãy suy nghĩ thật kỹ,” tôi nói.

“Có gì để nghĩ chứ? Cháu tôi là nạn nhân bị bắt cóc. Nó là con tin. Cô ta đã thú nhận rồi.”

“Hãy nghĩ xem cảnh sát sẽ làm gì. Họ sẽ gọi điều tra liên bang ngay lập tức. Đám điều tra liên bang sẽ xích cổ anh lại lần nữa và dùng Peter để cản đường, vì họ có con cá to hơn cần tóm lấy.”

“Tôi phải có.”

“Peter chết rồi, Jake. Tôi rất tiếc, nhưng đó là sự thật anh phải đối mặt.”

“Vẫn còn cơ hội.”

“VẬY thì cách nhanh nhất để tìm ra nó là tìm Lila. Và chúng ta có thể làm việc ấy tốt hơn cánh nhân viên điều tra liên bang kia.”

“Anh nghĩ thế hả?”

“Hãy xem lại chiến tích của họ ấy. Họ đã để sống mất Lila một lần, rồi lại để cho chúng ta thoát khỏi nơi giam giữ. Có cần người tìm hộ sách trong thư viện tôi cũng chẳng đòi nào cử họ đi.”

“Làm thế quái nào mà chúng ta tự tìm được cô ta?”

Tôi nhìn Theresa Lee. “Cô đã nói chuyện với Sansom chứ?”

Lee nhún vai, như thể cô có cả tin tốt lẫn tin xấu. Cô nói, “Tôi đã nói chuyện với ông ta một lát. Sansom bảo có lẽ ông ta muốn đích thân đến đây. Ông ta bảo sẽ gọi lại cho tôi để thống nhất địa điểm và thời gian. Tôi nói rằng ông ta không gọi được đâu vì tôi tắt điện thoại. Thế là Sansom bảo thay vì gọi tôi ông ta sẽ gọi vào di động của Docherty, và tôi sẽ gọi cho Docherty để nhận lời nhắn. Tôi đã làm như vậy. Docherty không nghe máy. Tôi thử gọi vào tổng đài của đồn. Nhân viên điều phối nói rằng Docherty không có ở đó.”

“Thế nghĩa là sao?”

“Tôi nghĩ nghĩa là anh ấy vừa bị bắt.”

Điều đó làm thay đổi mọi thứ. Tôi hiểu như vậy ngay cả trước khi Lee nói nó ra. Cô đưa cho tôi mấy mảnh giấy gấp lại. Tôi cầm lấy, như cầm gậy chạy tiếp sức. Tôi sẽ phải chạy tiếp, nhanh hết khả năng có thể. Cô đã ra khỏi đường chạy, cuộc đua của cô đã chấm dứt. Lee nói, “Ông đã hiểu, phải không? Giờ tôi phải trình diện. Anh ấy là đồng sự của tôi. Tôi không thể để anh ấy một mình đối mặt với trò điên rồ này.”

Tôi nói, “Cô đã nghĩ rằng anh ta sẽ bỏ rơi cô ngay lập tức mà.”

“Nhưng anh ấy đã không thế. Và lại dù sao tôi cũng có những tiêu chuẩn riêng.”

“Làm thế chẳng có ích gì đâu.”

“Có thể không. Nhưng tôi sẽ không quay lưng lại đồng sự của mình.”

“Cô đang tự đẩy mình xuống vực đáy. Nếu ở trong tù thì cô chẳng giúp đỡ được ai cả đâu. Bên ngoài luôn tốt hơn bên trong.”

“Với ông thì khác. Ngày mai ông có thể ra đi. Tôi thì không thể. Tôi sống ở đây.”

“Vậy còn Sansom thì sao? Tôi cần thời gian và địa điểm.”

“Tôi không có thông tin đó. Và dù sao ông cũng nên cẩn thận với Sansom. Qua điện thoại nghe giọng ông ta rất lạ. Tôi không biết liệu ông ta thực sự nổi điên hay thực sự lo lắng. Thật khó mà nói ông ta đứng về phía nào, liệu sẽ tới đây không và khi nào sẽ tới.”

Rồi Lee trao cho tôi chiếc điện thoại đầu tiên của Leonid và chiếc sạc khẩn cấp. Cô đặt một bàn tay lên cánh tay tôi bóp lại, rất nhanh, dù chỉ một chút. Thay cho một cái ôm và một cử chỉ chúc may mắn. Và ngay sau đó, quan hệ hợp tác tạm thời giữa ba chúng tôi tan vỡ hoàn toàn. Jacob Mark đã đứng sẵn trước khi Lee kịp nhô m dậy. Anh nói, “Tôi mắc nợ Peter. Được thôi, có thể họ sẽ lại tống tôi vào tù, nhưng ít ra họ cũng sẽ đi tìm thằng bé.”

“Chúng ta có thể đi tìm nó,” tôi nói.

“Ta chẳng có nguồn lực nào cả,” Jake đáp.

Tôi nhìn cả Jake và Lee rồi hỏi, “Cả hai cùng chắc chứ?”

Họ chắc. Hai người bước xa dần tôi, ra khỏi công viên, ra vỉa hè đại lộ Năm, đứng đấy nghển cổ ra tìm một xe cảnh sát giống như người ta vẫy taxi. Tôi ngồi một mình khoảng một phút rồi đứng dậy bước theo hướng khác.

Điểm dừng tiếp theo, một nơi nằm ở phía Đông đại lộ Năm và phía Nam phố 59.

CÔNG VIÊN QUẢNG TRƯỜNG Madison nép mình ở đầu phía Nam đại lộ Madison, nơi nó bắt đầu ở phố 23. Đại lộ Madison chạy thẳng qua một trăm mười lăm khối nhà tới cầu Đại lộ Madison, cây cầu dẫn sang quận Bronx. Ta có thể tới sân vận động Yankee bằng đường này, dù những tuyến khác tốt hơn. Tôi dự định đi hết một phần ba tuyến này, đến phố 59, dừng lại chéch về phía Bắc và phía Tây một chút so với nơi Lila Hoth nói là cô ta không ở, giữa đại lộ Ba và phố 56.

Đây là nơi tốt để bắt đầu, cũng như bất cứ nơi nào khác.

Tôi bắt xe buýt, một chiếc chạy chậm và lộn xộn, là lựa chọn mà trực giác của một tay tội phạm sẽ không chọn, song là nơi trốn tránh hoàn hảo cho tôi. Xe cô đông đúc, chúng tôi đi qua nhiều cảnh sát, cả đi bộ lẫn đi xe. Tôi nhìn họ qua cửa sổ. Chẳng ai ngó lại tôi. Một người trên xe buýt cũng gần như là tàng hình.

Tôi chấm dứt tàng hình khi xuống xe ở phố 59. Vùng đất lý tưởng cho mua sắm bán lẻ, vì vậy là nơi tuyệt vời cho khách du lịch, thế nên mọi góc phố đều có các cặp cảnh sát để đảm bảo an ninh. Tôi theo một phố ngang tới đại lộ Năm, tìm một chuỗi người bán hàng rong ở rìa công viên Trung tâm và mua một chiếc áo phông đen in chữ *New York City*, một đôi kính mát hàng nhái, một chiếc mũ chơi bóng chày màu đen in hình quả táo đỏ. Tôi thay đồ trong phòng vệ sinh ở sảnh một khách sạn rồi trở lại đại lộ Madison với vẻ ngoài khác một chút. Đã bốn giờ trôi qua kể từ khi bắt kỳ cảnh sát trực ca nào báo cáo với chỉ huy của họ. Và trong bốn giờ thì người ta quên nhiều lắm. Tôi cho rằng ai thì cũng chỉ có thể nhớ *cao* và *áo sơ mi*



*ka ki* là cùng. Về phần chiều cao thì tôi chịu chẳng làm gì được, nhưng về chuyện ăn mặc thì với món đồ mới màu đen này may ra tôi có thể vượt qua mắt họ. Cộng thêm dòng chữ ghi trên áo phông, cặp kính, cái mũ nữa, tất cả khiến tôi trông như một gã thộn mới ở quê lên phố vậy.

Mà cơ bản thì tôi thế thật. Tôi thật chẳng biết mình đang làm gì. Tìm ra bất kỳ nơi ẩn náu nào được nguy trang đều thật khó khăn. Tìm ra nó ở một thành phố lớn đông dân gần như là điều không thể. Tôi chỉ loanh quanh mấy dãy nhà chọn ngẫu nhiên, bám theo linh cảm về địa lý, đấy có thể là một khởi đầu hoàn toàn sai lầm, cố gắng tìm ra những lý do để thu hẹp diện tìm kiếm. *Khách sạn Four Seasons. Không sát nhưng đủ gần để đi lại thuận tiện.* Điều đó nghĩa là sao? Cách hai phút chạy xe? Năm phút đi bộ? Ở hướng nào? Không phải hướng Nam, tôi nghĩ. Không nằm trên phố 57, vốn là một con đường lớn chạy ngang thành phố. Hai chiều, sáu làn đường. Luôn luôn tấp nập. Ở tiểu khu Manhattan, phố 57 giống như sông Mississippi. Một trở ngại. Một đường ranh giới. Lăn về hướng Bắc, về phía các dãy nhà yên tĩnh hơn, tối tăm hơn thì vẫn hấp dẫn hơn.

Tôi theo dõi luồng xe cộ mà nghĩ: không phải cách hai phút chạy xe. Lái xe đồng nghĩa với việc thiếu khả năng kiểm soát, thiếu tính cơ động, chậm trễ, các đại lộ và đường phố một chiều, những khó khăn khi đỗ xe, có khả năng có những phương tiện dễ nhận ra đỗ trong khu bốc dỡ hàng, biển số có thể bị theo dõi và xác minh.

Trong thành phố, dù ta là ai, đi bộ vẫn tốt hơn lái xe.

Tôi theo phố 58 và đi bộ tới lối vào từ phía sau khách sạn. Nó cũng hoành tráng như lối vào ở mặt trước. Nơi này cũng đầy những đồng, những đá và những lá cờ bay phấp phới, những người khuân đồ mặc đồng phục và người gác cửa đội mũ chóp. Có một hàng dài xe hơi sang trọng đợi bên rìa phố. Lincoln, Mercedes, Maybach, Rolls-Royce. Mỗi chiếc trị giá hơn cả triệu đô, tất cả đều nhét vào một khoảng chừng ba chục mét vuông. Có một khu bốc dỡ hàng với cửa cuốn màu xám đang đóng lại.

Tôi đứng cạnh một cậu trực cửa khách sạn, lưng tôi quay vào cửa khách sạn. Tôi sẽ đi đâu? Bên kia phố chẳng có gì ngoài một dãy nhà cao tầng khô cứng. Hầu hết là chung cư, tầng trệt cho các khách hàng danh tiếng thuê. Đối diện là một phòng trưng bày nghệ thuật. Tôi lách người qua cái giảm xóc mạ crôm của hai chiếc xe, băng ngang phố và liếc vài bức tranh của phòng trưng bày. Tôi xoay người và nhìn ngược lại từ vỉa hè bên kia.

Bên trái khách sạn, ở phần gần với đại lộ Park hơn, chẳng có gì đáng chú ý lắm.

Rồi tôi nhìn sang phải, dọc theo dãy nhà chạy về phía đại lộ Madison, và nảy ra một ý tưởng mới.

Bản thân khách sạn là công trình mới xây dựng bằng khoản ngân sách kinh khủng. Các tòa nhà gần đó đều yên tĩnh, giàu có và chắc chắn, một số mới, một số cũ. Nhưng ở rìa phía Tây của dãy này là ba căn nhà cũ liên tiếp. Hẹp, một mặt tiền, năm tầng xây bằng gạch, dải dầu nắng gió, bong tróc, roi rụng, ổ bần, có gì đó hoang tàn. Những ô cửa sổ bần thiu, rèm cửa võng xuống, mái ngang, cỏ dại mọc theo các mái đua, các thang sắt thoát hiểm chạy dích dắc từ tầng bốn xuống. Ba căn nhà này trông như ba cái răng sâu trong một nụ cười rộng mở. Một căn có nhà hàng không còn hoạt động thuộc sở hữu của người thuê tầng trệt. Một căn có cửa hàng bán dụng cụ. Căn thứ ba từng là một công ty đã dừng hoạt động lâu đến mức tôi chẳng thể biết trước đây nó là gì. Song song với hoạt động làm ăn, mỗi căn có một cánh cửa hẹp kín đáo. Hai trong số các ô cửa có nhiều nút bấm chuông, cho thấy có nhiều căn hộ. Ô cửa cạnh nhà hàng cũ có một nút bấm, chứng tỏ bốn tầng phía trên chỉ có một chủ.

Lila Hoth không phải một tỷ phú Ukraine từ London tới. Đó chỉ là điều dối trá. Thế nên dù có là ai, cô ta cũng chỉ tiêu trong khuôn khổ. Chắc chắn ngân sách khá hậu, cho phép thuê vài lô ở khách sạn Four Seasons khi cần. Nhưng khả năng là không phải ngân sách vô hạn. Mà muốn mua nhà

riêng ở Manhattan thì phải có ít nhất hai mươi triệu đô la. Còn thuê thì mỗi tháng phải vài chục ngàn đô.

Có thể mua được sự riêng tư một cách ít tốn kém hơn bằng cách chọn những căn xuống cấp sử dụng nhiều mục đích như ba căn tôi đang quan sát. Và có lẽ có các lợi ích khác. Không có người gác cửa ở gần, ít những cặp mắt nhòm ngó. Có lẽ còn một nhận định nữa: một nơi như nhà hàng hay cửa hàng bán dụng cụ thì có thể chuyển hàng vào mọi giờ, đêm cũng như ngày. Mọi hình thức bất kỳ đến và đi có thể diễn ra mà không thu hút bất kỳ sự chú ý nào.

Tôi bước xuống phố, đứng ở rìa phố đối diện với ba căn nhà kia và chăm chăm nhìn chúng. Trên vỉa hè, dòng người kéo dài không dứt chen qua tôi. Tôi bước xuống rãnh thoát nước để tránh. Ở góc phố phía xa giao giữa đại lộ Madison và phố 57 có hai viên cảnh sát. Chéo với tôi và cách mười lăm mét. Họ không nhìn về hướng tôi. Tôi nhìn lại những căn nhà, đầu xem xét lại những nhận định của mình. Tàu tuyến 6 chạy qua phố 59 và đại lộ Lexington cũng gần đây. Khách sạn Four Seasons ở gần đây. Đại lộ Ba và phố 56 không gần. *Thế chẳng phải gần tôi đâu.* Sự bí mật được đảm bảo. Chi phí không nhiều. Chính xác rồi. Hoàn hảo. Thế nên tôi cho là mình đang tìm một địa điểm giống như một trong ba căn nhà tôi đang quan sát, nằm trong hình nan quạt có bán kính năm phút đi bộ về phía Đông hoặc Tây kể từ cửa sau khách sạn Four Seasons. Không ở phía Bắc, nếu không thì Susan đã đậu xe ở mạn giữa thành phố và xuống tàu điện ngầm ở phố 68. Không ở phía Nam, do rào cản tâm lý của phố 57. Không phải một nơi hoàn toàn khác, bởi chúng đã sử dụng khách sạn Four Seasons làm bình phong. Nếu là một nơi hoàn toàn khác, bọn chúng đã chọn khách sạn khác. Thành phố New York không thiếu những tòa nhà hoành tráng.

Logic thuyết phục. Có thể quá thuyết phục. Khép kín, chắc chắn như vậy. Bởi nếu tôi bám vào giả định rằng Susan Mark xuống tàu điện ngầm ở phố 59 và dự định tiếp cận mục tiêu từ hướng Bắc còn phố 57 là một rào cản tâm lý ở phía Nam thì phố 58 là sân chơi chính, phải thế. Và cuộc bộ

qua các dãy nhà ngang khu Manhattan mất chừng năm phút. Do đó đi bộ trong phạm vi năm phút về bên trái hay bên phải từ cửa sau khách sạn Four Seasons thì sẽ dừng lại hoặc ở đúng dãy nhà tôi đang lãng vãng, hoặc dãy kế tiếp ở phía Đông, nằm giữa đại lộ Park và đại lộ Lexington. Những căn xuống cấp sử dụng đan xen nhiều mục đích hiếm khi xuất hiện ở những dãy nhà thế này. Những kẻ lăm tiền đã đuổi chúng đi từ lâu rồi. Hoàn toàn có khả năng tôi đang nhìn vào ba căn duy nhất như vậy còn sót lại của cả một vùng.

Vì vậy hoàn toàn có khả năng tôi đang nhìn vào nơi ẩn náu của Lila Hoth.

Hoàn toàn có thể, nhưng hầu như không có khả năng xảy ra. Tôi cũng tin vào may mắn như bất kỳ người nào khác. Song tôi không tin một cách điên cuồng.

Nhưng tôi cũng tin vào logic nữa, mà còn tin hơn người khác, và chính logic đã đưa tôi đến đây. Tôi rà soát lại toàn bộ một lượt nữa rồi tin tưởng vào bản thân mình.

Vì một yếu tố khác nữa.

Đó là cùng một kiểu logic đã đưa một kẻ khác nữa tới đây.

Springfield bước xuống rãnh nước gần tôi và nói, “Ông nghĩ thế hả?”

SPRINGFIELD MẶC BỘ COM LÊ lần trước tôi đã gặp. Chất vải len nhẹ mùa hè, dệt kiểu giống lụa và hơi óng. Nó có vết nhăn và dúm, kiểu như anh ta cứ mặc thế mà đi ngủ. Có khi anh ta đã làm thế thật.

Springfield nói, “Ông nghĩ đây là nơi ấy hả?”

Tôi không trả lời. Tôi đang bận kiểm tra xung quanh. Tôi nhìn vài trăm người và vài chục chiếc xe hơi. Nhưng không thấy gì đáng lo ngại. Springfield chỉ có một mình.

Tôi quay lại.

Springfield lặp lại câu hỏi, “Ông nghĩ đây là nơi ấy hả?”

Tôi hỏi, “Sansom đâu?”

“Ông ấy ở nhà.”

“Tại sao?”

“Vì kiểu công việc này khó khăn, tôi làm tốt hơn ông ấy.”

Tôi gật đầu. Mình giỏi hơn sĩ quan là một tín điều của các hạ sĩ quan. Và thường thì họ đúng. Chắc chắn tôi hài lòng với các hạ sĩ quan của mình. Họ đã làm rất nhiều việc tốt cho tôi.

Tôi hỏi: “Vậy thỏa thuận là gì?”

“Thỏa thuận nào?”

“Giữa ông và tôi ấy.”

“Chúng ta chẳng có thỏa thuận nào,” anh ta nói. “Vẫn chưa có.”

“Chúng ta sẽ có thỏa thuận chứ?”

“Có lẽ ta nên nói chuyện với nhau.”

“Ở đâu?”

“Tùy ông,” anh ta nói. Đó là dấu hiệu tốt. Nghĩa là trước mắt nếu có cái bẫy nào hay vụ phục kích nào chờ đợi tôi, nó sẽ diễn ra theo kiểu tùy cơ ứng biến, do đó sẽ không đạt hiệu quả tối ưu. Thậm chí đến mức còn chẳng triển khai được.

Tôi hỏi, “Ông biết về thành phố rõ đến mức nào?”

“Cũng ở mức chấp nhận được.”

“Hãy rẽ trái hai lần và đến số 57 phố 57 Đông. Tôi sẽ đến sau ông mười phút. Ta sẽ gặp nhau bên trong.”

“Đó là địa điểm kiểu gì thế?”

“Ta có thể uống cà phê ở đó.”

“OK,” anh ta nói. Rồi Springfield nhìn một lần nữa căn nhà có nhà hàng ở tầng trệt rồi cắt chéo phố qua làn xe cộ và rẽ trái sang đại lộ Madison. Tôi đi theo đường khác, đến ngang cửa sau khách sạn Four Seasons. Cửa sau của khách sạn Four Seasons nằm ngay đây, trên phố 58. Đây là một tòa nhà thông hết cả dãy. Nghĩa là cửa trước nằm trên phố 57. Chính xác là số 57 phố 57 Đông. Tôi sẽ vào trong trước Springfield chừng bốn phút. Tôi sẽ biết liệu anh ta có đi cùng một đội nào hay không. Tôi sẽ biết liệu có kẻ nào vào trước, đi cùng hoặc bám theo anh ta không. Tôi từ phía sau đi qua sảnh, bỏ mũ và kính rồi đứng trong một góc yên tĩnh, chờ đợi.

Springfield bước vào một mình, đúng giờ, nghĩa là sau bốn phút. Không có thời gian để triển khai vội vàng trên phố. Không có thời gian để bàn bạc. Có lẽ thậm chí chẳng đủ thời gian để gọi một cú bằng máy di động. Phần lớn người ta đều đi chậm lại một chút khi vừa bấm số vừa nói chuyện.

Có một người đàn ông mặc lễ phục buổi sáng ở gần cửa. Áo đuôi tôm đen, nơ bạc. Không phải nhân viên trực công, cũng chẳng phải trưởng đội trực khuôn vác. Một kiểu nhân viên chào đón khách, dù có thể chức danh của anh ta lớn hơn. Người này bắt đầu bằng việc hướng về phía Springfield, Springfield liếc người này một cái, anh ta né ngay về hướng khác như thể bị tát. Springfield là người có kiểu mặt đó.

Anh ta dừng lại một chút, lấy lại tác phong và hướng về phía phòng trà, nơi tôi đã gặp mẹ con nhà Hoth một lần. Tôi vẫn đứng trong góc quan sát cửa thông ra phố. Không lực lượng hỗ trợ. Không có chiếc xe hơi mui kín thông thường nào dừng lại phía ngoài. Tôi đợi cho mười phút trôi qua, rồi thêm hai phút nữa, chỉ để đề phòng. Chẳng gì xảy ra, chỉ có những âm thanh thường thấy của một khách sạn sang trọng. Người giàu đến, người giàu đi. Người nghèo lảng xảng xung quanh làm việc này việc kia cho họ.

Tôi bước vào phòng trà thấy Springfield ngồi đúng chiếc ghế Lila Hoth đã ngồi. Cũng người phục vụ già tôn quý đang trực, ông bước tới. Springfield gọi nước khoáng. Tôi gọi cà phê. Người phục vụ gật đầu mà chẳng ai nhận thấy, rồi ông lại đi ra.

Springfield nói: “Ông đã gặp nhà Hoth ở đây, hai lần.”

Tôi nói, “Một lần ở đúng bàn này.”

“Thực chất thì đó là rắc rối. Liên quan tới họ bằng bất kỳ hình thức nào cũng bị quy là trọng tội.”

“Vì cái gì?”

“Vì Luật Yêu nước.”

“Chính xác thì mẹ con nhà Hoth là ai?”

“Và băng ngang đường tàu điện ngầm cũng là một tội nghiêm trọng. Cụ thể ông có thể ngồi tù liên bang tới năm năm vì chuyện ấy. Họ đã nói với tôi như thế.”

“Và tôi đã bắn bốn nhân viên điều tra liên bang bằng tên.”

“Chẳng ai quan tâm tới họ cả.”

“Mẹ con nhà Hoth là ai?”

“Tôi không tình nguyện trao thông tin được.”

“Thế tại sao chúng ta lại ở đây?”

“Ông giúp chúng tôi, chúng tôi sẽ giúp ông.”

“Các ông có thể giúp tôi thế nào?”

“Chúng tôi có thể khiến mọi trọng tội của ông biến mất.”

“Còn tôi có thể giúp các ông thế nào?”

“Ông giúp chúng tôi tìm thứ chúng tôi đã đánh mất.”

“Chiếc thẻ nhớ hả?”

Springfield gật đầu. Người phục vụ đã trở lại cùng một cái khay. Nước khoáng và cà phê. Ông sắp xếp các thứ trên bàn cẩn thận rồi lùi ra.

Tôi nói, “Tôi không biết chiếc USB đang ở đâu.”

“Tôi chắc chắn là ông không biết. Nhưng ông đã tới gần Susan Mark hơn bất kỳ ai khác. Cô ấy đã rời khỏi Lầu Năm Góc cùng với nó, nó không có trong nhà, trong xe hay ở bất kỳ nơi nào cô ấy đã tới. Thế nên chúng tôi



hy vọng ông đã trông thấy gì đó. Có thể nó không có ý nghĩa gì với ông, nhưng lại có ý nghĩa với chúng tôi.”

“Tôi đã trông thấy cô ấy tự sát. Tất cả chỉ có thế.”

“Chắc chắn phải có nhiều hơn thế.”

“Các ông đã cử người đứng đầu đội tham mưu lên tàu. Ông ta đã thấy gì?”

“Chẳng gì cả.”

“Trong chiếc thẻ nhớ có gì?”

“Tôi không tình nguyện trao thông tin được.”

“Vậy thì tôi không thể giúp các ông được.”

“Tại sao ông cần phải biết?”

Tôi nói, “Tôi muốn biết ít nhất là hình thù cơ bản của cái rắc rối tôi sắp dẫn thân vào.”

“Vậy thì ông nên tự dành cho mình một câu hỏi.”

“Câu hỏi nào?”

“Câu hỏi ông chưa từng đặt ra, câu hỏi lẽ ra ông nên hỏi ngay từ khi mọi chuyện bắt đầu. Câu hỏi mấu chốt, đờ ngốc ạ.”

“Chuyện này là sao đây? Một cuộc thi à? Hạ sĩ quan thi với sĩ quan hả?”

“Trận đánh ấy qua lâu rồi.”

Thế là tôi lộn lại từ đầu, để tìm câu hỏi mà tôi chưa bao giờ đặt ra. Bắt đầu là chuyến tàu số 6, với hành khách số bốn, ở mé phải toa, một mình trên băng ghế dành cho tám người, da trắng, trạc bốn mươi, không trang

điểm, tóc đen, quần áo đen, túi đen. Susan Mark, một công dân, từng là vợ, người mẹ, người chị, con nuôi, người sống ở Annadale, Virginia.

Susan Mark, nhân viên dân sự làm việc ở Lầu Năm Góc.

Tôi hỏi, “Công việc chính xác của cô ấy là gì?”

SPRINGFIELD UỐNG NƯỚC MẮT một lúc lâu rồi thoáng nở nụ cười mà bảo, “Chậm, nhưng rốt cuộc ông cũng nghĩ ra rồi đấy.”

“Vậy công việc của cô ấy là gì?”

“Cô ấy là nhân viên quản trị hệ thống, chịu trách nhiệm về một phần công nghệ thông tin.”

“Tôi không biết thế nghĩa là gì.”

“Nghĩa là cô ấy biết một số mật khẩu chủ của các máy tính.”

“Những máy tính nào?”

“Không phải các máy quan trọng. Cô ấy không thể phóng tên lửa hay những thứ gì khác. Nhưng rõ ràng cô ấy được phép truy cập các hồ sơ của HRC. Và một số tài liệu lưu trữ.”

“Nhưng không phải tài liệu lưu trữ của Delta, phải không? Chúng nằm ở Bắc Carolina. Ở Fort Bragg. Không ở Lâu Năm Góc.”

“Các máy tính được nối mạng với nhau. Bây giờ mọi thứ ở mọi nơi và chẳng ở nơi nào cả.”

“Và cô ấy có quyền truy cập hả?”

“Lỗi của con người.”

“Cái gì?”

“Có phần nào đó lỗi của con người.”

“Một phần nào đó?”

“Có nhiều nhân viên quản trị hệ thống. Họ chia sẻ các vấn đề chung. Họ giúp đỡ nhau. Họ có phòng chat riêng, họ có bảng tin riêng. Hình như có một dòng mã bị lỗi khiến các mật khẩu cá nhân không đảm bảo bí mật như người ta muốn. Vậy nên có sự rò rỉ. Chúng tôi nghĩ là trên thực tế tất cả họ biết điều ấy, nhưng họ thích như vậy. Một người có thể vào hệ thống đăng giúp đỡ người khác khi có những rắc rối nhỏ nhặt. Ngay cả khi dòng mã có đúng đi nữa, có khi họ cũng xóa nó đi.”

Tôi nhớ lại lời Jacob Mark đã nói, *Chị ấy giỏi máy tính.*

Tôi nói, “Vậy là cô ấy có quyền truy nhập các hồ sơ lưu trữ của Delta?”

Springfield chỉ gật đầu.

Tôi nói, “Nhưng ông và Sansom đã xuất ngũ trước tôi năm năm. Hồi ấy chẳng có gì được đưa vào máy tính. Hồ sơ lưu trữ thì chắc chắn lại càng không rồi.”

“Thời cuộc thay đổi,” Springfield nói. “Quân đội Hoa Kỳ như tôi và ông biết nay đã chín mươi tuổi rồi. Chúng ta đã có những thứ rác rưởi tích tụ chừng chín mươi năm. Những thứ vũ khí cổ hán gỉ mà ông của ai đó mang về làm kỷ niệm, những lá cờ và quân phục thu được đang mọc meo lên, đủ thứ. Cộng thêm vài ngàn, vài chục ngàn tấn tài liệu. Có khi vài triệu tấn. Một rắc rối thực tiễn. Nguy cơ hỏa hoạn, chuột bọ, thay đổi nhà cửa.”

“Thế thì sao?”

“Thế nên trong vòng mười năm qua họ dọn dẹp nhà cửa. Các mẫu vật hoặc được gửi cho viện bảo tàng hoặc được tổng vào thùng rác. Còn hồ sơ thì được quét và lưu trữ vào máy tính.”

Tôi gật đầu. “Và Susan truy cập và sao chép một hồ sơ.”

“Hơn cả sao chép một hồ sơ,” Springfield nói. “Cô ấy đã trích lấy một bộ. Chuyển nó sang một ổ lưu trữ bên ngoài rồi xóa hồ sơ gốc.”

“Ổ lưu trữ ngoài là chiếc USB phải không?”

Springfield gật đầu. “Và chúng tôi không biết hiện nó đang ở đâu.”

“Tại sao lại là cô ấy?”

“Bởi cô ấy thích hợp cho việc đó. Phần hồ sơ liên quan được lần ra qua việc tặng thưởng huy chương. Người của HRC lưu giữ hồ sơ về huân huy chương. Như ông nói đấy. Và cô ấy là quản trị hệ thống. Và cô ấy có thể bị tấn công thông qua con trai mình.”

“Tại sao cô ấy xóa hồ sơ gốc?”

“Tôi không biết.”

“Chắc chắn nó đã làm tăng nguy cơ lên.”

“Rất nhiều.”

“Hồ sơ ấy là gì?”

“Tôi không tình nguyện trao thông tin được.”

“Nó được đưa ra khỏi phòng lưu trữ và sao quét khi nào?”

“Hơn ba tháng trước một chút. Công việc ấy chậm chạp lắm. Chương trình thực hiện đã mười năm rồi mà người ta chỉ mới giải quyết đến đầu thập kỷ 1980 thôi.”

“Những ai làm?”

“Có đội ngũ chuyên môn.”

“Cùng một kẻ hở. Mẹ con nhà Hoth có mặt ở đây gần như là ngay lập tức.”

“Rõ ràng thế.”

“Ông có biết đó là ai không?”

“Các bước đang được thực hiện.”

“Hồ sơ ấy là gì?”

“Tôi không tình nguyện trao thông tin được.”

“Nhưng đó là hồ sơ lớn.”

“Khá lớn.”

“Và mẹ con nhà Hoth muốn có nó.”

“Tôi nghĩ chuyện đó thì rõ rồi.”

“Tại sao chúng muốn có nó?”

“Tôi không tình nguyện trao thông tin được.”

“Ông nói câu ấy lắm lần quá.”

“Tôi muốn nói ý đó lắm.”

“Mẹ con nhà Hoth là ai?”

Springfield cười và dùng tay làm cử chỉ hàm ý *Một lần nữa*. Nghĩa là *Tôi không tình nguyện trao thông tin được*. Câu trả lời tuyệt vời của một hạ sĩ quan. Tám từ, có lẽ từ “tình nguyện” quan trọng nhất.

Tôi nói, “Ông có thể đặt nhiều câu hỏi cho tôi. Tôi có thể tình nguyện đưa ra phỏng đoán. Ông có thể nhận xét về chúng.”

Anh ta nói, “Ông nghĩ mẹ con nhà Hoth là ai?”

“Tôi nghĩ bọn đó là người Afghanistan bản xứ.”

Springfield nói, “Tiếp đi.”

“Đó không đúng là lời nhận xét lắm.”

“Tiếp đi.”

“Có lẽ là những kẻ có tư tưởng ủng hộ Taliban hay al-Qaeda, hoặc mật vụ, hoặc bọn tay sai.”

Chẳng có phản ứng nào.

“Al-Qaeda,” tôi nói. “Chủ yếu cánh Taliban ở trong nước.”

“Tiếp đi.”

“Mật vụ,” tôi nói.

Không có phản ứng nào.

“Lãnh đạo?”

“Tiếp đi.”

“Al-Qaeda có sử dụng phụ nữ làm lãnh đạo không?”

“Chúng sử dụng bất kỳ thứ gì mang lại hiệu quả.”

“Nghe không hợp lý lắm.”

“Đó là điều chúng muốn ta nghĩ. Chúng muốn ta tìm kiếm những gã đàn ông không tồn tại.”

Tôi không nói gì.

“Tiếp đi,” Springfield nói.

“OK, kẻ tự xưng là Svetlana Hoth đã chiến đấu cùng lực lượng du kích Hồi giáo và biết rằng các ông đã thu được khẩu súng trường VAL từ Grigori Hoth. Chúng đã sử dụng tên và câu chuyện của Hoth để tìm kiếm sự thông cảm ở đây.”

“Vì cái gì?”

“Vì bây giờ al-Qaeda muốn có bằng chứng thành văn về bất cứ việc gì khác mà đám các ông đã làm vào đêm hôm ấy.”

“Tiếp đi.”

“Việc đã giúp Sansom được tặng một huy chương lớn. Thế nên việc đó phải trông ngon lành lắm, khi xưa khi xưa, mãi tận hồi ấy. Nhưng bây giờ các ông lo lắng về chuyện nó lộ ra. Thế nên tôi cho rằng việc đó không có vẻ hay ho gì nữa.”

“Tiếp đi.”

“Sansom thì khổ sở, nhưng chính phủ cũng chẳng yên tâm chút nào vì một chuyện con con. Thế nên chuyện này vừa ảnh hưởng tới cá nhân vừa có ảnh hưởng về chính trị.”

“Tiếp đi.”

“Đêm đó có giúp ông giành được huy chương không?”

“Huy chương Thành tích Xuất sắc.”

“Nhận thẳng từ Bộ trưởng Quốc phòng.”

Springfield gật đầu. “Món đồ trang sức rẻ tiền nho nhỏ và đẹp, dành cho một trung sĩ hèn mọn.”

“Thế nên chuyên đi ấy liên quan tới chính trị hơn là quân sự.”



“Rõ ràng thế. Hồi ấy chúng ta không chính thức có chiến tranh với ai hết.”

“Các ông biết rằng mẹ con Hoth đã giết bốn người, có khi cả con trai của Susan nữa, đúng không?”

“Chúng tôi không biết nhưng nghĩ là thế.”

“Tại sao ông không ngăn chặn chúng?”

“Tôi đảm bảo an ninh cho một nghị sĩ. Tôi không thể ngăn chặn ai.”

“Những tay nhân viên điều tra liên bang kia có thể làm.”

“Đám nhân viên điều tra ấy làm việc theo kiểu cách bí hiểm. Rõ ràng họ coi hai mẹ con Hoth là những chiến binh hàng đầu của kẻ thù, là mục tiêu rất quan trọng, cực kỳ nguy hiểm, nhưng hiện không có khả năng gây hại.”

“Thế nghĩa là sao?”

“Nghĩa là ngay lúc này để yên cho chúng thì vẫn lợi nhiều hơn.”

“Thực tế điều đó có nghĩa là họ không thể tìm ra chúng.”

“Tất nhiên rồi.”

“Ông vui vì điều đó à?”

“Mẹ con nhà Hoth không giữ chiếc USB, nếu không sẽ chẳng có chuyện chúng vẫn đang tìm kiếm nó. Thế nên kiểu gì tôi cũng chẳng thực sự quan tâm.”

“Tôi nghĩ là ông nên quan tâm đấy,” tôi nói.

“Ông nghĩ đây là nơi của chúng à? Nơi ông đã có mặt à?”

“Dãy nhà này hoặc dãy bên cạnh.”

“Tôi nghĩ là dây này,” Springfield nói. “Đám nhân viên điều tra liên bang ấy đã lục soát phòng khách sạn. Lúc bọn chúng ra ngoài.”

“Lila đã nói với tôi.”

“Chúng có các túi đựng đồ mua sắm. Như đồ trưng bày. Để tạo vỏ bọc hợp lý cho chỗ đó.”

“Tôi đã trông thấy chúng.”

“Hai chiếc từ cửa hiệu Bergdorf Goodman, hai chiếc từ Tiffany. Hai cửa hiệu đó ở gần nhau, cách những tòa nhà cổ đó chừng một dãy nhà. Nếu như căn cứ của chúng cách đại lộ Park một dãy nhà về phía Đông, chúng sẽ tới cửa hiệu của Bloomingdales thay vì hai cửa hiệu trên. Vì chúng không mua sắm thực sự. Chúng chỉ cần có các thứ phụ kiện trong phòng khách sạn của mình, để đánh lừa người khác.”

“Ý kiến hay đấy,” tôi nói.

“Đừng đi tìm mẹ con Hoth,” Springfield nói.

“Giờ ông lo lắng về tôi sao?”

“Cả hai cách ông đều có thể thất bại. Chúng sẽ tư duy hết như chúng tôi, rằng thậm chí dù ông không giữ chiếc USB, bằng cách nào đó ông cũng biết nó đã biến đi đâu. Và thậm chí chúng có thể có sức thuyết phục hơn và xấu xa hơn chúng tôi nữa.”

“Và gì nữa?”

“Có thể chúng sẽ nói cho ông trong đó có gì. Trong trường hợp ấy, theo quan điểm của chúng tôi, ông sẽ trở thành một đầu mối sơ hở.”

“Như thế tệ hại đến mức nào?”

“Tôi không thấy xấu hổ. Nhưng thiếu tá Sansom sẽ thấy bối rối.”

“Và nước Mỹ nữa.”

“Đúng thế.”

Người phục vụ trở lại hỏi xem chúng tôi cần thêm gì khác hay không. Springfield bảo có. Anh ta gọi đồ cho cả hai chúng tôi. Nghĩa là người này còn có thêm chuyện để nói. Anh ta nói, “Hãy thuật lại chính xác những gì đã diễn ra trên tàu.”

“Tại sao ông không có mặt ở đó thay vì tay tham mưu trưởng? Có vẻ đó là việc của ông hơn là việc của ông ta.”

“Chuyện xảy ra với chúng tôi thật nhanh. Khi ấy tôi đang ở Texas, cùng Sansom. Gây quỹ. Chúng tôi không có thời gian để triển khai một cách hợp lý.”

“Tại sao cơ quan liên bang không có người trên tàu?”

“Có. Họ có hai người trên tàu. Hai phụ nữ. Giả trang, mượn từ FBI. Đặc vụ Rodriguez và đặc vụ Mbele. Ông đã lạng quạng lên nhâm toa và đi cùng họ suốt cả chặng đường.”

“Họ giỏi,” tôi nói. Và đúng là họ giỏi thật. Người phụ nữ gốc Tây Ban Nha nhỏ bé, nóng bức, mệt mỏi, chiếc túi siêu thị cũ rích quấn quanh cổ tay. Người phụ nữ Tây Phi mặc chiếc váy bằng vải nhuộm tay. “Họ rất giỏi. Nhưng làm thế nào mà tất cả các ông biết rằng cô ấy sẽ lên chuyến tàu đó?”

“Chúng tôi không biết,” Springfield đáp. “Đó là một chiến dịch rất lớn. Một vụ tranh giành lớn. Chúng tôi biết cô ấy lái xe đi. Thế nên chúng tôi có người đợi sẵn ở các đường hầm. Ý tưởng là bám theo cô ấy từ đó, tới bất kỳ nơi nào cô ấy sẽ tới.”

“Tại sao cô ấy không bị bắt ngay ở bậc thềm của Lầu Năm Góc?”

“Có một cuộc tranh cãi ngấn. Đám nhân viên điều tra liên bang đã thắng. Họ muốn chỉ một lần là lật tẩy cả đường dây. Và lẽ ra họ đã làm được.”

“Nếu như tôi không phá hỏng.”

“Đấy là ông nói nhé.”

“Cô ấy không cầm chiếc USB. Thế nên kiểu gì cũng sẽ chẳng có đường dây nào để mà lộ cả.”

“Cô ấy đã rời Lầu Năm Góc cùng với nó, mà nó lại không có trong nhà hay xe của cô ấy.”

“Ông chắc chắn chứ?”

“Nhà cô ấy đã bị đập ra đến từng mảnh, tôi có thể ăn được phần còn lại lớn nhất của chiếc xe cô ấy.”

“Họ đã lục soát đoàn tàu điện ngầm kỹ mức nào?”

“Toa số 7622 vẫn còn nằm ở sân ga trên phố 207. Người ta nói rằng để lắp ráp lại nó phải mất một tháng hoặc hơn.”

“Trong cái USB đó có cái quái quỷ gì vậy?”

Springfield không trả lời.

Một trong những chiếc điện thoại tôi thu được nằm trong túi bắt đầu rung.

TÔI RÚT CẢ BA ĐIỆN THOẠI RA KHỎI TÚI đặt lên bàn. Một chiếc đang xê dịch, mỗi lần chừng ba milimét. Rung mạnh. Trên màn hình của nó hiện dòng chữ *Cuộc gọi hạn chế*. Tôi mở nắp máy, đặt lên tai và nói: “Alô?”

Lila Hoth hỏi, “Ông vẫn còn ở New York à?”

Tôi đáp: “Đúng.”

“Ông ở gần khách sạn Four Seasons không?”

Tôi đáp, “Không gần lắm.”

“Đến đó bây giờ đi. Tôi gửi một cái gói cho ông ở quầy lễ tân.”

“Khi nào?”

Nhưng cuộc gọi đã kết thúc.

Tôi liếc Springfield bảo: “Đợi ở đây nhé.” Rồi tôi vội vã chạy ra sảnh. Không thấy ai lui ra phía cửa. Nơi này yên tĩnh. Nhân viên chào đón khách mặc áo đuôi tôm đang đứng im. Tôi bước về quầy lễ tân, xưng tên và hỏi xem họ có giữ gì gửi cho tôi không. Một phút sau trong tay tôi có một phong bì. Mặt trước của nó ghi tên tôi bằng chữ viết tay đen đậm. Tên của Lila Hoth ghi ở góc trên bên trái, nơi ghi địa chỉ người gửi. Tôi hỏi nhân viên lễ tân chiếc phong bì được chuyển tới khi nào. Anh ta bảo nó được chuyển tới hơn một giờ trước.

Tôi hỏi, “Anh có trông thấy người mang nó tới không?”

“Một ông người nước ngoài.”

“Anh có nhận ra ông ta không?”

“Không, thưa ngài.”

Chiếc phong bì có đồ đựng, dài hai mươi ba phân rộng mười lăm phân. Nhẹ. Bên trong có thứ gì đó cứng. Tròn, đường kính có lẽ khoảng mười hai phân. Tôi mang nó trở lại phòng trà và lại ngồi cùng Springfield. Anh ta hỏi, “Từ nhà Hoth đấy à?”

Tôi gật đầu.

Anh ta bảo, “Nó có thể đây bột chứa vi khuẩn bệnh than đấy.”

“Có vẻ là đĩa CD hơn,” tôi nói.

“Chứa cái gì?”

“Có thể là dân ca Afghanistan.”

“Tôi hy vọng là không phải,” Springfield nói. “Tôi đã từng nghe dân ca Afghanistan, cả từ xa và ở cự ly gần.”

“Ông muốn tôi đợi rồi mới mở nó chứ?”

“Cho đến khi nào?”

“Đến khi ông đã tránh xa.”

“Tôi sẽ chấp nhận rủi ro.”

Thế là tôi xé phong bì rồi lắc. Một chiếc đĩa duy nhất trượt ra, nhựa va vào bàn gỗ gây ra một tiếng động nhẹ.

“Đĩa CD,” tôi nói.

“Thật ra là đĩa DVD,” Springfield bảo.

Đây là đĩa tự ghi. Nó là một chiếc đĩa trắng do Memorex sản xuất. Dòng chữ *Hãy xem đĩa này* được ghi bằng bút dạ đen ở mặt ghi nhãn đĩa. Cùng loại chữ viết trên phong bì. Cùng một cây bút. Chắc là chữ viết tay và bút của Lila Hoth.

Tôi nói, “Tôi không có đầu chạy DVD.”

“Thế thì đừng xem.”

“Tôi nghĩ là tôi phải xem.”

“Chuyện gì đã xảy ra trên tàu?”

“Tôi không biết.”

“Ông có thể xem đĩa DVD trên máy tính. Như người ta xem phim bằng máy tính xách tay khi đi máy bay ấy.”

“Tôi không có máy tính.”

“Khách sạn nào cũng có máy tính.”

“Tôi không muốn ở lại đây.”

“Trong thành phố có nhiều khách sạn.”

“Ông đang ở chỗ nào?”

“Khách sạn Sheraton. Nơi trước đây chúng ta đã tới.”

Rồi Springfield thanh toán hóa đơn của phòng trà bằng thẻ tín dụng hạng titan, và chúng tôi đi bộ từ khách sạn Four Seasons tới khách sạn Sheraton. Đây là lần thứ hai tôi thực hiện hành trình này. Cũng mất chừng đó thời gian. Các vỉa hè chật người, người ta đi lại chậm chạp trong cái nóng. Đã 1 giờ chiều, trời rất ấm. Trên suốt chặng đường tôi trông chừng

các cảnh sát, việc này chẳng giúp chúng tôi đi được nhanh hơn. Nhưng rốt cuộc chúng tôi cũng tới nơi. Màn hình plasma ngoài sảnh liệt kê cả loạt sự kiện. Phòng khiêu vũ chính đã được một tổ chức đại diện thương mại đặt. Liên quan tới truyền hình cáp. Điều này khiến tôi nghĩ tới kênh National Geographic và con đười ươi lưng trắng.

Springfield dùng thẻ từ của mình mở cửa dẫn vào trung tâm văn phòng. Anh ta không vào cùng tôi. Anh ta bảo sẽ đợi tôi ngoài sảnh, rồi bước đi. Ba trong bốn ô làm việc đã có người. Hai phụ nữ, một nam giới, tất cả đều mặc com lê sẫm màu, tất cả đều có cặp da bật mở, giầy tờ khắp nơi. Tôi lấy một chiếc ghế và bắt đầu cố gắng tìm hiểu cách mở đĩa DVD bằng máy tính. Tôi tìm thấy một cái khe trên cục CPU trông thích hợp với mục đích ấy. Tôi đút chiếc đĩa vào, thấy máy tạm thời cưỡng lại, rồi thì động cơ kêu vo vo, CPU nuốt cái đĩa và kéo khỏi tay tôi.

Trong năm giây chẳng có gì xảy ra. Chỉ có nhiều tiếng dừng, chạy và tiếng vo vo. Rồi một cửa sổ lớn mở ra trên màn hình. Nó trống trơn. Nhưng ở góc dưới cùng có các biểu tượng. Như ảnh vẽ các nút điều khiển của một đầu DVD. Chạy, tạm dừng, tua xuôi, tua ngược, bỏ qua. Tôi di chuột, con trỏ hình mũi tên biến thành hình bàn tay mồm mĩm khi lướt qua các nút điều khiển.

Điện thoại trong túi tôi bắt đầu rung.



TÔI LẤY ĐIỆN THOẠI RA KHỎI TÚI, mở ra. Liếc quanh phòng. Ba đồng nghiệp tạm thời của tôi đang rất tập trung vào việc. Trên màn hình của một phụ nữ có biểu đồ dạng cột. Các cột đậm màu sáng, một số cao, một số thấp. Người đàn ông đang đọc thư điện tử. Người phụ nữ còn lại đang đánh máy nhanh.

Tôi áp điện thoại vào tai và nói, “Alô?”

Lila Hoth hỏi, “Ông đã nhận được chưa?”

Tôi đáp, “Rồi.”

“Ông đã xem chưa?”

“Chưa.”

“Tôi nghĩ là ông nên xem.”

“Tại sao?”

“Ông sẽ thấy rằng nó có tính giáo dục.”

Tôi liếc những người trong phòng một lần nữa rồi hỏi, “Băng có tiếng động không?”

“Không. Đó là phim câm. Thật không may. Nếu có âm thanh thì sẽ hay hơn.”

Tôi không nói gì.

Cô ta hỏi, “Ông đang ở đâu?”

“Ở trung tâm văn phòng của một khách sạn.”

“Khách sạn Four Seasons à?”

“Không.”

“Trong trung tâm văn phòng có máy tính không?”

“Có.”

“Ông có thể chạy đĩa DVD trên máy tính, ông biết mà.”

“Người ta đã bảo tôi như vậy.”

“Có ai khác có thể nhìn thấy màn hình không?”

Tôi không trả lời.

“Chạy đi,” Lila nói. “Tôi sẽ giữ máy. Tôi sẽ làm công việc bình luận. Kiểu như một bản đặc biệt.”

Tôi không trả lời.

“Như bộ phim có lời của đạo diễn,” cô ta nói và khẽ cười.

Tôi di chuột và đưa bàn tay mũm mĩm lên phía trên nút Chạy. Nó chờ ở đó, kiên nhẫn.

Tôi bấm chuột.

Bộ xử lý trung tâm kêu vo vo thêm nữa rồi cửa sổ trống trên màn hình sáng lên và hai đường ngang vắn vẹo hiện ra. Chúng nháy sáng hai lần rồi hình ảnh liền ổn định, đó là một nơi ngoài trời được quay với góc rộng. Vào ban đêm. Máy quay giữ yên. Tôi đoán là đặt trên một giá ba chân. Nơi quay được chiếu sáng rực bởi các bóng đèn halogen nằm ngoài khung hình. Màu

còn thô. Nơi quay có vẻ ở nước ngoài. Đất nện. Màu ka ki sẫm. Những viên đá nhỏ và một tảng đá lớn. Tảng đá phẳng, rộng hơn một chiếc giường cỡ lớn. Nó được khoan và lắp bốn sợi xích sắt. Mỗi góc một sợi.

Có một người đàn ông trần truồng bị cột vào xích. Anh ta thấp, gầy và dẻo dai. Anh ta có nước da màu ô liu và bộ râu đen. Người đàn ông chừng ba mươi tuổi. Anh ta nằm ngửa, bị kéo căng người thành hình chữ X lớn. Máy quay đặt cách bàn chân anh này có lẽ chừng một mét. Ở góc trên khung hình, đầu người đàn ông lắc từ bên nọ sang bên kia. Hai mắt anh ta nhắm lại. Miệng há ra. Các gân ở cổ người này nổi lên như những sợi dây.

Anh ta đang la hét, nhưng tôi không nghe được tiếng.

Đây là bộ phim câm.

Lila Hoth nói vào tai tôi.

Cô ta hỏi, “Ông đang xem đây chứ?”

“Một người đàn ông trên một phiến đá.”

“Cứ xem tiếp đi.”

“Anh ta là ai?”

“Anh ta *đã* là một lái xe taxi làm việc vặt cho các nhà báo Mỹ.”

Tôi đoán là góc quay ở khoảng bốn mươi lăm độ. Nó khiến hai bàn chân của anh lái xe taxi trông to và đầu trông nhỏ. Anh ta quấy đạp cả phút liền. Anh nhấc đầu lên rồi lại đập đầu xuống tảng đá. Cố gắng khiến cho mình ngất đi. Có khi cố tự kết liễu đời mình. Chẳng ăn nhằm gì. Một dáng người mảnh mai chen vào phía trên khung hình, đặt một miếng vải vuông gập lại xuống dưới đầu người lái xe taxi. Cái dáng đó là Lila Hoth. Chẳng nghi ngờ gì. Độ nét của đĩa không được cao, nhưng không thể lẫn được cô ta. Mái tóc, đôi mắt, kiểu cô ta di chuyển.

Miếng vải vuông có lẽ là một chiếc khăn tắm.

Tôi nói, “Tôi vừa trông thấy cô.”

“Vớ chiếc khăn hả? Nó là thứ cần thiết tránh những chấn thương do bản thân gây ra. Và tạo góc cho cái đầu của người ta. Làm cho người ta rất muốn nhìn.”

“Nhìn gì?”

“Cứ xem tiếp đi.”

Tôi liếc quanh phòng. Cả ba đồng nghiệp tạm thời của tôi vẫn đang làm việc. Tất cả họ đều tập trung cao độ cho công việc của mình.

Trên màn hình của tôi, trong hai mươi giây chẳng có gì xảy ra. Người lái xe rên rĩ, trong câm lặng. Rồi từ phía bên, Svetlana Hoth bước vào khung hình. Cũng không thể nhầm được mù già. Thân hình mập như trụ nước cứu hỏa, mái tóc màu xám ánh thép cắt kiểu chân phương.

Tay người đàn bà này cầm một con dao.

Mù già leo lên tảng đá rồi ngồi xổm bên cạnh người đàn ông. Bà ta nhìn vào máy quay cả một giây dài. Không phải vì tự phụ. Bà ta chỉ tính toán góc sao cho mình không chắn mắt ống kính. Svetlana điều chỉnh tư thế cho tới khi cúi người trong góc tạo bởi cánh tay trái của người đàn ông và một bên ngực của anh ta mà không chắn tầm nhìn.

Người đàn ông trừng trừng nhìn con dao.

Svetlana cúi người về trước, sang phải, kê đầu mũi dao vào điểm giữa hạ bộ và rốn người đàn ông. Bà ta nhún xuống. Người đàn ông giãy đành đạch không thể kiểm soát nổi. Một dòng máu lớn từ chỗ rách phọt ra. Dưới ánh đèn, máu có màu đen. Người lái xe taxi cứ thế la hét. Tôi có thể thấy miệng anh ta đang hét lên từ này từ kia. *Không!* và *Làm ơn!* là những từ dù tiếng nào cũng hiểu.

“Nơi này là đâu?” tôi hỏi.

“Cách Kabul không xa,” Lila Hoth đáp.

Svetlana Hoth kéo lưỡi dao lên phía rốn người lái xe taxi. Di chuyển tới đâu máu đuổi theo đó. Bà ta vẫn tiếp tục nhích. Như bác sĩ phẫu thuật hay tay thợ mổ heo, thản nhiên, rất thành thạo, quen tay vì đã làm nhiều. Trước đó bà ta đã có nhiều lần mổ tương tự. Lưỡi dao tiếp tục di chuyển. Nó dừng lại phía trên xương ức người đàn ông.

Svetlana bỏ con dao xuống.

Bà ta dùng ngón tay trở lần theo đường rạch. Máu bôi trơn giúp nó di chuyển tốt hơn. Bà ta thọc thẳng ngón tay xuống chỗ rạch, cho ngấp tới đốt đầu tiên. Bà ta kéo xuống rồi lại kéo lên. Có những lúc đột nhiên ngừng lại.

Lila Hoth nói, “Bà ấy đang kiểm tra xem đã rạch hết phần thành cơ bụng chưa.”

Tôi hỏi, “Làm sao cô biết? Cô có xem những hình ảnh này đâu.”

“Tôi có thể nghe thấy hơi thở của ông.”

Rồi Svetlana lại nhặt dao lên và trở lại những chỗ ngón tay bà ta đã ngừng lại. Bà ta sử dụng mũi dao rất nhẹ nhàng, cắt đứt những thứ có vẻ là cản trở nho nhỏ.

Rồi bà ta lùi lại.

Khoang bụng của người lái xe taxi đã mở, như một chiếc khóa kéo được kéo xuống, vết rạch dài tách ra một chút. Thành cơ bụng đã bị cắt đứt, không còn khả năng giữ lại áp suất phía bên trong.

Svetlana cúi người về phía trước lần nữa. Bà ta dùng cả hai bàn tay. Bà ta đặt tay vào vết rạch, cẩn thận tách những mảng da ra rồi thọc cả hai

bàn tay vào trong. Ngập đến tận cổ tay. Svetlana Hoth căng người và ưỡn hai vai ngang bằng nhau.

Bà ta nhắc ruột của người lái xe taxi lên.

Chúng tạo thành một khối hồng sáng lấp lánh có kích thước như một quả bóng đá mềm. Xoắn, lỏng, ướt át, rung rinh và bốc hơi.

Bà ta đặt đám ruột ấy lên ngực người đàn ông, một cách nhẹ nhàng.

Rồi Svetlana trượt xuống tảng đá và bước ra khỏi khung hình.

Con mắt không hề chớp của máy quay vẫn chăm chăm nhìn.

Người lái xe taxi kinh hoàng nhìn xuống.

Lila Hoth nói, “Bây giờ chỉ là vấn đề thời gian, vết rạch không làm họ chết. Chúng tôi không cắt đứt bất kỳ mạch máu quan trọng nào. Máu sẽ ngừng chảy khá nhanh. Chỉ là đau đớn, sốc và nhiễm trùng. Những người khỏe chống chọi được cả ba điều ấy. Chúng tôi nghĩ rằng họ chết vì giảm thân nhiệt. Rõ ràng nhiệt độ trong cơ thể của họ bị đảo lộn. Nó phụ thuộc vào thời tiết. Kỷ lục chúng tôi ghi nhận được là mười tám tiếng. Người ta nói họ từng chứng kiến những trường hợp sống trọn hai ngày. Nhưng tôi không tin.”

“Cô là loại điên, cô biết điều đó chứ?”

“Peter Molina cũng nói thế.”

“Nó đã xem cảnh này sao?”

“Cậu ta có trong phim đấy. Cứ tiếp tục xem đi. Nếu thích thì cứ tua nhanh. Dù gì thì không có âm thanh nên không được hay lắm.”

Tôi ngó toàn bộ căn phòng lần nữa. Cả ba người đều đang làm việc chăm chú. Tôi đặt bàn tay mồm mồm lên nút Tua và bấm. Các hình ảnh bật

lên chạy nhanh chóng. Đầu của người lái xe taxi bật về trước rồi về sau theo một vòng cung nhỏ.

Lila Hoth nói, “Thông thường chúng tôi không thực hiện việc này mỗi lần một người. Làm theo thứ tự vẫn hay hơn. Người thứ hai theo dõi cho tận tới khi người thứ nhất chết, cứ thế tiếp diễn. Điều đó làm tăng nỗi sợ hãi. Ông nên xem họ, trong lòng chỉ ước người trước mình sống lâu hơn một phút. Nhưng cuối cùng họ chết, và cuộc trình diễn tiếp tục. Đó là lúc họ bị đau tim. Không biết liệu mình có bị thế không. Liệu mình có bị thế không. Nhưng không phải lúc nào chúng tôi cũng bố trí được cảnh diễn trực tiếp. Vì vậy bây giờ chúng tôi dùng đĩa video, hiệu quả cũng gần như vậy.”

Tôi muốn nói với cô ta thêm một lần nữa rằng cô ta là kẻ điên, nhưng tôi không nói, bởi cô ta sẽ lại nói với tôi về Peter Molina.

“Xem tiếp đi,” Hoth nói.

Hình ảnh chạy nhanh về phía trước. Hai tay hai chân của người lái xe taxi giật giật. Những cử động cứng lạ lùng, tốc độ tăng gấp đôi.

Đầu anh ta ngật sang phải rồi lại sang trái.

Lila Hoth nói, “Peter Molina đã xem toàn bộ cảnh này. Cậu ta cầu cho người đàn ông tiếp tục sống. Đó là điều lạ, bởi người đàn ông đã chết cách đây vài tháng. Nhưng tác động là vậy. Như tôi đã nói với ông, đĩa video có giá trị tương đương với cảnh thực tế.”

“Cô là đồ bệnh hoạn,” tôi nói. “Cô cũng chết rồi. Cô biết điều đó chứ? Như thể cô vừa mới bước ra đường. Xe tải chưa cán cô, nhưng nó sắp cán.”

“Ông là chiếc xe tải à?”

“Mẹ kiếp, cứ đặt cược thế đi.”

“Tôi thấy vinh hạnh đấy. Cứ xem tiếp đi.”

Tôi bấm nút Tua liên tục, tốc độ hình tăng lên gấp bốn lần bình thường, rồi tám, mười sáu, rồi ba mươi hai lần. Thời gian trôi vùn vụt. Một giờ. Chín mươi phút. Rồi hình ảnh dừng lại một cách hoàn hảo. Người lái xe taxi ngừng cử động. Anh ta nằm im một lúc lâu rồi thì Lila Hoth vội vã bước vào. Lila quỳ gối gần đầu người đàn ông và bắt mạch. Rồi cô ta ngẩng đầu nở một nụ cười hạnh phúc.

Thăng về phía máy quay.

Thăng vào tôi.

Bên kia đầu dây cô ta hỏi, “Phim hết rồi chứ?”

Tôi đáp, “Rồi.”

“Thật thất vọng. Anh chàng này không chịu được lâu. Anh ta ôm yếu. Trên người anh ta có động vật ký sinh. Sâu bọ. Chúng tôi có thể thấy lúc nào chúng cũng vặn vẹo bò trong ruột anh ta. Trông phát gớm. Tôi đoán là chúng cũng đã chết. Vật chủ chết thì các loại ký sinh cũng chết.”

“Giống như cô sẽ chết.”

“Tất cả chúng ta sẽ chết, Reacher. Câu hỏi duy nhất là khi nào và chết như thế nào.”

Sau lưng tôi, một trong các doanh nhân đứng dậy đi ra cửa. Tôi xoay người trên ghế cố giữ cho thân mình chắn giữa ông ta và màn hình máy tính. Tôi không nghĩ mình đã thành công. Ông ta nhìn tôi rất lạ và bước ra khỏi phòng.

Hoặc có khi ông ta đã nghe được đoạn cuối của cuộc nói chuyện qua điện thoại.

“Xem tiếp đi,” Lila nói vào tai tôi.



Tôi lại bấm nút Tua. Người lái taxi nằm chết gằn Kabul một lát và rồi những hình ảnh tắt phụt và bị thay thế bởi một chuỗi tiếng ồn do băng. Rồi mở ra một cảnh mới. Tôi bấm nút chạy. Tốc độ bình thường. Cảnh trong nhà. Cùng bóng đèn sáng chói. Không thể nói là đêm hay ngày. Có thể là tầng hầm. Dường như sàn và tường sơn trắng. Có một phiến đá rộng như cái bàn. Nhỏ hơn tảng đá ở Afghanistan. Hình chữ nhật, làm ra để phục vụ một mục đích nhất định. Có thể là một phần của một căn bếp cũ.

Một thanh niên trẻ to lớn bị cột vào phiến đá.

Cậu ta trạc nửa tuổi tôi và to lớn hơn hai mươi phần trăm.

*Nó là khối cơ bắp nặng tới một trăm ba lăm ký, Jacob Mark đã bảo thế. Nó sẽ tham gia giải bóng bầu dục quốc gia.*

Lila Hoth hỏi, “Ông đã thấy cậu ta chưa?”

“Tôi thấy nó rồi.”

Peter trần truồng. Rất trắng dưới ánh đèn. Khác mọi mặt so với người lái xe taxi ở Kabul. Làn da tái, mái tóc rối sáng màu. Không có râu. Nhưng nó đang cử động cùng một kiểu. Đầu nó ngật về trước rồi lại ra sau và nó đang hét lên những từ *Không!* và *Làm ơn!* mà bằng tiếng gì cũng hiểu. Và đây là tiếng Anh. Tôi có thể đọc âm môi dễ dàng. Thậm chí tôi còn cảm nhận được giọng điệu. Chủ yếu là cảm giác không thể tin nổi. Kiểu giọng điệu người ta sử dụng khi một điều gì vốn được cho là đe dọa vô hại hay thậm chí một trò đùa ác lại hóa ra là nghiêm trọng chết người.

Tôi nói, “Tôi sẽ không xem đoạn này.”

Lila Hoth nói, “Ông nên xem đấy. Nếu không ông sẽ chẳng bao giờ biết chắc chắn. Có thể chúng tôi đã thả cậu ta.”

“Chuyện này diễn ra khi nào?”

“Chúng tôi đã đặt ra thời hạn và chúng tôi đã giữ đúng thời hạn.”

Tôi không nói gì.

“Xem đi.”

“Không.”

Cô ta nói, “Nhưng tôi muốn ông xem. Tôi cần ông xem. Chỉ là để duy trì trình tự. Bởi tôi nghĩ ông sẽ là người tiếp theo.”

“Nghĩ lại đi.”

“Xem đi.”

Tôi xem. *Có thể chúng tôi đã thả cậu ta. Nếu không ông sẽ chẳng bao giờ biết chắc chắn.*

Chúng đã không thả thằng bé.

SAU ĐÓ TÔI GÁC MÁY, BỎ ĐĨA DVD vào túi, cố gắng bước vào nhà vệ sinh ở sảnh và nôn vào bồn tiểu. Không hẳn vì hình ảnh trong đó. Tôi từng chứng kiến những cảnh tệ hơn thế. Mà vì cơn giận dữ, thịnh nộ và thất vọng. Tất cả những cảm xúc có tính ăn mòn ấy tích tụ bên trong tôi và phải tìm chỗ xả ra. Tôi súc miệng, rửa mặt và uống chút nước từ vòi rồi đứng một lúc trước gương.

Rồi tôi dốc hết các thứ đồ trong túi ra. Tôi giữ lại tiền mặt, cuốn hộ chiếu, thẻ ATM, thẻ đi tàu điện ngầm và danh thiếp NYPD của Theresa Lee. Tôi giữ lại chiếc bàn chải đánh răng. Tôi giữ lại chiếc di động đã nhận cuộc gọi. Tôi ném hai chiếc kia vào thùng rác, cùng cái sạc khăn cấp, cả tấm danh thiếp giả của bốn gã đàn ông đã chết và những tờ Theresa Lee dùng để ghi lại tin nhắn từ đồng sự của mình.

Tôi cũng ném cả chiếc đĩa DVD.

Và chiếc USB mua ở cửa hàng Radio Shack, cùng lớp vỏ màu hồng.

Tôi chẳng cần mỗi thứ nữa.

Rồi, sạch sẽ gọn gàng, tôi ra ngoài xem Springfield còn quanh đây không.

Vẫn còn. Anh ta đang ngồi trên ghế ở quán bar ngoài sảnh, lưng tựa vào một góc vuông trong tường. Trên bàn trước mặt Springfield có một cốc nước. Trông anh ta thoải mái song vẫn đang quan sát hết mọi thứ. Ta có thể đưa người này ra khỏi Lực lượng Đặc biệt, vân vân và vân vân. Springfield

trông thấy tôi tới. Tôi ngồi xuống cạnh anh ta. Anh ta hỏi, “Đó có phải dân ca không?”

“Đúng,” tôi nói. “Là dân ca.”

“Trong một đĩa DVD à?”

“Còn có một chút nhảy nhót nữa.”

“Tôi không tin ông đâu. Trông mặt ông tái xám hết cả. Nhảy dân tộc kiểu Afghanistan tệ cực, tôi biết chứ, nhưng chẳng tệ đến mức khiến ông phải thế đâu.”

“Có hai người đàn ông,” tôi nói. “Cả hai đều bị rạch bụng và lòi hết ruột ra ngoài.”

“Họ sống lúc ghi hình à?”

“Rồi họ chết lúc đang ghi hình.”

“Có âm thanh không?”

“Phim câm.”

“Hai người đó là ai?”

“Một người là lái xe taxi từ Kabul và người còn lại là con trai của Susan Mark.”

“Tôi không đi taxi ở Kabul. Tôi thích dùng phương tiện của mình hơn. Nhưng với USC thì tệ quá. Họ mất một vị trí phòng thủ rồi. Khó tìm đấy. Tôi đã kiểm tra thông tin về thằng bé. Họ bảo là nó có đôi chân tuyệt vời.”

“Giờ thì không còn nữa.”

“Mẹ con Hoth có xuất hiện trong đĩa không?”

Tôi gạt đầu. “Như một lời thú tội.”

“Chẳng quan trọng. Chúng biết rằng kiểu gì ta cũng giết chúng. Chúng ta giết chúng vì lý do gì đâu thành vấn đề.”

“Vớ với tôi thì có.”

“Tỉnh lên đi, Reacher. Đó là toàn bộ mục đích của việc gửi cho ông chiếc phong bì. Chúng muốn làm cho ông nổi điên và cuốn ông vào. Chúng không thể tìm ra ông. Thế nên chúng muốn ông tới tìm chúng.”

“Đó là điều tôi sẽ làm.”

“Kế hoạch cho tương lai của ông là chuyện riêng của ông. Nhưng ông cần cẩn trọng. Ông cần hiểu. Bởi đây đã là chiến thuật của chúng trong suốt hai trăm năm qua. Đó là lý do những vụ hành hạ của chúng luôn diễn ra trong phạm vi có thể nghe thấy được rất gần chiến tuyến. Chúng muốn thu hút các lực lượng giải cứu. Hoặc kích động người ta tấn công trả thù. Chúng muốn nguồn cung cấp tù nhân không bao giờ cạn. Cứ hỏi người Anh ấy. Hoặc người Nga cũng được.”

“Tôi sẽ rất thận trọng.”

“Tôi chắc chắn là ông sẽ gắng thế. Nhưng ông sẽ không đi đâu cả chừng nào chúng tôi chưa xong việc với ông, về chuyến tàu.”

“Người của các ông đã thấy những gì tôi thấy.”

“Giúp chúng tôi thì có lợi cho ông đấy.”

“Cho tới giờ thì không. Tất cả những gì tôi có là những lời hứa.”

“Tất cả các cáo buộc sẽ được bãi hết khi chúng tôi có trong tay chiếc USB.”

“Chưa đủ.”

“Ông cần cam kết bằng văn bản à?”

“Không, tôi muốn các cáo buộc được bãi bỏ ngay bây giờ. Tôi cần chút tự do hành động ở đây. Tôi không thể lúc nào cũng phải canh chừng cảnh sát.”

“Tự do hành động để làm gì?”

“Ông biết là gì rồi.”

“Được rồi, tôi sẽ làm điều tôi có thể làm.”

“Chưa đủ.”

“Tôi không thể đảm bảo với ông. Tất cả những gì tôi có thể làm là cố gắng.”

“Cơ hội thành công của ông là bao nhiêu?”

“Không hề có. Nhưng Sansom có thể.”

“Ông được quyền phát ngôn thay ông ta không?”

“Tôi sẽ phải gọi cho ông ấy.”

“Bảo ông ta rằng không bày chuyện vớ vẩn nữa, được chứ? Giờ chúng ta qua giai đoạn ấy rồi.”

“OK.”

“Và cũng nói cho ông ta nghe về Theresa Lee và Jacob Mark nữa. Cả Docherty. Tôi muốn tất cả họ được sạch sẽ mọi tội.”

“OK.”

“Và Jacob Mark sẽ cần được tư vấn tâm lý. Đặc biệt nếu anh ấy xem một đĩa DVD như thế.”

“Anh ta sẽ không xem.”

“Nhưng tôi muốn anh ấy được quan tâm. Cũng như người chồng cũ, ông Molina.”

“OK.”

“Thêm hai việc nữa,” tôi nói.

“Ông ngã giá quá nhiều, đối với một tay chẳng có gì để trao.”

“Bộ An ninh Quốc gia đã lần ra rằng mẹ con nhà Hoth đã cùng đội của chúng từ Tajikistan tới. Cách đây ba tháng. Một loại thuật toán do máy tính thực hiện. Tôi muốn biết chúng có bao nhiêu người.”

“Để đánh giá lực lượng địch hả?”

“Chính xác.”

“Và gì nữa?”

“Tôi muốn gặp Sansom một lần nữa.”

“Vì sao?”

“Tôi muốn ông ta nói cho tôi nghe trong chiếc USB đó có gì.”

“Sẽ không có chuyện đó.”

“Thế thì ông ta sẽ không lấy lại được nó. Tôi sẽ giữ nó và tự xem.”

“Gì cơ?”

“Ông nghe thấy tôi nói rồi đấy.”

“Thực sự ông đã có chiếc USB rồi hả?”

“Không,” tôi nói. “Nhưng tôi biết nó đang ở đâu.”





SPRINGFIELD HỎI: “NÓ Ở ĐÂU?”

Tôi đáp, “Tôi không tình nguyện trao thông tin được.”

“Ông lão toét.”

Tôi lắc đầu. “Lần này thì không.”

“Ông chắc chắn chứ? Ông có thể đưa chúng tôi đến đó chứ?”

“Tôi có thể đưa các ông tới trong bán kính năm mét. Phần việc còn lại thuộc về các ông.”

“Tại sao? Nó bị chôn à? Hay trong két ngân hàng? Trong một ngôi nhà?”

“Chẳng nơi nào trong số đó.”

“Vậy thì nó ở đâu?”

“Gọi cho Sansom đi,” tôi nói. “Bỏ trí một cuộc gặp.”

Springfield uống chỗ nước còn lại của mình và một nhân viên phục vụ xuất hiện cùng hóa đơn. Springfield thanh toán bằng thẻ tín dụng hạng titan, hết với cách thanh toán cho cả hai chúng tôi ở khách sạn Four Seasons. Điều tôi cho là tín hiệu tốt. Nó thể hiện một động thái tích cực. Thế nên tôi chọn đây vận may của mình đi xa hơn.

“Muốn thuê cho tôi một phòng chứ?” tôi hỏi.

“Tại sao?”

“Bởi sẽ cần thời gian cho Sansom đưa tôi ra khỏi danh sách những kẻ bị truy nã gắt gao nhất. Vả lại tôi mệt. Tôi đã thức cả đêm. Giờ muốn ngả lưng một chút.”

Mười phút sau chúng tôi đã có mặt ở một tầng cao, trong một căn phòng có giường cỡ lớn. Không gian đẹp, song xét về mặt chiến thuật thì không được ưng ý. Như mọi phòng khách sạn trên tầng cao, nó có một cửa sổ chẳng hề thuận lợi cho tôi, do vậy chỉ có một đường ra. Tôi có thể thấy rằng Springfield cũng đang nghĩ hết như mình. Anh ta đang nghĩ rằng tôi là gã điên tự đưa mình vào chốn này.

Tôi hỏi anh ta, “Tôi có thể tin tưởng ông chứ?”

Anh ta đáp, “Có.”

“Chúng mình đi.”

“Bằng cách nào?”

“Đưa súng của ông cho tôi.”

“Tôi không có vũ khí.”

“Những câu trả lời như vậy không giúp ích cho sự tin tưởng đâu.”

“Tại sao ông muốn lấy nó?”

“Ông biết vì sao mà. Để nếu ông đưa không đúng người tới cửa phòng tôi, tôi có thể tự vệ.”

“Tôi sẽ không làm thế.”

“Đảm bảo cho tôi đi.”

Springfield đứng yên một lúc. Tôi biết rằng anh ta thà cắm kim vào mắt còn hơn bỏ vũ khí. Nhưng rồi đầu anh ta tính toán, và rồi tay đưa xuống dưới áo khoác sau lưng, rút ra một khẩu súng ngắn Steyr GB cỡ chín ly. Súng ngắn Steyr GB là loại vũ khí đeo bên sườn được các Lực lượng Đặc biệt của Mỹ thời những năm 1980 ưa thích. Lực lượng Đặc biệt. Springfield xoay súng và đưa cho tôi phần bán. Đây là một món vũ khí cũ đẹp, đã dùng nhiều song được bảo dưỡng tốt. Trong ổ đạn có mười tám viên, một viên đã lên nòng.

“Cảm ơn,” tôi nói.

Springfield không nói gì. Chỉ bước ra khỏi phòng. Tôi bấm chốt, xoay chìa khóa cửa ngay sau khi anh ta ra, đặt dây xích vào rồi đẩy một chiếc ghế vào phía dưới tay nắm. Tôi dốc hết mọi thứ trong túi ra cái giá đầu giường. Tôi bỏ quần áo xuống dưới nệm cho phẳng. Rồi tôi tắm nước nóng một lúc lâu.

Và tôi nằm ngủ, khẩu súng của Springfield nhét dưới gối.

Bốn tiếng sau, tôi thức dậy vì tiếng gõ cửa. Tôi không thích nhìn qua lỗ quan sát ở các cửa phòng khách sạn. Quá nguy hiểm. Tất cả những gì một kẻ tấn công ngoài hành lang phải làm là đợi cho tới khi thấu kính tôi lại rồi bắn một phát súng xuyên qua đó. Thậm chí một khẩu .22 giảm thanh cũng hoàn toàn có thể gây chết người. Chẳng có gì quan trọng lắm nằm giữa giác mạc và thân não. Nhưng trên bức tường trong cửa có một chiếc gương soi toàn thân. Tôi đoán là để kiểm tra lại quần áo lần cuối cùng trước khi rời khỏi phòng. Tôi lấy một chiếc khăn tắm từ phòng tắm ra, quần quanh eo rồi lấy khẩu súng từ dưới gối ra. Tôi dịch chiếc ghế và mở cửa mà vẫn để dây xích. Lùi về phía bản lề và theo dõi qua tấm gương.

Springfield và Sansom.

Chỉ có một khe hẹp, hình ảnh trong gương bị đảo ngược và ánh sáng ngoài hành lang lò mờ song tôi vẫn nhận ra họ khá dễ. Tôi có thể khẳng định là chỉ có hai người. Và họ sẽ vẫn chỉ có hai, trừ phi họ đã mang thêm hơn mười chín người. Khẩu Steyr không có lẫy an toàn. Chỉ nặng tay khi kéo cò ở phát bắn đầu tiên, rồi thêm mười tám phát. Tôi bỏ ngón tay khỏi cò súng và gỡ dây xích ra khỏi cửa.

Họ chỉ có hai người.

Cả hai bước vào, Sansom trước, Springfield sau. Sansom trông vẫn như trong buổi sáng tôi gặp lần đầu tiên. Rám nắng, giàu có, quyền lực, đầy sức sống và oai vệ. Ông ta mặc bộ com lê màu xanh hải quân, sơ mi trắng cà vạt đỏ, trông ông nghị sĩ tươi tỉnh như mới được lột xác. Sansom lấy chiếc ghế tôi đặt bên dưới tay nắm cửa, mang đến đặt bên bàn gần cửa sổ và ngồi xuống. Springfield đóng cửa và cài lại dây xích. Tôi vẫn giữ khẩu súng. Tôi lấy đầu gối nâng nệm lên khỏi lò xo giường và dùng một tay lôi quần áo ra.

“Hai phút,” tôi nói. “Các ông hãy nói chuyện riêng với nhau.”

Tôi mặc quần áo trong phòng tắm rồi trở ra, Sansom hỏi, “Anh thực sự biết chiếc USB đang ở đâu chứ?”

“Có,” tôi nói. “Tôi biết thực sự.”

“Tại sao anh muốn biết trong đó có gì?”

“Bởi tôi muốn biết nó khiến người ta mất mặt đến đâu.”

“Anh không muốn cho tôi vào Thượng viện à?”

“Tôi không quan tâm xem ông sử dụng thời gian thế nào. Tôi chỉ tò mò, thế thôi.”

Sansom hỏi, “Tại sao anh sẽ không nói cho tôi biết ngay bây giờ nó ở đâu?”

“Vì tôi có một việc khác cần làm trước. Và tôi cần ông giữ sao cho cánh cảnh sát đừng động vào lòng chân tôi khi tôi đang làm việc ấy. Thế nên tôi cần một cách khiến ông để tâm tới việc ấy.”

“Có thể anh đã lừa tôi.”

“Tôi từng có thể, nhưng giờ thì không.”

Sansom không nói lại gì.

Tôi hỏi, “Mà sao ông lại muốn vào Thượng viện?”

“Tại sao tôi lại không muốn chứ?”

“Ông từng là một người lính giỏi và giờ thì ông còn giàu hơn Chúa. Tại sao không đi ra bờ biển mà sống?”

“Những việc này là một cách liên tục ghi thành tích. Tôi chắc chắn là anh cũng có cách liên tục ghi thành tích của riêng mình.”

Tôi gật đầu. “Tôi so sánh số câu trả lời tôi nhận được với số câu hỏi tôi đặt ra.”

“Và việc anh làm tiến triển thế nào rồi?”

“Tính trung bình cả đời gần được một trăm phần trăm.”

“Tại sao lại hỏi? Nếu như anh biết chiếc USB ở đâu, hãy đi mà lấy nó.”

“Tôi không thể.”

“Sao lại không?”

“Việc đó đòi hỏi nhiều nguồn lực hơn mức tôi có thể huy động.”

“Nó ở đâu?”

Tôi không đáp.

“Nó ở New York này hả?”

Tôi không trả lời.

Sansom hỏi, “Nó được an toàn không?”

Tôi đáp: “Đủ an toàn.”

“Tôi có thể tin tưởng anh không?”

“Nhiều người đã từng tin.”

“Và sao?”

“Tôi nghĩ hầu hết sẽ sẵn sàng làm chứng điều ấy cho tôi.”

“Còn những người khác?”

“Không mấy người không được hài lòng.”

Sansom nói, “Tôi đã đọc hồ sơ quân nhân của anh.”

Tôi nói, “Ông đã nói với tôi điều đó rồi.”

“Nó có sự thẳng thắn.”

“Tôi đã cố gắng hết sức. Nhưng tôi có quan điểm riêng.”

“Tại sao anh xuất ngũ?”

“Tôi thấy chán. Ông thì sao?”

“Tôi thấy già.”

“Trong cái USB đó có gì?”

Sansom không trả lời. Springfield đứng im lặng ở góc khuất của tủ đặt ti vi, gần cửa ra vào hơn cửa sổ. Tôi đoán đó thuần túy do thói quen. Phản xạ tự nhiên. Anh ta là kẻ tàng hình đối với một tay bắn tỉa tiềm tàng ngoài cửa và đủ gần hành lang để không chế một kẻ đột nhập ngay ở giây cánh cửa bật mở. Những gì được đào tạo cứ tồn tại mãi cùng con người. Đặc biệt là đào tạo của lực lượng Delta. Tôi bước tới trả lại anh ta khẩu súng. Không nói một lời, Springfield cầm lấy giắt vào thắt lưng.

Sansom nói, “Hãy cho tôi biết những gì anh biết cho tới thời điểm này.”

Tôi nói, “Các ông được máy bay đưa từ Bragg tới Thổ Nhĩ Kỳ, rồi tới Oman. Sau đó có thể là Ấn Độ. Rồi Pakistan, và Mặt trận Tây Bắc.”

Ông ta gật đầu, không nói gì. Trong mắt Sansom hiện lên cái nhìn xa xăm. Tôi đoán đầu ông ta đang hồi tưởng lại chuyến đi. Máy bay vận tải, trực thăng, xe tải, nhiều dặm đường cuốc bộ.

Tất cả diễn ra đã lâu.

“Rồi tới Afghanistan,” tôi nói.

“Tiếp đi,” ông ta bảo.

“Có thể các ông đã lưu lại ở rìa dãy Abas Ghar và hướng về phía Nam và Tây, theo rìa thung lũng Korengal, có thể cách đáy thung lũng chừng ba trăm mét.”

“Tiếp đi.”

“Ông đã vô tình chạm mặt Grigori Hoth, tước khẩu súng trường của ông ta rồi bỏ cho người đó đi lang thang.”

“Tiếp đi.”

“Rồi các ông tiếp tục đi bộ, đến nơi nào đó các ông được lệnh tới.”

Sansom gật đầu.

Tôi nói, “Đó là tất cả những gì tôi biết cho đến nay.”

Ông ta hỏi, “Tháng Ba năm 1983 ông ở đâu?”

“West Point.”

“Có sự kiện gì lớn?”

“Hồng quân đang cố gắng ngăn chặn tình trạng đổ máu.”

Sansom gật đầu lần nữa. “Đó là một chiến dịch điên rồ. Chưa ai từng đánh bại được các bộ tộc ở Mặt trận Tây Bắc. Suốt cả lịch sử chưa hề có. Và họ có kinh nghiệm ở Việt Nam của người Mỹ để nghiên cứu. Một số việc đơn giản là không thể làm được. Đó là cái cối xay thịt tốc độ chậm. Kiểu như bị chim rĩa thịt cho tới chết. Chúng ta rất vui về chuyện đó, cái này thì rõ rồi.”

“Chúng ta đã góp phần vào điều đó,” tôi nói.

“Chắc chắn là thế rồi. Chúng ta trao cho cánh du kích Hồi giáo mọi thứ họ muốn. Miễn phí.”

“Kiểu như Lend-Lease.”

“Tệ hơn thế,” Sansom nói. “Lend-Lease liên quan đến việc giúp đỡ các nước bạn bè bị phá sản vào thời điểm ấy. Cánh du kích Hồi giáo không phá sản. Ngược lại hẳn. Có đủ mọi loại liên minh kỳ quái theo hình thức bộ lạc kéo tới tận Ả-rập Saudi. Trên thực tế thì cánh du kích Hồi giáo có nhiều tiền hơn cả chúng ta.”

“Và sao?”

“Khi ta đã có thói quen cho người ta mọi thứ họ cần, rất khó dừng lại.”



“Họ muốn thêm gì?”

“Sự công nhận,” Sansom đáp. “Cống nạp. Sự thừa nhận. Sự biết điều. Giáp mặt thời gian. Thật khó biết chính xác làm cách nào khái quát được nó.”

“Vậy phi vụ đó là gì?”

“Chúng tôi có thể tin tưởng anh không?”

“Ông có muốn lấy hồ sơ lại không?”

“Có.”

“Vậy phi vụ đó là gì?”

“Chúng tôi đến gặp tay cầm đầu cánh du kích Hồi giáo. Mang quà. Tất cả những loại quà linh tinh mang tính phô trương, từ chính Ronald Reagan. Chúng tôi là phái viên riêng của ông ta. Chúng tôi đã có một buổi họp phổ biến nhiệm vụ ở Nhà Trắng. Người ta bảo chúng tôi xun xoe nịnh bợ bất kỳ khi nào có cơ hội.”

“Và các ông đã làm thế?”

“Chứ sao nữa.”

“Chuyện cách đây hai mươi lăm năm rồi.”

“Thế thì sao?”

“Vậy thì có ai quan tâm nữa chứ? Nó là một tình tiết lịch sử. Và dù sao đã thành công. Đó là sự chấm dứt của chiến tranh lạnh.”

“Nhưng không phải sự cáo chung của đám du kích Hồi giáo. Chúng vẫn hoạt động.”

“Tôi biết,” tôi nói. “Chúng trở thành lực lượng Taliban và al-Qaeda. Nhưng đó cũng là một tình tiết. Cử tri ở North Carolina sẽ không nhớ về lịch sử. Hầu hết cử tri thậm chí còn chẳng nhớ nổi họ đã ăn gì trong bữa sáng.”

“Còn tùy,” Sansom nói.

“Vào cái gì?”

“Việc nhận ra tên người.”

“Tên nào?”

“Korengal là nơi diễn ra việc ấy. Chỉ là một góc nhô ra, nhưng là nơi Hồng quân đã bị tiêu diệt. Cánh du kích Hồi giáo ở đó đã thực hiện công việc thật tốt. Thế nên tay lãnh đạo du kích Hồi giáo bản địa là một nhân vật thực sự quan trọng. Khi ấy hắn là một ngôi sao đang lên. Hắn là người chúng tôi được cử đến gặp. Và chúng tôi đã thực hiện. Chúng tôi đã gặp hắn.”

“Và các ông đã liêm đít hắn?”

“Bằng mọi cách chúng tôi có thể.”

“Hắn là ai?”

“Ban đầu hắn là một gã khá ấn tượng. Trẻ, cao ráo, đẹp trai, rất thông minh, rất nhiệt huyết. Mà này, lại rất giàu nữa. Có rất nhiều quan hệ. Hắn xuất thân từ một gia đình tỷ phú ở Ả-rập Saudi. Cha hắn là một người bạn của Phó tổng thống thời Reagan. Nhưng bản thân tay này là một tay cách mạng. Vì lý do ấy hắn đã từ bỏ cuộc sống thuận lợi.”

“Hắn là ai?”

“Osama bin Laden.”



CĂN PHÒNG YÊN LẶNG một lúc khá lâu. Chỉ có những âm thanh của thành phố bị cửa sổ chặn lại cùng tiếng rì rì của không khí từ máy điều hòa chạy qua ống phía trên phòng tắm. Springfield bước ra khỏi chỗ cạnh tủ đặt ti vi, ngồi xuống giường.

Tôi nói, “Việc nhận ra tên người.”

Sansom nói, “Đó là điều khôn nạn.”

“Ông nói đúng đây.”

“Chứ còn gì nữa.”

“Nhưng đó là một tệp lớn,” tôi nói.

“Thế thì sao?”

“Thế nên nó là một bản báo cáo dài. Và tất cả chúng ta từng đọc các báo cáo của quân đội.”

“Và gì nữa?”

“Chúng rất khô khan.” Và đúng thật. Lấy khẩu Steyr GB của Springfield làm ví dụ. Quân đội đã thử nó. Nó là một phép thần kỳ của kỹ thuật hiện đại. Không chỉ hoạt động đúng như nó nên thế, khẩu súng còn hoạt động đúng như cách nó không nên. Loại này có hệ thống nạp đạn tự động phức tạp sử dụng khí đẩy về phía sau, nghĩa là súng có thể nạp cả đạn kém chất lượng, đạn cũ hay được lắp ráp không chuẩn mà vẫn bắn được.

Hầu hết các súng đều gặp vấn đề với nhiều kiểu áp suất khí khác nhau. Nhưng khẩu Steyr có thể xử lý được bất kỳ trường hợp nào. Đó là lý do Lực lượng Đặc biệt thích loại súng này. Họ thường ở xa căn cứ nên không được hỗ trợ nhiều, buộc phải dựa vào bất kỳ thứ gì có thể xoay xở được ở nơi họ đang dừng chân. Khẩu Steyr GB quả là một kỳ quan bằng kim loại.

Báo cáo của quân đội gọi nó là *về mặt kỹ thuật có thể chấp nhận được*.

Tôi nói, “Có thể chúng không đề cập tên ông. Có thể chúng không đề cập tên hấn. Có thể tất cả là chữ viết tắt tên lãnh đạo Delta và chỉ huy tại địa phương, tất cả chôn vùi trong ba trăm trang chú giải bản đồ.”

Sansom chẳng nói gì.

Springfield nhìn đi nơi khác.

Tôi hỏi, “Hấn ta thế nào?”

Sansom nói: “Thấy không? Đây chính là điều tôi đang nói tới. Giờ đây cả đời tôi chẳng là gì hết trừ một điều tôi là cái kẻ đã liếm đít Osama bin Laden. Có nhớ chẳng thì người ta nhớ đọc một điều đó thôi.”

“Nhưng hấn ta như thế nào?”

“Hấn là kẻ đáng sợ. Hấn thể hiện rõ sự hết mình đối với việc giết người Nga, đó là điều ban đầu chúng ta thấy vui, nhưng rất mau chóng chúng ta nhận ra rằng hấn hết mình với việc giết chết bất cứ kẻ nào không đúng hệt như hấn. Hấn thật kỳ quặc. Hấn là một kẻ tâm thần. Người hấn có mùi khó chịu. Đó là một kỳ cuối tuần thật kinh khủng. Lúc nào tôi cũng sờn da gà.”

“Các ông đã ở đó cả hai ngày cuối tuần à?”

“Khách quý mà. Chỉ có điều không thực sự như vậy. Hấn là tay ngạo mạn chó chết. Lúc nào hấn cũng lên mặt ông chủ với chúng tôi. Hấn rao

giảng cho chúng tôi về chiến thuật và chiến lược. Hấn dạy cho chúng tôi cách giành thắng lợi cuộc chiến ở Việt Nam nếu hấn là ta. Chúng tôi phải vờ ra vẻ thấy ấn tượng lắm.”

“Các ông đã trao những quà gì cho hấn?”

“Tôi chẳng biết quà là những gì. Chúng được bọc kín. Hấn không mở ra. Chỉ quẳng vào một góc. Hấn chẳng thèm để tâm. Kiểu như người ta nói ở đám cưới ấy, sự có mặt của chúng ta đã là quà rồi. Hấn nghĩ hấn đang chứng minh điều gì đó cho thế giới thấy. Quỷ Satan không lồ đang quỳ gối trước mặt hấn. Có tới mấy chục lần tôi suýt nôn mửa. Và không chỉ vì đồ ăn đâu.”

“Các ông ăn cùng hấn à?”

“Chúng tôi ở trong lều của hấn.”

“Trong báo cáo, nó sẽ được gọi là tổng hành dinh của họ. Ngôn ngữ sẽ rất chung chung. Chuyện liếm đít hấn sẽ không được đề cập. Nó sẽ là ba trăm trang tài liệu nhằm chán về nỗ lực sắp xếp một cuộc hẹn và một cuộc hẹn đã được thực hiện. Người ta sẽ chết vì buồn chán trước khi ông mới đi qua Đại Tây Dương được nửa đường. Sao ông lại lo lắng thế chứ?”

“Chính trị đáng sợ lắm. Chuyện về Lend-Lease ấy. Tuồng như không phải bin Laden sử dụng khối gia sản của riêng hấn mà là chúng ta đã cung cấp cho hấn. Gần như là trả tiền cho hấn.”

“Đâu phải lỗi của ông. Đó là việc của Nhà Trắng. Trong suốt Thế chiến thứ hai có thuyền trưởng nào bị trừng phạt vì chuyển những thứ theo chương trình Lend-Lease cho Liên Xô chưa? Họ cũng chẳng tiếp tục là bạn bè của ta đâu thôi.”

Sansom không nói gì.

Tôi nói, “Đó chỉ là từ ngữ trên giấy. Chúng không có gì quen thuộc. Người ta không đọc đâu.”

Sansom nói, “Đó là một tệp lớn.”

“Càng lớn càng tốt. Nó càng lớn thì những phần tệ hại càng bị chôn kỹ. Và nó sẽ rất cũ. Tôi nghĩ hồi ấy chúng ta thường đọc tên hán theo kiểu khác. Có chữ U. Là Usama. Hoặc UBL. Có thể thậm chí người ta chẳng nhận ra. Hoặc ông có thể nói rằng đó là một người hoàn toàn khác.”

“Anh có chắc chắn là anh biết chiếc USB ở đâu không?”

“Chắc chắn.”

“Bởi nghe giọng anh có vẻ không được chắc. Nghe giọng anh có vẻ như anh đang cố an ủi tôi, bởi anh biết nó đang nằm sờ sờ ra cho thế giới thấy.”

“Tôi biết nó đang ở đâu. Tôi chỉ cố hiểu tại sao ông lại căng thẳng đến vậy. Người ta từng vượt qua những tình huống tệ hơn thế.”

“Anh đã bao giờ sử dụng máy tính chưa?”

“Hôm nay tôi đã dùng.”

“Những gì tạo nên những tệp lớn nhất?”

“Tôi không biết.”

“Thử đoán xem.”

“Các văn bản dài?”

“Sai rồi. Độ phân giải lớn tạo nên các tệp lớn nhất.”

“Độ phân giải à?” tôi hỏi.

Sansom không nói gì.

“OK,” tôi nói. “Tôi hiểu rồi. Đó không phải một bản báo cáo. Nó là một tấm ảnh.”



CĂN PHÒNG MỘT LẦN NỮA trở nên yên lặng. Những âm thanh của thành phố, tiếng của máy điều hòa. Sansom đứng dậy đi vệ sinh, Springfield trở lại vị trí cũ bên tủ ti vi. Trên tủ đặt các chai nước, trên cổ chai gắn những mảnh giấy ghi rằng nếu uống nước sẽ bị tính phí tám đô la.

Sansom ra khỏi phòng tắm.

“Reagan muốn có tám ảnh,” ông ta nói. “Phần vì ông ta là lão già đa cảm lập dị, phần vì ông ta là ông già đa nghi. Ông ta muốn kiểm tra xem chúng tôi có tuân thủ mệnh lệnh của mình không. Theo như tôi nhớ, tôi đứng cạnh bin Laden, trên mặt tôi là nụ cười khốn nạn nhất trong các kiểu khốn nạn.”

Springfield nói, “Cùng với tôi phía bên kia.”

Sansom nói, “Bin Laden đã hạ gục Tháp Đôi. Hắn đã tấn công Lầu Năm Góc. Hắn là tay khủng bố ghê gớm nhất thế giới. Tên này là nhân vật dễ nhận ra, rất dễ nhận ra. Hắn thuộc loại hoàn toàn không thể nhầm lẫn được. Tám ảnh đó sẽ giết chết sự nghiệp chính trị của tôi. Tắt lịm luôn. Vĩnh viễn.”

Tôi hỏi, “Đó là lý do mẹ con nhà Hoth muốn có nó hả?”

Ông ta gật đầu. “Để al-Qaeda có thể làm mất mặt tôi, và mất mặt nước Mỹ cùng với tôi. Hoặc ngược lại.”

Tôi bước tới tủ ti vi lấy một chai nước. Xoáy nắp chai ra và uống một ngụm dài. Tiền phòng được thanh toán bằng thẻ của Springfield, nghĩa là

Sansom trả. Và Sansom có thể chịu được khoản chi tám đô.

Rồi tôi mỉm cười, rất nhanh.

“Vì vậy mới có bức ảnh trong cuốn sách của ông,” tôi nói. “Và trên tường trong văn phòng ông. Donald Rumsfeld cùng Saddam Hussein, ở Baghdad.”

“Đúng,” Sansom nói.

“Chỉ để đề phòng. Để cho thấy rằng có một người khác cũng đã làm chuyện tương tự. Như con bài chủ, chỉ nằm lẫn kín đáo trong bụi rậm. Không ai biết nó là bài chủ. Thậm chí không ai biết nó là một quân bài.”

“Đó không phải bài chủ,” Sansom nói “Thậm chí không hề. Nó như con bài bích kém giá trị. Bởi bin Laden còn tệ hơn Saddam. Và sau đó Rumsfeld không tìm cách được bầu vào vị trí gì. Ông ta được bổ nhiệm vào mọi vị trí ông ta đảm nhiệm sau đó là nhờ bạn bè. Ông ta phải chịu thế. Chẳng có kẻ điên nào đi bỏ phiếu cho ông ta cả.”

“Ông có bạn bè chứ?”

“Không nhiều lắm.”

“Chưa ai từng nói nhiều về bức ảnh của Rumsfeld.”

“Bởi ông ta không tranh cử. Nếu ông ta từng tham gia một chiến dịch tranh cử nào, nó sẽ là bức ảnh nổi tiếng nhất thế giới.”

“Ông là người tử tế hơn Rumsfeld.”

“Anh không biết tôi đâu.”

“Phán đoán có cơ sở đấy.”

“Được rồi, có thể. Nhưng bin Laden tồi tệ hơn Saddam. Và hình ảnh đó là thuốc độc. Thậm chí nó chẳng cần lời chú thích. Tôi đứng đấy, cười

như chó con với gã đàn ông tàn bạo nhất thế giới. Người ta đã làm giả những bức ảnh như vậy để quảng bá cho cuộc tấn công. Còn bức này là đồ thật.”

“Ông sẽ lấy lại được nó.”

“Khi nào?”

“Ông đang xử lý ra sao với các cáo buộc trọng tội?”

“Chậm.”

“Nhưng chắc?”

“Không chắc chắn lắm. Có cả tin tốt và tin xấu.”

“Hãy cho tôi biết tin xấu trước.”

“Rất ít khả năng FBI sẽ muốn hợp tác. Và chắc chắn Bộ Quốc phòng sẽ không như thế.”

“Ba gã đó à?”

“Họ đã thôi vụ này. Rõ ràng họ đã bị thương. Một người bị rách mũi, một bị thương ở đầu. Nhưng họ đã bị thay thế. Bộ Quốc phòng vẫn nóng lòng muốn theo.”

“Họ nên thấy biết ơn. Họ cần tất cả mọi sự hỗ trợ mà họ có thể nhận được.”

“Không phải như thế. Có những cuộc chiến giành lãnh địa buộc phải thắng.”

“Vậy tin tốt là gì?”

“Chúng tôi nghĩ rằng NYPD đã sẵn sàng tỏ ra thoải mái về vụ tàu điện ngầm.”

“Tuyệt,” tôi nói. “Như thế giống như bỏ một vé phạt đỗ xe sai cho Charles Manson.”

Sansom không nói gì.

Tôi hỏi ông ta, “Còn về Theresa Lee và Jacob Mark? Cả Docherty nữa thì thế nào?”

“Họ đã trở lại làm việc. Với văn bản của cơ quan liên bang tuyên dương họ đã hỗ trợ Bộ An ninh Quốc gia thực hiện một vụ điều tra nhạy cảm.”

“Vậy là họ ổn còn tôi thì không?”

“Họ không tấn công ai cả. Họ không làm bất kỳ ai bị thương.”

“Ông sẽ làm gì với chiếc USB khi lấy lại được nó?”

“Tôi sẽ xem có đúng là nó không, rồi tôi đập nát nó ra, rồi đốt các mảnh, nghiền tro thành bụi và cho vào tám toa lét khác nhau rồi xả nước.”

“Giả sử tôi yêu cầu ông không làm thế thì sao?”

“Tại sao ông làm như vậy?”

“Tôi sẽ nói với ông sau.”

Tùy theo quan điểm mỗi người, bây giờ là đầu buổi tối hoặc cuối buổi chiều. Do vừa ngủ dậy nên tôi coi đây là thời gian ăn sáng. Tôi gọi xuống bộ phận phục vụ tại phòng yêu cầu mang lên một khay lớn. Chừng năm mươi đô tính theo giá khách sạn Sheraton New York, cộng với thuế, tiền boa, các loại phí. Sansom chẳng ngại chút nào. Ông ta ngồi trên ghế, người hướng về phía trước, nhấp nhồm vì thất vọng và sốt ruột. Springfield thì thư thái hơn nhiều. Cách đây một phần tư thế kỷ anh ta đã cùng chia sẻ chuyến hành trình qua núi, cùng chia sẻ mỗi ô nhục. *Đôi khi bạn bè của chúng ta*

trở thành kẻ thù, và đôi khi kẻ thù trở thành bạn bè của chúng ta. Song Springfield chẳng có gì phụ thuộc vào nó. Chẳng mục đích, chẳng kế hoạch, chẳng tham vọng nào. Và điều đó bộc lộ ra. Anh ta vẫn đứng như con người của mình hồi ấy, chỉ là một người thực hiện công việc của mình.

Tôi hỏi, “Lẽ ra các ông đã có thể giết hắn chứ?”

“Hắn có cận vệ,” Sansom đáp. “Như một vòng tròn bên trong. Sự trung thành ở đó còn hơn cả sự cuồng tín. Hãy nghĩ về lính thủy quân lục chiến hay người trong công đoàn xe tải Teamster rồi nhân lên một ngàn lần. Chúng tôi bị tước vũ khí khi còn cách lều vài trăm mét. Chúng tôi không bao giờ được có mặt bên hắn khi không có kẻ khác. Luôn luôn có người lảng vảng xung quanh. Cộng thêm bọn trẻ con và vật nuôi. Chúng sống như ở kỳ Đồ đá.”

“Hắn là thằng khôn cao gầy,” Springfield nói. “Hồi ấy tôi đã có thể vươn người ra bẻ gãy cái cổ nhằng của hắn bất kỳ lúc nào tôi muốn.”

“Hồi ấy ông muốn thế chứ?”

“Ông có thể cá là có. Bởi tôi biết. Ngay từ lúc đầu. Có lẽ đúng ra tôi đã nên làm ngay khi đèn flash nháy. Như bẻ một thanh bánh mì trong nhà hàng Ý. Thế thì ảnh chụp sẽ đẹp hơn.”

Tôi nói, “Việc làm tự sát.”

“Nhưng sau này sẽ cứu được nhiều mạng người.”

Tôi gật đầu. “Cũng như thế nếu Rumsfeld đã thọc một con dao vào người Saddam.”

Tay nhân viên phục vụ mang bữa ăn của tôi lên, tôi bảo Sansom rời khỏi ghế và tôi ăn tại bàn. Sansom lấy điện thoại di động gọi một cú và xác nhận rằng từ thời điểm đó tôi được thoát khỏi các cáo buộc liên quan tới những việc làm ở ga tàu điện ngầm. Đối với NYPD, tôi không còn là người

đáng quan tâm. Nhưng rồi ông ta thực hiện cuộc gọi thứ hai và bảo tôi rằng ban hội thẩm vẫn ngả về bên FBI và những dấu hiệu có vẻ chẳng ổn chút nào. Rồi Sansom gọi cú thứ ba và khẳng định rằng cánh bên Bộ Quốc phòng chắc chắn sẽ không cho qua. Họ như con chó đang giữ xương. Tôi đang gặp rắc rối đủ loại ở tầm liên bang. Cản trở công lý, tấn công và ra đòn, làm người khác bị thương bằng một thứ vũ khí có thể gây chết người.

“Hết chuyện,” Sansom nói. “Tôi sẽ phải trực tiếp đi gặp Bộ trưởng.”

“Hoặc Tổng thống,” tôi chêm vào.

“Tôi chẳng thể làm việc nào cả. Xét về bề nổi, Bộ Quốc phòng đang ráo riết săn đuổi một nhóm al-Qaeda đang hoạt động. Trong bối cảnh hiện nay, không thể lập luận bác bỏ việc ấy.”

*Chính trị là một bãi mìn. Làm cũng chết, không làm cũng tiêu.*

“Được rồi,” tôi nói. “Miễn là tôi biết hình thù của chiến trường.”

“Nói đúng ra thì đây không phải trận đánh của anh.”

“Jacob Mark sẽ thấy ổn hơn khi có một chút kết cục.”

“Anh làm việc này cho Jacob Mark à? Cánh nhân viên điều tra liên bang có thể dành cho ông ấy tất cả những kết cục ông ấy cần.”

“Ông nghĩ thế hả? Cánh điều tra liên bang chẳng đi tới đâu. Ông muốn chuyện này kéo dài bao lâu?”

“Vậy ông làm việc này cho Jacob Mark hay cho tôi?”

“Tôi làm cho bản thân tôi.”

“Ông chẳng có liên quan gì.”

“Tôi thích các thách thức.”

“Trên thế giới có đầy thách thức khác.”

“Chúng đã làm cho nó thành thách thức đối với cá nhân. Chúng đã gửi cho tôi đĩa DVD đó.”

“Đó là chiến thuật. Nếu anh phản ứng, chúng sẽ thắng.”

“Không, nếu tôi phản ứng, chúng sẽ thua.”

“Đây không phải Miền Tây hoang dã đâu.”

“Ông nói đúng. Đây là phương Tây hèn nhát. Chúng ta cần quay đồng hồ ngược lại.”

“Anh thậm chí biết bọn chúng đang ở đâu chứ?”

Springfield liếc nhìn tôi.

Tôi nói, “Tôi đang xem xét vài ý tưởng.”

“Anh vẫn có kênh liên lạc để mở chứ?”

“Từ lúc xem đĩa DVD tới giờ cô ta chưa gọi cho tôi.”

“Từ lúc cô ta cho anh vào bẫy, ý anh là thế đấy.”

“Nhưng tôi nghĩ cô ta sẽ gọi cho tôi lần nữa.”

“Tại sao?”

“Bởi cô ta muốn thế.”

“Có thể cô ta thắng. Chỉ đi một bước sai lầm, anh sẽ trở thành tù nhân của cô ta. Rồi rốt cuộc anh sẽ phải nói cho cô ta điều cô ta muốn biết.”

Tôi hỏi: “Từ vụ mười một tháng Chín tới giờ ông đã bay bằng máy bay thương mại bao nhiêu lần?”

Ông ta đáp, “Vài trăm lần.”

“Và tôi cá rằng trong mọi lần, một phần nhỏ tâm trí ông đều hy vọng rằng trên máy bay có bọn không tặc. Để ông có thể trông thấy chúng điều hành trên lối đi, để ông có thể bật dậy đánh cho chúng vãi ra quần. Hoặc để ông chết trong lúc đang cố gắng làm việc ấy.”

Sansom cúi đầu, miệng trễ xuống hé một nụ cười ảo não. Điều đầu tiên tôi thấy ở ông ta trong suốt một thời gian dài.

“Anh nói đúng,” ông ta nói. “Lần nào cũng thế.”

“Tại sao vậy?”

“Tôi muốn bảo vệ máy bay.”

“Và ông muốn trút những cơn giận dữ của mình. Và trút bỏ sự căm hận của mình. Tôi biết tôi cũng sẽ thế. Tôi thích tòa Tháp Đôi. Tôi thích kiểu của thế giới trước kia. Ông biết đấy, là trước đây ấy. Tôi không có kỹ năng chính trị. Tôi không phải nhà ngoại giao hay chiến lược gia. Tôi biết những nhược điểm của mình, và tôi cũng biết những ưu điểm của mình. Thế nên tóm lại thì với một kẻ như tôi, cơ hội gặp một nhóm al-Qaeda đang hoạt động rất giống như tất cả các ngày sinh nhật và lễ Giáng sinh được gom vào một.”

“Anh thật điên. Đây không phải việc để làm một mình.”

“Còn cách nào khác nữa chứ?”

“Rốt cuộc Bộ An ninh Quốc gia sẽ tìm ra chúng. Rồi họ sẽ tập hợp lại thành gì đó. NYPD, FBI, các đội SWAT, thiết bị, vài trăm người.”

“Một chiến dịch khổng lồ với vô số thành phần riêng rẽ.”

“Nhưng được lên kế hoạch cẩn thận.”

“Trước đây ông đã tham gia các chiến dịch như thế chứ?”

“Vài lần.”



“Với ông thì kết quả như thế nào?”

Sansom không trả lời.

Tôi nói, “Một mình luôn tốt hơn.”

“Có thể không,” Springfield nói. “Chúng tôi đã kiểm tra thuật toán máy tính của Bộ An ninh Quốc gia. Mẹ con nhà Hoth mang theo cả một lũ đông.”

“Bao nhiêu?”

“Mười chín gã đàn ông.”

TÔI ĂN NÓT BỮA SÁNG. Âm cà phê đã hết sạch. Thế nên tôi uống nốt chai nước giá tám đô rồi quẳng về phía thùng rác, phần đáy chai đi trước. Nó va vào thành thùng rác, tạo nên một âm thanh nhựa rỗng rồi bật lăn ra thảm. Nếu tôi mê tín thì đó là điềm không tốt. Nhưng tôi lại không mê tín.

“Tất thủy mười chín tên,” tôi nói. “Bốn gã đã rời Mỹ và hai gã đang cuộc bộ trong tình trạng bị thương, bị vỡ hàm và sái khuỷu tay. Như vậy còn mười ba tên có khả năng chiến đấu.”

Sansom nói, “Vỡ hàm và sái khuỷu tay à? Chuyện đó xảy ra thế nào?”

“Chúng ra ngoài tìm tôi. Chúng có thể là những thằng chó ác chiến với súng phóng lựu ở mấy vùng đồi quê chúng, nhưng có vẻ là tấn nhau trên phố không phải thế mạnh của chúng.”

“Anh đã viết lên trán chúng đấy à?”

“Trán một tên. Tại sao ông biết?”

“FBI nhận được điện thoại từ phòng cấp cứu Bellevue. Hai người nước ngoài không rõ danh tính bị bỏ lại đây sau khi bị đánh. Một trong hai người có chữ viết trên trán.”

“Hình phạt,” tôi nói. “Chắc chắn mẹ con Hoth không hài lòng với màn trình diễn của chúng. Thế nên họ bỏ chúng đi, để khích lệ những tên khác.”

“Bọn nhẫn tâm.”

“Giờ chúng ở đâu?”

“Trong phòng được canh gác ở bệnh viện. Bởi trước đây một trong số chúng đã ở đó. Một phòng cấp cứu nào đó ở ga Penn. Hấn không nói gì cả. FBI đang cố gắng xác minh hắn là thằng quái nào.”

“Làm gì họ phải mất thời gian thế nhỉ? Tôi đã viết tên của Lila lên trán hắn. Tôi viết *Lila, hãy gọi cho tôi*. Ngay bây giờ có bao nhiêu người tên Lila mà Cục Điều tra Liên bang quan tâm?”

Sansom lắc đầu. “Tin tưởng họ chút đi. Phần da ghi tên đã bị gọt đi bằng dao.”

Tôi bước qua mở chai nước thứ hai giá tám đô. Nhấp một ngụm. Vị ngon. Nhưng không ngon hơn nước giá hai đô. Hoặc nước miễn phí uống từ vòi.

“Mười ba người,” tôi nói.

“Cộng thêm mẹ con nhà Hoth nữa,” Springfield nói.

“OK, mười lăm.”

“Phi vụ tự sát.”

“Tất cả chúng ta sẽ chết,” tôi nói. “Câu hỏi duy nhất là khi nào và chết như thế nào.”

“Chúng tôi không thể chủ động giúp anh,” Sansom nói. “Anh hiểu điều đó, phải không? Chuyện này sẽ kết thúc với ít nhất là một và nhiều nhất là mười lăm trường hợp người chết trên đường phố New York. Chúng tôi không thể là một phần trong đó. Chúng tôi không thể mon men tới gần dù cách cả triệu dặm.”

“Vì chính trị à?”

“Vì rất nhiều lý do.”

“Tôi không đề nghị giúp đỡ đâu.”

“Anh là kẻ điên cuồng.”

“Chúng sẽ nghĩ như thế.”

“Trong đầu anh có chương trình chứ?”

“Sớm có. Chẳng phải chờ đợi lâu đâu.”

“Tất nhiên trường hợp tối thiểu một người chết chính là anh đấy. Trong trường hợp đó tôi sẽ không biết làm thế nào để tìm ra bức ảnh của mình.”

“Thế thì cầu mong may mắn cho tôi đi.”

“Điều có trách nhiệm là anh nói cho tôi biết bây giờ.”

“Không, điều có trách nhiệm là tôi nhận công việc làm lái xe buýt cho trường học.”

“Tôi có thể tin tưởng anh không?”

“Về việc sống sót à?”

“Về việc giữ lời ấy.”

“Ông đã học điều gì ở trường dự bị sĩ quan?”

“Rằng anh em sĩ quan cần tin tưởng nhau. Đặc biệt là anh em sĩ quan cùng cấp.”

“Vậy thì nó đấy.”

“Nhưng chúng ta không phải anh em thực sự. Chúng ta nằm ở các bộ phận rất khác nhau.”

“Ông nói đúng. Tôi đã làm việc rất vất vả trong lúc ông bay qua hết cả thế giới đặng mà hôn đít gã khùng bố thế giới. Ông thậm chí còn chẳng giành được lấy một Huy chương Trái tim Tía.”

Sansom không nói gì.

“Đùa thôi,” tôi nói. “Nhưng ông nên hy vọng rằng tôi không phải trường hợp bỏ mạng đầu tiên, nếu không thì có thể lúc nào ông cũng nghe những điều như vậy.”

“Vậy thì hãy nói cho tôi bây giờ.”

“Tôi muốn ông yểm trợ cho tôi.”

Sansom nói, “Tôi đã đọc hồ sơ của anh.”

“Ông nói tôi nghe điều đó rồi.”

“Anh đã được tặng Huy chương Trái tim Tía do bị xe bom ở Beirut thổi bay. Trại lính thủy quân lục chiến.”

“Tôi nhớ rõ chuyện đó.”

“Anh có một vết sẹo làm ảnh hưởng tới diện mạo.”

“Muốn xem không?”

“Không. Nhưng anh cần nhớ rằng lũ ấy không phải mẹ con nhà Hoth.”

“Ông là ai đây, chuyên gia trị liệu của tôi à?”

“Không. Nhưng điều đó không khiến cho nhận xét của tôi bớt đúng chút nào đâu.”

“Tôi không biết thủ phạm ở Beirut là ai. Chắc chắn chẳng ai biết. Nhưng dù có là ai đi nữa, chúng cũng là anh em sĩ quan của nhà Hoth.”

“Anh có động cơ trả thù. Và anh vẫn cảm thấy tội lỗi về chuyện Susan Mark.”

“Thế thì sao?”

“Thế thì có thể anh không hoạt động với mức hiệu quả tối đa.”

“Lo lắng cho tôi à?”

“Chủ yếu cho bản thân tôi. Tôi muốn lấy lại bức ảnh của mình.”

“Ông sẽ có nó.”

“Ít nhất hãy cho tôi manh mối về nơi nó đang tồn tại.”

“Ông biết những gì tôi biết. Tôi đã luận ra. Thế nên ông sẽ luận ra.”

“Anh là cảnh sát. Kỹ năng của anh khác của tôi.”

“Thế nên ông sẽ chậm hơn. Nhưng đây không phải trò cao siêu gì đâu.”

“Thế là trò gì?”

“Hãy một lần tư duy như người bình thường. Không giống như một người lính hay chính trị gia.”

Sansom thờ. Ông ta thất bại. Ông ta nói, “Ít nhất hãy nói cho tôi biết vì sao tôi không nên phá hủy nó.”

“Ông biết những gì tôi biết.”

“Nghĩa là sao?”

“Hoặc có thể ông không biết những gì tôi biết. Bởi ông quá khép kín. Còn tôi chỉ là một thành viên của công chúng.”

“Thế thì sao?”

“Tôi chắc chắn ông là một tay ác chiến đấy, Sansom. Tôi chắc chắn ông sẽ là một thượng nghị sĩ tuyệt vời. Nhưng nói cho cùng thì bất kỳ thượng nghị sĩ nào cũng chỉ là một trong một trăm nghị sĩ. Gần như tất cả họ có thể đổi chỗ cho nhau. Ông có thể cho tôi một cái tên chứ? Tên của một cá nhân thượng nghị sĩ nào đã thực sự tạo được khác biệt cho bất cứ chuyện gì ấy?”

Sansom chẳng nói gì.

“Ông có thể nói cho tôi nghe cá nhân ông sẽ tiêu diệt bọn al-Qaeda thế nào không?”

Sansom bắt đầu nói về Ủy ban Quân lực, Ủy ban Đối ngoại, Tình báo, ngân sách, sự giám sát. Như một bài phát biểu theo công thức. Như ông ta đang diễn thuyết. Tôi hỏi, “Phần việc nào trong đó sẽ không được ai khác thực hiện nếu như ông không được giao thực hiện?”

Sansom không trả lời. Tôi hỏi, “Hãy tưởng tượng là có một cái hang ở Đông Bắc Pakistan. Tưởng tượng là ngay bây giờ bọn chỉ huy cao cấp của al-Qaeda đang ngồi đó. Liệu chúng có vò đầu bứt tai nói rằng khôn thật, ta không nên để cho John Sansom vào Thượng viện Mỹ không? Ông có đứng đầu danh sách trong chương trình nghị sự của chúng không?”

Ông ta đáp, “Có lẽ không.”

“Thế tại sao chúng muốn có bức ảnh?”

“Những thắng lợi nhỏ,” Sansom nói. “Vẫn hơn là chẳng có gì.”

“Ông không nghĩ rằng như thế là hơi quá nhiều việc để chỉ giành một thắng lợi nhỏ à? Hai nhân viên cộng thêm mười chín gã đàn ông cộng với

ba tháng?”

“Nước Mỹ sẽ mất mặt.”

“Nhưng không đến nỗi mất mặt lắm. Hãy xem bức ảnh của Rumsfeld. Chẳng ai quan tâm. Thời thế thay đổi, mọi việc tiếp diễn. Người ta hiểu điều ấy, ngay cả khi có nhận ra đi nữa. Người Mỹ hoặc rất trưởng thành và nhạy cảm, hoặc rất dễ quên. Tôi chưa bao giờ chắc chắn là khả năng nào. Nhưng dù gì đi nữa, bức ảnh đó cũng sẽ là thứ không quan trọng. Nó có thể hủy diệt cá nhân ông, song hủy diệt mỗi lần một người Mỹ không phải kiểu hoạt động của al-Qaeda.”

“Nó sẽ làm tổn thương những kỷ niệm về Reagan.”

“Ai quan tâm chứ? Hầu hết người Mỹ thậm chí còn chẳng nhớ ông ta. Hầu hết người Mỹ nghĩ Reagan là một sân bay ở Washington.”

“Tôi nghĩ anh đang đánh giá quá thấp đấy.”

“Còn tôi nghĩ ông đang đánh giá quá cao. Ông quá gần với việc ấy.”

“Nhưng tôi nghĩ bức ảnh đó sẽ gây hại.”

“Nhưng nó sẽ gây tổn thương cho ai? Chính phủ nghĩ gì?”

“Anh biết rằng Bộ Quốc phòng đang cố gắng như điên để lấy nó lại.”

“Thật hả? Vậy tại sao họ lại giao nhiệm vụ cho một đội hạng B của mình?”

“Anh nghĩ mấy tay đó là đội B của họ à?”

“Tôi thực lòng hy vọng thế. Nếu đó là đội hạng A của họ, tất cả chúng ta nên chuyển sang Canada mà ở cho lành.”

Sansom không nói gì.



Tôi nói, “Bức ảnh có thể gây một chút tác hại cho ông ở địa phương, tại Bắc Carolina. Nhưng rõ ràng tất cả chỉ thế. Chúng ta đang không thấy bất kỳ kiểu nỗ lực tột đa nào từ Bộ Quốc phòng. Bởi không thực sự có ảnh hưởng tiêu cực nào ở cấp quốc gia.”

“Đó không phải cách hiểu chính xác.”

“Được rồi, bức ảnh tệ là tệ cho ta. Đó là bằng chứng của một lỗi chiến lược. Nó thật khó chịu, thật đáng xấu hổ, nó sẽ bôi tro trát trấu vào mặt chúng ta. Nhưng chỉ có thế. Sẽ không phải là ngày tàn của thế giới. Chúng ta sẽ không sụp đổ.”

“Vậy là những kỳ vọng của al-Qaeda quá cao sao? Anh nói rằng chúng cũng làm à? Chúng không hiểu người Mỹ như cách anh hiểu à?”

“Không, tôi đang nói rằng toàn bộ chuyện này hơi mất cân bằng. Hơi thiếu cân xứng. Al-Qaeda đã điều một đội hạng A còn chúng ta điều một đội hạng B. Vì vậy mong muốn của chúng đối với việc giành bức ảnh đó mạnh hơn một chút so với mong muốn của ta trong việc giữ lấy nó.”

Sansom chẳng nói gì.

“Và chúng ta phải đặt câu hỏi tại sao Susan Mark không được lệnh chỉ sao chép nó? Nếu mục đích của chúng là làm mất mặt ta thì sao chép nó là ý tưởng hay hơn. Bởi nếu chuyện lộ ra và những người hoài nghi cho rằng nó bị làm giả, mà họ sẽ cho là thế thật, thì bản gốc vẫn còn nằm trong tệp, và ta sẽ không thể phủ nhận nó một cách bình thản được.”

“OK.”

“Nhưng Susan Mark đã không được lệnh sao chép nó. Thực tế là cô ấy được lệnh đánh cắp nó. Để lấy nó khỏi tay chúng ta. Mà không để lại dấu vết gì. Điều đó làm tăng đáng kể nguy cơ và khả năng bị phát hiện.”

“Nghĩa là thế nào?”

“Nghĩa là chúng muốn có nó, cũng như chúng muốn ta không có nó.”

“Tôi không hiểu.”

“Ông cần hỏi tương lại. Ông cần suy luận chính xác như chiếc máy ảnh đó đã thấy. Bởi al-Qaeda không muốn công khai bức ảnh ấy. Chúng đánh cắp nó bởi chúng muốn đim nó đi.”

“Tại sao chúng muốn thế?”

“Bởi dù nó có tệ cho ông đến thế nào đi nữa, trong ấy có gì đó còn tệ hại hơn cho Osama bin Laden.”

SANSOM VÀ SPRINGFIELD trở nên im lặng, tôi biết họ sẽ thế mà. Trí não họ đang quay ngược lại một phần tư thế kỷ trước, tới một căn lều có ánh sáng mờ mờ nằm trên nền thung lũng Korengal. Họ cứng người rồi lại thẳng ra, vô thức lặp lại những tư thế trang trọng. Một ở bên trái, một ở bên phải, tay chủ nhà ở giữa hai người. Các ống kính máy ảnh chĩa vào họ, lấy hình, thu gằn lại, điều chỉnh, lấy nét. Nhấp nháy, nạp điện, rồi tiếng tách, trùm ánh sáng lên khung cảnh xung quanh.

Chính xác thì máy ảnh đã thấy gì?

Sansom nói, “Tôi không nhớ.”

“Có lẽ là chúng tôi,” Springfield nói. “Đơn giản thế. Có thể bây giờ những cuộc gặp với người Mỹ có vẻ giống như nghiệp chướng vậy.”

“Không,” tôi nói. “Đó là cách đánh bóng tên tuổi tốt. Nó khiến bin Laden có vẻ đầy quyền lực và đặc thắng, đồng thời khiến chúng ta trông như những thằng khờ. Nó phải là điều gì đó khác.”

“Trong đó là một vườn thú. Lung tung lộn xộn.”

“Nó phải là thứ gì đó không phù hợp đến mức nguy hiểm chết người. Các bé trai, bé gái, thú vật.”

Sansom nói, “Tôi không biết những thứ nào bị chúng coi là không phù hợp. Ở đó chúng có cả ngàn luật lệ. Thậm chí có thể là thứ gì đó hẳn đang ăn khi ấy.”

“Hoặc hút.”

“Hoặc uống.”

“Ở đó không có rượu,” Springfield nói. “Tôi nhớ điều đó.”

“Phụ nữ?” tôi hỏi.

“Cũng không có phụ nữ.”

“Phải là gì đó. Ở đó có vị khách khác không?”

“Chỉ có người của bộ tộc.”

“Không có người nước ngoài à?”

“Chỉ chúng tôi thôi.”

“Phải là gì đó khiến hấn trông có vẻ nhún nhường, hay yếu đuối, hay lạc lõng. Hấn khỏe mạnh không?”

“Có vẻ khỏe.”

“Vậy còn gì khác nữa?”

“Làm đường lạc lõng so với các luật lệ của chúng hay làm đường lạc lõng theo ý ta muốn nói?”

“Đại bản doanh al-Qaeda,” tôi nói. “Nơi đàn ông là con người còn đám dê hoảng sợ.”

“Tôi không nhớ. Đã lâu rồi. Chúng tôi mệt mỏi. Khi ấy chúng tôi vừa cuộc bộ một trăm dặm xuyên qua chiến tuyến.”

Sansom trở nên im lặng. Như tôi biết ông ta sẽ im lặng. Cuối cùng ông ta nói, “Chuyện này thực là khôn nạn.”

Tôi nói, “Tôi biết nó là thế.”

“Tôi sẽ phải đưa ra một quyết định lớn.”

“Tôi biết ông sẽ như thế.”

“Nếu bức ảnh đó gây tổn hại cho hắn nhiều hơn cho tôi, tôi sẽ phải công bố nó.”

“Không, nếu nó có gây tổn hại cho hắn, dù chỉ chút ít thôi, ông sẽ phải công bố nó. Và ông sẽ phải chấp nhận và đối mặt với hậu quả.”

“Nó đang ở đâu?”

Tôi không trả lời.

“Được rồi,” ông ta nói. “Tôi sẽ yểm trợ anh. Nhưng tôi biết những gì anh biết. Và anh đã luận ra. Nghĩa là tôi có thể luận ra. Nhưng chậm hơn. Bởi vì nó chẳng phải khoa học cao siêu gì. Nghĩa là mẹ con nhà Hoth cũng có thể luận ra. Chúng sẽ chậm hơn chứ? Có thể không. Có thể ngay bây giờ chúng đang cầm nó lên.”

“Đúng,” tôi nói. “Có thể chúng đang cầm nó lên.”

“Và nếu chúng sắp đim nó đi, có thể tôi nên cứ tự nhiên và để mặc chúng làm thế.”

“Nếu chúng sắp đim nó đi, thế nghĩa là nó là một vũ khí quý giá có thể sử dụng chống lại chúng.”

Sansom không nói gì.

Tôi nói, “Nhớ trường dự bị sĩ quan không? Điều gì đó về tất cả mọi kẻ thù, dù trong hay ngoài nước chẳng?”

“Chúng ta đã có những lời thề như nhau ở Quốc hội.”

“Vậy thì ông có nên để cho nhà Hoth đim bức ảnh đi không?”

Sansom im lặng một lúc lâu.

Rồi ông ta lên tiếng.

“Đi đi,” ông ta bảo. “Đi tìm mẹ con nhà Hoth trước khi chúng lấy được bức ảnh.”

Tôi không đi. Ngay lúc ấy thì không. Không phải ngay lập tức. Tôi có những điều cần nghĩ, những kế hoạch cần vạch ra. Và những thiếu sót cần khắc phục. Tôi không được trang bị. Tôi đang đi đôi ủng làm vườn bằng cao su và mặc quần xanh. Tôi không có vũ khí. Chẳng có gì là hay ho cả. Tôi muốn đi vào giữa đêm, mặc đồ đen thích hợp. Với đôi giày phù hợp. Và vũ khí. Càng nhiều càng tốt.

Quần áo thì dễ.

Vũ khí thì không dễ lắm. Thành phố New York không phải nơi tốt nhất trên hành tinh này có thể dễ dàng mua một món vũ khí cá nhân. Có lẽ ở vùng ngoại vi có những nơi lén bán vũ khí cũ với giá đắt, nhưng ở vùng ngoại vi cũng có những nơi bán xe đã sử dụng, và các tài xế khó tính được khuyến cáo tránh thật xa những nơi đó.

Rắc rối.

Tôi nhìn Sansom nói, “Ông không thể chủ động giúp tôi, đúng không?”

Ông ta nói, “Đúng.”

Tôi nhìn Springfield mà bảo, “Giờ tôi sẽ đến một cửa hiệu bán quần áo. Tôi tính mua quần đen, áo phông đen và giày đen. Cùng một chiếc áo gió đen, có lẽ cỡ XXXL, loại lưng thùng ấy. Ông nghĩ sao?”

Springfield nói, “Chúng tôi chẳng quan tâm. Lúc ông trở lại thì chúng tôi sẽ đi khỏi rồi.”

Tôi đến cửa hiệu ở Broadway, nơi tôi đã mua chiếc sơ mi ka ki trước hôm diễn ra bữa trưa gây quỹ của Sansom. Nơi này làm ăn khá, có sẵn rất nhiều đồ. Tôi tìm thấy mọi thứ mình cần ngoài giày và vớ. Quần jean đen, áo phông trơn màu đen, một chiếc áo gió màu đen bằng cô tông kéo khóa may cho một gã to con hơn tôi nhiều. Tôi thử chiếc áo gió và đúng như mong muốn, nó vừa hai cánh tay và phần vai, phần trước phồng lên như áo bà bầu.

Hoàn hảo, nếu như Springfield đã hiểu mách nước của tôi.

Tôi mặc các thứ trong ô thay đồ, ném bỏ các thứ cũ và trả cho nhân viên bán hàng năm mươi chín đô la. Rồi tôi theo chỉ dẫn của cô ta, đi thêm ba dãy nhà tới cửa hàng giày. Tôi mua một đôi giày chắc khỏe màu đen buộc dây, một đôi tất đen. Mất gần một trăm đô. Đầu tôi vang lên giọng nói của mẹ tôi, từ lâu lắm rồi: *Với cái giá như thế, nên dùng cho lâu. Đừng có giậm mạnh.* Tôi bước khỏi cửa hiệu, giậm chân xuống vỉa hè vài lần cho chắc chân. Tôi dừng ở một cửa hàng bán thuốc mua chiếc quần đùi lót màu trắng. Tôi nghĩ rằng, do mọi thứ khác đều mới, tôi nên làm thế cho đồng bộ.

Rồi tôi bắt đầu trở lại khách sạn.

Được ba bước, điện thoại trong túi tôi bắt đầu rung.

TÔI LÙI LẠI DỰA VÀO MỘT TÒA NHÀ trên góc phố 55 và rút điện thoại khỏi túi. *Cuộc gọi hạn chế.* Tôi mở nắp máy và đưa lên áp vào tai.

Lila Hoth nói, “Reacher phải không?”

Tôi nói, “Phải.”

“Tôi vẫn đang đứng ngoài đường. Tôi vẫn đang chờ xe tải cán tôi đây.”

“Nó đang tới đây.”

“Nhưng khi nào nó tới?”

“Cô có thể toát mồ hôi một lúc. Tôi sẽ ở cạnh cô trong vài ngày nữa.”

“Tôi không thể đợi được.”

“Tôi biết cô đang ở đâu.”

“Tốt. Điều đó sẽ đơn giản hóa mọi việc.”

“Và tôi cũng biết cái USB đang ở đâu nữa.”

“Một lần nữa, tốt. Chúng tôi sẽ giữ cho ông sống đủ lâu để có thể nói cho chúng tôi. Và có thể thêm vài giờ, chỉ để vui thôi.”

“Cô là con bé giữa rừng già đây, Lila. Lẽ ra cô nên ở nhà chăn dê mới phải. Cô sắp chết và bức ảnh ấy sẽ lan truyền khắp thế giới.”



“Chúng tôi có một cái đĩa DVD trắng,” cô ta nói. “Máy quay đã nạp điện, sẵn sàng chờ vai diễn của ông.”

“Cô nói nhiều quá, Lila.”

Cô ta không trả lời.

Tôi gập điện thoại và quay trở lại qua bóng tối đang sụp xuống để về khách sạn. Tôi lên thang máy, mở cửa phòng, ngồi xuống giường chờ đợi. Tôi đợi một lúc lâu. Gần bốn tiếng. Tôi nghĩ tôi đang đợi Springfield. Nhưng cuối cùng Theresa Lee mới là người xuất hiện.

Cô gõ cửa phòng tôi khi còn tám phút nữa là đúng nửa đêm. Tôi thực hiện động tác với xích cửa và tấm gương thêm lần nữa rồi cho cô vào. Nữ thám tử ăn mặc theo kiểu tôi đã gặp lần đầu tiên. Quần, áo sơ mi ngắn tay bằng lụa. Không đóng thùng. Màu xám sẫm, không phải xám vừa phải. Ít ánh bạc hơn. Nghiêm trang hơn.

Cô mang một chiếc túi thể dục màu đen. Túi nylon đựng đạn. Dựa vào kiểu nó trĩu xuống ở tay Lee, tôi đoán chiếc túi chứa những đồ nặng. Dựa vào kiểu những vật nặng dịch chuyển và va lanh canh vào nhau, tôi đoán chúng làm bằng kim loại. Lee bỏ túi xuống sàn gần nhà tắm rồi hỏi, “Ông ổn chứ?”

“Cô thì sao?”

Cô gật đầu. “Như chưa từng có chuyện gì xảy ra. Tất cả chúng tôi đều trở lại công việc cũ.”

“Trong túi có gì thế?”

“Tôi không biết. Một người đàn ông tôi chưa bao giờ biết mặt chuyên nó tới đồn.”

“Springfield à?”

“Không, ông ta xưng tên là Browning. Ông ta đưa cho tôi chiếc túi và bảo rằng vì lợi ích ngăn ngừa tội phạm, tôi nên bảo đảm sao cho ông không bao giờ chạm tay vào nó.”

“Nhưng dù sao cô vẫn mang nó tới?”

“Cá nhân tôi bảo vệ nó. An toàn hơn là để nó bừa ra đó.”

“OK.”

“Ông sẽ phải không chế tôi. Và tấn công sĩ quan cảnh sát là vi phạm pháp luật.”

“Đúng.”

Cô ngồi xuống giường. Cách tôi một mét. Có khi sát hơn.

Cô nói, “Chúng tôi đã đột kích vào ba tòa nhà cũ ở phố 58.”

“Springfield đã nói với các cô về chúng à?”

“Ông ta bảo ông ta tên là Browning. Lực lượng chống khủng bố của chúng tôi đã vào đó cách đây hai giờ. Mẹ con nhà Hoth không ở đó.”

“Tôi biết.”

“Chúng từng ở đó, nhưng giờ thì không còn nữa.”

“Tôi biết.”

“Làm thế nào ông biết?”

“Chúng đã bỏ Leonid và bạn của hắn. Vì vậy chúng đã di chuyển tới nơi nào đó mà Leonid và bạn của hắn không biết. Âm mưu chòng chát âm mưu.”

“Tại sao chúng lại tố giác Leonid và bạn hắn?”

“Để kích lệ tinh thần mười ba tên khác. Và để nạp năng lượng cho cỗ máy. Chúng ta đánh chúng một chút, cánh truyền thông Ả-rập sẽ gọi đó là tra tấn, chúng sẽ có thêm chục tên mới gia nhập. Con số tăng là tám. Mà Leonid và bạn của hắn dù sao cũng chẳng phải mất mát lớn. Hai tên ấy vô dụng.”

“Liệu mười ba tên khác giỏi hơn không?”

“Định luật trung bình trả lời là có.”

“Mười ba là con số điên rồ.”

“Mười lăm, kể cả mẹ con nhà Hoth.”

“Ông không nên làm việc ấy.”

“Nhất là khi không có vũ khí.”

Theresa Lee liếc chiếc túi. Rồi cô nhìn lại tôi. “Ông có thể tìm ra chúng không?”

“Chúng làm gì để có tiền?”

“Chúng ta không thể lần ra chúng bằng cách đó. Chúng đã ngừng sử dụng thẻ tín dụng và ATM từ cách đây sáu ngày.”

“Đó là điều có thể hiểu.”

“Và làm chúng trở nên khó tìm.”

Tôi hỏi, “Jacob Mark ở Jersey an toàn chứ?”

“Ông nghĩ rằng ông ấy không nên dính vào à?”

“Không.”

“Còn tôi thì nên sao?”

“Cô đang dính vào rồi,” tôi nói. “Cô đã mang cho tôi chiếc túi.”

“Tôi đang bảo vệ nó.”

“Lực lượng chống khủng bố của các cô còn đang làm gì khác?”

“Lục soát,” Lee đáp. “Cùng với FBI và Bộ Quốc phòng. Bây giờ trên phố có sáu trăm người.”

“Họ tìm kiếm gì?”

“Bất kỳ địa điểm nào được mua hay thuê trong vòng ba tháng qua. Thành phố đang hợp tác. Cộng thêm việc họ đang điều tra bảng theo dõi khách của các khách sạn, các hợp đồng thuê căn hộ và hoạt động của các nhà kho, trong cả năm quận.”

“OK.”

“Thông tin người ta đang đồn đại là vụ này liên quan tới một tệp tin của Lầu Năm Góc chứa trong chiếc USB.”

“Gần đúng rồi đấy.”

“Ông biết nó nằm ở đâu chứ?”

“Khá gần.”

“Nó ở đâu?”

“Chẳng nơi nào giữa đại lộ Chín, đại lộ Park, phố 30 và phố 45.”

“Tôi cho là tôi đáng được cho biết.”

“Cô sẽ suy luận ra.”

“Ông thực sự biết chứ? Docherty cho là ông không biết. Anh ấy cho là ông đang cố gắng giở trò để thoát khỏi rắc rối.”

“Rõ ràng Docherty là một kẻ rất hoài nghi.”

“Hoài nghi hay đúng?”

“Tôi biết nó đang ở đâu.”

“Thế thì đi lấy đi. Hãy để mẹ con Hoth cho người khác.”

Tôi không trả lời câu này. Thay vào đó tôi nói, “Cô có dành nhiều thời gian cho phòng tập thể dục không?”

“Không nhiều lắm,” Lee đáp. “Sao thế?”

“Tôi đang bận khoản không hiểu không chế cô khó đến mức nào.”

“Không khó lắm,” cô đáp.

Tôi không nói gì.

Cô hỏi, “Ông dự định lên đường khi nào?”

“Hai tiếng nữa,” tôi đáp. “Và thêm hai giờ để tìm kiếm chúng, rồi tấn công vào lúc 4 giờ sáng. Thời điểm tôi ưa thích. Một điều chúng ta học được từ cánh Xô viết. Họ đã cho bác sĩ nghiên cứu về điều đó. Người ta ít tỉnh táo vào lúc 4 giờ sáng. Đó là sự thật của toàn nhân loại.”

“Ông bịa ra thôi.”

“Không phải đâu.”

“Ông sẽ không tìm ra chúng trong vòng hai giờ.”

“Tôi nghĩ là có.”

“Tệp đang bị mất liên quan tới Sansom, phải không?”

“Một phần.”

“Ông ta biết rằng ông có nó chứ?”

“Tôi không có nó. Nhưng tôi biết nó ở đâu.”

“Ông ta biết điều đó chứ?”

Tôi gật đầu.

Lee nói, “VẬY là ông đã mặc cả với ông ta. Cho tôi, Docherty và Jacob Mark khỏi rắc rối, rồi ông sẽ dẫn ông ta tới chỗ nó.”

“Trước tiên và quan trọng nhất, mặc cả là nhằm đưa bản thân tôi ra khỏi rắc rối.”

“Không có hiệu quả với ông. Ông vẫn đang nằm trong danh sách truy bắt của cơ quan điều tra liên bang.”

“Xét tới liên quan đến NYPD thì nó có hiệu quả với tôi.”

“Và nó hiệu quả cho tất cả những người còn lại trong chúng ta. Cảm ơn ông về điều đó.”

“Không có gì đâu.”

Lee hỏi, “Nhà Hoth đang tính cách thoát khỏi Mỹ bằng cách nào?”

“Tôi không nghĩ chúng đang tính thế. Tôi nghĩ lựa chọn đó đã biến mất cách đây vài ngày. Tôi nghĩ chúng đã trông chờ mọi việc diễn ra thuận lợi, nhưng hóa ra không thế. Giờ thì chúng phải hoàn thành công việc, làm hoặc chết.”

“Như một nhiệm vụ cảm tử à?”

“Đó là việc chúng giỏi làm.”

“Là việc khiến tình hình với ông tồi tệ hơn.”

“Nếu chúng thích tự sát, tôi rất vui lòng giúp đỡ.”

Lee nhúc nhích trên giường, đuôi áo lụa mắc phía dưới người cô và căng ra phía trên hình thù một khẩu súng ở hông. Tôi đoán là một khẩu Glock 17, trong bao súng mỏng.

Tôi hỏi Lee, “Ai biết cô đang ở đây?”

“Docherty,” cô đáp.

“Anh ta nghĩ khi nào cô sẽ về?”

“Ngày mai,” Lee đáp.

Tôi chẳng nói gì.

Lee hỏi, “Bây giờ ông muốn làm gì?”

“Muốn trả lời thành thực hả?”

“Làm ơn đi.”

“Tôi muốn cởi khuy áo của cô.”

“Ông nói điều đó với nhiều sĩ quan cảnh sát hả?”

“Trước đây thường thế. Sĩ quan cảnh sát là tất cả những người tôi biết.”

“Hiểm nguy khiến ông nổi hứng sao?”

“Phụ nữ khiến tôi nổi hứng.”

“Tất cả phụ nữ à?”

“Không,” tôi nói. “Không phải tất cả phụ nữ.”

Lee im lặng một lúc khá lâu rồi nói, “Không phải ý hay.”

Tôi nói, “OK.”

“Ông coi đó là câu trả lời không đầy hả?”

“Tôi không phải coi thế hay sao?”

Lee im lặng một lúc khá lâu nữa rồi nói, “Tôi đã đổi ý.”

“Về chuyện gì?”

“Về chuyện đó không phải ý hay.”

“Tuyệt vời.”

“Nhưng tôi đã từng tham gia đội phòng chống tội phạm đạo đức trong một năm. Đặt bẫy bắt tại trận. Chúng tôi cần bằng chứng rằng gã nọ có mong đợi khá cao về cái hấn nghĩ mình sẽ được. Thế nên trước tiên chúng tôi buộc hấn cởi áo ra. Như là bằng chứng về ý định.”

“Tôi có thể làm việc ấy,” tôi nói.

“Tôi nghĩ ông nên làm.”

“Cô sẽ bắt tôi chứ?”

“Không.”

Tôi cởi chiếc áo phong mới khỏi đầu. Ném về một bên phòng. Nó rơi xuống bàn. Lee mắt một lúc chăm chăm nhìn vết sẹo của tôi, đúng như Susan Mark đã nhìn khi trên tàu. Những đường chỉ nổi khùng khiếp từ vết thương do vụ đánh bom xe vào doanh trại ở Beirut. Tôi để cho cô nhìn một phút rồi nói, “Đến lượt cô. Với chiếc sơ mi.”

Cô nói, “Tôi là kiểu phụ nữ truyền thống.”

“Thế nghĩa là sao?”



“Ông sẽ phải hôn tôi trước.”

“Tôi có thể làm việc ấy,” tôi nói. Và tôi làm. Từ từ, nhẹ nhàng, ban đầu hơi ngập ngừng, theo kiểu thăm dò, và theo kiểu cho tôi thời gian thưởng thức cái miệng mới, vị mới, hàm răng mới, cái lưỡi mới. Tất cả đều tuyệt. Rồi chúng tôi đi qua giai đoạn khởi động và thực hiện việc ấy mạnh mẽ hơn. Một phút sau chúng tôi hoàn toàn mất kiểm soát.

Sau đó Lee tắm rửa, rồi đến tôi. Cô mặc quần áo, rồi tới tôi. Cô hôn tôi thêm một lần, và bảo tôi hãy gọi nếu cần cô, chúc tôi may mắn rồi bước ra khỏi cửa. Cô để lại chiếc túi đen trên sàn gần phòng tắm.

TÔI NHẮC CHIẾC TÚI LÊN GIƯỜNG. KHOẢNG GẦN BỐN KÝ, tôi đoán vậy. Nó chạm xuống lớp ga dày làm phát ra âm thanh kim loại thật dễ chịu. Tôi kéo khóa, tách hai mép túi cho rộng ra như cái miệng rồi nhìn vào bên trong.

Thứ đầu tiên tôi trông thấy là một bì kẹp hồ sơ.

Nó có kích thước bằng loại đựng hồ sơ luật, có màu ka ki, làm bằng giấy dày hoặc bì mỏng, tùy theo quan điểm người nhìn. Trong đó có hai mươi một trang in. Thông tin nhập cảnh, của hai mươi một người riêng biệt. Hai phụ nữ, mười chín nam giới. Công dân Turkmenistan. Chúng đã từ Tajikistan nhập cảnh vào Mỹ cách đây ba tháng. Các hành trình có liên quan tới nhau. Có những tấm ảnh kỹ thuật số và vân tay kỹ thuật số, gửi từ các bàn làm thủ tục nhập cảnh ở sân bay JFK. Các bức ảnh hơi bị méo mó một chút do hiệu ứng mắt cá. Chúng đều là ảnh màu. Tôi dễ dàng nhận ra Lila và Svetlana. Cùng Leonid và tay bạn hắn. Tôi không biết mười bảy gã kia. Bốn trong số đó có dấu đã xuất cảnh. Chúng là bốn tên đã rời khỏi Mỹ. Tôi ném những trang thông tin của bốn tên này vào thùng rác và rải lên giường các trang về mười ba tên tôi chưa biết để xem rõ hơn.

Cả mười ba gương mặt đều trông buồn chán mệt mỏi. Các chuyến bay ở nước chúng ra đi, móc nối, một chuyến bay dài băng ngang đại dương, lệch múi giờ, khoảng thời gian chờ đợi dài ở khu làm thủ tục xuất nhập cảnh của sân bay JFK. Mắt sung sĩa ngó máy ảnh, mặt giữ thẳng, hai mắt ngược lên phía ống kính. Điều đó cho tôi biết rằng cả mười ba tên đều tương đối thấp. Tôi xác minh điều này bằng trang thông tin về Leonid. Ảnh

mắt của hắn cũng chán chường mệt mỏi hết như những tên khác, song ở tầm ngang. Hắn là tên cao nhất trong đám đó. Tôi xem trang của Svetlana. Bà ta là người lùn nhất. Những kẻ khác đều cao lưng chừng giữa hai người này, là những gã đàn ông Trung Đông nhỏ, dẻo dai, từ xương cốt đến cơ bắp và gân đều quắt queo do khí hậu, chế độ ăn uống và văn hóa của nơi đó. Tôi nhìn chúng thật kỹ, từ tên một đến tên mười ba, nhìn tới nhìn lui, cho tới khi đầu tôi ghi nhớ rõ những hình ảnh của chúng.

Rồi tôi trở lại với chiếc túi.

Ít nhất là tôi hy vọng có một khẩu súng tốt. Nhiều nhất là tôi hy vọng có một khẩu tiểu liên. Mục đích của tôi khi nói với Springfield về chiếc áo khoác lưng thùng là cho anh ta hiểu rằng tôi sẽ có chỗ mang thứ gì đó dưới lớp áo, treo cao bên trên ngực tôi bằng một cái đai rút ngắn, và được che kín bởi lớp sợi vải thưa được kéo khóa phía ngoài. Tôi đã hy vọng anh ta sẽ hiểu được ý ấy.

Springfield đã hiểu. Anh ta đã nhận được thông điệp. Anh ta đã hiểu hết một cách tinh tế.

Tốt hơn mức tối thiểu.

Thậm chí tốt hơn khả năng tốt nhất.

Anh ta đã mang cho tôi một khẩu tiểu liên *giảm thanh*. Một khẩu Heckler & Koch MP5SD. Phiên bản giảm thanh của dòng MP5 cơ bản. Không thân không báng. Chỉ có một tay nắm, một vòng cò, một chỗ chứa băng đạn cong gồm ba mươi viên, rồi tới nòng dài mười lăm phân bị làm cho bẹt hẳn ra bởi một lớp vỏ giảm thanh hai lớp. Đạn cỡ chín ly, nhanh, chính xác, yên lặng. Một món vũ khí tốt. Nó có quai đeo bằng nylon đen. Quai đeo đã được thắt vào và cắt cho tới mức tối thiểu mà vẫn đảm bảo sử dụng tiện lợi. Cứ như Springfield đang nói: *Tôi hiểu rồi, ông bạn.*

Tôi đặt khẩu súng lên giường.

Anh ta cũng đã cung cấp đạn. Chúng nằm ngay trong túi. Một hộp đạn cong duy nhất. Ba mươi viên. Ngắn, to, vỏ đạn đồng sáng loáng lấp lánh dưới ánh đèn, các đầu đạn chì được đánh gần như sáng rực. Đạn Parabellum cỡ chín ly. Theo câu phương châm bằng tiếng La tinh *Si vis pacem para bellum. Nếu anh ước có hòa bình, hãy chuẩn bị chiến tranh.* Một câu nói khôn ngoan. Nhưng ba mươi viên đạn không phải nhiều. Không phải để chống lại mười lăm người. Nhưng thành phố New York không dễ dàng. Không dễ với tôi, không dễ với Springfield.

Tôi xếp hộp đạn bên cạnh khẩu súng.

Kiểm tra chiếc túi thêm một lần, đề phòng còn đạn nữa.

Không có.

Nhưng có một món kiểu như thưởng thêm vào.

Một con dao.

Một con dao kiểu Benchmade 3300. Loại cán bấm màu đen. Cơ chế tự mở. Bị cấm sử dụng ở tất cả năm mươi bang, trừ phi ta là người của cơ quan thực thi pháp luật hoặc quân nhân tại ngũ, mà tôi lại không phải thế. Tôi dùng ngón tay bấm nút, lưỡi dao bật ra nhanh và mạnh. Một con dao găm hai lưỡi có đầu nhọn. Dài mười phân. Tôi chẳng phải kẻ cuồng dao. Tôi không thích riêng loại món vũ khí nào. Tôi không thực sự thích loại nào. Nhưng nếu bảo tôi dựa vào một thứ để chiến đấu, tôi sẽ chọn một món gần với những thứ Springfield đã cung cấp. Loại có cơ chế tự động, lưỡi hai mặt, mũi nhọn. Cho người thuận bất kỳ tay nào, tốt cho việc đâm, tốt cho việc rạch dù ở tư thế móc vào hay vung ra.

Tôi gập dao lại để trên giường, cạnh khẩu H & K.

Có hai món đồ cuối cùng trong túi. Một găng tay bằng da, màu đen, có kích thước và dáng hợp với bàn tay trái to lớn của một người đàn ông.

Một cuộn băng keo đen. Tôi đặt cả lên giường, thẳng hàng với khẩu súng, băng đạn và con dao.

Ba mươi phút sau tôi đã ăn mặc chỉnh tề, trang bị đầy đủ và đi về phía Nam trên chuyến tàu tuyến R.

TÀU TUYẾN R DỪNG TOA CŨ HƠN với vài ghế đơn ở hai đầu trước sau quay mặt vào nhau. Nhưng tôi lại ngồi ở băng ghế dài bên thành toa, hoàn toàn một mình. Lúc này là hai giờ sáng. Có ba hành khách khác. Tôi tì hai khuỷu tay lên đầu gối, chăm chăm nhìn vào hình ảnh của chính mình trên tấm kính đối diện.

Tôi đang đếm các gạch đầu dòng.

Ăn mặc không thích hợp: duyệt. Chiếc áo gió được kéo khóa lên tới tận cằm tôi, trông quá nóng và quá to so với tôi. Dưới lớp áo, quai của khẩu MP5 quấn quanh cổ tôi và khẩu súng vắt chéo người tôi, tay cầm phía trên, nòng chúc xuống, không lộ chút nào.

Đi như robot: không áp dụng được ngay với một nghi phạm ngồi trên phương tiện giao thông công cộng.

Các điểm từ ba tới sáu: sự khó chịu, đổ mồ hôi, tật giật cơ, hành vi lo lắng. Tôi đang đổ mồ hôi, rõ là thế, có lẽ ra mồ hôi còn nhiều hơn so với nhiệt độ và chiếc áo khoác gây ra. Tôi cũng đang cảm thấy khó chịu, có lẽ nhiều hơn một chút so với thông thường. Nhưng tôi nhìn kỹ mình trong tấm kính mà không thấy biểu hiện giật cơ nào. Hai mắt tôi vẫn giữ yên còn gương mặt bình thản. Tôi cũng không thấy hành vi lo lắng.

Nhưng hành vi là biểu hiện bên ngoài. Tôi hơi lo lắng bên trong. Điều này chắc quá rồi.

Điểm thứ bảy: hơi thở. Tôi không thở gấp. Nhưng tôi sẵn sàng chấp nhận rằng tôi đang thở mạnh hơn một chút và ổn định hơn so với thông thường. Hầu hết thời gian tôi không hề ý thức về hơi thở chút nào. Cứ là thở, tự động thôi. Một phản xạ vô điều kiện, nằm sâu trong não bộ. Nhưng bây giờ tôi có thể cảm nhận được nhịp điệu hít qua mũi và thở ra đằng miệng không ngừng. Vào, ra, vào, ra. Như cái máy. Như một người đang sử dụng thiết bị, ở dưới nước. Tôi không thể làm chậm nhịp lại. Tôi không cảm nhận được nhiều ôxy trong không khí. Nó đi vào và đi ra như khí trơ. Như khí hiếm argon hay xenon. Nó chẳng tốt cho tôi chút nào.

Điểm thứ tám: nhìn chăm chăm về phía trước. Duyệt, song tôi tự bào chữa cho mình bởi tôi dùng nó để đánh giá tất cả những điểm khác. Hoặc bởi nó là biểu tượng của sự chú ý thuần túy. Hoặc sự tập trung. Thông thường tôi nhìn quanh chứ không chăm chăm.

Điểm thứ chín: lâm râm cầu nguyện. Không có. Tôi vẫn ngồi yên và im lặng. Miệng tôi khép, không mấp máy chút nào. Thực ra miệng tôi ngậm chặt đến mức răng phía trong đau còn cơ ở góc hàm lồi lên như quả bóng đánh gôn.

Điểm thứ mười: một cái túi to. Không có.

Điểm thứ mười một: hai tay để trong túi. Không thấy.

Điểm thứ mười hai: râu mới cạo. Không xảy ra. Vài ngày rồi tôi chưa cạo râu.

Vậy là sáu trên mười hai. Tôi có thể là kẻ đánh bom tự sát hoặc có thể là không.

Và tôi có thể là kẻ tự sát hoặc có thể là không. Tôi đắm đắm nhìn vào hình ảnh của mình trên tấm kính mà hồi tưởng lại những hình ảnh đầu tiên tôi thấy về Susan Mark: *một phụ nữ đang hướng đến đoạn cuối của cuộc đời, cũng chắc chắn và quyết tâm như con tàu đang hướng đến cuối tuyến.*

Tôi nhấc hai khuỷu tay khỏi đầu gối và ngồi thẳng lại. Tôi nhìn những hành khách cùng toa. Hai đàn ông, một phụ nữ. Bất kỳ ai trong họ cũng chẳng có gì đặc biệt. Con tàu lao về hướng Nam, cùng tất cả những âm thanh nó có. Luồng không khí rần rật, tiếng va đập của các khớp nối bù dưới bánh xe sắt, tiếng cọ giữa bộ gom dòng với đường ray, tiếng rên xiết của động cơ, tiếng rít lên khi các toa xe tròng thành từng toa từng toa một nối đuôi nhau qua các khúc cua dài. Tôi nhìn lại hình ảnh của mình trên ô cửa sổ tối đối diện và mỉm cười.

Tôi chống lại chúng.

Không phải lần đầu tiên.

Và cũng không phải lần cuối cùng.

Tôi xuống tàu ở phố 34 và ở trong ga. Chỉ ngồi trong cái nóng trên băng ghế gỗ mà dượt lại tất cả mọi giả thiết một lần nữa. Tôi nhớ lại bài học lịch sử của Lila Hoth về thời Đế chế Anh: *khi tính toán một cuộc tấn công, điều trước tiên ta phải dự kiến là cuộc thoái lui không thể tránh.* Liệu đám chỉ huy của cô ta ở quê nhà có làm theo lời khuyên thông thái ấy? Tôi cá là không. Vì hai lý do. Thứ nhất, sự cuồng tín. Các tổ chức hoạt động vì ý thức hệ không thể cân nhắc lý lẽ. Bắt đầu tư duy hợp lý là mọi thứ tan vỡ ngay. Và các tổ chức hoạt động vì ý thức hệ thích đẩy các chiến binh chân đất của chúng vào những chiến dịch không có đường ra. Để thúc đẩy sự kiên cường. Chính vì thế mà các đại thuốc nổ được khâu lại với nhau ở phía sau, chứ không phải dùng khóa kéo hay cúc bấm.

Và thứ hai, một kế hoạch thoái lui mang theo mầm mống của sự tự hủy diệt. Không thể tránh khỏi. Nơi ẩn náu thứ ba, thứ tư hay thứ năm được mua hay thuê cách đây ba tháng sẽ xuất hiện trong hồ sơ theo dõi của thành phố. Những lần đặt chỗ khách sạn chỉ để phòng cũng sẽ xuất hiện trong ấy. Những lượt đặt chỗ trong cùng một ngày cũng thế. Sáu trăm nhân viên điều tra liên bang đang càn quét đường phố. Tôi cho là họ sẽ chẳng tìm được gì, bởi những tay vạch kế hoạch sống ở vùng đồi núi xa xôi kia đã dự



đoán trước động thái của họ. Chúng sẽ biết rằng ngay khi mùi bị phát hiện ra thì mọi dấu vết đều sẽ bị đào xới tới cùng. Chúng biết rằng về lý thuyết điểm đến an toàn duy nhất là điểm đến không nằm trong kế hoạch.

Thế nên mẹ con nhà Hoth giờ này đang lang thang ngoài đường. Cùng với toàn bộ đội của chúng. Hai nữ, mười ba nam. Chúng đã bỏ nơi ẩn náu trên phố 58 và đang chiến đấu, đang ứng phó với tình hình, đang bò dưới tầm ra đa.

Đó chính xác là nơi tôi đã sống. Chúng đang trong thế giới của tôi.

Một mất một còn.

Tôi từ dưới mặt đất đi lên quảng trường Herald, là nơi đại lộ Sáu, Broadway và phố 34 gặp nhau.

Ban ngày nơi đây lộn xộn như vườn thú. Cửa hiệu bách hóa Macy ở đây. Ban đêm nơi này không vắng vẻ, nhưng yên tĩnh. Tôi theo đại lộ Sáu đi về phía Nam rồi theo phố 33 về phía Tây và bước dọc những đường lát gạch cũ đã bạc màu nơi tôi đã trả tiền để có được một đêm duy nhất trong tuần không bị quấy rối. Khẩu MP5 nặng, cứng tì vào ngực tôi. Nhà Hoth chỉ có hai lựa chọn, ngủ ngoài phố hoặc trả tiền mua chuộc một nhân viên khuân vác hành lý trực đêm. Manhattan có vài trăm khách sạn, song có thể dễ dàng phân loại chúng thành nhiều nhóm. Hầu hết là khách sạn hạng trung trở lên, những nơi này đông nhân viên và cái trò ma kia không thể phát huy được. Hầu hết các khách sạn rẻ tiền có quy mô nhỏ. Mà đám nhà Hoth có tới mười lăm người cần nghỉ. Ít nhất năm phòng. Để tìm năm phòng trống mà không gây chú ý, phải tìm một nơi lớn. Có nhân viên bốc hành lý biến chất trực đêm một mình. Tôi biết khá rõ về New York. Tôi có thể thấu hiểu thành phố, đặc biệt từ các góc độ mà hầu hết người bình thường không xét tới. Và tôi có thể biết số các khách sạn cũ rộng lớn ở Manhattan có nhân viên bốc hành lý biến chất làm đêm một mình chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Một khách sạn nằm mãi tận phía Tây trên phố 23.

Xa điếm hành động, là lợi thế nhưng cũng là một bất lợi. Nhìn chung là bất lợi nhiều hơn.

Lựa chọn thứ hai, tôi cho là thế.

Tôi đang đứng ngay cạnh lựa chọn khác duy nhất.

Đồng hồ trong đầu tôi đã nhảy sang hơn hai rưỡi sáng. Tôi đứng trong góc khuất, đợi. Tôi không muốn sớm hay muộn. Tôi muốn xác định thời điểm chính xác. Tôi có thể thấy bên trái lẫn phải xe cộ chạy về mạn trên theo đại lộ Sáu và về mạn dưới theo đại lộ Bảy. Taxi, xe tải, một số là xe dân sự, một số là xe cảnh sát, một số là xe sedan tối màu. Bản thân con phố ngang thì lại yên tĩnh.

Đến 3 giờ kém 15 tôi đẩy lưng khỏi bức tường, quanh qua góc phố và tới cửa khách sạn.

CŨNG TAY BỐC HÀNH LÝ ẤY ĐANG TRỰC. Một mình. Anh ta đang ngồi ườn trên ghế sau quầy mà lơ đãng nhìn vào khoảng không. Nơi sảnh có mấy tấm gương cũ mờ đục. Chiếc áo khoác của tôi phồng lên phía trước. Tôi thấy như mình có thể nhìn rõ hình thù tay nắm khẩu MP5, đường cong của băng đạn và đầu nòng. Nhưng tôi biết mình đang nhìn gì. Tôi cho là tay bóc hành lý thì không.

Tôi bước tới chỗ anh ta mà hỏi, “Nhớ tôi chứ?”

Anh ta không trả lời có. Chẳng bảo là không. Chỉ làm điệu bộ nhún vai có thể hiểu kiểu gì cũng được, mà tôi cho là lời mời đàm phán để ngỏ.

“Tôi không cần phòng,” tôi nói.

“Thế ông cần gì?”

Tôi lấy ra khỏi túi năm tờ hai mươi đô. Một trăm đô. Gần như toàn bộ số tiền tôi còn lại. Tôi phẩy phẩy mấy tờ giấy bạc để anh ta có thể thấy cả năm con số gồm hai chữ số rồi đặt lên quầy.

Tôi nói, “Tôi cần biết các số phòng anh đã cho người ta vào trú lúc khoảng nửa đêm.”

“Người nào?”

“Hai phụ nữ, mười ba đàn ông.”

“Lúc khoảng nửa đêm chẳng có ai đến.”

“Một trong hai người phụ nữ là một con nhỏ ngon lành. Trẻ. Mắt xanh sáng. Không dễ quên.”

“Chẳng ai đến hết.”

“Anh chắc chắn chứ?”

“Chẳng ai đến hết.”

Tôi đẩy năm tờ giấy bạc về phía anh ta. “Anh hoàn toàn chắc chứ?”

Anh ta đẩy trả mấy tờ giấy bạc ngay lại.

Tay bốc hành lý nói, “Tôi thích lấy tiền của ông, tin tôi đi. Nhưng tối nay không có ai tới cả.”

Tôi không đi tàu điện ngầm. Thay vào đó tôi đi bộ. Một rủi ro có tính toán. Đi bộ thì tôi đâm ra dễ lộ mặt hơn trước đám nhân viên điều tra liên bang vô tình có mặt quanh đó, nhưng tôi muốn chiếc điện thoại di động của mình hoạt động. Tôi đã kết luận rằng điện thoại di động không hoạt động trên tàu điện ngầm. Tôi chưa từng thấy ai dùng di động dưới đó bao giờ. Chắc không phải do lịch sự duyên dáng. Chắc do không có tín hiệu. Thế nên tôi cuốc bộ. Tôi theo phố 32 để đến Broadway, rồi theo Broadway đi về phía Nam, qua các đại lý bán hành lý, các cửa hàng bán đồ nữ trang rẻ tiền, cửa hàng bán si nước hoa rôm, tất cả đã đóng kín và kéo cửa sập khi đêm xuống. Ở khu này tất cả đều tối tăm lộn xộn. Một khu dân cư nhỏ. Chả khác nào tôi đang có mặt ở Lagos hoặc Sài Gòn.

Tôi dừng lại một chút ở góc phố 28 cho một chiếc taxi lướt qua.

Điện thoại trong túi tôi bắt đầu rung.

Tôi lùi lại phố 28, ngồi xuống một mái hiên khuất bóng và mở nắp điện thoại.

Lila Hoth nói, “Thế nào?”

Tôi nói, “Tôi không tìm được cô.”

“Tôi biết chứ.”

“Thế nên tôi sẽ thỏa thuận.”

“Ông sẽ thỏa thuận hả?”

“Cô có bao nhiêu tiền mặt?”

“Ông muốn bao nhiêu?”

“Toàn bộ.”

“Ông có chiếc USB chứ?”

“Tôi có thể nói cho cô biết chính xác nó đang ở đâu.”

“Nhưng thực tế là ông không giữ nó à?”

“Không.”

“Vậy thứ ông đã cho chúng tôi xem khi ở khách sạn là gì?”

“Là đồ nhử.”

“Năm mươi ngàn đô.”

“Một trăm ngàn.”

“Tôi không có một trăm ngàn.”

Tôi nói, “Các cô không thể lên xe buýt, lên tàu hay máy bay. Các cô không thể ra đi. Các cô rơi vào bẫy rồi, Lila. Cô sẽ chết ở đây. Cô chẳng muốn chết mà vẫn thành công hay sao? Cô chẳng muốn mình có thể gửi cái

thư điện tử mã hóa đó về nhà sao? Nhiệm vụ hoàn thành, cô không muốn à?”

“Bảy mươi lăm ngàn.”

“Một trăm ngàn.”

“Được rồi, nhưng đêm nay chỉ một nửa.”

“Tôi không tin cô.”

“Ông sẽ phải tin.”

Tôi nói, “Bảy mươi lăm ngàn, toàn bộ trong đêm nay.”

“Sáu mươi.”

“Đồng ý.”

“Ông đang ở đâu?”

“Mạn trên thành phố,” tôi nói dối. “Nhưng tôi đang di chuyển. Tôi sẽ gặp cô ở quảng trường Union trong bốn mươi phút nữa.”

“Đó là chỗ nào?”

“Broadway, giữa phố 14 và phố 17.”

“An toàn không vậy?”

“Đủ an toàn.”

“Tôi sẽ ở đó,” cô ta nói.

“Chỉ cô thôi đấy,” tôi nói. “Một mình.”

Lila bỏ máy.

Tôi đi qua hai dãy nhà tới góc phía Bắc của công viên quảng trường Madison và ngồi xuống một ghế băng, cách chừng một mét là một phụ nữ vô gia cư có chiếc xe đẩy mua hàng chất đồ cao ngất ngưỡng như xe tải chở đất. Tôi lần túi lấy tấm danh thiếp NYPD của Theresa Lee. Tôi đọc nó dưới ánh đèn đường lờ mờ. Tôi bấm số di động của cô. Sau năm hồi chuông, Lee bắt máy.

“Reacher đây,” tôi nói. “Em đã bảo anh là hãy gọi nếu anh cần em.”

“Em có thể làm được gì cho anh?”

“Anh vẫn không bị rắc rối với NYPD chứ?”

“Tuyệt đối không.”

“Vậy thì hãy thông báo cho lực lượng chống khủng bố của bọn em rằng trong bốn mươi phút nữa anh sẽ có mặt ở quảng trường Union, anh sẽ bị ít nhất là hai và có lẽ tối đa là sáu tên trong đội của Lila tiếp cận. Nói với người của em rằng bắt chúng là quyền của họ. Nhưng hãy bảo họ để cho anh yên.”

“Mô tả cụ thể?”

“Em đã nhìn vào cái túi, phải không? Trước khi em chuyển ấy?”

“Tất nhiên rồi.”

“Thế thì em đã thấy ảnh của chúng.”

“Chỗ nào ở quảng trường?”

“Anh sẽ chọn góc Tây Bắc.”

“Vậy là anh đã tìm thấy cô ta à?”

“Ngay nơi đầu tiên anh tìm. Cô ta ở trong một khách sạn. Cô ta đã trả tiền cho tay bóc hành lý làm đêm. Và làm anh ta sợ chết khiếp. Anh ta phủ

nhận mọi điều và đã dùng điện thoại ở quầy lễ tân gọi lên phòng cô ta ngay sau khi anh ra khỏi sảnh.”

“Làm thế nào anh biết?”

“Bởi chưa tới một phút sau đó cô ta gọi cho anh. Anh cũng thích sự trùng hợp như bất kỳ ai khác, nhưng canh thời gian như thế thì giỏi đến mức không thể có thật được.”

“Tại sao anh lại gặp người trong đội của cô ta?”

“Anh đã thỏa thuận với cô ta. Anh bảo cô ta tới một mình. Nhưng cô ta sẽ lừa anh, thay vào đó sẽ điều đến vài gã của cô ta. Nếu người của em tóm chúng thì sẽ có ích cho anh. Anh không muốn bắn toàn bộ bọn chúng.”

“Có lương tâm kia à?”

“Không, anh chỉ có ba mươi viên đạn. Như thế không thực sự đủ. Anh muốn phân chia đạn.”

Sau chín dãy nhà, tôi đi vào quảng trường Union. Tôi vòng quanh hết một lượt và đi theo cả hai đường chéo. Chẳng thấy gì khiến tôi lo ngại. Chỉ vài hình thù đang ngủ trên ghế băng. Một trong những khách sạn giá không đô la của thành phố New York. Tôi ngồi xuống gần tượng Gandhi đợi lũ chuột mò ra.



ĐÃ HẾT HAI MƯỜI PHÚT trong bốn mươi phút đợi, tôi trông thấy đội chống khủng bố của NYPD bắt đầu tập hợp. Hành động tốt. Họ đến bằng những chiếc sedan tối màu và những chiếc xe tải nhỏ tịch thu được đầy vết móp và xây xát. Tôi thấy một chiếc taxi hết ca đậu bên ngoài một quán cà phê trên phố 16. Tôi thấy hai người đàn ông từ băng ghế sau bước ra và băng ngang phố. Đếm được tất cả mười sáu người, và tôi sẵn sàng chấp nhận rằng mình đếm thiếu bốn hoặc năm người. Giá không biết trước, chắc tôi đã ngờ rằng có một buổi học võ thuật muộn kéo dài ở trung tâm thể dục vừa kết thúc. Tất cả những người này đều trẻ, gọn gàng, cơ bắp, di chuyển như vận động viên được đào tạo bài bản. Tất cả đều cầm túi xách tập thể dục. Tất cả đều ăn mặc không phù hợp. Họ mang áo khoác khởi động dành cho vận động viên của đội Yankee hoặc áo gió sẫm màu giống tôi, hoặc áo parka bông mỏng cứ như đã là tháng 11 vậy. Tôi đoán là để che áo giáp chống đạn Kevlar, có lẽ là che cả phù hiệu gắn vào dây đeo quanh cổ.

Chẳng ai trong số họ nhìn thẳng vào tôi song tôi có thể nói rằng họ đã phát hiện và nhận dạng được tôi. Họ hình thành nhóm hai ba người hoặc một người, tất cả đều bao quanh tôi, rồi lùi lại trong bóng tối và biến mất. Họ cứ thế tan vào khung cảnh xung quanh. Một số ngồi trên ghế băng, một số nằm ở các ô cửa gần đây, một số di chuyển tới những nơi tôi không trông thấy.

Hành động tốt.

Hết ba mươi trong số bốn mươi phút đợi, tôi cảm thấy rất lạc quan.

Năm phút sau, tôi không như thế.

Bởi các nhân viên điều tra liên bang xuất hiện.

Thêm hai chiếc xe hơi dừng lại, ngay ở phía tây quảng trường Union. Những chiếc Crown Vic được đánh dầu sáng bóng. Tám người đàn ông bước ra. Tôi cảm nhận được rằng các tay bên NYPD xông xáo. Cảm nhận được họ chăm chăm nhìn qua bóng tối, cảm nhận được họ đang liếc nhau, cảm nhận được họ đang hỏi: *Làm sao mà mấy thằng ấy lại đến đây chứ?*

Tôi có quan hệ tốt với cảnh NYPD. Với FBI và Bộ Quốc phòng thì không được thế.

Tôi liếc Gandhi. Ông ta chẳng nói với tôi điều gì.

Tôi lại rút điện thoại ra bấm phím xanh cho hiện số của Theresa Lee. Số máy của cô là số gần nhất tôi gọi. Tôi bấm phím xanh lần nữa để gọi. Lee bắt máy ngay.

Tôi nói, “Cảnh nhân viên điều tra liên bang đang ở đây. Làm sao lại xảy ra như thế?”

“Khốn nạn,” cô nói. “Hoặc là bọn họ đang theo dõi sĩ quan điều hành của bọn em hoặc một trong mấy gã của bọn em đang tìm công việc ngon hơn.”

“Đêm nay ai được ưu tiên?”

“Họ. Luôn thế. Anh nên chuồn khỏi đó thôi.”

Tôi gập điện thoại dứt trở lại túi. Tám gã từ hai chiếc Crown Vic bước vào bóng tối. Quảng trường trở nên yên tĩnh. Ở tám biển sáng đèn bên tay trái tôi có một chữ đèn bị lỗi. Nó bật tắt ngẫu nhiên theo những khoảng thời gian ngẫu nhiên. Tôi nghe tiếng lũ chuột ở lớp bồi phía sau.

Tôi đợi.

Hai phút. Ba phút.

Rồi khi đã hết ba mươi chín trong số bốn mươi phút, tôi cảm thấy phía xa bên phải tôi có cử động của con người. Tiếng giẫm chân, không khí xáo động, những khoảng trống trong bóng tối. Tôi quan sát và trông thấy những bóng người đang di chuyển qua những bóng khuất và ánh sáng lờ mờ.

Bảy người.

Đó là tin tốt. Bây giờ càng nhiều thì sau càng ít.

Và thật đáng hãnh diện làm sao. Lila đang mạo hiểm với hơn nửa lực lượng của mình, bởi cô ta nghĩ tôi là tay khó hạ.

Cả bảy gã đàn ông đều nhỏ con, gọn gàng, đầy cảnh giác. Tất cả đều ăn mặc giống tôi, những bộ quần áo sẫm màu đủ lủng thùng để che vũ khí. Nhưng chúng sẽ không bắn tôi. Yêu cầu của Lila là phải được biết tin, nó chẳng khác nào áo giáp chống đạn cho tôi. Chúng trông thấy tôi và dừng lại cách ba mươi mét.

Tôi ngồi yên.

Về lý thuyết, đây phải là phần dễ dàng. Chúng tiếp cận tôi, người của NYPD tiến vào, tôi bỏ đi làm công việc của mình.

Nhưng lại không dễ dàng khi đám nhân viên điều tra liên bang có mặt tại hiện trường. Trong trường hợp tốt nhất, họ muốn tóm toàn bộ lũ chúng tôi. Tệ nhất thì họ muốn tóm tôi hơn tóm những kẻ khác. Tôi biết chiếc USB đang ở đâu. Người của Lila thì không.

Tôi ngồi yên.

Cách ba mươi mét, bảy gã đàn ông tách ra. Hai tên đứng yên, chốt ở nửa giữa mé phải tôi. Hai tên tản sang trái và đi vòng, hướng sang sườn bên

kia tôi. Ba tên bước tiếp để bọc phía sau tôi.

Tôi đứng dậy. Hai tên bên phải tôi bắt đầu tiến vào. Hai tên bên trái mới thực hiện được nửa công việc áp sườn tôi. Ba tên sau lưng đã khuất tầm mắt. Tôi đoán mấy tay của NYPD đã sẵn sàng. Tôi cho là cánh điều tra liên bang cũng đang di chuyển.

Một tình huống dao động.

Tôi chạy.

Thẳng về phía trước, về phía mái ga tàu điện ngầm cách tôi sáu mét. Xuống cầu thang. Tôi nghe thấy tiếng bước chân dồn dập đuổi theo. Những tiếng vọng ồn ã. Một đám đông lớn. Có lẽ gần tới bốn chục người, tất cả bung ra trong một cuộc săn đuổi điên rồ.

Tôi tiến vào một hành lang lát gạch và trở lại ga dưới mặt đất. Lần này không có nhạc công vĩ cầm, chỉ có mùi không khí hôi hám, rác rến và một ông già đẩy cây chổi có đầu chổi chà rộng một mét đã xơ hết cả. Tôi chạy vọt qua ông ta, ngừng lại kin kít trên đôi giày mới, đổi hướng mà quay về phía ga cho tàu tuyến R chạy lên mạn trên thành phố. Tôi nhảy qua cổng xoay soát vé, lên sân ga, chạy cho đến tận cuối ga.

Rồi dừng lại.

Và xoay người.

Phía sau lưng, ba nhóm riêng rẽ chạy theo tôi, nhóm này sau nhóm kia. Đầu tiên là nhóm bảy tên của Lila Hoth. Chúng chạy rất nhanh về phía tôi. Chúng đã thấy rằng tôi chẳng có nơi nào để tiến. Chúng dừng lại. Tôi thấy vẻ mãn nguyện của đám sói trên khuôn mặt chúng. Rồi tôi thấy cái kết luận không thể tránh của chúng: thế này thì tốt đến mức không thể là thật được. Một số ý nghĩ chúng ta có thể hiểu rõ dù bằng bất kỳ thứ tiếng nào. Đột nhiên chúng quay lại và trông thấy đội chống khủng bố của NYPD rầm rập chạy ngay sau lưng.

Và ngay sau phía người của NYPD là bốn trong số tám nhân viên điều tra liên bang.

Chẳng có ai khác trên sân ga. Chẳng có thường dân nào. Trên sân ga đối diện cho tàu về mạn dưới thành phố là một tay cô độc trên ghế băng. Trẻ. Có lẽ đang xin. Có thể còn tệ hơn. Anh ta đang chăm chăm nhìn sang vụ náo loạn bất ngờ. Bây giờ là 4 giờ kém 20 sáng. Người đàn ông trông bối rối. Như thể anh ta không hiểu được gì mấy từ những gì mình đang chứng kiến.

Trông như một cuộc chiến giữa các băng đảng. Nhưng điều anh ta đang thực sự thấy là sự khổng chế nhanh chóng và hiệu quả của đám người NYPD. Chẳng ai trong họ ngừng chạy. Tất thấy họ đều dồn tới quát tháo, với vũ khí và phù hiệu trung rõ, và họ khai thác thể hình to lớn cùng lợi thế ba-chọi-một để tức thì áp đảo bảy gã kia. Không phản kháng. Không phản kháng chút nào. Họ dúm cả bảy gã xuống đất, đẩy chúng chúi lên phía trước và bập cồng vào cổ tay chúng lôi đi. Không ngừng lại. Chẳng có sự trì hoãn nào. Không có lời cảnh báo Miranda, chỉ có tốc độ và sự tàn nhẫn ở mức tối đa. Chiến thuật hoàn hảo. Chỉ vài giây sau họ đã biến mất. Những tiếng vọng vang lên rồi tắt hẳn. Ga trở nên yên tĩnh. Gã đàn ông phía đối diện vẫn chăm chăm nhìn nhưng đột nhiên anh ta nhận ra rằng anh ta chẳng trông thấy gì ngoài một sân ga yên lặng, một đầu có tôi đứng trơ một mình, và bốn nhân viên điều tra liên bang cách tôi mười mét. Chẳng có gì nằm giữa chúng tôi. Chẳng gì cả. Chỉ có ánh đèn sáng chói và không gian trống hoác.

Trong cả một phút không có gì xảy ra. Rồi phía bên kia những đường ray, tôi trông thấy bốn nhân viên điều tra liên bang khác xuất hiện trên sân ga cho tàu chạy về mạn dưới thành phố. Họ chiếm lĩnh vị trí đối diện trực tiếp với tôi và đứng yên. Tất cả đều mỉm cười, như thể họ vừa đi một nước thông minh trong ván cờ. Mà đúng thế. Vận dụng ngón băng ngang đường ray chẳng có ích gì. Bốn nhân viên điều tra bên phía tôi chắn giữa tôi và lối ra. Sau lưng tôi là một bức tường trắng trơn và miệng của đường hầm.

Chiều tương.

Tôi đứng yên. Hít vào bầu không khí hôi hám dưới mặt đất và lắng nghe tiếng rầm rì của quạt thông gió cùng tiếng ùng ục của những con tàu xa xa ở nơi khác trong hệ thống.

Tay nhân viên đứng gần tôi nhất rút ra một khẩu súng ẩn sau áo khoác.

Anh ta tiến một bước về phía tôi.

Anh ta nói, “Giơ tay lên.”

LỊCH HOẠT ĐỘNG VỀ ĐÊM. Các chuyến tàu cách nhau hai mươi phút. Chắc chúng tôi đã ở dưới này bốn phút. Vì vậy theo tính toán thông thường thì khoảng thời gian trống tối đa trước khi có chuyến tàu tiếp theo là mười sáu phút. Tối thiểu thì không có thời gian trống nào.

Nhưng điều tối thiểu đó không xảy ra. Đường hầm vẫn tối và yên tĩnh.

“Giơ tay lên,” tay nhân viên điều tra cầm đầu hô lần nữa. Anh ta là người da trắng, chừng bốn mươi tuổi. Chắc chắn từng qua quân đội. Bộ Quốc phòng, không phải FBI. Kiểu tương tự như ba tay tôi đã gặp. Nhưng có lẽ già hơn một chút. Có thể khôn ngoan hơn chút. Có thể giỏi hơn một chút. Có thể đây là đội hạng A, không phải đội hạng B.

“Tôi bán đây,” tay cầm đầu gọi to. Nhưng anh ta sẽ không bán. Chỉ đe dọa suông thôi. Họ muốn có chiếc thẻ nhớ. Tôi biết nó ở đâu. Họ thì không.

Khoảng thời gian trống trung bình trước khi có chuyến tàu tiếp theo là tám phút. Khả năng là nhiều hoặc ít hơn mức đó. Tay cầm khẩu súng tiến thêm một bước. Ba đồng sự của anh ta theo sau. Phía bên kia đường ray, bốn người còn lại đứng yên. Cậu thanh niên trên ghế băng đang quan sát, vẻ lơ đãng.

Đường hầm vẫn tối và yên lặng.

Tay nhân viên điều tra cầm đầu nói, “Tất cả những rắc rối này có thể qua đi trong một phút nữa. Chỉ cần cho chúng tôi biết nó đang ở đâu.”

Tôi nói, “Cái gì ở đâu?”

“Ông biết là gì rồi.”

“Rắc rối nào?”

“Chúng tôi đang mất dần kiên nhẫn đấy. Và ông đang bỏ qua một yếu tố quan trọng.”

“Là gì?”

“Cho dù ông có năng khiếu tư duy nào đi nữa, chẳng có gì bảo đảm đấy là năng khiếu độc nhất vô nhị cả. Thực ra có lẽ nó tương đối bình thường là khác. Nghĩa là nếu ông luận ra, chúng tôi cũng có thể luận ra. Nghĩa là sự tồn tại tiếp tục của ông trở nên thừa đối với nhu cầu của chúng tôi.”

“Vậy thì làm đi,” tôi nói. “Suy luận ra đi.”

Anh ta nâng súng lên cao hơn, thẳng hơn. Đó là khẩu Glock 17. Có lẽ khi nạp đủ đạn nó nặng hơn bốn trăm gam. Cho đến nay đây là loại súng ngắn nhẹ nhất trên thị trường. Một phần làm bằng nhựa. Tay này có hai cánh tay mập, ngắn. Có lẽ anh ta có thể mãi mãi đứng ở tư thế đó được.

“Cơ hội cuối cùng đấy,” anh ta nói.

Phía bên kia đường ray, tay thanh niên đứng lên khỏi ghế bỏ đi. Những sải chân dài không đều, không hoàn toàn theo một đường thẳng. Anh ta sẵn sàng phí một lượt quẹt thẻ mất hai đô để đổi lấy một cuộc đời tĩnh lặng. Anh ta đến lối ra và biến mất khỏi tầm nhìn.

Không có nhân chứng nào.

Khoảng thời gian trống trung bình trước khi có chuyến tàu tiếp theo, có lẽ là sáu phút.



Tôi nói, “Tôi không biết các ông là ai.”

Tay cầm đầu nói: “Nhân viên điều tra liên bang.”

“Chúng mình đi.”

Anh ta vẫn giữ cho khẩu súng nhắm vào giữa ngực tôi nhưng gạt đầu làm hiệu với tay đứng sau mình, người này bước ra, tiến lên vành đai trắng giữa hai chúng tôi. Người này dừng ở đó, thò một tay vào túi trong áo khoác lấy ra một ví da đựng phù hiệu. Anh ta nâng lên ngang tầm mắt trước tôi và thả cho nó mở ra. Trong đó có hai loại giấy tờ riêng. Tôi chẳng thể đọc nổi loại nào trong số đó. Quá xa, và cả hai lại đều nằm sau những ô nhựa đã trầy xước.

Tôi tiến lên.

Anh ta tiến lên.

Tôi lên cách anh ta hơn một mét và thấy một loại chứng minh thư tiêu chuẩn của Tình báo Quân sự ở ô trên của chiếc ví. Nó trông có vẻ là đồ thật, còn hạn sử dụng. Ở ô dưới là lệnh hay giấy ủy nhiệm tuyên bố rằng người giữ nó được phép nhận mọi hỗ trợ do anh ta đang làm việc trực tiếp cho Tổng thống Mỹ.

“Rất hay,” tôi nói. “Thú làm việc kiếm ăn.”

Tôi lùi lại.

Anh ta lùi lại.

Tay nhân viên điều tra cầm đầu nói, “Không khác gì việc ông làm hồi còn tại ngũ.”

“Hồi còn thời tiền sử,” tôi nói.

“Gì thế, vấn đề liên quan tới cái tôi à?”

Khoảng thời gian trống trung bình trước khi có chuyến tàu tiếp theo, năm phút.

“Đó là điều thực tế,” tôi nói. “Nếu ông muốn thực hiện việc gì đó cho chín chu, hãy tự làm.”

Tay cầm đầu hạ cánh tay xuống dưới phương ngang. Giờ thì anh ta đang nhắm vào hai đầu gối tôi.

“Tôi sẽ bán,” anh ta nói. “Ông không sử dụng đôi chân của mình để tư duy, nói hay ghi nhớ.”

Chẳng có nhân chứng nào.

Khi tất cả những cách thức khác đã thất bại, hãy bắt đầu nói chuyện.

Tôi hỏi, “Tại sao các ông muốn có nó?”

“Muốn cái gì?”

“Ông biết là gì rồi.”

“An ninh quốc gia.”

“Tấn công hay phòng thủ?”

“Tất nhiên là phòng thủ rồi. Nó sẽ hủy hoại uy tín của chúng ta. Nó sẽ kéo ta lùi lại nhiều năm.”

“Ông nghĩ thế hả?”

“Chúng tôi biết là thế.”

Tôi nói, “Hãy tiếp tục làm việc bằng các năng khiếu tư duy đó.”

Anh ta nhắm súng cho chuẩn hơn. Vào cẳng chân trái tôi.

Anh ta nói, “Tôi sẽ đếm tới ba.”

Tôi nói, “Chúc may mắn. Nếu giữa chừng các ông nghĩ không ra thì bảo tôi.”

Anh ta nói, “Một.”

Rồi: những thanh ray kêu lịch xịch ở đường ray bên cạnh tôi. Những âm thanh kim loại du dương chạy đến rất lâu trước cả con tàu lúc này còn đang trong đường hầm. Những âm thanh đó bị đuổi theo suốt cả quãng đường bởi luồng không khí nóng dồn lại và tiếng rít sâu hơn. Một đoạn cong ở tường đường hầm sáng lên vì ánh đèn pha. Chẳng gì xảy ra suốt một giây dài. Rồi con tàu sầm sập hiện ra, chạy rất nhanh, nghiêng đi vì độ cong của đoạn cua. Nó lúc lắc rồi thẳng lại, lấy lại tốc độ và rồi những má phanh ngoạm xuống, rên rỉ và rít lên, con tàu chậm dần lại và ghé dừng ngay cạnh chúng tôi, cùng với tất cả khối thép không gỉ sáng ngời và ánh sáng nóng, tiếng xuyt xuyt, ken két và rên rỉ.

Một chuyến tàu tuyến R chạy về mạn trên thành phố.

Có lẽ mười lăm toa, mỗi toa lác đác vài hành khách.

Các nhân chứng.

Tôi liếc trở lại tay cầm đầu toán nhân viên điều tra. Khẩu Glock của anh ta đã được nhét lại vào dưới áo khoác.

Chúng tôi đang ở mũi phía Bắc của sân ga. Tàu tuyến R dùng toa kiểu cũ. Mỗi toa có bốn cửa. Toa đầu tiên dừng lại ngay bên cạnh chúng tôi. Tôi ít nhiều đứng thẳng hàng với dãy cửa đầu tiên. Đám người của Bộ Quốc phòng gần với hàng cửa thứ ba và thứ tư hơn.

Những hàng cửa mở ra dọc theo toàn bộ chiều dài con tàu.

Ở phía cuối đoàn tàu, hai người bước ra. Họ bước đi và biến mất.

Những hàng cửa vẫn mở.

Tôi quay người xoay mặt về phía đoàn tàu.

Đám người của Bộ Quốc phòng xoay mặt về phía đoàn tàu.

Tôi bước về phía trước.

Họ bước về phía trước.

Tôi dừng lại.

Họ dừng lại.

Các lựa chọn: Tôi có thể lên tàu qua cửa thứ nhất, họ sẽ lên qua cửa thứ ba và thứ tư. *Vào cùng một toa.* Chúng tôi có thể cùng nhau đi tàu hết cả đêm. Hoặc tôi có thể để con tàu chạy đi mà không có tôi và trải qua tối thiếu thêm hai mươi phút nữa kẹt cứng với họ trên sân ga như lúc trước.

Những cánh cửa vẫn mở.

Tôi bước về phía trước.

Họ bước về phía trước.

Tôi bước vào trong toa.

Họ bước vào trong toa.

Tôi ngừng lại một chút rồi lại lùi khỏi toa. Trở lại sân ga.

Họ lùi ra.

Tất cả chúng tôi cùng đứng yên.

Những cánh cửa đóng lại trước mặt tôi. Như tấm rèm cuối cùng. Những miếng đệm cao su chống xóc chạm vào nhau.

Tôi cảm nhận được luồng điện trong không khí. Vôn và ampe. Nhu cầu rất lớn. Các động cơ quay tít và rên rỉ. Năm trăm tấn thép bắt đầu dịch

chuyển.

Tàu tuyến R dùng toa kiểu cũ. Chúng có những ván đỡ chân và các rãnh thoát nước mưa. Tôi nhào người về trước móc các ngón tay vào rãnh thoát nước mưa và dúi các ngón chân phải vào ván đỡ. Rồi tới bên trái. Tôi ép cả người vào khối kim loại và kính. Tôi ôm chặt lấy phần cong phía ngoài toa tàu như con sao biển. Khẩu MP5 dúi vào ngực tôi. Tôi bám chặt, bằng các ngón chân và ngón tay. Con tàu chuyển động. Gió tạt vào tôi. Rìa cứng của đường hầm lao thẳng vào tôi. Tôi nín thở, dang hai bàn tay và hai bàn chân ra rộng hơn và chúi đầu, áp má vào lớp kính. Con tàu hút chặt lấy tôi từ phía bên và lao vào đường hầm khi khoảng cách giữa tôi và tường hầm chỉ có khoảng mười lăm phân. Tôi liếc về phía sau qua khuỷu tay và thấy tay nhân viên điều tra cầm đầu đang đứng sững trên sân ga, một tay vò tóc, tay kia nâng khẩu Glock lên rồi lại hạ xuống.

ĐÚNG LÀ MỘT CHUYẾN ĐI TÀU KINH HOÀNG. Tốc độ kinh hoàng, bóng đen găm rít, tiếng ồn liên tiếp, những vật cản không nhìn ra nổi cứ lao thẳng vào tôi, sự dữ dội lên đỉnh điểm. Cả con tàu chao đảo, bật lên hạ xuống, rung, lắc bên dưới tôi. Mọi khớp nối đều đe dọa kéo tuột tôi ra. Tôi bám cả tám ngón tay vào đường thoát nước nông, đẩy mạnh đầu hai ngón tay cái lên trên và các ngón chân xuống dưới, giữ chặt một cách tuyệt vọng. Gió quất vào quần áo tôi. Những ô cửa lắc lư và rung dữ dội. Đầu tôi va nảy vào chúng như búa khoan.

Tôi đã đi tàu hết chín khối nhà trong tình trạng như thế. Rồi chúng tôi tới phố 23, tàu phanh gấp. Tôi chúi về phía trước, ngược với lực nắm chặt của tay trái và lực giữ của chân phải. Tôi bám thật chặt và với tình trạng lệch sang một bên ấy, tôi được con tàu đưa thẳng vào ánh sáng chói lóa của ga với tốc độ ba mươi dặm một giờ. Sân ga lướt qua rất nhanh. Tôi bám chặt vào toa đầu như đĩa bám. Nó dừng ngay ở đầu phía Bắc ga. Tôi cong người, những cánh cửa tách ra phía dưới. Tôi bước vào bên trong và ngồi thụp xuống ghế ở gần nhất.

Chín khối nhà. Có lẽ một phút. Đủ để chữa cho tôi khỏi bệnh lướt tàu điện ngầm đến hết đời.

Trong toa tôi có ba hành khách khác. Chẳng ai trong họ thậm chí để mắt tới tôi. Những cánh cửa khép chặt lại. Tàu tiếp tục hành trình.

Tôi xuống tàu ở quảng trường Herald. Nơi phố 34 gặp Broadway và đại lộ Sáu. 4 giờ kém 10 sáng, vẫn đúng kế hoạch. Tính từ phía Bắc điểm

tôi lên tàu ở quảng trường Union, tôi đã đi được hai mươi dặm nhà và khoảng bốn phút. Quá xa và quá nhanh đối với sự chống chọi có tổ chức của Bộ Quốc phòng. Tôi đi từ dưới đất lên và cuộc bộ từ Đông sang Tây dọc theo phía sườn hoành tráng của cửa hiệu Macy. Rồi tôi đi hết đại lộ Bays theo hướng Nam tới cửa khách sạn Lila Hoth đã chọn.

Tay nhân viên bốc hành lý ban đêm đang ngồi sau quầy. Tôi không kéo khóa áo khoác cho anh ta xem. Tôi nghĩ việc ấy không cần thiết. Tôi chỉ bước tới chỗ anh ta, khom người tới và vào tai anh ta. Tay này rơi khỏi chiếc ghế cao. Tôi nhảy qua quầy, túm lấy cổ gã dựng thẳng dậy.

Tôi nói, “Cho tôi biết số các phòng.”

Anh ta làm theo yêu cầu. Năm phòng riêng rẽ, không sát nhau, tất cả đều trên tầng tám. Anh ta cho tôi biết phòng có hai người phụ nữ. Các gã đàn ông chia nhau ở bốn phòng còn lại. Ban đầu có mười ba gã, có tám giường. Năm gã không gặp may.

Hoặc năm gã làm nhiệm vụ canh gác.

Tôi lấy cuộn băng keo đen khỏi túi và dùng chừng tám mét để buộc chân tay của gã bốc hành lý. Chỉ là món đồ giá một đô rưỡi ở cửa hàng bán đồ gia dụng song cũng là một trong các dụng cụ theo chuẩn của Lực lượng Đặc biệt, giá trị tương đương thiết bị liên lạc vệ tinh, hệ thống định vị hay súng trường giá cả ngàn đô. Tôi dính phần cuối cùng dài mười lăm phân qua miệng gã đàn ông. Tôi lấy thẻ từ mở khóa của anh ta. Chỉ giật phăng nó khỏi phần dây xoắn. Rồi tôi giấu anh ta khuất tầm mắt trên sàn phía sau quầy và hướng về phía thang máy. Vào trong, bấm chọn tầng cao nhất có trong ô số, số mười một. Hai cánh cửa khép lại và xe thang đưa tôi đi lên trên.

Lúc ấy thì tôi kéo khóa áo xuống.

Tôi chỉnh cho khẩu súng có góc đeo phù hợp với người mình rồi lấy găng tay da từ túi kia ra đeo vào tay trái. Khẩu MP5SD không có tay cầm

phía trước. Khác với dòng K to và ngắn có tay nắm bên dưới đầu nòng. Với dòng SD, ta đặt tay phải trên tay nắm và tay trái đỡ giá đặt nòng. Nòng súng phía trong có ba mươi lỗ khoan. Thuốc súng trong đạn không cháy cũng chẳng nổ. Nó vừa cháy vừa nổ. Nó bùng cháy. Nó tạo ra một bong bóng khí cực nóng. Một phần khí thoát ra qua ba mươi lỗ, làm giảm bớt tiếng ồn và khiến viên đạn bay chậm lại ở mức gần bằng tốc độ âm thanh. Giảm thanh cho một khẩu súng chẳng có ý nghĩa gì nếu viên đạn bắn ra với tốc độ siêu thanh. Đạn bay chậm là đạn không tiếng động. Cũng như súng trường bắn tia VAL. Khí thoát ra đi qua ba mươi lỗ, lan ra và xoáy tròn ở khoang giảm thanh phía trong. Rồi nó đi sang khoang thứ hai, lan thêm ra và xoáy tròn chút nữa. Lan ra làm khí mát đi. Nguyên tắc vật lý cơ bản. Nhưng không đáng kể. Có lẽ nó giảm từ mức siêu nóng xuống cực nóng. Và phần giá đỡ nòng phía ngoài bằng kim loại. Thế nên mới dùng găng tay. Không ai dùng khẩu MP5SD mà không có găng tay. Springfield là kiểu người biết nghĩ về mọi điều.

Cạnh bên trái khẩu súng là công tắc kết hợp khóa an toàn và lẫy chọn chế độ bắn. Tôi nhớ là dòng SD đời cũ có lẫy ba nấc. S, E và F. S là an toàn. E là bắn phát một, F là bắn tự động. Có lẽ là viết tắt theo chữ tiếng Đức. E là *ein*, đại loại thế, dù Heckler & Koch đã thuộc sở hữu của một công ty Anh từ lâu rồi. Tôi cho là họ đã quyết định rằng theo truyền thống vẫn hay. Nhưng Springfield đã mang cho tôi một khẩu đời mới. Dòng SD4. Nó có lẫy chọn bốn chế độ. Không có chữ viết tắt. Chỉ có hình vẽ minh họa. Để tiện cho người nước ngoài hoặc người sử dụng súng không biết chữ. Một vạch trắng là an toàn, hình một viên đạn nhỏ màu trắng là bắn phát một, hình ba viên là bắn loạt ba phát một, hình cả một chuỗi đạn dài là tự động bắn liên tục.

Tôi chọn bắn ba phát một. Kiểu tôi thích. Kéo cò một lần, xoay ba viên cỡ chín ly trong vòng một phần tư giây. Điều không thể tránh được là mũi súng chéch lên theo một góc, được giảm thiểu nhờ sự kiểm soát cẩn



thận và sức nặng của thiết bị giảm thanh, dẫn đến chuỗi ba vết thương chết người khá gọn theo một đường thẳng đứng dài chừng gần bốn phân.

Tốt cho tôi.

Ba mươi viên. Mười loạt. Tám mục tiêu. Mỗi mục tiêu một loạt, cộng thêm hai loạt dành cho trường hợp khẩn cấp.

Cửa thang máy mở ra ở tầng mười một, trong đầu tôi nghe thấy tiếng Lila Hoth nói về những chiến dịch từ rất lâu ở Korengal: *ta phải dành viên đạn cuối cùng cho bản thân, bởi ta không muốn bị bắt sống, nhất là bởi tay những phụ nữ bộ tộc.*

Tôi rời thang máy bước vào hành lang yên tĩnh.

Nguyên tắc chiến thuật tiêu chuẩn đối với bất kỳ cuộc tấn công nào: tấn công từ vị trí cao. Tầng tám ở dưới tôi ba tầng. Có hai lối xuống: cầu thang bộ hoặc thang máy. Tôi thích dùng cầu thang bộ hơn, đặc biệt khi sử dụng vũ khí giảm thanh. Chiến thuật phòng thủ khôn ngoan là bố trí một người ở cầu thang. Cảnh báo sớm cho bọn chúng. Xử lý đơn giản đối với tôi. Hắn có thể bị xử lý một cách yên lặng và dễ dàng.

Cầu thang có một cánh cửa xập xệ bên cạnh ô thang máy. Tôi khẽ mở cửa và bắt đầu tiến xuống. Các bậc cầu thang bằng bê tông đầy bụi. Mỗi tầng được đánh dấu bằng một con số lớn sơn bằng tay màu xanh. Tôi tiến êm ru xuống tới tầng chín. Sau đó là cực kỳ im lặng. Tôi ngừng lại ngó qua tay vịn bằng kim loại.

Không có người gác ngoài cầu thang.

Chiều nghỉ đầu cầu thang tầng tám chẳng có ai. Quả là đáng thất vọng. Nó khiến công việc phía bên kia cánh cửa khó khăn hơn hai mươi lăm phần trăm. Năm gã ngoài hành lang chứ không phải bốn gã. Và cách

phân bố phòng chúng tỏ rằng một số gã ở bên trái tôi, một số bên phải. Đội hình ba và hai, hoặc hai và ba. Một giây dài quay về hướng không thích hợp, rồi một cú ngoắt cực kỳ quan trọng.

Không dễ.

Nhưng đã là 4 giờ sáng. Ở mức tỉnh táo thấp nhất. Một sự thật chung cho cả nhân loại. Liên Xô đã nghiên cứu điều đó, qua các bác sĩ.

Tôi dừng ở phần cửa sát cầu thang và hít một hơi sâu. Rồi một hơi nữa. Tôi đặt bàn tay đeo găng lên tay nắm của súng. Tôi bỏ ngón tay khỏi vòng cò khẩu MP5.

Tôi kéo cửa.

Tôi giữ cánh cửa ở điểm tạo góc bốn mươi lăm độ với bàn chân tôi. Nhúc nhúc nòng khẩu MP5 trong bàn tay đeo găng. Quan sát và lắng nghe. Không có âm thanh nào. Không trông thấy gì. Tôi bước vào hành lang. Ngoắt về một phía. Rồi ngoắt về phía còn lại.

Không có ai ở đó.

Không có canh gác, không có gã cảnh giới nào, không gì cả. Chỉ có một dải thảm bện bản thủ, ánh sáng vàng lờ mờ và hai hàng cửa đóng chặt. Chẳng nghe thấy gì ngoài tiếng rầm rì, rung rinh của thành phố và tiếng còi hụ xa xa.

Tôi khép lại cánh cửa cạnh cầu thang phía sau lưng.

Tôi xem số phòng và bước nhanh tới phòng của Lila Hoth. Áp tai vào khe cửa nghe thật kỹ.

Tôi chẳng nghe thấy gì.

Tôi đợi. Tới cả năm phút. Mười phút. Không có tiếng động nào. Chẳng ai có thể đứng yên và im lặng lâu hơn tôi.

Tôi nhét thẻ mở cửa của gã bóc hành lý vào khe. Một ánh sáng đỏ nhỏ xíu. Rồi xanh. Rồi tiếng tạch. Tôi ấn mạnh tay nắm cửa xuống và có mặt trong phòng sau một phân tích tắc.

Căn phòng trống không.

Phòng tắm trống không.

Có những dấu hiệu cho thấy mới có người ở. Cuộn giấy vệ sinh đã lỏng ra và có vết xé rách. Bồn rửa ướt. Một khăn tắm đã được sử dụng. Giường có vết nhăn. Những chiếc ghế đã xô dịch.

Tôi kiểm tra bốn phòng còn lại. Tất cả đều trống không. Tất cả đều bị bỏ trống. Không bỏ lại gì. Không có bằng chứng nào cho thấy sẽ có sự trở lại ngay lập tức.

Lila Hoth, tiến trước một bước.

Jack Reacher, sau một bước.

Tôi bỏ găng tay, kéo khóa áo lên lần nữa và đi xuống sảnh. Tôi kéo gã bóc hành lý ban đêm cho ngồi dậy dựa lưng vào quầy, giật miếng băng keo khỏi miệng gã.

Gã nói, “Đừng có đánh tôi lần nữa.”

Tôi bảo, “Tại sao không?”

“Không phải lỗi của tôi,” gã nói. “Tôi đã nói sự thật. Ông hỏi tôi đã cho họ vào những phòng nào. Thì quá khứ.”

“Chúng đi lúc nào?”

“Khoảng mười phút sau lần đầu tiên ông tới.”

“Anh gọi cho chúng hả?”

“Tôi phải làm thế mà, ông anh.”

“Bọn chúng đã đi đâu?”

“Tôi không biết.”

“Bọn chúng đã trả gì cho anh?”

“Một ngàn đô,” gã nói.

“Không tệ.”

“Cho một phòng.”

“Điên rồ,” tôi nói. Đúng thế thật. Với số tiền ấy chúng đã có thể trở lại khách sạn Four Seasons. Trừ phi chúng không thể làm thế. Đó là vấn đề.

Tôi dừng lại trong góc tối trên vỉa hè đại lộ Bảy. *Bọn chúng đã đi đâu?* Nhưng trước tiên, bọn chúng đi bằng cách nào? Không bằng xe hơi. Trên đường tới đây, chúng có mười lăm người. Nếu như vậy chúng sẽ phải cần ít nhất ba chiếc xe. Mà các khách sạn cũ hoen ố chỉ có một nhân viên bốc hành lý đêm làm việc một mình, không có dịch vụ đậu và lấy xe cho khách.

Taxi? Có thể, trên đường tới đây, từ mạn giữa thành phố tới lúc đêm hôm khuya khoắt. Và lại đi ra, lúc 3 giờ sáng trên đại lộ Bảy? Tám người, đòi hỏi đồng thời ít nhất hai xe taxi không khách.

Không có khả năng.

Tàu điện ngầm? Có thể. Có thể lắm. Có ba tuyến trong phạm vi một dãy nhà. Lịch hoạt động ban đêm, chờ tới đa hai mươi phút trên sân ga, nhưng rồi tẩu thoát về mạn trên hoặc mạn dưới thành phố. Nhưng đi đâu? Chẳng phải là nơi cần đi bộ một cuộc dài khi xuống tàu đầu kia tuyến. Một nhóm tám người vội vã bước trên hè phố rất dễ bị chú ý. Có sáu trăm nhân viên điều tra trên phố. Khách sạn khác duy nhất mà tôi nhắm chúng có thể

đến nằm mãi ở tận phía Tây tuyến tàu điện ngầm chạy qua đại lộ Tám. Đi bộ mười lăm phút, có khi hơn. Nguy cơ bị lộ quá lớn.

Vậy, là tàu điện ngầm, nhưng tới đâu?

Thành phố New York. Ba trăm hai mươi dặm vuông. Hai trăm lẻ năm ngàn héc ta. Tám triệu địa chỉ khác nhau. Tôi đứng tại chỗ mà phân loại các khả năng như một cái máy.

Tôi đầu hàng.

Rồi tôi mỉm cười.

*Cô nói nhiều quá, Lila.*

Một lần nữa đầu tôi nghe thấy giọng nói của cô ta. Ở phòng trà khách sạn Four Seasons. Cô ta nói về những chiến binh Afghanistan thời xưa. Than phiền về họ, từ quan điểm vờ vịt của mình. Trên thực tế khi ấy cô ta đang huênh hoang về người của chính cô ta, và những cuộc giao tranh qua lại không có hiệu quả của Hồng quân. Cô ta đã nói: *Du kích Hồi giáo thật thông minh. Họ có thói quen rút về những vị trí mà trước đó chúng tôi đã gạch bỏ, coi như các vị trí đã bị bỏ.*

Tôi trở lại quảng trường Herald. Về tàu tuyến R. Tôi có thể xuống tàu ở góc giao giữa đại lộ Năm và phố 59. Từ đó đến những căn nhà cũ ở phố 58 chỉ phải đi bộ một quãng ngắn.

NHỮNG CĂN NHÀ CŨ TRÊN PHỐ 58 đều tối đen và yên ắng. 4 giờ 30 sáng, ở một khu dân cư rất ít hoạt động trước 10 giờ. Tôi quan sát từ cự ly năm mươi mét. Từ một ô cửa bị che khuất trên vỉa hè phía bên kia đại lộ Madison. Ngang cánh cửa duy nhất có nút bấm chuông có chằng sợi băng bảo vệ hiện trường của cảnh sát. Nhà bên trái trong tổng số ba căn. Căn mà tầng trệt có nhà hàng đã bỏ không.

Không đèn đóm ở cửa sổ.

Không có dấu hiệu nào là có người.

Băng bảo vệ hiện trường trông vẫn còn nguyên. Và điều không thể thiếu là nó được dán niêm phong chính thức của NYPD. Một tờ giấy hình chữ nhật dán bằng hồ ngang khe giữa cánh và khung cửa, cao ngang tầm lỗ khóa. Có lẽ nó vẫn nằm đó, không bị xé rách.

Nghĩa là có một cửa hậu.

Đó là điều có thể xảy ra, khi trong căn này có nhà hàng. Các nhà hàng tạo ra mọi loại rác khó chịu. Suốt cả ngày. Nó bốc mùi và thu hút đám chuột. Không được phép chất đống rác trên vỉa hè. Nên bỏ rác trong các hộp đóng kín bên ngoài cửa bếp rồi thì lăn các hộp ra rìa đường để người ta đi thu gom vào ban đêm.

Tôi di chuyển về phía Nam hai mươi mét để mở rộng góc quan sát. Không trông thấy lối vào để mở nào. Các căn nhà đều sát nhau dọc hết cả dãy. Cạnh cửa có băng bảo vệ hiện trường là cửa sổ của nhà hàng cũ.

Nhưng cạnh đó là một cánh cửa khác. Xét về mặt kiến trúc, nó là một phần của nhà hàng xóm với căn nhà có nhà hàng. Nó được dùng để mở ra tầng một của tòa nhà kế tiếp. Song nó trơ trụi, màu đen, không có bảng hiệu, hơi sứt sẹo, không có bậc dẫn lên, lại rộng hơn nhiều so với một cánh cửa thông thường. Phía ngoài không có tay nắm. Chỉ có lỗ khóa. Nếu không có chìa thì chỉ có thể mở từ phía trong. Tôi dám cá rằng nó dẫn tới một lối vào được che đi. Tôi cho rằng lát giềng của nhà hàng có chiều rộng đủ cho hai phòng ở tầng trệt và ba phòng ở các tầng trên. Ở tầng hai, căn nhà liền khối. Nhưng phía dưới, ở ngang mặt đường thì có những lối đi dẫn đến các cửa vào phía sau, tất cả đều được quây lại và xây chồng phía trên. Ở Manhattan, quyền sử dụng không gian đáng cả gia tài. Thành phố tự bán mình cả ở phía dưới và bên trên, cũng như cạnh này lẫn cạnh khác.

Tôi trở lại ô cửa bị che khuất. Đầu tôi đang đếm thời gian. Đã bốn mươi tư phút kể từ thời điểm đám quân của Lila phải bắt tôi. Có lẽ là ba mươi tư phút kể từ thời điểm Lila trông chờ cuộc gọi thông báo nhiệm vụ hoàn thành. Có thể hai mươi tư phút từ lúc rút cuộc cô ta chấp nhận rằng mọi thứ đã không diễn ra êm đẹp. Có thể mười bốn phút tính từ lúc lần đầu tiên cô ta cảm thấy rất muốn gọi cho tôi.

*Lila, cô nói nhiều quá.*

Tôi lui vào bóng tối, chờ đợi. Khu vực phía trước tôi trống trơn tuyệt đối. Thi thoảng có xe hơi hoặc taxi chạy trên đại lộ Madison. Chẳng hề có xe cộ gì trên phố 58. Chẳng chỗ nào thấy khách bộ hành. Không có người dắt chó, không vị khách dự tiệc nào chệnh choạng trở về nhà. Giờ thu rác đã hết. Giờ chuyển bánh mì vẫn chưa bắt đầu.

Sự chết chóc của đêm.

Thành phố không ngủ ít nhất đang nghỉ ngơi một cách thoải mái.

Tôi đợi.

Ba phút sau điện thoại trong túi tôi bắt đầu rung.

Tôi vẫn dõi mắt vào tòa nhà có nhà hàng và mở máy điện thoại. Đưa lên tai nói, “Gì đây?”

Cô ta hỏi, “Chuyện gì xảy ra thế?”

“Cô đã không xuất hiện.”

“Ông đã chờ tôi xuất hiện à?”

“Tôi không nghĩ nhiều đến chuyện đó.”

“Chuyện gì đã xảy ra với người của tôi?”

“Họ đang trong hệ thống.”

“Chúng ta vẫn có thể thỏa thuận.”

“Nhu thế nào? Cô không thể nào mất thêm người nào nữa.”

“Chúng ta có thể dàn xếp gì đó.”

“Được rồi. Nhưng giá chỉ có tăng.”

“Bao nhiêu?”

“Bảy mươi lăm.”

“Giờ ông đang ở đâu?”

“Ngay bên ngoài nhà cô.”

Có một khoảng ngập ngừng.

Có sự di chuyển ở cửa sổ. Tầng bốn, cửa sổ bên trái trong số hai ô. Một phòng tối. Lờ mờ như ma, gần như không thể nhận ra ở cự ly năm mươi mét.



Có thể là rèm dịch chuyển.

Có thể là một chiếc sơ mi trắng.

Có thể chỉ là tưởng tượng.

Cô ta nói, “Không, ông không ở ngoài nhà tôi.”

Nhưng nghe giọng cô ta không chắc chắn.

Cô ta nói, “Ông muốn gặp nhau ở đâu?”

Tôi nói: “Chuyện đó đâu thành vấn đề. Cô sẽ không xuất hiện mà.”

“Tôi sẽ cử ai đó.”

“Cô không thể làm thế. Cô chỉ còn sáu gã cuối cùng thôi.”

Cô ta dợm nói gì đó nhưng ngừng bật.

Tôi nói, “Quảng trường Times.”

“OK.”

“10 giờ sáng mai.”

“Tại sao thế?”

“Tôi muốn có người ở xung quanh.”

“Tầm đó muộn quá.”

“Muộn đối với việc gì?”

“Tôi muốn có nó bây giờ.”

“10 giờ sáng mai. Chấp nhận hoặc thôi.”

Lila nói, “Cứ giữ máy đã.”

“Tại sao?”

“Tôi phải đếm tiền. Để chắc chắn rằng tôi có bảy mươi lăm ngàn.”

Tôi mở khóa áo khoác.

Tôi đeo găng tay vào.

Tôi nghe thấy tiếng Lila Hoth, đang thở.

Cách năm mươi mét, cánh cửa đen mở ra. Lối vào bị che kín. Một người đàn ông bước ra. Nhỏ, da sẫm, rắn chắc. Và cảnh giác. Hắn ngó via hè, bên trái rồi bên phải. Hắn nhìn ngang phố.

Tôi bỏ điện thoại vào trong túi. Vẫn mở. Vẫn đang kết nối.

Tôi nâng khẩu MP5 lên.

Súng tiểu liên được thiết kế dành cho cận chiến, nhưng ở cự ly trung bình nhiều loại cũng chính xác như súng trường. Chắc chắn súng của hãng H & K đủ độ tin cậy ở cự ly tối thiểu một trăm mét. Khẩu của tôi có đầu ngắm thép. Tôi bấm lẫy chọn xuống chế độ bắn phát một rồi hướng hình vuôn của đầu ngắm vào giữa người gã đàn ông.

Cách năm mươi mét, hắn bước ra rìa phố. Lia mắt sang phải, lia mắt sang trái, lia khoảng trước mặt. Hắn cũng chẳng nhìn thấy gì, giống tôi. Chỉ có bầu không khí mát mẻ và màn sương mỏng của đêm.

Hắn quay trở lại cửa.

Một chiếc taxi chạy ngang trước mặt tôi.

Cách năm mươi mét, gã đàn ông đẩy cửa.

Tôi đợi tới tận khi tôi cho rằng toàn bộ đà của gã đã dồn về phía trước. Rồi tôi kéo cò nã một viên đạn vào lưng gã. Ngay tâm. Một viên đạn tốc độ thấp. Với độ trễ có thể nhận thấy. Bóp cò, trúng đích. Dòng SD được

quảng cáo là hoạt động êm ru. Không phải thế. Nó có phát ra âm thanh. Lớn hơn tiếng nhỏ bọt lịch sự thường thấy trong phim ảnh. Nhưng không tệ hơn tiếng “thịch” khi ta đánh rơi cuốn danh bạ điện thoại từ trên bàn có độ cao chừng một mét. Có thể nhận ra trong bất kỳ môi trường nào, nhưng trong một thành phố thì không đáng kể.

Cách năm mươi mét, gã đàn ông cúi về phía trước và đổ xuống, phần thân trên nằm trong lối vào còn hai chân vẫn ở ngoài vỉa hè. Tôi găm vào gã viên thứ hai để đảm bảo an toàn, thả cho khẩu súng tự do trong mức quai đeo cho phép rời lấy điện thoại ra khỏi túi.

Tôi nói, “Cô vẫn ở đó chứ?”

Cô ta nói, “Chúng tôi vẫn đang đếm.”

Cô đếm thiếu một rồi, tôi nghĩ.

Tôi kéo khóa áo khoác lên. Bắt đầu bước. Tôi tiến nhưng vẫn bám song song với phía bên kia đại lộ Madison và nhanh chóng cắt vào phố 58 vài mét. Tôi băng ngang đại lộ và tiến vào góc phố, vai tì mạnh vào mặt tiền mấy căn nhà. Tôi cần ẩn ngoài tầm quan sát của cô ta. Tôi băng qua căn thứ nhất. Qua căn thứ hai.

Tôi nói khi đang ở phía dưới cô ta mười hai mét, “Tôi phải đi đây. Tôi mệt mỏi rồi. Quảng trường Times, 10 giờ sáng mai, được chưa?”

Cô ta trả lời từ độ cao mười hai mét phía trên tôi. Cô ta nói, “OK, tôi sẽ cử ai đó tới.”

Tôi ngắt máy, bỏ điện thoại vào túi và lôi gã đàn ông đã chết vào hẻm trong hẻm. Tôi khép cửa lại phía sau, từ từ và yên lặng.

NGŨ HỀM CÓ MỘT BÓNG ĐIỆN. Chỉ một bóng lò mờ, trong cái chóa đèn bần thủ trên vách. Tôi nhận ra gã đàn ông đã chết có mặt trong mấy tấm ảnh trong tập hồ sơ của Bộ An ninh Quốc gia mà Springfield gửi tới. Gã là số bảy trong mười chín tên ban đầu. Tôi không nhớ tên gã. Tôi kéo gã suốt dọc lối vào. Sàn bằng bê tông đã cũ, mòn đến bóng cả lên. Tôi lục soát người gã. Trong túi không có gì. Không giấy tờ tùy thân. Không vũ khí. Tôi bỏ gã lại cạnh một thùng chứa rác có bánh xe phủ một lớp cát bản lâu đến mức không còn bốc mùi nữa.

Rồi tôi tìm thấy cửa phía trong dẫn lên nhà, mở khóa áo khoác, đợi. Tôi tự hỏi phải bao lâu thì bọn chúng mới bắt đầu thấy lo lắng về tên đồng bọn mất tích. Tôi cho là không đến năm phút. Tôi tự hỏi nhóm tìm kiếm có mấy tên. Có lẽ chỉ một, nhưng tôi hy vọng là nhiều hơn.

Chúng đợi bảy phút và cử xuống hai tên. Cánh cửa phía trong mở và tên đầu tiên bước ra. Số mười bốn trong danh sách của Springfield. Hắn tiến một bước về cánh cửa lối vào và tên thứ hai bước ra, theo sau hắn. Số tám trong danh sách của Springfield.

Rồi ba điều xảy ra.

Đầu tiên, tên thứ nhất dừng lại. Hắn thấy rằng cửa lối vào đã đóng lại. Là điều vô lý. Cửa không thể mở từ bên ngoài nếu không có chìa khóa. Vì vậy tay thám sát ban đầu đã để cho cửa mở trong lúc gã lảng vảng ngoài vỉa hè. Nhưng cửa đã đóng lại. Thế tức là tay thám sát ban đầu đã vào lại bên trong.

Tên thứ nhất quay lại.

Điều thứ hai, tên thứ hai cũng quay lại. Để khép cánh cửa phía trong một cách im lặng và chính xác. Tôi để cho hắn làm xong việc đó.

Rồi hắn ngược mắt lên và trông thấy tôi.

Tên thứ nhất trông thấy tôi.

Điều thứ ba, tôi bắn cả hai tên. Hai loại đạn ba viên, những loạt nổ trầm, mỗi loạt diễn ra trong một phần tư giây. Tôi nhắm vào dưới yết hầu chúng và để cho đầu nòng di chuyển lên tới cằm. Chúng là những tay nhỏ con. Cổ chúng hẹp, gần như đầy mạch máu và dây thần kinh. Mục tiêu lý tưởng. Trong lối đi có mái che, tiếng nổ của súng ồn hơn nhiều so với bên ngoài. Đủ ồn khiến tôi lo lắng. Nhưng cánh cửa phía trong đã đóng lại. Và nó là phiên gỗ dày. Một thời nó đã là cửa bên ngoài song một chủ nhà trước đây đã bán quyền sử dụng không gian của mình.

Hai gã đàn ông đổ gục.

Các vỏ đạn của tôi lạch cạch lăn theo sàn bê tông.

Tôi đợi.

Không có phản ứng tức thì nào.

Đã hết tám viên. Còn hai mươi hai. Bảy tên bị bắt, ba tên nữa bị hạ, vẫn còn ba tên có thể đi lại và nói năng.

Cộng thêm mẹ con Hoth.

Tôi lục soát người hai gã mới chết. Không giấy tờ tùy thân. Không vũ khí. Không chìa khóa, nghĩa là cửa bên trong không khóa.

Tôi bỏ hai xác chết mới cạnh cái xác đầu tiên, trong bóng cái thùng rác.

Rồi tôi đợi. Tôi không trông chờ bất kỳ kẻ nào khác ra qua cửa. Chắc người Anh trước kia ở mặt trận Tây Bắc rốt cuộc cũng trở nên khôn ngoan trong chuyện phái các đội đi giải cứu. Chắc Hồng quân cũng vậy. Chắc mẹ con nhà Hoth đã biết về lịch sử của họ. Chắc hẳn họ biết. Svetlana đã viết một phần của nó.

Tôi đợi.

Điện thoại trong túi tôi rung lên.

Tôi lôi nó ra nhìn màn hình ở mặt trước. *Cuộc gọi hạn chế*. Lila. Tôi không thèm để tâm tới cô ta. Đã xong phần nói chuyện rồi. Tôi bỏ điện thoại vào túi. Nó ngừng rung.

Tôi đặt mấy ngón tay đeo găng lên tay nắm cánh cửa phía trong. Tôi nhẹ nhàng kéo nó xuống. Tôi cảm thấy lẫy khóa nhả ra. Tôi tương đối thoải mái. Ba gã đàn ông đã bước ra. Có thể hiểu rằng bất kỳ tay nào trong số chúng cũng có thể trở lại. Hoặc cả ba tên. Nếu có ai đó bên trong đang quan sát và chờ đợi, sẽ có độ trễ nguy hiểm chết người trong một phân tích tắc hầu nhận biết và quyết định bạn hay thù. Như một tay đánh bóng chày thi đấu giải lớn phân biệt một cú ném thẳng tốc độ tối đa với một cú ném vòng. Một phần năm giây, có thể hơn.

Nhưng với tôi thì không có độ trễ. Bất cứ kẻ nào tôi trông thấy đều là kẻ thù của tôi.

Bất cứ kẻ nào.

Tôi mở cửa.

Chẳng có ai.

Tôi đang nhìn vào một căn phòng trống. Bếp của nhà hàng bỏ hoang. Phòng tối om, đồ đạc đã dỡ đi hết. Có những giá để bát đĩa cũ và những khoảng trống trên các mặt quầy nơi người ta đã lôi thiết bị ra đựng đem tới

mấy cửa hiệu đồ cũ ở Bowery. Trên tường có các đường ống cũ. Trên trần có các móc ngày xưa dùng treo chảo. Giữa phòng có một bàn đá lớn. Mát, nhẵn, hơi lốm một chút do sử dụng nhiều năm. Có lẽ trên đó từng là nơi nhào bột.

Gần đây hơn, Peter Molina đã bị giết trên đó.

Tư duy của tôi chẳng hề nghi ngờ rằng đó là cái bàn tôi đã thấy trong đĩa DVD. Chẳng nghi ngờ gì hết. Tôi còn có thể thấy chắc chắn máy quay đã đặt ở đâu. Tôi có thể biết các bóng đèn đã được đặt chỗ nào. Tôi có thể thấy những nút dây sòn ở các chân bàn, nơi cổ tay cổ chân Peter đã bị buộc vào.

Điện thoại trong túi tôi rung lên.

Tôi lờ nó đi.

Tôi đi tiếp.

Có hai cửa xoay dẫn vào phòng ăn. Một để vào, một để ra. Kiểu tiêu chuẩn ở các nhà hàng. Không xảy ra va chạm. Trên hai cánh cửa có ô cửa sổ kiểu trên tàu thủy ở ngang tầm mắt một người trung bình cách đây năm mươi năm. Tôi cúi xuống nhìn qua. Một phòng trống rộng hình chữ nhật. Chẳng có gì ngoài một chiếc ghế đơn độc. Trên sàn có bụi và phân chuột. Ánh sáng vàng từ ngoài phố lọt vào qua ô cửa sổ lớn bản thiụ.

Tôi dùng bàn chân đẩy cánh cửa dẫn ra. Bản lề rít lên một chút nhưng cũng mở. Tôi bước vào phòng ăn. Sang trái rồi sang trái lần nữa. Thấy một hành lang trong nhà có các buồng vệ sinh. Hai cánh cửa, gắn biển *Quý ông* và *Quý bà*. Biển đồng, chữ đúng kiểu. Không có hình vẽ nào. Không có hình cứng queo vẽ người mặc quần hoặc váy.

Cộng thêm hai cánh cửa nữa, mỗi cửa một bên tường ở mé phòng. Các tấm biển đồng: *Khu riêng*. Một cánh dẫn trở lại bếp. Một cánh dẫn tới cầu thang, lên các tầng trên.

Điện thoại rung lên trong túi tôi.

Tôi lờ nó đi.

Quy tắc chiến thuật tiêu chuẩn đối với bất kỳ cuộc tấn công nào: tấn công từ vị trí cao. Không thể làm được. Không có lựa chọn nào sẵn có. Hồi danh sách của Israel được hình thành, lực lượng SAS ở Anh đang xây dựng chiến thuật thả dây từ mái nhà xuống các tầng trên, hoặc phá trần để xuống, hoặc đột nhập trực tiếp từ một góc mái lân cận sang một góc mái khác. Nhanh, bất ngờ, thường thành công. Là việc tốt nếu ta có thể đến được vị trí ấy. Tôi thì không. Tôi chỉ có mỗi cách tiếp cận bằng đi bộ.

Ít nhất là như vậy ở thời điểm này.

Tôi mở cánh cửa ở cầu thang. Nó mở ra một hành lang nhỏ xíu dưới tầng trệt, kích thước mỗi chiều chỉ có tám mươi phân. Thẳng phía đối diện tôi, đủ gần để có thể chạm vào, là cánh cửa dẫn tới lối vào khu người ở. Tới cánh cửa ngoài mặt phố có nút bấm chuông duy nhất và dải băng bảo vệ hiện trường.

Ngay cuối hành lang nhỏ xíu đó một cầu thang hẹp vươn lên. Lên đến nửa chừng nó vòng trở lại rồi vươn lên dẫn tới tầng hai khuất tầm mắt.

Điện thoại rung lên trong túi tôi.

Tôi lờ nó ra nhìn. *Cuộc gọi hạn chế*. Tôi lại bỏ vào túi. Nó ngừng rung.

Tôi bắt đầu theo cầu thang đi lên.



CÁCH AN TOÀN NHẤT ĐỂ ĐI HẾT nửa đầu phần cầu thang kiểu chân chó là đi giạt lùi, mắt nhìn lên trên, hai chân dang rộng. Đi lùi và nhìn lên, bởi nếu có sự kháng cự từ bên trên nhằm vào ta, ta cần đối mặt với nó. Hai bàn chân dang rộng, bởi nếu cầu thang phát ra tiếng động, nó sẽ phát ra nhiều nhất ở phần giữa và ít nhất ở hai bên.

Tôi theo cách đó đi lên đến khoảng tạm dừng nửa cầu thang rồi thì xoay người đi lên hết nửa phần thang còn lại. Tôi bước ra hành lang ở tầng hai có kích thước gấp đôi hành lang tầng trệt nhưng vẫn rất nhỏ. Một chiều tám mươi phân một chiều mét rưỡi. Một phòng bên trái, một phòng bên phải, hai phòng chắn phía trước. Mọi cánh cửa đều đóng.

Tôi đứng yên. Nếu là Lila, tôi sẽ bố trí mỗi tên ở một phòng trong hai phòng chắn phía trước. Tôi sẽ bảo chúng lắng nghe thật cẩn thận, vũ khí sẵn sàng. Tôi sẽ bảo chúng sẵn sàng bật cửa và triển khai hai làn hỏa lực song song. Chúng sẽ hạ được tôi khi đang đi xuống hoặc đi lên. Nhưng tôi không phải Lila và cô ta chẳng phải tôi. Tôi không biết cô ta có thể triển khai lực lượng kiểu gì. Trừ một điều do số quân của cô ta đã giảm, tôi cảm thấy rằng cô ta muốn giữ những tên còn lại ở gần một cách hợp lý. Tức là bố trí chúng ở tầng ba chứ không phải tầng hai. Bởi những cử động tôi trông thấy là ở cửa sổ tầng bốn.

Chính xác thì nếu nhìn từ phía ngoài căn nhà, cửa sổ tầng bốn nằm ở bên trái. Nghĩa là nhìn từ bên trong thì phòng của Lila bên tay phải. Tôi đồ rằng cách bố trí các phòng chẳng có sự khác biệt đáng kể nào khi tôi lên tầng trên. Đây là công trình rẻ tiền, thiết thực. Không có nhu cầu thay đổi

nọ kia theo ý khách hàng. Vì vậy bước ngang qua một phòng bên phải ở tầng hai cũng như bước ngang qua phòng của Lila trên đó hai tầng. Việc này cho tôi biết về không gian của nó.

Tôi bỏ ngón tay ra khỏi vòng cò khẩu MP5 rồi đặt các ngón đeo găng lên tay nắm cửa. Ấn xuống. Thấy lẫy khóa cửa nhả ra.

Tôi mở cửa.

Một căn phòng trống.

Thực tế là một căn hộ một phòng đa chức năng đã bị phá hủy một phần. Nó sâu nhưng rộng bằng chừng một nửa phòng ăn của nhà hàng tầng dưới. Một khoảng không gian dài và hẹp. Phía sau có tủ chứa đồ, một không gian nhỏ làm bếp, một nhà tắm, một khu tiếp khách. Chỉ cần liếc qua một cái là tôi đã biết được cách bố trí ấy bởi các bức tường ngăn đã bị vạt đến tận chân. Các thiết bị trong phòng tắm vẫn còn đó, cũ và trần trụi sau một cái giá thẳng đứng làm bằng những thanh gỗ cỡ 5x5 phân trông như mấy đẽ xương sườn, như các song của một chiếc lồng. Đồ dùng trong bếp còn nguyên vẹn. Sàn làm bằng ván gỗ thông, trừ sàn phòng tắm lát gạch men màu lỗi thời bị tưa hết mép và sàn bếp lót gạch. Cả không gian này bốc mùi những loài ký sinh và vữa mục. Ô cửa sổ trông ra phố đen nhem vì bụi bẩn. Nó bị cắt chéo làm đôi bởi chân cầu thang của lối thoát hiểm.

Tôi im lặng bước tới cửa sổ. Lối thoát hiểm thiết kế theo kiểu tiêu chuẩn. Đó là một cái thang sắt hẹp thả từ tầng trên xuống và nối vào một lối đi hẹp bằng sắt ngay bên dưới các cửa sổ. Hết lối đi này thì đến một phần đôi trọng được sắp xếp để sẵn sàng ngã xuống phía vỉa hè dưới sức nặng của một người đang tìm cách thoát khỏi nơi này.

Cửa sổ thiết kế theo kiểu khung kính trượt. Ô phía dưới được thiết kế cho trượt lên trên vào trong khung của ô phía trên. Nơi hai ô gặp nhau, chúng được khóa lại bởi một cái lẫy đơn giản bằng đồng nằm trong rãnh. Ô bên dưới có tay nắm bằng đồng, giống những tay nắm ta hay thấy ở các tủ

hồ sơ kiểu cũ. Các tay nắm đã được sơn lại nhiều lần. Các khung cửa sổ cũng vậy.

Tôi mở khóa, đặt ba ngón tay vào mỗi tay nắm và đẩy mạnh. Khung cửa xô dịch hai phân rồi kẹt lại. Tôi tăng thêm lực. Tôi sử dụng lực gần bằng lực đã dồn vào chiếc cũi hàn song sắt ở tầng hầm tòa nhà cứu hỏa. Khung cửa sổ đẩy lên trên mỗi lần hai phân, lệch sang trái, chéch sang phải, lúc nào cũng chống lại lực của tôi. Tôi tì vai vào thanh ngang ở dưới mà đẩy thẳng hai chân ra. Khung cửa sổ dịch lên mười phân nữa rồi kẹt cứng. Tôi lùi lại. Không khí ban đêm lùa vào tôi. Khoảng trống tổng cộng chừng năm chục phân.

Thừa đủ.

Tôi thò một chân ra, gập người ngang eo, chui ra ngoài, đưa nốt chân còn lại ra.

Điện thoại rung trong túi tôi.

Tôi lờ nó đi.

Tôi leo lên chiếc thang sắt, từng bước chậm khẽ khàng. Được nửa đường, khi đầu tôi ngang với bậu cửa tầng ba, tôi có thể trông thấy cửa sổ của hai phòng ở mặt tiền.

Cửa sổ cả hai phòng đều kéo rèm. Chát cô tông nhuộm màu bụi đen phía sau lớp kính bám đầy bụi. Phía trong không có ánh sáng nào rõ ràng. Không có tiếng động nào. Không có bằng chứng gì là có người đang hoạt động. Tôi xoay người nhìn xuống phố. Không có khách bộ hành nào. Không có người qua đường nào. Chẳng xe cộ gì hết.

Tôi chuyển lên trên. Tới tầng bốn. Cùng một kết quả. Cửa kính bản thủ, rèm kéo lại. Tôi ngừng lại một lúc lâu dưới ô cửa sổ nơi ban nãy tôi đã thấy có người cử động. Hoặc cử động do tôi tưởng tượng ra. Tôi không nghe thấy hay cảm nhận thấy gì.

Tôi chuyển lên tầng năm. Tầng năm thì khác. Không có rèm. Các phòng trống. Sàn nhà loang lổ, trần vống xuống. Các vết dột nước mưa.

Các ô cửa sổ tầng năm bị khóa. Cũng theo cơ chế đơn giản bằng ngàm đồng mà tôi đã thấy ở phía dưới, nhưng tôi chẳng thể làm gì được với chúng nếu không phá kính. Việc này sẽ gây ra tiếng động. Là việc tôi sẵn sàng làm, nhưng không phải lúc này. Tôi muốn chọn thời điểm thích hợp.

Tôi xoay vai đeo súng cho tới khi khẩu MP5 nằm trên lưng, rồi đặt một bàn chân lên bậu cửa sổ. Tôi bước lên và túm lấy mái đua sắp rụng xuống ở phía trên đầu mình. Tôi ẩy cả người lên đó. Không phải việc dễ dàng. Tôi không thuộc dạng vận động viên khéo léo. Tôi hoàn thành việc này trong tình trạng thở hổn hển, bò sấp trên mái nhà bám đầy cỏ dại. Tôi nằm một giây để lấy lại hơi rồi quỳ dậy ngó quanh tìm cửa sập dẫn lên mái. Tôi thấy nó ở phía sau chừng mười hai mét, ngay phía trên chỗ tôi cho là vị trí của hành lang chỗ cầu thang đi lên. Nó là một cái thùng gỗ nông đơn giản lật ngược, bọc chì, một bên gắn bản lề. Có khả năng là khóa từ phía dưới, bằng bản lề móc khóa và ổ khóa. Ổ khóa khỏe nhưng bản lề móc khóa hẳn được bắt vít vào khung cửa, mà khung thì sẽ yếu đi theo thời gian, do mục nát và hủy hoại vì ngấm nước.

Không có sự kháng cự nào.

Nguyên tắc chiến thuật tiêu chuẩn đối với bất kỳ cuộc tấn công nào: tấn công từ vị trí cao.

TÂM CHỈ BỌC QUANH CÁNҺ CỬA sập dẫn lên tầng thượng được gò bằng búa thành những đường cong gọn ghẽ. Không có những góc sắc. Tôi đặt các ngón tay đeo găng vào dưới rìa đối diện với bản lề, giật mạnh. Không có kết quả gì. Thế nên tôi tập trung hơn. Hai bàn tay, tám ngón, co chân, hít sâu. Tôi nhắm hai mắt. Tôi không muốn nghĩ về Peter Molina. Thế nên thay vào đó tôi tưởng tượng ra nụ cười điên dại của Lila Hoth trước ống kính máy quay ngay sau khi cô ta kiểm tra mạch đã lịm đi của người lái xe taxi ở Kabul.

Tôi giật mạnh cửa.

Và màn đêm bắt đầu hiện ra ngay phía dưới, ngay lúc này.

Tôi đã hy vọng rằng các ốc vít của bản lề móc khóa sẽ bị kéo tung ra khỏi cánh cửa hoặc khung cửa. Nhưng chúng bật khỏi cả hai. Chiếc ổ khóa cùng bản lề móc khóa vẫn dính vào nhau rơi tự do từ độ cao ba mét và đập mạnh xuống sàn gỗ phía dưới. Một tiếng động to, rõ ràng, văng tai. Sâu, vang, rõ, ngay sau đó là tiếng keng của chiếc bản lề và tiếng lanh canh của sáu chiếc ốc vít khác nhau.

Không tốt.

Chẳng tốt chút nào.

Tôi đập cánh cửa sập dẫn lên tầng thượng lại sau lưng rồi ngồi xồm trên mái quan sát và lắng nghe.

Trong một giây không có gì xảy ra.

Rồi tôi nghe tiếng một cánh cửa mở ra dưới tầng bốn.

Tôi nâng khẩu MP5 lên.

Trong một giây không có gì xảy ra. Rồi một cái đầu xuất hiện ngó lên cầu thang. Tóc sẫm màu. Một gã đàn ông. Trong tay hắn có súng. Hắn trông thấy chiếc khóa nằm trên sàn. Tôi thấy những bánh xe quay trong đầu hắn. *Khóa, sàn, ốc vít, rơi theo chiều thẳng đứng.* Hắn nhìn thẳng lên trên. Tôi thấy mặt hắn. Số mười một trong danh sách của Springfield. Hắn thấy tôi. Đám mây phía trên đầu tôi sáng lên vì ánh sáng rục rờ của thành phố. Tôi nghĩ là bóng của tôi in rất rõ. Gã kia ngập ngừng. Tôi thì không. Tôi bắn hầu như theo chiều thẳng đứng xuyên qua đỉnh đầu hắn. Một loạt ba viên. Một loạt ba phát. Ba tiếng tạch tạch tạch. Một tiếng rên tắc nghẹn. Hắn đổ xuống, tiếng giày, hai tay và cơ thể va xuống sàn nghe rất to, hai tiếng thịch cuối cùng rất lớn khi phần còn lại của đầu hắn chạm xuống trước rồi tới khẩu súng va vào ván sàn. Tôi quan sát cầu thang thêm một giây dài rồi nhảy qua cửa dẫn lên tầng thượng, rơi qua không khí và hạ hai bàn chân xuống trước cạnh gã đàn ông, gây nên một tiếng động lớn khác.

Chúng tôi đã qua thời điểm giữ bí mật với nhau.

Đã hết mười một viên đạn, còn mười chín viên, bốn tên đã bị hạ, hai tên vẫn đứng.

Cộng thêm mẹ con nhà Hoth.

Điện thoại rung lên trong túi tôi.

*Không phải bây giờ, Lila.*

Tôi nhặt khẩu súng của gã kia lên, mở cánh cửa dẫn vào phòng ở mặt tiền phía trái rồi lúi lại góc tối. Tì vai vào tường rồi nhìn ra cầu thang.

Không có kẻ nào xuất hiện.

Thế bí.

Khẩu súng tôi tước của gã vừa chết là loại Sig-Sauer P220, gắn thiết bị giảm thanh to. Do Thụy Sĩ sản xuất, đạn Parabellum cỡ chín ly, trong hộp đạn có thể tháo rời có chín viên. Cùng loại đạn tôi đang dùng. Tôi lấy ngón tay cái đẩy mấy viên đạn khỏi hộp rồi thả vào túi. Tôi đặt khẩu súng không đạn xuống sàn. Rồi tôi lùi lại hành lang và thò đầu vào căn phòng mặt tiền bên phải. Nó trần trụi, trống không. Theo trí nhớ về căn phòng phía dưới, tôi hình dung ra cách sắp xếp của căn hộ một phòng đa dụng. Tủ đồ, phòng tắm, bếp, phòng khách. Tôi bước tới nơi tôi cho là giữa phòng khách và giậm mạnh chân. Trần của một phòng là sàn một phòng khác. Tôi cho là Lila Hoth ở ngay phía dưới tôi, đang lắng nghe. Tôi muốn làm cô ta hoảng sợ, sồn lên tận óc. Cảm giác sợ hãi nhất trong mọi cảm giác. *Trên ấy có gì đó.*

Tôi giậm mạnh lần nữa.

Tôi nhận được phản ứng.

Phản ứng xuất hiện dưới dạng một viên đạn bắn lên xuyên qua các tấm ván sàn cách bên phải tôi chín mươi phân. Nó khoan một cái lỗ nham nhở rồi vùi mình vào trần nhà trên đầu tôi, để lại những vệt bụi và khói trong không khí.

Không có tiếng súng. Tất cả đều có thiết bị giảm thanh.

Tôi bắn trả, một loạt ba phát xuống dưới theo phương thẳng đứng, thẳng qua đúng lỗ vừa tạo ra. Rồi tôi lùi lại nơi tôi cho là bếp của chúng.

Hết mười bốn viên. Còn mười sáu viên, chín viên rời nằm trong túi tôi.

Một loạt nữa xuyên qua sàn. Cách tôi hai mét. Tôi bắn trả. Chúng bắn lại. Tôi bắn trả lần nữa và cho là chúng đang bắt đầu hiểu ra kiểu của tôi, thế nên tôi bò ra hành lang tới đầu cầu thang.

Đây là lúc tôi thấy rằng chúng cũng đang suy luận chính xác cùng một điều: tôi đang hành động theo một kiểu có quy luật. Một tên đang bí mật đánh úp tôi. Số hai trong danh sách của Springfield. Trong tay hắn có một khẩu Sig P220 khác. Gắn thiết bị giảm thanh. Hắn thấy tôi trước. Bắn một phát và trượt. Tôi thì không. Tôi nã một loạt ba viên vào sống mũi hắn, đạn leo lên tới giữa trán hắn và máu cùng óc phọt lên bức tường sau lưng hắn. Hắn trở lại nơi xuất phát với hình dạng một đồng thệ.

Khẩu súng rơi theo hắn.

Những vỏ đạn đồng của tôi lạnh canh lăn trên sàn gỗ thông.

Đã hết hai mươi ba viên. Còn bảy viên, cộng thêm chín viên rì.

Một tên còn đứng, cộng thêm mẹ con nhà Hoth.

Điện thoại rung trong túi tôi.

*Giờ này mà mặc cả thì muộn quá rồi, Lila ạ.*

Tôi lò cô ta đi. Tôi hình dung cô ta đang bò rạp ở tầng phía dưới. Svetlana bên cạnh. Còn tên cuối cùng chắn giữa tôi và mẹ con Hoth. Hai kẻ này sẽ sử dụng hắn như thế nào? Chúng không phải loại ngốc. Chúng là những kẻ thừa kế một truyền thống tàn độc lâu đời. Chúng đã đánh lừa, luồn lách và nghi binh ở vùng đồi núi suốt hai thế kỷ. Chúng biết mình đang làm gì. Chúng sẽ không cho gã kia lên theo cầu thang. Không làm thế lần nữa. Làm thế không có kết quả. Chúng sẽ cố tấn công vào sườn tôi. Chúng sẽ cho gã kia lên theo đường thoát hiểm. Chúng sẽ dùng điện thoại để đánh lạc hướng tôi và cho gã kia leo lên qua cửa kính bắn vào lưng tôi.

Khi nào?

Hoặc ngay lập tức hoặc một lúc lâu nữa. Không có khoảng thời gian trung bình. Bọn chúng muốn khiến tôi ngạc nhiên hoặc chán nản.



Chúng chọn cách làm ngay lập tức.

Điện thoại rung lên trong túi tôi.

Tôi bước lui vào căn phòng bên trái và kiểm tra góc quan sát. Nếu lấy vị trí của tôi làm chuẩn, chiếc thang sắt chạy từ phải qua trái. Tôi sẽ trông thấy đầu gã kia khi hắn từ dưới leo lên. Đó là điều tốt. Song góc của tôi thì không thuận lợi. Đường phố hẹp. Đạn Parabellum cỡ chín ly là đạn dành cho súng ngắn. Chúng được coi là phù hợp với môi trường đô thị. Nhiều khả năng chúng giống như đạn súng trường, găm vào mục tiêu và không bay thêm. Với đạn Parabellum bay gần bằng tốc độ âm thanh thì càng nhiều khả năng như thế. Nhưng chẳng gì được đảm bảo chắc chắn. Và trên phố có những người vô tội không liên can gì tới vụ đấu súng này. Cửa sổ phòng ngủ, bọn trẻ đang say giấc. Những viên đạn xuyên tâm có thể bay tới chỗ họ. Đạn bắn chệch hướng có thể bay tới chỗ họ. Và đạn nảy ra, hoặc mảnh đạn. Và chắc chắn đạn bắn trượt mục tiêu có thể bay tới chỗ họ.

Những thiệt hại đi kèm, đang chờ chực xảy ra.

Tôi bò qua suốt phòng và ép người vào tường cửa sổ. Liếc ra ngoài. Không có gì cả. Tôi rướn tay lấy chốt cửa sổ. Thử cả tay nắm cửa sổ. Cửa sổ bị kẹt. Tôi bước đến trước lớp kính, chộp lấy tay nắm mà giằng. Cửa sổ di chuyển, kẹt lại và di chuyển lần nữa rồi bật mạnh trong khung và mở toang ra mạnh đến nỗi ô kính cửa sổ nứt dọc từ đầu nọ tới đầu kia.

Tôi lùi trở lại tường lần nữa.

Lắng nghe thật kỹ.

Và nghe thấy gót giày cao su va nhẹ nhẹ trên lớp sắt. Hơi đều theo nhịp. Hắn đang tiến đến nhanh nhưng không chạy. Tôi để cho hắn tới. Tôi để cho hắn leo lên hết quãng đường. Tôi để hắn thò cả đầu và hai vai vào phòng. Tóc sẫm, da sẫm. Hắn mang số mười lăm trong danh sách của Springfield. Tôi thẳng người song song với bức tường phía trước của tòa

nhà. Hấn liếc sang trái. Hấn liếc sang phải. Hấn thấy tôi. Tôi kéo cò. Một loạt ba viên. Tên này dịch chuyển đầu.

Tôi bắn trượt. Có thể viên đạn đầu tiên hoặc cuối cùng trong số ba viên đã cắt rời tai hấn song hấn vẫn sống và tỉnh táo, hấn bắn trả điên cuồng và thục người né ra. Tôi nghe tiếng hấn ngã va vào lối đi hẹp bằng sắt.

Bây giờ hoặc không bao giờ.

Tôi bám theo gã.

Tôi thấy hấn ngã va đầu vào cầu thang trước. Hấn cũng xuống được tầng bốn, lăn người và nâng khẩu súng của mình lên như thể nó nặng hàng nửa tạ. Tôi leo xuống thang sau hấn, ngả người xa khỏi tòa nhà và kẻ một đường ba viên đạn vào giữa mặt hấn. Khẩu súng của tên này bắn ra, rơi lộn xuống hai tầng nhà và mắc ở độ cao phía trên vỉa hè chừng ba mét.

Tôi hít vào.

Tôi thở ra.

Sáu gã đã bị hạ. Bảy bị bắt. Bốn đã trở về nhà. Hai đang bị giam.

Mười chín trên mười chín.

Cửa sổ trên tầng bốn đang mở. Rèm được kéo ra. Một căn hộ một phòng đa chức năng. Bị bỏ mặc nhưng không bị phá hủy. Lila và Svetlana Hoth đang đứng cạnh nhau dưới quầy bếp.

Đã hết hai mươi chín viên.

Còn một viên.

Trong đầu tôi lại vang lên giọng của Lila: *Ta phải dành viên đạn cuối cùng cho bản thân bởi ta không muốn bị bắt sống, nhất là bởi tay những phụ nữ bộ tộc.*

Tôi leo qua bậc cửa sổ bước vào phòng.

CĂN PHÒNG ĐƯỢC BỐ TRÍ GIỐNG HẾT như căn phòng bị phá ở tầng hai. Phòng khách ở mặt trước, tới khu bếp, phòng tắm, tủ chứa đồ ở phía sau. Các bức tường vẫn đứng yên. Vôi vữa vẫn nằm đúng chỗ. Có hai chiếc đèn đang sáng. Một cái giường gấp dựa vào tường trong phòng khách. Cộng thêm hai chiếc ghế cứng. Chẳng có gì khác nữa. Khu bếp có hai quầy song song và một tủ bát đĩa dựa vào tường. Không gian bé xíu. Lila và Svetlana dón vào trong đó, hông kê hông. Svetlana bên trái, Lila bên phải. Svetlana mặc váy ở nhà màu nâu. Lila mặc quần túi hộp đen và áo phong trắng bằng vải cô tông. Quần may bằng vải dù. Tôi đoán là khi cô ta di chuyển nó kêu sột soạt. Cô ta trông đẹp như bất kỳ lúc nào khác. Mái tóc đen dài, đôi mắt sáng xanh, làn da hoàn mỹ. Nụ cười nửa miệng hơi giễu cợt. Đó là một cảnh thật kỳ dị. Cứ như một tay nhiếp ảnh thời trang theo lối cách tân nào đây đã đặt cô người mẫu tuyệt vời nhất của mình vào bối cảnh đô thị bụi bặm.

Tôi lấy mục tiêu cho khẩu MP5. Đen và độc ác. Nóng. Nó tỏa mùi thuốc súng, mùi dầu, mùi khói. Tôi ngửi thấy mùi nó khá rõ.

Tôi nói, “Cả hai đặt tay lên trên quầy.”

Chúng làm theo. Bốn bàn tay hiện ra. Hai bàn tay màu nâu và xương xẩu, hai bàn tay có da sáng hơn và mảnh. Chúng xòe hai bàn tay ra như sao biển, hai bàn tay vuông và thô, hai bàn tay dài hơn và mỏng manh hơn.

Tôi nói, “Lùi lại và tựa vào quầy.”

Chúng chấp hành. Điều đó khiến chúng bất động. An toàn hơn.

Tôi nói, “Các người không phải mẹ và con.”

Lila nói: “Đúng, không phải.”

“Vậy các người là thế nào?”

“Thầy và trò.”

“Tốt. Tôi không muốn bán con gái trước mặt bà mẹ. Hoặc bán bà mẹ trước mặt con gái.”

“Nhưng ông sẽ bán một học trò trước mặt thầy cô ấy chứ?”

“Có thể thầy trước.”

“Vậy thì làm đi.”

Tôi đứng yên.

Lila nói, “Nếu ông thực sự có ý đó, đây là nơi ông làm việc ấy.”

Tôi quan sát bàn tay của cả hai. Tìm kiếm sức căng, hoặc nỗ lực, hoặc các cơ di chuyển, hoặc áp lực gia tăng ở các đầu ngón tay. Tìm các dấu hiệu chúng chuẩn bị di chuyển tới vị trí nào đó.

Không có các vị trí như thế.

Điện thoại rung lên trong túi tôi.

Trong căn phòng yên lặng, nó phát ra một âm thanh nhỏ. Một tiếng vu vu, một tiếng vo vo, một tiếng rin rít. Một xung động nhỏ nhịp nhàng. Nó nảy lên, cọ vào đùi tôi và rung.

Tôi chăm chăm nhìn hai bàn tay của Lila. Ép phẳng. Đứng yên. Trống không. Chẳng có chiếc điện thoại nào.

Cô ta nói, “Có lẽ ông nên trả lời.”

Tôi chuyển khẩu MP5 sang tay trái và lời điện thoại ra. *Cuộc gọi hạn chế.* Tôi mở máy và đưa lên tai.

Theresa Lee nói, “Reacher à?”

Tôi nói, “Gì thế?”

“Anh ở đâu thế? Em đã cố gọi anh suốt hai mươi phút rồi.”

“Anh bận.”

“Anh đang ở đâu?”

“Làm sao em có được số máy này?”

“Anh đã gọi vào máy di động của em, nhớ chứ? Số máy của anh nằm trong phần quản lý cuộc gọi.”

“Tại sao số của em bị chặn?”

“Tổng đài đồn khu vực. Em đang gọi bằng máy bàn. Anh đang ở chỗ quái quỷ nào vậy?”

“Có chuyện gì vậy?”

“Nghe cẩn thận nhé. Anh có thông tin xấu. Bộ An ninh Quốc gia đã liên lạc lại với bọn em. Một trong mấy tên người Tajikistan đã lỡ chuyến bay chuyển tiếp ở Istanbul. Thay vào đó hắn đã đi qua London và tới Washington. Có hai mươi gã chứ không phải mười chín.”

Lila Hoth nhúc nhích và gã đàn ông thứ hai mươi bước ra khỏi phòng tắm.

CÁC NHÀ KHOA HỌC ĐÃ CHIA NHỎ thời gian tới đơn vị pico giây. Một phần nghìn tỷ giây. Họ cho rằng mọi chuyện đều có thể xảy ra trong một khoảng thời gian ngắn chừng ấy. Vũ trụ có thể hình thành, các hạt có thể tăng tốc, các nguyên tử có thể tách ra. Điều xảy ra với tôi trong vài pico giây đầu tiên là một loạt điều khác nhau. Đầu tiên tôi đánh rơi điện thoại vẫn còn mở, vẫn còn kết nối. Đến lúc nó rơi xuống ngang tầm vai tôi, cả một đoạn hội thoại với Lila như hét lên trong đầu tôi. Cũng qua chiếc điện thoại này, trước đây vài phút, trên đại lộ Madison, tôi đã nói, *Cô chỉ còn sáu gã cuối cùng thôi*. Cô ta chuẩn bị nói gì đó nhưng ngừng bật. Cô ta sắp sửa nói, *Không, tôi có bảy người*, giống như trước đó cô ta chuẩn bị nói, *Thế chẳng phải gần tôi đâu*. Hơi đã bật ra. Nhưng cô ta đã tự dừng mình lại. Cô ta đã học hỏi.

Chỉ một lần thôi, cô ta đã không nói quá nhiều.

Và tôi vẫn chưa nghe đủ.

Đến khi điện thoại rơi xuống ngang hông, tôi tập trung vào tên thứ hai mươi. Hắn trông chỉ giống như bốn hay năm tên trước đó. Có thể hắn là anh em trai hoặc anh em họ của chúng, có khi thế thật. Chắc chắn hắn trông quen thuộc. Nhỏ người, rắn chắc, tóc đen, da có nếp, ngôn ngữ cơ thể bộc lộ sự cảnh giác và hiếu chiến. Hắn mặc quần dẹt thể thao tối màu. Áo lạnh dẹt tối màu. Hắn thuận tay phải. Tên này cảm sủng ngắn giảm thanh. Hắn đưa nó theo một đường cong dài hướng lên trên. Hắn đang tìm cách giữ cho nó cân bằng. Ngón tay hắn quặp chặt cò súng. Hắn sẽ bắn vào ngực tôi.

Tôi đang cầm khẩu MP5 bằng tay trái. Hộp đạn rỗng không. Viên đạn cuối cùng đã lên nòng. Nó phải có ý nghĩa quan trọng. Tôi muốn đổi tay. Tôi không muốn bắn bằng tay không thuận, bằng con mắt vốn không dùng để ngắm.

Không có lựa chọn nào. Đổi tay thì phải mất nửa giây. Năm trăm tỷ pico giây. Quá dài. Cánh tay của gã kia đã gần như nằm ở đó. Đến khi điện thoại rơi xuống ngang đầu gối tôi, lòng bàn tay phải của tôi đang lật lên trên đỡ lấy nòng súng. Tôi xoay lại, thẳng người lên và kéo tay cầm của khẩu súng về phía ngực tôi. Lòng bàn tay phải tôi dừng lại, đỡ lấy nòng, ngón trỏ tay trái kéo cò với sự điềm tĩnh quá mức. Lila đang di chuyển phía bên trái tôi. Cô ta đang đi ra khỏi căn phòng. Ngón tay tôi làm xong việc kéo cò, khẩu súng nổ, viên đạn cuối cùng của tôi bắn trúng mặt gã đàn ông.

Chiếc điện thoại chạm xuống sàn. Nó phát ra tiếng động như chiếc ổ khóa. Tiếng động lớn khi va mạnh xuống sàn gỗ.

Vỏ đạn cuối cùng của tôi bắn ra và lạch cạch lăn ngang phòng.

Gã thứ hai mươi sụp xuống cả người, đầu và khẩu súng, chết trước khi đổ xuống sàn do bị bắn xuyên qua phần gốc não bộ.

Một phát bắn vào đầu. Một phát bắn rất tốt. Không tòi đối với tay trái tôi. Trừ một điều là tôi đã nhắm vào giữa người hắn.

Lila vẫn di chuyển. Lượn đi, nhào xuống, cúi thấp.

Cô ta trở lại với khẩu súng của gã vừa chết. Một khẩu Sig P220 khác, một thiết bị giảm thanh khác.

Do Thụy Sĩ sản xuất.

Một hộp đạn có thể tách rời chứa được chín viên.

Nếu Lila cố giành lấy khẩu súng, nó là khẩu duy nhất trong phòng. Trong trường hợp đó, nó đã bắn ít nhất ba viên, xuyên qua sàn.



Còn tôi đã sáu viên.

Sáu chổng lại không.

Lila chĩa súng vào tôi.

Tôi chĩa súng vào cô ta.

Cô ta nói, “Tôi nhanh hơn.”

Tôi nói, “Cô nghĩ thế sao?”

Phía bên trái tôi, Svetlana lên tiếng, “Súng của ông không có đạn.”

Tôi liếc nhìn bà ta. “Bà nói tiếng Anh hả?”

“Trương đối tốt.”

“Tôi đã nạp đạn lúc ở trên tầng rồi.”

“Vớ vẩn. Từ dưới này tôi có thể trông thấy. Ông đã đặt chế độ bắn loạt ba viên. Nhưng ông chỉ bắn đúng một viên. Vì vậy đó là viên đạn cuối cùng của ông.”

Chúng tôi đứng yên như thế trong khoảng thời gian có vẻ lâu. Khẩu P220 nằm chắc chắn trong tay Lila. Cô ta đứng cách tôi năm mét. Phía sau cô ta, cơ thể gã đàn ông mới chết đang chảy đủ các loại nước ra khắp sàn. Svetlana đứng trong bếp. Trong không khí có đủ loại mùi. Từ cửa sổ mở có một cơn gió thổi vào. Không khí thổi vào, cuộn trong phòng, xoáy theo cầu thang và ra ngoài theo lỗ trên mái.

Svetlana nói, “Bỏ súng xuống.”

Tôi bảo, “Các người muốn chiếc USB mà.”

“Ông không giữ nó.”

“Nhưng tôi biết hiện nó ở đâu.”

“Chúng tôi cũng vậy.”

Tôi chẳng nói gì.

Svetlana Hoth nói, “Ông không có nó nhưng ông biết nó đang ở đâu. Vì vậy ông đã vận dụng quy trình suy luận. Ông nghĩ ông là người có tài năng độc nhất sao? Ông nghĩ rằng các quy trình loại suy ấy không có ở những người khác à? Chúng ta có chung các dữ kiện. Chúng ta đều có thể đưa ra những kết luận tương tự.”

Tôi chẳng nói gì.

Bà ta nói, “Ngay từ lúc ông bảo ông biết nó ở đâu, chúng tôi đã bắt đầu suy nghĩ. Ông đã thúc đẩy chúng tôi. Ông nói quá nhiều, Reacher. Ông đã tự biến mình thành người thừa.”

Lila nói, “Bỏ súng xuống. Có chút danh dự đi. Đừng có đứng đó như thằng đàn cầm khẩu súng không đạn.”

Tôi đứng yên.

Lila hạ súng xuống khoảng mười độ và bắn vào khoảng sàn nằm giữa hai chân tôi. Cô ta tạo ra một lỗ thủng hàng vớ và nằm chính giữa hai mũi giày tôi. Chẳng phải phát bắn dễ dàng. Cô ta là nữ xạ thủ kiệt xuất. Ván sàn rách tướp. Tôi giật mình một chút. Thiết bị giảm thanh của khẩu Sig gây ồn lớn hơn khẩu H & K. Như tiếng cuốn danh bạ đập xuống, chứ không phải rơi. Một vệt khói bốc lên ở điểm mảnh đạn đốt cháy phần gỗ thông, vỏ đạn bắn ra theo một đường cung màu đồng và lăn lan canh ngang sàn.

Còn năm viên.

Lila nói, “Bỏ súng xuống.”

Tôi vòng quai đeo qua đầu mình, cầm lấy tay nắm, đưa nó xuống một phía sườn. Nó chẳng còn tác dụng gì nữa đối với tôi, ngoại trừ như một chiếc dùi cui thép nặng ba cân. Và tôi hoài nghi cái khả năng tôi đến được đủ gần một trong hai kẻ kia để cho chiếc dùi cui phát huy tác dụng. Mà giả sử đến được gần như thế, tôi thích đánh tay đôi hơn. Một chiếc dùi cui thép nặng ba cân là tốt. Nhưng chiếc dùi cui người nặng trăm mười lăm cân vẫn tốt hơn.

Svetlana Hoth nói, “Ném qua đây. Nhưng làm cho cẩn thận. Nếu ném trúng một trong hai chúng tôi, ông sẽ chết.”

Tôi từ từ dùng đưa khẩu súng rồi bỏ nó ra. Nó lười biếng lộn vài vòng trong không khí, bật đầu nòng lên rồi va vào bức tường ở góc xa.

Svetlana nói, “Giờ thì bỏ áo khoác ra.”

Lila chìa súng vào đầu tôi.

Tôi làm theo. Tôi giữ chiếc áo khoác ra rồi ném sang phía bên kia phòng. Nó rơi xuống cạnh khẩu MP5. Svetlana bước từ phía sau quầy bếp ra, lục hết các túi. Mụ già tìm thấy chín viên đạn Parabellum rồi và cuộn băng dính đã sử dụng một phần. Bà ta dựng đứng chín viên đạn lên quầy thành một hàng gọn ghẽ. Bà ta đặt cuộn băng dính bên cạnh hàng đạn.

Svetlana lệnh tiếp, “Găng tay.”

Tôi làm theo. Tôi cắn và lôi găng khỏi tay rồi ném nó theo chiếc áo khoác.

“Giày và tất.”

Tôi lò cò nhảy lùi rồi dựa vào tường để giữ cho người đứng vững đoạn cởi dây, tuột giày ra, tụt đôi tất xuống. Tôi ném từng chiếc về phía đồng đồ.

Lila nói, “Cởi áo phông ra.”

Tôi nói: “Tôi sẽ cởi nếu cô cởi.”

Cô ta hạ cánh tay xuống mười độ và bắn thêm một viên vào khoảng sàn giữa hai bàn chân tôi. Tiếng kêu của thiết bị giảm thanh, phần sàn gỗ toác ra, làn khói, tiếng va mạnh của vỏ đạn.

Còn bốn viên.

Lila nói, “Lần sau tôi sẽ bắn vào cằm ông.”

Svetlana nói, “Áo phong.”

Thế là lần thứ hai trong vòng năm giờ đồng hồ tôi lột áo phong của mình ra theo yêu cầu của một phụ nữ. Tôi vẫn dựa vào tường và giơ cao tay ném chiếc áo về đồng hồ. Lila và Svetlana nhìn những vết sẹo của tôi một lúc. Có vẻ cả hai thích chúng. Đặc biệt là vết thương do mảnh bom. Đầu lưỡi Lila thè ra, hồng, ẩm và nhọn giữa làn môi.

Svetlana nói, “Giờ đến quần ông.”

Tôi nhìn Lila bảo, “Tôi nghi súng cô hết đạn rồi.”

Cô ta nói, “Không. Tôi còn bốn viên. Hai cằm chân và hai cánh tay.”

Svetlana nói, “Cởi quần ra.”

Tôi tháo cúc. Tôi cởi khóa. Tôi đẩy chiếc quần bằng vải jean cứng xuống. Tôi rút hai chân ra khỏi quần. Tôi vẫn dựa lưng vào tường mà đá chiếc quần về đồng hồ. Svetlana nhặt nó lên. Lọc hết các túi. Đặt các thứ đồ của tôi lên quây thành một đồng cạnh chín viên đạn rời và cuộn băng dính. Tiền giấy cùng vài đồng xu. Cuốn hộ chiếu đã hết hạn. Thẻ ATM của tôi. Thẻ đi tàu điện ngầm. Danh thiếp NYPD của Theresa Lee. Rồi chiếc bàn chải đánh răng gập.

“Không nhiều,” Svetlana nói.

“Mọi thứ tôi cần,” tôi nói. “Chẳng có gì tôi không cần.”

“Ông là một gã nghèo.”

“Không, tôi là người giàu. Có mọi thứ ta cần, đó là định nghĩa về sự sung túc.”

“Thế thì đó là giấc mơ kiểu Mỹ. Chết trong sung túc.”

“Cơ hội cho tất cả.”

“Ồ quê hương chúng tôi, chúng tôi có nhiều hơn các ông.”

“Tôi không thích dê.”

Căn phòng trở nên yên lặng. Có vẻ ẩm và lạnh. Tôi đứng mà trên người chẳng có gì trừ chiếc quần đùi lót mới màu trắng. Khẩu P220 vẫn nằm chắc chắn trên tay Lila. Các cơ như những sợi dây mảnh lộ rõ trên cánh tay cô ta. Cạnh phòng tắm, gã đàn ông chết vẫn tiếp tục rỉ ra các chất lỏng. Ngoài cửa sổ đã là 5 giờ sáng, thành phố bắt đầu chuyển động.

Svetlana bận rộn đi lại gom khẩu súng, đôi giày, quần áo của tôi thành một ôm gọn gàng rồi ném về phía sau quầy bếp. Mụ ta ném theo chúng hai chiếc ghế cứng. Mụ ta bật điện thoại của tôi lên, tắt nguồn và quăng đi. Mụ này đang dọn sạch phòng. Mụ ta đang dọn trống nó. Phòng khách là một phần của căn hộ có kích thước khoảng sáu mét nhân ba mét rưỡi. Tôi dựa lưng vào chỗ giữa của một trong hai bức tường dài. Lila đi quanh trước mặt tôi, vẫn giữ khoảng cách, tay chĩa súng. Cô ta dừng ở góc xa, cạnh cửa sổ. Giờ thì cô ta đối mặt với tôi theo một góc hẹp.

Svetlana đi vào bếp. Tôi nghe thấy tiếng lạch cạch mở ngăn kéo. Nghe thấy nó đóng lại. Thấy Svetlana trở ra.

Cùng hai con dao.

Là loại dao dài của người bán thịt. Để mổ, lạng thịt hoặc xương. Cán màu đen. Lưỡi bằng thép. Lưỡi cắt rất mỏng đầy nguy hiểm. Svetlana ném một trong hai con cho Lila. Cô ta dùng bàn tay còn rỗi bắt lấy cán dao một cách điêu luyện. Svetlana di chuyển tới góc đối diện với cô ta. Cả hai hợp với tôi tạo thành hình tam giác, Lila ở bên trái tôi bốn mươi lăm độ, Svetlana ở bên phải tôi bốn mươi lăm độ.

Lila vịn phần người trên và nện mạnh thiết bị giảm thanh của khẩu P220 vào góc giáo giữa bức tường phía trước và tường bên. Cô ta dùng ngón tay cái gạt lẫy nằm ở chân báng và thả băng đạn xuống. Nó rời ra và rơi xuống sàn ở góc phòng. Trong băng lộ ra ba viên đạn. Thế là một viên vẫn ở trong ổ đạn. Cô ta ném khẩu súng về góc kia phòng, phía sau lưng Svetlana. Giờ thì khẩu súng và băng đạn nằm cách nhau sáu mét, một bộ phận nằm sau lưng một phụ nữ, bộ phận còn lại sau lưng người phụ nữ kia.

“Như cuộc săn tìm kho báu,” Lila nói. “Súng sẽ không nổ nếu không lắp băng đạn. Để ngăn chặn tình trạng nổ súng bất ngờ nếu sơ ý để cho một viên trong ổ đạn. Dân Thụy Sĩ là kiểu người thận trọng. Thế nên ông cần nhặt khẩu súng rồi nhặt băng đạn. Hoặc ngược lại. Nhưng tất nhiên trước hết ông phải vượt qua chúng tôi.”

Tôi không nói gì.

Cô ta nói, “Nếu như ông thành công trong cuộc vật lộn điên cuồng ở trạng thái bị thương, tôi khuyên ông hãy dùng viên đạn đầu tiên cho chính mình.”

Rồi cô ta mỉm cười và dịch về phía trước một bước. Svetlana cũng làm hệt như vậy. Cả hai giữ dao thấp, ngón tay đặt dưới cán, ngón cái để trên. Như các chiến binh đường phố. Như các tay bậc thầy.

Những lưỡi dao dài lấp lánh dưới ánh đèn.

Tôi đứng yên.

Lila nói, “Chúng tôi thích trò này hơn ông có thể tưởng tượng đấy.”

Tôi chẳng làm gì.

Lila nói, “Sự chậm trễ cũng hay. Nó làm gia tăng sự phỏng đoán.”

Tôi đứng yên.

Lila nói, “Nhưng nếu chán chờ đợi rồi, chúng tôi sẽ tiếp cận và tiêu diệt ông.”

Tôi không nói gì. Đứng yên.

Rồi tôi vớ tay ra sau và rút về cùng con dao Benchmade 3300, từ nơi nó đã được gắn vào thắt lưng tôi bằng băng dính.

TÔI DỪNG NGÓN TAY CÁI BẮM NÚT NHỎ, lưỡi dao bật ra với một âm thanh nằm giữa tiếng “tạch” và tiếng “bụp”. Một âm thanh lớn trong căn phòng yên tĩnh. Và một âm thanh đau khổ. Tôi không thích dao. Tôi chưa bao giờ thích dao. Tôi không có khiếu dùng dao là mấy.

Nhưng tôi có bản năng tự vệ mạnh như bất kỳ ai khác.

Có khi còn mạnh hơn hầu hết người khác.

Và, về điểm này, tôi đã đánh lộn ngay từ khi lên năm, và tất cả những trận thua của tôi đều không đáng kể. Tôi thuộc típ người luôn quan sát học hỏi. Tôi đã chứng kiến những trận đánh bằng dao trên khắp thế giới. Viễn Đông, châu Âu, những vùng đầy bụi rậm nghèo khó ngoài các căn cứ quân sự ở miền Nam nước Mỹ, trên phố, trong ngõ, ngoài các quán bar và quán bia.

Nguyên tắc đầu tiên: không để bị dính đòn sớm. Không gì khiến ta mất sức nhanh hơn mất máu.

Svetlana thấp hơn tôi trên ba mươi phân, vóc người đậm và rộng, hai cánh tay cân với người. Lila cao hơn, mềm dẻo hơn, duyên dáng hơn. Nhưng tóm lại, thậm chí phải chống lại những lưỡi dao dài hơn dao của tôi mười lăm phân, tôi vẫn có lợi thế.

Cộng thêm việc tôi đã thay đổi cuộc chơi, trong khi chúng vẫn đang đối mặt với sự ngạc nhiên.



Cộng thêm việc chúng chiến đấu cho vui, tôi thì chiến đấu vì mạng sống của mình.

Tôi muốn tới được bếp, thế nên tôi nhảy về phía Svetlana, kẻ chắn giữa tôi và bếp. Mụ ta chăm chú, dao hạ ngang đầu gối, dứ trái, dứ phải. Tôi giữ dao thấp, để cho ngang tầm với dao của mụ. Mụ ta vung dao lên. Tôi uốn người về sau. Lưỡi dao của Svetlana vọt qua đùi tôi. Tôi giật hông về sau, đẩy hai vai về phía trước và nện cho mụ một cú móc. Nó lướt qua lông mày Svetlana rồi dồn toàn lực vào cạnh mũi của mụ.

Trông Svetlana sững sốt. Như hầu hết những kẻ chiến đấu bằng dao, mụ ta nghĩ rằng cuộc đấu hoàn toàn liên quan đến chất thép. Mụ ta đã quên mất rằng người ta có hai bàn tay.

Svetlana lật bật đứng thẳng lại và Lila từ phía trái tôi nhảy vào. Dao hạ thấp. Xìa, đâm. Miệng mở rộng khi mặt nhăn nhó trông thật xấu. Rất tập trung. Cô ta đã hiểu. Đây không còn là trò chơi nữa. Không còn vui nữa. Cô ta lao vào, thoát ra, dứ đòn, lùi lại, luôn luôn hoạt động. Tất cả chúng tôi nhảy như thế một lúc. Điên cuồng, hỗn hển, những cử động ngắn đột ngột, bụi, mồ hôi và nỗi sợ hãi trong không khí, mắt cả hai gắn chặt với lưỡi dao của tôi, mắt tôi đảo liên tục giữa hai lưỡi dao của chúng.

Svetlana tiến vào. Lùi ra. Lila tiến đến tôi, người cân bằng, tập trung cảnh giác. Tôi ẩy hông ra sau và chồm hai vai về trước. Tôi vung thẳng lưỡi dao về phía mặt Lila. Đòn rất nặng. Dứ ra rồi giật lại. Như thể tôi đang muốn ném một trái bóng đi xa trăm hai chục mét. Lila nhảy lùi lại. Cô ta biết cú chém sẽ đi trượt, bởi cô ta sẽ khiến cho nó đi trượt. Svetlana biết nó sẽ trượt, bởi bà ta tin tưởng Lila.

Tôi biết nó sẽ trượt, bởi tôi chủ định không đánh trúng.

Tôi dừng động tác mạnh mẽ này lại giữa chừng và quay ngược lại, tung một đòn trái tay thật hiểm và thật bất ngờ nhắm thẳng vào Svetlana. Tôi chém thẳng vào trán mụ ta. Một cú chẻ chắc tay. Tôi cảm nhận được

lưỡi dao chạm vào xương. Một lọn tóc của mụ rơi xuống ngực. Con dao Benchmade đã hoạt động đúng như nó nên làm. Thép D2. Ta có thể thả một tờ bạc mười đô lên lưỡi nó và lấy được hai nửa tờ. Tôi đã tạo một đường rạch nằm ngang dài mười lăm phân giữa đường tóc và lông mày của Svetlana. Sâu tới tận xương.

Mụ già loạng choạng lùi lại và đứng yên.

Không đau. Chưa đâu.

Các vết rạch ở trán không bao giờ đe dọa tính mạng ngay. Nhưng chảy máu rất nhiều. Sau vài giây máu đã tràn xuống hai mắt Svetlana. Làm mụ không nhìn được. Nếu đang đi giày, tôi đã có thể giết mụ ta ngay tại đây rồi. Hạ gục mụ ta bằng một đòn đá vào hai đầu gối, rồi đá cho đầu mụ ta nhũn ra. Nhưng tôi sẽ không mạo hiểm xương bàn chân mình với tấm thân dày thịt của mụ ta. Mất khả năng di chuyển cũng khiến tôi chết nhanh như vậy.

Tôi nhảy lùi lại.

Lila lao thẳng vào tôi.

Tôi đẩy hông về phía sau và né đường cung vun vút tạo nên bằng lưỡi dao của cô ta. Trái, phải. Tôi chạm vào bức tường phía sau. Tôi tính toán thời gian và đợi cho tới lúc cánh tay Lila nằm ngang trước thân cô ta thì liền xoay ngang người, dùng vai húc cô ta khiến cô ta bật về phía sau. Tôi quay ngoắt lại về chỗ Svetlana đang vừa lảo đảo tới lui vừa cố lau máu khỏi hai mắt. Tôi đập cho cánh tay cầm dao của mụ ta văng đi, nhảy tới đâm một nhát vào cổ ở phần phía trên xương đòn mụ ta rồi lùi lại.

Rồi Lila chém trúng tôi.

Cô ta đã tìm ra cách tiếp cận. Cô ta đang cầm chuôi dao bằng đầu mút ngón tay. Cô ta lao vào đâm. Tóc cô ta bay. Hai vai Lila nhô về trước. Cô ta đang tìm kiếm mọi ưu thế nhỏ nhoi có thể giành được. Cô ta dừng lại với

chân trước cứng, gập xuống thấp, cúi người về trước và điên cuồng chém vào bụng tôi.

Và chém trúng.

Một vết chém tẹt. Một cú chém điên cuồng, lực cánh tay mạnh, lưỡi dao sắc như dao cạo. Rất tẹt. Một vết cắt chéo dài dưới rốn và trên đai chiếc quần lót. Không đau. Chưa đau. Chỉ một tín hiệu ngắn gọn lạ lùng từ da tôi, cho tôi biết rằng nó không còn liền nhau toàn bộ.

Tôi ngừng lại một thoáng. Không tin nổi. Rồi tôi làm điều tôi luôn làm khi ai đó làm tôi bị đau. Tôi nhảy vào, không phải nhảy ra. Đũa của Lila đã đưa con dao của cô ta đi quá hông tôi. Lưỡi dao của tôi thấp. Tôi đâm dao theo thế ngược tay vào đùi cô ta và rạch một vết sâu, rồi đẩy chân trụ phía sau và dùng tay trái thoi một cú vào mặt Lila. Ngay chóc. Một cú đâm gây sững sờ, toàn lực. Cô ta bắn ra, tôi lại nhảy về phía Svetlana. Mặt của mẹ ta là chiếc mặt nạ nhuộm máu. Mẹ già vung dao sang phải. Rồi lại sang trái. Mẹ ta mở ra sơ hở. Tôi xông tới đâm xuống một nhát vào phía trong cẳng tay mẹ. Tôi rạch sâu tới tận xương. Mạch máu, gân, dây chằng. Mẹ ta rống lên. Không phải vì đau. Đau sẽ xuất hiện sau. Hay là không. Mẹ rống lên vì sợ hãi, vì mẹ đã bị loại bỏ. Cánh tay của Svetlana đã trở nên vô dụng. Tôi khiến mẹ ta xoay vòng bằng một đòn vào vai rồi đâm một cú vào thận. Lút mười phân, với một cú lách hiểm ác sang phía bên. Làm vậy an toàn. Khu vực đó không có xương sườn nào. Không có khả năng trúng xương và làm lưỡi dao kẹt lại. Rất nhiều máu lưu thông qua hai thận. Tất cả các loại mao mạch. Hỏi bất kỳ bệnh nhân chạy thận nào mà xem. Mỗi ngày tất cả lượng máu trong cơ thể một người lưu thông qua hai thận nhiều lần. Nhiều đơn vị. Nhiều lít. Bây giờ trong trường hợp của Svetlana, máu sẽ chảy vào mà không chảy ra.

Mẹ ta sụp gối xuống. Lila đang cố gắng hiểu mọi chuyện. Mũi cô ta đã gãy. gương mặt không chút tí vết đã bị hủy hoại. Cô ta lao vào tôi. Tôi vờ né sang trái rồi di chuyển sang phải. Chúng tôi nhảy nhót quanh

Svetlana đang ở tư thế quỳ. Thành một vòng tròn. Tôi trở lại nơi tôi đã bắt đầu rồi luôn vào bếp. Bước giữa các quây. Túm lấy một chiếc ghế cứng mà Svetlana đã dòn vào. Tôi dùng tay trái ném chiếc ghế vào Lila. Cô ta né, gập người, chiếc ghế đập trúng lưng. Tôi ra khỏi bếp, bước đến phía sau Svetlana và túm lấy tóc, kéo giật đầu bà ta về phía sau. Nghiêng người rạch dao quanh họng bà ta. Từ tai nọ sang tai kia. Công việc vất vả, ngay cả với lưỡi dao tuyệt vời của hãng Benchmade. Tôi phải kéo, giật và cưa. Cơ, mỡ, thịt cứng, dây chằng. Lưỡi thép cọ vào xương. Những âm thanh như của người bị lao tù khí quản bị cắt của mụ ta dội vào tôi. Khò khè khọt khẹt. Máu phọt lên thành vòi khi các mạch của Svetlana bị cắt đứt. Phun ra tung tóe trước mặt mụ. Máu bắn vào bức tường bên kia. Ướt đầm tay tôi và làm nó trơn tuột. Tôi bỏ tóc Svetlana ra và mụ ta đổ về phía trước. Mặt mụ ta đập bụm xuống ván sàn.

Tôi bước ra, thở dốc.

Lila nhìn tôi, thở dốc.

Căn phòng nóng và bốc mùi máu như mùi của đồng.

Tôi nói, “Một đã bị hạ.”

Cô ta nói, “Một vẫn còn.”

Tôi gật đầu. “Trông có vẻ trò giỏi hơn thầy.”

Cô ta nói, “Ai bảo tôi là trò?”

Đùi Lila đang chảy nhiều máu. Có một vết đứt ngọt ở lớp quần bằng vải nylon đen, máu đang chảy xuống chân cô ta. Một chiếc giày cô ta dẫm máu. Chiếc quần lót của tôi dẫm máu. Chuyển từ màu trắng sang màu đỏ. Tôi nhìn xuống thấy máu đang phun ra từ cơ thể mình. Nhiều máu. Tồi tệ. Nhưng vết sẹo cũ đã cứu mạng tôi. Vết thương do mảnh bom ở Beirut, từ lâu rồi. Lớp da trắng lồi lên do những đường chỉ khâu MASH vụng về cứng, nổi cục đã hãm lưỡi dao của Lila lại và khiến nó chệch hướng. Nếu

không có nó, đuôi vết rạch sẽ dài hơn và sâu hơn nhiều. Suốt nhiều năm tôi cứ cay cú chuyện bác sĩ mổ cấp cứu cho tôi đã làm ăn như mèo mửa. Nhưng giờ thì tôi biết ơn về chuyện đó.

Cái mũi gãy của Lila bắt đầu chảy máu. Máu chảy xuống miệng, cô ta ho và khạc nhỏ. Nhìn xuống sàn. Trông thấy con dao của Svetlana. Nó mắc giữa vũng máu đang lan rộng. Vũng máu đã bắt đầu đặc lại. Nó đang ngấm vào lớp sàn cũ. Máu đang chảy vào các khe kẽ của sàn. Tay trái Lila cử động. Rồi dừng lại. Cúi xuống nhặt con dao của Svetlana thì sẽ khiến cô ta kém thế. Với tôi cũng tương tự. Tôi còn cách khẩu P220 mét rưỡi. Cô ta cách băng đạn mét rưỡi.

Cơn đau bắt đầu. Đầu tôi quay cuồng và kêu ù ù. Áp suất máu đang giảm.

Lila nói, “Nếu ông yêu cầu tử tế, tôi sẽ để cho ông đi.”

“Tôi không yêu cầu.”

“Ông không thể thắng được đâu.”

“Cứ mơ tiếp đi.”

“Tôi sẵn sàng chiến đấu đến chết.”

“Cô không thể lựa chọn về vấn đề này. Quyết định đó đã được đưa ra rồi.”

“Ông có thể giết một phụ nữ sao?”

“Tôi vừa mới làm đó thôi.”

“Một người như tôi à?”

“Đặc biệt là một người như cô.”

Lila khạc lần nữa và thở vát vả qua đặng miệng. Cô ta ho. Cô ta nhìn xuống chân mình. Cô ta gật đầu và nói, “Được rồi.” Cô ta nhìn tôi với đôi mắt sừng sốt.

Tôi đứng yên.

Cô ta nói, “Nếu ý ông thực sự như vậy thì đây là nơi ông làm việc ấy.”

Tôi gật đầu. Tôi muốn nói thế thật. Vậy nên tôi làm việc ấy. Tôi đang yếu, nhưng việc này dễ dàng. Cái chân đang làm cô ta di chuyển chậm chạp hơn. Cô ta thở khó khăn. Xương sống mũi của cô ta đã dập. Máu đang đọng lại ở phía sau cổ cô ta. Cô ta hoa mắt và choáng váng, từ lúc dính đòn của tôi. Tôi lấy chiếc ghế thứ hai trong bếp và tấn công Lila. Bây giờ không có gì chống được sải tay của tôi. Với chiếc ghế, tôi đẩy Lila lùi lại góc tường và cho cô ta nhận hai cú đánh tới khi buông dao mà gục xuống. Tôi ngồi xuống bên cạnh và siết cổ Lila. Một cách từ từ, bởi tôi đang xuống sức nhanh chóng. Nhưng tôi không muốn dùng dao. Tôi không thích dao.

Sau đó tôi bò trở lại bếp và rửa con dao Benchmade dưới vòi nước. Rồi tôi dùng phần lưỡi ngắn của nó để cắt chỗ băng dính đen thành băng chéo cánh bướm. Tôi dùng các ngón tay ép miệng vết thương và lấy băng cánh bướm giữ nó lại. Một đờ rưỡi. Ở bất kỳ cửa hàng bán đồ dùng nào. Trang bị thiết yếu. Tôi chật vật mặc lại quần áo. Tôi nhét các thứ trở vào túi. Tôi lại đi giày vào.

Rồi tôi ngồi xuống sàn. Chỉ một phút. Nhưng hóa ra lại lâu hơn. Một nhân viên y tế sẽ nói rằng tôi ngất đi. Tôi thì thích nghĩ là mình đã ngủ.

TÔI TỈNH DẬY TRÊN GIƯỜNG BỆNH VIỆN. Tôi mặc đồ bệnh nhân màu trắng. Đồng hồ trong đầu tôi cho biết bây giờ là 4 giờ chiều. Mười tiếng. Vị trong miệng tôi cho biết rằng hầu hết nhờ có thuốc. Ở ngón tay tôi có một cái kẹp. Nó có dây. Chắc chắn dây được kết nối với thiết bị theo dõi của y tá. Chắc chắn cái kẹp đã phát hiện ra kiểu thay đổi nào đó của nhịp tim bởi khoảng một phút sau khi tôi tỉnh dậy, cả một loạt người kéo vào. Một viên bác sĩ, một y tá, rồi Jacob Mark, rồi Theresa Lee, rồi Springfield, và rồi Sansom. Bác sĩ là nữ còn y tá là nam.

Bác sĩ lảng xảng đi quanh chùng một phút, kiểm tra biểu đồ, theo dõi màn hình hiển thị. Rồi cô ta cầm cổ tay tôi kiểm tra mạch, việc này hơi thừa khi mọi loại công nghệ hiện đại đều nằm trong tay cô ta. Rồi để đáp lại những câu hỏi tôi chưa đặt ra, cô bảo tôi rằng tôi đang ở trong bệnh viện Bellevue và tình trạng của tôi rất ổn. Người trong phòng cấp cứu của cô đã vệ sinh vết thương, khâu nó lại, tiêm đầy thuốc chống nhiễm trùng, chống uốn ván và truyền cho tôi ba đơn vị máu. Cô bảo tôi tránh nâng nhấc vật nặng trong một tháng. Rồi cô đi khỏi. Tay y tá đi ra cùng cô.

Tôi nhìn Theresa Lee mà hỏi, “Chuyện gì đã xảy ra với anh thế?”

“Anh không nhớ à?”

“Tất nhiên là anh nhớ. Nhưng theo thông tin chính thống thì thế nào?”

“Anh được tìm thấy trên đường phố ở phía Đông Village. Mang vết thương do dao không rõ nguyên do. Chuyện ấy lúc nào cũng có. Rồi họ

kiểm tra độc chất và phát hiện ra dấu vết của thuốc an thần. Họ coi vụ của anh như một vụ buôn ma túy không thành.”

“Họ có báo cho cảnh sát không?”

“Em là cảnh sát đây.”

“Anh đến khu Đông Village bằng cách nào?”

“Anh không đến. Bọn em đưa anh tới thẳng đây.”

“Bọn em?”

“Em và ông Springfield.”

“Làm thế nào em tìm ra anh?”

“Bọn em xác định vị trí điện thoại di động. Việc đó đưa bọn em tới khu ấy. Địa chỉ chính xác là ý của ông Springfield.”

Springfield nói, “Cách đây hai mươi lăm năm có một thủ lĩnh du kích Hồi giáo đã cho chúng tôi biết về thói quen rút về những vị trí đã bị bỏ.”

Tôi hỏi, “Sẽ có cáo buộc ngược nào không?”

John Sansom nói, “Không.”

Đơn giản là thế.

Tôi nói, “Ông chắc chắn chứ? Trong căn nhà ấy có chín cái xác.”

“Ngay bây giờ người của Bộ Quốc phòng đang ở đó. Họ sẽ tuyên bố rộng rãi là không có bình luận gì. Và cố ý tạo nụ cười khinh bỉ. Được sắp đặt để mọi người tin là công của họ.”

“Giả sử gió đổi chiều thì sao. Chuyện đó đôi khi xảy ra. Ông biết mà.”



“Về hiện trường tội phạm, nó là một mớ lộn xộn.”

“Tôi đã để lại máu ở đó.”

“Ở đó có nhiều máu. Nó là tòa nhà cũ. Nếu bất kỳ ai làm xét nghiệm, họ cũng sẽ gặp DNA của chuột, chủ yếu thế.”

“Trên quần áo tôi có máu.”

Theresa Lee nói, “Bệnh viện đốt quần áo của anh rồi.”

“Tại sao?”

“Nguy cơ độc hại sinh học.”

“Đồ mới tinh mà.”

“Uớt sũng máu. Không ai mạo hiểm với máu nữa.”

“Các vân tay của bàn tay phải,” tôi nói. “Phía trong các tay nắm cửa sổ và trên cửa thông lên tầng thượng.”

“Tòa nhà ấy cũ rồi,” Sansom nói. “Nó sẽ bị kéo đổ và xây dựng lại trước khi gió đổi chiều.”

“Các vỏ đạn,” tôi nói.

Springfield nói, “Chuẩn đạn của Bộ Quốc phòng. Tôi tin chắc là họ thấy vui. Có thể họ sẽ để lọt một cái cho cánh báo chí.”

“Họ vẫn đang tìm tôi chứ?”

“Không. Thế thì chỉ tổ làm rối báo cáo.”

“Cuộc chiến giành lãnh địa,” tôi nói.

“Rõ ràng họ đã giành chiến thắng.”

Tôi gật đầu.

Sansom hỏi, “Chiếc USB đang ở đâu?”

Tôi nhìn Jacob Mark. “Anh ổn chứ?”

Anh đáp: “Không hẳn.”

Tôi nói, “Anh sẽ phải nghe một số chuyện.”

Anh đáp, “Được thôi.”

Tôi chuyển sang tư thế ngồi. Không đau chút nào. Tôi nghĩ cơ thể mình đang đầy thuốc giảm đau. Tôi co hai gối, túm chăn, kéo diềm áo bệnh nhân lên nhìn vết thương. Không thấy được. Người tôi bị quấn kín băng gạc từ hông tới tận lồng ngực.

Sansom nói, “Anh đã bảo chúng tôi rằng anh có thể đưa chúng tôi đến cách nó năm mét.”

Tôi lắc đầu. “Không còn thể nữa. Thời gian đã trôi qua. Chúng tôi sẽ phải làm điều đó bằng cách ghi lại và lần theo quá trình di chuyển.”

“Tuyệt. Từ trước tới giờ anh toàn huyền thuyên với chúng tôi. Anh chẳng biết nó đang ở đâu.”

“Chúng ta biết hình dạng cơ bản của nó thế nào,” tôi nói. “Chúng đã lên kế hoạch suốt ba tháng và thực hiện nó trong tuần cuối cùng. Chúng đã gây sức ép lên Susan bằng cách sử dụng Peter. Cô ấy đã lái xe tận từ Annadale lên đây, dính vào một vụ tắc đường dài tới bốn tiếng, coi như từ 9 giờ tối đến 1 giờ sáng, và rồi cô ấy đến Manhattan lúc gần 2 giờ sáng. Tôi cho rằng chúng ta biết chính xác khi nào cô ấy ra khỏi đường hầm Holland. Thế nên điều chúng ta phải làm là lần ngược lại và xác định chính xác nơi cô ấy đã bị mắc kẹt lúc nửa đêm.”

“Chuyện đó có ích cho ta thế nào?”

“Bởi vào lúc nửa đêm cô ấy ném chiếc USB ra ngoài cửa sổ xe.”

“Làm thế nào anh biết điều ấy?”

“Bởi khi cô ấy tới, cô ấy không mang theo điện thoại di động.”

Sansom liếc Lee. Lee gật đầu. Nói, “Chìa khóa và một chiếc ví. Chỉ có thể. Cũng không ở trong xe cô ấy. FBI đã lưu giữ những thứ trong đó.”

Sansom nói, “Không phải người nào cũng dùng điện thoại di động.”

“Đúng,” tôi nói. “Tôi là kẻ như vậy. Kẻ duy nhất trên thế giới không có điện thoại di động. Chắc một người như Susan phải có một chiếc.”

Jacob Mark nói, “Chị ấy có một chiếc.”

Sansom nói, “Thế thì sao?”

“Mẹ con nhà Hoth đã ra tới hậu thư. Gần như chắc chắn là lúc nửa đêm, nếu Susan không xuất hiện, bọn chúng ra tay. Chúng đã đe dọa, và chúng thực hiện đe dọa đó. Và chúng đã chứng minh điều ấy. Chúng đã gửi qua điện thoại một ảnh chụp bằng điện thoại. Có thể là một đoạn phim quay trực tiếp. Peter nằm trên phiến đá, vết mổ dài đầu tiên. Cuộc đời Susan thay đổi, một cách rõ ràng, đúng vào lúc nửa đêm. Cô ấy vô vọng với vụ tắc đường. Điện thoại di động trong tay cô ấy đột nhiên trở nên khủng khiếp và nổi loạn. Cô ấy ném nó ra ngoài cửa sổ xe. Theo sau nó là chiếc USB, vốn là biểu tượng cho tất cả rắc rối của cô ấy. Cả hai thứ vẫn còn nằm đó, trong thùng rác bên lề đường I-95. Không giải thích thêm.”

Không ai nói gì.

Tôi nói, “Có lẽ ở dải phân cách làn xe. Susan sẽ chọn làn cho xe vượt một cách vô thức, bởi khi đó cô ấy đang vội. Ta đã có thể dò vị trí chiếc điện thoại di động, nhưng tôi nghĩ giờ thì quá muộn rồi. Pin sẽ hết sạch.”

Im lặng trong phòng. Cả một phút. Chỉ có tiếng rầm rì và tiếng bíp bíp của thiết bị y tế.

Sansom nói, “Thế thật điên rồ. Mẹ con nhà Hoth đã phải biết rằng chúng đang mất quyền kiểm soát chiếc USB ngay khi chúng gửi bức ảnh qua điện thoại. Chúng đang từ bỏ công cụ gây áp lực của mình. Đáng lẽ Susan có thể lái xe thẳng tới đồn cảnh sát.”

“Hai câu trả lời,” tôi nói. “Mẹ con nhà Hoth đã điên rồ, theo một kiểu thì như vậy. Chúng là những kẻ theo trào lưu chính thống. Chúng có thể diễn vai của mình trước công chúng, song ẩn dưới đó thì với chúng hoàn toàn là đen hoặc trắng rõ ràng. Không lẫn lộn. Đe dọa là đe dọa. Nửa đêm là nửa đêm. Nhưng dù sao rủi ro với chúng cũng rất nhỏ. Chúng có một tên bám theo Susan suốt cả chặng đường. Hắn có thể ngăn chặn cô ấy đi báo tin.”

“Kẻ nào?”

“Tên thứ hai mươi. Tôi không nghĩ rằng đến Washington là một sai sót của chúng. Không phải chúng lỡ chuyến bay chuyển tiếp ở Istanbul. Đó là thay đổi kế hoạch vào phút chót. Chúng đột nhiên nhận thấy rằng với một việc như thế này chúng cần một tên ở khu Washington. Hoặc nhiều khả năng hơn là bên kia sông, ở một trong các khu tập thể của Lầu Năm Góc. Thế nên tên thứ hai mươi đi thẳng tới đó. Rồi hắn bám theo Susan suốt chặng đường tới đây. Sau năm hoặc mười xe, như các ông làm. Mọi chuyện suôn sẻ, cho tới khi đường tắc. Cách năm hoặc mười xe trong một vụ tắc đường thì cũng tệ như tụt lại cả dặm. Tất cả bị quây kín, có lẽ một chiếc xe thể thao lớn chặn phía trước, chắn tầm nhìn. Hắn không thấy chuyện gì xảy ra. Nhưng hắn vẫn bám theo cô ấy. Hắn đã ở trên tàu, mặc áo phong NBA. Tôi nghĩ hắn trông quen quen, khi tôi lại chạm mặt hắn. Nhưng tôi không thể khẳng định điều đó bởi tôi đã bắn vào mặt hắn chỉ sau đó một phần tích tắc. Hắn be bét hết cả.”

Lại im lặng nữa. Rồi Sansom hỏi, “Vậy Susan đã ở đâu lúc nửa đêm?”

Tôi nói, “Ông suy luận ra đi. Thời gian, cự ly, tốc độ trung bình. Hãy lấy một tấm bản đồ, thước kẻ, giấy và bút chì.”

Jacob Mark từ Jersey tới. Anh bắt đầu nói về các cảnh sát tuần tra đường cao tốc anh biết, về chuyện các cảnh sát tuần tra đường cao tốc có thể hỗ trợ ra sao. Họ tuần tra đường I-95 cả ngày lẫn đêm. Họ thuộc nó như lòng bàn tay. Họ có camera giao thông. Những hình ảnh ghi lại của họ có thể đảm bảo tính chính xác cho tính toán trên giấy. Cơ quan quản lý đường cao tốc sẽ hợp tác. Mọi người nói chuyện sôi nổi. Họ chẳng để tâm gì tới tôi. Tôi nằm xuống gối và tất cả họ bắt đầu đi ra ngoài. Người ra sau cùng là Springfield. Anh ta dừng lại ở ngưỡng cửa, quay lại hỏi, “Ông cảm thấy thế nào về Lila Hoth?”

Tôi nói, “Tôi thấy ổn.”

“Thật sao? Tôi thì sẽ không. Ông suýt bị hai phụ nữ xơi tái. Đó là việc làm không cẩn thận. Với những chuyện như vậy, ông nên hoặc thực hiện cho đúng hoặc không làm tí gì.”

“Tôi không có nhiều đạn.”

“Ông có ba mươi viên. Lẽ ra ông nên dùng chế độ bắn từng viên. Những loạt bắn ba viên liên quan đến sự giận dữ. Ông đã để cảm xúc chi phối. Tôi đã cảnh báo ông về chuyện đó rồi.”

Anh ta nhìn tôi cả một giây, gương mặt không biểu lộ gì. Rồi anh ta bước ra hành lang và tôi không bao giờ trông thấy Springfield nữa.

Hai giờ sau Theresa Lee trở lại. Cô cầm theo một túi dùng khi mua sắm. Lee bảo tôi rằng bệnh viện muốn sử dụng giường nên NYPD sẽ đưa tôi vào một khách sạn. Cô đã mua quần áo cho tôi. Cô cho tôi xem. Giày, tất, quần jean, quần đùi lót, sơ mi, tất cả hết như những món mà người của phòng cấp cứu đã đốt bỏ. Đôi giày, tất, quần jean và quần lót đều đẹp. Chiếc sơ mi thì kỳ lạ. Nó làm bằng chất cô tông xơ mềm, trắng. Nếu soi bằng kính hiển vi thì nó gần như chất lông. Nó chặt, là loại dài tay. Có ba cúc ở cổ.

Trông giống như áo ba lỗ đã lỗi một. Mặc vào là tôi trông giống như ông nội mình đây. Hoặc như một thợ đào vàng ở California hồi năm 1849.

“Cảm ơn em,” tôi nói.

Lee bảo tôi rằng những người khác đang đánh vật với trò tính toán. Cô bảo rằng họ đang tranh luận về tuyến đường Susan sử dụng để đi từ Turnpike tới đường hầm Holland. Người dân địa phương sử dụng đường tắt xuyên qua các phố trên mặt đất mà nếu dựa trên các biển chỉ đường thì có vẻ là sai.

Tôi nói, “Susan không phải người địa phương.”

Lee đồng ý. Cô có cảm nhận rằng Susan sẽ dùng tuyến đường được chỉ dẫn rõ ràng.

Rồi cô nói, “Họ sẽ không tìm được bức ảnh, anh biết đấy.”

Tôi nói, “Em nghĩ thế hả?”

“Ồ, họ sẽ tìm thấy chiếc USB, cái đó thì chắc rồi. Nhưng họ sẽ nói rằng không thể đọc được dữ liệu của nó, hoặc nó đã bị xe chèn, hỏng hay vỡ nát, hoặc rớt cuộc trong đó chẳng có gì xấu xa cả.”

Tôi không trả lời.

“Tin điều ấy đi,” Lee nói. “Em biết các chính trị gia, và em biết chính phủ.”

Rồi cô hỏi, “Anh cảm thấy thế nào về Lila Hoth?”

Tôi nói, “Nói chung lại thì anh thấy ân hận về phương pháp đã áp dụng lúc trên tàu. Với Susan. Anh ước gì anh đã cho cô ấy thêm vài ga nữa.”

“Em sai. Cô ấy không thể vượt qua nỗi chuyện ấy.”

“Ngược lại,” tôi nói. “Trong xe cô ấy có một chiếc tất chứ?”

Lee nghĩ về những thứ FBI đã thu giữ. Gật đầu.

“Sạch phải không?” tôi hỏi.

“Vâng,” cô đáp.

“Vậy thì hãy nghĩ về lúc Susan bắt đầu chuyển đi. Cô ấy đang trải qua một cơn ác mộng. Nhưng cô ấy không biết chính xác nó tệ hại đến cỡ nào. Cô ấy không thể tin nổi rằng nó tệ như cô ấy đã nghĩ ngờ. Có lẽ tất cả là một trò đùa ác hay mối đe dọa không có thật. Hay một cú lừa. Nhưng cô ấy không chắc. Cô ấy mặc những đồ cô ấy mặc khi đi làm. Quần đen, áo cánh trắng. Cô ấy đang hướng về một tình huống không rõ ràng trong một thành phố tệ hại to lớn xấu xa. Bản thân cô ấy là phụ nữ, sống ở Virginia, đã phục vụ quân đội nhiều năm. Vậy nên cô ấy mang theo súng. Có lẽ nó vẫn còn quấn trong chiếc tất, như cô ấy đã cất nó trong ngăn kéo. Cô ấy bỏ nó vào túi. Cô ấy ra khỏi nhà. Cô ấy kẹt trong đám tắc đường. Cô ấy gọi điện. Có khi nhà Hoth gọi cô. Chúng sẽ không lắng nghe. Chúng cuồng tín và là người nước ngoài. Chúng sẽ không hiểu. Chúng nghĩ sự cố tắc đường là chuyện không thể thông cảm được.”

“Rồi cô ấy nhận được thông điệp lúc nửa đêm.”

“Và cô ấy thay đổi. Vấn đề là cô ấy có *thời gian* để thay đổi. Cô ấy mắc kẹt trong đám tắc đường. Cô ấy không thể thoát ra. Cô ấy không thể đến gặp cảnh sát. Cô ấy không thể lao xe vào một buồng điện thoại với tốc độ chín mươi dặm một giờ. Cô ấy đã mắc kẹt. Cô ấy phải ngồi đó mà suy nghĩ. Không lối nào khác. Và cô ấy đi tới một quyết định. Cô ấy sẽ trả thù cho con trai mình. Cô ấy vạch ra kế hoạch. Cô ấy lấy khẩu súng khỏi chiếc tất. Chầm chậm nhìn nó. Cô nhìn thấy chiếc áo khoác cũ màu đen ném ở ghế sau. Có khi nó đã nằm ở đó từ mùa đông. Cô ấy muốn đồ tối màu. Cô ấy mặc nó vào. Rốt cuộc dòng xe cũng di chuyển. Cô tiếp tục lái xe tới New York.”

“Còn về bản danh sách?”

“Cô ấy là người bình thường. Có khi chuẩn bị để giết một kẻ khác cũng tạo ra những cảm xúc hết như đang chuẩn bị để giết bản thân mình. Đó là việc cô ấy đang làm. Cô ấy đang leo lên lưng cọp. Nhưng cô ấy vẫn chưa thực sự lên tới đó. Anh đã chen ngang vào việc của cô ấy quá sớm. Thế nên cô ấy bỏ cuộc. Cô ấy tìm đường khác để thoát ra. Có lẽ tàu tới phố 59 thì cô ấy mới sẵn sàng.”

“Cô ấy không tham gia trận đấu đó vẫn tốt hơn.”

“Có lẽ đánh thì cô ấy thắng rồi. Lila mong chờ cô ấy lấy ra thứ gì đó từ túi áo hoặc túi xách của cô ấy. Sẽ có một thứ gây ngạc nhiên.”

“Cô ấy có một khẩu súng lục. Bọn chúng có tới hai mươi hai người.”

Tôi gật đầu. “Chắc chắn cô ấy sẽ chết. Nhưng có thể cô ấy được chết một cách toại nguyện.”

Một ngày sau Theresa Lee trở lại khách sạn thăm tôi. Cô bảo tôi rằng Sansom đã khoanh vùng một khu có thể là mục tiêu dài chừng nửa dặm, cơ quan quản lý đường cao tốc bang Jersey đã cách ly khu vực này bằng các thùng màu cam. Sau khi tìm kiếm ba giờ, họ thấy điện thoại di động của Susan. Một giây sau, cách đó hơn một mét, họ tìm thấy chiếc USB.

Nó đã bị xe chèn qua. Nó đã nát bét. Không thể đọc được.

Hôm sau tôi rời New York. Tôi đi về phía Nam. Suốt hai tuần sau đó tôi bị ám ảnh bởi những gì có thể đã xuất hiện trong bức ảnh ấy. Tôi nghĩ ra đủ loại phỏng đoán, một số liên quan tới những vi phạm luật lệ Hồi giáo về mặt kỹ thuật, một số liên quan tới loài vật đã được thuần hóa. Đan xen với những cảnh tượng đày đọa khiếp từ căn lều ở thung lũng Korengal là hình ảnh cú đánh vào mặt Lila Hoth cứ lặp đi lặp lại không ngừng. Cú



đánh thẳng bằng tay trái, tiếng vỡ của xương và sụn dưới nắm đấm của tôi. Dung nhan bị hủy hoại. Cảnh tượng ấy liên tục lặp lại trong óc tôi. Tôi không biết vì sao. Tôi chỉ đâm cô ta bằng dao và sau đó tôi bóp cổ cô ta, hầu như tôi chẳng thể nhớ nổi những hành động ấy. Có lẽ đánh phụ nữ là đi ngược với các giá trị trong tiềm thức của tôi. Đó là điều hoàn toàn phi logic.

Nhưng rốt cuộc những hình ảnh đó nhạt nhòa dần, tôi trở nên chán cái việc tưởng tượng cảnh Osama bin Laden giỏi điều khiển đám dê của gã. Qua một tháng tôi đã quên tất cả. Vết thương của tôi đã lành, vết sẹo mỏng và trắng. Các đường khâu gọn và nhỏ xíu. Phần cơ thể dưới của tôi giống như minh họa trong sách giáo khoa: chỗ này là cách nên thực hiện theo, chỗ kia là cách không nên thực hiện. Nhưng tôi không bao giờ quên những đường khâu xuất hiện sớm hơn, vụng về hơn đã cứu mạng mình. Nhân nào quả ấy. Một kết quả có lợi, từ vụ chiếc xe bom ở Beirut, được lên kế hoạch, trả tiền và lái tới đó bởi những kẻ người ta không biết.

---

[1] 1 dặm xấp xỉ 1,6 km.

[2] Michael R. Bloomberg, thị trưởng hiện nay của New York, là một người sáng lập và sở hữu 88% cổ phần của công ty Bloomberg L.P. Ông tự mô tả mình là một hành khách thường xuyên của tàu điện ngầm New York.

[3] National Basketball Association: Hiệp hội bóng rổ quốc gia Mỹ.

[4] Chuỗi cửa hàng bán lẻ đồ điện tử, điện thoại, máy tính... rất phổ biến ở Mỹ.

[5] Xấp xỉ 2,54 cm. Một phần tám inch bằng khoảng 0,3 cm.

[6] New York Police Department: Sở Cảnh sát thành phố New York.

[7] Special Weapons & Tactics: Đội Chiến thuật và Vũ khí Đặc biệt.

[8] Robert E. Lee (1807-1870), một tướng quân sự kiệt xuất của phe Liên bang thời Nội chiến Mỹ.

[9] Đề cập đến tranh cãi từ việc dịch kinh thánh từ tiếng Hebrew. Kinh thánh tiếng Hebrew dùng từ “almah”, có nghĩa là người phụ nữ thành niên. Sau này các học giả Do Thái dịch sang kinh Cựu

ước lại dùng từ “bethulah”, có nghĩa là trinh nữ. Do đó nếu dịch theo *Sách tiên tri Isalah* tiếng Hebrew gốc sang tiếng Anh thì Đức mẹ Maria là người phụ nữ thành niên, chứ không phải đồng trinh.

[10] Ngôn ngữ Do Thái.

[11] Một thủ tục khi bắt giữ người ở Mỹ.

[12] Một loại thẻ có giá trị như giấy chứng minh và giấy phép lao động, cấp cho công dân các nước tại Mỹ.

[13] Federal Bureau of Investigation: Cục Điều tra Liên bang Mỹ.

[14] Central Intelligence Agency: Cục Tình báo Trung ương Mỹ.

[15] Defense Intelligence Agency: Cục Tình báo Quân đội Mỹ.

[16] District of Columbia: Thủ đô Washington (phân biệt với bang Washington).

[17] Cự ly khoảng 21,2 km.

[18] Luật nhằm ngăn chặn và tiêu diệt chủ nghĩa khủng bố do Mỹ ban hành sau khi xảy ra sự kiện 11/9/2011. Những người phản đối cho rằng luật này trao cho chính phủ quá nhiều quyền trong việc theo dõi công dân.

[19] Non-commissioned officer: sĩ quan chưa phong hàm.

[20] Nghĩa: Công ty Đảm bảo và Chắc chắn.

[21] Chuỗi cửa hàng làm đại lý bán lẻ, cung cấp các dịch vụ như chuyển hàng, in ấn, sao chụp, xuất bản...

[22] Một trung tâm huấn luyện của quân đội Mỹ nằm ở bang Alabama.

[23] Tạm dịch: Cục Nhân lực, Bộ Tư lệnh bộ binh Mỹ.

[24] Một thành phố ở bang New York, nổi tiếng nhất với đại hội nhạc rock tổ chức vào giữa tháng 8/1969.

[25] Los Angeles Police Department: Sở Cảnh sát Los Angeles.

[26] Margaretha Geertruida (1876-1917): một vũ nữ và điệp viên nổi tiếng về mỹ nhân kế, bị Pháp xử bắn do làm gián điệp cho Đức trong Thế chiến Thứ nhất.

[27] Một căn cứ đóng ở Bắc Carolina.

- [28] Mã tổng đài kết nối các cuộc gọi, có thể nhiều khu vực sử dụng một mã tổng đài.
- [29] Jack-không tên đệm-Reacher.
- [30] Chuỗi khách sạn bình dân Mỹ.
- [31] Một loại đồ ăn nhanh, làm từ bánh mềm như bánh mì nướng rồi để nguội và kẹp nhân (tùy chọn).
- [32] Cơ quan An ninh Liên bang của Liên Xô (cũ).
- [33] National Security Agency: Cơ quan An ninh Liên bang Hoa Kỳ.
- [34] Một tạp chí kinh tế của Anh, nổi tiếng khắp thế giới.
- [35] Distinguished Service Medal: Huân chương Thành tích Đặc biệt, là huân chương cao quý nhất trao tặng cho quân nhân vì những hành động phục vụ đáng khen thưởng không liên quan đến tham gia chiến trận.
- [36] Distinguished Service Cross: Huân chương Chữ thập Anh dũng, cấp cao thứ nhì, được trao cho thành viên quân lực Hoa Kỳ do hành động gan dạ quên mình trong lúc chiến đấu với lực lượng địch có vũ trang.
- [37] Institutional memory: tập hợp các dữ kiện, khái niệm, kiến thức... mang tính tập thể do một nhóm người nắm giữ.
- [38] Sea, Air & Land Team: Lực lượng Hải cẩu, đội hành động đặc biệt của Hải quân Hoa Kỳ, hoạt động trên cạn, trên không và dưới mặt nước.
- [39] Đạo luật Lend-Lease do Tổng thống Mỹ Franklin Roosevelt ký tháng 3/1941, theo đó Mỹ cung cấp vũ khí, trang bị và nhiều loại vật chất cho khối Đồng minh trong Thế chiến thứ hai với danh nghĩa cho vay, cho thuê.
- [40] Từ đồng âm: Gorilla (đười ươi) và guerilla (du kích).
- [41] Thức ăn Trung Quốc sử dụng nhiều bột ngọt, có một thời gian được cho là nguyên nhân gây ra hội chứng “Chinese restaurant syndrom”, một kiểu dị ứng với bột ngọt.
- [42] “Đi giày của người khác” còn hàm ý “đặt mình vào hoàn cảnh của người khác”.
- [43] Lời cảnh báo được cảnh sát thông báo cho nghi phạm hình sự ngay khi bị bắt giữ hoặc trong tình trạng bị giam giữ: “Anh có quyền giữ im lặng. Bất cứ điều gì anh nói có thể và sẽ được sử dụng để chống lại anh trước tòa án. Anh có quyền nói chuyện với luật sư, và có luật sư hiện diện

trong quá trình xét hỏi. Nếu anh không thể thuê luật sư, anh vẫn sẽ được cung cấp một luật sư bằng nguồn tài chính của chính phủ.”

[44] Tên nhân vật là Reacher, “reach” nghĩa là tầm tay, tầm với.

[45] CSI: Crime Scene Investigation.